

ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

(ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

(ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2006

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Đại tá PHẠM QUANG ĐỊNH
Đại tá PHẠM BÁ TOÀN
Thượng tá NGUYỄN ĐỨC HÙNG

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đại tá, nhà văn HOÀNG ĐỨC NHUẬN
Thượng tá, Th.S TRẦN THANH CHUYỀN
Thượng tá, Th.S ĐẬU XUÂN LUẬN
Thiếu tá, Th.S ĐẶNG QUỐC THÀNH
Thiếu tá, Th.S LÊ VĂN NAM
Thiếu tá, Th.S NGUYỄN ĐÌNH THIỆN

BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X



Đồng chí
NÔNG ĐỨC MẠNH



Đồng chí
LÊ HỒNG ANH



Đồng chí
NGUYỄN TẤN DŨNG



Đồng chí
NGUYỄN MINH TRIẾT



Đồng chí
TRƯƠNG TẤN SANG



Đồng chí
NGUYỄN PHÚ TRỌNG



Đồng chí
PHẠM GIA KHIÊM



Đồng chí
PHÙNG QUANG THANH



Đồng chí
TRƯƠNG VĨNH TRỌNG



Đồng chí
LÊ THANH HẢI



Đồng chí
NGUYỄN SINH HÙNG



Đồng chí
NGUYỄN VĂN CHI



Đồng chí
HỒ ĐỨC VIỆT



Đồng chí
PHẠM QUANG NGHỊ

"... Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...".

(Trích *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

LỜI NÓI ĐẦU

Sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, từ ngày 18 đến ngày 25 tháng 4 năm 2006, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ X với chủ đề: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày tại Đại hội X của Đảng khẳng định: "Nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo trong hoạt động của Đảng"[1]. Điều đó chứng tỏ thông qua thực tiễn Đảng ta đã và đang tiếp tục khẳng định những di sản tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh về chính đảng của giai cấp vô sản vẫn là những nguyên lý cơ bản để xây dựng Đảng Cộng sản thành một đảng cách mạng chân chính, một đảng cầm quyền, làm nhiệm vụ tiên phong trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Hồ Chí Minh khẳng định: Chính quyền cách mạng là công cụ của nhân dân nên phải làm cho "tất cả quyền lực của Nhà nước đều thuộc về tay nhân dân". Để đạt mục tiêu ấy, Đảng phải trở thành đảng cầm quyền. Khi trở thành đảng cầm quyền, Đảng đứng trước vấn đề mới: làm thế nào để quyền lực không tha hóa Đảng, không làm biến chất đảng viên. Hồ Chí Minh cho rằng đó là thử thách cực kỳ to lớn.

Quán triệt và vận dụng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng và xây dựng đảng, từ khi được thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong công cuộc đổi mới đất nước, mặc dù gặp muôn

---

1. Báo Nhân dân số ra ngày 19 tháng 4 năm 2006.

vàn khó khăn trở ngại nhưng Đảng đã vững lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua mọi bão dông, vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Qua đấu tranh cách mạng và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những người cộng sản Việt Nam luôn đi đầu trong nhận thức và hành động. Biết bao chiến sĩ cộng sản đã kiên trung, dũng cảm, thông minh, sáng tạo đóng góp to lớn cho cách mạng, làm rạng danh Đảng, được nhân dân hết lòng ca ngợi. Song bên cạnh đó, ý thức trách nhiệm, sự tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu vươn lên của một bộ phận đảng viên còn nhiều hạn chế. Trong cuộc chiến đấu chống lại tác động tiêu cực của cơ chế thị trường với những cám dỗ vật chất và quyền lực không ít đảng viên đã lãng quên, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, mất dần dũng khí, rơi vào sai phạm với mức độ khác nhau... Vì vậy, đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng đang đặt ra như một vấn đề hết sức bức xúc trong giai đoạn hiện nay.

Để giúp bạn đọc có thêm điều kiện thuận lợi trong việc nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng và vấn đề vận dụng những quan điểm đó thực hiện đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tổ chức bản thảo và xuất bản cuốn sách ***"Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X)".***

Trong quá trình tổ chức bản thảo, trên cơ sở quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương lãnh đạo của Đảng, chúng tôi đã kế thừa, chọn lọc, lược trích kết quả các công trình nghiên cứu, bài viết của các nhà khoa học, tổng kết của các ngành và địa phương; các đề tài khoa học đã được công bố trong những năm gần đây.

Mặc dù đã nỗ lực cố gắng trong quá trình nghiên cứu, tổ chức bản thảo, song cuốn sách không tránh khỏi những khiếm khuyết, mong bạn đọc góp ý kiến, phê bình. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xin chân thành cám ơn các cơ quan, tổ chức; các nhà khoa học đã nhiệt tình giúp đỡ để cuốn sách được xuất bản.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Phần thứ nhất

HỌC THUYẾT CỦA MÁC - LÊNIN VỀ ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG

A.
TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN*

Một bóng ma đang ám ảnh châu Âu: bóng ma chủ nghĩa cộng sản. Tất cả những thế lực của châu Âu cũ: Giáo hoàng và Nga hoàng, Met-tec-ních và Ghi-dô, bọn cấp tiến Pháp và bọn mật thám Đức, đều đã liên hợp lại thành một Liên minh thần thánh để trừ khử bóng ma đó.

Có phái đối lập nào mà lại không bị bọn thù địch của mình đang nắm chính quyền buộc cho là cộng sản? Có phái đối lập nào đến lượt mình lại không ném trả lại cho bọn thù địch của mình thuộc phái tả hay phái hữu cái lời buộc tội nhục nhã là cộng sản?

Từ sự thật đó có thể rút ra hai kết luận:

1. Chủ nghĩa cộng sản đã được tất cả các thế lực châu Âu thừa nhận là một thế lực;

2. Hiện nay đã đến lúc những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình; và phải có một Tuyên ngôn của Đảng mình để đập lại câu chuyện hư truyền về bóng ma cộng sản.

Vì mục đích đó, những người cộng sản thuộc các dân tộc khác nhau đã họp ở Luân-đôn và thảo ra bản Tuyên ngôn này, công bố bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Phơ-la-măng và tiếng Đan Mạch.

---

* C.Mác - Ph.Ăngghen, *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Sự thật, H. 1962, tr. 17-68.

I. TƯ SẢN VÀ VÔ SẢN

Lịch sử tất cả các xã hội cho đến ngày nay[1] *chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp.*

Người tự do và người nô lệ, quý tộc và bình dân, chúa đất và nông nô, trùm phường và thợ bạn, nói tóm lại, những kẻ áp bức và những người bị áp bức, luôn luôn đối lập với nhau, đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng, lúc công khai, lúc ngấm ngầm, một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cải tạo cách mạng toàn bộ xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của cả giai cấp đấu tranh với nhau.

Trong những thời đại lịch sử đầu tiên, hầu khắp mọi nơi, chúng ta đều thấy một tổ chức xã hội hoàn toàn chia thành những đẳng cấp khác nhau, một cái thang chia thành từng bậc những địa vị xã hội. Thời La Mã cổ đại, chúng ta thấy có quý tộc, hiệp sĩ, bình dân, nô lệ; thời trung cổ thì có lãnh chúa phong kiến, chư hầu, thợ cả, thợ bạn, nông nô, và hơn nữa, hầu như trong mỗi giai cấp ấy, lại có những thứ bậc riêng biệt nữa.

Xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong, không xóa bỏ những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh xưa kia mà thôi.

Tuy nhiên, tính chất đặc biệt của thời đại chúng ta, của thời đại giai cấp tư sản, là đã làm đơn giản những đối kháng giai cấp.

---

1. Hay nói cho đúng hơn: lịch sử thành văn. Năm 1847, hầu như không ai biết được thời tiền sử tổ chức xã hội có trước mọi lịch sử thành văn. Về sau, Hac-thau-xen đã phát hiện ra chế độ công hữu ruộng đất ở Nga. Mau-re đã chứng minh rằng chế độ công hữu ruộng đất đó là cơ sở xã hội dùng làm điểm xuất phát cho sự phát triển lịch sử của tất cả các bộ lạc Đức, và dần dần người ta tìm ra rằng công xã nông thôn với chế độ sở hữu tập thể đất đai là hình thức nguyên thủy của xã hội, từ Ấn Độ cho đến Ai-rơ-lan. Sau cùng, nhờ sự phát hiện có tính chất quyết định của Mooc-gan cho ta biết bản chất thật sự của "thị tộc" và địa vị của nó trong bộ lạc, thì cơ cấu của xã hội cộng sản nguyên thủy ấy đã được vạch rõ trên những nét điển hình của nó. Với sự tan rã của những công xã nguyên thủy ấy, xã hội bắt đầu chia thành những giai cấp khác nhau và cuối cùng thì đối lập với nhau. *(Chú thích của Ăngghen).*

Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Từ những nông nô thời trung cổ, đã sinh ra những thị dân các thành thị đầu tiên; từ đám cư dân thành thị này, nảy ra những phần tử đầu tiên của giai cấp tư sản.

Việc tìm ra châu Mỹ và đường biển vòng châu Phi đã đem lại một trường hoạt động mới cho giai cấp tư sản vừa nảy sinh. Những thị trường Đông Ấn Độ và Trung Hoa, việc biến châu Mỹ thành thuộc địa, việc buôn bán với thuộc địa, việc tăng thêm nhiều phương tiện trao đổi và nói chung, nhiều hàng hóa, đã đem đến cho thương nghiệp, cho nghề hàng hải, cho công nghiệp một sự phát đạt chưa từng có, và do đấy đã bảo đảm một sự phát triển mau chóng cho yếu tố cách mạng trong xã hội phong kiến đương tan rã.

Phương thức kinh doanh phong kiến hay phường hội trước kia không còn có thể thỏa mãn những nhu cầu luôn luôn tăng theo sự mở mang những thị trường mới. Công trường thủ công thay cho phương thức kinh doanh cũ ấy. Tầng lớp công nghiệp bậc trung thay cho bọn trùm phường; sự phân công giữa các phường hội khác nhau đã nhường chỗ cho sự phân công ngay trong xưởng thợ.

Nhưng, các thị trường cứ lớn lên mãi không ngừng, nhu cầu luôn luôn tăng lên. Ngay cả công trường thủ công cũng thành ra không đủ để thỏa mãn nhu cầu đó nữa. Lúc ấy, hơi nước và máy móc gây ra một cuộc cách mạng trong sản xuất công nghiệp. Đại công nghiệp hiện đại thay cho công trường thủ công; tầng lớp tư sản bậc trung, chủ các công trường thủ công, nhường chỗ cho bọn triệu phú công nghiệp, cho bọn chỉ huy những đạo quân công nghiệp thật sự, cho bọn tư sản hiện đại.

Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới, do việc tìm ra châu Mỹ đã chuẩn bị sẵn từ trước. Thị trường thế giới thúc đẩy thương nghiệp, nghề hàng hải, những phương tiện giao thông phát triển mau chóng lạ thường. Sự phát triển ấy lại tác động trở lại đến việc mở rộng công nghiệp; và công nghiệp, thương nghiệp, nghề hàng hải, đường sắt càng phát triển, thì giai cấp tư sản càng lớn lên, tăng những tư bản của họ lên gấp bội và đẩy lùi các giai cấp do thời trung cổ để lại, về phía sau.

Xem thế thì biết bản thân giai cấp tư sản cũng là sản vật của một quá trình phát triển lâu dài, của một loạt những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất và phương tiện giao thông.

Mỗi giai đoạn tiến hóa mà giai cấp tư sản trải qua, đều kèm theo một tiến bộ chính trị tương đương. Giai cấp tư sản là giai cấp bị chế độ độc tài phong kiến áp bức, là đoàn thể võ trang tự cai trị lấy trong công xã[1]*, ở chỗ này thì tổ chức thành cộng hòa thành thị độc lập, ở chỗ kia lại tổ chức thành đẳng cấp thứ ba phải nộp thuế và lao dịch trong chế độ quân chủ; rồi suốt trong thời kỳ công trường thủ công, giai cấp đó là đối lực của giai cấp quý tộc trong chế độ quân chủ phong kiến hay trong chế độ quân chủ chuyên chế, là cơ sở của những nước quân chủ lớn, cho nên, từ khi lập ra đại công nghiệp và thị trường thế giới thì giai cấp tư sản rốt cuộc đã độc chiếm chủ quyền chính trị trong nhà nước theo chế độ đại nghị hiện đại. Chính phủ hiện đại chỉ là một ủy ban quản lý những công việc chung của toàn thể giai cấp tư sản.*

Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò cách mạng phi thường trong lịch sử.

Bất cứ chỗ nào hễ chiếm được chính quyền là giai cấp tư sản đạp đổ những quan hệ phong kiến, gia trưởng và thuần phác. Tất cả những mối liên hệ, phức tạp và đủ màu sắc ràng buộc con người phong kiến "với những bề trên tự nhiên" của nó, giai cấp tư sản đều thẳng tay cắt đứt, không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác, ngoài mối lợi lạnh lùng, và lối "trả tiền ngay" không tình nghĩa. Giai cấp tư sản đã dìm những xúc động thiêng liêng của lòng sùng đạo, tinh thần hứng khởi nghĩa hiệp, mối thương cảm tiểu tư sản vào trong dòng nước giá ngắt của lối tính toán vị kỷ. Nó đã biến phẩm cách con người thành một giá trị trao đổi đơn thuần; nó đã đem tự do buôn bán độc nhất và tàn nhẫn thay cho nhiều tự do đã giành được bằng một giá rất đắt. Tóm lại, giai cấp tư sản đã đem một lối bóc lột công nhiên, vô sỉ, trực tiếp, tàn nhẫn thay cho lối bóc lột được che đậy bằng những ảo tưởng tôn giáo và chính trị.

---

1. Dân cư các thành thị ở Ý và ở Pháp một khi đã mua được hoặc giật được trong tay bọn chúa phong kiến của họ những quyền quản trị tự trị đầu tiên thì đều gọi các tổ chức thành thị của mình là công xã. *(Chú thích của Ăngghen).*

Giai cấp tư sản tước hết hào quang thần thánh của hết thảy những hoạt động mà xưa nay vẫn được trọng vọng và tôn sùng. Y sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học, thì giai cấp tư sản đều biến họ thành những người làm thuê cho mình cả.

Giai cấp tư sản đã xé toang bức màn thương cảm phủ lên những quan hệ gia đình, và biến những quan hệ ấy thành chỉ là những quan hệ tiền nong đơn thuần mà thôi.

Giai cấp tư sản đã vạch ra cho mọi người thấy biểu hiện tàn bạo của vũ lực trong thời trung cổ, mà phe phản động hết sức ca ngợi, đã tìm thấy bổ sung tự nhiên của nó trong bệnh lười chảy thây như thế nào. Chính giai cấp tư sản là giai cấp đầu tiên đã cho chúng ta thấy hoạt động của loài người có khả năng đến mức nào: nó đã tạo ra những kỳ quan khác hẳn những kim tự tháp Ai Cập, những cầu dẫn nước La Mã, những nhà thờ kiểu gô-tích; nó đã tiến hành những cuộc viễn chinh khác hẳn những cuộc xâm lược và những chiến tranh thập tự.

Giai cấp tư sản không thể tồn tại nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa hết thảy mọi quan hệ xã hội. Trái lại, đối với tất cả các giai cấp công nghiệp trước kia thì việc duy trì nguyên vẹn phương thức sản xuất cũ là điều kiện đầu tiên cho sự tồn tại của họ. Sự đảo lộn liên tiếp ấy trong sản xuất, sự rung chuyển không ngừng ấy của toàn bộ quan hệ xã hội, sự biến động và trạng thái không ổn định bất tuyệt ấy, là những điểm phân biệt thời đại tư sản với tất cả các thời đại trước. Tất cả những quan hệ xã hội cổ truyền và cứng đờ cùng với cả tràng quan niệm và tư tưởng cổ xưa được tôn sùng, đang tiêu tan; những quan hệ xã hội thay thế những quan hệ đó chưa kịp ngưng kết lại thì đã cũ mất rồi. Tất cả những cái gì là vững chắc, là lâu dài đều tiêu tan như mây khói, tất cả những cái gì là thiêng liêng đều bị nhơ bợn, và rốt cuộc mọi người buộc phải nhìn những điều kiện sinh hoạt của họ và những quan hệ giữa họ với nhau bằng con mắt tỉnh ngộ.

Vì luôn luôn cần có những nơi tiêu thụ mới cho hàng hóa, nên giai cấp tư sản đi xâm lấn khắp hoàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, khai thác khắp nơi và thiết lập quan hệ ở khắp nơi.

Do việc bóc lột thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sự sản xuất và sự tiêu dùng của tất cả các nước, đều có tính chất thế giới. Mặc cho bọn phản động đau buồn, nó đã tước cơ sở dân tộc của công nghiệp đi. Những công nghiệp dân tộc cũ đã bị tiêu diệt và vẫn đang mỗi ngày một bị tiêu diệt. Những công nghiệp đó bị những công nghiệp mới thay thế, việc du nhập những công nghiệp mới trở thành một vấn đề sinh tử đối với tất cả các nước văn minh; công nghiệp mới này không dùng những nguyên liệu bản xứ nữa, mà dùng những nguyên liệu từ những miền xa xôi nhất đem đến, và sản phẩm chế ra không những tiêu dùng ngay trong xứ mà còn tiêu dùng ở tất cả các nơi trên trái đất nữa. Những nhu cầu mới nảy ra, đòi hỏi được thỏa mãn bằng những sản phẩm từ những miền và xứ xa xôi nhất đưa về; những nhu cầu đó thay cho những nhu cầu cũ được thỏa mãn bằng những sản phẩm trong nước. Những mối quan hệ toàn diện, sự phụ thuộc toàn diện đối với nhau giữa các dân tộc, đang phát triển, thay thế cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và của các dân tộc vẫn tự cung tự cấp. Và sản xuất vật chất đã như thế, thì sản xuất tinh thần cũng không kém phần như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành sở hữu chung của tất cả các dân tộc. Tính chất hẹp hòi và phiến diện dân tộc, ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở một nền văn học chung của toàn thế giới.

Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những nước dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá sản phẩm rẻ của giai cấp ấy là những trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành và buộc những người dã man bài ngoại ương ngạnh nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải theo phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại nó tạo ra cho mình một thế giới theo hình ảnh của nó.

Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên lạ

thường so với dân số nông thôn, và do đó nó kéo một phần lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phụ thuộc vào thành thị, những nước dã man hay bán dã man phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây.

Giai cấp tư sản ngày càng xóa bỏ tình trạng phân tán của tư liệu sản xuất, của tài sản và của dân cư. Nó tụ tập dân cư, tập trung các tư liệu sản xuất, và tích tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung chính trị. Các khu vực độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh, và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan khác nhau, thì đã được tập hợp lại thành một dân tộc thống nhất, có một chính phủ ***thống nhất,*** *một luật pháp* ***thống nhất,*** *một lợi ích dân tộc* ***thống nhất,*** *có tính chất giai cấp và một thuế quan* ***thống nhất.***

Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại. Sự chinh phục những lực lượng thiên nhiên, những máy móc, việc áp dụng hóa học vào công nghiệp và nông nghiệp, việc dùng tàu thủy chạy bằng hơi nước, các đường sắt, các dây điện tín, việc khai phá toàn bộ từng lục địa, việc điều hòa sông ngòi, hàng đám dân cư tựa hồ từ dưới đất nảy lên, - có thế kỷ nào trước đây lại ngờ được rằng có những lực lượng sản xuất như thế vẫn tiềm tàng trong lòng lao động xã hội chăng?

Cho nên, chúng ta đã thấy rằng: những tư liệu sản xuất và trao đổi, tức là cơ sở cho giai cấp tư sản hình thành, đã được tạo ra từ trong lòng xã hội phong kiến. Những tư liệu sản xuất và trao đổi ấy phát triển tới một trình độ nhất định nào đó, thì những điều kiện mà trong đó xã hội phong kiến sản xuất và trao đổi, sự tổ chức nông nghiệp và công trường thủ công theo lối phong kiến, nói tóm lại chế độ sở hữu phong kiến, sẽ không còn phù hợp nữa với những lực lượng sản xuất đã phát triển. Những cái đó ngăn trở sản xuất chứ không làm cho sản xuất phát triển lên nữa. Bao

nhiêu những cái đó biến thành bấy nhiêu xiềng xích. Phải đập tan những xiềng xích ấy. Và quả nhiên người ta đã đập tan được[1].

Thay vào đó là sự cạnh tranh tự do, với một chế độ xã hội và chính trị thích ứng với sự cạnh tranh tự do ấy với sự thống trị về kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản.

Ngày nay, trước mắt chúng ta đang diễn ra một quá trình tương tự. Xã hội tư sản hiện đại, với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với chế độ sở hữu tư sản, đã từng tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi hết sức mạnh mẽ như thế, giờ đây giống như một tay phù thủy đã không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên. Từ hàng chục năm nay, lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại chế độ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản. Để chứng minh điều đó, chỉ cần nêu lên các cuộc khủng hoảng thương nghiệp, diễn đi diễn lại một cách chu kỳ và ngày càng đe dọa sự tồn tại của xã hội tư sản. Mỗi cuộc khủng hoảng đều phá hoại không những một số lớn sản phẩm đã được tạo ra, mà cả một phần lớn chính ngay những lực lượng sản xuất đã có nữa. Một nạn dịch, đương gieo tai họa cho xã hội, đó là nạn dịch sản xuất thừa - nạn dịch này, nếu ở một thời kỳ nào khác, thì hình như là một sự quái gở. Xã hội đột nhiên bị đẩy lùi về một trạng thái dã man nhất thời; dường như một nạn đói, một cuộc chiến tranh hủy diệt đã cắt đứt hết mọi tư liệu sinh hoạt của xã hội; công nghiệp và thương nghiệp hình như bị tiêu diệt. Vì sao thế? Vì xã hội quá thừa văn minh, có quá nhiều tư liệu sinh hoạt, quá nhiều công nghiệp, quá nhiều thương nghiệp. Lực lượng sản xuất, mà xã hội sẵn có, không giúp cho quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại nó đã thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, quan hệ sở hữu ấy lúc đó trở ngại cho sự phát triển của lực lượng sản xuất ấy; và mỗi khi lực lượng sản xuất xã hội thắng được trở lực ấy thì nó lại đẩy toàn thể xã hội tư sản rơi vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu

---

1. Ở Pháp và ở một phần lớn châu Âu thì đó là công cuộc của cách mạng Pháp và của các cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông (1789-1815). *(B.T.)*.

tư sản. Hệ thống tư sản đã trở thành quá chật hẹp, không đủ để chứa đựng những của cải tạo ra trong lòng nó nữa. - Giai cấp tư sản khắc phục những cuộc khủng hoảng ấy như thế nào? Một mặt, bằng cách dùng bạo lực để hủy bỏ một số lớn lực lượng sản xuất; mặt khác, bằng cách chinh phục những thị trường mới và bóc lột triệt để hơn nữa những thị trường cũ. Như thế thì đi đến đâu? Đi đến chỗ sửa soạn cho những cuộc khủng hoảng phổ biến hơn và ghê gớm hơn và giảm bớt những thủ đoạn ngăn ngừa những cuộc khủng hoảng ấy.

Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản.

Nhưng, giai cấp tư sản không những đã rèn vũ khí sẽ giết mình; nó còn sinh ra những người sử dụng vũ khí ấy, - những công nhân hiện đại, những ***người vô sản.***

Cùng với sự phát triển của giai cấp tư sản, tức là của tư bản, thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại cũng phát triển, họ chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản. Những công nhân ấy buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, họ là một món hàng hóa, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường.

Việc dùng máy móc ngày càng mở rộng và sự phân công làm cho lao động của công nhân mất hết tính chất độc lập, do đó đã làm cho họ mất hết hứng thú. Người sản xuất trở thành đơn thuần một vật phụ thuộc của máy móc, người ta chỉ đòi ở họ một công việc đơn giản nhất, buồn tẻ nhất, dễ học nhất mà thôi. Cho nên chi phí cho một công nhân rút lại, hầu như chỉ là số tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì đời sống của anh ta và để cho anh ta khỏi mất giống. Mà giá cả của lao động[1]*, cũng như giá cả mọi hàng hóa thì ngang với chi phí sản xuất của nó. Cho nên công việc càng trở nên*

---

1. Hay nói cho đúng hơn, như sau này Mác đã xác định, là "giá cả của sức lao động" (xem lời nói đầu của Ăngghen trong cuốn *Lao động làm công và Tư bản* của Mác). *(B.T.)*

ghê tởm thì tiền công càng hạ. Hơn nữa, cùng với sự phát triển của máy móc và của sự phân công, thì tổng số lao lực cũng tăng lên, hoặc là do tăng thêm giờ làm, hoặc là do tăng thêm lao động phải làm trong một thời gian nhất định, do cho máy chạy nhanh thêm...

Công nghiệp hiện đại đã biến xưởng thợ nhỏ của người chủ thủ công gia trưởng thành công xưởng lớn của chủ nghĩa tư bản công nghiệp. Quần chúng công nhân chồng chất nhau trong công xưởng, bị tổ chức theo lối quân sự. Là những người lính thường của công nghiệp, họ bị đặt dưới quyền giám sát của cả một hệ thống cấp bậc sĩ quan và hạ sĩ quan. Họ không những là nô lệ của giai cấp tư sản, của nhà nước tư sản, mà hàng ngày, hàng giờ còn là nô lệ của máy móc, của người đốc công và nhất là của chính người tư sản chủ công xưởng. Chế độ chuyên chế ấy càng công khai tuyên bố lợi nhuận là mục đích duy nhất của nó thì nó lại càng trở thành ty tiện, bỉ ổi, đáng căm ghét.

Lao động càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến, thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em. Những sự phân biệt già trẻ, trai gái không còn có ý nghĩa xã hội gì nữa đối với giai cấp công nhân. Tất cả đều là công cụ lao động, mà giá cả thì thay đổi tùy theo già trẻ và trai gái.

Một khi người thợ đã bị chủ xưởng bóc lột, và được trả tiền công rồi, thì anh ta lại trở thành miếng mồi cho những phần tử khác trong giai cấp tư sản: chủ nhà cho thuê, chủ hiệu bán lẻ, chủ hiệu cầm đồ...

Những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương và người thực lợi nhỏ, thợ thủ công và nông dân, tất cả tầng lớp dưới của giai cấp trung gian xưa kia, đều rơi xuống giai cấp vô sản; một phần vì số vốn ít ỏi của họ không cho phép họ dùng những phương pháp của đại công nghiệp, nên họ bị cạnh tranh của bọn tư bản lớn đánh bại; một phần vì sự khéo léo nhà nghề của họ bị những phương pháp sản xuất mới làm giảm giá trị đi. Thành thử giai cấp vô sản được tuyển mộ trong tất cả các giai cấp trong dân cư.

Giai cấp vô sản trải qua nhiều giai đoạn tiến triển khác nhau. Cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ lúc họ mới ra đời.

Cuộc đấu tranh được tiến hành trước hết là do những công nhân cá biệt, kế đến là do những công nhân cùng một công xưởng, và sau chót là do những công nhân cùng một ngành công nghiệp, cùng một địa phương chống lại người tư sản trực tiếp bóc lột họ. Không phải họ chỉ đả kích vào quan hệ sản xuất tư bản, họ còn đả kích ngay cả vào công cụ sản xuất nữa; họ phá hủy hàng ngoại hóa cạnh tranh với họ, đập tan máy móc, đốt các công xưởng và ra sức giành lại địa vị đã mất của người thợ thủ công thời trung cổ.

Trong giai đoạn đó, vô sản còn là một đám quần chúng phân tán trong toàn quốc và bị cạnh tranh chia xé. Nếu có lúc công nhân hỗ trợ nhau bằng hành động có tính chất quần chúng, thì đó cũng chưa phải là kết quả sự liên hợp của chính họ, mà là kết quả sự liên hợp của giai cấp tư sản, vì muốn đạt những mục đích chính trị của nó, giai cấp này phải huy động toàn thể giai cấp vô sản và nó còn tạm thời có khả năng làm được việc ấy. Cho nên suốt trong giai đoạn này, những người vô sản chưa đánh kẻ thù của chính mình, mà đánh kẻ thù của kẻ thù mình, tức là những tàn tích của chế độ quân chủ chuyên chế, bọn địa chủ, bọn tư sản phi công nghiệp, bọn tiểu tư sản. Toàn bộ phong trào lịch sử như thế là tập trung vào tay giai cấp tư sản; bất cứ thắng lợi nào đạt được trong những điều kiện ấy cũng là một thắng lợi của giai cấp tư sản.

Nhưng sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; vô sản tăng thêm lực lượng và giác ngộ về lực lượng của mình hơn. Máy móc càng xóa bỏ mọi sự phân biệt trong lao động và càng rút tiền công hầu khắp mọi nơi xuống một mức thấp ngang nhau, thì lợi ích, điều kiện sinh hoạt của những người vô sản càng dần dần san bằng nhau. Vì bọn tư sản ngày càng cạnh tranh với nhau hơn và vì khủng hoảng thương mại do sự cạnh tranh ấy sinh ra, cho nên tiền công ngày càng trở nên bấp bênh: việc cải tiến máy móc không ngừng và ngày càng nhanh chóng hơn, làm cho tình cảnh của người công nhân ngày càng bấp bênh, những xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có thêm tính chất xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu liên hợp lại chống bọn tư sản để bảo vệ tiền công của mình. Họ đi cả tới chỗ lập thành những đoàn thể thường xuyên để chuẩn

bị trước cho những cuộc xung đột bất thần xảy ra. Đây đó, đấu tranh nổ thành bạo động.

Đôi khi công nhân thắng, nhưng đó là một thắng lợi tạm thời. Kết quả thật sự của những cuộc đấu tranh của họ là sự đoàn kết ngày càng mở rộng của những người lao động, hơn là sự thành công tức thời. Việc tăng thêm phương tiện giao thông do đại công nghiệp tạo ra giúp cho công nhân các địa phương tiếp xúc với nhau, đã làm cho sự đoàn kết ấy được dễ dàng. Mà sự tiếp xúc ấy cũng đủ để tập trung nhiều cuộc đấu tranh địa phương, đâu đâu cũng mang tính chất giống nhau, thành một cuộc đấu tranh toàn quốc, thành một cuộc đấu tranh giai cấp. Nhưng bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng đều là một cuộc đấu tranh chính trị và sự đoàn kết mà những thị dân thời trung cổ đã phải mất hàng thế kỷ mới xây dựng được bằng những con đường làng nhỏ hẹp của họ, thì những người vô sản hiện đại chỉ xây dựng trong một vài năm, nhờ có những đường sắt.

Sự tổ chức ấy của vô sản thành giai cấp và do đó thành chính đảng, luôn luôn bị phá hủy vì sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau. Nhưng nó luôn luôn được tái lập và luôn luôn mạnh hơn, vững chắc hơn, hùng hậu hơn. Nó lợi dụng những bất hòa trong nội bộ giai cấp tư sản, để buộc chúng phải thừa nhận bằng hình thức luật pháp một số quyền lợi của giai cấp công nhân: chẳng hạn như ***luật 10 giờ*** *ở Anh*[1]*.*

Nói chung, những xung đột xảy ra trong xã hội cũ đã giúp bằng nhiều cách cho giai cấp vô sản phát triển. Giai cấp tư sản sống trong một trạng thái đấu tranh không ngừng; trước hết chống quý tộc, rồi chống các bộ phận của ngay giai cấp tư sản mà quyền lợi xung đột với sự tiến bộ của công nghiệp và cuối cùng luôn luôn chống giai cấp tư sản của tất cả các nước ngoài. Trong hết thảy những cuộc đấu tranh ấy, giai cấp tư sản tự thấy buộc phải kêu gọi đến giai cấp vô sản, cầu họ giúp sức và do đó lôi cuốn họ vào phong trào chính trị. Thành ra giai cấp tư sản đã cung cấp cho vô sản những yếu tố tri thức[2] *của bản thân nó, nghĩa là những vũ khí chống lại bản thân giai cấp tư sản.*

---

1. Luật 10 giờ là đạo luật ra ngày 8 tháng 6 1847 ở Anh, quy định ngày làm việc 10 giờ, bắt đầu từ ngày 1 tháng 5 năm 1848. *(B.T.)*

2. Theo bản Anh văn năm 1888 thì dịch: *"tri thức chính trị và tri thức phổ thông"*. (Theo chú thích của ban biên tập bản dịch Trung văn 1949). *(B.T.)*.

Hơn nữa, như chúng ta vừa thấy, cả từng bộ phận của giai cấp thống trị vì sự tiến triển của công nghiệp mà bị đẩy vào hàng ngũ giai cấp vô sản, hay ít ra thì điều kiện sinh hoạt của họ cũng bị đe dọa. Những bộ phận ấy cũng đem lại cho giai cấp vô sản nhiều yếu tố tiến bộ.

Cuối cùng, giữa lúc đấu tranh giai cấp tiến gần đến giờ quyết định thì quá trình tan rã của giai cấp thống trị, của toàn bộ xã hội cũ, có một tính chất dữ dội và khốc liệt đến nỗi một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị tách ra và đi theo giai cấp cách mạng, đi theo giai cấp đang nắm tương lai trong tay mình. Cũng như xưa kia một bộ phận của quý tộc chạy sang giai cấp tư sản, thì ngày nay một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang giai cấp vô sản và nhất là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã tiến tới nhận thức được về mặt lý luận toàn bộ cuộc vận động lịch sử.

Trong tất cả các giai cấp hiện đang đương đầu với giai cấp tư sản, thì chỉ có giai cấp vô sản là một giai cấp thực sự cách mạng. Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong với sự phát triển của đại công nghiệp; giai cấp vô sản thì trái lại, là sản phẩm của bản thân đại công nghiệp.

Các giai cấp trung gian, tiểu chủ, tiểu thương, thợ thủ công, nông dân, tất cả đều đấu tranh chống giai cấp tư sản vì giai cấp này là một mối đe dọa cho sự sống còn của họ với tính cách là những giai cấp trung gian. Cho nên họ không có tính chất cách mạng, mà có tính chất bảo thủ; hơn thế, họ lại còn có tính chất phản động: họ tìm cách làm cho bánh xe lịch sử quay ngược trở lại. Nếu họ có thái độ cách mạng, thì cũng là vì họ có cơ sắp rơi xuống thành vô sản; lúc đó họ bảo vệ lợi ích tương lai của họ chứ không phải bảo vệ lợi ích hiện tại của họ; họ bỏ quan điểm của chính họ để tự đặt mình vào quan điểm của giai cấp vô sản.

Còn tầng lớp vô sản lưu manh, thứ cặn bã thụ động ấy của những tầng lớp thấp nhất của xã hội cũ, thì đây đó họ có thể được cách mạng vô sản lôi cuốn vào phong trào; nhưng điều kiện sinh hoạt của họ lại khiến họ sẵn sàng hơn để bán mình cho phe phản động.

Điều kiện sinh hoạt của xã hội cũ đã bị xóa bỏ trong điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản rồi. Người vô sản không có tài sản;

quan hệ giữa anh ta với vợ con không còn giống một chút nào những quan hệ gia đình tư sản; lao động công nghiệp hiện đại, tình trạng người công nhân làm nô lệ cho tư bản, ở Anh cũng như ở Pháp, ở Mỹ cũng như ở Đức, làm cho người vô sản mất hết mọi tính chất dân tộc. Luật pháp, đạo đức, tôn giáo, đối với người vô sản, đều là những thiên kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản.

Tất cả những giai cấp trước kia đã chiếm được chính quyền đều ra sức củng cố địa vị đã nắm được của họ, bằng cách bắt xã hội phục tùng những điều kiện bảo đảm cho phương thức chiếm hữu của chính họ[1]. Những người vô sản chỉ có thể chiếm được lực lượng sản xuất xã hội bằng cách xóa bỏ phương thức chiếm hữu hiện nay của chính mình và do đấy, xóa bỏ toàn bộ phương thức chiếm hữu đã tồn tại từ trước cho đến nay. Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả: họ phải phá hủy hết thảy những cái gì từ trước đến nay vẫn bảo đảm, giữ gìn tài sản tư hữu[2].

Tất cả những phong trào lịch sử từ trước đến nay đều là do thiểu số thực hiện hoặc mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của tuyệt đại đa số mưu lợi ích cho tuyệt đại đa số. Giai cấp vô sản, tầng lớp dưới của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên mà lại không làm nổ tung toàn bộ những tầng lớp bên trên cấu thành xã hội chính thức.

Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, dù về thực chất không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu vẫn mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên, giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã.

Trong khi phác ra những nét lớn về các giai đoạn của sự phát triển của giai cấp vô sản, chúng tôi đã vạch lại lịch sử cuộc nội chiến ít nhiều tiềm tàng, ngấm ngầm trong xã hội hiện nay cho đến lúc cuộc nội chiến ấy nổ bùng ra thành cách mạng công khai và đến lúc giai cấp vô sản xây dựng sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản.

---

1. Đoạn này dịch theo Trung văn và Nga văn. Pháp văn: *ensoumettant la société aux conditions qui leur assuraient leur revenu propre. (N.D.).*

2. Dịch theo Nga văn và Trung văn. Pháp văn: *toute garantie privée, tuote société privée anté rieure. (N.D.).*

Tất cả những xã hội trước kia, như chúng ta đã thấy, đều xây dựng trên sự đối kháng giữa giai cấp áp bức và giai cấp bị áp bức. Nhưng, muốn áp bức một giai cấp nào, thì ít ra phải có thể bảo đảm cho giai cấp ấy những điều kiện sinh hoạt khiến họ có thể sống được trong vòng nô lệ. Người nông nô, giữa thời phong kiến đang thịnh, đã đạt tới chỗ trở nên một thành viên của công xã, cũng như người bình dân[1] (Kleinburger) đã đạt tới địa vị người tư sản, dưới ách chuyên chế phong kiến. Người công nhân hiện đại, trái lại, đã không tiến lên được cùng với sự tiến bộ của công nghiệp, mà còn luôn luôn sa xuống thấp hơn, dưới cả những điều kiện sinh hoạt của chính giai cấp họ. Người lao động trở thành một người nghèo khổ và cảnh nghèo khổ còn tăng lên nhanh hơn là dân số và của cải. Như vậy, hiển nhiên là giai cấp tư sản không thể tiếp tục làm tròn vai trò giai cấp thống trị của mình và không thể bắt xã hội theo điều kiện sinh hoạt của giai cấp mình như một định luật tối cao được nữa. Nó không thể thống trị được nữa, vì nó không thể bảo đảm cho người nô lệ của nó ngay cả đến mức sinh hoạt nô lệ, vì nó đã buộc phải để người nô lệ ấy lâm vào tình trạng làm cho nó phải nuôi người nô lệ ấy, chứ không phải người nô lệ ấy nuôi nó nữa. Xã hội không thể sống dưới sự thống trị của giai cấp tư sản nữa, như thế tức là nói rằng sự tồn tại của giai cấp tư sản không còn thích hợp với sự tồn tại của xã hội nữa rồi.

Điều kiện căn bản của sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản là việc tích lũy của cải vào tay những tư nhân, là sự hình thành và tăng thêm tư bản; điều kiện tồn tại của tư bản là chế độ làm thuê. Chế độ làm thuê hoàn toàn dựa vào sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau. Nhưng sự tiến bộ của công nghiệp, mà giai cấp tư sản vô tình tạo ra và nó cũng không sao chống lại được, đem sự đoàn kết cách mạng của công nhân do liên hợp lại mà có, thay thế cho tình trạng phân tán của công nhân do cạnh tranh giữa họ gây nên. Như vậy là sự phát triển của đại công nghiệp đã phá đổ dưới chân giai cấp tư sản, chính ngay cái nền tảng mà trên đó giai cấp tư sản đã xây dựng lên chế độ sản xuất và chiếm hữu của nó. Trước hết, giai cấp tư sản tạo ra những người đào huyệt

---

1. Pháp văn: *roturier*. Trung văn và Nga văn: *người tiểu tư sản. (N.D.)*.

chôn chính ngay nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản cũng đều không thể tránh được.

II. VÔ SẢN VÀ CỘNG SẢN

Quan hệ[1] *giữa những người cộng sản với toàn thể những người vô sản như thế nào?*

Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác.

Họ không có lợi ích nào tách họ khỏi toàn thể giai cấp vô sản.

Họ không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt để hòng khuôn phong trào công nhân theo những nguyên tắc ấy.

Những người cộng sản chỉ khác với các đảng công nhân khác về hai điểm:

1. Trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ coi trọng và bảo vệ những lợi ích chung và không phân biệt dân tộc của toàn thể giai cấp vô sản.

2. Trong các giai đoạn đấu tranh khác nhau giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào.

Như vậy, về thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận lôi cuốn tất cả những bộ phận khác; về lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ họ có một nhận thức sáng suốt về điều kiện, bước tiến và kết quả chung của phong trào vô sản.

Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng giống như của tất cả các đảng công nhân là: đoàn kết những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền.

Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh ra hay tìm thấy.

---

1. Pháp văn: *position*. Trung văn và Nga văn: *quan hệ*. *(N.D.)*.

Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những điều kiện thực tại, của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một phong trào lịch sử tự nó đang diễn ra trước mắt chúng ta. Việc xóa bỏ những quan hệ sở hữu đã có từ trước đến nay không phải là đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản.

Chế độ sở hữu đã trải qua những thay đổi liên tiếp, những cải biến liên tiếp trong lịch sử.

Cách mạng Pháp, chẳng hạn, đã xóa bỏ chế độ sở hữu phong kiến, đem chế độ sở hữu tư sản thay thế vào.

Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng chế độ tư hữu hiện thời, chế độ sở hữu tư sản, lại là biểu hiện cuối cùng và hoàn bị nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu dựa trên những đối kháng giai cấp, trên sự bóc lột của những người này đối với những người khác.

Theo nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình trong công thức duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu.

Người ta trách những người cộng sản chúng tôi là muốn xóa bỏ sở hữu do mỗi người tự mình làm ra, do lao động của bản thân mà có, sở hữu mà người ta bảo là cơ sở của mọi tự do, mọi hoạt động và mọi sự độc lập của cá nhân.

Sở hữu cá nhân, kết quả của lao động và của công lao ư! Phải chăng người ta muốn nói đến cái hình thức sở hữu có trước sở hữu tư sản, tức là sở hữu của người tiểu tư sản, của người tiểu nông? Chúng tôi có cần gì phải xóa bỏ cái đó: sự tiến bộ của công nghiệp đã xóa và mỗi ngày đang tiếp tục xóa bỏ cái đó rồi.

Hay là người ta muốn nói đến chế độ tư hữu hiện thời, nói đến chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng thử hỏi lao động làm thuê, lao động của người vô sản, có tạo ra sở hữu cho người vô sản không? Tuyệt đối không. Nó tạo ra tư bản, tức là cái sở hữu bóc lột lao động làm thuê và sở hữu này chỉ có thể tăng thêm với điều kiện là sản xuất thêm ra mãi mãi lao động làm thuê để lại bóc lột lao động đó nữa. Trong hình thức hiện tại của nó, chế độ sở hữu vận động giữa hai cực đối lập: Tư bản và Lao động. Chúng ta hãy xét hai cực của đối lập ấy.

Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những điều kiện thực tại, của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một phong trào lịch sử tự nó đang diễn ra trước mắt chúng ta. Việc xóa bỏ những quan hệ sở hữu đã có từ trước đến nay không phải là đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản.

Chế độ sở hữu đã trải qua những thay đổi liên tiếp, những cải biến liên tiếp trong lịch sử.

Cách mạng Pháp, chẳng hạn, đã xóa bỏ chế độ sở hữu phong kiến, đem chế độ sở hữu tư sản thay thế vào.

Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng chế độ tư hữu hiện thời, chế độ sở hữu tư sản, lại là biểu hiện cuối cùng và hoàn bị nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu dựa trên những đối kháng giai cấp, trên sự bóc lột của những người này đối với những người khác.

Theo nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình trong công thức duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu.

Người ta trách những người cộng sản chúng tôi là muốn xóa bỏ sở hữu do mỗi người tự mình làm ra, do lao động của bản thân mà có, sở hữu mà người ta bảo là cơ sở của mọi tự do, mọi hoạt động và mọi sự độc lập của cá nhân.

Sở hữu cá nhân, kết quả của lao động và của công lao ư! Phải chăng người ta muốn nói đến cái hình thức sở hữu có trước sở hữu tư sản, tức là sở hữu của người tiểu tư sản, của người tiểu nông? Chúng tôi có cần gì phải xóa bỏ cái đó: sự tiến bộ của công nghiệp đã xóa và mỗi ngày đang tiếp tục xóa bỏ cái đó rồi.

Hay là người ta muốn nói đến chế độ tư hữu hiện thời, nói đến chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng thử hỏi lao động làm thuê, lao động của người vô sản, có tạo ra sở hữu cho người vô sản không? Tuyệt đối không. Nó tạo ra tư bản, tức là cái sở hữu bóc lột lao động làm thuê và sở hữu này chỉ có thể tăng thêm với điều kiện là sản xuất thêm ra mãi mãi lao động làm thuê để lại bóc lột lao động đó nữa. Trong hình thức hiện tại của nó, chế độ sở hữu vận động giữa hai cực đối lập: Tư bản và Lao động. Chúng ta hãy xét hai cực của đối lập ấy.

Là người tư bản, tức là không những chỉ chiếm một địa vị hoàn toàn cá nhân, mà còn chiếm một địa vị xã hội trong sản xuất. Tư bản là một sản phẩm tập thể: nó chỉ có thể vận động được là nhờ sự hoạt động chung của nhiều cá nhân và thậm chí, xét đến cùng, là nhờ sự hoạt động chung của tất cả các cá nhân, của toàn thể xã hội.

Vậy nên tư bản không phải là một lực lượng cá nhân; nó là một lực lượng xã hội.

Cho nên, nếu tư bản có biến thành sở hữu chung thuộc về tất cả mọi thành viên trong xã hội, thì đó không phải là một sở hữu cá nhân đổi thành sở hữu chung. Chỉ có tính chất xã hội của sở hữu là thay đổi mà thôi. Tính chất giai cấp của nó mất đi.

Bây giờ, hãy nói đến lao động làm thuê.

Giá cả trung bình của lao động làm thuê, đó là số tiền công tối thiểu, nghĩa là tổng số những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho công nhân sống với tính cách là công nhân. Cho nên cái mà người công nhân chiếm hữu được bằng lao lực của mình cũng chỉ vừa đủ để tái sản xuất ra đời sống đã bị hạ xuống đến mức thấp nhất mà thôi. Chúng tôi tuyệt không muốn xóa bỏ sự chiếm hữu cá nhân ấy về sản phẩm của lao động, cần thiết để tái sản xuất đời sống ngày mai, vì sự chiếm hữu ấy không để ra một thặng dư nào có thể đem lại một quyền lực đối với lao động của người khác. Điều chúng tôi muốn là xóa bỏ tính chất bi thảm của phương thức chiếm hữu ấy, tức là xóa bỏ tình trạng người công nhân chỉ sống để làm tăng thêm tư bản và chỉ sống trong chừng mực những lợi ích của giai cấp thống trị đòi hỏi.

Trong xã hội tư sản, lao động sống chỉ là một thủ đoạn để tăng thêm lao động đã được tích lũy. Trong xã hội cộng sản, lao động tích lũy chỉ là một thủ đoạn làm cho đời sống những người lao động được mở rộng, phong phú và đẹp đẽ thêm.

Như vậy là, trong xã hội tư sản, quá khứ chi phối hiện tại; còn trong xã hội cộng sản thì chính hiện tại chi phối quá khứ. Trong xã hội tư sản, tư bản có tính độc lập và cá tính, còn cá nhân đang lao động lại bị tước đoạt mất tính độc lập và cá tính.

Và chính việc xóa bỏ một tình trạng như thế, là việc mà gia cấp tư sản bêu rếu cho là xóa bỏ cá tính, xóa bỏ tự do! Mà cũng có lý

đấy. Vì quả thật là phải xóa bỏ cá tính, tính độc lập, tự do của tư sản.

Trong điều kiện hiện tại của sự sản xuất tư sản, thì tự do có nghĩa là tự do thương mại, tự do mua và bán.

Nhưng nếu buôn bán không còn, thì buôn bán tự do cũng không còn nữa. Vả lại, tất cả những danh từ rất kêu về tự do buôn bán, cũng như tất cả những luận điệu khoác lác về tự do của giai cấp tư sản của chúng ta, chỉ có một ý nghĩa khi đem đối chiếu với việc buôn bán bị cản trở, với người tư sản bị nô dịch thời trung cổ mà thôi; khi vấn đề đặt ra là chủ nghĩa cộng sản phải xóa bỏ thương mại, xóa bỏ chế độ sản xuất tư sản và xóa bỏ ngay cả giai cấp tư sản nữa, thì những danh từ và những luận điệu đó không còn ý nghĩa gì nữa.

Các ông hoảng lên vì chúng tôi muốn xóa bỏ chế độ tư hữu. Nhưng trong xã hội của các ông, chế độ tư hữu đã bị xóa bỏ đối với chín phần mười thành viên của xã hội rồi. Chính vì nó không tồn tại đối với số chín phần mười ấy, nên nó mới tồn tại đối với các ông. Vậy là các ông trách chúng tôi muốn xóa bỏ một hình thức sở hữu chỉ có thể tồn tại với điều kiện là tuyệt đại đa số bị tước mất hết mọi sở hữu.

Nói tóm lại, các ông buộc tội chúng tôi là muốn xóa bỏ sở hữu riêng của các ông. Quả thật, đó chính là điều chúng tôi muốn.

Khi mà lao động không còn có thể đổi thành tư bản, thành tiền bạc, thành địa tô, tóm lại, thành quyền lực xã hội có thể bị lũng đoạn được, nghĩa là khi mà sở hữu cá nhân không còn có thể biến thành sở hữu tư sản được nữa, thì các ông tuyên bố rằng cá nhân bị thủ tiêu.

Như vậy là các ông thú nhận rằng khi các ông nói đến cá nhân thì các ông chỉ muốn nói đến người tư sản, người tư hữu tư sản[1] *mà thôi. Mà cái cá nhân ấy, thì chắc chắn là cần phải thủ tiêu đi.*

Chủ nghĩa cộng sản không tước quyền chiếm hữu những sản phẩm xã hội của ai hết; chủ nghĩa cộng sản chỉ tước quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác.

---

1. Pháp văn: ... *du propriétaire;* Trung văn và Nga văn: *người tư hữu tư sản,* (tư sản giai cấp đích tư hữu giả). *(N.D.).*

Người ta còn cãi lại rằng xóa bỏ chế độ tư hữu thì mọi hoạt động sẽ ngừng, thì bệnh lười biếng phổ biến sẽ lan tràn khắp thế giới.

Nếu quả như vậy thì xã hội tư sản đã sụp đổ từ lâu trong cảnh ăn không ngồi rồi, vì trong xã hội ấy, những người có lao động thì không được hưởng, mà những kẻ được hưởng lại không lao động. Tất cả sự phản đối rút cục chỉ là cái ý lắp đi lắp lại này thôi: khi không còn có tư bản thì cũng không còn có lao động làm thuê nữa.

Những lời buộc tội nhằm phản đối phương thức cộng sản chủ nghĩa về sản xuất và chiếm hữu sản phẩm vật chất, cũng là nhằm phản đối sự sản xuất và sự chiếm hữu những sản phẩm về tinh thần. Nếu đối với người tư sản, sở hữu giai cấp mất đi có nghĩa là tất cả mọi sản xuất đều mất đi, thì văn hóa giai cấp mất đi, đối với họ, cũng có nghĩa là tất cả văn hóa đều mất đi.

Cái văn hóa mà người tư sản than khóc sợ bị tiêu diệt đó, thì đối với tuyệt đại đa số, chỉ là việc rèn luyện họ thành những cái máy mà thôi.

Nhưng ích gì mà gây chuyện với chúng tôi, nếu các ông lấy tiêu chuẩn những quan niệm tư sản của các ông về tự do, về văn hóa, về luật pháp, v.v... ra để áp dụng vào việc xóa bỏ sở hữu tư sản. Chính những tư tưởng của các ông cũng là con đẻ của chế độ sản xuất và sở hữu tư sản, cũng như pháp quyền của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật pháp, cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định.

Cái quan niệm thiên lệch khiến các ông nêu những quan hệ sản xuất và sở hữu của các ông - những quan hệ quá độ mà tiến trình sản xuất sẽ làm mất đi - lên thành những quy luật vĩnh cửu của tự nhiên và lý trí, quan niệm ấy, các ông cũng tán đồng cùng với tất cả các giai cấp thống trị hiện nay không còn nữa. Điều mà các ông thừa nhận đối với sở hữu thời cổ đại, điều mà các ông thừa nhận đối với sở hữu phong kiến, thì đối với sở hữu tư sản, các ông lại không còn có thể thừa nhận được nữa.

Xóa bỏ gia đình! Ngay những kẻ cấp tiến nhất cũng phẫn nộ về cái ý định xấu xa ấy của những người cộng sản.

Gia đình tư sản hiện nay dựa trên cơ sở nào? Dựa trên tư bản, trên lợi nhuận cá nhân. Hình thái gia đình phát triển đầy đủ thì chỉ tồn tại đối với giai cấp tư sản; nhưng nó lại kèm theo sự bắt buộc thủ tiêu mọi gia đình đối với người vô sản và kèm theo nạn mãi dâm công khai.

Gia đình tư sản dĩ nhiên sẽ tiêu tan cùng với cái kèm theo nó, và cả hai cái đó đều mất đi cùng với tư bản.

Phải chăng các ông trách chúng tôi là muốn xóa bỏ sự bóc lột của cha mẹ đối với con cái? Tội ác ấy, chúng tôi xin chịu.

Nhưng các ông lại bảo rằng chúng tôi đem giáo dục xã hội thay cho giáo dục gia đình, thế là chúng tôi đã đập tan mất mối liên hệ thân thiết nhất.

Thế thì việc giáo dục của các ông, chẳng phải cũng do xã hội quyết định là gì? Chẳng phải do điều kiện xã hội trong đó các ông nuôi con cái các ông, do sự can thiệp trực tiếp hay không trực tiếp của xã hội, do nhà trường... quyết định là gì? Người cộng sản không bịa đặt ra việc xã hội tác động vào giáo dục; họ chỉ thay đổi tính chất của sự tác động ấy và kéo giáo dục ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp thống trị mà thôi.

Đại công nghiệp càng phá hủy mọi liên hệ gia đình đối với người vô sản và càng biến các trẻ em thành ra chỉ là những món hàng mua bán, chỉ là những công cụ lao động, thì những lời huênh hoang của giai cấp tư sản về gia đình và giáo dục, về những mối liên hệ êm đềm gắn bó con cái với cha mẹ, lại càng trở thành ghê tởm.

Nhưng toàn thể giai cấp tư sản đều đồng thanh tru tréo lên rằng: "Bọn cộng sản các anh, các anh muốn thực hành chế độ cộng thê!".

Đối với người tư sản, vợ hắn chẳng qua chỉ là một công cụ sản xuất. Nghe nói các công cụ sản xuất phải để sử dụng chung, thì tự nhiên hắn kết luận rằng chính những người đàn bà rồi cũng phải chịu cái số phận chung của xã hội hóa.

Hắn không ngờ rằng vấn đề ở đây chính là kéo người đàn bà ra khỏi vai trò hiện nay của họ là: chỉ làm một công cụ sản xuất.

Vả lại, không có gì lố bịch bằng sự ghê tởm quá ư đạo đức mà những nhà tư sản của chúng ta đã tỏ ra đối với cái gọi là cộng thê chính thức mà tựa hồ những người cộng sản sẽ chủ trương. Những người cộng sản không cần phải du nhập chế độ cộng thê đâu: chế độ ấy hầu như luôn luôn vẫn có rồi.

Các ngài tư sản của chúng ta đã sẵn có vợ và con gái của những người vô sản, đó là chưa kể chế độ mãi dâm công khai, nhưng các ngài ấy vẫn chưa lấy làm vừa lòng, các ngài ấy còn cắm sừng lẫn nhau để làm một thú vui đặc biệt.

Hôn nhân của giai cấp tư sản thật ra là chế độ cộng thê. Quá lắm nữa thì người ta cũng chỉ có thể buộc cho những người cộng sản là muốn đem một chế độ cộng thê công khai và chính thức thay thế cho chế độ cộng thê che đậy một cách giả dối mà thôi. Nhưng với sự xóa bỏ chế độ sản xuất hiện tại, thì dĩ nhiên là chế độ cộng thê do chế độ sản xuất ấy mà ra, tức là chế độ mãi dâm chính thức và không chính thức, cũng sẽ biến đi.

Ngoài ra, người ta còn buộc tội những người cộng sản là muốn xóa bỏ Tổ quốc, xóa bỏ dân tộc.

Công nhân không có Tổ quốc. Người ta không thể cướp đoạt của họ cái mà họ không có. Vì trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành giai cấp thống trị trong dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, cho nên họ vẫn còn có tính chất dân tộc, tuy tiếng dân tộc này hoàn toàn không phải hiểu theo nghĩa tư sản.

Với sự phát triển của giai cấp tư sản, của sự tự do buôn bán, của thị trường thế giới, của sự nhất trí giữa sản xuất công nghiệp và những điều kiện sinh hoạt thích ứng với sản xuất ấy, thì ranh giới giữa các dân tộc và những đối kháng giữa nhân dân các nước cũng đang dần dần mất đi rồi.

Giai cấp vô sản nắm chính quyền sẽ càng làm cho những ranh giới và những đối kháng ấy mất đi. Hành động chung của giai cấp vô sản, ít ra là ở những nước văn minh, là một trong những điều kiện đầu tiên cho sự giải phóng của họ.

Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người, thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ.

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa, thì đồng thời quan hệ thù địch giữa các dân tộc cũng mất theo.

Còn những lời buộc tội chủ nghĩa cộng sản về phương diện tôn giáo, triết học và nói chung là về phương diện ý thức tư tưởng thì không đáng phải xét kỹ.

Có cần gì phải sáng suốt lắm mới hiểu được rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của người ta, tóm lại là ý thức của người ta, cũng đều thay đổi theo mọi thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của người ta.

Lịch sử tư tưởng chứng minh gì, nếu không phải là chứng minh rằng sự sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sự sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị.

Khi người ta nói đến những tư tưởng đang cách mạng cả một xã hội, là người ra chỉ nêu ra sự thật này, tức là: trong lòng xã hội cũ, đã hình thành những yếu tố của một xã hội mới và sự tan rã của những tư tưởng cũ đi đôi với sự tan rã của những điều kiện sinh hoạt cũ.

Khi thế giới cổ đại đương suy tàn thì những tôn giáo cũ bị đạo cơ đốc đánh bại. Vào thế kỷ XVIII, khi tư tưởng đạo cơ đốc nhường chỗ cho những tư tưởng tiến bộ, thì xã hội phong kiến đương giao chiến trận cuối cùng với giai cấp tư sản, lúc bấy giờ giai cấp này là giai cấp cách mạng. Những tư tưởng về tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo chẳng qua chỉ nói lên thời kỳ thống trị của cạnh tranh tự do trong lĩnh vực tri thức mà thôi.

Có người sẽ bảo: "Cố nhiên là những quan niệm tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền, v.v... đã biến đổi trong tiến trình phát triển lịch sử. Nhưng tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền, vẫn luôn luôn được duy trì qua những biến đổi ấy.

"Vả lại, còn có những chân lý vĩnh cửu như tự do, công lý, v.v... chung cho tất cả mọi chế độ xã hội. Thế mà chủ nghĩa cộng sản lại xóa bỏ chân lý vĩnh cửu, xóa bỏ tôn giáo và đạo đức chứ không

phải là đổi mới hình thức của những cái đó, làm như thế là trái ngược với tất cả sự phát triển lịch sử trước kia".

Lời buộc tội ấy rút cục là gì? Lịch sử mọi xã hội từ trước đến nay đều diễn ra trong những đối kháng giai cấp, những đối kháng ấy, tùy từng thời đại, mà mang những hình thức khác nhau.

Nhưng dù những đối kháng ấy mang hình thức nào đi nữa, thì việc một bộ phận này của xã hội đi bóc lột một bộ phận khác cũng vẫn là một hiện tượng chung cho tất cả các thế kỷ trước kia. Vậy thì, không lấy gì làm lạ nếu ý thức xã hội của mọi thế kỷ, mặc dầu biểu hiện ra hết sức phức tạp và muôn màu muôn vẻ, vẫn vận động trong một số hình thái chung nào đó, - những hình thái ý thức này chỉ hoàn toàn tiêu tan khi đối kháng giữa các giai cấp đã mất hẳn.

Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với chế độ sở hữu cổ truyền; không có gì là lạ nếu trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng cổ truyền.

Nhưng hãy xếp lại đó những lời của giai cấp tư sản phản đối chủ nghĩa cộng sản.

Như chúng ta đã thấy trên kia, giai đoạn thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản phải thành giai cấp thống trị, là phải giành lấy dân chủ.

Giai cấp vô sản sẽ dùng ưu thế chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản của giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị và để tăng số lượng những lực lượng sản xuất lên hết sức nhanh.

Cố nhiên, điều đó lúc đầu chỉ có thể thực hiện được bằng cách dùng bạo lực chuyên chế đối với quyền sở hữu và chế độ sản xuất tư sản, nghĩa là dùng những biện pháp mà về mặt kinh tế hình như thiếu sót và không vững, nhưng trong tiến trình cuộc vận động, những biện pháp ấy sẽ vượt quá phạm vi của bản thân mình và là thủ đoạn không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất.

Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều.

Nhưng, đối với những nước tiên tiến nhất, thì những biện pháp sau đây sẽ có thể được áp dụng khá phổ biến:

1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và lấy địa tô dùng vào sự chi tiêu của nhà nước.

2. Đánh thuế lũy tiến mức độ thật cao.

3. Xóa bỏ quyền thừa kế.

4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ trốn ra nước ngoài và của tất cả những kẻ phiến loạn.

5. Tập trung tín dụng vào tay nhà nước, bằng một ngân hàng quốc gia, vốn của ngân hàng này sẽ thuộc về nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.

6. Tập trung tất cả các phương tiện giao thông vào trong tay nhà nước.

7. Tăng thêm số công xưởng quốc dân và công cụ sản xuất; vỡ đất hoang và cải lương chất đất, theo một kế hoạch chung.

8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người; tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.

9. Kết hợp lao động nông nghiệp với lao động công nghiệp; thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự phân biệt giữa thành thị và nông thôn.

10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em; xóa bỏ việc dùng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sự sản xuất vật chất, v.v...

Khi những đối kháng giai cấp đã mất đi trong tiến trình của sự phát triển và toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân kết thành đoàn thể, thì quyền lực công cộng cũng mất tính chất chính trị của nó. Chính quyền, nói cho đúng ra, là quyền lực có tổ chức của một giai cấp để áp bức một giai cấp khác. Nếu như giai cấp vô sản, trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải đoàn kết thành giai cấp, nếu như giai cấp vô sản nhờ một cuộc cách mạng mà tự mình trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, họ dùng bạo lực tiêu diệt chế độ

sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt chế độ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt chế độ sản xuất ấy, họ cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện của đối kháng giai cấp, họ tiêu diệt giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính ngay giai cấp mình.

Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, thì một thể liên hợp xuất hiện, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

III. VĂN HỌC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA[1]

1. Chủ nghĩa xã hội phản động

a) Chủ nghĩa xã hội phong kiến

Do địa vị lịch sử của họ, mà các giai cấp quý tộc Pháp và Anh đã ở vào tình thế buộc phải viết những bài văn châm biếm để công kích xã hội tư sản. Trong cuộc cách mạng Pháp hồi tháng 7 năm 1830, trong phong trào Cải lương ở Anh, các giai cấp quý tộc ấy, một lần nữa đã ngã gục dưới đòn đả kích của con người mới phất lên mà họ căm ghét. Đối với họ thì không thể còn có vấn đề đấu tranh chính trị thật sự được nữa, họ chỉ còn có cách đấu tranh bằng văn học mà thôi. Nhưng ngay cả trong lĩnh vực văn học, cũng không thể dùng cái luận điệu cũ rích của thời kỳ Phục tích[2] được nữa. Muốn gây được thiện cảm, giai cấp quý tộc phải giả vờ không nghĩ đến quyền lợi riêng của mình và giả vờ lên án giai cấp

---

1. Theo bản Pháp văn (Nhà xuất bản Xã hội, Pa-ri, 1957) thì đề mục này còn có thêm: *chủ nghĩa xã hội không tưởng*. Căn cứ theo bản Nga văn do Viện Chủ nghĩa Mác-Lênin, Liên Xô xuất bản ở Mạc-tư-khoa 1955, và bản Trung văn, Nhà xuất bản Nhân dân Bắc Kinh, 1958, đều không có phần thêm đó, nên chúng tôi không để vào đây. *B.T.).*

2. Đây là thời kỳ khôi phục lại ngôi vua của dòng họ Buốc-bông ở Pháp từ năm 1814 đến 1830. *(B.T.).*

tư sản, chỉ là vì lợi ích của giai cấp công nhân bị bóc lột mà thôi. Làm như thế, họ tự dành riêng cho mình cái thú làm thơ ca để chế giễu người chủ mới của họ[1] *và cái thứ dám hát rỉ rả bên tai người này những lời tiên tri không tốt lành mấy.*

Chủ nghĩa xã hội phong kiến đã ra đời như thế, đó là một mớ những lời ca ai oán và những lời chế giễu mỉa mai, những dư âm của dĩ vãng và những tiếng đe dọa về tương lai. Tuy đôi khi lời công kích chua chát, sâu cay và hóm hỉnh của nó, có xói vào tận tim gan giai cấp tư sản chăng nữa, nhưng nó vẫn luôn luôn làm trò cười cho thiên hạ, vì nó hoàn toàn bất lực không thể hiểu được tiến trình của lịch sử hiện đại.

Các ngài quý tộc ấy đã giơ cao cái bị ăn mày lên làm cờ để lôi kéo nhân dân theo họ, nhưng nhân dân vừa đi theo các ngài đó thì đã trông thấy ngay những huy chương phong kiến cũ đeo sau lưng họ, liền tản đi và phá lên cười một cách ngạo mạn.

Một bộ phận của phái chính thống Pháp và Hội nước Anh trẻ[2] *đã diễn tấn tuồng hoạt kê ấy.*

Khi những người bênh vực chế độ phong kiến chứng minh rằng phương thức bóc lột phong kiến không giống phương thức bóc lột của giai cấp tư sản thì họ chỉ quên có một điều là: chế độ phong kiến thì bóc lột trong hoàn cảnh và những điều kiện khác hẳn, và ngày nay hoàn cảnh và điều kiện đó đã quá thời rồi. Khi họ vạch ra rằng dưới chế độ phong kiến, không có giai cấp vô sản hiện đại, thì họ chỉ quên có một điều là: giai cấp tư sản chính là một đứa con đẻ tất nhiên của chế độ xã hội của họ.

Vả chăng, họ rất ít che đậy tính chất phản động trong lời chỉ trích của họ, cho nên lời buộc tội chủ yếu của họ đối với giai cấp tư sản chính là ở chỗ cho rằng dưới sự thống trị của nó giai cấp này đảm bảo cho sự phát triển của một giai cấp sẽ làm nổ tung tất cả trật tự xã hội cũ.

---

1. Nga văn và Trung văn đều dịch là: *Những người thống trị mới của họ. (N.D.).*

2. *Phái chính thống,* bản Pháp văn dịch: ***Légitimistes,*** là chính đảng của bọn địa chủ quý tộc Pháp chủ trương khôi phục ngôi vua của dòng họ Buôc-bông ở Pháp. *Hội nước Anh trẻ tuổi* là một nhóm gồm một số nhà văn và nhà chính trị quý tộc có xu hướng tán thành Đảng bảo thủ ở Anh. *(B.T.).*

Họ buộc tội giai cấp tư sản là đã sinh ra một giai cấp vô sản cách mạng, nhiều hơn là buộc tội giai cấp đó đã sinh ra một giai cấp vô sản nói chung.

Cho nên, trong đấu tranh chính trị, họ tích cực tham dự vào tất cả những biện pháp bạo lực chống giai cấp công nhân. Và trong đời sống hàng ngày của họ, mặc dầu những lời hoa mỹ trống rỗng của họ, họ vẫn không bỏ qua cơ hội để lượm lấy những quả bằng vàng của cây công nghiệp rụng xuống và đem lòng trung thành, tình yêu và danh dự đổi lấy len, đường và rượu mạnh.

Chủ nghĩa xã hội thày tu đi sát cánh với chủ nghĩa xã hội phong kiến, cũng như thày tu và chúa phong kiến luôn luôn nắm tay nhau cùng bước.

Không có gì dễ dàng hơn là phủ lên chủ nghĩa khổ hạnh của đạo cơ đốc một lớp sơn chủ nghĩa xã hội. Đạo cơ đốc cũng đã chẳng cực lực phản đối chế độ tư hữu, hôn nhân và nhà nước là gì? Và thay cho tất cả những cái đó, đạo cơ đốc đã chẳng đề xướng việc làm phúc và hành khất, độc thân và tuyệt dục, tu hành và tin đạo là gì? Chủ nghĩa xã hội cơ đốc chẳng qua chỉ là thứ nước thánh mà thày tu dùng để rửa lòng tức giận của giai cấp quý tộc mà thôi.

b) Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản

Giai cấp quý tộc phong kiến không phải là giai cấp duy nhất đã bị giai cấp tư sản làm phá sản; nó không phải là giai cấp duy nhất có những điều kiện sinh hoạt đang tàn lụi và tiêu vong trong xã hội tư sản hiện đại. Những người tiểu tư sản và tiểu nông thời trung cổ là những kẻ tiên khu của giai cấp tư sản hiện đại. Trong những nước mà công nghiệp và thương nghiệp phát triển kém hơn, giai cấp đó còn tiếp tục sống lây lất bên cạnh giai cấp tư sản phồn thịnh.

Trong những nước mà nền văn minh hiện đại đương phát triển, thì một giai cấp tiểu tư sản mới đã thành hình, nó nghiêng ngả giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản; là bộ phận bổ sung của xã hội tư sản, nó cứ luôn luôn được hình thành trở lại; nhưng vì sự cạnh tranh, những cá nhân hợp thành giai cấp ấy luôn luôn bị đẩy xuống hàng ngũ giai cấp vô sản và hơn nữa với sự phát triển tiến lên của đại công nghiệp, họ thấy rằng đã gần đến lúc họ sẽ hoàn toàn mất cái địa vị là bộ phận độc lập trong xã hội hiện đại và

trong thương nghiệp, trong công nghiệp[1] *và trong nông nghiệp, họ sẽ nhường chỗ cho những đốc công và người làm thuê.*

Trong những nước như nước Pháp, ở đó nông dân chiếm quá nửa dân số, thì tự nhiên là những nhà văn đứng về phía giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản đã áp dụng những tiêu chuẩn tiểu tư sản và nông dân vào việc phê bình của họ đối với chế độ tư sản, và đã bênh vực công nhân theo quan điểm tiểu tư sản. Như vậy, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản được thành hình. Xi-smôn-đi là lãnh tụ của thứ văn học đó, không những ở Pháp mà cả ở Anh nữa.

Chủ nghĩa xã hội ấy phân tích rất sâu sắc những mâu thuẫn gắn liền với chế độ sản xuất hiện đại. Nó lột trần những lời ca tụng giả dối của những nhà kinh tế học. Nó chứng minh một cách không bác bỏ được những tác dụng khốc hại của máy móc và của sự phân công, sự tập trung tư bản và ruộng đất, sự sản xuất thừa, các cuộc khủng hoảng, sự sa sút không tránh được của những người tiểu tư sản và nông dân, sự khổ cực của giai cấp vô sản, tình trạng vô chính phủ trong sản xuất, tình trạng chênh lệch quá rõ rệt trong sự phân phối của cải, chiến tranh công nghiệp có tính chất hủy diệt giữa các dân tộc, sự tan rã của đạo đức cũ, của những quan hệ gia đình cũ, của những dân tộc tính cũ.

Nhưng xét về nội dung tích cực của nó, thì thấy chủ nghĩa xã hội này hoặc là muốn khôi phục lại những công cụ sản xuất và trao đổi cũ, cùng với những công cụ ấy, cũng khôi phục cả chế độ sở hữu cũ và toàn bộ xã hội cũ, hoặc là nó muốn buộc những công cụ sản xuất và trao đổi hiện đại phải khuôn vào cái khung chật hẹp của chế độ sở hữu cũ, là chế độ đã bị những công cụ ấy đập tan và tất nhiên sẽ đập tan. Trong cả hai trường hợp, chủ nghĩa xã hội này vừa có tính chất phản động vừa có tính chất không tưởng.

Tổ chức công nghiệp theo lối phường hội, nông nghiệp theo chế độ gia trưởng - đó là tiếng nói cuối cùng của nó.

Trong sự phát triển về sau của nó, trào lưu này đã biến thành những lời oán thán khiếp nhược.

c) Chủ nghĩa xã hội Đức hay chủ nghĩa xã hội "chân chính"

---

1. Pháp văn: *manufacture,* Nga văn và Trung văn: *công nghiệp. (N.D.).*

Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của nước Pháp, sinh ra dưới áp lực của một giai cấp tư sản thống trị, là biểu hiện văn chương của sự phản kháng chống lại nền thống trị ấy, nó được đưa vào nước Đức giữa lúc giai cấp tư sản bắt đầu đấu tranh chống chế độ chuyên chế phong kiến.

Các nhà triết học, các nhà triết học nửa mùa và những kẻ tài hoa[1] ở Đức hăm hở đổ xô vào thứ văn học ấy; nhưng có điều họ quên rằng: văn học Pháp nhập khẩu vào nước Đức, nhưng những điều kiện sinh hoạt của nước Pháp lại không đồng thời được đưa vào nước Đức. Đối với những điều kiện sinh hoạt Đức, văn học Pháp ấy đã mất hết ý nghĩa thực tiễn trực tiếp và chỉ còn mang một tính chất thuần túy văn chương mà thôi. Nó ắt phải có tính chất của một thứ suy luận không đâu về sự thực hiện bản tính con người[2]. Chẳng hạn như đối với những nhà triết học Đức thế kỷ XVIII, những yêu sách của Cách mạng Pháp lần thứ nhất, chỉ là những yêu sách của "lý tính thực tiễn" nói chung; và những biểu hiện ý chí của những người tư sản cách mạng Pháp dưới con mắt của họ, chỉ là biểu hiện của những quy luật của ý chí thuần túy, của ý chí đúng như nó phải tồn tại, của ý chí thật sự là của con người.

Công việc độc nhất của các nhà văn Đức là hòa hợp những tư tưởng mới của Pháp và nhận thức triết học cũ của họ, hay nói cho đúng hơn, là lĩnh hội tư tưởng của Pháp bằng cách xuất phát từ quan điểm triết học của mình.

Họ đã lĩnh hội những tư tưởng ấy như người ta lĩnh hội một thứ tiếng ngoại quốc qua lời phiên dịch.

Ai cũng biết bọn thày tu đã đem những chuyện hoang đường vô lý về các thánh Da-tô ghi đầy bản thảo các tác phẩm kinh điển thời cổ đại dị giáo như thế nào. Đối với văn học Pháp không có tính chất tôn giáo thì các nhà văn Đức đã làm ngược lại. Họ luồn những điều vô lý về triết học của họ vào dưới nguyên bản Pháp. Tỷ

---

1. Pháp văn: *beaux esprits. (N.D.).*

2. Các bản xuất bản từ 1872 về trước, chỗ này còn có thêm một đoạn: *về xã hội chân chính*. Theo chú thích của ban biên tập bản dịch Trung văn, Nhà xuất bản Giải phóng, 1949. *(B.T.).*

dụ dưới đoạn phê phán của Pháp về chế độ tiền bạc, thì họ viết: "sự thoát ly nhân tính", dưới đoạn phê phán của Pháp về Nhà nước tư sản, thì họ viết: "Xóa bỏ sự thống trị của tính chất phổ biến trừu tượng" và vân vân.

Việc đem luồn những lời lẽ triết học rỗng tuếch ấy của họ vào dưới lý luận của Pháp[1], họ gọi đó là "triết học của hành động", là "chủ nghĩa xã hội chân chính", là "khoa học Đức về chủ nghĩa xã hội", là "luận chứng triết học về chủ nghĩa xã hội"...

Như thế là người ta đã hoàn toàn cắt xén văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa Pháp. Và vì trong tay người Đức, văn học ấy không còn là biểu hiện của cuộc đấu tranh của một giai cấp này chống một giai cấp khác nữa, cho nên họ lấy làm đắc ý là đã vượt lên trên tính chất phiến diện của Pháp, là đã bảo vệ, không phải những nhu cầu thực sự, mà là "nhu cầu của sự thật"; không phải những lợi ích của người vô sản, mà là những lợi ích của con người, của con người nói chung, của con người không thuộc một giai cấp nào, cũng không thuộc một thực tại nào, con người chỉ có trong bầu trời mây mù của ảo tưởng triết học mà thôi.

Chủ nghĩa xã hội Đức ấy coi những bài tập vụng về theo kiểu học sinh của mình một cách hết sức trịnh trọng trang nghiêm và rêu rao om sòm những bài ấy theo kiểu bán thuốc rong, nhưng rồi dần dần nó cũng mất hết tính chất thơ ngây gàn dở của nó.

Cuộc chiến đấu của giai cấp tư sản Đức và nhất là của giai cấp tư sản Phổ chống bọn phong kiến và chế độ quân chủ chuyên chế, tóm lại là cuộc vận động tự do chủ nghĩa, trở nên nghiêm trọng hơn.

Thành thử chủ nghĩa xã hội chân chính đã có được cơ hội từ lâu mong mỏi để đem những yêu sách xã hội chủ nghĩa ra đối lập với cuộc vận động chính trị. Nó đã có thể phun ra những lời nguyền rủa cổ truyền chống lại chủ nghĩa tự do, chế độ đại nghị, sự cạnh tranh tư sản, tự do báo chí tư sản, pháp quyền tư sản, tự do và bình đẳng tư sản; nó đã có thể tuyên truyền cho quần chúng rằng trong cuộc vận động tư sản ấy, quần chúng không được gì cả,

---

1. Chỗ này dịch theo Nga văn. *(N.D.)*.

trái lại còn mất tất cả. Chủ nghĩa xã hội Đức đã quên và quên rất thích đáng rằng: sự phê phán của Pháp, mà chủ nghĩa xã hội Đức là một tiếng vọng nhạt nhẽo, giả định là phải có xã hội tư sản hiện đại cùng với những điều kiện sinh hoạt vật chất tương ứng với xã hội đó và một cơ cấu chính trị thích hợp - tức là tất cả những điều mà nước Đức chính là vẫn còn đang phải tranh thủ lấy.

Đối với những chính phủ chuyên chế ở Đức cùng đám tùy tùng của chúng là những thày tu, giáo sư, quý tộc nông thôn và quan lại, thì chủ nghĩa xã hội này đã trở thành một thứ ngoáo ộp hằng ao ước để chống lại giai cấp tư sản đang đe dọa...

Chủ nghĩa xã hội ấy đã đem cái vẻ giả dối đường mật của nó bổ sung cho roi vọt và súng đạn mà ngay những chính phủ ấy đã dùng để trấn áp những cuộc khởi nghĩa của công nhân Đức.

Nếu chủ nghĩa xã hội chân chính đã trở thành một vũ khí trong tay các chính phủ để chống lại giai cấp tư sản Đức, thì ngoài ra nó còn trực tiếp đại biểu cho một lợi ích phản động, lợi ích của giai cấp tiểu tư sản Đức. Giai cấp những người tiểu tư sản, từ thế kỷ XVI truyền lại, và từ bấy tới nay luôn luôn tái sinh dưới nhiều hình thức khác nhau, cấu thành cơ sở xã hội thật sự của chế độ đã được thiết lập ở Đức.

Duy trì giai cấp ấy là duy trì chế độ hiện tồn tại ở Đức. Ưu thế về công nghiệp và về chính trị của giai cấp đại tư sản đang đe dọa đẩy giai cấp tiểu tư sản ấy đến nguy cơ chắc chắn phải suy sụp, một phần do sự tập trung tư bản và một phần do sự xuất hiện của một giai cấp vô sản cách mạng. Đối với giai cấp tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội chân chính hình như có thể làm một công đôi việc. Cho nên chủ nghĩa xã hội chân chính đã lan ra như bệnh dịch.

Bọn xã hội chủ nghĩa Đức đã đem những tấm vải tư biện mong manh làm thành một cái áo thụng, thêu đầy những bông hoa từ chương mỉn màng và thấm đầy những giọt sương tình cảm nóng hổi, rồi đem cái áo ấy khoác lên "những chân lý vĩnh cửu" gầy còm của họ, - điều đó làm cho món hàng của họ càng được tiêu thụ mạnh trong đám khách hàng như vậy.

Còn về phần chủ nghĩa xã hội Đức, thì nó dần dần hiểu rõ thêm rằng sứ mệnh của nó là làm đại diện khoa trương cho bọn tiểu tư sản ấy.

Chủ nghĩa xã hội Đức tuyên bố rằng dân tộc Đức là dân tộc khuôn mẫu và người Phi-li-stanh Đức là con người khuôn mẫu. Tất cả những cái xấu xa, bỉ ổi của con người khuôn mẫu ấy được nó gán cho một ý nghĩa thần bí, một ý nghĩa cao cả và xã hội chủ nghĩa, khiến cho những cái ấy thành ra một cái ngược hẳn lại. Nó đi cho đến cùng, phản đối xu hướng "phá hủy một cách tàn bạo" của chủ nghĩa cộng sản và tuyên bố rằng mình vô tư đứng lên trên tất cả mọi cuộc đấu tranh giai cấp. Trừ một số rất ít, còn hầu hết những tác phẩm tự xưng là xã hội chủ nghĩa hay cộng sản chủ nghĩa đang lưu hành ở Đức, đều thuộc vào loại văn học bẩn thỉu và bại hoại ấy[1].

2. Chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản

Một bộ phận trong giai cấp tư sản tìm cách chữa bệnh tật xã hội, cốt để củng cố xã hội tư sản.

Trong hạng này có những nhà kinh tế học, những nhà bác ái, những người theo chủ nghĩa nhân đạo, những người chăm nom việc cải thiện đời sống của giai cấp công nhân, tổ chức việc từ thiện, bảo vệ súc vật, lập ra những hội bài trừ nạn rượu, nói tóm lại là đủ loại những nhà cải lương ngồi xó buồng. Và thậm chí người ta đã đi đến nước là xây dựng chủ nghĩa xã hội tư sản này thành những hệ thống hoàn bị.

Lấy một thí dụ, như quyển Triết học của sự khốn cùng của Pơ-ru-dông chẳng hạn.

Bọn xã hội chủ nghĩa tư sản muốn có những điều kiện sinh hoạt của xã hội hiện đại, mà không có đấu tranh và những nguy hiểm tất nhiên do những cuộc đấu tranh ấy sinh ra. Họ muốn giữ xã hội hiện tại, nhưng xã hội ấy phải được tẩy trừ hết những yếu tố đảo lộn nó và làm tan rã nó. Họ muốn có giai cấp tư sản mà không có giai cấp vô sản. Giai cấp tư sản tất nhiên quan niệm cái thế giới mà nó đang thống trị là thế giới tốt đẹp hơn cả. Chủ nghĩa xã hội tư sản đem hệ thống hóa ít nhiều triệt để cái quan niệm an ủi lòng

---

1. Cơn bão táp cách mạng năm 1848 đã quét hết cả cái môn phái thảm hại ấy và đã làm cho những môn đồ của phái này mất hết hứng thú làm chủ nghĩa xã hội lần nữa. Người đại biểu chính và điển hình tiêu biểu nhất của môn phái này là ông Các Gơ-ruyn. *(Chú thích của Ăngghen viết cho bản tiếng Đức in năm 1890).*

người ấy. Khi chủ nghĩa xã hội tư sản bắt giai cấp vô sản phải thực hiện những hệ thống ấy của nó và bước vào thành Giê-ru-đa-lem mới, thì thực ra nó chỉ kêu gọi giai cấp vô sản bám lấy xã hội hiện tại, nhưng phải bỏ hết quan niệm thù hằn của họ đối với xã hội này.

Một hình thức khác của chủ nghĩa xã hội, kém hệ thống nhưng thực tiễn hơn, cố làm cho công nhân chán ghét mọi cuộc vận động cách mạng, bằng cách chứng minh cho họ thấy rằng: không phải cải biến này hoặc cải biến khác về chính trị, mà chỉ có cải biến về điều kiện sinh hoạt vật chất, về quan hệ kinh tế thì mới có thể có lợi cho công nhân mà thôi. Nên chú ý là: khi nói đến cải biến điều kiện sinh hoạt vật chất, chủ nghĩa xã hội ấy không hề quan niệm là phải xóa bỏ chế độ sản xuất tư sản, việc xóa bỏ này chỉ có cách mạng mới có thể làm được; nó chỉ quan niệm là thực hiện những cải cách về hành chính ngay trên cơ sở nền sản xuất tư sản, do đó những cải cách này không thay đổi chút nào quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê và nhiều lắm thì cũng chỉ làm giảm bớt cho giai cấp tư sản và những chi phí cho việc thống trị của nó và giảm bớt ngân sách nhà nước mà thôi.

Chủ nghĩa xã hội tư sản chỉ đạt được biểu hiện thích đáng của nó là khi nó trở thành một lối nói từ chương đơn thuần của nhà diễn thuyết.

Mậu dịch tự do, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Thuế bảo hộ mậu dịch, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Nhà tù xà lim, vì lợi ích của giai cấp công nhân! Đó là tiếng nói cuối cùng của chủ nghĩa xã hội tư sản, tiếng nói duy nhất mà nó nói ra một cách nghiêm chỉnh.

Vì chủ nghĩa xã hội tư sản nằm gọn trong lời khẳng định này: những người tư sản là những người tư sản - vì lợi ích của giai cấp công đoàn.

3. Chủ nghĩa xã hội phê phán - không tưởng và chủ nghĩa cộng sản phê phán - không tưởng

Đây không nói đến loại văn học đã đề ra những yêu sách của giai cấp vô sản trong tất cả các cuộc đại cách mạng hiện đại (tác phẩm của Ba-bơp, v.v...).

Những mưu đồ trực tiếp đầu tiên của giai cấp vô sản để thực hiện những lợi ích giai cấp của mình, giữa lúc khắp nơi đều sôi

nổi, trong thời kỳ lật đổ xã hội phong kiến, thì nhất định phải thất bại, vì chính giai cấp vô sản đang ở trong tình trạng manh nha cũng như vì họ không có những điều kiện vật chất để tự giải phóng, - những điều kiện này chỉ có thể là kết quả của thời đại tư sản mà thôi. Thứ văn học cách mạng đi theo những cuộc vận động đầu tiên ấy của giai cấp vô sản, không thể không có một nội dung phản động. Nó cổ súy một chủ nghĩa khổ hạnh phổ biến và chủ nghĩa bình quân thô kệch.

Những hệ thống xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa chính tông, những hệ thống của Xanh Xi-mông, của Phu-ri-ê, của Ô-oen, v.v... đều xuất hiện trong thời kỳ đầu của cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản tức là thời kỳ đã mô tả ở trên[1].

Những người phát minh ra những hệ thống ấy đều nhận thấy rõ đối kháng giai cấp, cũng như nhận thấy rõ tác dụng của những yếu tố phá hoại nằm ngay trong bản thân xã hội đương thống trị. Nhưng những người đó lại không nhận thấy về phía giai cấp vô sản một tính tự động lịch sử nào, một cuộc vận động chính trị nào của chính bản thân giai cấp vô sản cả.

Vì sự đối kháng giai cấp phát triển song song với công nghiệp cho nên họ càng không thấy những điều kiện vật chất cho sự giải phóng của giai cấp vô sản, mà lại đi tìm một khoa học xã hội, tìm những quy luật xã hội, nhằm mục đích tạo ra những điều kiện ấy.

Họ đem tài ba cá nhân của họ thay thế cho sự hoạt động xã hội; đem những điều kiện ảo tưởng thay thế cho những điều kiện lịch sử của sự giải phóng; đem một tổ chức xã hội, hoàn toàn do chính họ tạo ra để thay thế cho sự tổ chức giai cấp vô sản thành giai cấp một cách tuần tự và tự phát. Đối với họ, tương lai thế giới sẽ giải quyết bằng cách tuyên truyền và thực hành những kế hoạch tổ chức xã hội của họ.

Tuy nhiên, trong khi tạo ra những kế hoạch ấy, họ cũng có ý thức bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân trước hết vì giai cấp công nhân là giai cấp đau khổ nhất. Đối với họ, giai cấp vô sản chỉ tồn tại với tư cách là giai cấp đau khổ nhất.

Nhưng, hình thức thô sơ của đấu tranh giai cấp, cũng như địa vị xã hội của bản thân họ làm cho họ tự coi là đứng hẳn lên trên

---

1. Xem mục *Tư sản và Vô sản*, từ tr. 37 đến tr. 49. *(B.T.)*.

mọi đối kháng giai cấp. Họ muốn cải thiện điều kiện sinh hoạt vật chất cho hết thảy mọi thành viên trong xã hội, kể cả những kẻ có nhiều đặc quyền nhất. Cho nên họ luôn luôn kêu gọi toàn thể xã hội mà không phân biệt và thậm chí họ còn ưa kêu gọi giai cấp thống trị nhiều hơn. Vì thật ra, chỉ cần hiểu hệ thống của họ là đủ nhận thấy rằng đó là kế hoạch hay hơn hết trong tất cả mọi kế hoạch của một xã hội tốt đẹp hơn hết trong tất cả mọi xã hội.

Vì vậy họ cự tuyệt mọi hành động chính trị và nhất là mọi hành động cách mạng; họ tìm cách đạt mục đích của họ bằng những phương pháp hòa bình, và cố mở một con đường đi tới phúc âm xã hội mới[1] *bằng hiệu lực của gương mẫu, bằng những thí nghiệm nhỏ, cố nhiên những thí nghiệm này luôn luôn thất bại.*

Trong thời kỳ mà giai cấp vô sản còn ít phát triển, nhìn địa vị mình một cách cũng ảo tưởng, thì bức tranh ảo tưởng về xã hội tương lai phù hợp với những nguyện vọng bản năng đầu tiên của công nhân muốn hoàn toàn cải biến xã hội.

Nhưng trong những trước tác xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cũng có những yếu tố phê phán. Những trước tác ấy đả kích tận cơ sở xã hội đương thời. Do đó chúng đã cung cấp được trong thời kỳ ấy những tài liệu rất có giá trị để thức tỉnh ý thức của công nhân. Những kết luận tích cực của những trước tác ấy về xã hội tương lai, - thủ tiêu sự đối kháng giữa thành thị và nông thôn, xóa bỏ gia đình, xóa bỏ sự thu lợi riêng tư và lao động làm thuê, tuyên bố sự hòa hợp xã hội và cải biến nhà nước thành một cơ quan chỉ quản lý sản xuất, - tất cả những kết luận ấy chỉ báo hiệu rằng đối kháng giai cấp sẽ mất đi, đối kháng giai cấp này hiện nay chỉ mới bắt đầu lộ hình và những nhà sáng tạo các học thuyết chỉ mới biết những hình thức đầu tiên lờ mờ và hỗn độn của nó thôi. Cho nên, những chủ trương ấy chỉ mới có một ý nghĩa hoàn toàn không tưởng mà thôi.

Sự quan trọng của chủ nghĩa xã hội phê phán - không tưởng và của chủ nghĩa cộng sản phê phán - không tưởng là theo tỷ lệ

---

1. Pháp văn: *nouvel évangile social. (N.D.).*

nghịch với sự phát triển lịch sử. Đấu tranh giai cấp càng gay gắt lên và càng có hình thức xác định thì cái ý định ảo tưởng muốn vượt lên trên cuộc đấu tranh giai cấp, cái thái độ đối lập một cách ảo tưởng với đấu tranh giai cấp, càng mất hết ý nghĩa thực tiễn và căn cứ lý luận. Cho nên, nếu như về nhiều phương diện, các nhà sáng tạo những học thuyết ấy là những nhà cách mạng thì những tông phái do môn đồ của họ lập ra, bao giờ cũng là phản động vì bọn môn đồ ấy khăng khăng giữ lấy những quan niệm đã cũ của các vị thày của họ mà không kể gì đến sự phát triển lịch sử của giai cấp vô sản. Vì vậy, trước sau như một, họ vẫn tìm cách làm nhụt đấu tranh giai cấp và tìm cách điều hòa các đối kháng giai cấp. Họ vẫn mơ ước việc thực hiện có tính chất thực nghiệm những không tưởng xã hội của họ - lập ra từng pha-lan-ste riêng biệt, tạo ra những khu thực dân ở trong nước[1], xây dựng một xứ I-ca-ri nhỏ[2], in thành khổ bỏ túi cuốn Giê-ru-da-lem mới[3], và để xây dựng tất cả những lâu đài trên bãi cát ấy, họ tự thấy buộc phải kêu gọi đến lòng tốt và két bạc của các nhà tư sản bác ái. Dần dần họ rơi vào hạng những người xã hội chủ nghĩa phản động hay bảo thủ đã miêu tả trên kia và chỉ khác bọn này ở chỗ họ có một lối thông thái rởm có hệ thống hơn và họ tin một cách mê muội và cuồng nhiệt vào hiệu lực thần kỳ của khoa học xã hội của họ.

Vì vậy, họ kịch liệt phản đối mọi hành động chính trị của giai cấp công nhân và theo họ, thì một hành động như thế chỉ có thể do mù quáng thiếu tin tưởng và phúc ấm mới mà ra.

---

1. Pháp văn: *colonies à l'intérieur;* Trung văn: *Quốc nội thực dân địa,* tức là những khu cộng sản theo ảo tưởng của Ô-oen *(N.D.).*

2. *Home Coloneis* (khu thực dân trong nước) là cái tên mà Ô-oen dùng để đặt cho những xã hội cộng sản chủ nghĩa kiểu mẫu của ông. Pha-lan-ste *(Phalanstère)* là những lâu đài xã hội do Phu-ri-ê tưởng tượng ra, I-ca-ri là nước tưởng tượng mà Ca-bê mô tả khi nói đến những tổ chức cộng sản chủ nghĩa. *(Chú thích của Ăngghen viết cho bản in tiếng Đức năm 1890).*

3. *Giê-du-da-lem mới,* tức là thiên đường. Đây có nghĩa là lập một thiên đường nhỏ *(B.T.).*

Phái Ô-oen ở Anh thì chống lại phái Hiến chương, phái Phu-ri-ê ở Pháp thì chống lại phái Cải lương[1].

IV. LẬP TRƯỜNG CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG ĐỐI LẬP[2]

Do những điều chúng tôi đã nói ở chương II, thì thấy rõ lập trường của những người cộng sản đối với những đảng công nhân đã thành lập, do đó cũng thấy rõ lập trường của họ đối với phái Hiến chương ở Anh và phái Cải lương ruộng đất ở Bắc Mỹ.

Những người cộng sản chiến đấu cho những lợi ích và những mục đích trước mắt của giai cấp công nhân; nhưng đồng thời trong cuộc vận động hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của cuộc vận động. Ở Pháp, những người cộng sản liên hợp với Đảng Dân chủ xã hội chủ nghĩa[3] *chống giai cấp tư sản bảo thủ và cấp tiến, nhưng không vì thế mà từ bỏ quyền phê phán những lời nói suông và những ảo tưởng do truyền thống cách mạng để lại.*

Ở Thụy Sĩ, họ ủng hộ phái cấp tiến, nhưng không phải vì thế mà không biết rằng đảng này gồm những phần tử mâu thuẫn nhau, một nửa là những người dân chủ xã hội chủ nghĩa, theo kiểu Pháp và một nửa nữa là những người tư sản cấp tiến.

Ở Ba Lan, những người cộng sản ủng hộ chính đảng đã coi cách mạng ruộng đất là điều kiện giải phóng dân tộc, nghĩa là chính đảng đã làm cuộc khởi nghĩa ở Cơ-ra-cô-vi năm 1846.

Ở Đức, Đảng Cộng sản đấu tranh chung với giai cấp tư sản trong hết thảy những khi giai cấp này hành động cách mạng

---

1. Đây là nói những người theo báo *Cải lương (La Réforme)*, xuất bản ở Pa-ri từ 1843 đến 1850. *(B.T.)*.

2. Theo bản Pháp văn thì mục này chỉ là tiểu mục thứ tư trong chương III, theo bản Nga văn do Viện Mác - Ăngghen - Lênin Liên Xô thì đây là chương IV. Chúng tôi thấy xếp như Nga văn hợp lý hơn, nên chúng tôi theo bản Nga văn. *(B.T.)*.

3. Đảng Dân chủ xã hội chủ nghĩa này *(Parli démecrate socialiste)* ở Pháp lúc bấy giờ có Lơ-đơ-ruy Rô-lanh đại biểu về chính trị và Lu-i Bơ-lăng đại biểu về văn học; đảng này so với Đảng Dân chủ Đức hiện nay thì còn cách xa nhau một trời một vực. *(Chú thích của Ăngghen viết cho bản tiếng Đức xuất bản năm 1890)*.

chống chế độ quân chủ chuyên chế, chống chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến và bọn tiểu tư sản phản động[1].

Nhưng, không giờ phút nào, Đảng Cộng sản lại sao nhãng việc gây cho công nhân một ý thức sáng suốt và rõ rệt về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, để lúc cần đến, thì công nhân Đức biết đổi bao nhiêu điều kiện chính trị và xã hội, do chế độ tư sản tạo ra, thành bấy nhiêu vũ khí chống lại giai cấp tư sản, để ngay sau khi tiêu diệt xong những giai cấp phản động ở Đức, thì có thể tiến hành đấu tranh chống lại chính ngay giai cấp tư sản.

Những người cộng sản chú ý nhiều nhất đến nước Đức, vì nước Đức hiện đương ở vào đêm trước của một cuộc cách mạng tư sản, vì nước Đức sẽ làm tròn cuộc cách mạng ấy trong những điều kiện tiên tiến hơn của văn minh châu Âu và với một giai cấp vô sản vô cùng phát triển hơn so với ở Anh trong thế kỷ XVII và ở Pháp trong thế kỷ XVIII. Do đấy, cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là giáo đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản.

Tóm lại, ở tất cả các nước, những người cộng sản đều ủng hộ mọi phong trào cách mạng chống trật tự xã hội và chính trị hiện có.

Trong tất cả những phong trào ấy, họ đều đưa vấn đề sở hữu lên hàng đầu, đặt thành vấn đề cơ bản của phong trào, không kể là nó đã có thể phát triển đến trình độ nào.

Sau hết, những người cộng sản phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hợp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước.

Những người cộng sản cho rằng giấu giếm những ý kiến và dự định của mình là hèn hạ. Họ công khai và tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ tất cả trật tự xã hội hiện có. Mặc cho giai cấp thống trị run sợ khi nghĩ đến một cuộc cách mạng cộng sản! Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Trong cuộc cách mạng ấy, họ giành được cả một thế giới về mình.

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, LIÊN HỢP LẠI!

Do C.Mác và Ph.Ăngghen viết từ tháng Chạp 1847 đến tháng Giêng 1848. Xuất bản lần đầu từ ở Luân-đôn tháng Hai 1848

Theo đúng nguyên bản tiếng Đức, xuất bản năm 1848,

---

1. Pháp văn: *la pelite bourgeoiste*. Nhưng Nga văn và Trung văn lại thêm tiếng *phản động* nữa: *phản động đích dung nhân. (N.D.)*.

B.
QUAN ĐIỂM CỦA MÁC - ĂNGGHEN VỀ ĐẢNG CÁCH MẠNG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Học thuyết Mác - Lênin về đảng cách mạng của giai cấp công nhân là một bộ phận cấu thành của lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học - khoa học về các quy luật đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, về sự chiến thắng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Học thuyết đó phát hiện ra những quá trình phát sinh, phát triển khách quan của đảng, những nguyên tắc tư tưởng về tổ chức của đảng, các cơ sở khoa học của chính sách, của chiến lược và sách lược của đảng, những phương pháp thực hiện chính sách, chiến lược và sách lược đó.

Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu lên những tư tưởng xuất phát về một đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Hai ông đã phát hiện ra các quy luật phát triển của xã hội, đã luận chứng một cách khoa học về sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, về tính tất yếu của sự quá độ để loài người tiến tới một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn, tức chủ nghĩa cộng sản. Đồng thời, những người đặt nền móng cho chủ nghĩa xã hội khoa học cũng đã chứng minh rằng bước quá độ đó diễn ra không phải là một cách tự phát, mà bằng con đường cách mạng lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và xóa bỏ các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra một lực lượng xã hội có khả năng thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Lực lượng đó là giai cấp công nhân. Trong tất cả các giai cấp đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thật sự cách mạng, có khả năng thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Phát hiện ra các quy luật phát triển khách quan của xã hội, Mác, Ăngghen đã chứng minh một cách khoa học rằng sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và "thắng lợi của giai cấp vô sản là không thể tránh khỏi".

Luận chứng về vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản với tư cách là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và người sáng lập ra xã hội mới - đó là nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác.

Trước hết sự tồn tại chính đáng của giai cấp vô sản xuất phát từ việc xác định vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản của C.Mác và Ăngghen: Không phải ngay từ đầu, C.Mác và Ăngghen do ý muốn chủ quan của mình mà gán cho giai cấp vô sản vai trò sứ mệnh lịch sử là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản, sáng lập ra nền văn minh mới, xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Chính C.Mác và Ăngghen xuất phát từ cơ sở kinh tế để nghiên cứu nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát sinh, phát triển của chủ nghĩa tư bản; đồng thời căn cứ từ những sự kiện lịch sử đấu tranh giai cấp trong mỗi hình thái kinh tế - xã hội để tìm ra một lực lượng trung tâm có khả năng tiêu diệt chủ nghĩa tư bản và sáng lập ra xã hội mới.

Vào những năm 30-40 của thế kỷ XIX đã nổ ra các cuộc đấu tranh lớn của quần chúng công nhân: năm 1831 thợ thuyền nước Pháp ở thành phố Ly-ông khởi nghĩa. Họ là những chiến sĩ tiên phong đấu tranh chống sự tàn bạo của bọn tư bản, vì chúng đã bắn vào công nhân biểu tình trong cuộc đình công. Công nhân liền xây các chướng ngại vật, hô to khẩu hiệu: "Sống có việc làm hay là chết trong chiến đấu". Công nhân khởi nghĩa chiếm giữ thành phố trong vài ngày. Nhưng sau cùng cuộc khởi nghĩa đã bị 20 nghìn binh lính của bọn tư bản đàn áp. Năm 1832, công nhân thành phố Ly-ông lại khởi nghĩa nêu cao khẩu hiệu lập nước cộng hòa. Nhưng lần này vì chưa có chính đảng công nhân và cương lĩnh hướng dẫn đấu tranh, nên cuộc khởi nghĩa sau 5 ngày chiến đấu anh dũng của công nhân cũng bị thất bại. Song các cuộc khởi nghĩa của công nhân Ly-ông, mặc dù có tính chất tự phát, nhưng có một ý nghĩa lịch sử lớn lao. Đó là những cuộc đấu tranh độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản trong lịch sử, nó biểu hiện rõ sự đối kháng kịch liệt giữa vô sản và tư sản.

Phong trào chính trị có tính chất quần chúng của công nhân nước Anh - cuộc vận động *Hiến chương* (phong trào đòi sửa đổi Hiến pháp) vào những năm 1838-1848 là phong trào công nhân đầu tiên trong lịch sử, phong trào có tính chất quần chúng của công nhân, có một ảnh hưởng lớn đến sự phát triển xã hội nước Anh và bắt buộc các giai cấp thống trị phải nhượng bộ. Ăngghen xác định phong trào *Hiến chương* như một hình thức phản đối tập thể của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản. Ăngghen chỉ rõ: Tương lai của cuộc vận động *Hiến chương* cũng như toàn bộ phong trào công nhân phụ thuộc vào sự kết hợp của nó với xã hội chủ nghĩa. Người viết: "Chỉ khi nào điều trên được thực hiện, thì giai cấp công nhân mới thực sự trở thành kẻ cầm quyền ở nước Anh"[1].

---

1. C.Mác - Ăngghen: *Toàn tập*, tập 20, tr. 291.

Cuộc khởi nghĩa của công nhân Đức mùa hè năm 1844, là một cuộc đấu tranh lớn của giai cấp công nhân hồi đầu nửa thế kỷ XIX. C.Mác và Ăngghen rất coi trọng cuộc khởi nghĩa của công nhân ngành dệt Đức năm 1844, vì các ông cho rằng cuộc cách mạng tư sản ở Đức có thể mở màn cho cuộc cách mạng vô sản.

Đến Công xã Pa-ri, một cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới đã nổ ra ở Pa-ri (Pháp) tháng 3 năm 1871, đã chứng minh rằng, giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có khả năng chủ động về mặt xã hội và chỉ có giai cấp công nhân mới có bản chất xã hội chủ nghĩa.

Tuy công nhân tỏ ra rất anh dũng trong tất cả các cuộc đấu tranh, nhưng đứng về giai cấp mà nói, thì chưa được sự giác ngộ về vai trò to lớn của mình; chưa biết tìm ra những phương pháp để thực hiện những mục đích và nhiệm vụ của mình. Giai cấp công nhân bước lên vũ đài đấu tranh giải phóng phải có hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa hết sức khoa học. Không có lý luận cách mạng hướng dẫn thì không thể có cuộc đấu tranh cách mạng triệt để. Lý luận này chỉ có thể tạo ra trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm đấu tranh cách mạng.

Phân tích những sự kiện lịch sử trong những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa tư bản hồi đầu thế kỷ XIX, cùng với sự nghiên cứu nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã phát triển hoàn chỉnh. C.Mác và Ăngghen đã chứng minh một cách khoa học về sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản và sự tất yếu của bước quá độ lên chủ nghĩa cộng sản. Đồng thời hai ông đã chỉ ra một lực lượng có khả năng thực hiện bước quá độ đó, người có vai trò lịch sử thế giới đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và xây dựng một xã hội mới - xã hội cộng sản, đó là *giai cấp vô sản*. C.Mác và Ăngghen viết: "Trong khi biến ngày càng đông đảo nhân dân thành người vô sản, phương thức sản xuất tư bản tạo ra một lực lượng mà trước nguy cơ sống còn, lực lượng đó buộc phải thực hiện sự thay đổi ấy"[1].

Vai trò lịch sử của giai cấp công nhân được quy định bởi các yếu tố khách quan, trước hết là bởi địa vị của giai cấp đó trong nền sản xuất xã hội. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản là hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản. Toàn bộ tư liệu sản xuất, toàn bộ của cải đều nằm trong tay giai cấp tư sản. Còn giai cấp vô sản thì bị tước quyền sở hữu. Để có thể tồn tại, giai cấp vô sản

1. C.Mác - Ăngghen: *Toàn tập*, tập 26, tr. 291.

buộc phải đi làm thuê cho nhà tư bản. Sự kết hợp giữa lao động và tư bản là cơ sở của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Điều kiện tồn tại của tư bản là lao động làm thuê, tức là lao động của công nhân. Vì vậy, giai cấp vô sản không thể thoát khỏi ách của tư bản, nếu không thủ tiêu chính cái cơ sở của xã hội tư sản. Việc giải phóng giai cấp công nhân và cũng có nghĩa là việc thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, chỉ có thể do bản thân giai cấp công nhân thực hiện, chứ không phải do một giai cấp nào khác.

Mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa lao động và tư bản là cơ sở khách quan của cách mạng xã hội, của sự quá độ của loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Quá trình tập trung hợp với quy luật của sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự hoạt động trong các xí nghiệp lớn đã tạo ra những điều kiện khách quan để tập hợp và đoàn kết giai cấp vô sản, rèn luyện giai cấp đó về ý thức giác ngộ giai cấp, về thói quen tổ chức và về đoàn kết giai cấp trong cuộc đấu tranh chống tư bản.

Do địa vị khách quan của mình, giai cấp vô sản là giai cấp có tổ chức nhất và cách mạng triệt để nhất. Chỉ có giai cấp vô sản mới có khả năng đoàn kết xung quanh mình tất cả những người bị áp bức và lãnh đạo họ tiến công vào chế độ bóc lột, thủ tiêu chế độ đó và xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Lợi ích cơ bản của giai cấp vô sản nhất trí với lợi ích của tất cả các giai cấp cần lao và các nhóm xã hội. Đó là cơ sở khách quan để trong quá trình đấu tranh cách mạng xây dựng khối liên minh vững chắc của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và nhân dân lao động khác, những người chiếm số đông trong xã hội tất cả các nước.

Tất cả các phong trào diễn ra trước đây đều là phong trào của thiểu số hoặc được thực hiện vì lợi ích của thiểu số. Phong trào của giai cấp vô sản là phong trào của đa số rộng lớn và vì lợi ích của đa số. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra rằng muốn cho phong trào đó kết thúc thắng lợi thì cần phải thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và thiết lập chuyên chính vô sản. Không thực hiện được điều đó thì không thể lật đổ chủ nghĩa tư bản và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, địa vị lãnh đạo của nó trong cuộc đấu tranh cách mạng, của tất cả những người bị áp bức chống lại bọn bóc lột quyết định sự cần thiết phải thành lập đảng của giai cấp vô sản; quyết định bản chất giai cấp và đường lối hoạt động của đảng.

C.Mác và Ăngghen dạy rằng: Giai cấp vô sản chỉ có thể hành động với tư cách là một giai cấp, khi nó được tổ chức thành một chính đảng riêng biệt; chính đảng đó phải độc lập với tất cả các đảng do giai cấp hữu sản lập ra.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận chứng về mục đích chủ yếu của cuộc đấu tranh chủ yếu của giai cấp công nhân và đảng của nó. Mục đích đó là nhằm lật đổ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Theo Mác và Ăngghen thì nhiệm vụ hàng đầu của những người cộng sản là "tổ chức giai cấp vô sản thành một giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền về tay giai cấp vô sản.

Chỉ có một đảng được vũ trang bằng lý luận tiên tiến và liên hệ mật thiết với quần chúng, mới có khả năng làm cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và các bạn đồng minh của nó mang tính giác ngộ giai cấp và có tổ chức, mới có khả năng kết hợp và hướng các dòng thức cách mạng khác nhau vào một mục đích thống nhất. Đảng giúp giai cấp công nhân nhận thức được sứ mệnh lịch sử của nó, giúp nó đoàn kết và tổ chức được các đội ngũ của mình, vũ trang cho giai cấp đó một cương lĩnh hành động có căn cứ khoa học. Nói một cách vắn tắt, đảng bảo đảm kết hợp phong trào công nhân cách mạng có tính chất quần chúng với chủ nghĩa xã hội khoa học. Đảng là công cụ chủ yếu của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh của nó nhằm lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và giành chính quyền, nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề ra những nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của đảng vô sản. "Đồng minh những người cộng sản" (năm 1847-1852) cũng như Hội liên hiệp công nhân quốc tế được thành lập và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăngghen, là sự thể hiện những nguyên tắc ấy trong thực tiễn. Theo cách diễn đạt của V.I.Lênin thì đồng minh những người cộng sản, "tuy không lớn, nhưng là một đảng vô sản thật sự".

Được sự ủy nhiệm của "Đồng minh những người cộng sản", Mác và Ăngghen đã thảo "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", một văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của phong trào cộng sản. Tác phẩm thiên tài đó đã trình bày một cách hoàn chỉnh và cân đối lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học, vạch rõ vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản, nêu lên những luận điểm cơ bản về đảng của giai cấp công nhân, mục đích và nhiệm vụ của đảng, những cơ sở lý luận chung của chiến lược và sách lược đấu tranh cách mạng.

Như trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" đã nói, những người cộng sản khác với tất cả các đảng công nhân khác ở chỗ trong cuộc đấu tranh của công nhân thuộc các dân tộc khác nhau, họ nêu bật và bảo vệ những lợi ích

chung của toàn thể giai cấp vô sản, những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc. Dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là những người cộng sản không chú ý đến, thậm chí coi thường các lợi ích dân tộc của giai cấp công nhân, của nhân dân các nước khác. Chính những người cộng sản là những chiến sĩ đấu tranh triệt để nhất, kiên quyết nhất cho các lợi ích dân tộc của tất cả các đội ngũ trong phong trào công nhân quốc tế, của nhân dân tất cả các nước.

Mặt khác, Mác và Ăngghen nhấn mạnh, ở những giai đoạn phát triển khác nhau của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân với giai cấp tư sản, những người cộng sản bao giờ cũng đại biểu cho lợi ích của toàn phong trào. Trên thực tế, họ là bộ phận kiên quyết nhất, bộ phận luôn luôn tiến lên phía trước, của các đảng công nhân ở tất cả các nước; còn về phương diện lý luận thì đứng trước quần chúng lạc hậu của giai cấp vô sản, họ có ưu thế là họ hiểu biết những điều kiện, tiến trình và những kết quả chung của phong trào công nhân. Lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học, vũ khí mạnh mẽ nhất để nhận thức và cải tạo thế giới bằng cách mạng, đã tạo ra cho họ cái ưu thế đó.

Những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học đã nêu lên luận điểm cho rằng cuộc đấu tranh để đạt mục đích cuối cùng của phong trào công nhân - xây dựng chủ nghĩa cộng sản, phải được kết hợp với cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những nhiệm vụ trước mắt. Coi thường những lợi ích trước mắt, những lợi ích cấp bách của giai cấp công nhân, nhất định sẽ dẫn đến chỗ tách rời đảng với quần chúng, biến đảng thành một nhóm bè phái. Và ngược lại, nếu chỉ hạn chế hoạt động của đảng trong cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những nhiệm vụ trước mắt thì sẽ dẫn đến chỗ làm tiêu tan tiền đồ cách mạng. "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" có nêu lên một trong những luận điểm cơ bản mà các đảng cách mạng của giai cấp vô sản luôn luôn quán triệt là: "Những người cộng sản đấu tranh vì những mục tiêu và những lợi ích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào ngày hôm nay, họ cũng bảo vệ tương lai của phong trào".

Đánh giá vị trí lịch sử của "Đồng minh những người cộng sản" như một đảng vô sản cách mạng đầu tiên, Ăngghen nhận xét rằng, Đồng minh đã có "thế giới quan khoa học mới làm cơ sở lý luận...". Học thuyết mác-xít cách mạng là cơ sở của sự thống nhất tư tưởng của những người cộng sản, cho phép họ xác định các mục đích và các nhiệm vụ đấu tranh, các con đường và các phương thức thực hiện những mục đích và những nhiệm vụ ấy cho phù hợp với các quy luật phát triển xã hội và các điều kiện lịch sử cụ thể.

Mác và Ăngghen đã xuất phát từ chỗ cho rằng Đảng Cộng sản là đội tiền phong có tổ chức của giai cấp công nhân, toàn bộ đời sống và sự hoạt động của đảng đều được xây dựng trên cơ sở lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học. Hai ông đã chứng minh luận điểm cho rằng đảng cách mạng của giai cấp công nhân cần phải có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, kỷ luận bắt buộc đối với tất cả mọi đảng viên, rằng các cơ sở tư tưởng và các cơ sở tổ chức của đảng phải thống nhất chặt chẽ với nhau.

Ngay tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" (năm 1845-1846) - tác phẩm chung của Mác và Ăngghen đã nhấn mạnh rằng trong thế giới đang tồn tại, khái niệm "người cộng sản" có nghĩa là "người gắn bó với một đảng cách mạng nhất định". Ăngghen nhấn mạnh: "... Không một chính đảng nào có thể tồn tại không có tổ chức".

Chỉ có kết hợp chặt chẽ sự thống nhất về tư tưởng với sự thống nhất về tổ chức, dựa trên nền tảng vững chắc của chủ nghĩa xã hội khoa học, mới làm cho đảng trở thành một lực lượng chính trị có khả năng thu hút được quần chúng nhân dân đi theo mình và bảo đảm giải quyết được những nhiệm vụ lịch sử toàn thế giới đặt ra trước đảng.

Dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăngghen, Điều lệ của "Đồng minh những người cộng sản" đã được xây dựng. Điều lệ đã xác định rõ mục đích và những nhiệm vụ cơ bản của giai cấp công nhân: lật đổ giai cấp tư sản và thiết lập chính quyền của giai cấp vô sản, tiêu diệt chế độ tư sản và xây dựng xã hội mới, không có giai cấp và không có tư hữu. Những yêu cầu rất cao đã được đề ra đối với các thành viên của "Đồng minh" thực hiện một nếp sống và nếp hoạt động phù hợp với các mục đích của "Đồng minh", thừa nhận các tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản và tiến hành tuyên truyền xã hội, không tham gia vào các nhóm chống cộng sản, phục tùng các điều quy định của "Đồng minh". Đảng viên của "Đồng minh" phải nộp đảng phí đều đặn. Không chấp hành các yêu cầu của "Đồng minh" sẽ bị khai trừ ra khỏi "Đồng minh".

Điều lệ đã quy định cơ cấu tổ chức của "Đồng minh". Khâu cơ sở của "Đồng minh" là các công xã, mỗi công xã có từ 3 đến 20 đảng viên. Các công xã tập họp lại thành các khu đứng đầu các khu là các ủy ban khu. Cơ quan tối cao của "Đồng minh" là đại hội, giữa các kỳ đại hội là Ban Chấp hành Trung ương. Đại hội được triệu tập mỗi năm một lần. Phân tích kinh nghiệm hoạt động của "Đồng minh những người cộng sản", năm 1885 Ăngghen đã viết: tổ chức của "Đồng minh" hết sức dân chủ, của cơ quan của nó là do bầu

cử mà ra và bất cứ lúc nào cũng có thể bị bãi miễn. Chỉ có một điều đó thôi cũng đủ để chặn đứng mọi âm mưu và mọi ý đồ thiết lập quyền lực cá nhân trong "Đồng minh".

Quốc tế thứ nhất (1864-1872) - một tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp công nhân, đã đóng vai trò to lớn trong việc xây dựng các đảng vô sản. C.Mác đã thảo ra các văn kiện có tính chất cương lĩnh và "Điều lệ tạm thời" của Quốc tế. Các văn kiện đó đã nhấn mạnh rằng việc giành chính quyền đã trở thành nhiệm vụ vĩ đại của giai cấp công nhân, rằng việc giải phóng giai cấp công nhân phải do chính giai cấp công nhân tự thực hiện. Các văn kiện cũng đã đề ra các con đường và các phương thức thực hiện mục đích đó. Yêu cầu tổ chức công nhân và vũ trang cho họ một lý luận khoa học đã được tuyên bố là một trong những điều kiện quan trọng nhất để giai cấp vô sản đấu tranh thắng lợi. Các văn kiện đã chú ý đặc biệt đến sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế giai cấp công nhân các nước.

Theo đánh giá của Lênin thì Quốc tế thứ nhất do Mác và Ăngghen lãnh đạo, đã đặt "nền móng cho cuộc đấu tranh quốc tế của giai cấp vô sản vì chủ nghĩa xã hội".

Các văn kiện của "Đồng minh những người cộng sản và của Quốc tế thứ nhất cũng như hoạt động thực tiễn của các tổ chức đó nói lên rằng cơ sở để xây dựng các tổ chức đó về mặt tổ chức là nguyên tắc tập trung dân chủ, mặc dầu lúc bấy giờ còn chưa có một định nghĩa nào như vậy. Sinh hoạt nội bộ của các tổ chức đó được xây dựng trên cơ sở dân chủ. Tất cả mọi thành viên của "Đồng minh" đều tham gia vào việc bầu cử và bầu lại các cơ quan lãnh đạo vào việc dự thảo và thông qua Cương lĩnh và Điều lệ. Đồng thời chế độ tập trung chặt chẽ cũng được thực hiện, các cơ quan cấp dưới phải phục tùng các cơ quan cấp trên, thiểu số phục tùng đa số. Việc phát huy dân chủ đã được thực hiện trong mối liên hệ chặt chẽ với việc tôn trọng kỷ luật của đảng, một kỷ luật bắt buộc đối với tất cả mọi đảng viên, không trừ một đảng viên nào, cũng như trong mối liên hệ chặt chẽ với việc thực hiện mọi yêu cầu của Cương lĩnh và Điều lệ.

Kinh nghiệm của "Đồng minh những người cộng sản" và đặc biệt là của Quốc tế thứ nhất đã cho thấy rõ rằng chấp hành đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ là điều kiện vô cùng quan trọng để bảo đảm sức chiến đấu của đảng, để đảng thực hiện được vai trò lãnh đạo của mình.

Mác và Ăngghen đã luôn luôn đấu tranh để củng cố sự thống nhất các đội ngũ của các tổ chức vô sản về tư tưởng và về tổ chức, kiên quyết chống lại

bọn cơ hội và bọn xét lại, chống lại tất cả những người vi phạm kỷ luật của đảng. Trong một bức thư của mình, Mác đã nhấn mạnh: "Ngày nay chúng ta nhất thiết phải duy trì kỷ luật của đảng, nếu không mọi cái sẽ mất hết". Ăngghen cũng đã phát triển tư tưởng này. Trong lời tựa viết cho tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức" của mình, ông đã chỉ ra sự cần thiết phải "đoàn kết chặt chẽ hơn nữa tổ chức của đảng và tổ chức của các công đoàn".

Những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, đã đặt ra một cách hết sức gay gắt vấn đề thành phần xã hội của đảng cách mạng. Mác và Ăngghen viết: "Nếu những đại biểu của các giai cấp khác tham gia vào phong trào vô sản, thì trước hết phải đòi hỏi họ không được mang theo mình những tàn tích của những thành kiến tư sản, tiểu tư sản và những thành kiến khác tương tự, mà phải tiếp thu thế giới quan vô sản". Những kẻ mang theo các quan điểm tư sản và tiểu tư sản chỉ là những "phần tử xa lạ" trong đảng công nhân. Sẽ đặc biệt nguy hiểm, nếu như những kẻ như vậy lại nắm được ít nhiều quyền lãnh đạo trong đảng. Lịch sử của Đảng Xã hội dân chủ Đức và của một số đảng khác trong Quốc tế thứ hai, những đảng mà người đứng đầu là những phần tử cơ hội, đã hoàn toàn xác nhận tính chất đúng đắn của những lời cảnh cáo đó. Những lời cảnh cáo đó vẫn giữ nguyên giá trị của nó trong thời đại chúng ta.

Mác và Ăngghen đã chứng minh kết luận cho rằng, củng cố hàng ngũ của đảng, đuổi ra khỏi đảng những phần tử thù địch và cơ hội là quy luật của sự phát triển của đảng, là điều kiện bảo đảm sức chiến đấu của đảng. Ăngghen viết: "Phong trào vô sản nhất định phải trải qua những bước phát triển khác nhau, trong mỗi bước đều có một số người dừng lại, họ không đi xa hơn được nữa". Một trong những nhiệm vụ quan trọng của đảng vô sản là phải thoát khỏi những con người như vậy, bổ sung hàng ngũ của mình trước hết bằng những công nhân tiên tiến.

Mác và Ăngghen đã kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm phản xã hội chủ nghĩa của bọn Bacunin và những tên cơ hội khác chui vào Quốc tế thứ nhất và đã thực hiện được việc khai trừ những phần tử đó. Mác viết: *"Công khai đứng ngoài* Quốc tế, những con người đó không nguy hiểm, nhưng là những phần tử thù địch ở *trong lòng* Quốc tế thì chúng sẽ phá vỡ phong trào ở tất cả những nước mà chúng đã tìm được đất hoạt động".

Chủ nghĩa quốc tế vô sản là một trong những nguyên tắc xây dựng Đảng quan trọng nhất mà Mác và Ăngghen đã đề ra và đã chứng minh. Ngay trong văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của đảng cách mạng của giai cấp công nhân - "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản", hai ông đã nêu ra khẩu hiệu: "Vô

sản tất cả các nước, đoàn kết lại". Khẩu hiệu đó đã trở thành khẩu hiệu chung của phong trào cộng sản và công nhân. Những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học đã xuất phát từ chỗ cho rằng phong trào công nhân cách mạng, do bản chất tự nhiên của nó và do các quy luật lịch sử khách quan, là phong trào quốc tế. Giai cấp vô sản phải lấy sự thống nhất quốc tế của mình chọi lại với sức mạnh quốc tế của tư bản. Không làm như vậy thì giai cấp vô sản không thể giành được thắng lợi và không tự giải phóng được mình. Trong "Tuyên ngôn thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế" mà Mác đã thảo ra, có nhấn mạnh rằng, việc giải phóng giai cấp công nhân đòi hỏi phải có sự hợp tác anh em của giai cấp vô sản các nước. Tư tưởng đó cũng đã thúc đẩy Người thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế, tức là Quốc tế thứ nhất.

Mác và Ăngghen không khoan nhượng đối với mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản trong các tổ chức vô sản. Hai ông đã cho thấy rằng những tư tưởng của chủ nghĩa quốc tế được hiểu đúng không hề mâu thuẫn với các lợi ích dân tộc. Ngược lại, lãng quên hoặc không đánh giá đúng tư tưởng của chủ nghĩa quốc tế, sẽ gây tổn thất lớn cho cả phong trào công nhân quốc tế lẫn các lợi ích dân tộc của giai cấp công nhân mỗi nước. Mặt khác, những lợi ích dân tộc được hiểu đúng cũng không trái với các lợi ích quốc tế của giai cấp công nhân, mà phù hợp với những lợi ích ấy.

Quốc tế thứ hai (1889-1914), trong thời kỳ đầu hoạt động của nó, khi Ăngghen còn sống, cũng đã đóng vai trò tích cực trong sự phát triển của phong trào cách mạng quốc tế, trong việc thành lập hàng loạt đảng công nhân.

Những luận điểm về các nguyên tắc tổ chức đảng vô sản do Mác và Ăngghen đề ra, cũng như những truyền thống công nhân của "Đồng minh những người cộng sản" và của Quốc tế thứ nhất đã ảnh hưởng sâu sắc tới toàn bộ sự phát triển sau này của phong trào công nhân quốc tế, đã chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập hàng loạt đảng vô sản. Lênin nhấn mạnh rằng Quốc tế thứ nhất "đã hoàn thành vai trò lịch sử của nó và đã nhường chỗ cho thời đại lớn mạnh không lường được của phong trào công nhân ở tất cả các nước trên thế giới, thời đại phát triển phong trào đó theo chiều rộng, thời đại thành lập hàng loạt đảng công nhân xã hội chủ nghĩa trên cơ sở từng quốc gia dân tộc"[1].

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 21, Nxb Sự Thật, H. 1963, tr. 46.

C.
HỌC THUYẾT
VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG KIỂU MỚI CỦA V.I. LÊNIN

I. V.I. LÊNIN - NGƯỜI SÁNG LẬP RA ĐẢNG KIỂU MỚI

Là người kế tục vĩ đại sự nghiệp của Mác và Ăngghen chiến đấu trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc, thời kỳ cách mạng vô sản trở thành trực tiếp và trong hoàn cảnh giai cấp vô sản Nga đã giành được chính quyền. Lênin phát triển học thuyết của Mác và Ăngghen một cách toàn diện, làm phong phú thêm tất cả các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác.

Cũng như trong các lĩnh vực khác, trên lĩnh vực xây dựng Đảng, Lênin đã có những cống hiến vô cùng to lớn về mặt lý luận và thực tiễn. Người đã phát triển sáng tạo các luận điểm của Mác và Ăngghen về đảng vô sản và hoàn chỉnh học thuyết xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác. Những phát triển sáng tạo của Người, bao gồm những điểm chủ yếu, có tính nguyên lý như sau:

Thời gian cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào công nhân quốc tế. Đến lúc này, chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển đế quốc chủ nghĩa, giai đoạn phát triển cao nhất, giai đoạn cuối cùng của nó. Dựa vào những tư tưởng và những kết luận trong bộ "Tư bản" của Mác, Lênin đã phân tích sâu sắc chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn mới, giai đoạn phát triển đế quốc chủ nghĩa của nó. Người đã chỉ ra rằng, chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa, rằng những điều kiện khách quan để lật đổ "chủ nghĩa tư bản đã chín muồi...".

Điều đó thể hiện trước hết ở chỗ: mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư sản - mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với phương thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa lao động và tư bản - đã trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Giai cấp tư sản từ chỗ là một lực lượng xã hội tiến bộ

trong giai đoạn phát triển đi lên của chủ nghĩa tư bản, đã biến thành lực lượng phản động, đã trở thành trở ngại chủ yếu ngăn cản loài người tiến lên trên con đường tiến bộ. Sự phản động đã bao trùm tất cả mọi lĩnh vực của đời sống cách mạng trong xã hội tư bản.

Đồng thời trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân cũng đã lớn mạnh về số lượng, về tổ chức và về chính trị, ý thức giác ngộ giai cấp của nó đã được nâng cao. Những cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nó ở nhiều nước châu Âu đã chứng minh hùng hồn rằng chính giai cấp vô sản có khả năng đoàn kết xung quanh nó tất cả những người bị áp bức, để lật đổ chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội mới. Cách mạng vô sản đã trở thành một vấn đề thực tiễn trực tiếp.

Trong những điều kiện ấy, vai trò của các đảng vô sản chiến đấu đã được nâng cao lên rất nhiều. Trong lúc đó thì những người đứng đầu Quốc tế thứ hai và những người đứng đầu các đảng dân chủ - xã hội chủ yếu ở Tây Âu ngày càng lún sâu xuống vũng lầy của chủ nghĩa cơ hội. Họ đã xét lại chủ nghĩa Mác, từ bỏ những nguyên tắc cách mạng của chủ nghĩa Mác, âm mưu hạn chế phong trào công nhân trong khuôn khổ đấu tranh đòi những cải cách cục bộ, không động chạm đến nền móng của chế độ tư bản.

Cần phải đập tan chủ nghĩa cơ hội, bảo vệ sự trong sáng của học thuyết mác-xít, định ra cương lĩnh rõ ràng, định ra chiến lược và sách lược đấu tranh của giai cấp công nhân trong hoàn cảnh lịch sử mới.

Nói một cách ngắn gọn, cần phải phát triển sáng tạo học thuyết mác-xít - kim chỉ nam hành động của giai cấp vô sản, của quần chúng cách mạng trong những điều kiện đã khác xa với những điều kiện mà Mác và Ăngghen đã sống và hoạt động.

Lênin đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử đó. Đến lúc bấy giờ do những điều kiện khách quan, nước Nga đã trở thành nơi tập trung mâu thuẫn của toàn bộ hệ thống đế quốc chủ nghĩa, khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc. Giai cấp vô sản Nga đã tiến lên các vị trí tiền tiêu của phong trào công nhân quốc tế.

Lênin đã bóc trần nội dung xét lại của những trào lưu khác nhau núp dưới khẩu hiệu "đổi mới" và "cải tiến" chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân quốc tế, trong Quốc tế thứ hai. Trên cơ sở phân tích sâu sắc những đặc điểm của thời đại lịch sử mới, Lênin đã phát triển sáng tạo và làm phong phú thêm tất cả các bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác.

Lênin cho rằng xây dựng và củng cố đảng cách mạng của giai cấp công nhân là điều kiện quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng xã hội

chủ nghĩa. Người nhìn thấy ở đảng vô sản cái đòn bẩy mạnh mẽ có khả năng "đảo lộn nước Nga", có khả năng cải tạo chế độ xã hội của nước Nga bằng cách mạng.

Dựa vào học thuyết của Mác và Ăngghen, dựa vào khuyết điểm của phong trào công nhân quốc tế và phong trào công nhân Nga, Lênin đã xây dựng được một học thuyết hoàn chỉnh về đảng cách mạng của giai cấp công nhân, về đảng kiểu mới, coi đó là một tiền đề nhất thiết phải có để giai cấp vô sản thực hiện được sứ mệnh lịch sử của nó là lực lượng lãnh đạo bước quá độ cách mạng đưa loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Người viết: "Chúng ta cần những đảng mới, những đảng kiểu khác. Chúng ta cần những đảng thường xuyên liên hệ thực sự với quần chúng và biết lãnh đạo quần chúng".

Lênin đã từng nhấn mạnh rằng trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc và trong điều kiện các cuộc cách mạng vô sản đang chín muồi ở nhiều nước, cần phải có một đảng kiểu mới, thực sự cách mạng, thực sự cộng sản, đảng đó phải thay thế cho những đảng kiểu cũ - các đảng nghị viện của châu Âu.

Lênin là người kế tục thiên tài sự nghiệp của Mác và Ăngghen, Người đã nâng chủ nghĩa Mác lên một trình độ mới, cao hơn. Tên tuổi của Lênin đã gắn liền với sự phát triển và củng cố của phong trào công nhân và cộng sản quốc tế hiện nay; phong trào đó trong thời đại chúng ta đã trở thành một lực lượng có ảnh hưởng rộng lớn nhất.

Phát triển sáng tạo các tư tưởng của Mác và Ăngghen, dựa vào kinh nghiệm vô cùng phong phú của phong trào cách mạng thế giới và phong trào cách mạng Nga, Lênin đã đề ra các cơ sở tư tưởng và các sơ sở tổ chức của đảng kiểu mới, các tiêu chuẩn sinh hoạt đảng, các nguyên tắc lãnh đạo của đảng.

Các tư tưởng của Lênin là nền tảng khoa học mà trên đó, trong quá trình đấu tranh giai cấp, Đảng Cộng sản của nước ta đã được xây dựng và lớn mạnh. Đó là một đảng vô sản kiểu mới, người cổ vũ và người tổ chức cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi đầu tiên trong lịch sử, đội tiền phong chiến đấu dày dạn của nhân dân Liên Xô. Đảng đã được thành lập tại Đại hội II của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga, triệu tập vào năm 1903. Tại đại hội này, Lênin và những người ủng hộ Người đã giành được đa số trong cuộc bầu cử các cơ quan trung ương của đảng và được người ta bắt đầu gọi là những người bôn-sê-vích. Từ "bôn-sê-vích" đã trở thành chữ tượng trưng cho tính cách mạng triệt để, tính nguyên tắc mác-xít, chủ nghĩa quốc

tế vô sản, sự trung thành vô hạn đối với sự nghiệp của giai cấp công nhân, với sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Từ "men-sê-vích" trở thành đồng nghĩa với khái niệm "kẻ cơ hội".

Lênin viết: "Chủ nghĩa bôn-sê-vích tồn tại như một trào lưu tư tưởng chính trị và như một chính đảng từ năm 1903".

Việc xây dựng được một đảng thực sự công nhân, thực sự mác-xít của giai cấp công nhân Nga là công lao bất diệt của Lênin. Việc thành lập đảng đã đánh dấu sự mở đầu của một giai đoạn mới trong sự phát triển của phong trào công nhân và cộng sản quốc tế. Đảng bôn-sê-vích đã trở thành mẫu mực để xây dựng các đảng mác-xít của giai cấp công nhân ở các nước khác. Ở đây, Lênin viết: "chúng ta nhìn thấy trí tuệ, danh dự và lương tri của thời đại chúng ta...".

Trước khi thành lập ở nước Nga một đảng cách mạng của giai cấp công nhân, Lênin đã tiến hành một công tác tư tưởng - lý luận to lớn; Người đã phê phán chủ nghĩa xã hội dân túy tiểu tư sản, đấu tranh không khoan nhượng chống các trào lưu cải lương và các trào lưu cơ hội chủ nghĩa khác. "Không có một công tác thanh lọc như vậy thì không thể bảo đảm gắn được chủ nghĩa Mác với phong trào giải phóng, không thể đề ra được đường lối giai cấp độc lập của giai cấp vô sản".

Ngay trong tác phẩm lớn đầu tiên của mình "Những người bạn dân là thế nào và họ chiến đấu chống những người dân chủ - xã hội ra sao?" (1894), Lênin đã chứng minh về mặt lý luận vai trò lịch sử của giai cấp công nhân Nga như là một lực lượng cách mạng tiên tiến của xã hội. Đứng lên lãnh đạo tất cả những người lao động, người công nhân Nga, Lênin viết - sẽ lật nhào chế độ chuyên chế ở Nga và sẽ cùng với giai cấp vô sản tất cả các nước tiến lên thực hiện thắng lợi cách mạng cộng sản chủ nghĩa. Cũng trong tác phẩm này, Người đã đề ra cho phong trào cách mạng Nga một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách là thành lập một đảng công nhân mác-xít. Trong những năm sau, Lênin đã thảo ra một cách toàn diện kế hoạch cụ thể về việc thành lập một đảng như vậy và Người đã kiên trì đấu tranh để thực hiện kế hoạch đó. Người đã đặc biệt chú ý chứng minh tầm quan trọng của lý luận cách mạng đối với đảng của giai cấp công nhân. Trong cuốn sách nhỏ *"Nhiệm vụ của những người dân chủ xã hội Nga"* (1897) viết trong thời gian bị đày ở Xi-bi-ri, Lênin nhấn mạnh rằng: "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng". Về sau, tư tưởng này đã được phát triển toàn diện trong tác phẩm *"Làm gì?"* (1902) của Lênin. Trong cuốn sách đó, Người đã

phân tích sâu sắc tình hình của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế mà đặc trưng là cuộc đấu tranh giữa hai trào lưu - trào lưu cách mạng dựa vào chủ nghĩa Mác và trào lưu cơ hội chủ nghĩa âm mưu tước bỏ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác.

Lênin đã vạch trần nguồn gốc tư tưởng của chủ nghĩa cơ hội, tác hại của nó đối với phong trào công nhân quốc tế. Người đã nêu lên ý nghĩa vĩ đại của lý luận cách mạng và của ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa đối với thắng lợi của các đảng vô sản và đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Không thể có đảng cộng sản vững mạnh - Lênin nhấn mạnh - nếu không có lý luận cách mạng, lý luận đoàn kết tất cả những người xã hội chủ nghĩa; từ lý luận đó họ rút ra chính kiến của mình, họ vận dụng lý luận đó vào các phương pháp đấu tranh và các phương thức hoạt động của mình.

Lênin đã chứng minh cơ sở của luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác cho rằng nhiệm vụ hàng đầu và quan trọng nhất của đảng vô sản là gắn phong trào công nhân với lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học. Không làm như vậy thì phong trào công nhân không thể giành được thắng lợi và nhất định sẽ rơi vào vòng ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản. Nhưng muốn hoàn thành nhiệm vụ gắn phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng chống bọn bóc lột, thì bản thân đảng phải nắm vững lý luận cách mạng mác-xít và phải xây dựng toàn bộ hoạt động của mình trên cơ sở lý luận đó. "... *Chỉ có được lãnh đạo bằng lý luận tiên tiến, đảng mới có thể thực hiện vai trò người chiến sĩ tiên tiến*".

Ý thức xã hội chủ nghĩa không phát sinh một cách tự phát, nó được đảng vô sản mác-xít đưa vào phong trào công nhân. Vì vậy, mọi sự hạ thấp vai trò của ý thức giác ngộ và vai trò của đảng dân chủ xã hội đều có nghĩa là tăng cường hệ tư tưởng tư sản. Nhiệm vụ và sứ mệnh của đảng là thường xuyên đấu tranh không khoan nhượng chống lại hệ tư tưởng tư sản, tiến hành giáo dục chính trị cho giai cấp công nhân, *"nâng giai cấp công nhân lên tầm giác ngộ chính trị dân chủ - xã hội"*.

Tác phẩm "Làm gì?" là một giai đoạn quan trọng trong hoạt động của Lênin nhằm phát triển các tư tưởng của Mác và Ăngghen về những cơ sở tư tưởng và tổ chức của đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Những luận điểm của tác phẩm thiên tài đó vẫn còn giữ nguyên sức sống và tính cấp bách của nó trong điều kiện hiện nay. Kinh nghiệm lịch sử của phong trào cộng sản cách mạng thế giới dạy rằng, các đảng của giai cấp công nhân chỉ

có thể đạt được các mục đích của mình trên con đường đấu tranh giai cấp cách mạng, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Những cơ sở tư tưởng của đảng.

Nêu lên bản chất của đảng kiểu mới, Lênin chỉ ra rằng "Chúng ta phải tự gọi mình là Đảng Cộng sản, như Mác và Ăngghen đã từng gọi mình như vậy. Chúng ta phải nhắc lại rằng, chúng ta là những người mác-xít và cơ sở của chúng ta là "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" mà đảng dân chủ xã hội đã xuyên tạc và phản bội...".

Học thuyết cách mạng của Mác và Lênin là cơ sở tư tưởng đã thành lập đảng và đoàn kết tất cả mọi đảng viên của đảng, là cơ sở để đề ra cương lĩnh hành động, chiến lược và sách lược. Đảng cách mạng của giai cấp công nhân, trong mọi hoạt động của mình, đều tuân theo những kết luận cơ bản sau đây của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ nghĩa tư bản là hình thái kinh tế - xã hội đã lỗi thời, nó đã biến thành vật kìm hãm tiến bộ xã hội, vì vậy nó không tránh khỏi bị diệt vong; xu hướng hợp quy luật của sự phát triển xã hội là loài người tiến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mà mở đầu là cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại;

Mục đích đấu tranh cuối cùng của giai cấp công nhân là xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa - tương lai sán lạn của toàn thể loài người;

Sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, bất luận hình thức và tốc độ của nó như thế nào, cũng chỉ có thể thực hiện bằng các con đường cách mạng, với điều kiện là phải thiết lập chuyên chính vô sản và giai cấp công nhân phải nắm vai trò lãnh đạo cho đến khi xây dựng xong chủ nghĩa cộng sản;

Quần chúng nhân dân đóng vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng xã hội mới. Nhiệm vụ của đảng là đoàn kết họ xung quanh giai cấp vô sản và đưa họ lên chủ nghĩa xã hội; biểu hiện cụ thể của việc đó là phải xây dựng và ra sức củng cố khối liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp không vô sản khác, như một lực lượng xã hội quyết định trong cuộc đấu tranh lật đổ ách thống trị của các giai cấp bóc lột và xây dựng chủ nghĩa xã hội;

Cuộc đấu tranh giai cấp trong từng nước gắn chặt với cuộc đấu tranh chung của tất cả những người lao động, của các dân tộc bị áp bức chống các lực lượng đế quốc trên toàn thế giới; vì vậy, mỗi đảng phải thực hiện cho

được việc kết hợp đúng đắn các nhiệm vụ dân tộc với các nhiệm vụ quốc tế, củng cố khối đoàn kết các lực lượng cơ bản của quá trình cách mạng thế giới, cụ thể là các nước trong hệ thống chủ nghĩa xã hội, phong trào công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc; củng cố sự thống nhất của phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản;

Chỉ có thể chiến thắng chủ nghĩa đế quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và công nhân được vũ trang bằng lý luận Mác - Lênin và biết vận dụng sáng tạo lý luận đó vào những điều kiện lịch sử cụ thể, liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân và đại biểu cho những quyền lợi cơ bản của họ. Lênin nói: "... Chỉ có chính đảng của giai cấp công nhân, tức là Đảng Cộng sản, mới có khả năng đoàn kết, giáo dục và tổ chức cho giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng lao động một đội tiên phong có khả năng một mình chống lại những sự dao động tiểu tư sản không thể tránh khỏi của quần chúng đó, chống lại những truyền thống và những sự tái phát không thể nào tránh khỏi của bệnh hẹp hòi nghề nghiệp hoặc của những thành kiến nghề nghiệp trong giai cấp vô sản và lãnh đạo toàn bộ hoạt động liên hiệp của toàn thể giai cấp vô sản, tức là lãnh đạo giai cấp đó về mặt chính trị và thông qua đó, lãnh đạo toàn thể quần chúng lao động. Không có cái đó thì không thể nào thực hiện được chuyên chính vô sản:

Thừa nhận các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và đấu tranh để thực hiện những nguyên tắc đó là cơ sở của sự thống nhất tư tưởng của đảng cách mạng và biến đảng thành liên minh chiến đấu của những người cùng chí hướng - những người cộng sản.

- *Những cơ sở tổ chức của đảng.*

Song, chỉ có sự thống nhất tư tưởng không thôi thì chưa đủ để đảng có thể thực hiện thắng lợi vai trò của mình là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là lãnh tụ, là người cổ vũ và tổ chức quần chúng lao động trong hoạt động cách mạng cải tạo, trong hoạt động sáng tạo của họ. Sự thống nhất về tư tưởng của đảng cần được bổ sung bằng sự thống nhất về tổ chức trong các hàng ngũ của đảng. Những cơ sở tổ chức của Đảng Cộng sản mà Lênin đề ra trên cơ sở các tư tưởng của Mác và Ăngghen, chính là nhằm đạt mục đích ấy. Những cơ sở đó là những luận điểm lý luận cơ bản, những luận điểm lý luận gốc về bản chất giai cấp của đảng, về vai trò và vị trí của đảng trong xã hội, về những nguyên tắc xây dựng tổ chức.

Những nguyên tắc đó phản ánh những quy luật phát triển khách quan của đảng cách mạng của giai cấp công nhân, của đảng kiểu mới. Ý nghĩa của những nguyên tắc ấy là ở chỗ chúng bảo đảm về mặt tổ chức cho giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

Các cơ sở tổ chức của đảng được nghiên cứu trong nhiều tác phẩm và bài phát biểu của Lênin. Hơn nữa, trong những giai đoạn lịch sử khác nhau, tùy theo những điều kiện và nhiệm vụ cụ thể, Lênin lại chú ý đặc biệt đến mặt này hay mặt khác của vấn đề đó. Tác phẩm thiên tài của Lênin *"Một bước tiến, hai bước lùi"* (1904) có ý nghĩa cực kỳ quan trọng để hiểu rõ các cơ sở tổ chức của đảng cách mạng của giai cấp công nhân.

Những nguyên tắc cơ bản về xây dựng đảng vô sản mà Lênin đã nêu ra và chứng minh, đã trải qua thử thách của thời gian, đã chứng tỏ sức sống của mình và được thừa nhận chung trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Những nguyên tắc đó là:

Đảng mác-xít là một bộ phận của giai cấp công nhân, là đội tiền phong giác ngộ của nó. Từ đó, người ta suy ra là, không thể kết nạp vào hàng ngũ của đảng tất cả những người tình nguyện, mà chỉ kết nạp những đại biểu ưu tú nhất của công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, chỉ kết nạp những người thực sự có khả năng đứng trong đội tiền phong của quần chúng, lôi cuốn quần chúng đi theo mình. Lênin dạy: "Nhiệm vụ của chúng ta là phải bảo vệ sự cứng rắn, sự kiên định và sự trong sạch của Đảng ta. Chúng ta phải cố gắng nâng cao, nâng cao nữa và nâng cao mãi danh hiệu và vai trò của người đảng viên...".

Các tổ chức đảng, bao gồm những người tiên tiến và giác ngộ trong công nhân, nông dân và những đại biểu của giới trí thức, càng vững mạnh thì nội bộ đảng càng ít bị lung lay, ít bấp bênh, ảnh hưởng của đảng đối với những người lao động càng rộng và càng có kết quả. Như Lênin viết, chúng ta là đảng của giai cấp, chính vì vậy mà hầu như toàn bộ giai cấp, (trong những điều kiện nhất định thì thật sự là toàn bộ giai cấp) phải hoạt động dưới sự lãnh đạo của đảng, phải gắn bó với đảng. Nhưng thật là điên rồ nếu cho rằng, trong điều kiện chủ nghĩa tư bản, toàn bộ giai cấp đều có khả năng vươn lên ngang tầm giác ngộ và tính tích cực của đảng mình. Vì vậy, không thể lẫn lộn đảng bộ phận tiên tiến của giai cấp, với giai cấp. Cần phải có những điều kiện kết nạp đảng viên như thế nào để bảo đảm chỉ lựa chọn vào

hàng ngũ của đảng những đại biểu xứng đáng nhất, giác ngộ nhất và tích cực nhất của giai cấp công nhân và những tầng lớp lao động khác.

Đảng không chỉ là đội ngũ tiên tiến giác ngộ, mà còn là đội ngũ có tổ chức của giai cấp công nhân.

Lênin viết: "... Giai cấp vô sản có thể trở thành và nhất định trở thành lực lượng bất khả chiến thắng, chính là vì sự thống nhất của nó về mặt tư tưởng trên cơ sở các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác, được củng cố thêm bằng sự thống nhất vật chất của tổ chức, chính cái tổ chức này đã đoàn kết được hàng triệu người lao động vào đội quân của giai cấp công nhân. Trước đội quân đó, cả chính quyền già cỗi của chế độ chuyên chế Nga hoàng lẫn chính quyền già cỗi của tư bản quốc tế đều không thể đứng vững được". Chỉ có tính tổ chức cao mới có thể biến đảng thành một tổ chức vững mạnh và có khả năng chiến đấu, mới có thể đem lại cho đảng những sức mạnh nhiều lần vượt xa số lượng của nó. Tổ chức, Lênin nhấn mạnh, nhân sức mạnh lên hàng chục lần. Khi nói về bản chất của toàn văn trình bày tiết thứ nhất của Điều lệ, trong cuốn sách *"Một bước tiến, hai bước lùi"*, Lênin viết: "Bằng cái đó, tôi diễn tả hết sức rõ ràng, hết sức chính xác nguyện vọng của tôi, đòi hỏi của tôi là đảng, với tư cách là đội tiền phong của giai cấp, phải là một cái gì đó tổ chức hơn...".

Trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, giai cấp vô sản không có vũ khí nào khác hơn là tổ chức. Khi phê phán chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề tổ chức, Lênin chỉ ra rằng trong một đảng không được phép pha trộn những phần tử có tổ chức với những phần tử vô tổ chức, những phần tử phục tùng lãnh đạo với những phần tử không phục tùng lãnh đạo, những phần tử tiên tiến với những phần tử lạc hậu không thể nào sửa chữa được. Lênin cho rằng sự pha trộn như vậy, một sự pha trộn mà bọn men-sê-vích đã đẩy đảng vào là nguy hiểm và rất tai hại cho đảng. Chỉ có tính tổ chức cao, đảng mới có thể bảo đảm được sự thống nhất ý chí và hành động trong hàng ngũ của mình. Lênin nhấn mạnh: "Sự giác ngộ của đội tiền phong, ngoài ra, còn thể hiện ở chỗ, nó biết tự tổ chức lại. Mà một khi đã được tổ chức lại, thì nó có ý chí thống nhất và cái ý chí thống nhất đó của một nghìn người, của một trăm nghìn người, của một triệu người tiên tiến sẽ trở thành ý chí của giai cấp".

Đảng mác-xít là hình thức cao nhất của tổ chức giai cấp. Giai cấp công nhân có nhiều loại tổ chức khác nhau: công đoàn, hợp tác xã, đoàn

thanh niên và các tổ chức khác. Nhưng hình thức tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân là đảng cộng sản và với tư cách là hình thức tổ chức cao nhất, đảng giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đường, dẫn lối cho tất cả các tổ chức khác của giai cấp vô sản, của tất cả những người lao động. Lênin đã từng nhấn mạnh: "Đảng - đó là đội tiền phong thống soái chấp chính trực tiếp của giai cấp vô sản, đó là người lãnh đạo". Sứ mệnh lịch sử của đảng là lãnh đạo tất cả các tổ chức khác của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động.

Là hình thức tổ chức giai cấp cao nhất, Đảng Cộng sản thể hiện sự liên hệ của đội tiền phong của giai cấp công nhân với hàng triệu quần chúng công nhân và tất cả những người lao động khác. Mối liên hệ không tách rời đó của đảng với nhân dân cho phép đảng hiểu sâu lợi ích và tâm tư của các giai cấp và các tập đoàn xã hội khác nhau, đồng thời ảnh hưởng đến các giai cấp và các tập đoàn đó.

Trong việc giải quyết tất cả mọi nhiệm vụ, đảng đều dựa vào quần chúng - lực lượng quyết định sự phát triển lịch sử. Sức mạnh của đảng ở mối liên hệ với nhân dân. Về phần nhân dân thì chỉ có dưới sự lãnh đạo của đảng, nghị lực sáng tạo vĩ đại của họ mới có thể thực sự bộc lộ và mới tác động được đúng hướng đến tiến trình và kết cục của sự phát triển xã hội.

Sự quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, việc xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa không diễn ra một cách tự phát, mà do kết quả của sự sáng tạo tự giác, được tổ chức một cách có kế hoạch của quần chúng nhân dân. Người tổ chức và người cổ vũ sự sáng tạo ấy là Đảng Cộng sản. Lênin chỉ rõ: "cuộc cải tạo mà chúng ta muốn tiến hành, càng sâu sắc bao nhiêu, thì càng phải nâng cao sự quan tâm và thái độ tự giác đối với nó, càng phải thuyết phục thêm được hàng triệu và hàng chục triệu quần chúng thấy được sự cần thiết đối với nó bấy nhiêu".

Nghĩ rằng chỉ cần một mình đảng, với sức mạnh riêng của đảng, cũng có thể xây dựng được xã hội mới, là phạm sai lầm nghiêm trọng. Những người cộng sản - Lênin nói - chỉ là một giọt nước trong biển cả nhân dân và họ chỉ giành được thắng lợi trong trường hợp dẫn dắt được quần chúng công nhân và nông dân đi theo mình và nếu toàn thể nhân dân lao động sẽ thực sự cùng với họ tiến lên thực hiện mục đích đã đề ra. Lênin cho rằng "nguy cơ xa rời quần chúng" là một trong những tai họa lớn nhất đối với đảng, có khả năng giết chết sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những hình thức liên hệ cụ thể của đảng với quần chúng và lãnh đạo quần chúng được quyết định rất nhiều bởi những đặc điểm của hoàn cảnh lịch sử mà trong đó đảng phải hoạt động. Trong những điều kiện khi chính quyền còn nằm trong tay bọn bóc lột thì đảng đặt ra nhiệm vụ cơ bản là tranh thủ giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động không vô sản khác về phía mình, đoàn kết quần chúng xung quanh giai cấp vô sản để lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản. Với mục đích đó, đảng hoạt động trong các tổ chức quần chúng, trong đó có cả các tổ chức phản động, nếu các tổ chức ấy có quần chúng lao động; đảng tham gia vào các cuộc vận động chính trị (bầu cử vào nghị viện, v.v...) và điều đó cho phép đảng trình bày trước nhân dân cương lĩnh của mình, các mục đích và các nhiệm vụ của mình, bóc trần bản chất phản động những chính sách của các giai cấp thống trị và tất cả những kẻ ủng hộ chúng.

Lênin nói: Khi cách mạng đã bùng ra và quần chúng tham gia vào cuộc cách mạng đó thì làm một nhà cách mạng chẳng khó khăn gì. Nhưng khi các điều kiện cần thiết cho sự bùng nổ cách mạng còn chưa chín muồi và cần phải tuyên truyền quần chúng để họ hiểu tính tất yếu của những hành động cách mạng đáp ứng những lợi ích căn bản của họ, thì thực hiện đường lối cách mạng sẽ khó khăn hơn nhiều. Việc đó đòi hỏi đảng phải làm công tác quần chúng một cách kiên trì, bền bỉ và khéo léo.

Sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi và đảng đã trở thành đảng cầm quyền thì đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình thông qua các tổ chức nhà nước, các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức quần chúng khác của nhân dân lao động. Những tổ chức đó nối liền đảng với quần chúng công nhân, nông dân, trí thức, không như thế thì không thể thực hiện được chuyên chính vô sản.

Khi nói về hệ thống lãnh đạo đã hình thành sau Cách mạng tháng Mười ở đất nước Xô-viết, Lênin viết: "Nhìn chung, chúng ta có được một bộ máy vô sản, phi cộng sản về hình thức, linh hoạt, tương đối rộng và rất hùng mạnh, thông qua bộ máy đó, đảng liên hệ chặt chẽ với giai cấp và với quần chúng, với sự lãnh đạo của đảng chuyên chính của giai cấp được thực hiện".

Nguyên tắc chỉ đạo trong việc xây dựng đảng về mặt tổ chức là tập trung dân chủ. Nguyên tắc đó kết hợp một cách hữu cơ tập trung và dân chủ - những thuộc tính vốn có trong bản chất của đảng cách mạng của giai cấp

công nhân. Không thể nào có được một đảng thật sự cách mạng, một đảng mác-xít - lê-nin-nít, mà lại không có tập trung. Nếu như mỗi đảng viên và các tổ chức của đảng đều hành động theo ý mình, không đếm xỉa gì đến những nghị quyết đã được đề ra và thông qua một cách tập thể, coi thường ý chí của đa số, coi thường chỉ thị của các cơ quan đảng cấp trên thì không thể nói đến bất kỳ một sự thống nhất hành động nào ở trong đảng. Đảng như một chỉnh thể thống nhất sẽ không còn tồn tại nữa. Đảng sẽ chia nhỏ ra thành vô số các tổ chức riêng lẻ, không gắn bó gì với nhau nữa.

Lênin nói, trong đảng chỉ có thể có một kỷ luật bắt buộc như nhau đối với tất cả mọi người - từ các đảng viên thường cho đến các cán bộ lãnh đạo. Bút chiến với những người cơ hội men-sê-vích, Lênin viết: "... Theo đà hình thành ở nước ta một đảng chân chính, người công nhân giác ngộ phải học được cách phân biệt tâm lý của người chiến binh trong đội quân vô sản với tâm lý của người trí thức tư sản ba hoa những câu nói vô chính phủ, phải học được cách đòi hỏi thi hành các nhiệm vụ đảng viên của đảng không chỉ đối với những đảng viên thường, mà đối với cả "những người ở trên" nữa...".

Lênin chỉ ra rằng, có quán triệt đầy đủ nguyên tắc tập trung trong đảng và có chấp hành kỷ luật nghiêm minh của đảng thì mới biến được "uy tín của các tư tưởng thành uy tín của chính quyền, các cơ quan cấp dưới mới phục tùng các cơ quan cấp trên của đảng".

Không có dân chủ trong nội bộ đảng thì không thể có đảng mác-xít - lê-nin-nít. Nếu như không có tập trung, đảng có thể biến thành một thứ câu lạc bộ cãi vã, không có khả năng cùng hành động tích cực, thì không có dân chủ, đảng có nguy cơ thoái hóa thành một tổ chức quan liêu mà kỷ luật sẽ được duy trì trên sự phục tùng mù quáng, do đó không thể bền vững được. Chỉ có kết hợp đúng đắn tập trung và dân chủ mới bảo đảm được khả năng chiến đấu của đảng, đảng mới thực hiện được vai trò người lãnh tụ chính trị của quần chúng. Dân chủ trong nội bộ đảng có nghĩa là mọi công việc trong đảng đều do tất cả các đảng viên của đảng giải quyết trực tiếp hoặc thông qua các đại biểu của mình, tất cả các cơ quan lãnh đạo của đảng đều phải do tuyển cử mà ra, phải báo cáo về công việc của mình và có thể bị bãi miễn.

Tập trung dân chủ cho phép đảng xem xét toàn diện, đồng thời khai thác được kinh nghiệm và ý kiến của toàn thể đảng viên và các tổ chức của đảng, sáng kiến và óc sáng tạo của địa phương, những con đường và những phương tiện vô cùng khác nhau để đạt mục đích chung. Lênin viết: "Sự thống nhất

về cơ bản, về căn bản và về thực chất không bị phá vỡ và lại được bảo đảm bằng sự đa dạng trong những chi tiết trong những đặc điểm của địa phương, trong những phương pháp giải quyết công việc, trong những phương thức thực hiện kiểm soát...".

Tập trung dân chủ bảo đảm quyền tự do rộng rãi cho tất cả mọi đảng viên phát huy năng lực của mình, luyện cho đảng viên có nhãn quan chính trị rộng, biết giải quyết bất kỳ vấn đề nào trên lập trường của đảng, với tinh thần trách nhiệm cao về công việc và về vận mệnh của đảng. Tập trung dân chủ cho phép tạo ra sự thống nhất quan điểm của những người cộng sản về các vấn đề cơ bản của chính sách và về hoạt động thực tiễn của đảng; sự thống nhất về tư tưởng của đảng, trí tuệ tập thể của đảng được bổ sung thêm bằng sự thống nhất hành động, sự thống nhất ý chí trong việc thực hiện chiến lược chính sách, sách lược của đảng. Dân chủ đầy đủ, tự do phát triển ý kiến khi thảo luận các vấn đề, kỷ luật sắt và sự thống nhất hành động trong việc thực hiện các nghị quyết của đảng - quy luật bất di bất dịch của sinh hoạt đảng là như vậy.

Nguyên tắc tập trung dân chủ bảo đảm cho việc xây dựng đảng thành một tổ chức tập trung thống nhất chung cho tất cả các đội ngũ dân tộc của giai cấp công nhân trong nước. Trước đây, khi đảng ta mới ra đời, những người đại biểu cho Bun đã đòi đảng phải được xây dựng trên nguyên tắc liên bang, đảng phải là sự liên hiệp của các tổ chức dân tộc độc lập với trung ương chung của đảng. Lênin và những người ủng hộ Người đã chứng minh rằng việc xây dựng đảng như vậy chỉ có thể dẫn đến chỗ phân hóa đảng thành những đội ngũ dân tộc biệt lập và điều đó mâu thuẫn tận gốc với nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế, một nguyên tắc biểu hiện bản chất sâu xa nhất của phong trào công nhân và cộng sản cách mạng. Lênin nói: "Đấy, vì sao chúng ta bác bỏ nguyên tắc liên bang ngay từ ngưỡng cửa...".

Nhân việc thành lập liên bang các nước Cộng hòa Xô-viết, Đại hội VIII của đảng (1919) đã chỉ ra rằng điều đó hoàn toàn không có nghĩa là về phần mình Đảng Cộng sản Nga cũng phải được xây dựng trên cơ sở liên hiệp các đảng cộng sản độc lập theo nguyên tắc liên bang. Trong các nghị quyết của đại hội có nói rằng, ngay sau khi đã thành lập các nước Cộng hòa Xô-viết độc lập cũng vẫn "cần phải có một đảng cộng sản tập trung thống nhất, với Ban Chấp hành Trung ương thống nhất lãnh đạo toàn bộ công tác của đảng tại tất cả các bộ phận của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa Xô-viết

Nga. Mọi nghị quyết của Đảng Cộng sản Nga và của các cơ quan lãnh đạo của đảng đều là bắt buộc một cách vô điều kiện đối với tất cả các bộ phận của đảng, bất luận thành phần dân tộc của các bộ phận đó như thế nào".

Nguyên tắc quan trọng nhất trong việc xây dựng đảng về mặt tổ chức và trong hoạt động của đảng là chủ nghĩa quốc tế vô sản xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc đó có nghĩa rằng, đảng được xây dựng và hoạt động như một tổ chức giai cấp trong đó tập hợp những đại biểu của các dân tộc khác nhau. Đảng là hiện thân của tình hữu nghị và tình anh em của các dân tộc Liên Xô, đảng không dung tha thói ác cảm dân tộc và chủng tộc. Đồng thời đảng đã luôn luôn xem mình là một bộ phận hợp thành của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đảng đã xuất phát từ sự cần thiết phải đoàn kết anh em với nhân dân lao động tất cả các nước, với tất cả các dân tộc.

Lênin nhấn mạnh: "Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi, *một là,* lợi ích của cuộc đấu tranh vô sản ở một nước phải phục tùng lợi ích của cuộc đấu tranh đó trên phạm vi toàn thế giới, *hai là,* đòi hỏi dân tộc đang chiến thắng giai cấp tư sản phải có năng lực và sẵn sàng gánh lấy những hy sinh dân tộc vĩ đại nhất vì sự nghiệp lật đổ tư bản quốc tế".

Chiến thắng của tư tưởng Lênin trong việc xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác xã hội, trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đã có một ý nghĩa quốc tế to lớn. Nó chỉ ra cho những người mác-xít những nguyên tắc xây dựng đảng cách mạng của giai cấp công nhân, những nguyên tắc đó bảo đảm tốt nhất cho sức chiến đấu của đảng, cho sự thống nhất của những người công nhân thuộc tất cả các dân tộc. Đảng ta đã từng tuân theo những nguyên tắc ấy một cách vô điều kiện trong suốt quá trình lịch sử của mình và hiện nay đảng cũng vẫn tiếp tục tuân theo những nguyên tắc đó.

- *Các tiêu chuẩn lê-nin-nít về sinh hoạt đảng*

Các tiêu chuẩn lê-nin-nít về sinh hoạt đảng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của đảng. Tiêu chuẩn sinh hoạt đảng là những quy tắc chặt chẽ quy định chế độ sinh hoạt nội bộ của đảng, quy định các hình thức tổ chức, các phương pháp công tác của đảng và cách cư xử của các đảng viên. Là người sáng lập và củng cố Đảng bôn-sê-vích, Lênin đã phấn đấu sao cho trong đảng có được "những tiêu chuẩn tổ chức", "những quy tắc tổ chức được mọi người chấp nhận". Những tiêu chuẩn như vậy đã được đề ra và được chấp nhận để vũ trang cho đảng; chúng đã tỏ rõ sức sống mãnh liệt của

mình. Các tiêu chuẩn sinh hoạt đang nằm trong mối quan hệ hữu cơ với các nguyên tắc tổ chức của Đảng Cộng sản Liên Xô và cụ thể hóa những nguyên tắc ấy. Chính nhờ có những tiêu chuẩn đó mà các nguyên tắc tổ chức của đảng được thực hiện trong thực tế, ăn sâu vào đời sống hàng ngày của đảng và của tất cả các tổ chức đảng. Được quy định trong Điều lệ đảng, các tiêu chuẩn ấy mang tính chất pháp lệnh của đảng, đó là những tiêu chuẩn bắt buộc đối với tất cả mọi đảng viên.

Có những tiêu chuẩn quy định các quan hệ trong nội bộ đảng do nguyên tắc tập trung dân chủ đẻ ra. Những tiêu chuẩn đó là: tất cả các cơ quan của đảng đều phải do bầu cử mà ra, phải báo cáo, kỷ luật phải nghiêm minh, thiểu số phải phục tùng đa số, các cơ quan cấp dưới phải phục tùng các cơ quan cấp trên, tự do thảo luận một cách thiết thực các vấn đề thuộc chính sách của đảng, phê bình và tự phê bình, v.v... Trên cơ sở những tiêu chuẩn đó, dân chủ trong nội bộ đảng được phát huy mạnh mẽ, kỷ luật của đảng được củng cố, bảo đảm được sự thống nhất hành động của hàng ngũ đảng, của tất cả những người cộng sản.

Có những tiêu chuẩn quy định cơ cấu tổ chức của đảng, cách thức xây dựng và chức năng của các tổ chức cơ sở của đảng, của các đảng bộ huyện, thành phố, tỉnh, miền, nước cộng hòa và các cơ quan lãnh đạo của các tổ chức đó.

Tất cả những tiêu chuẩn đó cũng như các tiêu chuẩn khác đều do bản chất của đảng sinh ra, chúng bắt nguồn một cách lô gích từ các nguyên tắc tổ chức của đảng và phù hợp với các nguyên tắc đó. Tập hợp lại với nhau, những tiêu chuẩn đó chính là cái mà chúng ta gọi là những tiêu chuẩn lê-nin-nít về sinh hoạt đảng. Chấp hành triệt để những tiêu chuẩn đó là một trong những điều kiện không thể thiếu được và có tính chất quyết định đối với sức mạnh và sự vững vàng của đảng, đối với việc thực hiện thắng lợi vai trò lãnh đạo của đảng.

- Các nguyên tắc lãnh đạo của đảng

Do Lênin đề ra và được đảng phát triển một cách sáng tạo và làm giàu thêm bằng kinh nghiệm của mình, những nguyên tắc đó là những nguyên lý có căn cứ khoa học về các phương pháp lãnh đạo của đảng đối với mọi mặt của đời sống xã hội, đối với các quá trình phát triển xã hội. Những nguyên tắc đó đã được kiểm tra trong thực tế. Chính những nguyên tắc đó quyết định quan điểm của đảng đối với việc tổ chức sinh hoạt nội bộ đảng, đối với

việc đề ra phương châm chính trị, việc giải quyết các vấn đề xây dựng kinh tế và văn hóa, việc lãnh đạo các tổ chức nhà nước, các tổ chức kinh tế và các tổ chức xã hội. Những nguyên tắc quan trọng nhất là: lãnh đạo tập thể, có quan điểm giai cấp đối với các hiện tượng của đời sống xã hội, bảo đảm căn cứ khoa học của những quyết định được đề ra, thống nhất lý luận và thực tiễn, thống nhất công tác chính trị và công tác tổ chức, kết hợp tính kế thừa kinh nghiệm của quá khứ với việc đề ra và giải quyết sáng tạo những vấn đề do cuộc sống đặt ra, thiết thực và nhạy bén với cái mới; dựa vào kinh nghiệm và sáng kiến của quần chúng; phân rõ ranh giới giữa chức năng của các cơ quan đảng và các cơ quan nhà nước; lựa chọn, bố trí và giáo dục cán bộ; kiểm tra việc chấp hành.

Việc thực hiện triệt để các nguyên tắc lãnh đạo của Lênin cho phép đảng, trong mỗi giai đoạn phát triển của đất nước, tìm ra cách giải quyết đúng đắn những vấn đề đã chín muồi, bảo đảm được mối liên hệ mật thiết với quần chúng, biết tổ chức khéo léo quần chúng thực hiện các nhiệm vụ xây dựng cộng sản chủ nghĩa.

Học thuyết của Lênin về đảng, về các nguyên tắc và các tiêu chuẩn sinh hoạt và hoạt động của đảng, được tiếp tục phát triển một cách sáng tạo trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Liên Xô, của phong trào cộng sản quốc tế, của các đảng mác-xít - lê-nin-nít anh em.

- Cương lĩnh và Điều lệ là những văn kiện quan trọng nhất của đảng

Trong toàn bộ hoạt động của mình, đảng tuân theo hai văn kiện nền tảng là Cương lĩnh và Điều lệ. Cơ sở lý luận của hai văn kiện đó là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cương lĩnh quy định một cách khoa học các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của đảng, cũng như các con đường và các phương thức thực hiện những nhiệm vụ đó, xuất phát từ việc xem xét các quy luật của sự phát triển xã hội và các điều kiện lịch sử cụ thể.

Lênin viết: "Cương lĩnh, điều đó có nghĩa là lời tuyên bố ngắn gọn, rõ ràng và chính xác về *tất cả những gì mà đảng phấn đấu để giành lấy và đấu tranh để thực hiện*".

Cương lĩnh là cơ sở lý luận và tư tưởng, là cơ sở chính trị để tập hợp vào đảng những đại biểu cách mạng nhất và giác ngộ nhất của giai cấp công nhân và của toàn thể nhân dân lao động.

Đề ra những yêu cầu cơ bản mà Cương lĩnh của một đảng công nhân mác-xít phải đáp ứng, Lênin nêu lên rằng cương lĩnh phải "chứa đựng những điều tuyệt đối không thể bác bỏ được, những điều quy định thực tế", phải xuất phát từ việc xem xét những điều kiện lịch sử và những khả năng cụ thể, phải dựa vào kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng, phải xây dựng trên những thành tựu của lý luận mác-xít. Cương lĩnh không được quá chi tiết, không được viển vông, trừu tượng và cường điệu, vì điều đó chứa đựng nguy cơ thoát ly thực tế hiện thực, thoát ly quần chúng lao động đông đảo. Cương lĩnh, "phải được xây dựng trên nền tảng khoa học. Nó phải giải thích cho quần chúng rõ cách mạng cộng sản chủ nghĩa đã nảy sinh ra như thế nào, vì sao cuộc cách mạng đó là tất yếu, ý nghĩa, bản chất và sức mạnh của nó là ở chỗ nào, nó phải giải quyết cái gì?".

Trong cuộc đấu tranh để thực hiện mục đích cuối cùng của mình, giai cấp công nhân nhất định phải trải qua mấy giai đoạn lịch sử cơ bản. Nội dung chủ yếu của những giai đoạn lịch sử đó là: lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Điều lệ đảng là một văn kiện nền tảng khác của đảng. Điều lệ quy định các hình thức xây dựng đảng về mặt tổ chức, các phương pháp hoạt động của đảng, các tiêu chuẩn sinh hoạt đảng. Theo cách diễn đạt của Lênin thì Điều lệ là "nghị quyết chung về các hình thức và tiêu chuẩn tổ chức đảng".

Điều lệ gắn chặt với Cương lĩnh của đảng, xuất phát từ các luận điểm của Cương lĩnh và phù hợp với Cương lĩnh. Nhưng khác với Cương lĩnh, Điều lệ là văn kiện có tính chất tác chiến nhiều hơn, linh hoạt hơn.

II. MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM CỦA LÊNIN VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẢNG LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN TIẾN HÀNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Vào cuối đời mình, Lênin chưa có thì giờ đi sâu nghiên cứu hoàn chỉnh lý luận về đảng cầm quyền. Song, Lênin đã nêu lên một số luận điểm quan trọng có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn chỉ đạo công tác xây dựng Đảng trong điều kiện lãnh đạo chính quyền tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những luận điểm đó là:

- Một đặc điểm chung của một đảng trong điều kiện lãnh đạo chính quyền tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà công tác xây dựng Đảng cần phải chú ý đó là:

Theo Lênin: khi đảng đã có chính quyền, thì đảng của giai cấp vô sản đã *"từ một thời kỳ mà nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta là thuyết phục nhân dân và dùng lực lượng quân sự để tiêu diệt bọn bóc lột, sang một thời kỳ mới mà nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta là nhiệm vụ quản lý.* Trong lịch sử thế giới, đây là lần đầu tiên một đảng xã hội chủ nghĩa - đã có thể trực tiếp đảm nhiệm lấy nhiệm vụ quản lý"[1].

Và Lênin đã vạch rõ: "Nhiệm vụ chủ yếu đó là một công tác tích cực, hoặc có tính chất xây dựng nhằm thiết lập một hệ thống quan hệ tổ chức mới, hệ thống cực kỳ phức tạp và tinh tế, bao gồm sự sản xuất và phân phối một cách có kế hoạch các sản phẩm cần thiết cho đời sống của hàng chục triệu người"[2].

Lênin còn chỉ rõ: "Ngày nay nhiệm vụ quản lý đã trở thành nhiệm vụ chủ yếu và trung tâm... muốn quản lý được tất mà chỉ thuyết phục, biết chiến thắng trong cuộc nội chiến mà thôi thì chưa đủ, còn cần phải biết tổ chức về mặt thực tiễn nữa. Trước kia chúng ta chiến thắng bằng phương pháp trấn áp, thì sau này chúng ta sẽ có thể chiến thắng bằng phương pháp quản lý"[3].

Song, muốn quản lý được tất thì phải có nghệ thuật. Lênin viết: "Bất kỳ công tác quản lý nào cũng đòi hỏi phải có những đặc tính riêng biệt, mà muốn quản lý được tất phải có một trình độ khoa học nhất định... Vì nghệ thuật quản lý không phải người ta bẩm sinh ra đã có, mà phải trải qua một kinh nghiệm mới đạt được".

Do đó đòi hỏi giai cấp công nhân và đảng cầm quyền phải có một trình độ tự giác rất cao, đặc biệt là trên lĩnh vực tổ chức quản lý. Lênin đã nhiều lần nhắc nhở những người bôn-sê-vích cần ra sức phấn đấu để khắc phục những thói quen của thời kỳ hoạt động cũ, để làm quen và thích ứng với lĩnh vực mới là lĩnh vực tổ chức quản lý. Lênin đã phân tích rằng trong thời kỳ mới về căn bản chúng ta đã nắm được lực lượng kinh tế trong tay, nhưng rõ ràng "cái còn thiếu chính là trình độ văn hóa của những người

---

1, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập,* tập 36, Nxb Tiến bộ, M. 1977, tr. 209-210.

2. V.I. Lênin: *Về vai trò lãnh đạo của Đảng,* Nxb Sự thật, H. tr. 21.

cộng sản lãnh đạo"[1]. Lênin chỉ rõ là những người cộng sản đã từng chiến đấu rất anh dũng, đã tiến hành một cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử được toàn thế giới chiêm ngưỡng, nhưng bây giờ "Người cộng sản đó và nhà cách mạng đó phải học tập người bán hàng tầm thường"[2]. Lênin cũng đã dạy rằng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, để củng cố bộ máy nhà nước Xô-viết, một mặt phải có nhiệt tình cách mạng say sưa; mặt khác phải có hiểu biết, có học thức, mà quyết không thể thay thế sự hiểu biết bằng sự gan dạ, sự sốt sắng hoặc bất cứ một đức tính tốt đẹp nào khác. Từ đó, Lênin đặt cho toàn Đảng nhiệm vụ: *"một là,* chúng ta phải học; *hai là,* chúng ta phải học tập nữa; *ba là,* chúng ta phải học tập mãi"[3].

- Lênin chỉ rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản và toàn bộ xã hội.

Khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền thì vai trò trách nhiệm của Đảng đều tăng lên. Lênin chỉ rõ rằng: "Chỉ có Đảng của giai cấp công nhân, tức là Đảng Cộng sản, mới có thể tập hợp, giáo dục, tổ chức đội tiền phong của giai cấp vô sản và tất cả quần chúng lao động, chỉ có đội tiền phong ấy mới có thể chống lại nổi sự giao động tiểu tư sản không thể tránh khỏi của những quần chúng đó, chống lại nổi những truyền thống và những sự tái phạm không thể tránh khỏi của bệnh hẹp hòi phường hội hoặc của những thiên kiến phường hội trong giai cấp vô sản và lãnh đạo tất cả những hành động liên hợp của toàn bộ giai cấp vô sản, tức là lãnh đạo giai cấp đó về mặt chính trị và thông qua đó mà lãnh đạo tất cả quần chúng lao động. Nếu không thế thì không thể thực hiện được chuyên chính của giai cấp vô sản được"[4].

Tuy nhiên, việc Đảng lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản như thế nào, đó là một điều không đơn giản, vì như Lênin đã nói: "Khi toàn bộ quyền lực - lần này không phải chỉ là quyền lực chính trị, thậm chí chủ yếu không phải là quyền lực chính trị, mà là quyền lực kinh tế, tức là quyền lực đụng đến những cơ sở sâu xa nhất của đời sống hàng ngày của con người, chuyển vào tay một giai cấp mới và hơn nữa chuyển vào tay một giai cấp lần đầu tiên

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* tập 45, Nxb Tiến bộ, M. 1978, tr. 114.

2. Sđd, tr. 98-99.

3. Sđd, tr. 444.

4. V.I. Lênin: *Toàn tập,* tập 32, Nxb Sự thật, H. 1970, tr. 313-314.

trong lịch sử nhân loại, đang lãnh đạo tuyệt đại đa số nhân dân, toàn thể quần chúng lao động và bị bóc lột - thì nhiệm vụ của chúng ta trở nên phức tạp"[1].

- Đảng không thể tự củng cố một cách biệt lập, tách rời sự củng cố bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản.

Lênin nói, để thực hiện nền chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng cần phải xây dựng "một bộ máy vô sản", về hình thức thì không phải là cộng sản, một bộ máy mềm dẻo và tương đối rộng rãi, rất mạnh, một bộ máy mà thông qua đó Đảng liên hệ chặt chẽ với giai cấp và quần chúng, thông qua đó chuyên chính của giai cấp được thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Lênin đề ra những nguyên tắc lãnh đạo và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo chính quyền.

Lênin chỉ rõ, Đảng lãnh đạo chính quyền và toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, nhưng "cần phân biệt thật chính xác các chức năng của Đảng (và Ban Chấp hành Trung ương Đảng) với các chức năng của chính quyền Xô-viết, nâng cao tinh thần trách nhiệm và óc sáng tạo của cán bộ chính quyền, cơ quan chính quyền; Đảng phải lãnh đạo công tác của cơ quan chính quyền nhưng không can thiệp quá nhiều, không được can thiệp bất thường dù đó là sự can thiệp nhỏ nhặt"[2]. Đồng thời, Lênin yêu cầu các cơ quan của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản phải có phương thức hoạt động cho phù hợp với giai đoạn cách mạng mới. Lênin viết: "Chủ nghĩa xã hội là sản phẩm của đại công nghiệp cơ khí. Và nếu quần chúng đang xây dựng chủ nghĩa xã hội mà không biết đem ứng dụng những thiết chế của mình cho phù hợp với phương thức hoạt động của đại công nghiệp cơ khí, thì không nói đến việc thiết lập chủ nghĩa xã hội được".

Lênin cho rằng, một trong những hình thức, phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản là phải lựa chọn, bố trí cán bộ cho đúng và tổ chức kiểm tra sự thực hiện thường xuyên, Lênin viết: "Chúng ta cần phải kiểm tra khả năng của từng người, cần phải kiểm tra sự thực hiện trong thực tế... Kiểm tra người và kiểm tra sự thực hiện trong công việc thực tế, ngày nay, cái đinh của toàn bộ công tác, của toàn bộ các chính sách là ở đó"[3].

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 27, Nxb Sự thật, H. 1970, tr. 521.

2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 33, tr. 224, 111.

Trong sự lãnh đạo của Đảng, Lênin đặc biệt chú trọng *nguyên tắc lãnh đạo tập thể,* nguyên tắc tối cao trong sự lãnh đạo của Đảng.

Toàn bộ tác phong lê-nin-nít trong việc lãnh đạo công tác Đảng và nhà nước đã nêu lên một kiểu mẫu về tính khoa học, về sự thống nhất giữa lời nói và việc làm và nguyên tắc lãnh đạo tập thể mà các cơ quan Đảng, các cán bộ lãnh đạo cũng như các đảng viên cộng sản phải tuân theo.

Trong hoạt động của các cơ quan Trung ương cao cấp của Đảng, Lênin đặc biệt coi trọng vấn đề làm thế nào để cho hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, của các cán bộ lãnh đạo được tiến hành theo tinh thần những nghị quyết, những chỉ thị, những chỉ dẫn của các cơ quan tập thể của Đảng. Tất cả những vấn đề quan trọng nhất, những vấn đề nguyên tắc có liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại, liên quan đến công cuộc xây dựng Đảng và nhà nước Xô-viết, những vấn đề cấp bách mà cuộc sống đề ra cho Đảng phải giải quyết, đều được đem ra thảo luận trong Ban Chấp hành Trung ương. Khi có những vấn đề lớn có tính nguyên tắc, Lênin không bao giờ sử dụng phương pháp giải quyết cá nhân. Bằng tất cả bản lĩnh của mình và cách thức hoạt động của mình, Lênin đã dạy cho cán bộ đảng những bài học trực quan để họ thấy rõ thế nào là nguyên tắc lãnh đạo tập thể, thực hiện nguyên tắc ấy như thế nào trong thực tế của một Đảng cầm quyền.

Dựa vào những tư tưởng của Lênin về Đảng lãnh đạo trong điều kiện chuyên chính vô sản, Xtalin cũng đã từng nói: "... phương pháp thuyết phục là phương pháp chủ yếu mà Đảng dùng để lãnh đạo"[1], và "nếu coi sự lãnh đạo của Đảng với nội dung của chuyên chính vô sản là một, tức là vô hình trung thừa nhận rằng người ta có thể xây dựng uy tín của Đảng trên bạo lực, điều đó là vô lý và hoàn toàn trái với chủ nghĩa Lênin"[2].

Đảng không thể dùng bạo lực chinh phục sự tín nhiệm của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, không thể xây dựng uy tín của mình trên một quyền lực vô hạn đối với quần chúng, mà sự tín nhiệm của quần chúng đối với Đảng là do lý luận đúng đắn của Đảng, do chính sách đúng đắn của Đảng, do lòng trung thành của Đảng... do mối liên hệ giữa Đảng với quần

---

1. Xtalin: *Những vấn đề của chủ nghĩa Lênin,* tr. 193.

2. Xtalin: *Nguyên lý xây dựng Đảng,* tr. 370.

chúng..., do năng lực thuyết phục quần chúng tin vào khẩu hiệu đúng đắn của mình"[1].

- Lênin rất coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng đảng viên.

Muốn cho Đảng vững mạnh Lênin cho rằng phải tăng cường chất lượng đảng viên, kiên quyết loại trừ những phần tử không đủ tiêu chuẩn, những phần tử cơ hội ra khỏi Đảng, "Cần phải đuổi ra khỏi Đảng những kẻ gian giảo, những đảng viên cộng sản đã quan liêu hóa, không trung thực, nhu nhược và những người men-sơ-vích, tuy bề ngoài đã được phủ một lớp sơn mới nhưng trong xương tủy thì vẫn là men-sơ-vích"[2]. Trong công tác phát triển Đảng, Lênin nhấn mạnh, phải chấp hành đầy đủ các thủ tục, kể cả thời gian dự bị của đảng viên cũng phải được coi trọng, chứ "không phải là một hình thức đơn thuần".

Trong công tác đảng viên, Lênin rất coi trọng việc nâng cao trình độ kiến thức cho đảng viên, Lênin nói: "Chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể được tạo trên cơ sở những kiến thức hiện đại và nếu không có những kiến thức đó thì chủ nghĩa cộng sản chỉ là một nguyện vọng mà thôi"[3].

- Lênin cũng đã căn dặn đối với Đảng cầm quyền, cần phải chống quan liêu, mệnh lệnh, thoát ly quần chúng.

Lênin viết: "Bước quá độ sang chủ nghĩa xã hội, thì một nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất là sự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng, nguy cơ nhìn thấy đội tiên phong chạy quá nhanh mà không "uốn nắn trận tuyến", không giữ liên lạc chặt chẽ với tất cả đội quân lao động, nghĩa là với đại đa số quần chúng nhân dân"[4].

Chủ nghĩa quan liêu là con đẻ vốn có của các chế độ thống trị bóc lột. Lênin đã nêu rõ những đặc trưng của chủ nghĩa quan liêu: "Những người quan liêu là những nhân vật có đặc quyền thoát ly quần chúng và đứng trên quần chúng... đem lợi ích của sự nghiệp phục tùng lợi ích của tư tưởng thăng quan tiến chức, tức là hết sức chú trọng vào địa vị an nhàn hưởng lợi mà không biết đến công tác, tức là tranh giành nhau để được bổ tuyển"[5]. Chủ nghĩa quan liêu như thế là trái với bản chất của chế độ xã hội chủ

---

1. Xtalin: *Nguyên lý xây dựng Đảng*, tr. 370.
2. V.I. Lênin: *Bàn về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, H. 1997, tr. 195-196.
3. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, M. 1977, tr. 365.
4. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, M. 1978, tr. 426.
5. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 8, Nxb Tiến bộ, M. 1979, tr. 424.

nghĩa và "thật là hoàn toàn không nên có đối với Đảng mà lại còn có hại cho Đảng nữa"[1].

Lênin đã đề ra nhiều biện pháp để khắc phục chủ nghĩa quan liêu, một mặt là, nêu cao phẩm chất cách mạng, nêu cao ý thức phục vụ nhân dân, rèn luyện phong cách làm việc cách mạng và khoa học đi sâu, sát thực tiễn, nâng cao kiến thức năng lực quản lý kinh tế, kỹ thuật cho cán bộ, đảng viên; mặt khác, phải cải tiến tổ chức bộ máy gọn nhẹ, bằng những cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc, chế độ quản lý và đẩy mạnh việc kiểm tra thực hiện.

Song, Lênin cho rằng cuộc đấu tranh để bài trừ chủ nghĩa quan liêu là một quá trình đấu tranh lâu dài và phức tạp phải tiến hành một cách toàn diện, thường xuyên với nhiều biện pháp tích cực. Lênin chỉ rõ: chỉ khi nào xây đựng được nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao không ngừng đời sống vật chất và văn hóa, nâng cao năng lực làm chủ tập thể của nhân dân lao động, khiến họ có khả năng kiểm soát được bộ máy nhà nước từ dưới lên bằng lực lượng của chính họ, tức là "khi nào toàn thể nhân dân đều tham gia quản lý nước nhà", do đó khiến không một ai có thể biến thành "quan liêu được".

Học thuyết về xây dựng Đảng kiểu mới của Lênin, trong đó có một số luận điểm quan trọng về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền nhà nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, vẫn đang soi sáng con đường phát triển, củng cố và xây dựng Đảng của mọi chính đảng mác-xít chân chính. Nhờ nắm vững học thuyết đó, đồng thời xuất phát từ điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta, từ trước đến nay Đảng ta mà người đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối, phương hướng đúng đắn và sáng tạo đã đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, M. 1978, tr. 426.

Phần thứ hai

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG

I.
TƯ TƯỞNG CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN

Vấn đề "đảng cầm quyền" là nội dung trọng yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng. Không phải đến khi viết *Di chúc*, Hồ Chí Minh mới nói rõ "Đảng ta là đảng cầm quyền", mà ngược lại, đó là lời dặn cuối cùng, là lời kết cho một tư tưởng nhất quán, như sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tư tưởng của Người. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về đảng cầm quyền được khái quát trên những luận điểm cơ bản sau:

1. Lãnh đạo nhân dân giành lấy chính quyền, Đảng ta trở thành đảng cầm quyền.

Cả cuộc đời hoạt động đầy gian khổ của Hồ Chí Minh là đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, mưu tự do, hạnh phúc cho toàn dân. Để đạt mục đích ấy, Người đã khẳng định ngay từ những năm thứ hai mươi của thế kỷ này: *Nhân dân phải giành lấy chủ quyền.* Muốn vậy thì phải làm cách mạng, nhân dân phải được giác ngộ, phải đoàn kết, tập trung, thống nhất lực lượng để đấu tranh. Đảng Cộng sản Việt Nam có sứ mệnh lịch sử tổ chức, lãnh đạo nhân dân trong cuộc đấu tranh vì mục đích cao cả đó.

Với Hồ Chí Minh, vấn đề tiên quyết là phải *xây dựng được một Đảng cách mệnh để lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành lấy chính quyền.*

Nhà yêu nước vĩ đại Hồ Chí Minh đã tiếp nhận tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen: Mục đích trước mắt của những người cộng sản là tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc.

Nhà yêu nước vĩ đại Hồ Chí Minh đến với V.I. Lênin bắt đầu từ lòng kính yêu đối với "một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình". Nhà cách mạng nhiệt thành và nhà tư tưởng lớn - V.I. Lênin vĩ đại - với *Luận*

cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa đăng trên báo "Nhân đạo" đã khai sáng cho Nguyễn Ái Quốc tìm được lời giải đáp: "Đây là cái cần thiết..! Đây là con đường giải phóng,..." cho đồng bào bị đọa đầy đau khổ của mình.

Gương sáng của V.I. Lênin, của Đảng Cộng sản bôn-sê-vích Nga, của cuộc Cách mạng tháng Mười vĩ đại đã soi sáng, cổ vũ Nguyễn Ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ công việc tổ chức, xây dựng một Đảng cách mạng "để trong thì vận động tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi". Xây dựng một Đảng cách mạng với sứ mệnh như thế thực chất là xây dựng *đảng cầm quyền.*

Ngay sau khi giành được chính quyền (8-1945), Hồ Chí Minh đã chỉ rõ Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền và từ đó, *Đảng lãnh đạo cách mạng trong điều kiện có chính quyền* và Đảng lãnh đạo chính quyền nhân dân một cách trực tiếp, toàn diện. Chính quyền cách mạng là công cụ của nhân dân. Như trên đã nói, một trong những mục tiêu đấu tranh của Đảng ta là làm cho "tất cả quyền lực của Nhà nước đều thuộc về tay nhân dân". Để đạt mục tiêu ấy, Đảng phải trở thành đảng cầm quyền. Vấn đề là ở chỗ Đảng nhận thức vai trò, nhiệm vụ của đảng cầm quyền như thế nào và phải "cầm quyền" như thế nào để nhân dân làm chủ quyền lực nhà nước, qua đó thực hiện "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" ở trình độ cao hơn.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, khi trở thành đảng cầm quyền, Đảng ta không thay đổi bản chất: *Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu lợi ích giai cấp, nhân dân và dân tộc,* không thay đổi mục đích lý tưởng của mình: giải phóng nhân dân khỏi mọi ách áp bức bóc lột, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Song, Đảng có sự thay đổi căn bản về *nhiệm vụ đấu tranh, yêu cầu cách mạng cụ thể,* đặc biệt là thay đổi về *điều kiện hoạt động, lãnh đạo nhân dân.* Khi trở thành đảng cầm quyền, Đảng đứng trước vấn đề mới: làm thế nào để quyền lực không tha hóa Đảng, không làm biến chất đảng viên. Hồ Chí Minh cho rằng đó là *thử thách* cực kỳ to lớn. Và Đảng phải phấn đấu, rèn luyện, trở thành một đảng thật trong sạch vững mạnh. Đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng ngày càng gắn bó máu thịt với nhân dân.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, khi trở thành đảng cầm quyền, đối tượng lãnh đạo của Đảng không thay đổi; quần chúng nhân dân bao giờ cũng là đối tượng lãnh đạo của Đảng và Đảng có trách nhiệm chăm lo đến mọi mặt đời sống của nhân dân.

- Mục đích giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người là lý do tồn tại và đấu tranh của Đảng.

Hồ Chí Minh tâm niệm rằng, ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích nào khác. Khi nhân dân giành được chính quyền và Đảng trở thành đảng cầm quyền, Đảng và nhân dân đã tiến một bước lớn, có tính chất quyết định trên con đường thực hiện lý tưởng, mục đích của mình. Nhưng Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng, khi đã trở thành đảng cầm quyền, vấn đề *mục đích* của Đảng được đặt ra với một ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Nhận thức đúng đắn và hiện thực hóa nó là vấn đề không đơn giản. Người nhấn mạnh: "Những người cộng sản chúng ta không một chút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới". Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở rằng nguy cơ lớn nhất đối với Đảng là, khi đã có quyền lực trong tay, người đảng viên cộng sản lãng quên mục đích của mình là phải toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đảng không được chủ quan, tự mãn, vì đã có một số đảng viên, cán bộ thoái hóa biến chất, trở thành "quan cách mạng". Mỗi đảng viên và toàn Đảng trong điều kiện cầm quyền giữ vững và phát huy bản chất cộng sản của mình, như Hồ Chí Minh thường nhắc nhở, là một quá trình đấu tranh cực kỳ gian khổ, phức tạp với kẻ địch nguy hiểm nhất là "chủ nghĩa cá nhân", kẻ thù ở bên trong mỗi một con người.

Mục đích lý tưởng của Đảng ta, thể hiện trong điều kiện "cầm quyền", là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam. Với Hồ Chí Minh, mục đích đó rất cao cả nhưng vô cùng giản dị và cụ thể. Người nói: "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh". Mục đích đó phải được hiện thực hóa từng bước ngay khi Đảng nắm được chính quyền. Mỗi chủ trương chính sách của Đảng phải có tác dụng làm cho đời sống nhân dân, trước hết là người lao động, ngày một tốt đẹp hơn. Người chỉ rõ ý thức trách nhiệm rất cụ thể của Đảng: nếu dân đói, dân rét, dân ốm đau tật bệnh là Đảng có lỗi, là không phù hợp với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Với Hồ Chí Minh, "độc lập, tự do, hạnh phúc" là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó chính là điểm xuất phát để xây dựng Đảng ta xứng đáng với danh hiệu "đảng cầm quyền".

2. Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Đây là một quan niệm lớn của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản cầm quyền. Đó là sự khác biệt cơ bản giữa Đảng Cộng sản cầm quyền với bất cứ đảng nào khác cầm quyền. Người đã nhắc đi nhắc lại điều này trong suốt 24

năm. Trong Di chúc, Người viết: "Đảng ta là một đảng cầm quyền... Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Với Hồ Chí Minh, đây là một nguyên tắc lớn, không thể thay đổi, không thể khác được. Vì người cầm quyền, người lãnh đạo, nếu không là "đầy tớ" của nhân dân thì chỉ có thể là "ông quan phụ mẫu", "ông chủ" của nhân dân mà thôi. Khi được giao chức quyền mọi cán bộ, nhân viên nhà nước chỉ là người đại diện cho nhân dân, phải "như người lính vâng lệnh quốc dân ra mặt trận". Đảng là một bộ phận của nhân dân; phân biệt với bộ phận còn lại của xã hội là ở tính cách mạng, tính tiên phong, tính tổ chức của mình, là đội tiên phong của giai cấp, của dân tộc. Đảng là người bảo vệ kiên quyết nhất lợi ích của nhân dân. Vì lẽ đó, Đảng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân. Đó chính là danh hiệu vẻ vang, cao quý nhất nhưng mang đầy trọng trách.

3. Đảng phải lãnh đạo xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng: sứ mệnh của Đảng là người lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh vì cuộc sống ấm no hạnh phúc của chính họ. Muốn vậy, sau khi giành được chính quyền, vấn đề then chốt có ý nghĩa quyết định là xây dựng chính quyền nhân dân, công cụ sắc bén, thiết yếu để tổ chức xây dựng xã hội mới và bảo vệ thành quả cách mạng. Bản chất của bộ máy nhà nước đó là gì? Hồ Chí Minh khẳng định, đó là *Nhà nước của dân, do dân, vì dân,* hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định bảo đảm để Nhà nước ta là công cụ do nhân dân làm chủ, phục vụ lợi ích của nhân dân. Đó là nhà nước kiểu mới:

- Tồn tại và hoạt động *vì lợi ích* của nhân dân.
- Là bộ máy thể hiện *quyền lực* của nhân dân;
- Do *nhân dân xây dựng và quản lý.*

Bản chất Nhà nước ta được Hồ Chí Minh xác định là nhà nước của dân, do dân, vì dân, dựa trên nền tảng liên minh công - nông - trí do giai cấp công nhân lãnh đạo. Tính giai cấp, tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước thống nhất với nhau không thể tách rời.

Trong một phần tư thế kỷ lãnh đạo xây dựng Nhà nước, điều Hồ Chí Minh quan tâm hàng đầu là bảo đảm nền móng thật vững của Nhà nước, giống như một lâu đài phải có cái nền móng rất vững chắc mới đứng vững được. Nền móng đó là khối đại đoàn kết toàn dân lấy liên minh công nông và trí thức làm nòng cốt. Muốn củng cố nền móng đó, Đảng và Nhà nước

phải có chính sách chăm lo lợi ích thiết thân của quần chúng nhân dân. Vì "ta quan tâm tới quần chúng thì quần chúng sẽ theo ta. Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả"[1]. Coi trọng "nền" nhân dân và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là hai mặt không tách rời nhau của cùng một vấn đề. Bởi muốn xây dựng "nền" nhân dân phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; muốn giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng phải củng cố "nền" nhân dân thật bền vững.

Nói đến nhà nước là nói đến vấn đề quyền lực, Hồ Chí Minh khẳng định: Trong chế độ ta, "bao nhiêu quyền hạn đều của dân", dân là "người chủ tập thể của xã hội". Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, các Hiến pháp Nhà nước ta từ năm 1946 tới nay đều ghi rõ nguyên tắc căn bản ấy.

Quyền lực Nhà nước ta, theo Hồ Chí Minh, không phải quyền lực của cá nhân hay của bộ máy mà của tập thể nhân dân. Cơ quan nhà nước các cấp đều là người *chấp hành mệnh lệnh* của quốc dân, ý chí của nhân dân. Nhà nước phải được tổ chức thì nguyên tắc *tập trung dân chủ* thì nhân dân mới làm chủ được quyền lực của mình.

Hồ Chí Minh nêu rõ: Nhà nước ta là nhà nước dân chủ nghĩa là nhà nước do nhân dân làm chủ. Người xem dân chủ là bản chất của chế độ ta, Nhà nước ta. Người nói: "Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là do tính chất Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên"[2]. Người coi "thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn"[3]. Người nhấn mạnh: Nền dân chủ của ta không phải nền dân chủ hình thức, dân chủ cho một số người mà là nền dân chủ của tuyệt đại đa số nhân dân; tập thể nhân dân là người chủ chân chính duy nhất của xã hội. Chính vì vậy, Nhà nước của ta phải là công cụ sắc bén để bảo vệ lợi ích của nhân dân. Hồ Chí Minh nói: "Dân chủ và chuyên chính đi đôi với nhau. Muốn dân chủ thực sự phải chuyên chính thực sự"[4]. "Chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động, chống lại lợi ích của nhân dân"[5]. Theo Người, chuyên chính là phương tiện để bảo vệ nền dân chủ, *"Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân, *chuyên chính* là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không khóa, nhà không cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 10, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 338, 535.

2, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 8, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 566, 30.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 7, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 548.

khóa, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ"[1]. Hồ Chí Minh đòi hỏi phải vận dụng quan điểm giai cấp một cách biện chứng phù hợp với đặc điểm nước ta, tránh máy móc, giáo điều. Không phải cứ ai thuộc giai cấp bóc lột là chuyên chính, mà chỉ thực hành chuyên chính với kẻ chống lại lợi ích của nhân dân, với bọn phản động. Dân chủ không có nghĩa Đảng và Nhà nước ban phát những quyền dân chủ cho nhân dân và quần chúng nhân dân là người thụ hưởng các quyền đó. Trái lại phải có quan niệm tích cực về dân chủ: chế độ ta bảo đảm cho nhân dân là người chủ Nhà nước; quần chúng nhân dân thật sự quản lý công việc của Nhà nước. Ngay khi vừa giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã nói: "Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình; bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà"[2]. Đảng và Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân thật sự quản lý Nhà nước, như giáo dục tinh thần làm chủ, nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, năng lực quản lý của đông đảo quần chúng. Đảng và Chính phủ phải chịu trách nhiệm trước nhân dân về mọi mặt hoạt động của mình, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. Điều đặc biệt quan trọng là Đảng và Nhà nước "phải có kế hoạch thật tốt" để không ngừng cải thiện và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân: như vậy người lao động mới có điều kiện tham gia công việc quản lý Nhà nước.

Đảng phải lãnh đạo nhân dân, phải xây dựng và lãnh đạo Nhà nước để nó thật sự là công bộc của nhân dân. Đảng chịu trách nhiệm trước dân về mọi hoạt động của Nhà nước. Đảng mạnh thì Nhà nước mạnh và ngược lại. Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng dưới con mắt của nhân dân, Đảng và Chính phủ không phải là hai mà là một. Song Người đã chỉ rõ Đảng và chính quyền có chức năng và nhiệm vụ khác nhau, cần phải có sự phân công rõ ràng, rành mạch. Trong các phát biểu và trong hoạt động của mình, Hồ Chí Minh không bao giờ lẫn lộn chức năng của Đảng và chức năng của chính quyền Nhà nước. Người cho rằng Đảng cần phát huy vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy do nhân dân lập ra và nhân dân làm chủ. Thực ra, Hồ Chí Minh chưa nói nhiều về phân công chức năng giữa Đảng và Nhà nước - vì điều kiện khi đó vấn đề ấy chưa được đặt ra như hiện nay. Tuy nhiên, Người đã chỉ ra nguyên tắc căn bản là: Đảng lãnh đạo Nhà nước trên cơ sở tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 10, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 549.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 36.

Hiến pháp và luật pháp là những nguyên tắc, thể chế thể hiện ý chí của nhân dân. Đảng lãnh đạo xây dựng Hiến pháp. Hiến pháp ấy thể hiện tập trung quyền làm chủ nhà nước của nhân dân và được đa số nhân dân chấp nhận. Vì thế, Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh Đảng phải lãnh đạo bằng pháp luật và Đảng không thể đứng ngoài pháp luật. Người phê bình nghiêm khắc tệ lạm quyền "cậy thế mình là người của Đảng, phớt cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ"[1]. Người yêu cầu "đảng viên chẳng những phải giữ gìn kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của Đảng mà còn phải giữ gìn kỷ luật của chính quyền, của cơ quan đoàn thể cách mạng, của nhân dân"[2].

Quần chúng nhân dân là đối tượng lãnh đạo của Đảng. Đảng vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Vì thế mối liên hệ giữa Đảng và dân chúng là sức mạnh của Đảng. Hồ Chí Minh nói, đảng cầm quyền có hai cách lãnh đạo. Một là lãnh đạo "theo cách quan liêu" thì Đảng sẽ thất bại. Hai là, lãnh đạo theo "cách quần chúng" thì nhất định Đảng sẽ thành công. Người khẳng định: "Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng thì cách mạng mới thành công". Người căn dặn: "Cán bộ lãnh đạo cần phải chống bệnh quan liêu, chống cách lãnh đạo chung chung. Cần phải đi sâu đi sát, điều tra nghiên cứu. Cần phải khuyến khích, thu góp, bổ sung và phổ biến rộng rãi những sáng kiến hay, những kinh nghiệm tốt của quần chúng"[3]. Người lãnh đạo không được "chỉ trông từ trên xuống", chỉ đưa ra chỉ thị, mệnh lệnh từ trên xuống mà phải biết nhìn vấn đề từ dưới lên, từ cuộc sống, từ phía quần chúng. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng"[4]. Khi đã nắm chính quyền, đảng viên, cán bộ đảng càng phải tăng cường mối quan hệ với dân chúng. Muốn lãnh đạo được dân chúng phải là người học trò của dân chúng. Xa rời quần chúng, Đảng sẽ mất sáng suốt, sẽ rơi vào chủ quan duy ý chí, trở thành quan liêu, độc đoán chuyên quyền; đó là một trong những điều lớn nhất mà đảng cầm quyền phải hết sức tránh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 167.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 31.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 9, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 59.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 249.

4. Đảng cầm quyền phải biết tìm ra và tuân theo một quy trình nghiêm ngặt để định ra đường lối, quyết sách chiến lược đúng đắn, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh, hiểm trở để giành thắng lợi. Theo Hồ Chí Minh quy trình đó là:

a) Có tri thức, có lý luận cách mạng;

b) Khi xác định đường lối ("khẩu hiệu và chỉ thị") luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và địa phương;

c) Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị ấy có đúng hay không;

d) Phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng;

e) Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với quần chúng để lãnh đạo được dân chúng, học dân chúng và nâng cao được dân chúng;

g) Phải giữ vững tính cách mạng và khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát, phải biết cách thực hiện và phải biết liên hợp lợi ích ngày thường và lợi ích lâu dài của quần chúng;

h) Không khi nào được che giấu khuyết điểm, sợ phê bình, phải luôn luôn xem xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông, mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng[1].

Như vậy là để Đảng làm tròn nhiệm vụ của mình với tư cách là đảng cầm quyền thì cần phải:

Một là, chỉnh đốn Đảng. Một số người lầm tưởng rằng, trước khi qua đời, do nhận thấy những khiếm khuyết mà đảng cầm quyền đã mắc phải và nguy cơ ngày càng nặng của nó nên Hồ Chí Minh đã Di chúc lại là phải chỉnh đốn Đảng. Hồ Chí Minh không đặt vấn đề chỉnh đốn Đảng như là một giải pháp tình thế, như là một chủ trương thụ động. Ngược lại chỉnh đốn Đảng được Hồ Chí Minh coi là điều kiện cần và đủ để đảm bảo cho tính tất yếu về sự lãnh đạo của Đảng. Chúng ta có thể tìm thấy trong cuốn "Đường cách mệnh" bên cạnh tư tưởng về sự tất yếu của vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội, đồng thời cũng thể hiện ở đó tư tưởng về tính tất yếu của việc

---

1. Xem: *"Sửa đổi lối làm việc"*. In trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 462-464.

chỉnh đốn Đảng. Trong suốt quá trình chuẩn bị việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cho đến mãi về sau này, tư tưởng chỉnh đốn Đảng ngày càng thể hiện rõ. Năm 1949, trong bài nói chuyện ở buổi bế mạc Hội nghị cán bộ của Đảng lần thứ 6, sau khi nêu lên các nhiệm vụ để "kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội", Hồ Chí Minh đã nói: "Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng...". Nắm chắc phép biện chứng duy vật, Hồ Chí Minh đã tiên lượng về sự vận động của bản thân Đảng trong quá trình biến đổi và phát triển của tình hình cách mạng để chỉ rõ tính tất yếu khách quan của việc chỉnh đốn Đảng. Khi cách mạng gặp khó khăn, việc chỉnh đốn Đảng được Người đề cập với thái độ bình tĩnh, sáng suốt, giúp cho Đảng không rơi vào tình trạng bị động, bi quan, dao động. Khi cách mạng đang trên đà thắng lợi, Người đã nêu vấn đề "trước hết phải chỉnh đốn Đảng" để ngăn ngừa bệnh "kiêu ngạo cộng sản": choáng ngợp trước những chiến công vĩ đại mà chủ quan, tự mãn, sa đọa, hủ hóa. Khi Đảng Cộng sản trở thành đảng cầm quyền, cán bộ, đảng viên của Đảng rất dễ dàng "đánh mất mình", vì một dân tộc, một Đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chí Minh còn chỉ ra rất cụ thể: "Có những người trong lúc tranh đấu thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là *có công với cách mạng*. Song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, *không tự giác, mà biến thành người có tội với cách mạng*"[1]. Vì vậy chỉnh đốn Đảng chính là cứu vớt cán bộ, khôi phục đạo đức cách mạng cho họ và giáo dục, đưa họ vào con đường cách mạng; là khôi phục uy tín chính trị của Đảng với nhân dân - vấn đề cốt tử của một đảng cầm quyền.

Hai là, Đảng phải có chính sách cán bộ đúng. Đây là vấn đề lớn, nó chiếm một vị trí quan trọng trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng. Vì vậy, chúng tôi sẽ trình bày vấn đề này riêng trong một chương. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới vấn đề có liên quan trực tiếp đến uy tín và trách nhiệm của Đảng khi đã trở thành đảng cầm quyền.

Có thể nói "nhân tài và kiến quốc" là một vấn đề có tầm chiến lược liên quan đến sự hưng thịnh hay suy vong của quốc gia. Chính vì vậy, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa mới thành lập được 8 tháng, Hồ Chí Minh đã "e vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 494.

không thể xuất thân". Vì vậy, Người đã thông báo để sửa đổi điều đó và trọng dụng "những kẻ hiền năng". Người yêu cầu "các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo ngay cho Chính phủ biết"[1].

Tìm người tài đức là một khâu trong toàn bộ chính sách cán bộ của Hồ Chí Minh. Hiểu rất rõ những non kém của đội ngũ cán bộ khi đã có chính quyền trong tay họ phải thực sự điều hành bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải dạy dỗ cán bộ, phải nêu yêu cầu và bắt buộc cán bộ phải học hỏi để biết làm việc. "Cách mạng là một nghề, nghề nào cũng phải học", cán bộ phải "vững về chính trị, giỏi về chuyên môn". Nói tóm lại, là phải "vừa hồng, vừa chuyên", phải "hồng thắm, chuyên sâu". Đối với cấp lãnh đạo và cơ quan tổ chức thì cần phải *lựa chọn và sử dụng* cán bộ cho đúng. V.I. Lênin yêu cầu phải đặt người đúng chỗ, đúng việc, vì việc mà chọn người. Hồ Chí Minh đề xuất "dùng người như dùng gỗ". Tư tưởng này vừa thể hiện quan điểm của V.I. Lênin về công tác cán bộ, vừa bao hàm một tinh thần nhân đạo, bao dung: ai cũng có thể dùng được như gỗ nào thì có việc ấy (vật tất hữu dụng) tuỳ theo khả năng của mỗi người mà góp tài, góp sức vào sự nghiệp chung.

Trong công tác cán bộ, việc đào tạo thế hệ kế tục cho đời sau "là một việc rất quan trọng và rất cần thiết". Nó quyết định sinh mệnh của Đảng, tương lai của Đảng, sự tồn vong của chế độ và sự hưng thịnh của quốc gia. Nó là một vấn đề sống còn của Đảng Cộng sản khi đã trở thành đảng cầm quyền.

5. Xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng đối với Đảng, lãnh đạo giành chính quyền đã vô cùng khó khăn gian khổ, đầy hy sinh, thử thách, nhưng lãnh đạo xây dựng xã hội mới, đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân càng khó khăn gấp bội. Trở thành đảng cầm quyền, Đảng phải mạnh hơn bao giờ hết. Để giữ vững sự gắn bó máu thịt với quần chúng nhân dân, Đảng phải trưởng thành về mọi mặt. Vì vậy *công tác xây dựng Đảng* được Hồ Chí Minh xem là yếu tố quyết định sự thành công của cách mạng. Bản *Di chúc* lịch sử của Người "trước hết nói về Đảng", thực chất là nói về "đảng cầm quyền". Người chỉ ra *3 điều cơ bản nhất:*

Một là, *giữ vững truyền thống đoàn kết của Đảng ta.* Người hiểu rằng khi cách mạng chưa thành công, trước sự khủng bố của kẻ thù, giữ vững đoàn kết trong Đảng là khó, nhưng khi cách mạng thành công, Đảng trở thành đảng cầm quyền, giữ vững truyền thống đoàn kết còn khó khăn hơn nhiều.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 451.

Một số đảng đã rơi vào nguy cơ chia rẽ khi cách mạng thắng lợi, khi trở thành đảng cầm quyền; chính vì vậy điều căn dặn cuối cùng của Người là "Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình".

Điều căn dặn thứ hai của Người là phải *phát huy dân chủ trong Đảng, phải thường xuyên tự phê bình và phê bình; "là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng"*.

Sức mạnh của Đảng là do phẩm chất của mỗi đảng viên tạo thành. Đối với đảng cầm quyền, tăng cường số lượng đảng viên là quan trọng. Nhưng điều quan trọng hơn hết, yếu tố quyết định nhất là *chất lượng* của đảng viên, *đó là đạo đức cách mạng*. Hồ Chí Minh xem đạo đức cách mạng là nền tảng của người cách mạng, là yếu tố quyết định để mỗi đảng viên, các tổ chức đảng và toàn Đảng xứng đáng là người chiến sĩ tiền phong của giai cấp và của dân tộc.

Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng, trước hết đó là sự trung thành với lý tưởng cách mạng, đặt lợi ích của cách mạng, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, suốt đời phấn đấu hy sinh vì lý tưởng đó. Thứ hai, đó là sự liên hệ gắn bó với quần chúng, "hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng". Thứ ba, đó là gương mẫu trước quần chúng về *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, sống giản dị, trong sạch. Hồ Chí Minh nói "Giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?"[1]. Trong *Di chúc* Hồ Chí Minh gắn *"đảng cầm quyền với yêu cầu về đạo đức cách mạng"*, điều đó nói lên Người đã quan tâm đến mức nào vấn đề có ý nghĩa sống còn này đối với vận mệnh của Đảng. Giữ gìn Đảng thật trong sạch, đó là vấn đề khó nhất trong mọi vấn đề, song là yếu tố quyết định việc Đảng mãi mãi là đội tiên phong của cách mạng, mãi mãi được nhân dân tin yêu.

---

1. Sđd, tập 4, tr. 467.

II.

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN HỌC THUYẾT MÁC - LÊNIN VỀ ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG

Mác, Ăngghen và Lênin thường xuyên lưu ý các đảng cộng sản phải vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển học thuyết của các ông. Linh hồn sống của học thuyết Mác là phân tích cụ thể tình hình cụ thể. Lênin khẳng định: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng, những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, xét riêng từng nơi, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga"[1].

Như vậy, học thuyết Mác - Lênin là học thuyết mở, nó luôn luôn cần được nạp thêm năng lượng mới từ thực tiễn cách mạng. Chính nhờ quá trình đó mà học thuyết Mác - Lênin ngày càng phát triển và sống mãi.

Là một người trung thành và kiên trì đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế ở nước ta"[2]. Trong một báo cáo viết năm 1924, Hồ Chí Minh cho rằng: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 4, Nxb Tiến bộ, M. 1974, tập 4, tr. 232.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 292.

gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại". Hồ Chí Minh còn nhắc lại nhiệm vụ "xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông"[1].

Như vậy, có sự nhất quán giữa các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học và Hồ Chí Minh về sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển học thuyết đó cho phù hợp với thực tiễn cách mạng của mỗi nước.

Việc phân biệt ranh giới giữa vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng chỉ là tương đối.

Theo *Từ điển tiếng Việt* xuất bản năm 1992, "sáng tạo" có hai nghĩa: Một là, tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần. Hai là, tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, không gò bó, phụ thuộc vào cái đã có.

"Bổ sung" có nghĩa là: "thêm vào cho đủ".

"Phát triển" có nghĩa là: "biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp".

Ba động từ trên có nghĩa rất gần nhau, liên quan mật thiết với nhau. Có thể nói, "sáng tạo" là đã làm rõ được bản chất của vấn đề. Tuy nhiên, từ "bổ sung" và "phát triển" có những nội dung và ý nghĩa khác không hoàn toàn đồng nhất với "sáng tạo".

Như vậy, quan niệm sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh bao gồm:

- Cơ sở và tiền đề của sự sáng tạo là nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin. Nắm vững bản chất cách mạng và khoa học; nắm phương pháp luận, nắm nội dung, nguyên lý cơ bản của học thuyết. Nắm vững còn có nghĩa là nắm hệ thống nguyên lý lý luận chứ không phải cắt xén. Do đó, quá trình nghiên cứu nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh chính là cơ sở và tiền đề cho quá trình sáng tạo.

- Trên cơ sở nắm vững, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin mà sáng tạo. Việc vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta, tạo ra những giá trị mới về vật chất và tinh thần là sáng tạo.

Quá trình vận dụng phân biệt được đúng, sai; cái nào là nguyên tắc, cái nào là sách lược, cái nào còn phù hợp, cái nào phải bổ sung, phát triển mới, đáp ứng được tình hình. Trên cơ sở đó tìm ra cái mới, cách giải quyết mới. Đó là sáng tạo. Như vậy, sáng tạo khác về bản chất với bảo thủ, giáo điều và xét lại.

---

1. Sđd, tập 1, tr. 465.

Quá trình vận dụng sáng tạo tuy đã có khía cạnh bổ sung, phát triển nhưng nói đúng hơn mới chỉ là cơ sở, tiền đề cho việc bổ sung, phát triển.

- Quá trình bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin là quá trình áp dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tế, tiếp thu tinh hoa, trí tuệ của dân tộc và thời đại để tổng kết, tìm ra những vấn đề mới, phát hiện ra những quy luật mới.

Chỉ những kinh nghiệm thực tiễn được nâng lên thành lý luận, trở thành một bộ phận không thể tách rời chủ nghĩa Mác - Lênin mới được thừa nhận là bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trên ý nghĩa nào quá trình vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh cũng là quá trình bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin. Song, việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng là cấp độ cao nhất đã qua quá trình vận dụng, sáng tạo và bổ sung... đưa lại. Bổ sung, phát triển là sáng tạo, nhưng sáng tạo chưa hẳn đã là bổ sung, phát triển. Quá trình này đòi hỏi đảng cộng sản hoặc cá nhân nào đó có tầm tư duy sắc bén, có biệt tài về tổng kết thực tiễn mới thực hiện được.

Hồ Chí Minh chính là một người như thế. Vì vậy, những người nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đều nhất trí rằng: Hồ Chí Minh không những là người vận dụng sáng tạo, mà còn luôn luôn bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

- Phân biệt ranh giới giữa sáng tạo với bổ sung, phát triển chỉ là tương đối và phân biệt cái gì là riêng của Hồ Chí Minh so với chủ nghĩa Mác - Lênin và với quan điểm, đường lối của Đảng ta cũng chỉ là tương đối. Bởi vì, trong bản chất, trong cội nguồn của những luận điểm tư tưởng Hồ Chí Minh đã có chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là cơ sở và tiền đề rất căn bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền chủ yếu từ năm 1945 đến năm 1969. Trong thời gian đó, Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng, đồng thời là nguyên thủ quốc gia.

Khi nghiên cứu học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản, người ta thường nghiên cứu "đảng độc lập" do Mác, Ăngghen sáng lập và "đảng kiểu mới" do Lênin sáng tạo. Học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản được thể hiện ở "đảng độc lập" và bổ sung, phát triển ở "đảng kiểu mới".

Theo Mác và Ăngghen, "đảng độc lập" không phải là đảng cô độc, đơn độc, đảng độc lập có nghĩa là độc lập về chính trị, tư tưởng và tổ chức; không lệ thuộc vào các đảng tiểu tư sản và không là cái đuôi của giai cấp tư sản. "Đảng độc lập" phải gắn bó mật thiết với giai cấp vô sản và quần chúng lao động. "Đảng độc lập" quan hệ hợp tác với các đảng khác vì lợi ích chung của toàn bộ phong trào vô sản.

Mác và Ăngghen đã dùng quan điểm duy vật lịch sử, xuất phát từ cơ sở kinh tế, xã hội để phân tích, rút ra những kết luận về vai trò, bản chất và tính tất yếu ra đời của Đảng Cộng sản.

Quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của hai ông đồng thời cũng là quá trình chuẩn bị, đấu tranh cho sự ra đời và hoạt động của Đảng Cộng sản. Do hoàn cảnh và điều kiện lúc đó, hai ông sớm đề ra nguyên lý xây dựng đảng độc lập của giai cấp vô sản. Bản thân hai ông đã tích cực xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Điều này đã được Ăngghen khẳng định. Việc thành lập tổ chức Hội liên hiệp công nhân quốc tế là một thành quả tuyệt đỉnh của toàn bộ sự nghiệp của Mác.

Mác và Ăngghen chưa có điều kiện để đề xuất lý luận về đảng cầm quyền. Qua Công xã Pa-ri (1871), Mác và Ăngghen có đề cập đến một số khía cạnh về đảng cầm quyền, nhưng về cơ bản hai ông chưa nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền:

Trong điều kiện lịch sử mới, Lênin đã phát triển sáng tạo tư tưởng của Mác về Đảng Cộng sản, nghiên cứu tỉ mỉ và áp dụng trong thực tế những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới, khác về bản chất với các đảng kiểu cũ của Quốc tế II do bọn cơ hội thao túng. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917), năm 1923, Lênin đã đề xuất một loạt những quan điểm và nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản trong điều kiện có chính quyền. Song, mới có sáu năm, chưa đủ thời gian để Lênin nhìn nhận rõ sự vật, hiện tượng mới, để phát hiện đầy đủ những quy luật của đảng cầm quyền. Ngay chính những chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Nga do Lênin lãnh đạo lúc đó cũng thay đổi luôn, chưa đủ thời gian để kiểm nghiệm, tổng kết thực tiễn và khẳng định một cách chắc chắn.

Trong bài *Thà ít mà tốt*, Lênin đọc cho thư ký ghi lại lúc cuối đời đã đánh giá, sau 5 năm cải tiến bộ máy nhà nước: "đó chỉ là một hoạt động phí công,... vô hiệu, thậm chí còn vô ích, còn có hại là khác".

Như vậy, trong tất cả các vấn đề đòi hỏi những người cộng sản phải vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin thì vấn đề đảng cầm quyền là một vấn đề mới mẻ cấp thiết và là vấn đề khó khăn, phức tạp.

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta trên tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt về vấn đề đảng cầm quyền được Hồ Chí Minh đề cập toàn diện, cơ bản, hệ thống và cụ thể. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng cầm quyền được đề cập cả ở phương diện lý luận, quan điểm, nguyên tắc, trong chỉ đạo thực tiễn xây dựng Đảng và ở tấm gương hành động của Người. Dưới đây là một số vấn đề chủ yếu nhất:

1. Về vai trò, bản chất và quy luật hình thành Đảng Cộng sản

- Phát hiện được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự sáng tạo đầu tiên về Đảng của Hồ Chí Minh.

Đảng Cộng sản là đảng của giai cấp công nhân. Ở những nước công nghiệp phát triển, công nhân chiếm số đông trong dân cư thì việc có Đảng Cộng sản là dễ hiểu. Nhưng ở những nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam, nơi nông dân chiếm đại đa số trong dân cư thì đó là vấn đề khó được chấp nhận. Ngay ở nước Nga - một nước có nền nông nghiệp phát triển vào cỡ trung bình - mà nhận thức về vấn đề này cũng không đơn giản. Vì thế, để thành lập Đảng bôn-sê-vích, Lênin đã phải đấu tranh chống phái "Dân tuý" để bảo vệ học thuyết Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Theo phái "Dân tuý" thì lực lượng chính của cách mạng Nga là giai cấp nông dân chứ không phải là giai cấp công nhân. Năm 1894, Lênin viết tác phẩm *Những người "bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao* và năm 1899, ông viết tiếp tác phẩm *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*. Trong hai tác phẩm này, Lênin đã làm rõ những luận cứ khoa học để phê phán sai lầm của phái "Dân tuý", đặt cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Để bảo vệ học thuyết Mác - Lênin, Hồ Chí Minh lúc đó mang tên Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều bài báo đề cập đến vai trò giai cấp công nhân: "Phong trào công nhân Trung Quốc", phong trào công nhân công nghiệp, công nhân nông nghiệp. Trong thời kỳ lịch sử mà giai cấp tư sản dân tộc vẫn có vai trò nhất định qua thắng lợi của cách mạng Thổ Nhĩ Kỳ. Nguyễn Ái Quốc đặc biệt nhấn mạnh vai trò của giai cấp công nhân. Dù giai cấp tư sản dân tộc có vai trò nhất định trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nhưng luận điểm trên của Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ nguyên giá trị.

Tại Đại hội Quốc tế nông dân (1923), Nguyên Ái Quốc đã lập luận một cách khoa học, dứt khoát rằng nông dân là lực lượng cách mạng to lớn

nhưng chỉ với lực lượng của riêng mình, nông dân không bao giờ trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ.

Những kết luận của Hồ Chí Minh về vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam là kết quả của một quá trình quan sát thực tế, nghiên cứu ở nhiều nước từ năm 1911 khi Người ra đi tìm đường cứu nước. Khi được tin 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn bãi công năm 1922, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: "Khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình... Đây là lần đầu tiên một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa..."[1] và Người coi đó mới chỉ là "do bản năng tự vệ" của những công nhân "không được giáo dục và tổ chức" nhưng đã là "dấu hiệu... của thời đại".

Ở nước ta sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Pháp bằng chính sách khai thác thuộc địa đã làm xuất hiện một lực lượng xã hội mới - giai cấp công nhân - nhưng còn quá nhỏ bé. Đến năm 1930, số lượng công nhân Việt Nam mới chỉ có 22 vạn người, chiếm tỷ lệ nhỏ trong dân cư (1,2%). Đây cũng là một trong nhiều nguyên nhân làm cho nhiều nhà yêu nước đương thời không nhận thấy vai trò lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc cụ Phan Bội Châu (1864-1940) đã bôn ba hải ngoại 20 năm để tìm đường "cứu vớt giống nòi" nhưng đã không nhận thức được vai trò lịch sử của giai cấp công nhân. Cụ Phan Chu Trinh (1782-1926) đã từng ở Pháp 15 năm (1911-1925), sống giữa phong trào công nhân nhưng vẫn không nhận thức được vai trò của giai cấp công nhân nên vẫn hy vọng dựa vào tư sản Pháp để đánh đổ nền quân chủ phong kiến Việt Nam, cuối cùng rồi rơi vào chủ nghĩa cải lương.

Phát hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới là công lao của Mác và Ăngghen. Qua những cuộc tranh luận lý luận về vấn đề này, trong phong trào cách mạng và phong trào công nhân, từ sau khi Mác và Ăngghen mất và xem xét vấn đề đó vào những điều kiện cụ thể của Việt Nam vào những năm 20 của thế kỷ XX mới thấy đầy đủ giá trị lý luận và thực tiễn mà Hồ Chí Minh đã cống hiến cho cách mạng Việt Nam. Sau này đánh giá về giai cấp công nhân Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định: Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Với lý luận tiên phong và kinh nghiệm của phong trào cộng sản quốc tế, giai cấp công nhân ta tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và tin cậy nhất của công nhân Việt Nam. Thừa nhận hay không

---

1. Sđd, tập 2, tr. 114.

thừa nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất để phân biệt người mác-xít - lê-nin-nít chân chính với những kẻ cơ hội chủ nghĩa. Từ sau Cách mạng tháng Mười Nga, đặc biệt là sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, các thế lực thù địch đã đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Chúng tập trung vào việc đánh phá hệ thống tư tưởng của giai cấp công nhân nhằm xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và từ đó thủ tiêu vai trò lãnh đạo của các đảng cộng sản. Một trong những vấn đề lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin mà chúng tập trung bác bỏ, xuyên tạc là học thuyết Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Về mặt lý luận, Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và sớm sáng lập đảng tiên phong của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Phát hiện được quy luật hình thành Đảng Cộng sản ở một nước nông nghiệp lạc hậu như Việt Nam là sự sáng tạo, bổ sung, phát triển lớn của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng học thuyết Mác - Lênin về sự ra đời của Đảng Cộng sản.

Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Đó là nguyên lý chung của học thuyết Mác - Lênin về đảng vô sản. Nhưng tình hình Việt Nam hoàn toàn khác với nước Nga và các nước châu Âu. Làm thế nào để thành lập được đảng vô sản ở một nước mà nông dân chiếm số đông như Việt Nam là vấn đề mới và khó. Lênin chỉ rõ: sự ra đời của các đảng vô sản có quy luật chung, nhưng đặc điểm của mỗi nước đòi hỏi phải có những con đường riêng biệt. Trong tất cả các nước, chỉ có sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được một cơ sở vững chắc cho cả hai. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy lại là một sản phẩm của lịch sử, lại được thực hiện bằng con đường đặc biệt, tuỳ theo điều kiện không gian và thời gian.

Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển tư tưởng đó của Lênin như thế nào để tìm ra con đường riêng biệt của Việt Nam? Người đã nhận thức được những điều kiện lịch sử mới, đặc điểm mới của phong trào yêu nước của Việt Nam. Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, giai cấp tư sản đã phản bội lại lợi ích của dân tộc. Giai cấp công nhân - giai cấp tiền phong trở thành người đại biểu quyền lợi của cả giai cấp và của cả dân tộc. Phong trào dân tộc trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.

Những điều kiện lịch sử mới đó đã hướng những người yêu nước Việt Nam theo chủ nghĩa xã hội, gắn liền mục tiêu độc lập dân tộc với mục tiêu chủ nghĩa xã hội, để tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành những người cộng sản. Trước sự chuyển biến quan trọng đó của phong trào yêu nước, Hồ Chí Minh không chờ cho giai cấp công nhân Việt Nam phát triển đến một số lượng và tỷ lệ nhất định mới hình thành Đảng Cộng sản. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chỉ rõ: nhược điểm của giai cấp công nhân về số lượng được bổ sung bằng các tầng lớp vô sản và dân nghèo, tiểu tư sản trí thức yêu nước khi họ tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin và tự nguyện chiến đấu cho lợi ích của giai cấp công nhân và dân tộc. Những người không phải xuất thân từ giai cấp vô sản nhưng khi đã tiếp thu được thế giới quan Mác - Lênin, được rèn luyện trong phong trào cách mạng đều trở thành những người cộng sản ưu tú.

Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam không thể có phong trào thuần tuý vô sản. Trung thành và vận dụng sáng tạo tư tưởng Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và cả phong trào yêu nước để đưa phong trào yêu nước theo hướng xã hội chủ nghĩa. Phong trào yêu nước theo hướng mới đó ngay từ đầu đã có sự chuyển biến về chất, gắn liền hai mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh thực hiện việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường cứu nước của mình bằng nhiều hình thức: sách báo, truyền đơn, các cuộc tiếp xúc... Người cũng sử dụng nhiều hình thức tổ chức quá độ như: "Hội liên hiệp thuộc địa" ở Pháp, "Thế giới bị áp bức dân tộc liên hiệp hội" ở Trung Quốc, "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên" để từng bước tập hợp, giáo dục thanh niên yêu nước hướng họ đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga. Trong điều kiện của Việt Nam những năm 1925-1930, việc tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên như một tổ chức tiền thân của Đảng, là một sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh về tổ chức. Đây là tổ chức thu hút những người yêu nước ưu tú trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Hội có vai trò quyết định trong việc đưa những người yêu nước Việt Nam đi từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp và trở thành đảng viên cộng sản. Hội được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở và trên thực tế Hội đã làm nhiệm vụ chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng ta ra đời ngày 3-2-1930 là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Tổng kết

kinh nghiệm 30 năm xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh viết: "Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930"[1].

Hồ Chí Minh đã giáo dục, rèn luyện, xây dựng Đảng ta thành một đảng Mác - Lênin vững mạnh, giữ vững và tiếp tục phát triển sự nghiệp do Người để lại.

2. Về xây dựng đường lối, xác định nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy "cái cần thiết cho chúng ta, con đường giải phóng chúng ta" trong tác phẩm của Lênin: *Luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.*

Đường lối, nhiệm vụ chính trị của những người yêu nước ở các thuộc địa là giáo dục, giác ngộ, vận động, tổ chức quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Đặt cách mạng giải phóng dân tộc của các thuộc địa vào phạm trù của cách mạng vô sản. Đó là một trong những phát hiện mới, sáng tạo trong quan điểm, đường lối chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

Trong việc xác định đường lối, nhiệm vụ chính trị, Hồ Chí Minh luôn luôn đặt ra những nhiệm vụ trước mắt và mục tiêu cuối cùng cần đi tới.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành đảng cầm quyền. Mục tiêu độc lập dân tộc đã thực hiện được cơ bản song kẻ thù đã trở lại xâm lược, do đó chưa thực hiện được độc lập hoàn toàn. Nhân dân ta phải tiến hành 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975) mới hoàn thành triệt để mục tiêu độc lập dân tộc. Trong hoàn cảnh lịch sử như vậy, đường lối, nhiệm vụ chính trị do Hồ Chí Minh và Đảng ta đề ra là tiếp tục hoàn thành mục tiêu giải phóng dân tộc, từng bước thực hiện mục tiêu dân chủ, tạo tiền đề và điều kiện để tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đường lối và nhiệm vụ chính trị đó tiếp tục con đường giải phóng mà lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã mở ra và được vận dụng phù hợp với đặc điểm lịch sử và thực tiễn của đất nước.

Năm 1946, một nhà báo nước ngoài hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Thưa Chủ tịch, chúng tôi nghe nói Chủ tịch có xu hướng cộng sản, nhưng có phải Chủ tịch cho rằng đất nước Việt Nam chưa thể cộng sản hóa được trước một thời hạn là 50 năm không?". Hồ Chí Minh trả lời: "Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa

1. Sđd, tập 10, tr. 8.

Các Mác... Còn khi nào chủ nghĩa Các Mác thực hiện thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình, ở nước chúng tôi, những điều kiện ấy chưa có đủ"[1]. Câu trả lời trên đây của Hồ Chí Minh vẫn thể hiện kiên định con đường chủ nghĩa cộng sản đồng thời nhận thức rõ điều kiện cụ thể của đất nước để đề ra đường lối, nhiệm vụ chính trị cũng như bước đi thích hợp tạo dựng những điều kiện cần có thể tiến tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Phấn đấu để đất nước có nền kỹ nghệ phát triển là sự phát triển của công nghiệp và khoa học công nghệ; có nền nông nghiệp phát triển. "Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn". Và con người phát triển hết khả năng của mình, khả năng trí tuệ, khả năng lao động sản xuất, làm kinh tế vì dân giàu nước mạnh, "đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân".

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, Hồ Chí Minh đã đề cập sâu sắc vấn đề xây dựng Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền. Người nêu ra 12 điều cần thiết để bảo đảm "tư cách của Đảng chân chính cách mạng". Trong 12 điều đó đã nêu rõ việc xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng muốn đúng đắn và mang lại kết quả cần phải chú trọng những điểm gì.

Sau ngày miền Bắc được giải phóng (1954), đường lối của Đảng là tiếp tục sự nghiệp đấu tranh để hoàn thành cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đồng thời đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Ngày nay miền Bắc nước ta đang khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa tiến dần lên chủ nghĩa xã hội"[2]. Trước đó, Người cũng đã xác định "chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần"[3]... "Tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm một chiều. Đó là cả một công tác tổ chức và giáo dục"[4]. Hồ Chí Minh xác định tiến lên chủ nghĩa xã hội thể hiện mục tiêu nhất quán trong đường lối chính trị, đồng thời cũng là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ. Đó là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc và không thể không trải qua nhiều chặng đường và cần phải qua những bước đi trung gian quá độ khác nhau. Mọi sự ấn định thời gian đều có thể phạm sai lầm chủ quan, nóng vội, duy ý chí. Chính V.I. Lênin, trong bài *Bàn về thuế lương thực* viết năm 1921 đã cho rằng, những giả định về thời gian nêu ra năm 1918 là sai lầm.

---

1. Sđd, tập 4, tr. 272.
2, 3, 4. Sđd, tập 8, tr. 338, 226, 228.

Ngay ở thời điểm cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã đề cập việc xây dựng và phát triển 5 loại kinh tế khác nhau ở nước ta "thành phần kinh tế":

A- Kinh tế quốc doanh (thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của nhân dân).

B- Các hợp tác xã (nó là nửa xã hội chủ nghĩa và sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội).

C- Kinh tế của cá nhân, nông dân và thủ công nghiệp (có thể tiến dần vào hợp tác xã tức là nửa chủ nghĩa xã hội).

D- Tư bản của tư nhân.

E- Tư bản của nhà nước (như nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh).

Trong năm loại ấy, loại A là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên, kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản"[1]. Với sự tồn tại của các thành phần kinh tế, chính sách của Đảng và Chính phủ là công tư đều lợi; chủ thợ đều lợi; công nông giúp nhau; lưu thông trong ngoài. Hồ Chí Minh lưu ý: Công tức là kinh tế quốc doanh là nền tảng và lãnh đạo nền kinh tế, tư là kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ, đó là lực lượng kinh tế cần thiết. Về quan hệ chủ thợ, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ lợi quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức. Chủ và thợ đều tự giác tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên"[2]. Đường lối, chính sách Hồ Chí Minh đề ra trên đây chính là sự vận dụng "lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ, nhất là luận điểm V.I. Lênin về sự tồn tại đan xen các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ. Sự vận dụng đó hoàn toàn sát hợp với tình hình đất nước và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân ta. Nội dung đường lối, nhiệm vụ chính trị đó và nhất là phương pháp nhận thức và vận dụng lý luận của Hồ Chí Minh đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

Hồ Chí Minh cho rằng: "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội

---

1, 2. Sđd, tập 7, tr. 247-248, 221.

hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử nước ta". Phải tiến hành quá trình biến đổi đó trong "những điều kiện đặc biệt nước ta". Đó là một xã hội vừa thoát khỏi ách thực dân, phong kiến hết sức lạc hậu. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trong những điều kiện như thế, chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay. Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, muốn bớt mò mẫm, đỡ sai phạm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, trước hết là cán bộ cốt cán của Đảng".

Hồ Chí Minh quan niệm về chủ nghĩa xã hội hết sức rõ ràng, cụ thể, "chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"[1]; "chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến bộ"[2]; *"chủ nghĩa xã hội* nghĩa là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng"[3]. Người nhấn mạnh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải cải tạo xã hội cũ thành một xã hội mới, một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh cùng với toàn Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến chống ngoại xâm, nhưng vẫn không quên mục đích của Chính phủ phấn đấu "Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ. Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước"[4].

Mục tiêu rõ ràng và cụ thể trong đường lối và nhiệm vụ chính trị được xác định như vậy, song việc thực hiện là cả một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ và đòi hỏi phải có những hình thức tổ chức và phương pháp thích hợp.

Trong quá trình cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam ở những thời điểm có tính bước ngoặt như thành lập

---

1, 2, 3. Sđd, tập 10, tr. 17, 98, 317-318.

4. Sđd, tập 5, tr. 66.

Đảng (1930), Cách mạng Tháng Tám thành công (1945), đưa miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1954), trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin sát hợp với đặc điểm, hoàn cảnh đất nước. Nội dung đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng và Hồ Chí Minh không chỉ trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển sáng tạo phù hợp với đặc điểm một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, đấu tranh giải phóng dân tộc và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng chính là ở chỗ, nhiệm vụ chính trị cụ thể phải được đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Chính vì vậy nó có khả năng hiện thực hóa cao và tránh được những sai lầm chủ quan. Điều cần nhấn mạnh ở đây chính là phương pháp khoa học của Hồ Chí Minh trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị là luôn luôn kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh đất nước, coi trọng phân tích đặc điểm hoàn cảnh thực tiễn, không bao giờ lấy tình cảm, ý chí chủ quan làm điểm xuất phát cho việc hoạch định đường lối, nhiệm vụ chính trị. Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh việc nắm vững bản chất cách mạng và khoa học, linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp khoa học và sáng tạo.

3. Về tư tưởng và công tác tư tưởng.

Cũng như các lĩnh vực khác, trong công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề rất quan trọng. Đó là hai cấp độ khác nhau của cùng một quá trình được triển khai trong thực tiễn. Việc phân định, làm sáng tỏ hai cấp độ đó không đơn giản chỉ làm rõ vai trò, công lao của Hồ Chí Minh mà còn có ý nghĩa lý luận - thực tiễn to lớn trong việc mở ra phương hướng không ngừng phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới.

Xét về bản chất, chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết nhằm giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động thoát khỏi ách áp bức bóc lột một cách khoa học, chắc chắn nhất. Nó được hình thành trên cơ sở tổng kết thực tiễn, rút ra những vấn đề có tính quy luật, những chân lý phổ biến để chỉ đạo hoạt động cách mạng. Vì vậy, giá trị căn bản của học thuyết là ở chỗ nó đóng vai trò như "kim chỉ nam", như "cẩm nang thần kỳ" cho các hoạt động cách mạng mà tuyệt nhiên không phải là những tín điều bất di bất

dịch. Nhận thức được đặc điểm trên, Hồ Chí Minh cho rằng, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin chính là học tập "cái tinh thần xử trí mọi việc", "những chân lý phổ biến" của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Từ thực tiễn chỉ đạo cách mạng Nga, Lênin cho rằng, công tác tư tưởng là một công tác cách mạng đòi hỏi tính năng động, sáng tạo rất cao, trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc, tính đảng, tính khoa học và tính gắn bó với cuộc sống. Vì vậy, tìm hiểu Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên lĩnh vực tư tưởng chính là xem xét sự quán triệt vận dụng các nguyên tắc đó của Người vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

a) Nguyên tắc tính đảng trong công tác tư tưởng

Đây là nguyên tắc quan trọng hàng đầu của Đảng, nó bảo đảm cho các hoạt động tư tưởng của Đảng được giữ vững trên lập trường giai cấp công nhân. Nguyên tắc này vừa giữ vai trò chủ đạo định hướng các quan hệ công tác tư tưởng vừa là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá bản chất của Đảng. Kinh nghiệm thực tế cho thấy sai lầm, lệch lạc của nhiều đảng bắt đầu từ những vấn đề này. Đối với Đảng ta, một đảng ra đời, hoạt động trong một nước nông nghiệp lạc hậu, thường xuyên phải đương đầu với nhiều thế lực thù địch thì việc giữ vững tính đảng trong công tác tư tưởng là nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã giải quyết vấn đề đó một cách sáng tạo bằng cách tăng cường tính đảng trong hàng loạt những nhân tố có quan hệ trực tiếp đến hoạt động tư tưởng. Chẳng hạn, về nội dung công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh luôn chú trọng tăng cường giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát triển hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Về hình thức, phương pháp, Người coi trọng mở rộng dân chủ, tăng tính giáo dục thuyết phục, thể hiện bản chất đặc thù hoạt động tư tưởng của Đảng Cộng sản... Người luôn nhắc nhở phòng ngừa, phê phán những biểu hiện quan liêu, áp đặt tư tưởng, vi phạm quyền làm chủ của đảng viên và nhân dân. Về quá trình triển khai thực hiện, trong Đảng phải thể hiện rõ sự có tổ chức, có lãnh đạo trên lĩnh vực công tác tư tưởng; đặc biệt do nhận thức được vai trò then chốt của đội ngũ cán bộ nên Hồ Chí Minh rất chú trọng giữ vững tính đảng thông qua hàng loạt những hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người đòi hỏi họ phải thường xuyên học tập nâng cao giác ngộ chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng; phải thực hành dân chủ rộng rãi thường xuyên và nghiêm chỉnh thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, giữ vững kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước... Trong các hoạt động tư tưởng, người cán bộ phải đề cao ý thức trách nhiệm, "chống thói ba hoa" làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước... Do tính chất phức tạp, quyết liệt của lĩnh vực hoạt động, Hồ Chí Minh đòi hỏi người cán bộ trên lĩnh vực tư tưởng phải là người chiến sĩ có bản lĩnh, có tính chiến đấu cao "phải có lập trường vững vàng: ta, bạn, thù"[1] rõ rệt.

b) Nguyên tắc tính khoa học trong công tác tư tưởng

Lênin nêu lên nguyên tắc này vì hai lẽ:

Một là, chủ nghĩa xã hội khoa học là nền tảng tư tưởng của đảng cộng sản, mọi hoạt động của đảng phải trên cơ sở khoa học, phản ánh đúng bản chất của đảng.

Hai là, do tính đa dạng, phức tạp của công tác tư tưởng đòi hỏi nên công tác tư tưởng phải tiến hành khoa học mới có chất lượng, hiệu quả... Đối với Đảng ta, do trình độ nhận thức và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế mang đậm dấu ấn của người sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, phân tán... vì vậy việc thực hiện nguyên tắc này là một yêu cầu rất cấp bách song cũng đặt ra rất nhiều khó khăn. Trong thực tiễn hoạt động cách mạng để đảm bảo tính khoa học trong công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh chú trọng những vấn đề sau:

- Những vấn đề có liên quan chi phối, tác động ảnh hưởng lớn đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, đời sống tư tưởng, tinh thần bao giờ cũng tồn tại, vận động theo những quy luật đặc thù, do đó phải đặt những hoạt động tư tưởng trong các mối quan hệ biện chứng với đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể mới có thể có chủ trương, phương hướng tác động trên lĩnh vực tư tưởng sát hợp. Theo hướng đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh một số vấn đề chủ yếu sau đây:

+ Việt Nam có nền văn hiến lâu đời, dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước thương nòi, đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm.

+ Việt Nam từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là đặc điểm lớn nhất chủ đạo chi phối các hoạt động cách mạng, trong đó có công tác tư tưởng.

---

1. Sđd, tập 7, tr. 117.

Trong quá trình phát triển, cách mạng Việt Nam luôn phải đương đầu với những đế quốc lớn mạnh, với những thủ đoạn chiến tranh tàn bạo, xảo quyệt, v.v...

Ngoài những vấn đề trên, Hồ Chí Minh còn thường lưu ý các tình huống, các thời điểm cần quan tâm lãnh đạo tư tưởng: thời điểm chuyển giai đoạn - từ hoà bình sang chiến tranh và ngược lại; thời điểm trước và sau những bước ngoặt; những lúc cách mạng thắng lợi hoặc thất bại tạm thời, v.v...

Bằng những chỉ dẫn trên, Hồ Chí Minh đã chuẩn bị cho đội ngũ cán bộ những tri thức mới, tinh thần mới, tâm thế mới để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng một cách chủ động, tự tin.

- Quan tâm chăm lo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng.

Sở dĩ Hồ Chí Minh quan tâm đến vấn đề này vì hai lẽ: *Một là,* trình độ, năng lực cán bộ quyết định đến chất lượng hoạt động của công tác tư tưởng; *hai là* về thực trạng, phần đông đội ngũ cán bộ hoạt động trên lĩnh vực này chưa được đào tạo, sự hiểu biết chuyên môn còn hạn chế. Người đã nhiều lần gặp gỡ trao đổi về kinh nghiệm hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật với những cán bộ thuộc những binh chủng trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật. Với mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng công tác cho đội ngũ cán bộ này, những chủ đề Người quan tâm nhiều nhất là: cách viết, cách nói, cách diễn đạt, cách sáng tác, phê bình... trên các lĩnh vực. Đặc biệt, chính bản thân Người là mẫu mực tuyệt vời về phong cách, phương pháp viết, nói nên đã có tác dụng lớn góp phần vào sự nghiệp lãnh đạo tư tưởng của Đảng.

- Quan tâm đến vấn đề lợi ích, có nghệ thuật xử lý đúng đắn, góp phần tạo động lực to lớn trên lĩnh vực tư tưởng.

C.Mác đã từng cho rằng nguồn gốc tư tưởng con người bắt nguồn từ chính lợi ích của bản thân họ, rằng tách tư tưởng với lợi ích, tư tưởng tự nó sẽ bị làm nhục. Vận dụng luận điểm trên, Hồ Chí Minh đã xử lý một cách sáng tạo, linh hoạt cả từ những chủ trương chiến lược, chính sách tầm vĩ mô đến những sự việc đơn giản hàng ngày. Những khẩu hiệu nổi tiếng: "Độc lập dân tộc", "Người cày có ruộng", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do!", v.v... là những ví dụ điển hình về sự vận dụng sáng tạo những động lực lợi ích để khơi dậy tiềm năng to lớn trên lĩnh vực tinh thần của dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Những chế độ, chính sách trong thời kỳ do chính Người ban hành, những chuyến thăm viếng, những đợt úy lạo động viên, khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích, những lời khích lệ,

những phần thưởng đúng lúc của Người đã thật sự có tác dụng sâu xa trên lĩnh vực tư tưởng.

- Chủ trương giữ vững bản sắc dân tộc trong các hoạt động tư tưởng.

Nguyên tắc tính khoa học trong công tác tư tưởng không bài trừ, thủ tiêu vấn đề bản sắc dân tộc; ngược lại bảo đảm tính khoa học đúng nghĩa của nó là phải tìm cách bảo tồn, phát huy những yếu tố, bản sắc dân tộc. Nhận thức đúng đắn vấn đề đó, Hồ Chí Minh chủ trương giữ vững bản sắc dân tộc trong hoạt động tư tưởng bằng các biện pháp cụ thể:

+ Bảo vệ, giữ gìn tiếng nói, chữ viết của dân tộc - công cụ giao tiếp, giao lưu tư tưởng, tình cảm của người Việt Nam.

+ Thông qua những loại hình văn hóa nghệ thuật (văn học, thơ ca, hò vè; hội hoạ...) qua những tập quán dân tộc (lễ hội, v.v.) thậm chí qua các nghi thức tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành các hoạt động tư tưởng.

+ Luôn kết hợp được các yếu tố truyền thống và hiện đại, dân tộc và thời đại, giữa "lý và tình".

- Để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng, vấn đề then chốt là xây dựng đội ngũ cán bộ tư tưởng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Cán bộ vốn là "gốc" của công việc, Hồ Chí Minh cho rằng công việc thành công hay thất bại phụ thuộc vào cán bộ tốt hay kém. Trong lĩnh vực công tác tư tưởng cũng vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, để bảo đảm tính khoa học, chất lượng của công tác tư tưởng xét đến cùng phải xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ngoài những tiêu chuẩn chung của đội ngũ cán bộ, cần phải nhấn mạnh, người cán bộ công tác tư tưởng phải có trình độ chính trị vững vàng, tính trung thực, đạo đức trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có trình độ chuyên môn ngang tầm cần thiết, v.v...

c) Nguyên tắc công tác tư tưởng phải gắn bó với cuộc sống

Trên thực tế, mỗi đảng hoạt động trong những nước với những hoàn cảnh đặc biệt rất khác nhau nên xuất hiện các nhu cầu trên lĩnh vực công tác tư tưởng cũng khác nhau. Hơn nữa, nếu xa rời hiện thực cuộc sống, công tác tư tưởng dễ rơi vào sai lầm hoặc là giáo điều, hoặc chủ quan duy ý chí. Đối với Việt Nam, một nước ở khu vực châu Á, có nhiều đặc điểm khác với các nước khác (nhất là với các nước châu Âu) nên việc nhận thức và quán triệt nguyên tắc này là tất yếu khách quan, là điều kiện bảo đảm cho cách mạng thắng lợi.

Để bảo đảm nguyên tắc này trong công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh chú trọng những vấn đề sau:

+ Thường xuyên lưu ý những đặc điểm, hoàn cảnh đặc thù của cách mạng Việt Nam đối với cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, Người coi trọng việc phát huy tính tự chủ, độc lập, sáng tạo của cán bộ, đảng viên.

+ Yêu cầu cán bộ, đảng viên thường xuyên học tập nắm vững bản chất, tinh thần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng trong thực tiễn cho đúng.

+ Luôn yêu cầu công tác tư tưởng phải biết xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy thực tiễn cùng tiến lên.

+ Cán bộ làm công tác tư tưởng phải tăng cường thâm nhập cuộc sống, tìm hiểu, nắm vững tâm tư nguyện vọng nhân dân để có phương hướng lãnh đạo sát hợp.

+ Cán bộ, đảng viên phải gắn bó với cơ sở, với quần chúng, thực hiện thống nhất lời nói đi đôi với việc làm.

+ Phải làm tốt công tác tổng kết kinh nghiệm, phát hiện và nhân rộng những nhân tố mới, đưa thực tiễn phát triển đi lên.

+ Khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm của các nước để vận dụng sáng tạo vào điều kiện của nước mình, v.v...

Đồng thời với quá trình vận dụng sáng tạo các nguyên tắc về công tác tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh còn cho rằng *công tác tư tưởng của đảng cộng sản phải có tính văn hóa.*

Tiến hành công tác tư tưởng phải trên lập trường nhân đạo cộng sản, có lòng tin ở con người, khơi dậy giá trị đạo đức tốt đẹp; tính nhân văn của con người. Trong các hoạt động tư tưởng phải thể hiện tính văn hóa cao; giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc và tiếp thu văn minh nhân loại, v.v...

- *Ngoài ra, Người còn bổ sung nhiều kinh nghiệm quý giá trong việc tiến hành công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản trong một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.* Đó là:

Kinh nghiệm xây dựng tư tưởng của một đảng cộng sản trong sạch, vững mạnh trong một nước nông nghiệp lạc hậu.

Kinh nghiệm định hướng tư tưởng chính trị trong một nước thuộc địa nửa phong kiến đi lên chủ nghĩa xã hội. Kinh nghiệm triển khai công tác tư tưởng theo hai quá trình (trong nội bộ Đảng và với xã hội), theo ba tuyến (ta - bạn - thù) trong đấu tranh cách mạng.

Kinh nghiệm tiến hành công tác tư tưởng với giai cấp nông dân.

Kinh nghiệm đấu tranh khắc phục những tàn dư tư tưởng phong kiến trong một nước nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Kinh nghiệm lãnh đạo tư tưởng trong một nước nhỏ tiến hành đấu tranh, chống những đế quốc lớn trong thời đại ngày nay, v.v...

Bên cạnh việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh còn phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên lĩnh vực tư tưởng, ở hai vấn đề sau:

Một là, khi bàn về điều kiện xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Muốn xã hội chủ nghĩa, phải có: *người xã hội chủ nghĩa.* Muốn có người xã hội chủ nghĩa, phải có: *tư tưởng xã hội chủ nghĩa*"[1].

Hai là, khi bàn về đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó"[2].

Bằng phương thức "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", Người nhấn mạnh: *"... Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân"*[3].

Hai vấn đề trên gắn bó hữu cơ với nhau, khẳng định sự thành bại của cách mạng do chính bản thân con người quyết định. Đó là những kết luận hết sức chính xác của Hồ Chí Minh, là kết quả của quá trình nghiên cứu, chiêm nghiệm mà Người đã nhận định từ rất sớm: "Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí thì làm được"[4].

4. Về tổ chức.

Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tổ chức, nổi bật ở các nội dung sau:

a) Về xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng

Những quan điểm, nội dung, cách làm trong xây dựng, phát huy sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng mà Hồ Chí Minh thể hiện là sự trung thành và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng tổ chức bộ máy

---

1, 2, 3. Sđd, tập 9, tr. 296, 292, 291.

4. Sđd, tập 2, tr. 267.

của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện và hoàn cảnh nước ta. Trong đó nổi lên những nội dung chính sau đây:

Một là, Hồ Chí Minh sáng tạo ra những hình thức tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng.

Với nhãn quan chính trị sâu rộng, Hồ Chí Minh đã nhạy bén đưa ra những quyết định sáng suốt về hình thức tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Đảng. Việc "Đảng tuyên bố tự giải tán - nhưng sự thật là Đảng rút vào hoạt động bí mật" là một ví dụ. Hoặc ở thời kỳ đầu Đảng mới thành lập, ngoài 4 cấp như hiện nay (Trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở) còn lập các xứ ủy. Đến thời kỳ chống Pháp còn có các khu ủy. Khi hoà bình lập lại ở miền Bắc, điều kiện cho phép lại bỏ xứ cấp ủy và khu ủy, chỉ giữ lại khu tự trị (Việt Bắc, Tây Bắc). Hay việc lập Trung ương Cục miền Nam, trực tiếp lãnh đạo Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam... Chính nhờ có sự linh hoạt, sáng tạo về hình thức tổ chức và phương thức hoạt động như vậy mới bảo đảm cho hoạt động của Đảng được thông suốt, mau lẹ, kịp thời, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Những hình thức tổ chức đảng do Hồ Chí Minh sáng lập, đó là sự sáng tạo trong vận dụng.

Hai là, về lề lối làm việc và cơ chế vận hành của tổ chức bộ máy. Sau hai năm giành được chính quyền (10-1947), Hồ Chí Minh đã viết cuốn *Sửa đổi lối làm việc* nhằm giáo dục, rèn luyện cho cán bộ, đảng viên biết giữ vững những nguyên tắc tổ chức của Đảng kiểu mới trong sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo của các tổ chức đảng, bảo đảm cho bộ máy của Đảng vừa phát huy được dân chủ, vừa giữ vững kỷ luật kỷ cương; làm cho các tổ chức của Đảng luôn bám sát cơ sở, bám sát thực tiễn, sát quần chúng và kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

b) Về nguyên tắc tập trung dân chủ

Nguyên tắc tập trung dân chủ đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đề cập rất sớm. Về phương diện lý luận, Mác - Ăngghen chưa dùng khái niệm nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng về phương diện thực tiễn thì hai ông đã chỉ đạo xây dựng "Liên đoàn những người cộng sản" và "Hội liên hiệp công nhân quốc tế" theo tinh thần của nguyên tắc đó. Một số nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ như vấn đề bầu cử, dân chủ, bình đẳng; quyền thảo luận, thông qua cương lĩnh, điều lệ, cấp dưới phục tùng cấp trên; thiểu số phục tùng đa số, mọi thành viên đều có trách nhiệm thực hiện kỷ luật bắt buộc như nhau, v.v... đã được Mác - Ăngghen đề cập.

Sau khi Mác - Ăngghen qua đời, Lênin là người kế tục xuất sắc sự nghiệp của Mác - Ăngghen, đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng của Mác - Ăngghen về tập trung dân chủ. Khái niệm "tập trung dân chủ" đã được Lênin sử dụng từ năm 1905, sau đó được đưa vào Điều lệ của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga (Đại hội IV - 1906) và được các đảng trong Quốc tế III thừa nhận và khẳng định: "các đảng gia nhập Quốc tế cộng sản phải được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ".

Hồ Chí Minh luôn luôn trung thành với tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin về nguyên tắc tập trung dân chủ và sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng đó trong tổ chức sinh hoạt và hoạt động của Đảng cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình độ dân trí của Việt Nam. Lênin cho rằng: Cần phải hiểu chế độ tập trung dân chủ, một mặt thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa và mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ. Hồ Chí Minh đã diễn đạt rất cô đọng nguyên tắc này là: "Tập trung trên nền tảng dân chủ" và "dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung".

Sự sáng tạo, bổ sung, phát triển nguyên tắc tập trung dân chủ của Hồ Chí Minh thể hiện rõ nhất ở việc thực hành nguyên tắc này "Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội ủy viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải tuân theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì ủy viên hội có quyền phạt"[1]. Hồ Chí Minh còn cho rằng: "Để làm cho Đảng mạnh, thì phải mở rộng *dân chủ* (thật thà tự phê bình và phê bình), thực hành, lãnh đạo *tập trung,* nâng cao tính tổ chức và kỷ luật"[2].

Trước đây, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề cập đến cách thức lãnh đạo của Đảng, đó là tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, song do điều kiện hoàn cảnh cụ thể lúc đó chưa được các ông đề cập kỹ. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo tư tưởng trên của các nhà kinh điển, đồng thời bổ sung và phát triển cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Người lý giải: "Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo?".

Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề.

---

1. Sđd, tập 2, tr. 306.
2. Sđd, tập 7, tr. 241.

Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm.

Ý nghĩa của tập thể lãnh đạo rất giản đơn, chân lý của nó rất rõ rệt. Tục ngữ có câu: "Khôn bầy hơn khôn độc" là nghĩa đó.

Vì sao cần phải cá nhân phụ trách?

Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy. Nếu không có cá nhân phụ trách, thì sẽ sinh ra cái tệ người này ủy cho người kia, người kia ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong. Tục ngữ có câu: "Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa" là như thế.

Vì lẽ đó, cho nên lãnh đạo cần phải tập thể, mà phụ trách cần phải cá nhân.

Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc.

Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Nhưng không phải vấn đề gì nhỏ nhặt, vụn vặt, một người vẫn có thể giải quyết được, cũng đưa ra bàn - mới là tập thể lãnh đạo. Nếu làm như vậy, là hiểu tập thể lãnh đạo một cách quá máy móc. Kết quả là cứ khai hội mà hết ngày giờ.

Những việc bình thường, một người có thể giải quyết đúng thì người phụ trách cứ cẩn thận giải quyết đi. Những việc quan trọng, mới cần tập thể quyết định.

Tập thể lãnh đạo là *dân chủ.*

Cá nhân phụ trách là *tập trung.*

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là *dân chủ tập trung.* Làm việc mà không theo đúng cách đó, tức là làm trái dân chủ tập trung[1].

---

1. Sđd, tập 5, tr. 505-505.

Ở mọi lúc, mọi nơi, kể cả trong tình huống phức tạp, hiểm nghèo nhất, Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng tập thể, không bao giờ có biểu hiện lấn át tập thể. Ở Người tính quyết đoán, trách nhiệm cá nhân rất cao nhưng không thấy gợn lên một chút nào sự độc đoán cá nhân hoặc quyết định sai nguyên tắc. Tin vào tập thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tin vào đồng chí, đồng bào đó là một biểu hiện đặc sắc trong nhân cách Hồ Chí Minh.

Dân chủ phải đi đôi với tập trung, đi liền với kỷ luật; cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng Trung ương. Người nhấn mạnh: Trong Đảng phải triệt để chống tập trung quan liêu, độc đoán, dân chủ hình thức, phân tán cục bộ, hẹp hòi, bè phái, tự do vô kỷ luật. Hồ Chí Minh cho rằng, dân chủ đi liền với kỷ luật, vì nếu chỉ phát huy dân chủ mà không tăng cường kỷ luật thì dân chủ sẽ trở thành vô chính phủ. Kỷ luật Đảng nghiêm minh sẽ tạo nên sức mạnh của Đảng, tạo sự thống nhất ý chí và hành động. Kỷ luật Đảng là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Và để đạt đến trình độ nghiêm túc và tự giác trên phải mở rộng dân chủ, phải sử dụng biện pháp dân chủ.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, trong công việc cũng như trong sinh hoạt hằng ngày, Hồ Chí Minh luôn luôn là tấm gương mẫu mực trong việc thực hiện chế độ dân chủ tập trung. Mọi nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, của tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt, Người đều chấp hành nghiêm túc, vô điều kiện. Với cương vị là Người đứng đầu của Đảng và Nhà nước ta, Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao, tôn trọng, phát huy trí tuệ của tập thể. Ở Người chưa thấy có và không bao giờ có biểu hiện tư tưởng gia trưởng, độc đoán cá nhân.

Ở Người luôn thể hiện trọn vẹn, nhất quán tư cách của một người cộng sản: "Quyết đoán, Dũng cảm, Phục tùng đoàn thể"; sáng tạo trong thực hiện nguyên tắc: "Dĩ bất biến, ứng vạn biến"... Uy tín, vai trò cá nhân, trách nhiệm phụ trách trước Đảng, tầm nhìn xa trông rộng của Người được thể hiện nổi bật ở mọi thời điểm của cách mạng nước ta.

c) Về tổ chức cơ sở đảng

Xây dựng thành công hệ thống tổ chức cơ sở đảng xứng đáng với vai trò "hạt nhân lãnh đạo" ở cơ sở trong điều kiện cách mạng Việt Nam là thành quả sáng tạo của Hồ Chí Minh cả về lý luận và thực tiễn. Trong đó, những sáng tạo có giá trị tiêu biểu phải kể đến là:

Thứ nhất, quan niệm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng rất linh hoạt, sáng tạo, phản ánh sát thực vai trò của nó trong các mối quan hệ nhất định. Trong "Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản" xác

định chi bộ là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức của liên đoàn. Nhưng Mác, Ăngghen chưa chỉ rõ vai trò quan trọng của nó. Sau này, Lênin đã khẳng định các cơ sở của Đảng - ở mọi loại hình - đều có vai trò là "điểm tựa", là "hạt nhân và người lãnh đạo". Hồ Chí Minh xem xét vị trí, vai trò quan trọng của tổ chức cơ sở đảng tuỳ thuộc ở từng mối quan hệ. Chẳng hạn: trong hệ thống tổ chức của Đảng nó giữ vai trò là "nền móng", "nền tảng", là "gốc rễ" của Đảng. Trong mối quan hệ với nhân dân, nó có vai trò là "sợi dây chuyền" nối liền Đảng với dân. Với sự hoạt động lãnh đạo của Đảng thì các tổ chức cơ sở đảng giữ vai trò là: "hạt nhân lãnh đạo", là "đồn luỹ" chiến đấu ở cơ sở và là động lực ở mỗi cơ quan, là "cái gốc trong lãnh đạo".

Quan niệm sáng tạo trên của Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện đảng cầm quyền.

Thứ hai, Hồ Chí Minh không chỉ xác định nhiệm vụ chung cho các loại hình cơ sở đảng, mà trên cơ sở nhiệm vụ chung Người đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở đảng cho phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở: nông thôn, đường phố, doanh nghiệp, cơ quan.

Thứ ba, Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo về nội dung, hình thức, cách tiến hành củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện đảng cầm quyền.

+ Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng và không ngừng hoàn thiện phương thức hoạt động, lề lối làm việc cho phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở. Chẳng hạn, với chi bộ ở cơ quan, Người yêu cầu: "Phải thật sự mở rộng dân chủ trong cơ quan. Phải luôn luôn dùng cách thật thà tự phê bình và thẳng thắn phê bình...", *"mỗi một đảng viên phải xung phong làm gương mẫu trong mọi việc"*[1].

+ Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chỉnh đốn chi bộ". Coi đó "là một công việc thiết thực và thường xuyên". Vì vậy, Người thường xuyên chỉ đạo tổ chức những đợt chỉnh huấn, sinh hoạt tự phê bình, phê bình... để qua đó nâng cao chất lượng chi bộ. Vấn đề "thanh đảng" có thể phù hợp với một số đảng. Song ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương "chỉnh đốn" Đảng là cách làm phù hợp.

+ Hồ Chí Minh cho rằng: "Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt", do đó, Người đặc biệt chăm lo xây dựng đội ngũ cốt cán trong các cơ sở.

---

1. Sđd, tập 7, tr. 268-269.

+ Là người khởi xướng mở cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ "bốn tốt" và chính Người lãnh đạo tổ chức, duy trì, đẩy mạnh phong trào này.

d) Vấn đề cán bộ, đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Chủ nghĩa Mác - Lênin thường nói trách nhiệm của Đảng với tư cách là người thầy, người lãnh tụ của quần chúng. Đảng lãnh đạo quần chúng "xóa bỏ áp bức bóc lột". Nhưng trong điều kiện của Đảng ta và thực tế nhiều đảng cầm quyền trên thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: *mình vào Đảng để làm đày tớ cho nhân dân.* Bác nhấn mạnh: *làm đày tớ nhân dân chứ không phải* là "quan" nhân dân"[1]. Theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo không chỉ là dẫn đường chỉ lối, theo nghĩa thông thường như chúng ta vẫn hiểu, mà khái niệm đó còn bao hàm cả mục đích đấu tranh của Đảng. Người nói: "Lãnh đạo là làm đày tớ nhân dân và phải làm cho tốt"[2].

Quan điểm hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp quán xuyến trong mọi hoạt động, trong suốt cuộc đời của Người. Với Hồ Chí Minh, nghĩa vụ vẻ vang của người cộng sản là "làm người con trung thành của Đảng, người đày tớ tận tụy của nhân dân" chứ không phải để có quyền cao, chức trọng. Lòng kính trọng, yêu quý quần chúng phải trở thành tình cảm thúc đẩy mọi suy nghĩ, mọi hành động của những người cộng sản. Người dạy: "Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân, thì dân mới yêu ta, kính ta"[3]. Trong *Di chúc,* một lần nữa Người lại nhấn mạnh rằng, mỗi người cộng sản phải thực sự xứng đáng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Làm người đầy tớ của dân, theo Người, là phải hết lòng hết sức phục vụ dân, phải gần dân, nghe dân, học dân; phải biết biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của dân; phải luôn luôn quan tâm đến đời sống, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của dân; phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không tham ô, lãng phí của dân; phải chống quan liêu mệnh lệnh; phải có tinh thần trách nhiệm cao và gương mẫu trước quần chúng. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu đối với họ càng lớn.

Hồ Chí Minh thường nhắc chúng ta phải luôn luôn quan tâm đến lợi ích, đến đời sống hằng ngày của nhân dân lao động kể cả những việc nhỏ như tương cà, mắm muối. Dân không đủ muối Đảng phải lo, dân không có đủ gạo ăn no, dân không có vải đủ mặc ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có

1, 2. Sđd, tập 12, tr. 222.

3. Sđd, tập 4, tr. 56-57.

trường học, Đảng phải lo. Trước khi đi xa, trong *Di chúc,* Người căn dặn: "Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân"[1].

đ) Về chống bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí

Tiếp thu những quan điểm của Mác, Ăngghen, Lênin về chống quan liêu, Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng trung thành mà Người còn sáng tạo, bổ sung, phát triển làm phong phú thêm, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống quan tiêu biểu hiện khá rõ ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

- Quan liêu cùng với tham ô, lãng phí và "giặc nội xâm", "là tội ác"

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: bệnh quan liêu hết sức nguy hiểm, những người và những cơ quan lãnh đạo nào mắc phải bệnh này thì "có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững". Nguy hiểm hơn, bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí; có nạn tham ô, lãng phí là vì có bệnh quan liêu; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí, tham ô. Bệnh quan liêu tiếp tay cho những cán bộ kém, những người xấu thỏa sức đục khoét ngân khố, tài sản quốc gia. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân. Thực chất bệnh quan liêu không phải đơn thuần là sai lầm về tác phong, phương pháp công tác mà chính là một căn bệnh nguy hiểm, có quan hệ trước hết và chủ yếu đến lập trường tư tưởng, đạo đức cách mạng; có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng và Nhà nước. Quan liêu đi liền với mệnh lệnh, cửa quyền, coi thường quần chúng, làm khó cho người... Nó làm "biến động các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, làm cho những tổ chức đó vốn là cơ quan lãnh đạo, đại diện quyền lực và là đầy tớ của dân trở thành những tổ chức xa dân, đứng trên nhân dân, thoát ly thực tế, dẫn đến việc ra quyết định, chính sách, chủ trương công tác không sát, thậm chí sai lầm, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến mối quan hệ Đảng, Nhà nước và quần chúng. Quan liêu là đi ngược lại dân chủ.

Từ những tác hại to lớn do bệnh quan liêu, tệ tham ô, lãng phí gây ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ, là "giặc ở trong lòng", là "giặc nội xâm" và là tội ác.

---

1. Sđd, tập 12, tr. 511.

- Những biểu hiện của bệnh quan liêu

Theo Hồ Chí Minh thì những cán bộ và cơ quan mắc bệnh quan liêu thường không đi sâu đi sát phong trào, không nắm được tình hình cụ thể của ngành hoặc địa phương mình, không gần gũi với quần chúng và học hỏi kinh nghiệm của quần chúng, thích ngồi bàn giấy "chỉ tay năm ngón". Cái gì cũng dùng mệnh lệnh ép dân làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra "cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo". Họ ngại đi xuống cơ sở để hiểu đúng thực tế, kiểm tra việc thi hành chính sách, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thì chung chung, đại khái; không tự giác (thậm chí sợ) tự phê bình và phê bình; không giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; ngại tiếp xúc, đối thoại với quần chúng và cấp dưới.

Những biểu hiện của bệnh quan liêu rất nhiều, nhưng bộc lộ rõ nét là xa rời quần chúng và xa rời thực tế. Chính vì xa rời quần chúng và xa rời thực tế mà những kẻ quan liêu có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, không nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của quần chúng, không hiểu được tình hình thực tế, dẫn đến lãnh đạo không sát, chỉ đạo vu vơ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương...

- Nguyên nhân của bệnh quan liêu

Không dừng lại ở xác định, miêu tả đúng những triệu chứng của bệnh quan liêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi sâu tìm hiểu nguyên nhân phát sinh căn bệnh nguy hiểm này. Người cho rằng, bệnh quan liêu do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra. Về khách quan, bệnh quan liêu có từ xã hội cũ và từ chế độ xã hội cũ lây truyền sang chế độ xã hội mới. Còn về nguyên nhân chủ quan thì đó chính là những vấn đề thuộc về bản thân đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước. Người cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước nào cái tâm không trong sáng, động cơ vào Đảng không rõ ràng, giác ngộ về Đảng thấp, quan điểm quần chúng lệch lạc... thì rất dễ mắc bệnh quan liêu. Do đó, những người được gọi là đảng viên thì phải nhận rõ, phải biết rõ Đảng ta phải làm gì, vào Đảng để làm gì? Vào Đảng là để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, phục vụ cách mạng... chứ không phải là "quan" nhân dân. Cần phải phê phán nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên tưởng mình ở trong cơ quan của Chính phủ là thần thánh rồi, coi khinh nhân dân, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt "quan cách mạng". Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng, mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ ngại tuyên truyền giáo dục quần chúng, thích lối làm việc hành chính, mệnh lệnh "ngồi một nơi chỉ tay năm ngón". Tất cả những nhận thức tư tưởng và hành động lệch lạc kể trên đều xa lạ với

bản chất của người cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước xã hội chủ nghĩa, và đều có thể tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho bệnh quan liêu sinh sôi, phát triển.

- *Các biện pháp đấu tranh chống bệnh quan liêu*

Đấu tranh chống bệnh quan liêu, từng bước khắc phục và loại bỏ nó ra khỏi bộ máy của Đảng, cơ quan nhà nước và xã hội là đòi hỏi tất yếu khách quan. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Chúng ta muốn xây dựng một xã hội mới, một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính thì phải tẩy cho sạch hết những thói xấu của xã hội cũ. "Những người mắc phải bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, không làm được việc phải thải đi" và phải "tẩy sạch nó". Cuộc đấu tranh đó "cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị", là "việc rất cần thiết và phải làm thường xuyên".

Đấu tranh chống quan liêu, lãng phí, tham ô - kẻ thù không mang gươm, mang súng, nằm ngay trong từng cơ quan, từng người - là hết sức khó khăn, phức tạp. Hồ Chí Minh coi đây là một cuộc cách mạng nội bộ, một cuộc đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, cái cũ và cái mới, giữa đạo đức và phản đạo đức. Muốn giành được thắng lợi thì phải có tư tưởng chỉ đạo hành động đúng đắn, quyết tâm cao và phải có biện pháp đồng bộ, thiết thực; quy trình tiến hành hợp lý, chặt chẽ.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về chống quan liêu chúng ta thấy thiên tài của Người không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra tác hại nguy hiểm, những triệu chứng và nguồn gốc phát sinh của nó mà còn đưa ra được một "phác đồ" điều trị (biện pháp đấu tranh) đúng đắn, đạt hiệu quả cao nhất. Những biện pháp đó là:

***Thứ nhất:** Làm tốt công tác tư tưởng.*

Trong công tác tư tưởng phải chú ý làm tốt các bước: *Một là,* phải "đánh thông tư tưởng". Bởi vì, nhận thức tư tưởng của mỗi cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và quần chúng có thông suốt thì mới có thể tiến hành đấu tranh chống quan liêu thắng lợi. Để làm tốt bước mở đầu này, theo chỉ dẫn của Hồ Chí Minh, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, v.v... phải tổ chức khai hội đủ mặt mọi người để giải thích rõ ràng và "nói đi, nói lại" cho mọi người đều hiểu: quan liêu, tham ô, lãng phí có hại cho dân, cho nước như thế nào; vì sao phải chống nó? *Hai là,* khi mọi người đã hiểu đại thể, muốn hiểu cụ thể và sâu sắc hơn phải tăng cường việc nghiên cứu. Để thực hiện tốt bước này, các tiểu tổ vừa nghiên cứu, vừa thật thà tự phê bình và phê bình. Nên nhằm vào mấy điểm chính và thiết thực như có

quan liêu, xa cách quần chúng không? Có tham ô không? Có ăn bớt của công cho đơn vị riêng của mình không? Có lười biếng, có kém trách nhiệm không?... Trong khi tự phê bình và phê bình, phải thật thà, trung thực, đấu tranh có lý, có tình. *Ba là,* tổ chức kiểm thảo chung trong toàn cơ quan, đơn vị để giải quyết các vấn đề, giải thích các thắc mắc, sửa chữa những khuyết điểm, biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn lưu ý thêm: cán bộ cao cấp, chủ chốt phải thật thà tự kiểm điểm để làm gương; thật thà báo cáo tình hình của đơn vị, cơ quan mình. Trong đấu tranh chống tham ô, lãng phí, phải lấy giáo dục là chính, trừng phạt là phụ.

Thứ hai: *Dựa hẳn vào quần chúng, phát động quần chúng tích cực tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham ô, lãng phí.*

Hồ Chí Minh cho rằng: chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng. Người luận giải: cách mạng là tiêu diệt những cái xấu, xây dựng cái mới. Nhưng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Cho nên, cũng như mọi công việc khác, việc chống quan liêu, tham ô, lãng phí phải dựa hẳn vào quần chúng, phát động, động viên, tổ chức quần chúng tham gia thì mới chắc chắn thành công. "Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ mau chóng". Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân rất tốt. Tai mắt nhân dân rất tinh tường, mọi hành vi của những kẻ quan liêu, tham nhũng, lãng phí đều không sao thoát khỏi "lưới trời nhân dân".

Thứ ba: *Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra và xử lý kỷ luật.*

Hồ Chí Minh coi đây là một biện pháp rất quan trọng để đấu tranh chống bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu đạt kết quả tốt. Người chỉ rõ: khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách là do cách tổ chức công việc, lựa chọn cán bộ và đã kiểm tra. Nếu ba điều ấy làm sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích. Kiểm tra giúp cho các cấp ủy, chính quyền nắm chắc được tình hình chấp hành nghị quyết, chính sách, biết ai làm đúng, ai làm sai; ai ra sức làm, ai làm qua loa, chiếu lệ. Hồ Chí Minh còn khẳng định: nếu tổ chức kiểm tra được chu đáo thì cũng như có ngọn đèn pha; bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm của cán bộ chúng ta đều thấy rõ.

Thứ tư: *Thường xuyên chỉnh đốn đội ngũ cán bộ, đảng viên.*

Hồ Chí Minh coi đây cũng là một biện pháp rất quan trọng để chống quan liêu, tham ô, lãng phí có kết quả, vì "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". Có cán bộ đảng viên tốt "việc gì cũng xong". Ngay từ khi cách mạng Việt Nam còn

trứng nước, Người đã quan tâm mở các lớp huấn luyện cán bộ. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ, đảng viên tốt là người hội tụ đủ cả hai yếu tố đức và tài, phải: hồng thắm, chuyên sâu. Đạo đức là cái gốc của người cán bộ, đảng viên, "cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân". Với người cán bộ, đảng viên phải có đạo đức làm nền, mới hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang. Nội dung đạo đức cách mạng được Hồ Chí Minh diễn đạt ngắn gọn ở 10 chữ: Trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng, cần, kiệm, liêm, chính. Trung với nước, với Đảng và hiếu với dân là cái gốc của người cán bộ, đảng viên, là chuẩn mực và giá trị cao nhất của đạo đức cách mạng. Nhân là yêu con người, yêu nhân dân, yêu Tổ quốc, quê hương, gia đình... Đã có nhân thì phải có nghĩa, trước hết là nghĩa lớn đối với dân tộc. Trí là sự sáng suốt trong suy nghĩ và hành động. Dũng là có tinh thần quyết đấu tranh bảo vệ lẽ phải. Cần là phải tận tâm làm việc và tôn trọng kỷ luật. Kiệm là phải biết tiết kiệm tiền của, thời gian, không "hao phí mồ hôi nước mắt của nhân dân", v.v..

Đội ngũ cán bộ, đảng viên của một đảng cộng sản cầm quyền nắm giữ hầu hết các cương vị chủ chốt, các lĩnh vực quan trọng trong bộ máy nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội... Nếu từng người biết tự giác tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng nâng cao khả năng "miễn dịch" trước mọi cám dỗ là đã góp phần thiết thực vào cuộc đấu tranh chống "giặc nội xâm". Song, như vậy chưa đủ, người cán bộ, đảng viên còn phải đi tiên phong, biết lôi cuốn, tổ chức quần chúng, lời nói đi đôi với việc làm. Có như vậy mới tạo được niềm tin tưởng bền vững của quần chúng đối với Đảng. Như Hồ Chí Minh đã viết: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến".

Từ thực tiễn cuộc đấu tranh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin rất chú trọng tới cuộc *đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong Đảng*. Các ông chỉ ra rằng, Đảng phải đoạn tuyệt với chủ nghĩa cơ hội, phải đuổi những phần tử cơ hội ra khỏi Đảng và như vậy Đảng sẽ mạnh lên. Đồng thời, các ông cũng chỉ ra rằng, chủ nghĩa cơ hội có nguồn gốc từ chủ nghĩa cá nhân. Nhưng chưa ai coi chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội như Hồ Chí Minh đã khẳng định. Người còn khẳng định chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, gây ra các thứ bệnh rất nguy hiểm... Người còn chỉ ra một cách cụ thể các bệnh do chủ nghĩa cá nhân sinh ra mà đảng viên chúng ta cần tránh là:

- Tham lam, tự tư tự lợi, xa hoa...

- Lười biếng, việc dễ tranh lấy cho mình, việc khó thì đùn cho người khác, gặp việc nguy hiểm thì tìm cách để trốn tránh.

- Tự kiêu, lên mặt, ham địa vị, ưa người ta tâng bốc mình, khoe khoang, vênh váo, cho ai cũng không bằng mình, việc gì cũng muốn làm thầy người khác.

- Hiếu danh, không ham công việc thiết thực, chỉ biết lên mà không biết xuống.

- Thiếu kỷ luật.

- Hẹp hòi, sợ người ta hơn mình.

- Địa phương chủ nghĩa.

- Có đầu óc lãnh tụ.

- Có bệnh "hữu danh vô thực", kéo bè kéo cánh, cận thị, không trông xa thấy rộng, bệnh lười biếng, bệnh tị nạnh, bệnh xu nịnh, a dua. Người khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó"[1]. Vậy tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân bằng cách nào? Hồ Chí Minh cho rằng, một trong các biện pháp của Đảng là. "Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ"[2]. Đối với mỗi cán bộ, đảng viên thì một trong những biện pháp quan trọng là phải "nâng cao đạo đức cách mạng" thì mới quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm. Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có năm điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm"[3].

Có thể nói, việc khẳng định chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội, những biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa cá nhân và chỉ ra những

---

1, Sđd, tập 9, tr. 292.

2. Sđd, tập 12, tr. 439.

3. Sđd, tập 5, tr. 251.

biện pháp cho Đảng cũng như mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng để chữa trị nó, đó là sự vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề cán bộ, đảng viên của Hồ Chí Minh.

Mác, Ăngghen cho rằng, phong trào vô sản nhất thiết phải trải qua các bước phát triển khác nhau, trong mỗi bước phát triển đó đều có một số người dừng lại, họ không thể đi xa hơn nữa. Do đó, hai ông chỉ ra: một trong những nhiệm vụ hàng đầu của đảng vô sản là phải loại trừ những con người đó.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của Mác và Ăngghen, Lênin đã không ngừng đấu tranh và đưa ra khỏi đảng (thanh đảng) những phần tử cơ hội, những đảng viên thoái hóa, biến chất đi ngược lại mục đích của đảng, lợi ích của giai cấp để bảo đảm sự trong sạch trong đội ngũ đảng viên, nhất là khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Đảng bôn-sê-vích Nga trở thành đảng cầm quyền. Có thể nhận thấy Lênin đặc biệt chú ý vấn đề thanh đảng trong điều kiện đảng trở thành đảng cầm quyền.

Quán triệt tư tưởng của các nhà kinh điển, từ thực tiễn Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa bao giờ dùng từ thanh đảng mà luôn dùng từ chỉnh đảng. Người cho rằng: Đảng phải thật mạnh, thật trong sạch để thiết thực lãnh đạo những nhiệm vụ của cách mạng. Muốn lãnh đạo vững thì trước hết cán bộ và đảng viên phải có tư tưởng và lập trường vững chắc để lãnh đạo, để xung phong làm gương mẫu. Vì vậy, khi có tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra, Hồ Chí Minh cho rằng: *"Chỉnh đảng là việc chính mà chúng ta phải làm ngay.*

Chỉnh đảng phải làm từng bước, phải có trọng tâm:

- Chỉnh huấn cán bộ trước rồi mới chỉnh đốn chi bộ.

- Chỉnh đốn tư tưởng trước rồi mới chỉnh đốn tổ chức.

- Chỉnh đốn cán bộ cao cấp phải do Trung ương trực tiếp lãnh đạo vì đó là mấu chốt của việc chỉnh đốn toàn Đảng.

- Chỉnh huấn nhằm vào nâng cao trình độ tư tưởng và chính trị của cán bộ và đảng viên, tẩy bỏ tư tưởng phi vô sản và tiểu tư sản, thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, đoàn kết toàn Đảng để Đảng làm tròn nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang của mình"[1]. Trong quá trình chỉnh Đảng phải luôn luôn đưa những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng. Nhưng "cần phải xem công tác củng cố và phát triển đảng là một công tác quan trọng và thường xuyên. Và phải nắm vững phương châm phát triển Đảng là trọng chất hơn lượng"[2].

---

1. Sđd, tập 6, tr. 456.
2. Sđd, tập 11, tr. 155.

Như vậy, việc dùng khái niệm chỉnh đảng cả về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đặc biệt làm rõ mục đích của chỉnh đảng và các bước tiến hành, đó là sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng nói chung cũng như việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng phù hợp với thực tế Việt Nam.

5. Về phương thức lãnh đạo của đảng.

Hồ Chí Minh quan niệm: lãnh đạo đúng có nghĩa là phải quyết định mọi vấn đề cho đúng, phải tổ chức thi hành cho đúng, phải kiểm soát, chọn người và thay người. Đây là nét độc đáo sáng tạo nổi bật của Hồ Chí Minh.

a) Lãnh đạo là quyết định vấn đề cho đúng

Có đường lối chính trị đúng mới làm cho nhân dân giác ngộ về mục tiêu đấu tranh, hiểu rõ tình hình, tình thế, ý thức rõ được những việc cần làm.

Không có đường lối chính trị đúng đắn, rõ ràng thì phong trào quần chúng không thoát ra khỏi phong trào tự phát. Đường lối chính trị đúng đắn làm cho phong trào cách mạng trở thành hành động tự giác của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: Kinh nghiệm thế giới và trong nước chứng tỏ rằng: những cuộc đấu tranh "tự phát" của nhân dân, thường không có mục đích rõ ràng, kế hoạch đầy đủ, tổ chức chắc chắn. Vì vậy mà lực lượng rời rạc, nơi này lên thì nơi khác xẹp xuống. Kết quả là thất bại.

Với nhiều năm trên cương vị vừa là lãnh tụ của Đảng (từ Đại hội II của Đảng, tháng 2-1951 là Chủ tịch Đảng), và là người lãnh đạo cao nhất của Nhà nước trong điều kiện Đảng cầm quyền (1945-1969), Hồ Chí Minh càng đặc biệt chú trọng xây dựng đường lối chính trị nhằm hoàn thành triệt để sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa đất nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa; xây dựng đường lối đối nội, đối ngoại; xây dựng và củng cố nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Hồ Chí Minh lưu ý lời căn dặn của Lênin về một trong những nguy cơ của một đảng cầm quyền là sai lầm về đường lối. "Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều, đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại". Tinh thần đó được Người coi trọng trong suốt quá trình cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng.

Quyết định vấn đề cho đúng trên nhiều lĩnh vực, nhưng trước hết là tìm đường cách mạng, đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng hành động - thực chất là lãnh đạo chính trị. Lãnh đạo hiểu theo nghĩa đơn giản là đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức, động viên thực hiện. Có con đường rồi người lãnh đạo dẫn dắt quần chúng đi theo con đường đó. Điều đó đúng

nhưng chưa đủ. Theo Hồ Chí Minh thì Đảng trước hết phải tìm con đường. Trên thực tế Người đã dành nhiều công sức, tâm huyết cho việc "tìm đường". Ở địa phương, cơ sở, đơn vị, Người cũng yêu cầu phải "tự tìm ra phương hướng chính trị", tìm ra con đường phát triển của từng thời kỳ phù hợp với điều kiện của mình. Phải dự báo được tình hình, tìm ra được phương hướng phát triển.

Để xác định được đường lối, phương hướng đúng, để khắc phục được bệnh chủ quan, cần phải nắm vững lý luận, cốt yếu là chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng, nguyên nhân của bệnh chủ quan là do kém lý luận, khinh lý luận hoặc là lý luận suông. Cần phải có "cái cẩm nang thần kỳ" để làm "kim chỉ nam cho hành động". Đồng thời muốn hoạch định được phương hướng, đường lối đúng phải xuất phát từ thực tiễn. Thực tiễn kinh tế - xã hội Việt Nam, thực tiễn "nơi đó, lúc đó". Người yêu cầu người lãnh đạo không nghĩ ra một làng kiểu mẫu, một đội kiểu mẫu, một nhà máy kiểu mẫu mà phải từ trong thực tế để xây dựng, phải xuất phát từ thực tiễn để vận dụng lý luận.

Chuẩn mực xác định đường lối, chính sách đúng của Hồ Chí Minh là phù hợp với quy luật khách quan, phù hợp với quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn Việt Nam, thực tiễn địa phương, đơn vị ở từng thời kỳ, được thực tiễn kiểm nghiệm.

Cách thức, phương pháp, biện pháp để "quyết định vấn đề cho đúng": khi Đảng đã có lý luận, nắm vững quan điểm thực tiễn, nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân, của dân tộc, Đảng còn cần phải có kinh nghiệm để kết hợp với kinh nghiệm của quần chúng. Hồ Chí Minh cho rằng; lãnh đạo phải biết nghe, biết gom góp, so sánh ý kiến của quần chúng, ý kiến của "những người không quan trọng". Để làm người hướng dẫn, lãnh đạo nhân dân, theo Người trước hết phải học hỏi dân, phải là học trò của nhân dân. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của Lênin cho rằng, nhân dân có thể giải quyết nhiều vấn đề phức tạp mà một đảng ưu tú cũng chưa giải quyết được. Để làm lãnh tụ, làm thầy quần chúng, Lênin đòi hỏi người cộng sản phải biết khiêm tốn học hỏi quần chúng. Còn Hồ Chí Minh thì viết: "Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra"[1]. Tổ chức đảng, đảng viên không phải là "bách khoa toàn thư" nên khi tìm kiếm đường lối, quyết định vấn đề luôn luôn phải hỏi ý kiến của dân. Sau khi giành được chính quyền, chuẩn bị bước vào giai đoạn kiến quốc, Đảng và Chính phủ

1. Sđd, tập 5, tr. 295.

chưa có kinh nghiệm, Hồ Chí Minh đã viết bài "Nhân tài và kiến quốc", đăng trên báo đề nghị nhân dân đưa sáng kiến và kế hoạch xây dựng và phát triển đất nước. Đây là một việc làm độc đáo, mới mẻ.

Hồ Chí Minh đòi hỏi phải thực hiện "liên hợp người lãnh đạo với quần chúng"; lãnh đạo không phải ngồi trong phòng kín để viết khẩu hiệu, chỉ thị suy nghĩ từ đầu óc, ý muốn của mình rồi "buộc vào cổ dân" mà phải nghe ý kiến của quần chúng, so sánh và phân tích, sắp đặt thành hệ thống rồi giải thích cho dân chúng. Theo Người, đó là "cách lãnh đạo cực kỳ tốt".

Để xây dựng được đường lối, chủ trương đúng đắn, Hồ Chí Minh còn nêu ra cách lãnh đạo "liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng". Tinh thần cơ bản là người lãnh đạo phải nắm đường lối, phương hướng chung để chỉ đạo cụ thể và cũng thông qua chỉ đạo cụ thể mà kiểm tra đường lối, chính sách đúng hay sai. Người cho đó là một cách vừa lãnh đạo vừa học tập; mà "bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận"[1].

Hồ Chí Minh còn nêu ra cách lãnh đạo từ dưới lên mà không phải "từ trên dội xuống". Người cho rằng, không chỉ trên nhìn thấy vấn đề mà ở dưới cũng nhìn rõ vấn đề. Có thể trên nhìn thấy rộng, nhìn thấy dài, nhưng dưới thì nhìn thấy cụ thể, thấy sâu sắc, vì ở dưới trực tiếp, tiếp xúc với mọi hoạt động của cuộc sống. Người nói: "Dân chúng là người chịu sự lãnh đạo của ta". Cho nên, muốn quyết định vấn đề cho đúng không chỉ cần lý luận, kinh nghiệm chung mà phải kết hợp kinh nghiệm của địa phương, của đơn vị, phải chịu "sự kiểm soát của dân chúng". Năm 1960, khi về thăm tỉnh Ninh Bình thấy chỉ tiêu kế hoạch kinh tế không đạt, Người chỉ ra nguyên nhân do từ trên dội xuống, mà không từ dưới đề xuất lên. Bám sát quần chúng, bám sát thực tiễn, học hỏi quần chúng để ra các quyết định lãnh đạo đó là ý thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh và cũng là hoạt động thực tiễn của Người.

Để quyết định vấn đề cho đúng, Hồ Chí Minh còn chỉ ra phải "tìm việc chính, việc gấp thì làm trước". Trong cả nước, một địa phương, một cơ quan, đơn vị lúc này thì vấn đề này nổi lên, lúc khác thì vấn đề khác nổi lên cần phải tìm ra và phải quyết định, khi đã quyết định thì phải thực hành triệt để. Ra quyết định lãnh đạo cần phải chống rập khuôn máy móc, giáo điều, Hồ Chí Minh yêu cầu một trong những nguyên tắc lãnh đạo là: "Chớ khư khư theo sáo cũ", "luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng

---

1. Sđd, tập 5, tr. 289.

nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ"[1].

Để quyết định vấn đề cho đúng, Hồ Chí Minh yêu cầu lãnh đạo phải tổng kết thực tiễn, phải "nghiên cứu kinh nghiệm đến gốc", thực hiện một chủ trương gì dù thành công hay thất bại cũng tổ chức rút kinh nghiệm, phải tìm ra nguyên nhân vì sao thắng lợi, vì sao thất bại, rút ra bài học và Người cho đó là "chìa khoá" cho việc giải quyết các vấn đề sau.

Để quyết định vấn đề cho đúng phải thực hành dân chủ, phải tạo ra trong sinh hoạt nội bộ Đảng một không khí sinh hoạt dân chủ, cởi mở, dễ cho người cán bộ, đảng viên có sáng kiến và trình bày sáng kiến đóng góp và lãnh đạo. Không để trong nội bộ u ám uất ức, đảng viên, cán bộ không dám nói, không cả gan có ý kiến. Lãnh đạo muốn nghe được ý kiến "những người không quan trọng" thì phải thực hành dân chủ trong Đảng. Công thức của Hồ Chí Minh nêu ra là: "Dân chủ, sáng kiến, lòng hăng hái". Dân chủ không chỉ là mục đích phấn đấu, là quyền của đảng viên mà còn là cách lãnh đạo, là phương thức để tổ chức đảng ra các quyết định lãnh đạo cho đúng. Đối lập với cách lãnh đạo là "bệnh chủ quan", "bệnh quan liêu mà rất nhiều lần Hồ Chí Minh phê phán. Người phê phán những người lãnh đạo chỉ ngồi trong phòng viết chỉ thị, nghị quyết, mệnh lệnh mà mệnh lệnh thì như "bức tường" ngăn cách quần chúng với Đảng. Người phê phán những cán bộ, đảng viên trở thành những "quan cách mạng" cho mình là tài giỏi hơn ai hết. Tháng 3-1947, trong thư "Gửi các đồng chí Bắc Bộ", Người viết: "Có những đồng chí hay có tính kiêu ngạo, tự mãn, cho mình là cựu chính trị phạm, là người của Mặt trận, thì giỏi hơn ai hết, ai cũng không bằng mình... vẫn biết Việt Minh là một đoàn thể gồm những người yêu nước, chăm lo việc cứu nước. Nhưng hẳn rằng ngoài Việt Minh còn biết bao người hay, người giỏi mà Việt Minh chưa tổ chức được. Vả lại nếu chính trị phạm, nếu người của Mặt trận là giỏi hơn ai hết thì những người không có hân hạnh ở tù, những người chưa vào Mặt trận đó là vô tài vô dụng cả hay sao"[2].

b) "Tổ chức thi hành cho đúng"; "kiểm soát"; "chọn người và thay người"

Hồ Chí Minh cho rằng, chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi, song từ nguồn gốc đến thắng lợi thực sự còn phải tổ chức, phải đấu tranh. Do đó lãnh đạo còn phải "tổ chức thi hành cho đúng". Trong quan niệm của Người, lý luận có "sức mạnh định hướng". Xuất phát từ thực tiễn, bằng phương

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 297-298, 74.

pháp luận khoa học với những phương thức lãnh đạo đúng, Đảng ta và Hồ Chí Minh xác định được "đường đi", "phương hướng" của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ 1945-1954 là: kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới, để tiến lên chủ nghĩa xã hội. "Phương hướng đã định, ta nhằm vào phương hướng ấy mà đi, thế nào ta cũng đi tới đích"[1]. Vấn đề còn lại là tổ chức thực hiện như thế nào? Là bằng mọi cách để "ai đi nhầm đường thì chúng ta giúp họ đi vào con đường chính... Thấy người khác đi xiên, đi sai, ta ra sức giúp họ đi theo đường thẳng, đường đúng"[2]. Trong lãnh đạo thực hiện, Quan điểm của Hồ Chí Minh là lãnh đạo phải có kế hoạch. Đối với công việc "phải có kế hoạch bước đầu làm thế nào? Bước thứ hai làm thế nào? Bước thứ ba làm thế nào?". Yêu cầu "kế hoạch phải *thiết thực,* phải làm được. Chớ làm kế hoạch đẹp mặt, to tát, kể hàng triệu nhưng không thể thực hiện được"[3]. Có những kế hoạch lớn như sau khi thắng lợi, Đảng phải có kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa, kế hoạch phát triển 5 năm, 3 năm, hàng năm, Trung ương họp bàn thông qua; và có những kế hoạch cụ thể để thực hiện từng việc. Kế hoạch không được nhiều việc quá, chỉ tiêu không cao quá và không sao chép lẫn nhau, có như vậy mới thiết thực, không chủ quan.

Có đường lối, có kế hoạch, lãnh đạo cần phải truyền đạt tới mọi đảng viên và biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của quần chúng. "Sau khi có nghị quyết, chúng ta cần phải tổ chức việc phổ biến nghị quyết trong Đảng, rồi phổ biến những điểm cần thiết trong nhân dân".

Việc phổ biến nghị quyết này là một việc rất quan trọng. Trong nội bộ phải đấu tranh tư tưởng, mới đi đến nhất trí được. Chúng ta phải hết sức kiên nhẫn để đạt được sự nhất trí trong Đảng. Nội bộ có nhất trí thì nghị quyết mới thực hiện được.

"Việc phổ biến một số quyết định ở trong các tầng lớp nhân dân cũng sẽ gặp khó khăn. Chúng ta phải *kiên quyết thuyết phục* để tranh thủ sự đồng tình nhất trí của nhân dân với nghị quyết của Đảng ta"[4]. Theo đó trong Đảng phải phổ biến toàn bộ nghị quyết, còn trong nhân dân thì chỉ đạo của Người là "phổ biến những điểm cần thiết". Về hình thức phổ biến thì tuỳ điều kiện để vận dụng nhưng cũng có thể "khai hội giải thích", "truyền đơn", "khẩu hiệu", "báo", "ca kịch", "đi tuần thị"... Khi phổ biến nghị quyết của Đảng, phải để đảng viên, quần chúng thảo luận, tranh luận, không để tình trạng "chỉ thị của Trung ương, cán bộ chỉ đưa ra giảng như thầy giáo giảng

---

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 551, 65.

3, 4. Sđd, tập 8, tr. 138, 275.

bài, công nhân chỉ ngồi nghe, ít đi sâu thảo luận"[1]. Phổ biến nghị quyết của Đảng trong nhân dân phải nâng cao tính thuyết phục, giải thích, tránh gò ép, mệnh lệnh, cưỡng bức. Thuyết phục quần chúng bằng lý lẽ nhưng quan trọng hơn là *nêu gương*. Từ đặc điểm nước ta là một nước mà "một tấm gương sống có giá trị hơn 100 bài diễn văn tuyên truyền" cho nên Người yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên phải gương mẫu, đảng viên phải đi trước để "làng nước theo sau" đảng viên nói thì phải làm. Đề ra chính sách, vạch ra kế hoạch, đảng viên phải thi hành trước, phải thi hành đúng. Việc tuyên truyền giải thích phải làm nhiều lần, đơn giản, thiết thực, nghe rồi làm được, "tốt nhất là miệng nói tay làm, *làm gương* cho người khác bắt chước"[2].

c) Lãnh đạo và kiểm soát, lãnh đạo phải có kiểm tra, kiểm soát

Trong di sản lý luận của Mác, vấn đề kiểm tra được ông đề cập như là một phương thức hành động mang tính quy luật để thực hiện mục đích. Nhưng vấn đề kiểm tra đảng thì cả Mác và Ăngghen chưa bàn tới.

Khi sáng lập đảng kiểu mới của giai cấp công nhân và trực tiếp lãnh đạo, xây dựng đảng cầm quyền, Lênin đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra đảng và đặt nó cùng với hệ thống thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của nhà nước, và chính Lênin là người đầu tiên sáng tạo ra những quan điểm lý luận về kiểm tra đảng và thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của nhà nước vô sản.

Tư tưởng của Lênin về vấn đề này được thể hiện tập trung ở những nội dung chủ yếu sau:

+ Tính tất yếu phải kiểm tra, thanh tra, kiểm soát...

+ Những nội dung cơ bản của kiểm tra, kiểm soát...

+ Chủ thể và đối tượng của kiểm tra, kiểm soát...

+ Bộ máy và hình thức, phương thức tiến hành kiểm tra.

Là người sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện, hoàn cảnh không giống với nước Nga, Hồ Chí Minh đã quán triệt, vận dụng tư tưởng của Lênin về công tác kiểm tra đảng một cách sáng tạo, như hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm lý luận về kiểm tra đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những sáng tạo đó của Hồ Chí Minh được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, Hồ Chí Minh có cách tiếp cận, tìm ra những luận cứ mới để khẳng định tính tất yếu phải kiểm tra. Nếu Lênin khẳng định tính tất yếu phải

---

1. Sđd, tập 9, tr. 454.
2. Sđd, tập 5, tr. 108.

kiểm tra là do những yêu cầu khách quan từ các đối tượng lãnh đạo, như trọng tâm của nhiệm vụ cách mạng chuyển từ "tước đoạt" sang quản lý, xây dựng; là do nền kinh tế kiệt quệ, do những tiêu cực xã hội, do bộ máy nhà nước yếu kém... thì Hồ Chí Minh cho rằng, kiểm tra là một nội dung, một khâu không thể thiếu trong quy trình hoạt động lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo phải cụ thể, không quan liêu. Phải dân chủ bàn bạc, phải kiểm tra. Không kiểm tra thì không biết kết quả ra sao, không hiểu sai lệch thế nào để sửa chữa. Theo Người, hoạt động kiểm tra là nhân tố quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo sát đúng, thiết thực, hiệu quả.

Hai là, trung thành với tư tưởng của Lênin: kiểm tra không phải là để "tóm bắt" mà nhằm phát huy ưu điểm, ngăn ngừa, sửa chữa khuyết điểm. Không dừng ở đó, Hồ Chí Minh đã đào sâu hơn, đề ra mục đích, ý nghĩa, tác dụng... sâu sắc của kiểm tra là "góp phần vào củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức, rằng "có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to lớn của nhân dân", tổ chức tốt công tác kiểm tra thì "công việc nhất định sẽ tiến bộ gấp trăm". Người nhấn mạnh: "Có sự kiểm tra đôn đốc của Đảng và nhân dân... Đảng sẽ thành trong sạch, kiểu mẫu".

Ba là, Hồ Chí Minh đã sáng tạo, bổ sung tư tưởng của Lênin về nội dung kiểm tra. Theo Lênin, nội dung kiểm tra - nói một cách khái quát là kiểm tra người, kiểm tra việc Hồ Chí Minh đã bổ sung thêm: kiểm tra các tổ chức và kiểm tra các mệnh lệnh, nghị quyết. Người viết: "kiểm soát như thế mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu (đó là kiểm tra người); "mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan" (đó là kiểm tra các tổ chức); "mới biết rõ ưu điểm, khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết" (tức là kiểm tra, làm rõ sự đúng sai của bản thân các quyết định của Đảng).

Bốn là, Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo về cách kiểm tra. Lênin chỉ rõ: "Cần phải dùng nhiều hình thức, và biện pháp kiểm tra từ dưới lên trên". Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh là: phải biết kết hợp linh hoạt các hình thức biện pháp kiểm tra. Trong đó Người nhấn mạnh: phải kết hợp giữa kiểm tra từ trên xuống và kiểm tra từ dưới lên, phải kết hợp sự kiểm tra của cấp ủy, của ủy ban kiểm tra với việc thu hút quần chúng kiểm tra, dựa vào quần chúng mà kiểm tra.

d) Kiểm tra và kỷ luật phải đi liền với nhau

Trong Đảng có kỷ luật thống nhất, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương và Đại hội Đảng. Tư tưởng đó của Mác và Ăngghen được thể hiện rất rõ trong Điều lệ "Liên đoàn những người cộng sản".

Khi sáng lập ra đảng kiểu mới, và trong điều kiện đảng cầm quyền xây dựng xã hội mới trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, Lênin đặc biệt coi trọng kỷ luật Đảng. Người cho rằng, trong thời kỳ chuyên chính vô sản, nếu kẻ nào làm suy yếu - dù chỉ một chút ít - kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản, là thực tế đã giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản.

Trung thành với quan điểm Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã sáng tạo, bổ sung, phát triển những nội dung mới về vấn đề kỷ luật trong Đảng, phù hợp với điều kiện cách mạng Việt Nam. Dưới đây là những sáng tạo tiêu biểu.

Một là, Hồ Chí Minh đã có những quan niệm mới về mục đích, ý nghĩa của kỷ luật trong Đảng.

- Hồ Chí Minh cho rằng, kỷ luật là yếu tố tạo nên sự đoàn kết thống nhất của Đảng, tạo nên sức mạnh của Đảng. Người viết: "Nhờ kỷ luật mà Đảng đoàn kết, nhất trí, mạnh mẽ, để lãnh đạo nhân dân đến thắng lợi"[1]. Rằng "sức mạnh của Đảng chính là ở sự tập trung thống nhất "kỷ luật sắt của Đảng".

- Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh mục đích chính của thi hành kỷ luật trong Đảng là giáo dục, ngăn ngừa. Theo Người, "khuyết điểm thì phải tùy nặng nhẹ mà xử trí cho đúng mức để mọi người biết mà tránh"[2]. Người còn nhấn mạnh "giáo dục là chính, trừng phạt là phụ".

Hai là, Hồ Chí Minh nêu lên quan niệm mới về tính chất của kỷ luật Đảng. Theo Lênin, kỷ luật Đảng là "kỷ luật sắt" Hồ Chí Minh cho rằng, tính chất của kỷ luật Đảng là "nghiêm túc và tự giác". Người giải thích: "Kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc tự giác", rằng "kỷ luật của Đảng là tự nguyện tự giác; đã tự nguyện tự giác nghĩa là kỷ luật sắt"[3].

Ba là, Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật. Dân chủ và kỷ luật quan hệ biện chứng với nhau. Người viết: "Phải hết sức chú ý vấn đề dân chủ và kỷ luật. Kỷ luật trong dân chủ, dân chủ phải có kỷ luật"[4]. Như vậy, kỷ luật là yêu cầu tất yếu của dân chủ, là yếu tố cấu thành của dân chủ. Đó là quan điểm sáng tạo, một sự phát triển của Hồ Chí Minh về bản chất của kỷ luật.

Bốn là, trong điều kiện Đảng cầm quyền, giữ gìn kỷ luật của Đảng phải gắn liền với kỷ luật của chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Người viết: "đảng viên chẳng những phải giữ kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của Đảng

---

1. Sđd, tập 7, tr. 241.
2. Sđd, tập 6, tr. 413.
3. Sđd, tập 8, tr. 417-418.
4. Sđd, tập 11, tr. 466.

mà còn phải gìn giữ kỷ luật chính quyền, của cơ quan, đoàn thể cách mạng, của nhân dân"[1].

Nói về lãnh đạo, Hồ Chí Minh còn chỉ ra: *"Chọn người và thay người* cũng là một vấn đề quan trọng trong việc lãnh đạo".

Đảng lãnh đạo toàn xã hội vừa trực tiếp vừa thông qua lãnh đạo bộ máy nhà nước và các tổ chức đoàn thể, Đảng lãnh đạo bằng việc vạch ra cương lĩnh, đường lối, phương hướng chính trị, nhưng để đường lối chính trị đến với quần chúng, đi vào cuộc sống phải có đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh, vừa trung thành, vừa có "lề lối làm việc" phù hợp. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải đưa được phương hướng chính trị của Đảng vào quyết định của Nhà nước và đoàn thể, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của dân và chịu sự giám sát, phản hồi của nhân dân để kiểm tra lại quyết định lãnh đạo của mình. Người cán bộ, đảng viên vừa là "dây chuyền bộ máy" vừa là người đem đường lối chính sách của Đảng, của Chính phủ đến với dân, đem ý kiến của dân phản ánh cho Đảng và Chính phủ.

- *Tin ở dân, dựa vào dân, phát huy sức dân, không ngừng nâng cao trình độ cho dân và hết lòng chăm lo đời sống cho nhân dân.* Đây là đặc trưng nổi bật, bao trùm trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng. Theo Người, "không có lực lượng nhân dân thì việc nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong, có lực lượng nhân dân, thì việc khó mấy, to mấy, làm cũng được". Vì vậy, muốn thực hiện thành công những nhiệm vụ của cách mạng, thì mọi hoạt động lãnh đạo của Đảng đều "phải đem hết sức dân, tài dân, của dân làm cho dân", "phải thật thà quan tâm đến đời sống của nhân dân, tin và dựa vào lực lượng, sáng kiến của nhân dân". Người khẳng định: "Cán bộ đi đường lối quần chúng, dựa vào dân; trước hết phải tin tưởng vào lực lượng và trí tuệ của nhân dân là vô cùng tận. Tuyên truyền, giáo dục, đoàn kết, tổ chức được trí tuệ và lực lượng đó thì việc gì khó mấy cũng làm được". Hồ Chí Minh luôn vững tin ở dân, dựa chắc vào dân, dùng mọi cách khéo léo để phát huy sức mạnh của nhân dân và đều nhằm chăm lo đời sống của nhân dân, đều vì lợi ích của nhân dân, phục vụ nhân dân.

Tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo nói chung, phong cách lãnh đạo của đội ngũ cán bộ nói riêng vừa thể hiện động cơ, mục đích hoạt động, phấn đấu của Đảng Cộng sản, vừa là con đường, biện pháp

---

1. Sđd, tập 7, tr. 31.

để bảo đảm làm giàu trí tuệ của mình, để tạo dựng nền móng vững chắc của cách mạng và phát huy tiềm lực cách mạng to lớn của nhân dân.

- *Kiên định mục tiêu, giữ vững nguyên tắc nhưng phương pháp để đạt mục tiêu phải hết sức mềm dẻo, linh hoạt.*

"Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Đấu tranh cách mạng là quá trình khó khăn phức tạp đòi hỏi người lãnh đạo của Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, khôn khéo, mềm dẻo để giữ vững nguyên tắc; thực hiện cho kỳ được mục tiêu của cách mạng. *"Mục đích* bất di bất địch của ta vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. *Nguyên tắc* của ta thì phải vững chắc, nhưng *sách lược* của ta thì linh hoạt"[1]. "Cần nhận rõ tình thế để rồi tuỳ cơ ứng biến mà tiến..."[2]. Lịch sử đã chứng minh, Hồ Chí Minh đã từng đối mặt với những kẻ thù hung bạo, với những tình thế hết sức hiểm nghèo, nhưng Người luôn chiến thắng.

Phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh không chấp nhận những lối làm thụ động, rập khuôn, cứng nhắc. Người phê phán: "Nhiều ủy ban nhân dân, một khi nhận được mệnh lệnh gì của cấp trên là chỉ biết cắm đầu cắm cổ thi hành đúng như vậy, thi hành một cách máy móc"[3]. Người căn dặn: "Mọi hành động, các địa phương phải tuân thủ những nguyên tắc và thời hạn do Trung ương quy định, còn cách thức thực hiện, họ có thể tuỳ cơ ứng biến"[4]. Rằng: "Tình hình vùng này không giống tình hình vùng khác. Vì vậy, áp dụng chủ trương và chính sách thật sát với tình hình thực tế của mỗi nơi. Tuyệt đối chớ rập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội"[5].

Thống nhất giữa tính mục đích, tính nguyên tắc với tính sáng tạo, uyển chuyển, linh hoạt là đặc trưng nổi bật trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đó là khát vọng cháy bỏng của Hồ Chí Minh, là bản lĩnh, ý chí sắt son của Người. Nhưng trong tình thế nhất định, nếu "già néo" sẽ "đứt dây", vì vậy phải "lạt mềm buộc chặt". Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh đã tìm ra phương sách giải quyết hài hoà giữa trước mắt và lâu dài, giữa cái cơ bản và cái không cơ bản. Đó là phong cách lãnh đạo khoa học, có khả năng thích ứng với nhiều tình huống cụ thể khác nhau.

---

1. Sđd, tập 7, tr. 319.
2, 3. Sđd, tập 4, tr. 213, 40.
4. Sđd, tập 3, tr. 455.
5. Sđd, tập 10, tr. 611.

- Sự thống nhất giữa tính dân chủ, tập thể với tính kỷ luật và đề cao trách nhiệm cá nhân.

Mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể, thống nhất với tăng cường kỷ luật, đề cao trách nhiệm cá nhân vừa là đặc trưng tiêu biểu trong phong cách lãnh đạo, vừa là phẩm chất cao quý trong nhân cách Hồ Chí Minh. Thực hiện dân chủ, chăm lo xây dựng và phát huy dân chủ là tư tưởng mục đích lớn lao trong suốt cuộc đời hoạt động lãnh đạo của Người.

Hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh là một quá trình liên tục đi tới dân chủ, phát huy ngày càng cao năng lực sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trên cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, ở đâu và bao giờ Hồ Chí Minh cũng luôn luôn tôn trọng các thành viên trong tập thể lãnh đạo, phát huy trí tuệ, tài năng sáng tạo của tập thể, khiêm nhường học hỏi, lắng nghe các đồng sự, cấp dưới và quần chúng. Những hiện tượng kiêu căng, cao đạo, gia trưởng độc đoán, lạm quyền... đều hoàn toàn xa lạ trong nhân cách, phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh.

Người luôn luôn yêu cầu người cán bộ dám "cả gan nói, cả gan phụ trách". Người trọng dụng mọi tài năng có ích cho công việc chung và kịp thời khuyến khích, biểu dương những nhân tố mới, những người tốt, việc tốt. Đồng thời, Người luôn coi trọng tăng cường giữ nghiêm kỷ luật. Người viết: "Phải *nâng cao kỷ luật*, giữ vững kỷ luật. Những cán bộ có ưu điểm thì phải khen thưởng; người làm trái kỷ luật thì phải phạt: Nếu không thưởng thì không có khuyến khích, nếu không có phạt thì không giữ vững kỷ luật *Thưởng phạt nghiêm minh là cần thiết*"[1]. "Trong một nước phải thưởng phạt nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công". Chính Người là tấm gương sáng về tính kỷ luật nghiêm minh. Người rất độ lượng khoan dung, nhưng không nương nhẹ bao che những thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên dù người đó ở bất kỳ cương vị nào.

Tôn trọng tập thể, phát huy tập thể, nhưng theo Hồ Chí Minh, không được ỷ lại vào tập thể. Phải luôn luôn đề cao trọng trách trước tập thể, trước nhân dân, trước dân tộc trong những tình huống hiểm nghèo, trong những lúc khó khăn, những bước ngoặt của cách mạng.

Đề cao trách nhiệm cá nhân phụ trách và tôn trọng, phát huy trí tuệ và sức mạnh tập thể là hai mặt luôn luôn thống nhất trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Đó là nguồn gốc tạo nên những tầm cao trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

---

1. Sđd, tập 7, tr. 466.

Với phong cách làm việc dân chủ, tập thể trong lãnh đạo, Hồ Chí Minh đã tạo nên "cái uy", "cái đức" trong Đảng và trong xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương đã tạo nên "cái uy" của người lãnh đạo quản lý.

Đó cũng chính là giá trị sáng tạo của Hồ Chí Minh về phong cách lãnh đạo của đảng cộng sản cầm quyền.

- Luôn luôn bám sát thực tiễn cuộc sống, sâu sát cơ sở, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Liên hệ mật thiết với nhân dân là mối liên hệ bản chất của đảng cộng sản. Nếu xa rời nhân dân, cắt đứt mối quan hệ với nhân dân, theo Lênin là một trong những nguy cơ lớn nhất của đảng cầm quyền.

Trung thành với quan điểm đó của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã sáng tạo ra nội dung, cách làm phù hợp với điều kiện Việt Nam:

Một là, phải giác ngộ quần chúng, đoàn kết quần chúng, tổ chức quần chúng đấu tranh.

Hai là, phải dựa vào quần chúng, học hỏi quần chúng.

Ba là, hết sức chăm lo đời sống của nhân dân, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Vì lợi ích chân chính của nhân dân là mục tiêu phấn đấu của Đảng, vừa là động lực của cách mạng.

Bốn là, muốn gắn bó mật thiết với dân, hoạt động của Đảng phải sâu sát cơ sở, bám sát thực tiễn cuộc sống của nhân dân để hiểu dân, kịp thời giải đáp những vấn đề nảy sinh tại cơ sở. "Nếu xa quần chúng thì không làm được việc gì"[1].

- Tính cụ thể thiết thực, toàn diện và trọng điểm.

Trong tư duy cũng như trong hoạt động thực tiễn, ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất, hài hoà giữa tính toàn diện, trọng điểm, cụ thể và thiết thực. Nó trở thành một trong những đặc trưng rất ổn định, nổi bật trong phong cách lãnh đạo, chỉ đạo của Hồ Chí Minh.

"Lãnh đạo phải cụ thể, kịp thời, phải thiết thực, phải có trọng điểm và nắm điển hình". Người chỉ rõ: "Về lãnh đạo: cán bộ muốn lãnh đạo tốt phải có chỉ đạo riêng. Bắt tay vào chỉ đạo riêng, rút kinh nghiệm chỉ đạo chung". Với tư tưởng đó, nhiều năm trên cương vị lãnh đạo cao nhất, phải nắm và xử lý vô vàn công việc, nhưng Hồ Chí Minh không bỏ sót một lĩnh vực nào, một dữ kiện nào và càng những lúc cách mạng gặp khó khăn, phức tạp, cam go,

---

1. Sđd, tập 10, tr. 179.

Hồ Chí Minh càng vượt trội lên về bản lĩnh, về tầm nhìn xa, trông rộng, bao quát, tìm ra những mắt khâu trọng yếu để giải quyết.

Người luôn luôn quan tâm toàn diện mọi khía cạnh, mọi chi tiết của cách mạng, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng Hồ Chí Minh không sa vào sự bề bộn của công việc, mà Người luôn luôn biết giải quyết hài hoà giữa toàn diện và trọng điểm, giữa trước mắt và lâu dài, giữa cái chủ yếu và cái thứ yếu, tạo nên một phong cách lãnh đạo luôn ung dung, thư thái mà luôn luôn đạt hiệu quả cao. Người nghiêm khắc phê phán những lối làm việc "không thiết thực, không từ chỗ gốc, chỗ chính, không từ dưới làm lên. Làm cho có chuyện. Làm được ít suýt ra nhiều, để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại rỗng tuếch...". Hồ Chí Minh luôn luôn yêu cầu: Đảng bộ tỉnh, huyện và xã phải đi sâu, đi sát, lãnh đạo phải toàn diện, thật chặt chẽ và kịp thời.

Tính thiết thực, cụ thể, toàn diện và trọng điểm trong phong cách lãnh đạo là yêu cầu khách quan của cuộc sống, nó luôn luôn vận động trong mối liên hệ đa dạng, nhiều chiều. Hoạt động của con người chỉ có hiệu quả, khi nhận thức đúng và biết giải quyết khoa học những mối liên hệ đó. Theo yêu cầu đó, phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã được thực tiễn kiểm định là một chuẩn mực.

- Phát huy tự phê bình và phê bình, thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm phát huy ưu điểm, kịp thời sửa chữa khuyết điểm.

Ở Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình trở thành một phẩm chất trong nhân cách và là một đặc trưng tiêu biểu trong phong cách lãnh đạo của Người. Dù ở cương vị lãnh đạo cao nhất, Người vẫn thực hành tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, nêu tấm gương sáng về đức tính trung thực, thẳng thắn, về thái độ và phương pháp phê bình cho cán bộ, đảng viên noi theo.

Nhờ thường xuyên rút kinh nghiệm tự phê bình và phê bình mà trí tuệ và năng lực thực tiễn của Đảng và của cán bộ, đảng viên từng bước được nâng lên ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng. Người chỉ rõ: "gom góp sáng kiến, rút kinh nghiệm, tổng kết kinh nghiệm, trao đổi và phổ biến kinh nghiệm... Sáng kiến và kinh nghiệm là của quý chung của cả dân tộc. Chúng ta phải ra sức làm cho nó dồi dào thêm và lan rộng mãi". "Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung"[1].

---

1. Sđd, tập 5, tr. 289.

Phát huy tự phê bình và phê bình gắn liền với sơ kết tổng kết, rút kinh nghiệm từ thực tiễn giúp cho Đảng có cơ sở để khẳng định sự đúng đắn, chính xác của đường lối, chính sách. Đồng thời giúp cho Đảng phát hiện những sai sót để chấn chỉnh bổ sung, phát triển đường lối ngày một hoàn chỉnh hơn, sát gần chân lý cuộc sống hơn. Đó là điều kiện cực kỳ quan trọng để Đảng lãnh đạo cách mạng đến thành công, xứng đáng và làm tròn vai trò lãnh tụ chính trị của giai cấp và dân tộc.

Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, trung thành tiếp thu, vận dụng và bổ sung sáng tạo quan điểm của Mác - Ăngghen - Lênin về vấn đề tự phê bình và phê bình một cách hết sức cụ thể và độc đáo. Điều này được thể hiện đậm nét trong nhiều tác phẩm, tập trung nhất ở *Sửa đổi lối làm việc* (1947), *Đạo đức cách mạng* (1958), *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969).

Từ một quan niệm hết sức giản dị nhưng bao hàm tính triết lý và biện chứng sâu sắc: người đời không phải là thần thánh, không ai tránh khỏi khuyết điểm. Tổ chức đảng cũng vậy, Đảng không phải trên trời rơi xuống, "Đảng là người, nên có sai lầm", - tức là cũng có lúc khoẻ mạnh, lúc ốm đau, bệnh tật. Đó là lẽ thường tình, không vì thấy ốm đau mà phát sinh tư tưởng lo sợ, bi quan, tuyệt vọng, giấu giếm bệnh tật trong mình.

Do đó, có bệnh tật thì phải mạnh dạn, chủ động, khẩn trương, kiên trì chạy chữa. Khuyết điểm cũng như chứng bệnh. Hồ Chí Minh chỉ ra liều "thần dược", "thang thuốc hay nhất" để chữa trị các chứng bệnh trong cơ thể của tổ chức đảng và mỗi cá nhân đảng viên là tự phê bình và phê bình. Người nói: "Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh. Không dám uống thuốc. Để đến nỗi bệnh ngày nặng, không chết "cũng la lết quả dưa"[1].

Đảng cách mạng cần tự phê bình và phê bình như ta cần không khí. "Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"[2]. Đảng cần phải biết những ưu điểm và khuyết điểm của mình "để dạy dỗ đảng viên, dạy dỗ quần chúng". Sợ phê bình, tức là "quan liêu hoá", tức là tự mãn, tự túc, tức là "mèo khen mèo dài đuôi".

Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên "mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt".

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 260, 261.

Tự phê bình và phê bình là "thứ vũ khí sắc bén nhất", nó giúp cho Đảng ta mạnh và ngày càng thêm mạnh. Nhờ nó mà chúng ta sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, tiến bộ không ngừng. Trong Đảng muốn đoàn kết chặt chẽ, "ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình"[1].

Do đó phải "luôn luôn và khéo dùng cách tự phê bình và phê bình". "Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ khoẻ vô cùng", "ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi".

Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh tính tất yếu của tự phê bình và phê bình. Ông cho rằng: "Không nghi ngờ gì cả, tự phê bình là một việc tuyệt đối cần thiết cho hết thảy mọi chính đảng sống và đầy sức sống"; đối với người cách mạng thì không nên che giấu sai lầm, "không sợ công khai phơi bày các sai lầm", thậm chí trước cả kẻ thù. "Ai sợ điều đó, người ấy không phải là người cách mạng". Người cách mạng chỉ có thể "học được cách chiến thắng" khi nào không sợ thừa nhận những thất bại và thiếu sót, chỉ khi nào dám nhìn thẳng vào sự thật, dù sự thật đáng buồn nhất. Bởi vì "sai lầm được sửa chữa thì sẽ hết đi. Sai lầm không sửa chữa thì sẽ thành một vết loét thối. Trong những trường hợp như vậy phải dũng cảm đến ngay phòng mổ". Lênin khẳng định: "Tất cả những đảng cách mạng đã bị tiêu vong cho tới nay, đều bị tiêu vong vì tự cao tự đại, vì không biết nhìn rõ cái gì tạo nên sức mạnh của mình, và vì sợ sệt không dám nói lên những nhược điểm của mình".

Qua những luận dẫn so sánh trên, chúng ta thấy Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm của Lênin một cách trung thành, nhuần nhuyễn và đầy sáng tạo. Sự sáng tạo của Người nổi bật ở chỗ: *Thứ nhất,* Người diễn đạt quan điểm của Lênin bằng thể loại văn chính luận mộc mạc, dễ hiểu, súc tích; dùng nhiều hình ảnh ví von, so sánh, cùng những câu phương ngôn gần gũi với đời sống thường ngày của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chính điều đó càng làm tăng tính hiệu quả của công tác tư tưởng. *Thứ hai,* Người đã xác định rõ: tự phê bình và phê bình là "thứ vũ khí sắc bén nhất", là "thang thuốc hay nhất" để sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm và để xây dựng Đảng. Đã là vũ khí sắc bén nhất, thang thuốc hay nhất thì tổ chức đảng nào, cán bộ, đảng viên nào cũng đều nhận thấy phải tự giác, chủ động "thủ" sẵn trong mình để sẵn sàng đưa ra sử dụng khi cần thiết. Tính chủ động, tích cực ở đây cao hơn hẳn.

Tự phê bình và phê bình là nhu cầu nội tại của tổ chức đảng và đảng viên. Song, sử dụng nó phải đúng mục đích thì mới có tác dụng, hiệu quả

---

1. Sđd, tập 7, tr. 492.

cao. Nếu sử dụng không đúng mục đích thì dù đó là vũ khí sắc bén cũng không tiêu diệt được kẻ thù, là "thần dược" cũng không trị được bệnh.

Lênin xác định: mục đích của tự phê bình và phê bình là để sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, "là để đưa ra được những nghị quyết đúng đắn". Hồ Chí Minh đã phát triển quan điểm của Lênin, và chỉ rõ: "Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ"[1]. "Phê bình và tự phê bình là để học cái hay, tránh cái dở, chứ không phải để nói xấu nhau"[2]. Tự phê bình và phê bình là để "trị bệnh cứu người"; là để dân chủ trong Đảng tốt hơn, kỷ luật cao hơn, cán bộ, đảng viên gương mẫu hơn; làm cho tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Đối tượng trực tiếp và nội dung của tự phê bình và phê bình là "phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người"[3], tức là gột rửa những thói hư tật xấu, những cái nhơ bẩn lây bám, xâm nhập vào con người chứ không phải cắt bỏ thân thể con người. Nó giống như ta uống thuốc xổ, xổ xong rồi phải bồi bổ cho con người khoẻ mạnh. Tư tưởng nhân văn, đề cao nhân tố con người của Hồ Chí Minh ở đây thật bao la, sâu sắc và chan chứa tình người. Điều đó tránh cho con người ta không rơi vào cái "tôi" vị kỷ, sự hận thù, đố kỵ... giữa con người với nhau.

Mác đã từng phê phán, bác bỏ quan niệm sử dụng phê phán như là một động lực và Lênin cũng không đồng ý với "một sự phê phán không có nội dung, một sự phê phán để mà phê phán". Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm của các nhà kinh điển về đối tượng, nội dung, bản chất của tự phê bình và phê bình thật nhuần nhuyễn. Người bổ sung, làm phong phú hơn nội dung và xác định bản chất của tự phê bình và phê bình là cách mạng khoa học, hướng tới sự hoàn mỹ. Phê bình và tự phê bình không đồng nghĩa với phê phán và trừng trị.

Khái niệm tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh giải nghĩa thật rõ ràng và độc đáo: Tự phê bình là cá nhân (cơ quan hoặc đoàn thể) thật thà nhận khuyết điểm của mình để sửa chữa, để người khác giúp mình sửa chữa, mà cũng để người khác biết mà tránh những khuyết điểm mình đã phạm.

Phê bình là thấy ai (cá nhân, cơ quan, đoàn thể) có khuyết điểm thì thành khẩn nói cho họ biết, để họ sửa chữa, để họ tiến bộ.

Đây chính là sự sáng tạo, bổ sung mới của Người.

1, 3. Sđd, tập 5, tr. 232.

2. Sđd, tập 11, tr. 467.

Từ quan điểm xuất phát thể hiện tính dân chủ và nhân đạo cao cả, Hồ Chí Minh đã chỉ ra phương pháp, hình thức và những yêu cầu để tiến hành tự phê bình và phê bình đạt hiệu quả cao nhất.

Một là, phê bình phải đi đôi với tự phê bình; tự phê bình và phê bình phải gắn liền với sửa chữa, với biểu dương khen thưởng. Nếu chỉ biết phê bình người khác mà không tự phê bình thì chẳng khác nào "thầy thuốc chỉ đi chữa người khác, mà bệnh nặng trong mình thì quên chữa"[1]. Tại buổi lễ bế mạc lớp bổ túc trung cấp (10-1947), Hồ Chí Minh đã nói: "Tự phê bình rồi lại phải phê bình người khác nữa... Nếu tôi có vết nhọ trên trán, các đồng chí trông thấy, lại lấy cớ "nể Cụ" không nói, là tôi mang nhọ mãi. Nhọ ở trên trán thì không quan trọng, nhưng nếu có vết nhọ ở trong óc, ở tinh thần, mà không nói cho người ta sửa tức là hại người... Thấy cái xấu của người mà không phê bình là một khuyết điểm rất to. Không phê bình, tức là để cho cái xấu của người ta phát triển"[2].

Tự phê bình và phê bình phải gắn với sửa chữa, tức là phải chỉ rõ ưu, khuyết điểm và phương hướng để phát huy hoặc khắc phục. Đồng thời, phải gắn với động viên, khen thưởng; xử phạt rõ ràng. Đối với những người có thành tích, phải khen thưởng, đối với những người mắc sai lầm thì phải phê bình, kiểm thảo, giúp cho họ sửa chữa.

Hai là, tự phê bình và phê bình phải đạt tới cái đích là làm rõ đúng, sai, "lý lẽ phân minh, nghĩa tình đầy đủ"; bảo đảm tính khách quan, trung thực, thẳng thắn và chân tình. Tự phê bình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ các ưu điểm và khuyết điểm. "Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, "trị bệnh cứu người". Chớ phê bình lung tung không chịu trách nhiệm"[3] . Khi phê bình "chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc"[4]. Để chữa khỏi bệnh, "ta phải tự phê bình ráo riết và phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật, mà ráo riết *phê bình đồng chí mình.* Hai việc đó phải đi đôi với nhau. Trong lúc phê bình, khuyết điểm phải vạch ra rõ ràng, mà ưu điểm cũng phải nhắc đến. Một mặt là để sửa chữa cho nhau. Một mặt là để khuyến khích nhau, bắt chước nhau". Mỗi cán bộ, đảng viên cần phải thật thà tự xét và xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng, tự sửa chữa và giúp sửa chữa lẫn nhau.

1, 2, 4, 5. Sđd, tập 5, tr. 231, 224, 232, 239.

3. Sđd, tập 10, tr. 614.

Ba là, khi tiến hành tự phê bình và phê bình phải bảo đảm tốt tính dân chủ công khai. Công khai phân tích, nhận xét đánh giá ưu, khuyết điểm của mình, đồng chí mình và tổ chức đảng trước hội nghị; phê phán nghiêm khắc tình trạng "ngồi lê đôi mách", "việc gì cũng không phê bình trước mặt mà để nói sau lưng", phê bình ở ngoài tổ chức. Kiểu phê bình như vậy là biểu hiện của bệnh "cá nhân".

Tự phê bình và phê bình muốn đạt kết quả cao thì phải được tiến hành trong bầu không khí thật sự dân chủ, bình đẳng. Chỉ có dân chủ rộng rãi thì mọi cán bộ, đảng viên, nhân dân mới tích cực, chủ động, nói thẳng, nói thật. Song mở rộng dân chủ trong tự phê bình và phê bình không có nghĩa là muốn nói gì thì nói, muốn phê gì thì phê. Một cuộc tự phê bình và phê bình nghiêm túc là: "Trong lúc thảo luận, mọi người được tự do hoàn toàn phát biểu ý kiến, đã đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói gàn, nói vòng quanh"[1]. Ở đây, vai trò của đội ngũ cán bộ chủ chốt rất quan trọng, như Hồ Chí Minh đã dạy: cán bộ cao cấp phải gương mẫu tự phê bình và phê bình trước.

Bốn là, tự phê bình và phê bình phải được tiến hành thường xuyên, phê bình từ trên xuống và từ dưới lên, nhất là từ dưới lên, có như vậy mới đạt hiệu quả cao. Bởi vì, nếu chỉ phê bình một chiều thì cũng giống người "đi một chân, không thể đi được"[2].

Khi tiến hành tự phê bình và phê bình, phải bảo đảm đúng nguyên tắc, song cách thức tiến hành phải mềm dẻo, khéo léo. Nếu chỉ dùng phương pháp cứng rắn, mệnh lệnh, ép buộc thì rất khó tiếp thu, chẳng khác gì hiện tượng "bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt *bắt người ta ăn,* nhét vào miệng người ta thì ai cũng chán"[3], huống chi đây lại là "thuốc chữa bệnh" đắng ngắt.

Năm là, người, tổ chức được phê bình phải có thái độ thành khẩn, "vui lòng nhận xét để sửa đổi, không nên vì bị phê bình mà nản chí, hoặc oán ghét"[4]. Hết sức tránh thái độ "bưng mắt bắt chim", "giấu bệnh sợ thuốc", bị phê bình thì im lìm, không công khai đăng báo, không tìm cách sửa chữa. Hồ Chí Minh gọi đó là "thái độ không thật thà, không đúng đắn" và thái độ đó sẽ dẫn đến hậu quả rất nghiêm trọng, bệnh nặng ngày càng nặng thêm, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng.

- *Nêu gương.*

Tư tưởng xuyên suốt trong phong cách lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giáo dục, thuyết phục bằng nêu gương. Nêu gương là phương pháp

---

1, 3, 4. Sđd, tập 5, tr. 232, 246.

2. Sđd, tập 8, tr. 387.

giáo dục, thuyết phục bằng sự thật, bằng hành động trực quan; là phương pháp tác động gây ấn tượng sâu sắc trong nhận thức, vừa có sức thuyết phục, hướng dẫn hành động cao; đó cũng là con đường không ngừng nâng cao uy tín thực của người lãnh đạo, của cán bộ, đảng viên nói chung.

Qua nghiên cứu nhiều dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh đã đi đến kết luận: "Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm và đối với họ một tấm gương sống còn giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"[1]. Bởi vậy, hoạt động lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở một nước phương Đông như Việt Nam, ắt phải thực hành "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Người còn đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, ở mọi nơi; nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo. Nếu cán bộ, đảng viên mắc vào chứng bệnh "nói một đằng làm một nẻo", thì trước con mắt của nhân dân, họ không còn là người chiến sĩ tiên phong nữa, họ tuyên truyền sẽ chẳng ai nghe nữa; và thực chất, họ đã tự tước mất vai trò của người lãnh đạo.

Vì thế, muốn giữ vững và phát huy vai trò người chiến sĩ tiên phong, thì trong mọi việc cán bộ phải làm gương. Người nhấn mạnh: "Nhất là cán bộ cao cấp, phải làm đầu tàu, làm gương mẫu, giúp đỡ mọi người cùng tiến bộ".

"Nhất là đối với chữ CẦN, chữ KIỆM, chữ HY SINH, chữ CÔNG BẰNG, thì các bạn phải thực hành trước, phải làm gương cho dân chúng theo"[2].

Đồng thời với việc giáo dục, rèn luyện các cán bộ, đảng viên gương mẫu, Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng làng, xã kiểu mẫu. Từ những mô hình, điển hình tiên tiến làm gương mẫu, dấy lên những phong trào thi đua đuổi, vượt các điển hình tiên tiến sôi nổi giữa các ngành, địa phương, đơn vị. Nhờ vậy, phong trào nối tiếp phong trào, tạo nên khí thế cách mạng hào hùng trong sản xuất, chiến đấu, công tác rộng khắp trong cả nước.

---

1. Sđd, tập 1, tr. 263.
2. Sđd, tập 4, tr. 94.

III.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẢNG CẦM QUYỀN

1. Vai trò và bản chất giai cấp công nhân của đảng.

Hồ Chí Minh xác định *vai trò của Đảng* gắn liền với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*[1]. "Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"[2]. Để hoàn thành sự nghiệp cách mạng to lớn đó, Hồ Chí Minh đã xác định những yếu tố chủ quan và khách quan, bên trong và bên ngoài, dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại, v.v... trong đó nhân tố trước tiên, quyết định là phải có đảng cách mạng lãnh đạo. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhưng quần chúng phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành sức mạnh to lớn. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh,* Người viết: *"Cách mệnh* trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy". Trong bài *Đạo đức cách mạng* viết năm 1958, Người lại xác định: "Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi"[3]. Người nhấn mạnh: "Giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được"[4]. Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không phải vì lợi ích của một nhóm người mà trước hết là để cứu lấy

---

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 314, 290.

2. Sđd, tập 12, tr. 474.

4. Sđd, tập 8, tr. 295.

con Lạc, cháu Hồng, vì toàn thể quốc dân Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Nếu không có nhân dân thì Đảng không có lực lượng, nếu không có Đảng thì nhân dân không có người dẫn đường. Hồ Chí Minh nhìn nhận vai trò của Đảng từ những góc độ và bình diện khác nhau, trong các thời kỳ và giai đoạn cách mạng khác nhau, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đảng khi đã giành được chính quyền. Người nhấn mạnh: "Đánh đổ giai cấp địch đã khó, đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội còn gian khổ, khó khăn hơn nhiều"[1]. Đây là cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền và Đảng càng phải "to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để"[2].

Đến năm 1965, qua thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: "Có Đảng lãnh đạo, dân tộc ta đã trở thành một dân tộc anh hùng, được bè bạn khắp năm châu yêu mến và kính trọng"[3].

Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định thành công của cách mạng, nhưng theo Hồ Chí Minh, đảng đó phải là chính đảng mang bản chất giai cấp công nhân - giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Đó là tư tưởng xuyên suốt, nhất quán ở Hồ Chí Minh. Ngay từ những ngày chuẩn bị thành lập Đảng, cho tới khi giành được chính quyền cũng như trước khi "từ biệt thế giới này", Hồ Chí Minh thường xuyên chú trọng giữ gìn, củng cố bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Một vấn đề đã được đặt ra là: Đảng ta là Đảng của ai? Hồ Chí Minh phân biệt rõ: về bản chất giai cấp thì Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng về lợi ích thì Đảng không những đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Đảng Cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân, vì chỉ có giai cấp công nhân mới có thể "đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công"[4].

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định một cách khách quan, bởi *"Đặc tính cách mạng* của giai cấp công nhân là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thấm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ

---

1. Sđd, tập 9, tr. 279.
2. Sđd, tập 6, tr. 174.
3. Sđd, tập 11, tr. 371.
4. Sđd, tập 12, tr. 212.

ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều *giữ vai trò lãnh đạo*"[1], rằng "chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo thì kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công"[2] và *"Chỉ có giai cấp công nhân* là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân... giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam"[3]. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã cho thấy, chính đảng của giai cấp công nhân "đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn xung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường"[4]. Từ thực tiễn đó, Người khẳng định: "Để giành thắng lợi, cách mạng nhất định phải do *giai cấp công nhân lãnh đạo.* Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân"[5].

Về nội dung bản chất giai cấp công nhân của Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các vấn đề sau:

Thứ nhất, Đảng ta thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo, Người đã khẳng định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Đây là một vấn đề được Hồ Chí Minh xác định từ rất sớm, là vấn đề nhất quán và xuyên suốt trong toàn bộ tư tưởng của Người. Dù mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau, tên Đảng nhiều lần thay đổi nhưng lập trường đó vẫn không hề thay đổi.

Thứ hai, Đảng ta theo tư tưởng của giai cấp công nhân. Đó là Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin "làm cốt", luôn luôn trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Đây là luận điểm quan trọng nhất quyết định bản chất giai cấp công nhân của đảng cộng sản; là nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lênin về đảng cộng sản.

---

1. Sđd, tập 7, tr. 212.
2. Sđd, tập 6, tr. 458.
3, 4. Sđd, tập 10, tr. 9.
5. Sđd, tập 9, tr. 283.

Lịch sử đã chứng minh rằng, xã hội từ khi có sự phân chia về giai cấp, thì quá trình phát triển của nhân loại cũng là quá trình ra đời và phát triển của các trào lưu tư tưởng, các học thuyết chính trị - xã hội và các đảng chính trị. Lịch sử đấu tranh giai cấp cũng là lịch sử đấu tranh giữa các học thuyết, các trào lưu tư tưởng, các hệ tư tưởng đối lập dưới sự lãnh đạo của các đảng chính trị. Tính chất hoạt động của mỗi đảng chính trị, vì vậy, được quy định bởi đảng đó lựa chọn và đi theo học thuyết nào, trào lưu tư tưởng nào - tức là theo lập trường giai cấp nào, giai cấp cách mạng hay phản động, cơ hội, cải lương.

Từ khi xuất hiện, chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản phản động. Đó là học thuyết về giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức; là lý luận về giải phóng con người khỏi mọi sự áp bức, bất công, tiến tới một xã hội văn minh, không còn bóc lột, không còn sự phân chia về giai cấp. Thực chất, đó là lập trường cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, là mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân. Chính bản chất cách mạng, khoa học và tính nhân đạo cao cả của chủ nghĩa Mác - Lênin đã hấp dẫn những trái tim yêu nước nồng nàn, những khát vọng cháy bỏng muốn cứu nước, giải phóng dân tộc như Hồ Chí Minh.

Nhớ lại buổi đầu tiên khi đọc *Luận cương về những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người viết: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ? Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"[1].

Với tình cảm cách mạng nhiệt tình và tư duy chính trị sắc sảo Hồ Chí Minh đã sớm đi đến kết luận: "Cách mệnh... trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[2], rằng "muốn cách mệnh thành công thì phải lấy dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững

---

1. Sđd, tập 10, tr. 127.
2. Sđd, tập 2, tr. 268.

bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"[1].

Nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, giương cao ngọn cờ Mác - Lênin, trung thành và vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, quan điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình sáng lập, giáo dục, rèn luyện của Đảng ta. Nhờ vậy, Đảng ta luôn luôn được vũ trang bởi lý luận tiên tiến nhất thời đại. Trí tuệ, sức mạnh của Đảng ta không ngừng phát triển, đủ sức làm tròn vai trò lãnh tụ chính trị - lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhờ đứng dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Lao động Việt Nam đã được nhân dân tin tưởng, được nhân dân coi là đội tiên phong giác ngộ của mình"[2]. Nhờ có "học thuyết dạt dào sức sống của chủ nghĩa Lênin", Đảng ta đã "khơi nguồn sức mạnh để giành thắng lợi cho sự nghiệp thiêng liêng là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội"[3]. Chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất, quyết định nhất, một thứ "vũ khí không gì thay thế được" của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh viết: "Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng... chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin"[4], "Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái cẩm nang thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"[5].

Đối với Đảng ta, chính đảng của giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác - Lênin là nhân tố cơ bản, không thể thiếu được, để giữ vững lập trường giai cấp công nhân của Đảng. Người viết: "Muốn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng. Vì vậy, các cô, các chú phải chịu khó học tập lý luận Mác - Lênin"[5]. Theo quan điểm này, nếu xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin là xa rời lập trường giai cấp công nhân, xa rời bản chất giai cấp công nhân của Đảng, làm cho Đảng biến chất, tan rã.

Thứ ba, Đảng mang bản chất giai cấp công nhân là bởi Đảng là khối đoàn kết thống nhất cả ý chí và hành động, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc

---

1. Sđd, tập 2, tr. 280.
2, 3. Sđd, tập 7, tr. 517, 520,
4, 5. Sđd, tập 12, tr. 476, 92.

tập trung dân chủ, có kỷ luật nghiêm minh tự giác, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Đảng Cộng sản là tổ chức lãnh đạo, một tổ chức chiến đấu, tổ chức hành động. Là một đảng lãnh đạo, vì vậy, "Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ của Đảng"[1].

Đảng phải là hiện thân của khối đại đoàn kết thống nhất cả chính trị, tư tưởng, tổ chức; cả ý chí và hành động, là đòi hỏi tất yếu khách quan đối với các chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân, là nguyên lý căn bản trong học thuyết Mác - Lênin về đảng kiểu mới. Sự đoàn kết thống nhất của Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ trở thành một tiêu chuẩn cơ bản để phân biệt với các đảng cơ hội cải lương.

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta. Hồ Chí Minh khái quát:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Thành công, thành công, đại thành công.

Ý thức đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc đã xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Vốn thấm nhuần sâu sắc truyền thống đoàn kết dân tộc nên Hồ Chí Minh đã tiếp nhận, quán triệt nguyên lý đoàn kết thống nhất của đảng cộng sản bằng cả lý trí và tình cảm. Người đã vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo, làm phong phú thêm nội dung của nguyên lý này trong điều kiện cách mạng Việt Nam.

Về "tư cách của đảng chân chính cách mạng" theo quan niệm của Hồ Chí Minh là: "Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc", "phải giữ vững tính cách mạng của nó", "Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí. Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng"[2]. Bảo đảm cho "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người"[3].

Trong *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam,* Người đòi hỏi "vào Đảng phải tin theo chủ nghĩa cộng sản... hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng"[4]. Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II* (1951), Hồ Chí Minh ghi rõ: *"Về tổ chức,* Đảng Lao động Việt Nam theo

---

1. Sđd, tập 6, tr. 480.
2, 3. Sđd, tập 5, tr. 250, 553.
4. Sđd, tập 3, tr. 5.

chế độ dân chủ tập trung. *Về kỷ luật,* Đảng Lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác"[1].

"Đảng tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung" - theo Hồ Chí Minh - "Nghĩa là: có đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất, cơ quan lãnh đạo thống nhất. Cá nhân phải phục tùng đoàn thể, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương"[2].

Đảng phải là khối đoàn kết thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ và đó là một tất yếu vì Đảng cũng ở trong xã hội, "đảng là do nhiều người cách mạng hợp lại", vì vậy, "Đồng chí ta, tuy có khi khác nhau về chủng tộc hay khác nhau về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng, chung khổ, cho nên phải thật thà đoàn kết"[3]. Người nhấn mạnh: "Đoàn kết là sức mạnh của Đảng ta. Đoàn kết chặt chẽ và kỷ luật nghiêm khắc. Hai điều đó không thể tách rời nhau. Kỷ luật nghiêm để bảo đảm tư tưởng nhất trí và hành động thống nhất của toàn Đảng, toàn dân". Chính vì vậy, "Chủ trương của Đảng ta là: Trong nội bộ thì mở rộng dân chủ, tự phê bình và phê bình. Nguyên tắc tổ chức thì cực kỳ nghiêm,... *thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo là việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng*"[4].

Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là vũ khí sắc bén để Đảng thường xuyên trở nên trong sạch, vững mạnh. Có lúc Người đặt "phê bình" trước "tự phê bình", nhưng nhiều hơn cả là đặt "tự phê bình" trước "phê bình", đó không phải ngẫu nhiên mà có dụng ý rõ ràng. Đó là dụng ý nhấn mạnh tự phê bình trước rồi sau đó mới phê bình người khác. Trong thực tế, tự phê bình thường khó khăn hơn là phê bình người khác.

Về mục đích tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh chỉ rõ: cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn, cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên hàng ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải tự rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh tật nên Đảng sẽ mạnh khỏe vô cùng.

Để đạt mục đích ấy, thái độ tự phê bình và phê bình là phải thành khẩn, trung thực, kiên quyết và có văn hóa. Tự phê bình và phê bình "phải ráo

---

1. Sđd, tập 6, tr. 174.
2, 4. Sđd, tập 7, tr. 230, 335.
3. Sđd, tập 5, tr. 552.

riết", "triệt để", thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, nếu không kiên quyết tự phê bình và phê bình thì cũng giống như giấu giếm bệnh tật trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mạng (giấu bệnh sợ thuốc) nhưng cách phê bình phải thành thật, thấm đượm lòng nhân ái. Phê bình không phải để soi mói, phê bình phải công khai.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc tự phê bình và phê bình phải có tính chất xây dựng, không mỉa mai, nói xấu, tránh phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm và tránh trù dập người phê bình. Bên cạnh tính kiên quyết tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh rất coi trọng "cái tâm" trong sáng khi phê bình. Năm 1966, Người bổ sung một câu trong bản *Di chúc:* "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Quan điểm của Hồ Chí Minh là "một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"[1].

Thứ tư, Đảng thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân là Đảng phải gần gũi dân, đoàn kết dân, học hỏi dân, giác ngộ dân và lãnh đạo dân, thực hiện mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Liên hệ mật thiết với nhân dân là mối liên hệ bản chất của đảng cộng sản; là sự thể hiện lập trường giai cấp công nhân của Đảng trong giải quyết mối quan hệ với quần chúng lao động, với nhân dân các dân tộc; là một nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lênin về đảng cộng sản; được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, phát triển làm phong phú thêm trong hoàn cảnh của cách mạng Việt Nam.

Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân, nguyên lý này được quy định bởi vai trò và sức mạnh của chính nhân dân.

Trong chiều sâu tư tưởng Hồ Chí Minh, dân là gốc của nước, là nguồn sức mạnh, là lực lượng to lớn của Đảng, của cách mạng. Trí tuệ và năng lực sáng tạo của Đảng đều bắt nguồn từ quần chúng nhân dân. Theo Người, trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định:

"Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân.*

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân.*

---

1. Sđd, tập 5, tr. 261.

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân.*

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân.*

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra.*

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân *tổ chức nên.*

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều *ở nơi dân*"[1].

Những quan niệm đó càng làm sâu sắc thêm tình cảm của Hồ Chí Minh đối với nhân dân, dân tộc mình. Nó trở thành *tư tưởng nền tảng chỉ đạo mọi hoạt động lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh.* Trong đó, Người đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cho Đảng phải luôn luôn giữ vững, củng cố và không ngừng tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Mối liên hệ mật thiết của đảng chân chính cách mạng với nhân dân, theo Hồ Chí Minh, phải được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

Một là, mọi hoạt động của Đảng đều nhằm phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc; vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Đảng thực sự tỏ rõ là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - luôn luôn kiên định, phấn đấu cho mục tiêu: Tổ quốc độc lập, thống nhất, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Người viết: "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gộp trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC"[2].

Mục đích phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của Đảng ta được kết tinh, hiện thân ở cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân"[3]. Và thực tế suốt đời hoạt động của Người đã "hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân", cho đến khi trước lúc đi xa, Người vẫn "tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"[4]. Phấn đấu, hy sinh vì độc lập thống nhất của Tổ quốc tự do hạnh phúc của nhân dân là ham muốn tột bậc của Người. Khi còn "phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo" cho đến khi giữ cương vị Chủ tịch nước, "Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân"[5].

---

1. Sđd, tập 5, tr. 698.
2. Sđd, tập 6, tr. 183.
3, 5. Sđd, tập 4, tr. 240.
4. Sđd, tập 12, tr. 512.

Mục đích thiêng liêng, cao cả, đầy tính nhân văn ấy của Hồ Chí Minh được thể hiện trong cương lĩnh, đường lối lãnh đạo của Đảng. "Tất cả đường lối, phương châm, chính sách... của Đảng đều *chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân*"[1], nó được thể hiện trong hoạt động thực tiễn của các tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mọi hoạt động của Đảng đều hướng vào phục vụ nhân dân, phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. "Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác"[2]. Người còn nhấn mạnh rằng: "Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh... Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý"[3].

Mục đích, lý tưởng của đảng cộng sản, xét tới cùng và thực chất, không có gì khác hơn là giác ngộ nhân dân, tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh vì một cuộc sống tốt đẹp hơn - cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người. Vì vậy, thực hiện tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh là đã cụ thể hóa, hiện thực hóa một phần mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân, sẽ làm cho quần chúng nhân dân ngày càng tin yêu Đảng, gắn bó với Đảng, coi Đảng là lãnh tụ đáng tin cậy nhất của mình. Ngược lại, nếu xa rời mục tiêu trên, là Đảng đã tự cắt mối liên hệ với nhân dân. Đó là nguy cơ lớn nhất của đảng cầm quyền.

Hai là, phải gần dân, tin dân, dựa vào dân, học hỏi dân. Mối liên hệ mật thiết của Đảng với nhân dân không chỉ thể hiện ở mục đích hoạt động của Đảng. Nó còn được biểu hiện sinh động ở phương pháp, cách thức hoạt động của Đảng trong quan hệ với nhân dân, nhất là hoạt động của các cơ sở đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên tại cơ sở. Người viết: "mỗi cán bộ chính quyền và đoàn thể cần phải:

- Luôn luôn gần gũi nhân dân.
- Ra sức nghe ngóng và hiểu biết nhân dân.
- Học hỏi nhân dân.
- Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân"[4].

---

1. Sđd, tập 10, tr. 380.
2. Sđd, tập 9, tr. 555.
3. Sđd, tập 4, tr. 47-48.
4. Sđd, tập 6, tr. 88.

Người cho rằng: "Bốn điều ấy phải đi song song với nhau. Vì không gần gũi dân thì không hiểu biết dân. Không hiểu biết dân thì không học hỏi được kinh nghiệm và sáng kiến của dân"[1].

Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ, đảng viên rằng, đối với dân, phải "tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng", "ra lệnh ra oai", phải "khiêm tốn, không được kiêu ngạo", "phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân", phải "tin tưởng lực lượng vĩ đại và đầu óc thông minh của quần chúng"... Chỉ có như vậy mới đoàn kết, lãnh đạo được nhân dân; Đảng mới được dân tin, dân phục, dân yêu, mới làm tròn nhiệm vụ của người lãnh đạo.

Ba là, cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch, "làm đúng cần, kiệm, liêm, chính để cho dân tin, dân phục, dân yêu"[2]. Phải hoan nghênh ý kiến phê bình của nhân dân, chân thành tiếp thu phê bình và quyết tâm sửa chữa. Thực tế cho thấy, nếu không chân thành tiếp thu ý kiến phê bình của dân, không chịu sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, thì sẽ đánh mất lòng tin của dân, dân sẽ ca thán, thậm chí bất bình. Khi ấy, Đảng sẽ trở nên xa lạ với dân và tất nhiên, khó lãnh đạo được nhân dân.

Thứ năm, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên là những chiến sĩ cách mạng tiên phong gương mẫu, nói đi đôi với làm, thực sự tỏ rõ vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Bản chất giai cấp công nhân của Đảng không chỉ thể hiện ở hệ tư tưởng, lý luận, ở đường lối chính trị, tổ chức mà còn được biểu hiện cụ thể trong hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bởi vì, "Đảng là gì? Đảng là mỗi chúng ta. Đảng lớn lên là do mỗi chúng ta lớn lên"[3]. Thực tế cho thấy, Đảng và mọi tổ chức nói chung, đều do con người lập ra. Chúng là sản phẩm của con người và do đó, nó phụ thuộc vào con người. Tổ chức mạnh hay yếu, tính chất hoạt động cách mạng hay phản động, triệt để hay cải lương... phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng của con người trong tổ chức. Tổ chức đảng không nằm ngoài sự tất yếu đó, Đảng là do nhiều đảng viên - những người tiên tiến, tự nguyện, có cùng mục đích - hợp lại. Phẩm chất trí tuệ, tài năng thực tiễn của cán bộ, đảng viên hợp thành sức mạnh của Đảng. Tính chất kiên định trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên là một

1. Sđd, tập 6, tr. 88.
2. Sđd, tập 5, tr. 251.
3. Sđd, tập 10, tr. 463.

trong những nhân tố quan trọng kết thành bản chất của Đảng. Bản chất cách mạng, khoa học của Đảng lại được thể hiện trong hoạt động cụ thể, thường ngày của từng cán bộ, đảng viên. Chính mối quan hệ biện chứng ấy đã đòi hỏi: Đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân phải xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tỏ rõ là những chiến sĩ cách mạng, tiên phong gương mẫu.

Sự ra đời, trưởng thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, những thắng lợi của cách mạng Việt Nam giành được... đều là kết quả của quá trình Hồ Chí Minh dày công giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, trở thành những chiến sĩ cách mạng trung thành, kiên cường phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng để giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng.

Thứ sáu, Đảng phải chăm lo xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân, mang bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc.

Theo Hồ Chí Minh, "sau khi đã giành được chính quyền thì nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tăng cường nền chuyên chính vô sản để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng"[1]. Với tư tưởng đó, Hồ Chí Minh đã chăm lo xây dựng một chính quyền của dân, do dân và vì dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, dựa chắc trên cơ sở công nông liên minh vững chắc.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng được biểu hiện tập trung thông qua bộ máy nhà nước. Với tư duy đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm chăm lo xây dựng Nhà nước thực sự là cơ quan đại diện quyền lực chính trị cao nhất của nhân dân, thực sự bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa I, Người nói: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đày tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân"[2].

Đảng Cộng sản cầm quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải là một Đảng bảo đảm để nhân dân thực hiện quyền làm chủ và là người chủ thực sự; để mọi quyền hạn đều là của dân, thuộc về dân, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc làm trong sạch bộ máy nhà nước, để Nhà nước làm tròn bổn phận được nhân dân ủy thác. Người đặc biệt nhấn mạnh, Nhà nước phải

---

1. Sđd, tập 12, tr. 304.
2. Sđd, tập 7, tr. 499.

thực sự tỏ rõ là người đày tớ trung thành của nhân dân, phải hết sức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Người viết: "Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân.* Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Vì vậy, cán bộ đảng và chính quyền từ trên xuống dưới đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân*"[1]. Người thường căn dặn: "Cán bộ đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng, ăn trên ngồi trốc. Cán bộ đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đày tớ của nhân dân, phải hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính"[2].

Thứ bảy, Đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân phải là một bộ phận khăng khít của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đây là một nguyên tắc quan trọng trong thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản. Nguyên tắc này xuất phát từ bản chất của giai cấp công nhân trong nền đại công nghiệp. Chính nền sản xuất đại công nghiệp là "sợi dây tự nhiên" thắt chặt tình đoàn kết giai cấp công nhân giữa các nước. Theo Ph.Ăngghen, sự đoàn kết quốc tế, nghĩa vụ quốc tế của các đảng cộng sản luôn luôn tồn tại, dù người ta "không tự coi mình và cũng chẳng tự tuyên bố mình là một bộ phận của quốc tế đi nữa". Thực tiễn cuộc đấu tranh giai cấp đã đem đến cho giai cấp công nhân bài học: chỉ có đoàn kết, giai cấp công nhân mới có được sức mạnh để tự giải phóng mình và giải phóng dân tộc, giải phóng những người lao động và bị áp bức nói chung. Vì vậy, năm 1920, Quốc tế cộng sản kêu gọi: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!".

Thấm nhuần quan điểm đó của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo vun đắp tình đoàn kết keo sơn giữa các đảng cộng sản và công nhân quốc tế. Người cho rằng: "Quan sơn muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em". Nhờ có tình đoàn kết keo sơn ấy mà cách mạng Việt Nam có được sức mạnh để giành những thắng lợi vẻ vang.

Trong thời đại mới, theo Hồ Chí Minh, trong cách mạng giải phóng dân tộc, cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải *biết kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*"[3]. Cách mạng giải phóng dân tộc là bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới.

---

1. Sđd, tập 7, tr. 572.
2. Sđd, tập 8, tr. 513.
3. Sđd, tập 12, tr. 304.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không thể tách rời sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của các đảng cộng sản, phong trào công nhân và nhân dân lao động, tiến bộ toàn thế giới. Người từng khẳng định: "Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"[1]. Xu thế khách quan trên đây, đòi hỏi các chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân vừa phải làm tròn trách nhiệm lịch sử trước dân tộc mình, vừa phải phấn đấu làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Đó là yêu cầu tất yếu khách quan.

Những nội dung trên đồng thời là những tiêu chí xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Có người nói: giai cấp công nhân Việt Nam số người còn ít, không lãnh đạo được cách mạng. Hồ Chí Minh đã bác bỏ và khẳng định: "Lãnh đạo được hay là không, là do đặc tính cách mạng, chứ không phải do số người nhiều hay ít của giai cấp. Đặc tính cách mạng đó chính là bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Thành phần giai cấp công nhân trong Đảng tuy là một yếu tố quan trọng để xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nhưng không phải là yếu tố duy nhất và yếu tố quan trọng nhất. Theo Hồ Chí Minh, bảy yếu tố nêu trên mới là những yếu tố quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

2. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng về chính trị.

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức là ba mặt có mối quan hệ khăng khít với nhau, việc tách ra để nghiên cứu cũng chỉ là tương đối.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Đảng về chính trị có nhiều nội dung, bao gồm xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển lý luận, hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị, v.v... Trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi nêu lên một số vấn đề chính sau:

a) Xây dựng đường lối chính trị

Đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng. Vì thế, việc xây dựng đường lối chính trị trở thành một trong những vấn đề cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng ta. Với tư cách là lãnh tụ của Đảng, Hồ Chí Minh là một "kiến trúc sư trưởng" cùng với Đảng hoạch định đường lối của Đảng. Khi vừa ra đời, Đảng ta đã có ngay một cương lĩnh chính trị đúng đắn. Đó là đặc điểm đáng chú ý trong toàn bộ quá trình hoạt động của Đảng.

---

1. Sđd, tập 12, tr. 305.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), ngoài việc đặt trọng tâm cho việc đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh cùng với Đảng ta vạch ra cương lĩnh chính trị chung để kiện toàn Đảng khi Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi là "Đảng Lao động Việt Nam". Tại thời điểm này, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nêu cụ thể hơn việc chuẩn bị những tiền đề cho nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960), Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng hoạch định đường lối cụ thể về cách mạng Việt Nam gồm hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để đi đến mục tiêu thống nhất đất nước, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ cách mạng của hai miền đã được vạch ra một cách cụ thể, sinh động. Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước cũng như thắng lợi của bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã chứng minh cho sự đúng đắn hoàn toàn của đường lối chính trị của Đại hội lần thứ III.

Đảng Cộng sản Việt Nam - một đảng duy nhất cầm quyền - có vai trò định hướng phát triển cho toàn xã hội. Đây là vai trò mà không có một tổ chức nào khác có thể thay thế được. Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò lãnh đạo chính trị của mình chủ yếu bằng việc đề ra cương lĩnh, đường lối chiến lược, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như sách lược và quy định những mục tiêu phát triển của xã hội trên phương hướng lâu dài cũng như của từng giai đoạn. Sai lầm về đường lối là sai lầm nghiêm trọng nhất đối với xã hội, với vận mệnh của Tổ quốc và sinh mạng chính trị của hàng triệu đảng viên cũng như của hàng triệu nhân dân lao động. Bài học từ sự sụp đổ của Đảng Cộng sản Liên Xô và nhiều đảng cộng sản cầm quyền ở các nước Đông Âu đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã nói lên điều đó.

Vậy thế nào là đường lối chính trị đúng đắn và để có đường lối chính trị đúng thì Đảng phải như thế nào? Hồ Chí Minh khẳng định: *"Phải có đường lối cách mạng đúng, có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng. Đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin* được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc. Ở Việt Nam, đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của giai cấp vô sản và đảng của nó là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm và bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc"[1].

---

1. Sđd, tập 11, tr. 493-494.

Như vậy, Đảng muốn xây dựng đường lối chính trị, theo Hồ Chí Minh, cần coi trọng những vấn đề:

Một là: Đường lối chính trị phải dựa trên cơ sở tư tưởng, cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong từng thời kỳ.

Những tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin là sự thông thái về cơ bản cái tinh tuý từ các tri thức tiến bộ của nhân loại. Bản thân Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống chuyển sang lập trường chủ nghĩa cộng sản cũng bởi tiếp nhận, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy, chính chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở chủ yếu nhất cho sự hình thành của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhưng vấn đề đặc biệt mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong việc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng đường lối chính trị là phải vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể. Sáng tạo - đó là yêu cầu quan trọng đầu tiên khi các đảng cộng sản áp dụng học thuyết của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc mình để xây dựng đường lối chính trị.

Để có thể sáng tạo và bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, trước hết phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin. Về điều này, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn"[1].

Trong việc vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào việc xây dựng đường lối chính trị, một vấn đề đặt ra là việc tiếp thu kinh nghiệm của các đảng cộng sản anh em. Vì vậy, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đến tiếp thu "kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta... Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại"[2].

Chủ nghĩa Mác - Lênin mà Hồ Chí Minh lưu ý là chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo, không được phép giáo điều. Nếu biến chủ nghĩa Mác - Lênin thành công thức cứng đờ thì đường lối chính trị của Đảng chỉ là sự sao chép và không chứa đựng khả năng thực thi. Quá trình giáo điều của

---

1. Sđd, tập 9, tr. 292.
2. Sđd, tập 8, tr. 499.

mỗi đảng cộng sản cũng đồng thời là quá trình làm nghèo đi chủ nghĩa Mác - Lênin, một học thuyết vốn rất sống động.

Hai là: Trong xây dựng đường lối chính trị, theo Hồ Chí Minh, phải tính đến những điều kiện cụ thể của đất nước và của thời đại trong từng giai đoạn hoặc cả thời kỳ dài.

Hồ Chí Minh cho rằng: "Không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều"[1].

Theo Hồ Chí Minh, phải gắn lý luận Mác - Lênin với tình hình thực tiễn của đất nước. Năm 1957, Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng ta nhờ kết hợp được chủ nghĩa Mác - Lênin với tình hình thực tế của nước ta, cho nên đã thu được nhiều thắng lợi trong công tác. Tuy vậy, việc kết hợp chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn của cách mạng Việt Nam chưa được hoàn toàn. Có nhiều sai lầm là do sự thiếu kết hợp đó. Ví dụ những sai lầm trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, xây dựng kinh tế".

Những đặc điểm thực tế ở nước ta trong từng thời kỳ trở thành một căn cứ cực kỳ quan trọng để Đảng ta hoạch định đường lối, chủ trương. Chính những vấn đề thực tiễn, đến lượt nó, lại tác động bổ sung cho những vấn đề lý luận Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng: "lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động".

Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng nghiên cứu đặc điểm tình hình và nhấn mạnh đến việc xem xét tình hình cụ thể "từng lúc, từng nơi", khi đề ra đường lối, nhiệm vụ để Đảng lãnh đạo phát triển đất nước.

Xét trong mối quan hệ giữa những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin với đặc điểm của dân tộc, thì hai yếu tố này tác động chặt chẽ với nhau, không loại trừ nhau trong khi xây dựng đường lối chính trị. Hồ Chí Minh cho rằng: không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin là một sai lầm nghiêm trọng, là phạm phải chủ nghĩa giáo điều; nhưng nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin thì cũng mắc sai lầm nghiêm trọng, là phạm phải chủ nghĩa xét lại.

Một đường lối chính trị đúng còn là đường lối chứa đựng khả năng thực thi trong thực tế, nghĩa là nó đáp ứng được yêu cầu thực tế của cuộc sống. Có như vậy thì đường lối chính trị đó mới mang trong lòng mình tính cách

---

1. Sđd, tập 8, tr. 499.

mạng và khoa học. Thực tế hoạt động của Đảng ta trong hơn 70 năm qua đã chứng minh điều đó là hoàn toàn đúng.

Ba là: Để có đường lối nhiệm vụ chính trị đúng, "Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm và là bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và cả dân tộc".

Đường lối chính trị phản ánh một cách rất rõ ràng trình độ, năng lực của Đảng. Đảng yếu kém, trí tuệ hạn chế, v.v... thì đường lối chính trị mà Đảng đề ra khó mà đúng đắn được. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, do đó, lại là vấn đề xây dựng chính bản thân Đảng, Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn để tăng cường sức mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong việc xây dựng Đảng để Đảng đề ra đường lối chính trị đúng, Hồ Chí Minh đã đề cập những vấn đề chủ yếu sau đây:

- Không ngừng nâng cao trình độ lý luận, bởi vì lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội trong quá trình lịch sử.

- Gắn lý luận với thực tiễn, tránh lý luận suông, phải gắn lý luận Mác - Lênin với việc phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin thì phải bổ sung, làm phong phú thêm lý luận đó bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh cho rằng: "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông"[1].

- Mở rộng và thực hành dân chủ ở trong Đảng để mọi đảng viên đóng góp hết ý kiến của mình cho Đảng trên tinh thần xây dựng theo đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.

- Phải nghiên cứu tình hình cụ thể, sâu sát, tỉ mỉ, có tác phong công tác tốt, tránh quan liêu, đại khái, hình thức. Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể; kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra nghiên cứu trong mọi công tác cũng như khi định ra mọi đường lối, chủ trương của Đảng.

---

1. Sđd, tập 8, tr. 496.

b) Việc thông qua nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết

Việc thông qua nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết là hai "công đoạn" có quan hệ chặt chẽ với nhau. Có thể có những vấn đề lớn có tính chất cương lĩnh được thông qua bằng nghị quyết, cũng có những nghị quyết về những vấn đề cụ thể nhất định. Nghị quyết của Đảng chính là sự thể hiện quan điểm chính thức của Đảng về nhiệm vụ mà tất cả mọi tổ chức, mọi đảng viên có trách nhiệm thực hiện một cách nghiêm chỉnh.

Để ra nghị quyết, tổ chức đảng phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về tất cả các mặt: nhận định những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho Đảng trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài; có sự nghiên cứu trước, đưa ra những dự án; tổ chức thảo luận trong nội bộ Đảng thật sự dân chủ, nếu cần thiết thì mở rộng cho nhân dân tham gia ý kiến, v.v...

Ở đây, phải chú ý từ hai phía: phía cấp ủy, nhất là cán bộ chủ chốt của Đảng và từ phía mỗi đảng viên trong tổ chức đảng.

Vai trò của cấp ủy, trong đó người đứng đầu là rất quan trọng trong việc lựa chọn vấn đề, các phương án và phải phổ biến trước cho đảng viên. Làm như vậy để cho đảng viên có đủ thời gian cần thiết để nghiên cứu chuẩn bị ý kiến tham gia trong quá trình thảo luận. Như vậy, đòi hỏi phải làm tốt công tác thông tin.

Nhưng thông qua nghị quyết chưa phải là đã xong, mà một vấn đề quan trọng nữa là tổ chức thực hiện nghị quyết. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề này để biến những điều trong nghị quyết thành hiện thực trong cuộc sống. Nói đến thực hiện nghị quyết của Đảng là nói đến toàn bộ hoạt động thực tiễn hết sức phong phú và kiên trì. Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến những điểm chủ yếu sau đây:

- Có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người hoặc từng nhóm. Hồ Chí Minh cho rằng: "Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy"[1].

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu đường lối, chủ trương của Đảng.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể, thiết thực. Hồ Chí Minh là người rất coi trọng điều này. Hồ Chí Minh cho rằng: kế hoạch phải thiết thực, kế hoạch một phần, biện pháp thực hiện phải hai phần; phải tạo ra hiệu quả công tác chớ phô trương hình thức.

---

1. Sđd, tập 5, tr. 504.

- Phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để điều chỉnh, bổ cứu tạo ra hiệu quả cao.

- Sau khi thực hiện nghị quyết, phải tổng kết kinh nghiệm.

Như vậy sức chiến đấu của Đảng về chính trị thể hiện ở việc xây dựng đường lối chính trị đúng, cụ thể hóa đường lối chính xác, kịp thời và thực hiện đường lối thắng lợi.

c) Bảo vệ chính trị nội bộ là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng về chính trị

Trong suốt quá trình sáng lập, giáo dục, rèn luyện, lãnh đạo Đảng ta, Hồ Chí Minh luôn luôn cho rằng, công tác bảo vệ Đảng là nhân tố quan trọng, quan hệ đến sự sống còn của Đảng và sự thành bại của cách mạng; nó là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng nhằm giữ vững và không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đảng trong sạch, vững mạnh thì cách mạng mới thành công. Đảng muốn mạnh, thì phải được xây dựng và bảo vệ vững chắc. Hai vấn đề đó gắn bó chặt chẽ với nhau và được thể hiện cụ thể sinh động trong hoạt động lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Bảo vệ Đảng về chính trị, trước hết là phải bảo vệ cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng. Đồng thời phải đấu tranh chống các quan điểm phản động cũng như những âm mưu, hành động xuyên tạc, phá hoại đường lối của Đảng ta. Trong nội bộ Đảng và nhân dân ta, phải chú ý phê phán những nhận thức lệch lạc về đường lối, quan điểm của Đảng trong một số cán bộ, đảng viên, thường xuyên kiểm tra, tổng kết để điều chỉnh, bổ khuyết các chủ trương, biện pháp lãnh đạo của Đảng.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng trước hết phải đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh chú trọng tới việc chống chủ nghĩa giáo điều, xét lại, cơ hội, hạ thấp hoặc phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng cũng đặt ra yêu cầu đấu tranh, phê phán và gột rửa những biểu hiện của tư tưởng "phi vô sản" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; giáo dục đạo đức cách mạng, đấu tranh với sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng còn phải chống lại hoạt động phá hoại tư tưởng trong xã hội của các thế lực thù địch. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề này. Người đã vạch trần những thủ đoạn, lời nói mị dân, xuyên tạc hình ảnh người cộng sản, hòng bôi nhọ Đảng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, Hồ Chí Minh luôn lưu tâm đến hoạt động phá hoại tư tưởng của đế quốc Mỹ và bọn tay sai bán nước, kêu gọi toàn Đảng, toàn dân phải luôn cảnh giác, chống lại những hoạt động phá hoại của chúng. Người viết: "Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội thì bọn Mỹ - Diệm không muốn cho chúng ta thành công. Chúng âm mưu phá hoại ta bằng nhiều cách. Chúng còn bịa đặt tin đồn nhảm, phá hoại tinh thần của dân ta". Chúng nói một đằng chúng làm một nẻo, "tay chúng càng gây ra tội ác dã man, thì miệng chúng lại càng rêu rao "hoà bình", "thương lượng"".

Bảo vệ Đảng về tổ chức là chống lại bọn phản động cài cắm người của chúng vào nội bộ Đảng. Hơn nữa, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ phải ngăn chặn những hoạt động của bọn phản động lợi dụng những khuyết điểm của Đảng để phá hoại Đảng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Bọn phản động thì lợi dụng những khuyết điểm đó và tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta. Lợi dụng những sai lầm và khuyết điểm đó để đạt mục đích tự tư tự lợi của họ... Bọn phản động và bọn đầu cơ là địch nhân lọt vào trong Đảng để phá hoại. Vì vậy chúng ta phải ra sức đề phòng. Mỗi khi trong Đảng có khuyết điểm thì chúng ta phải tìm cách chớ để cho ai lợi dụng"[1].

Bảo vệ Đảng về tổ chức bao gồm cả việc bảo vệ và thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nghiêm chỉnh tuân theo kỷ luật của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ rõ những biểu hiện của việc thi hành kỷ luật không nghiêm và tác hại to lớn của chúng. Người viết: "Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại đoàn thể ta"[2].

Việc bảo vệ sự đoàn kết nhất trí của Đảng cũng như bảo vệ hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở cũng là một nội dung mà Hồ Chí Minh chú trọng trong việc bảo vệ Đảng.

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 264, 73.

Trong công tác bảo vệ Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến việc tích cực, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, xử lý kịp thời và nghiêm minh những trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng.

Giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giáo dục về phẩm chất đạo đức cách mạng, sự kiên định lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân.

Để chủ động ngăn chặn sự phá hoại của kẻ thù, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng, sự kiên định lập trường của giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên.

Đối với tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục kết nạp đảng viên, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải hết sức thận trọng khi thực hiện vấn đề này. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, kết nạp đảng viên phải bảo đảm tiêu chuẩn, đúng nguyên tắc, thủ tục và phải được thử thách cẩn thận nhằm làm cho những người vào Đảng không phải để làm "quan cách mạng", để "thăng quan phát tài" và những kẻ phá hoại Đảng chui vào Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, việc quản lý cán bộ phải được thực hiện một cách nghiêm túc và phải biết rõ cán bộ. Chỉ như thế mới sử dụng đúng cán bộ. Việc lựa chọn cán bộ phải được tiến hành một cách cẩn thận, tuân thủ những quy định chặt chẽ của Đảng. Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định đó sẽ hạn chế được những kẻ cơ hội, phá hoại chui vào Đảng, nắm giữ những chức vụ quan trọng, gây hậu quả xấu cho Đảng.

Giữ vững các nguyên tắc tổ chức, duy trì kỷ luật nghiêm minh là một biện pháp rất quan trọng để bảo vệ Đảng. Người yêu cầu đảng viên phải tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Đảng. Nếu kỷ luật Đảng lỏng lẻo thì những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào Đảng để phá hoại. Đối với những kẻ xấu phá hoại Đảng đã bị phát hiện phải xử lý nghiêm minh. Song, phải xác định rõ từng đối tượng để xử lý đúng mức.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc phòng gian bảo mật, coi "giữ bí mật của Nhà nước là một bộ phận trong cuộc đấu tranh với địch". Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng phải giữ bí mật, đồng thời phê phán nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên để lộ bí mật của Nhà nước. Hồ Chí Minh viết: Nhiều cán bộ còn phạm khuyết điểm: Không cẩn thận trong việc viết, in, gửi, quản lý và kiểm tra văn kiện bí mật. Mang văn kiện bí mật về nhà xem; xem văn kiện bí mật ở chỗ đông người; ghi chép những việc bí mật vào sổ tay thường của mình. Hay ba hoa, đưa việc bí mật nói với

vợ con, bầu bạn... Ở quán cơm, rạp hát, công viên, tiệm hớt tóc... cũng đưa việc trong cơ quan ra nói. Khi viết thư riêng, hoặc viết bài cho báo chí, cũng nói đến việc bí mật... Như thế là các cán bộ đó đã vô tình mà giúp cho địch[1].

Trước âm mưu, thủ đoạn phá hoại Đảng, phá hoại cách mạng rất thâm độc, xảo quyệt của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng đến việc phòng gian, bảo mật. Người viết: "phải có tinh thần *cảnh giác, phòng gian, bảo mật.* Việc đó chúng ta làm chưa được tốt lắm. Các nơi còn làm lộ bí mật, cán bộ còn nói lung tung, làm lộ bí mật của Đảng, của Nhà nước. Bệnh ba hoa còn nhiều, còn làm mất tài liệu bí mật..."[2].

Hồ Chí Minh khẳng định: "Cuộc chiến tranh thắng hay bại, một phần lớn do biết giữ bí mật hay không biết giữ bí mật, mà quyết định... Ta biết *giữ bí mật,* thì bọn Việt gian mật thám khó mà hoạt động. Ta biết *giữ bí mật,* thì dù địch có trăm tai, ngàn mắt, cũng không dò được tin và đoán trước được sự hành động của ta"[3]. Hồ Chí Minh cũng đặc biệt chú ý việc phải dựa vào nhân dân, tổ chức và động viên nhân dân tích cực tham gia bảo vệ Đảng.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải dựa vào dân để tiến hành công tác bảo vệ Đảng, phải tăng cường giáo dục cho nhân dân về trách nhiệm bảo vệ Đảng, giáo dục để họ hiểu rõ âm mưu thủ đoạn phá hoại Đảng của các thế lực thù địch, giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức phòng gian, bảo mật... Qua đó, động viên nhân dân tích cực tham gia bảo vệ Đảng. Hồ Chí Minh cho rằng: "Nhân dân ta có hàng chục triệu người, có hàng mấy chục triệu tai mắt, tay chân. Nếu biết dựa vào nhân dân, thì việc gì cũng xong"[4]. Nếu biết dựa vào dân, tổ chức nhân dân tiến hành bảo vệ Đảng thì chắc chắn Đảng sẽ được bảo vệ vững chắc. Bởi vì "hàng triệu lỗ tai, con mắt của nhân dân chăng thành những bức nhiên la địa võng" nên lũ mật thám không sao thoát được". Bởi vì dựa vào dân, động viên nhân dân tham gia bảo vệ Đảng sẽ tạo nên sức mạnh to lớn "thì bọn gian phi, côn đồ sẽ lòi mặt ra và sẽ phải cải tà quy chính dưới lực lượng to lớn của quần chúng"[5].

Việc tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, về tinh thần cảnh giác cách mạng, về trách nhiệm bảo vệ Đảng, về lòng yêu nước, truyền thống giữ nước của dân tộc... kết hợp chặt chẽ với hoạt động của công an, quân đội sẽ tạo nên sức mạnh vô địch để tiến hành công tác bảo vệ Đảng. Đó là biện pháp hiệu nghiệm để bảo vệ Đảng. Bởi vì, theo Hồ Chí Minh, "Chống bọn phá hoại cũng như chống mật thám Mỹ, *cách*

---

1. Sđd, tập 8, tr. 121-122.
2. Sđd, tập 12, tr. 23.
3, 4. Sđd, tập 5, tr. 468-469, 406.
5. Sđd, tập 7, tr. 363.

tốt nhất là tổ chức và giáo dục nhân dân đến nơi đến chốn. Lòng nồng nàn yêu nước và tinh thần cảnh giác của nhân dân, cộng với sự cố gắng của bộ đội và công an - là cái lưới (thiên la địa võng), bất kỷ bọn phá hoại nào, bọn mật thám nào cũng không lọt được cái lưới ấy của nhân dân"[1].

3. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tư tưởng.

Ngay từ khi Đảng chưa ra đời, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm tới công tác tư tưởng. Tại Đại hội toàn quốc của Đảng Xã hội Pháp họp tại Tua (12-1920) trong lời phát biểu của mình, Hồ Chí Minh đã tố cáo tội ác man rợ của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam và các dân tộc thuộc địa; đồng thời, Người kêu gọi Đảng Xã hội Pháp cần phải "hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức (...) Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa"[2].

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đã rất coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị kể cả ở trong Đảng, trong nhân dân, ở trong nước và quốc tế. Người tận dụng mọi diễn đàn để tuyên truyền, giác ngộ chính trị cho quần chúng. Người đã đề xuất và giải quyết những vấn đề rất cơ bản trọng đại của cách mạng Việt Nam, từ những vấn đề thuộc đường lối chiến lược, sách lược đến những chính sách cụ thể.

Một trong những di sản to lớn mà Hồ Chí Minh để lại cho Đảng ta là kho tàng kinh nghiệm vô giá về công tác tư tưởng. Vì vậy, việc nghiên cứu những tư tưởng của Người nói chung và về công tác tư tưởng nói riêng trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Vấn đề xây dựng Đảng về tư tưởng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Vai trò của tư tưởng và công tác tư tưởng.
- Vai trò của lý luận và công tác lý luận.
- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

a) Vai trò của tư tưởng và công tác tư tưởng

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của tư tưởng trong đời sống chính trị, xã hội; và vai trò của công tác tư tưởng trong công tác xây dựng Đảng, trong các quá trình hoạt động, lãnh đạo của Đảng. Những quan điểm của

---

1. Sđd, tập 8, tr. 113.
2. Sđd, tập 2, tr. 23.

Người về vấn đề này tập trung trong những nội dung cơ bản, khái quát sau đây:

- Giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là công việc quan trọng của Đảng.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó: "giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là việc quan trọng nhất của Đảng, phải kiên quyết chống cái thói xem nhẹ tư tưởng"[1]. Tư tưởng thông suốt thì hành động mới tích cực, đúng hướng. Do đó, trong mọi hoạt động của con người, của tổ chức, công tác tư tưởng phải luôn luôn đi trước một bước.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh,* Hồ Chí Minh đã nêu rõ lý do: "Vì sao phải viết sách này?". Và Người chỉ ra rằng, đó là để giác ngộ đồng bào, đồng chí đứng lên làm cách mạng. Theo Người, phàm làm bất cứ công việc gì lớn hay bé, khó hay dễ nếu không ra sức thì "chắc không thành công" nhưng nếu đồng tâm hiệp lực thì có thể làm nổi. Muốn vậy thì mọi người phải hiểu rõ vì sao mà làm, làm như thế nào?..., có như thế "mục đích mới đồng", "chí mới đồng", "tâm mới đồng". Viết tác phẩm này, Người xác định rất rõ mục đích là để đồng bào xem, đồng bào hiểu: Vì sao phải làm cách mệnh? Vì sao cách mệnh là việc làm của dân chúng, của mọi người? Ai là bạn? Ai là thù?... Và Người "ước sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh"[2]. Xuất phát từ quan điểm "cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ" nên Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đường cách mệnh* và như vậy, Người đã làm công tác tư tưởng đối với đồng bào, đồng chí. Người đã đưa công tác tư tưởng đi trước một bước nhằm giác ngộ mọi người, tập hợp lực lượng, thống nhất mục đích, đồng tâm hiệp lực làm cách mạng. Công tác tư tưởng chính là khâu đột phá đầu tiên, là chiếc "chìa khoá" để bắt đầu tiến hành bất kỳ một quá trình, một hoạt động tự giác nào của mọi người, mọi tổ chức trong đời sống xã hội.

Hồ Chí Minh rất coi trọng những kinh nghiệm của tổ tiên. Trong *Lời hiệu triệu,* Người viết: Người xưa có nói rằng: "đánh vào lòng là hơn hết; đánh vào thành trì là thứ hai" và Người khẳng định "trước hết là bằng tinh thần: bại không nản, thắng không kiêu... đồng tâm, nhất trí"[3]. Tinh thần, tư tưởng, sự giác ngộ luôn luôn là yếu tố đầu tiên tạo nên lòng quyết tâm, ý chí kiên cường của người cách mạng; là tiền đề, cơ sở để có hoạt động thống nhất,

---

1. Sđd, tập 7, tr. 234.
2. Sđd, tập 2, tr. 261-262.
3. Sđd, tập 4, tr. 187-188.

mạnh mẽ, có hiệu lực. Hồ Chí Minh coi sự thống nhất về tư tưởng, về hành động là nguồn sức mạnh to lớn của Đảng. Người nhấn mạnh: "Nếu đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mớ cắt rời, "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Như vậy, thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng"[1].

- Công tác tư tưởng là một biện pháp quan trọng để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của quần chúng, để tập hợp lực lượng cách mạng.

Khi bàn về vấn đề này, Người chỉ ra rằng, dân vận là vận động lực lượng của mỗi người dân, góp thành lực lượng toàn dân. Người cho rằng, công tác dân vận không thể chỉ dùng báo chí, sách vở, khẩu hiệu..., mà theo Người, "Trước nhất là phải tìm mọi cách *giải thích* cho mỗi *một người dân hiểu rõ ràng:* Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được"[2].

- Tư tưởng cách mạng là vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ và công tác tư tưởng là mặt trận quan trọng của người cộng sản.

Trong bài viết *Lênin và các dân tộc thuộc địa,* Hồ Chí Minh coi việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc hết sức phức tạp ở nước Nga là một bài học kinh nghiệm rất quý báu về công tác tư tưởng, tuyên truyền đối với các nước thuộc địa. Nhân dân các nước thuộc địa nhận thức rõ những tư tưởng của Lênin về vấn đề thuộc địa, từ đó, họ tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, đặt niềm tin to lớn vào chủ nghĩa cộng sản và họ đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng mình. Hồ Chí Minh coi tư tưởng, công tác tư tưởng là một mặt trận và những cán bộ, đảng viên "phải là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng"[3].

- Công tác tư tưởng là một nội dung, phương thức lãnh đạo quan trọng của Đảng.

Trong bài viết *Phải tẩy sạch bệnh quan liêu,* khi bàn về nghĩa vụ "phụng sự nhân dân", "làm đầy tớ nhân dân" của Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: "Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền, giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân..."[4].

Theo Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng có một vị trí rất lớn trong quá trình tổ chức việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Người chỉ ra rằng sau khi có đường lối, chủ trương rồi, phải có biện pháp tổ chức thực hiện đường

---

1. Sđd, tập 9, tr. 288.
2. Sđd, tập 5, tr. 698.
3. Sđd, tập 11, tr. 78.
4. Sđd, tập 6, tr. 88.

lối cho tốt. Đó là "kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần và quyết tâm phải ba phần". Người khẳng định rằng, công tác tư tưởng, chính trị phải kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức. "Tư tưởng thông, mọi người hăng hái thực hiện kế hoạch mới tốt"[1].

- Công tác tư tưởng là một biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh cho rằng, muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải có những con người xã hội chủ nghĩa và công tác tư tưởng là biện pháp rất quan trọng để giáo dục, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã tiến hành nhiều cuộc vận động chỉnh huấn. Thực chất của chỉnh huấn là một cuộc vận động lớn về tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân *"nhằm xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa"*[2].

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, tư tưởng là vấn đề cốt lõi của đời sống tinh thần con người; tư tưởng bao gồm lập trường quan điểm, trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, truyền thống đạo đức của con người. Hồ Chí Minh quan niệm công tác tư tưởng luôn luôn giữ vai trò chủ đạo, đầu tiên chi phối sự suy nghĩ hành động của con người. Tư tưởng đúng đắn, thông suốt, lập trường giai cấp vững vàng luôn luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu tạo nên lòng quyết tâm, ý chí kiên cường của người cách mạng; là tiền đề, là cơ sở để hành động thống nhất, mạnh mẽ, có hiệu lực. Ngược lại, những tư tưởng lạc hậu, phản động là những lực cản kìm hãm quá trình tiến bộ xã hội. Sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nguồn sức mạnh đặc biệt to lớn của Đảng.

b) Vai trò của lý luận và công tác lý luận

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Để quá trình hoạt động đó tránh được những sai lầm, thiếu sót, giành được những thắng lợi to lớn thì rất cần phải có sự chỉ dẫn của *lý luận khoa học.*

Vai trò tiên phong của các đảng cộng sản như Mác và Ăngghen chỉ ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* được thể hiện trên hai phương diện lý luận và hoạt động thực tiễn.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh rất coi trọng hoạt động lý luận tập trung trên ba mặt chủ yếu:

1, 2. Sđd, tập 10, tr. 266, 310.

Một là, ra sức học tập, nghiên cứu để nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và những kinh nghiệm quý báu của các thế hệ ông cha ta trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước cũng như kinh nghiệm của các nước.

Hai là, từ thực tiễn của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, con người Việt Nam, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc vận dụng lý luận và tổng kết thực tiễn rút ra những bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam.

Ba là, truyền bá lý luận Mác - Lênin để đồng bào, đồng chí hiểu Đảng, hiểu cách mạng, hiểu đường lối, chủ trương của Đảng rồi đứng lên đánh đuổi đế quốc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, ai cũng đủ cơm no, áo ấm, ai cũng được học hành...

Trên cả ba mặt đó, Người luôn luôn căn dặn Đảng phải chú ý chống bệnh chủ quan, giáo điều, máy móc và thổi phồng những đặc thù, coi thường lý luận, rơi vào chủ nghĩa xét lại.

Hồ Chí Minh quan niệm lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội trong lịch sử. Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, theo Người, đó "là sự tổng kết những kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay ở tất cả các nước,... khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội, khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột... khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản"[1].

Hồ Chí Minh quan niệm lý luận là những vấn đề rất thực tế, từ *"thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính"[2].

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của lý luận, đặc biệt là lý luận Mác - Lênin; đồng thời Người cũng rất coi trọng công tác lý luận của Đảng nhằm nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của tổ tiên trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhằm tổng kết những kinh nghiệm của cách mạng nước ta rút ra những bài học có ý nghĩa, có giá trị lý luận.

Vai trò của lý luận theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tập trung ở những luận điểm cơ bản sau đây:

---

1. Sđd, tập 8, tr. 497.
2. Sđd, tập 5, tr. 233.

Một là, lý luận đóng vai trò định hướng cho hành động.

Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn của quá trình phát triển của xã hội loài người, tổng kết những thành công và cả những thất bại của cách mạng qua các giai đoạn, các thời kỳ lịch sử. Từ những bài học kinh nghiệm thực tiễn lặp đi lặp lại đó, con người rút ra những quy luật vận động của sự vật, hiện tượng.

Khi đặt vấn đề Đảng lãnh đạo thế nào và lãnh đạo bằng cái gì, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, lý luận rất quan trọng: "Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi"[1]. Rằng, nguyên nhân của bệnh chủ quan, bảo thủ là do "Kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông"[2].

Vì kém lý luận nên không biết xem xét đánh giá đúng sự vật hiện tượng; không biết nhanh chóng xử trí, giải quyết đúng những mâu thuẫn; không nhận rõ được diều kiện, hoàn cảnh khách quan, chủ quan; "ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại"[3].

Hai là, lý luận đóng vai trò dự đoán tương lai.

Sự vật luôn luôn vận động, phát triển không ngừng. Những hiện tượng của hôm nay đều có nguồn gốc nảy sinh từ quá khứ. Cái hiện tại có thể sẽ là bước đi tiếp theo nào đó nảy sinh trong tương lai. Lý luận giúp con người từ hiện tại có khả năng phán đoán được tương lai. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế"[4]; rằng, trong thực tế, có những cán bộ có nhiều kinh nghiệm, điều đó rất quý, nhưng nếu họ "biết thêm lý luận thì công việc lợi hơn nhiều. Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi". Người nói: "Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng một mắt mờ"[5].

Lý luận giúp con người định hướng đúng cho hành động hiện tại, phán đoán đúng những bước đi và sự phát triển của tương lai. "Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông". Người viết rằng, dù đọc được ngàn vạn cuốn sách lý luận, nhưng nếu không biết đem ra thực hành thì như thế "không phải đã là biết lý luận", "khác nào một cái hòm đựng sách", "xem nhiều sách để mà lòe, để mà ra ta đây, thế không phải là biết lý luận". Người khẳng định: "Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận.

Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem *loè* thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích:

1, 2, 3, 4, 5. Sđd, tập 5, tr. 233, 234.

Vì vậy, chúng ta phải *gắng học,* đồng thời học thì phải hành"[1].

Ba là, lý luận giúp con người tạo lập niềm tin, kiên định lập trường, tư tưởng.

Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, làm theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là nhiệm vụ, là trách nhiệm của mỗi đảng viên. Lý luận Mác - Lênin giúp chúng ta hiểu các quy luật vận động của xã hội loài người, hiểu con đường nên đi và cần đi để xây dựng một xã hội Việt Nam ấm no, hạnh phúc.

Trong *Bài nói chuyện ở lớp huấn luyện đảng viên mới* (5-1966) ở Hà Nội, Hồ Chí Minh đã nêu rõ, muốn xứng đáng với danh hiệu đảng viên, phải không ngừng rèn luyện tư tưởng vô sản và giữ vững lập trường, phải cố gắng học để nâng cao trình độ hiểu biết của mình. Người nói rằng, Người "đã 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học thêm"; để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh; "Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt. Muốn xây dựng chi bộ "bốn tốt" thì phải bồi dưỡng lập trường vô sản cho đảng viên. Muốn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng"[2]. Cách mạng là một quá trình đấu tranh để giải quyết các mâu thuẫn. Suốt quá trình đó, mâu thuẫn này được giải quyết thì đồng thời mâu thuẫn khác lại xuất hiện. Phong trào cách mạng lôi cuốn hàng triệu quần chúng nhân dân lao động. Công việc cách mạng là vô cùng phức tạp, khó khăn, vì vậy "Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải *cố gắng học tập lý luận Mác - Lênin*"[3].

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ sự quan tâm sâu sắc đến lý luận và công tác lý luận; đặc biệt, Người hết sức coi trọng việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Hầu như trong các bài viết và câu nói của Người đều gắn với thực tế Việt Nam, xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên rằng, sự "thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin"; "Những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi"; Đảng cần mở trường để giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ lý luận cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; việc học tập lý luận đó không phải nhằm biến họ thành những người lý luận suông mà nhằm

1. Sđd, tập 5, tr. 235.
2. Sđd, tập 12, tr. 92.
3. Sđd, tập 9, tr. 292.

làm cho công tác của họ ngày càng tốt hơn, lập trường tư tưởng vô sản của họ ngày càng vững vàng hơn; học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là "học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin"; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin "để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta"[1].

Theo Hồ Chí Minh, để việc nghiên cứu học tập lý luận đạt kết quả tốt thì phải có thái độ học tập đúng. Đó là phải khiêm tốn, thật thà, đào sâu suy nghĩ, cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, "kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập"; phải tự nguyện, tự giác "xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ" mà người cán bộ, đảng viên phải hoàn thành cho được; phải tích cực, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng "không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập"[2].

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã thể hiện tấm gương mẫu mực trong hoạt động lý luận. Người đặc biệt nêu cao vai trò của lý luận. Người luôn nhắc nhở rằng, lý luận không phải là cái gì cao siêu, xa rời và thoát ly thực tiễn; lý luận không phải là thứ để trang sức, để "lòe" thiên hạ; lý luận luôn luôn là kim chỉ nam cho hành động. Xuất phát từ quan niệm đầy đủ và đúng đắn vai trò của lý luận, Người đã rất coi trọng công tác lý luận và hoạt động kiên cường trên mặt trận lý luận.

Khi viết báo, viết sách, tham gia các diễn đàn, hội nghị... ở đâu và lúc nào Người cũng tận dụng mọi thời cơ để tuyên truyền, giáo dục lý luận, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động. Người luôn luôn viết và nói một cách giản dị, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng.

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của đông đảo quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm giải quyết hàng loạt nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp. Để vượt qua mọi trở ngại, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ thực tiễn đó và tránh được những sai lầm, vấp váp, tăng cường và giữ vững được vai trò lãnh đạo của mình, Đảng cần có sự chỉ dẫn của lý luận khoa học, cách mạng.

Lý luận cách mạng giúp Đảng định hướng đúng mọi hoạt động; dự đoán được các bước phát triển của cách mạng, của xã hội trong tương lai; tạo lập niềm tin, kiên định lập trường tư tưởng vô sản. Trình độ lý luận cao là cơ sở đầu tiên tạo lập cho Đảng có bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi biến

---

1, 2. Sđd, tập 8, tr. 497, 499.

động ở trong nước và trên thế giới; đề ra được đường lối, chủ trương đúng đắn, tránh được các khuynh hướng máy móc, giáo điều, chủ quan nóng vội; không hoang mang, dao động trước những diễn biến phức tạp.

Vì vậy mọi đảng viên phải ra sức học tập lý luận Mác - Lênin, "cố gắng nắm vững những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam"[1].

Theo Người, học lý luận là "nhằm mục đích để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận", không phải để có "cái vốn" để sau này "đưa ra mặc cả với Đảng", học lý luận Mác - Lênin, đó là "học tập tinh thần", "học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng đúng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng"[2].

Năm 1960, khi tổng kết những hoạt động của Đảng ta, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng trong 30 năm ấy, Đảng ta đã luôn luôn đứng vững trên lập trường vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân; đề ra được đường lối, chủ trương đúng đắn; không ngừng đấu tranh chống những khuynh hướng cải lương, manh động, "tả" hữu khuynh; lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi hết sức to lớn. Sở dĩ cách mạng đạt được những thành tựu to lớn đó là vì Đảng ta trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng. Người kết luận: "Chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Đảng ta vượt qua những trận thử thách ấy"[3].

Xuất phát từ sự nhận thức đánh giá cao vai trò của lý luận cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở Đảng không lúc nào được sao nhãng công tác lý luận, Đảng phải quan tâm giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải ra sức tuyên truyền đường lối, chính sách cho dân hiểu, dân làm, dân đi theo Đảng. Đảng phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung cho kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong hoạt động lý luận, Người luôn nhắc nhở phải giữ vững nguyên tắc lý luận liên hệ với thực tiễn, phải kiên quyết khắc phục chủ nghĩa giáo điều, đề phòng xét lại.

c) Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng

Việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động là nhằm từng bước trang bị, nâng cao nhân sinh quan và thế giới quan vô sản, tình yêu Tổ quốc, yêu đồng bào,

---

1, 3. Sđd, tập 10, tr. 21, 17.

2. Sđd, tập 8, tr. 497.

củng cố và tăng thêm niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, vào tiền đồ, tương lai của dân tộc, vào thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Tất nhiên, yêu cầu đối với từng đối tượng không như nhau.

Cùng với việc triển khai công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng cũng cần phải coi trọng lãnh đạo công tác tư tưởng đối với các tầng lớp nhân dân, nhằm xây dựng ý thức xã hội, bảo đảm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng trở thành cơ sở cho suy nghĩ và hành động của mọi công dân; nhằm góp phần bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh, đạt hiệu quả cao.

Nói cách khác, làm công tác chính trị, tư tưởng đối với nhân dân là nhằm động viên nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ. Cơ sở xuất phát của tư tưởng này là do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định đúng đắn vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong lịch sử và cách mạng là sự nghiệp sáng tạo của bản thân quần chúng nhân dân lao động.

Theo Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng đối với quần chúng nhân dân phải được tiến hành thường xuyên, không ngừng tác động theo hướng khơi dậy những tiềm năng to lớn của dân tộc, nêu cao ý thức tự lực, tự cường theo tinh thần "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", mở rộng khối đoàn kết toàn dân, theo phương châm "thêm bạn, bớt thù" tập trung lực lượng tiến công vào đối tượng đấu tranh chủ yếu, trực tiếp của cách mạng trong từng thời kỳ, ở từng thời điểm lịch sử cụ thể.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa;
- Giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin;
- Giáo dục đường lối, chính sách;
- Giáo dục nhiệm vụ của người đảng viên;
- Giáo dục đạo đức cách mạng;
- Giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống đoàn kết, yêu nước, yêu lao động, lòng nhân ái của dân tộc ta...

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng: chủ nghĩa cộng sản là mục đích cuối cùng của đảng cộng sản, người cộng sản vào Đảng là để đấu tranh cho lý

tưởng cao đẹp đó của Đảng. Vì vậy, "đấu tranh cho chủ nghĩa cộng sản là lẽ sống của người đảng viên"[1].

Giáo dục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có một mềm tin vững chắc vào lý tưởng, vào sự nghiệp của Đảng là điều Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm. Tuy nhiên, Người không nói lý tưởng một cách trừu tượng. Người đã cụ thể hóa lý tưởng cộng sản chủ nghĩa vào thực tiễn cách mạng Việt Nam và Người nhắc nhở những người cộng sản Việt Nam: "không được phút nào quên lý tưởng cao cả của mình là: suốt đời làm cách mạng phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, làm cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi hoàn toàn trên Tổ quốc ta và trên thế giới"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò đặc biệt to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người ví như "cái cẩm nang thần kỳ", là "mặt trời soi sáng" cho cách mạng Việt Nam. Vì vậy, Người coi việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là một nội dung quan trọng của đạo đức cách mạng.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, chủ trương của Đảng; đồng thời, Người yêu cầu Đảng phải tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng. Đây là một vấn đề đặc biệt quan trọng được Người quan tâm nhằm làm cho mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng thực sự là những chiến sĩ tiên phong, mẫu mực nêu gương sáng cho quần chúng nhân dân lao động noi theo. Theo Người, thấm nhuần đạo đức cách mạng là nguồn gốc dẫn đến những thành công của người cán bộ. "Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn; người cộng sản phải biết "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa"[3].

Đạo đức cách mạng theo quan niệm của Hồ Chí Minh là "Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

1, 2. Sđd, tập 2, tr. 93.

3. Sđd, tập 9, tr. 284.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ"[1].

Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức cũng chính là những nội dung chủ yếu và cụ thể của đạo đức cách mạng. Người luôn luôn đòi hỏi người đảng viên phải nêu gương đạo đức cho quần chúng noi theo. Trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, Người dặn dò rằng: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"[2].

Theo Người, hình thức, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức là con đường và cách thức tác động, chuyển tải những nội dung để nâng cao trình độ tư duy, định hướng cho quá trình nhận thức nhằm giải quyết những mâu thuẫn về tư tưởng, phát triển tiềm năng sáng tạo của con người trên lĩnh vực tinh thần. Vì vậy, đây là một vấn đề rất phong phú, không dễ dàng; đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ, tính linh hoạt, sáng tạo của tổ chức đảng và sự nỗ lực cao của mỗi cán bộ, đảng viên. Người quan tâm cả hai hình thức giáo dục:

Một là, giáo dục thông qua chế độ sinh hoạt nội bộ Đảng, sinh hoạt của các tổ chức quần chúng.

Hai là, thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng qua các trường, lớp ngắn hạn hoặc dài hạn.

Người chỉ rõ, muốn tư tưởng của Đảng trong sạch thì trước hết tư tưởng của cán bộ, đảng viên phải trong sạch; muốn giáo dục, cải tạo người thì trước hết phải tự giáo dục, tự cải tạo mình. Vì vậy, Người rất quan tâm tới việc bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Để công tác giáo dục đạt kết quả tốt, các tổ chức đảng phải chủ động, có chương trình, kế hoạch cụ thể, giữ vững nguyên tắc; đồng thời mỗi cá nhân cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần tu dưỡng, rèn luyện, tự học. Theo Người, tự phê bình cũng là những hình thức giáo dục và tự giáo dục. Giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ qua các trường, lớp huấn luyện, qua sinh hoạt nội bộ Đảng, sinh hoạt cơ quan, đơn vị mà còn cần phải quan tâm tới hình thức phương pháp giáo dục bằng nêu gương. Một người phải biết học nhiều người. Người nói: Trong xã hội những gương người tốt

---

1. Sđd, tập 9, tr. 285.
2. Sđd, tập 12, tr. 510.

làm việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để các chú xây dựng con người. Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục.

Theo Người, trong phương pháp giáo dục, phải chú ý tuân theo "nguyên tắc *tự nguyện, tự giác,* giải thích, bàn bạc, chứ không gò bó"[1]. Nội dung giáo dục "cốt thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều", "Đừng bôi bác, nếu ở trên bôi bác thì càng xuống dưới càng sai lệch"[2].

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phải xuất phát từ nhu cầu, "nhằm đúng nhu cầu", đúng đối tượng, "phải gắn liền lý luận với công tác thực tế".

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, từ lập trường và phương pháp cách mạng chủ đạo của mình, Hồ Chí Minh đã hình thành và xác định rõ ranh giới quan điểm "ta - bạn - thù". Lập trường này không chỉ chi phối đường lối cách mạng Việt Nam, chiến lược đoàn kết dân tộc mà còn chi phối các hoạt động tư tưởng theo hai hướng cơ bản:

Một là: công tác tư tưởng trong nội bộ bao gồm Đảng và các tầng lớp nhân dân lao động Việt Nam. Hồ Chí Minh coi đây là hướng tác động cơ bản nhất quyết định sức mạnh của cách mạng Việt Nam. Do vậy, đây là hướng mà Người đã dành nhiều thời gian và công sức trong cuộc đời hoạt động của mình. Ở hướng này, Người đã kết hợp chặt chẽ hai quá trình công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng và lãnh đạo tư tưởng các tầng lớp nhân dân lao động, trong đó công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng trong nội bộ Đảng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng.

Cùng với việc triển khai công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc lãnh đạo công tác tư tưởng đối với các tầng lớp nhân dân lao động nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ. Đây vừa là phương thức lãnh đạo vừa là mục tiêu chiến lược của cách mạng. Cơ sở xuất phát của tư tưởng này là sự xác định đúng đắn vai trò to lớn của quần chúng trong lịch sử, vai trò quan trọng đặc biệt của khối liên minh công nông trong cách mạng Việt Nam.

Về nội dung công tác tư tưởng với nhân dân lao động, Người coi trọng giáo dục truyền thống dân tộc, yêu nước thương nòi; cần cù, dũng cảm, quật

1. Sđd, tập 8, tr. 216.
2. Sđd, tập 6, tr. 48.

cường qua hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước... và nâng cao nhận thức nhiệm vụ cách mạng cho nhân dân.

Về hình thức, phương pháp công tác tư tưởng với quần chúng nhân dân, theo Người phải sử dụng nhiều hình thức, phương pháp với nội dung cụ thể, thiết thực. Các bài nói, bài viết của Người thường ngắn gọn, giản dị, dễ hiểu. Người rất quan tâm tới hình thức nêu gương "người tốt, việc tốt" "người thật việc thật", kiên trì giáo dục thuyết phục, không gò ép, áp đặt. Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải là tấm gương sáng để quần chúng noi theo.

Hai là, công tác tư tưởng trên lĩnh vực đối ngoại. Người yêu cầu Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng phải tích cực tăng cường các hoạt động tuyên truyền; *một mặt,* tố cáo vạch trần bộ mặt kẻ thù; *mặt khác,* bày tỏ lập trường quan điểm của nhân dân ta nhằm tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

4. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tổ chức.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng là nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tổ chức, bao gồm các vấn đề xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ; hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng; tổ chức cơ sở đảng và công tác kiểm tra thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng viên và xây dựng đội ngũ đảng viên.

Vấn đề đảng viên là một trong những nội dung cơ bản của xây dựng Đảng. Đảng Cộng sản chỉ có thể thực hiện được vai trò người lãnh tụ, người thầy và người tổ chức giai cấp công nhân nếu Đảng tập hợp được trong hàng ngũ của mình những chiến sĩ ưu tú của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp lao động khác. Do vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến vấn đề đảng viên và việc xây dựng đội ngũ đảng viên. Khi nói về vị trí, vai trò của người đảng viên, Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng là gồm các đảng viên mà tổ chức nên. Mọi công việc Đảng đều do đảng viên làm. Mọi nghị quyết Đảng đều do đảng viên chấp hành. Mọi chính sách của Đảng đều do đảng viên mà thấu đến quần chúng. Mọi khẩu hiệu, mọi kế hoạch của Đảng đều do đảng viên cố gắng thực hiện"[1] và "đảng viên là người thay mặt Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động"[2]. Người cho rằng, trong mọi công việc đảng viên phải giữ vai trò tiên phong gương mẫu, thực hiện khẩu hiệu: "đảng viên đi trước làng nước theo

1. Sđd, tập 7, tr. 235-236.
2. Sđd, tập 9, tr. 288.

sau". Khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh yêu cầu: mỗi cán bộ, đảng viên "phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"[1].

Vị trí, vai trò của đảng viên rất quan trọng trong mọi công việc của Đảng, vì vậy Hồ Chí Minh nêu rõ những đối tượng có thể kết nạp vào Đảng.

Trong *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* (1930), Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận Đảng thời được vào Đảng"[2]. Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng* tháng 2 năm 1951, Hồ Chí Minh chỉ rõ: *"Về thành phần,* Đảng Lao động Việt Nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng"[3]. Khi nói chuyện với cán bộ Tỉnh ủy Thanh Hóa cuối tháng 12 năm 1968, Hồ Chí Minh cho rằng, chỉ kết nạp những người vào Đảng để phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Còn đối với những người có tư tưởng vào Đảng để làm quan, thì phải đóng cửa lại, không cho họ vào.

Vậy bằng cách nào để kết nạp vào Đảng những người trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, Hồ Chí Minh cho rằng, cần phải làm rõ tiêu chuẩn đảng viên. Tiêu chuẩn là những tiêu chí và chuẩn mực để xem xét và kết nạp đảng viên trong từng giai đoạn cách mạng. Do đó tiêu chuẩn đảng viên được bổ sung, phát triển gắn liền với từng giai đoạn cách mạng. Khi cách mạng Việt Nam đồng thời phải làm hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, Hồ Chí Minh nói về tiêu chuẩn của người đảng viên như sau:

"Khi kết nạp mỗi một đảng viên mới, cần phải dựa vào *sáu tiêu chuẩn của người đảng viên.*

Sáu tiêu chuẩn ấy là:

1. Suốt đời kiên quyết phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

2. Rèn luyện tư tưởng vô sản, sửa chữa tư tưởng sai lầm. Kiên quyết đứng hẳn trên lập trường giai cấp công nhân, không đứng chân trong chân ngoài.

3. Đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, trước hết. Biết đem lợi ích riêng của cá nhân phục tùng lợi ích chung của cách mạng.

---

1. Sđd, tập 12, tr. 498.
2. Sđd, tập 3, tr. 5.
3. Sđd, tập 6, tr. 174.

4. Tuyệt đối chấp hành nghị quyết và kỷ luật của Đảng.

5. Liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

6. Luôn luôn cố gắng học tập; thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình đồng chí mình.

Đó là mấy tiêu chuẩn rất cần thiết để xứng đáng là người đảng viên"[1]. Trong tiêu chuẩn đảng viên, Hồ Chí Minh đã nói nghĩa vụ của đảng viên là: "Cố gắng học tập chủ nghĩa Mác - Lênin", "giữ gìn kỷ luật của Đảng", "ra sức phục vụ nhân dân". Hồ Chí Minh không chỉ nói rõ nghĩa vụ hay là nhiệm vụ của đảng viên mà Người còn quan tâm đến quyền lợi của đảng viên. Theo Người, "Mọi đảng viên có những quyền lợi như sau:

1) Có quyền tự do và thiết thực thảo luận cách thi hành chính sách của Đảng, trên các báo chí và trong các cuộc hội nghị của Đảng.

Để thi hành triệt để chính sách và công tác của Đảng, mọi đảng viên có quyền tự do phát biểu ý kiến của mình (trên báo chí và trong hội nghị của Đảng), dù ý kiến ấy không đồng ý với ý kiến của đại đa số, không ai được ngăn cấm.

2) Có quyền tuyển cử và ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng.

3) Có quyền đưa ra những đề nghị, những thanh minh, những lời kêu nài trước các cơ quan của Đảng, từ chi bộ đến Trung ương, không ai được ngăn trở.

4) Trong các cuộc hội nghị của Đảng có quyền phê bình đảng viên và cán bộ, phê bình công tác của các cơ quan Đảng"[2].

Hồ Chí Minh còn cho rằng: quyền phê bình của đảng viên có thể nâng cao tính hăng hái và tinh thần phụ trách của các đảng viên; có thể bảo đảm sự đấu tranh của đảng viên chống những gì có hại đến Đảng; quyền phê bình là một vũ khí chống quan liêu, mệnh lệnh; nó cải thiện sự quan hệ giữa cán bộ và đảng viên; nó giúp cải thiện các công việc của Đảng. Vì vậy mọi người phải tôn trọng quyền phê bình của đảng viên.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: vị trí, vai trò của đảng viên; điều kiện để kết nạp vào Đảng; tiêu chuẩn đảng viên; nghĩa vụ (nhiệm vụ) và quyền lợi của đảng viên.

Để có một đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu của mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng phải không ngừng tiến hành công tác đảng viên của mình. Đó là một trong những nội dung chủ yếu, quan trọng của công tác xây dựng

---

1. Sđd, tập 9, tr. 571.
2. Sđd, tập 7, tr. 239.

Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, bởi vì chất lượng đảng viên quyết định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Do vậy, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng, quan tâm việc xem xét, lựa chọn người vào Đảng, vì đây là một vấn đề có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đội ngũ đảng viên. Hồ Chí Minh cho rằng, vào Đảng để phụng sự Đảng, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, do đó Đảng phải lựa chọn những người đã kinh qua thử thách và đủ điều kiện vào Đảng, đó là "những người con ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp khác"[1].

Quá trình tồn tại và phát triển của Đảng gắn liền với những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân. Do đó, việc giáo dục, rèn luyện không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ đảng viên là một nhiệm vụ đặt ra tất yếu, thường xuyên đối với mỗi đảng viên và tổ chức đảng để không ngừng "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân hoàn toàn trái ngược với đạo đức, tư cách người cộng sản, bởi vì "Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra năm thứ bệnh nguy hiểm, quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân"[2]. Hồ Chí Minh còn cho rằng, chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Do vậy, người cán bộ, đảng viên phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở các cấp ủy phải quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục đảng viên và phải coi công tác giáo dục đảng viên "là một điều quan trọng trong chương trình công tác của cấp ủy".

Người thường nhắc nhở mọi người phải thực hiện lời dạy của Lênin: Học, học nữa, học mãi! Phải cố gắng học, học nhiều; không chịu học thì không tiến bộ được, không chịu học "thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình"[3]. Hồ Chí Minh còn căn dặn các cấp ủy phải nêu gương, giữ nghiêm kỷ luật. Người nói: "Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài... Phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới"[4].

Cùng với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trong *Di chúc:* "Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê*

---

1. Sđd, tập 8, tr. 417.
2, 3. Sđd, tập 9, tr. 292, 554.
4. Sđd, tập 5, tr. 250.

bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng"[1].

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ.

Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta cũng như trong công tác xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới vấn đề cán bộ. Người đã giải quyết vấn đề cán bộ một cách căn bản và toàn diện. Từ quan điểm về cán bộ, đến phương hướng nội dung, phương pháp, biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ. Người quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ không những trước mắt mà cả lâu dài, cả ở Trung ương và ở địa phương, cơ sở. Tất cả các vấn đề đó đều được Người chỉ ra một cách rõ ràng, cụ thể.

Không chỉ dừng lại ở những bài nói, bài viết, những chỉ thị về công tác cán bộ mà Người còn trực tiếp mở các lớp đào tạo, huấn luyện cán bộ; tham gia giảng dạy và chỉ dẫn công việc, hướng dẫn, dạy bảo cán bộ trong công tác thực tế.

Hồ Chí Minh ví cán bộ như dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, toàn bộ bộ máy cũng bị tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng và Chính phủ, thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được.

Hồ Chí Minh xác định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc"[2]. "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"[3]. "Vấn đề cán bộ là một vấn đề rất trọng yếu, rất cần kíp"[4].

Về tiêu chuẩn cán bộ, Hồ Chí Minh xác định tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng của từng loại cán bộ. Tiêu chuẩn đó xuất phát từ yêu cầu của cách mạng, đòi hỏi của thực tiễn chứ không phải từ ý muốn chủ quan.

Trong tiêu chuẩn chung của cán bộ, Hồ Chí Minh nhấn mạnh hai mặt đức và tài. Hai mặt đó là một thể thống nhất, quan hệ biện chứng, không thể thiếu mặt nào, trong đó đức là gốc. Người cán bộ có tài mà thiếu đức thường gây ra những tác hại không nhỏ. Ngược lại, chỉ có đức mà thiếu tài thì cũng chẳng khác nào ông bụt ngồi ở trong chùa.

Nội dung đức, tài ở các thời kỳ cách mạng khác nhau được Hồ Chí Minh cụ thể hóa, bổ sung, phát triển phù hợp với tình hình nhiệm vụ từng thời kỳ. Đặc biệt là khi có chính quyền, nội dung cụ thể của đức, tài được Hồ Chí Minh nêu ra những yêu cầu và tiêu chuẩn khác với lúc chưa có chính quyền.

---

1. Sđd, tập 12, tr. 497-498.
2, 3, 4. Sđd, tập 5, tr. 269, 273, 274.

Trong bài *Người cán bộ cách mạng* viết ngày 3-3-1955, Hồ Chí Minh phê phán một số cán bộ tưởng rằng cách mạng là cốt để làm cho họ có địa vị, được hưởng thụ. Do đó mà họ mắc những sai lầm: kiêu ngạo, hưởng lạc, lãng phí của công, tự tư tự lợi, không biết tiết kiệm "đồng tiền, bát gạo" - mồ hôi nước mắt của nhân dân. Trong nhiều bài viết, bài nói, Hồ Chí Minh còn nói rõ nội dung của đạo đức cách mạng là quyết tâm suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân. Người cho đó là điều chủ chốt nhất. Người nhấn mạnh phải đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, vì Đảng, vì dân đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc, không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ mọi mặt; quan hệ mật thiết với quần chúng, có tinh thần tập thể, đoàn kết, thương yêu đồng bào, đồng chí; có tính tổ chức kỷ luật; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng. Về năng lực của cán bộ, Hồ Chí Minh nhấn mạnh những hiểu biết mới, những năng lực mới: "Ngày nay Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên chẳng những thạo về chính trị mà còn phải giỏi về chuyên môn".

Về đào tạo, huấn luyện cán bộ

Từ quan niệm "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", Hồ Chí Minh xác định "huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng". Đào tạo bao gồm "nuôi dạy", huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Đó là công việc mà Đảng phải bỏ nhiều công sức, tiến hành "chu đáo, công phu". "Đảng phải nuôi dạy cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu". Hồ Chí Minh cho rằng: "huấn luyện học tập không phải là một việc đơn giản, muốn làm được thì phải hiểu cho rõ"[1]. Trước hết, phải xác định đúng mục đích huấn luyện, học tập. Tức là huấn luyện, học tập để làm gì? Điều này phải được quán triệt ở cả chủ thể huấn luyện và đối tượng huấn luyện.

Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ đi học là để "làm việc, làm người, làm cán bộ". Trước hết, học để làm người rồi mới làm cán bộ chứ không phải trước hết để làm cán bộ. Tuy ba mục đích ấy là thống nhất, quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng trong thực tế dễ bị đảo lộn thứ tự, nhận thức và hành động sai mục đích, nhất là đối với người học. Do đó, đối với người học, Hồ Chí Minh nhấn mạnh "học để sửa chữa tư tưởng", "học để tu dưỡng đạo đức cách mạng", "học để tin tưởng", "học để hành", v.v... Hồ Chí Minh chỉ rõ: "phải đào tạo một đội ngũ cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thế Đảng mới thành công". Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan dễ bảo, "đập đi, hò

1. Sđd, tập 6, tr. 45.

đứng" không dám phụ trách, như thế là một việc thất bại của Đảng. Đào tạo "thế là phí công, phí của, vô ích". Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê phán cách đào tạo hình thức, chạy theo số lượng mà không thiết thực, chu đáo, chất lượng kém.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra những vấn đề cụ thể, thiết thực, đến nay vẫn còn nguyên giá trị, như:

- "Huấn luyện ai?". Trước hết là huấn luyện cán bộ, vì "cán bộ là tiền vốn của đoàn thể". "Có vốn mới làm ra lãi. Bất cứ chính sách, công tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công, tức là có lãi. Không có cán bộ tốt thì hỏng việc, tức là lỗ vốn"[1].

- "Ai huấn luyện?". Không phải ai cũng huấn luyện được. Phải lựa chọn rất cẩn thận nhân viên phụ trách việc huấn luyện. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. Tùy đối tượng huấn luyện và nội dung huấn luyện mà chọn người huấn luyện tương xứng. "Người huấn luyện của đoàn thể *phải làm kiểu mẫu về mọi mặt:* tư tưởng, đạo đức, lối làm việc"[2]. Người huấn luyện phải học thêm mãi. "Người nào tự cho mình là đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất".

- *"Huấn luyện gì?", Hồ Chí Minh đề cập đến bốn nội dung.* Trước hết là huấn luyện lý luận. Người nêu hai cách huấn luyện lý luận: lý luận suông, vô ích và lý luận thiết thực, có ích. Tránh cách huấn luyện thứ nhất và làm theo cách huấn luyện thứ hai. Lý luận mà không thực hành cũng vô ích. Vì vậy học phải đi đôi với hành.

Ngoài dạy lý luận còn phải dạy công tác; phải dạy văn hóa, nâng cao trình độ cán bộ, để làm cơ sở giúp họ tiến bộ về lý luận và công tác. Với những cán bộ còn kém văn hóa thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Người chỉ rõ: "Những cán bộ học trong những lớp này, phải theo trình độ văn hóa cao hay thấp mà đặt lớp, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp"[3]. Cuối cùng là huấn luyện chuyên môn. "Mỗi người phải biết một nghề để sinh hoạt", "riêng về cán bộ, ai lãnh đạo trong ngành hoạt động nào thì phải biết chuyên môn về ngành ấy"[4]. Cán bộ môn nào thì nghiên cứu lý luận của môn ấy.

- "Huấn luyện thế nào?". Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *"Cốt thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều...* Việc cốt yếu là phải làm cho người học hiểu thấu vấn đề"[5].

1, 2, 4, 5. Sđd, tập 6, tr. 46, 47.

3. Sđd, tập 5, tr. 271.

Phải lấy người ở cấp dưới lên huấn luyện rồi trở lại cấp dưới để họ huấn luyện cho cấp dưới nữa. Muốn vậy phải huấn luyện chu đáo. "Đừng bôi bác, nếu ở trên bôi bác thì càng xuống dưới càng sai lệch"[1]. Quá trình huấn luyện phải gắn lý luận với công tác thực tế, phải nhằm đúng nhu cầu, Hồ Chí Minh nhắc nhở huấn luyện phải chú trọng việc cải tạo tư tưởng: "Phải *huấn và luyện*. Huấn là dạy dỗ, luyện là rèn giũa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc"[2]. Huấn luyện cán bộ, một mặt chú trọng trang bị kiến thức, nâng cao khả năng, mặt khác phải "tẩy rửa khuyết điểm cho họ".

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học". Người học phải biết tự động, tự giác học tập, xác định đúng mục đích, động cơ học tập. Học tập lý luận "theo nguyên tắc: *kinh nghiệm và thực tế phải đi cùng nhau*"[3]. Cách học tập là: "Lấy tự học làm cốt". Trong mục "học ở đâu", Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn".

Về lựa chọn cán bộ

Lựa chọn cán bộ là vấn đề rất hệ trọng. Làm sao chọn được những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín thật sự. Cần loại bỏ những người có động cơ không đúng. Phân biệt và loại bỏ những cán bộ coi địa vị lãnh đạo, quản lý là chỗ mưu cầu danh lợi. Những người này thường hay chạy chọt, luồn lọt bằng mọi cách đạt cho được địa vị, mặc dù tư cách của họ không xứng với chức danh đó. Có người tỏ ra hăng hái, sốt sắng, tích cực chưa hẳn đã có động cơ đúng và tốt. Người có đức, có tài thường không phô trương ồn ào. Chọn cán bộ cần xem xét họ ở trạng thái động chứ không phải chỉ ở trạng thái tĩnh. Đánh giá họ qua cả những tình huống gay cấn, khi gặp khó khăn, phức tạp chứ không chỉ lúc thuận lợi.

Năm 1947, Hồ Chí Minh đưa ra chuẩn mực để chọn cán bộ, gồm bốn điểm sau:

a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng.

c) Những người có thể phụ trách các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.

Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải là người lãnh đạo. Người lãnh đạo đúng cần phải: khi thất bại không hoang mang, khi thắng

---

1, 2, Sđd, tập 6, tr. 48, 49.

3. Sđd, tập 5, tr. 272.

lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết kiên quyết, gan góc không sợ khó khăn.

d) Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật.

Hồ Chí Minh cho đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ. Người lưu ý tránh tình trạng dùng người văn hay, nói khéo nhưng không làm được việc, không ra tranh đấu. Trong khi đó, những người viết không hay, nói không thạo nhưng rất trung thành, hăng hái, rất gần gũi quần chúng thì bị dìm xuống.

Về chính sách cán bộ

Hồ Chí Minh chỉ ra mấy điểm lớn trong chính sách cán bộ. Đó là chính sách đoàn kết mọi lực lượng cán bộ, phát huy mọi tiềm năng cán bộ. Trong đó, sĩ, công, nông, thương, binh đều có, làm sao phải đối đãi đúng với mọi người... Người nhắc nhở những việc lớn:

+ Hiểu biết cán bộ

Muốn nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu phải có quan điểm, phương pháp đánh giá cán bộ đúng.

Hồ Chí Minh chỉ ra những chứng bệnh thường mắc phải khi đánh giá cán bộ:

Thứ nhất, tự cao tự đại,

Thứ hai, ưa người ta nịnh mình,

Thứ ba, do lòng yêu ghét của mình mà đối với người,

Thứ tư, đem một cái khuôn khổ nhất định chật hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau.

Nếu phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông. Do đó, muốn biết rõ cán bộ đối xử đúng đắn với mọi người, trước hết phải sửa chữa những khuyết điểm của mình.

Đánh giá cán bộ có quan điểm biện chứng, toàn diện, lịch sử, cụ thể và phát triển. Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Xem xét cán bộ, không chỉ đánh giá bề ngoài mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn bộ lịch sử, toàn bộ công việc của họ. Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tâng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải cán bộ tốt.

+ Khéo dùng cán bộ

Hồ Chí Minh cho rằng, không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, phải khéo dùng người, sửa chữa khuyết điểm giúp họ, phát huy ưu điểm của họ. Người phê phán tình trạng không biết tuỳ tài mà dùng người, như: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử cả hai người đều lúng túng. Trong trường hợp này, nếu biết tuỳ tài mà dùng người, thì hai người đều thành công.

Hồ Chí Minh cũng phê phán những người khi dùng cán bộ thì mắc phải những chứng bệnh sau đây:

"1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3. Ham dùng những người tính hợp với mình mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Vì những bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cũng bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho chúng càng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo"[1].

Theo Người, cách dùng cán bộ đúng, nghĩa là:

- Phải có độ lượng thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư...

- Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa.

- Phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ nhân dân, đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ.

- Phải sáng suốt, mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây mà cách xa cán bộ tốt.

- Phải có thái độ vui vẻ, thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình.

Muốn cán bộ làm được việc, phải khiến cho họ yên tâm làm việc, vui thú làm việc, phải khiến cho cán bộ có gan nói, cả gan đề ra ý kiến. Khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc. Không nên tự tôn, tự đại mà phải nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới.

---

1. Sđd, tập 5, tr. 279.

+ Cất nhắc cán bộ

Hồ Chí Minh nhắc nhở, cất nhắc cán bộ là một công tác cần kíp nhưng phải làm đúng. Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem những người bô lô, bô la, chỉ nói mà không làm vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại. Cất nhắc cán bộ phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế công việc nhất định chạy.

Cất nhắc cán bộ không nên làm như "giã gạo". Nghĩa là trước khi cất nhắc không xem xét kỹ. Khi cất nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá lại cất nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời. Đối với cán bộ, chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi cất nhắc, mà sau khi đã cất nhắc phải giúp đỡ họ...

Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra "chỉnh" một lần, thế là "đập" cán bộ. Cán bộ bị "đập" mất cả lòng tin, người hăng hái cũng hóa thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng. Vì vậy, hễ thấy cán bộ sai lầm, phải lập tức sửa chữa ngay.

+ Thương yêu cán bộ

Yêu thương cán bộ không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc, mà là giúp đỡ cán bộ học tập, công tác tiến bộ ngày càng nhiều, quan tâm giúp đỡ cán bộ giải quyết những khó khăn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

+ Phê bình cán bộ

Hồ Chí Minh nhắc nhở: người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có khuyết điểm. Chúng ta không sợ có sai lầm khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và, càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Để cán bộ sửa chữa khuyết điểm phải phê bình cho đúng. Cần phải phân tích rõ ràng cái cớ sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng. Cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: "Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc".

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về khái niệm tập trung dân chủ không tách rời quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Người về Đảng và xây dựng Đảng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, Người cho rằng: "Còn ở trong Đảng, khi khai hội các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử các đồng chí nọ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung"[1]. Trong

---

1. Sđd, tập 5, tr. 288.

tác phẩm *Thường thức chính trị* viết năm 1953 ký tên ĐX, khi đề cập vấn đề tổ chức, Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng phải giữ vững chế độ dân chủ tập trung của Đảng.

Người cho rằng: *Tập trung trên nền tảng dân chủ*[1].

Hồ Chí Minh giải thích điều này như sau:

Cơ quan lãnh đạo của Đảng có uy tín và quyền lực chân chính. Những phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng, mọi đảng viên nhất định phải chấp hành. Kỷ luật của Đảng, mọi đảng viên phải tuân theo. Thế là *tập trung*. Nhưng tập trung ấy không phải là cá nhân chuyên chính; nó là xây dựng trên nền tảng dân chủ. Nghĩa là:

1. Các cơ quan lãnh đạo đều do quần chúng đảng viên bầu cử lên.

2. Phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng đều do quần chúng đảng viên tập trung kinh nghiệm và ý kiến lại mà thành. Rồi lại do các cuộc hội nghị của Đảng thảo luận giải quyết, chứ không ai được tự ý độc đoán.

3. Quyền lực của cơ quan lãnh đạo là do quần chúng đảng viên giao phó cho, chứ không phải tự ai tranh giành được. Vì vậy, người lãnh đạo phải gần gũi và học hỏi quần chúng đảng viên, nghe ngóng ý kiến của họ. Nếu lên mặt với quần chúng, lạm dụng quyền lực - thế là sai lầm.

4. Trật tự của Đảng là: cá nhân phải phục tùng tổ chức; số ít phải phục tùng số nhiều; cấp dưới phải phục tùng cấp trên; các địa phương phải phục tùng Trung ương.

Dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung[2]. Ở trong Đảng, mọi đảng viên có quyền nêu ý kiến, đặt đề nghị, tham gia giải quyết vấn đề. Nhưng quyết không được trái sự lãnh đạo tập trung của Đảng, trái nghị quyết và trái kỷ luật của Đảng. Quyết chống: không xét thời gian, địa điểm, điều kiện mà nói lung tung; tự do hành động; dân chủ quá trớn.

1. Chỉ có *cơ quan lãnh đạo* có quyền khai các cuộc hội nghị.

2. Tất cả các nghị quyết của Đảng phải do *cơ quan lãnh đạo chuẩn bị* kỹ càng, rồi giao cho các cấp *thảo luận*. Không được làm qua loa, sơ sài.

3. Khi bầu cử các *cơ quan lãnh đạo* trong Đảng, phải xem xét rất kỹ lưỡng để lập danh sách những đảng viên ứng cử.

1, 2. Sđd, tập 7, tr. 240-241.

4. Toàn thể đảng viên phải theo đúng Đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất của Đảng. Toàn thể đảng viên phải theo sự *lãnh đạo thống nhất* của Trung ương[1].

Qua nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ, chúng ta thấy tư tưởng thống nhất, xuyên suốt của Hồ Chí Minh về nguyên tắc này là sự thống nhất biện chứng giữa hai mặt tập trung và dân chủ trong một chỉnh thể thống nhất của nguyên tắc: "Tập trung trên cơ sở dân chủ" và "dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung". Đó là bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều đó cũng có nghĩa là, trong tập trung đã chứa đựng yếu tố dân chủ, cũng như trong dân chủ đã chứa đựng yếu tố tập trung. Do đó, tập trung chân chính không thể tồn tại nếu như không có dân chủ chân chính. Ngược lại, dân chủ chân chính không thể tồn tại nếu như không có tập trung chân chính.

Từ đó, có thể khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ như sau: Đây là nguyên tắc chỉ đạo toàn bộ công tác tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng, là nguyên tắc cơ bản nhất có ý nghĩa sống còn của Đảng. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là: tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Tập trung cao mà hạn chế dân chủ là trượt sang tập trung quan liêu. Mở rộng dân chủ nhưng hạn chế tập trung là trượt sang dân chủ vô tổ chức kỷ luật, mất kỷ cương.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng.*

Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một cấu trúc khoa học. Người đề cập đến tất cả những yếu tố tạo nên sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy; bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức bộ máy trong một chỉnh thể thống nhất; bảo đảm cho cả hệ thống hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp, hiệu quả. Dưới đây, có thể khái quát những nội dung chủ yếu trong tư tưởng của Người về hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng.

Một là, cấu trúc hệ thống (hay là tính hệ thống của cấu trúc). Đây là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh, được hình thành từ những năm 20 của thế kỷ XX.

Trong xây dựng tổ chức, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng cấu trúc hệ thống của chỉnh thể, không có tổ chức đứng riêng rẽ, mà nó phải (và nhất thiết phải) liên hệ chặt chẽ với nhau trong một hệ thống. Tư tưởng đó, lần đầu tiên được Hồ Chí Minh giải thích trong *Đường cách mệnh* (1927): "Cái gì là hệ thống của công hội?" - Người giảng giải: "Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

---

1. Sđd, tập 7, tr. 241.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4, 5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyến tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước, ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên"[1].

Như vậy, hệ thống tổ chức, theo Hồ Chí Minh là sự đan kết giữa hai mạng ngang và dọc, tạo nên sự cố kết về tổ chức, thành khối thống nhất bền vững. Với tư tưởng trên, sau này Hồ Chí Minh đã vận dụng vào xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng, được thể hiện tập trung trong *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* soạn thảo đầu năm 1930 và trong cuốn *Thường thức chính trị* viết năm 1953.

Cấu trúc hệ thống của tổ chức còn thể hiện ở sự bố trí, sắp xếp cân đối, hợp lý giữa các bộ phận và sự liên hệ chặt chẽ giữa các bộ phận ấy trong một chỉnh thể. Người viết: "Trong Đảng và Nhà nước ta có sự phân công chặt chẽ như các bộ phận trong chiếc đồng hồ: cái kim, dây cót khác nhau nhưng hợp tác chặt chẽ với nhau. Thiếu một bộ phận nào cũng không được"[2]; cũng như "Trong một công xưởng, có nhiều loại máy móc hình dạng khác nhau và công dụng khác nhau. Những máy móc khác nhau ấy phải bố trí và kết hợp thật ăn khớp với nhau, thì sản xuất mới tốt"[3].

Xây dựng tổ chức bộ máy theo quan điểm cấu trúc hệ thống, Hồ Chí Minh không chỉ chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng. Người còn đặc biệt quan tâm xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước; xây dựng công hội, nông hội, hội phụ nữ, hội thanh niên... Tất cả các tổ chức đó đều quan hệ chặt chẽ, thống nhất trong mặt trận, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm mục tiêu: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với quan điểm trên, Hồ Chí Minh coi Đảng là tổ chức thành viên trong hệ thống tổ chức của cả nước; hệ thống tổ chức đảng đan kết với các hệ thống tổ chức khác, hoà vào trong cái hệ thống ấy, tạo nên mạng lưới tổ chức rộng khắp trong cả nước. Nhờ vậy Đảng đã tập hợp, giác ngộ, lãnh đạo, đoàn kết được toàn dân, phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn, chiến thắng mọi kẻ thù hung bạo.

---

1. Sđd, tập 2, tr. 304.
2. Sđd, tập 9, tr. 555-556.
3. Sđd, tập 10, tr. 352.

Hai là, trong xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm việc xác định đúng và rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tổ chức bộ máy trong hệ thống và nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi thành viên.

Người khẳng định, tổ chức phải gọn gàng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận, mỗi người phải quy định rõ ràng. Các cấp và các cán bộ lãnh đạo phải giúp đỡ và đôn đốc thường xuyên, phải kiểm tra chặt chẽ. Người giải thích: Cũng như các bộ phận trong chiếc thuyền, bộ phận nào cũng quan trọng cả. Nhưng mỗi bộ phận có chức năng, nhiệm vụ riêng mà không thể thay thế: như chèo thì luôn luôn vùng vẫy, lái thì ngâm mình dưới nước tận sau thuyền... buồm thì thảnh thơi. Nếu ba bộ phận ấy đòi đổi chỗ cho nhau: lái làm buồm, buồm làm chèo, chèo làm lái; như thế sẽ đi đến đâu? Sẽ không thành thuyền nữa.

Đó là một chân lý không thể đảo ngược. Tư tưởng trên của Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức được thể hiện rất rõ ở mục "43 - Hệ thống tổ chức của Đảng" trong *Thường thức chính trị*. Người xác định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan lãnh đạo trong hệ thống tổ chức đảng như sau: "Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là *Toàn quốc đại biểu đại hội*.

Đại hội có quyền:

1- Nghe, thảo luận và phê chuẩn các báo cáo của Trung ương.

2- Quyết định và sửa đổi Đảng cương, Đảng chương.

3- Quyết định chính sách và phương châm chính của Đảng.

4- Bầu cử Trung ương.

Trong khoảng từ đại hội này đến đại hội khác, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Trung ương.

Trung ương không thể ngày ngày khai hội. Để lãnh đạo mọi công tác, Trung ương cử ra *Bộ Chính trị và Ban Bí thư*.

Để chỉ đạo những địa phương xa, Trung ương có thể đặt những *Cục Trung ương*.

Khi cần, Trung ương có thể họp *Toàn quốc đại biểu hội nghị*. Hội nghị có quyền:

1- Quyết định chính sách trước mắt của Đảng.

2- Cử thêm một số Ủy viên Trung ương mới, hoặc cách chức Ủy viên nào không làm nhiệm vụ.

Những nghị quyết của Hội nghị phải có Trung ương phê chuẩn mới được thi hành.

Các cấp xã, huyện, tỉnh, khu cũng có đại hội của cấp mình; do đại hội cử ra chi ủy, huyện ủy, tỉnh ủy, khu ủy.

Trung ương và các cấp có thể lập ra những ban: Quản lý việc Đảng, Tuyên truyền giáo dục, Dân vận, Kinh tế, Quân sự... Ban của cấp nào, do ủy viên hội cấp ấy lãnh đạo"[1].

Như vậy, mỗi cơ quan trong hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng được thành lập đều nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tiễn của Đảng và đều được phân định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn một cách rõ ràng. Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm cho hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng vận hành nhịp nhàng, ăn khớp, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo và "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược".

Ba là, phải xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế vận hành của tổ chức. Cơ chế vận hành là nhân tố giữ vai trò quyết định bảo đảm cho tổ chức làm tròn và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thiếu cơ chế vận hành khoa học thì nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức sẽ không có hiệu lực trên thực tế, mà chỉ có trên danh nghĩa. Vì vậy, trong suốt quá trình xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy, cần phải thường xuyên chăm lo xây dựng và hoàn thiện cơ chế vận hành của tổ chức.

Về chế độ, nguyên tắc và lề lối làm việc của tổ chức, Người đòi hỏi hoạt động của các tổ chức "từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung", "Từ Trung ương đến chi bộ xã đều phải làm đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách, chống các tệ sùng bái cá nhân và quan liêu mệnh lệnh; đều phải thật thà tự phê bình và phê bình thẳng thắn; đều phải thật sự dân chủ". Người nhấn mạnh rằng: Để lãnh đạo tốt, các cấp ủy phải thật đoàn kết, thật dân chủ, phải thực hành chế độ "tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách và phê bình, tự phê bình để không ngừng tiến bộ"[2]; "các huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần phải đi sâu đi sát đến các chi bộ, cần phải giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên"[3]; "Các bộ, các ban, các ngành ở Trung ương cần phải thường xuyên đi kiểm tra và giải quyết công việc tại chỗ, phải chống bệnh giấy tờ, hội họp nhiều"[4]. Người nhấn mạnh: "Thì giờ là vàng bạc". "Phải kiên quyết chống thói hội họp lu bù, mất thì giờ, hại sức khoẻ mà không kết quả thiết thực"[5].

Bốn là, xây dựng tổ chức, bộ máy theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải tinh gọn, trong sạch. Bởi vì: "Là một Đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ,

---

1. Sđd, tập 7, tr. 241-242.
2, 5. Sđd, tập 10, tr. 600, 314.
3, 4. Sđd, tập 12, tr. 79, 20.

trong sạch, kiểu mẫu"[1]. Tổ chức như bộ máy đồng hồ phải chạy đều. Muốn chạy đều phải sạch sẽ. Đảng muốn trong sạch, mạnh mẽ thì mỗi bộ phận, mỗi đảng viên phải trong sạch, mạnh mẽ.

Người yêu cầu các cơ quan phải thực hành tiết kiệm. Tiết kiệm từng chiếc phong bì. "Chúng ta phải *kiên quyết chống nạn lãng phí* ở các cơ quan và trong sự sinh hoạt của chúng ta. Chống cách tiêu dùng bừa bãi tiền của của nhân dân và vốn liếng của Chính phủ"[2]. Các cơ quan phải thực hiện "giản chính" để tiết kiệm sức người. Đồng thời phải nâng cao năng suất công tác, nên phải "tinh cán", phải chọn cán bộ, dùng cán bộ cho đúng. "Giản chính và tinh cán" phải đi đôi với nhau.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng được bắt nguồn từ luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: Đảng phải gắn bó với quần chúng, liên hệ chặt chẽ với quần chúng; ở đâu có quần chúng, ở đó cần có sự lãnh đạo của Đảng. Mọi tầng lớp nhân dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, không trừ một ai đều sinh sống, lao động sản xuất, công tác, học tập ở một đơn vị cơ sở nhất định trong hệ thống tổ chức xã hội. Vì vậy, Đảng phải thành lập được tổ chức của mình tại các đơn vị cơ sở. Người viết: "ở mỗi xưởng máy, hầm mỏ, xí nghiệp, cơ quan, trường học, đường phố, nông thôn, đại đội - có 3 đảng viên trở lên thì lập một chi bộ.

Mỗi chi bộ có thể chia làm mấy *tiểu tổ*...

Nơi nào đảng viên quá đông (ở nông thôn quá 50, ở nhà máy, cơ quan, v.v..., quá 100 đảng viên) thì có thể lập *Tổng chi bộ*, dưới *Tổng chi bộ*, lập mấy *Phân chi bộ*"[3].

Như vậy, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, tổ chức cơ sở đảng là một tổ chức của Đảng được lập tại các đơn vị cơ sở, gắn liền với một đơn vị cơ sở, là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức của Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, tổ chức cơ sở đảng có vị trí, vai trò như sau:

Trước hết, xét trong hệ thống tổ chức của Đảng thì, tổ chức cơ sở đảng là "nền tảng", "gốc rễ" của Đảng. Người viết: *"Chi bộ* là gốc rễ của Đảng"[4]. Rằng "chi bộ là nền tảng của Đảng, của cách mạng ở xã..."[5]. Một cây không thể thiếu gốc rễ, một ngôi nhà không thể thiếu nền tảng, nền móng. Điều đó đủ nói lên vị trí, vai trò rất quan trọng của chi bộ với tư cách là tổ chức cơ sở đảng.

1, 2. Sđd, tập 6, tr. 480, 500.

3, 4, 5. Sđd, tập 7, tr. 242, 467.

Trong hoạt động lãnh đạo của Đảng trên mọi mặt của đời sống xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định: các tổ chức cơ sở của Đảng là những "hạt nhân lãnh đạo", là "đồn lũy" của Đảng ở cơ sở. "Mỗi chi bộ ta phải là hạt nhân vững chắc, lãnh đạo đồng bào thi đua yêu nước, cần kiệm xây dựng nước nhà. Rằng, "mỗi *chi bộ* của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở"[1]. Đồng thời nhấn mạnh: "Chi bộ là đồn luỹ của Đảng chiến đấu ở trong quần chúng"[2].

Trong mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, vai trò của tổ chức cơ sở đảng là những "sợi dây chuyền" nối liền Đảng với dân. Người viết: "Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng"[3].

Từ việc xem xét vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong các mối quan hệ trên, Hồ Chí Minh đã khái quát: "Đảng mạnh là do các *chi bộ* mạnh"; rằng "các chi bộ mạnh tức là Đảng mạnh". Nhận định đó của Người vừa phản ánh sự tác động biện chứng giữa các cơ sở đảng với toàn Đảng, vừa là một kết luận được rút ra từ thực tiễn gần 40 năm Người chăm lo xây dựng, phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng.

Trong xây dựng tổ chức, phát huy sức mạnh của tổ chức, điều quan trọng là phải xác định đúng, rõ chức năng, nhiệm vụ của nó. Tư tưởng đó được Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ khi Người xác định chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở đảng. Người không chỉ xác định chức năng nhiệm vụ chung cho tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng, mà trên cơ sở đó còn chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể cho từng loại hình cơ sở đảng.

Trong cuốn sách *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh đã chỉ ra năm nhiệm vụ chung cho tất cả các loại hình cơ sở đảng, thể hiện tập trung ở ba nội dung chủ yếu sau:

Một là, tuyên truyền, giáo dục và tổ chức lãnh đạo quần chúng "thực hiện khẩu hiệu và chính sách của Đảng".

Hai là, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, kịp thời báo cáo lên trên; luôn luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của quần chúng; đồng thời giáo dục, tổ chức quần chúng giải quyết các vấn đề cho nhân dân.

Ba là, tiến hành các hoạt động xây dựng nội bộ Đảng. Coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, bao gồm cả phát triển đảng viên

---

1. Sđd, tập 10, tr. 205.
2. Sđd, tập 11, tr. 83.
3. Sđd, tập 7, tr. 242-243.

mới, quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên và sàng lọc đảng viên. Giữ gìn kỷ luật Đảng.

Song thực tế cho thấy, tổ chức cơ sở đảng là "hạt nhân lãnh đạo" ở đơn vị cơ sở, nhưng tính chất, nhiệm vụ của các đơn vị cơ sở không giống nhau. Vì vậy, trên cơ sở nhiệm vụ chung, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể của từng loại hình cơ sở đảng, phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng đơn vị cơ sở.

Với các tổ chức cơ sở đảng nông thôn, Người chỉ rõ: "Chi bộ trong xã phải thiết thực lãnh đạo, giúp đỡ tổ đổi công. Tổ đổi công tốt hay xấu, chi bộ phải phụ trách một phần lớn"[1]; "Chi bộ nào tốt là hợp tác xã đó tốt, bởi vì chi bộ lãnh đạo hợp tác xã"[2].

Với các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp, Người nhấn mạnh: "công nhân bây giờ làm chủ, không phải đi làm thuê như trước", vì vậy các tổ chức cơ sở đảng ở đó "phải khéo tổ chức công nhân tham gia quản lý nhà máy", phải lãnh đạo "bảo đảm kế hoạch cả về sản lượng và chất lượng. Phải làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ"[3].

Với các tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, Người yêu cầu các tổ chức cơ sở đảng ở đó phải "tẩy trừ bệnh quan liêu, hình thức, tham ô, lãng phí, a dua, dối trá trái luật lệ của Chính phủ, trái kỷ luật lao động", phải "xét kỹ ngân sách cơ quan, nâng cao năng suất công tác, giữ gìn bí mật của nước nhà"[4].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng là cơ sở phương pháp luận để Đảng ta xác định chức năng nhiệm vụ các cơ sở đảng của các đơn vị cơ sở mới xuất hiện như các doanh nghiệp tư nhân, các đơn vị liên doanh, liên kết với nước ngoài.

Nhằm phát huy vai trò của các cơ sở đảng trong thực tiễn, Hồ Chí Minh đã có nhiều chỉ dẫn quan trọng về phương thức hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.

Với tư cách là hạt nhân lãnh đạo chính trị tại cơ sở, phương thức lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng là phải bằng cách thuyết phục giáo dục, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên và mở rộng dân chủ, phát huy dân chủ tại cơ sở để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Người chỉ rõ: "chi bộ là một tổ chức lãnh đạo chính trị, chứ không phải là một tổ chức hành chính". Vì vậy, "chi bộ phải dùng cách chính trị, giáo dục, đề nghị, giải thích, khai hội bàn bạc với quần chúng"... "Tuyệt đối không

---

1, 4. Sđd, tập 7, tr. 541, 268.

2. Sđd, tập 10, tr. 441.

3. Sđd, tập 9, tr. 379.

được lạm quyền, mệnh lệnh", "phải thật sự mở rộng dân chủ... phải luôn luôn dùng cách thật thà tự phê bình và thẳng thắn phê bình"...; và mỗi đảng viên phải xung phong gương mẫu trong mọi công việc.

"Đảng mạnh là do chi bộ mạnh", "chi bộ tốt mọi việc sẽ tốt". Với nhận thức ấy, Hồ Chí Minh luôn coi trọng củng cố cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cơ sở đảng. "Đối với Đảng ta, xây dựng chi bộ tốt, cho vững mạnh là một việc vô cùng quan trọng"[1]. Người nhấn mạnh: đó "là một việc quan trọng bậc nhất"[2].

Hồ Chí Minh là người khởi xướng cuộc vận động "xây dựng chi bộ bốn tốt và đảng bộ bốn tốt". Một chi bộ đạt tiêu chuẩn bốn tốt theo Người phải là những chi bộ có "đảng viên gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ thật sự đoàn kết; chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, lãnh đạo tốt sản xuất và chiến đấu; một lòng một dạ phục vụ nhân dân, thiết thực chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đối với Đảng thì củng cố tốt và phát triển tốt"[3].

Để có nhiều chi bộ "bốn tốt", Người yêu cầu "mỗi huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy nên trực tiếp giúp một chi bộ kém trở thành "bốn tốt". Giúp chứ không bao biện. Rồi làm cách vết dầu loang đến chi bộ khác". Người nhấn mạnh "từ nay các huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần phải đi sâu, đi sát chi bộ, cần giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên".

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng*

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền, công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng chiếm một vị trí quan trọng.

Lãnh đạo tất yếu phải kiểm tra. Đó là quan điểm sâu sắc nhất quán ở Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Trong *Sửa đổi lối làm việc* (10-1947), Người viết: "Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng...

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng...

3. Phải tổ chức sự kiểm soát"[4].

Người còn khẳng định: "Chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi.

1, 3. Sđd, tập 12, tr. 77.

2. Sđd, tập 7, tr. 570.

4. Sđd, tập 5, tr. 285.

Song từ nguồn gốc đi đến thắng lợi thực sự, còn phải tổ chức, phải đấu tranh.

Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích"[1].

Kiểm tra là một nội dung, một khâu không tách rời trong quy trình hoạt động lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo đúng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó công tác kiểm tra là một yếu tố quan trọng. Có kiểm tra Đảng mới nắm và hiểu rõ tình hình thì khi đề ra chính sách mới đúng. Ngược lại, không kiểm tra sẽ không nắm được tình hình và không có cơ sở để xác định chính sách đúng đắn, thiết thực. Vì vậy, kiểm tra là yêu cầu tất yếu của quá trình lãnh đạo. Bất kỳ nhiệm vụ gì, Đảng phải định phương châm, chính sách, phải có kế hoạch, có tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

Đảng phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác. Đó cũng là quan điểm sâu sắc, bền vững và nhất quán ở Hồ Chí Minh. Đảng ta gồm những người ưu tú, tiên tiến, tự nguyện, có cùng một mục đích. Nhưng Đảng cũng ở trong xã hội mà ra, vì vậy khó tránh khỏi những tập tục, những thói hư, tật xấu của xã hội bên ngoài có nguy cơ lây lan vào trong Đảng. Do vậy, trong quá trình giáo dục, rèn luyện Đảng ta, Người luôn luôn đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn "giữ vững kỷ luật của Đảng, phải phục tùng sự lãnh đạo và chấp hành những nghị quyết của Đảng". Có kỷ luật thống nhất mới có sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động và Đảng mới có sức mạnh. Người viết: "mỗi đảng viên phải tuyệt đối tuân theo kỷ luật của Đảng. Có như vậy mới thành một Đảng đoàn kết chặt chẽ, ý chí thống nhất, hành động nhất trí"[2]. Người nhấn mạnh: Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì như một người. Đó là nhờ có kỷ luật, kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng.

Như vậy, việc thi hành kỷ luật, giữ nghiêm kỷ luật Đảng cũng là một tất yếu khách quan đối với Đảng Cộng sản. "Thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo" theo Người, đó là *"việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng"*[3].

Hồ Chí Minh đã nêu rõ mục đích, ý nghĩa và nội dung của công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật trong Đảng là: giúp cho các cấp ủy đảng nắm được thực chất tình hình lãnh đạo; thấy rõ mặt tốt, chưa tốt và những lệch lạc trong

---

1. Sđd, tập 5, tr. 520.
2, 3. Sđd, tập 7, tr. 236.

chấp hành chỉ thị, nghị quyết; hiểu được mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ và từng cán bộ, đảng viên. Người cho rằng, nên tổ chức kiểm tra chu đáo, đó là "ngọn đèn pha" giúp các cấp ủy đảng thấy rõ và thấy hết những ưu điểm, khuyết điểm của từng tổ chức, từng con người trong mọi công việc. Người khẳng định: "Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo, thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười gấp trăm"[1]. Kiểm tra không chỉ nhằm nắm và phát huy ưu điểm, ngăn ngừa khuyết điểm, thiết thực giúp đỡ sửa chữa, mà còn khơi dậy tính tích cực và sức mạnh của nhân dân, củng cố uy tín của Đảng trước nhân dân; kiểm tra còn là biện pháp bảo vệ cán bộ. Người nhắc nhở: "Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu dấu cán bộ"[2].

Ý nghĩa bao trùm của kiểm tra là góp phần củng cố Đảng về tư tưởng, tổ chức, "vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức"[3].

Mục đích và nội dung kiểm tra, kiểm soát được Hồ Chí Minh khái quát như sau:

1. Có kiểm soát... mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu.

2. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan.

3. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết.

Như vậy, nội dung kiểm tra, theo Hồ Chí Minh, không chỉ kiểm tra việc, kiểm tra người mà còn kiểm tra các tổ chức, cơ quan, kiểm tra các mệnh lệnh, nghị quyết, nhằm mục đích khẳng định ưu điểm và chỉ rõ khuyết điểm.

Thi hành kỷ luật trong Đảng là việc tiếp nối sau công tác kiểm tra; nó xuất phát từ kết quả của công tác kiểm tra. Song công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật đều nhằm ngăn ngừa và giáo dục là chính, đều nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất của Đảng về ý chí và hành động.

Để giữ kỷ luật nghiêm minh, theo Hồ Chí Minh "phải chú ý hai điểm: thưởng, phạt". "Thưởng người có công, phạt người có tội". Cả hai (thưởng, phạt) đều cần thiết như nhau. Nếu không thưởng thì không có khuyến khích; nếu không có phạt thì không giữ vững kỷ luật. Đương nhiên, để sửa chữa sai lầm, cần dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hóa, dạy bảo. Song, theo Hồ Chí Minh, "không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt". Vì rằng,

---

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 521, 276.

3. Sđd, tập 11, tr. 300.

"lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất loạt không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn có ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng xử phạt, cũng không đúng"[1].

Như vậy, mọi sự vi phạm đều phải được xem xét, nếu đến mức phải thi hành kỷ luật thì xử lý thích đáng theo nguyên tắc: mọi người bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, không có ngoại lệ, phải kiên quyết chống thói nể nang, bao che. Thưởng, phạt phải công minh, chớ vì ưa thì thưởng, ghét thì phạt.

Kiểm tra muốn đạt hiệu quả cao, theo Hồ Chí Minh, phải "khéo" kiểm tra. Tức là phải có hình thức, biện pháp khoa học linh hoạt:

- Phải đến tận nơi xem tận chỗ. Không nên ngồi trong phòng chờ người ta báo cáo. Người nhắc các cấp ủy đảng, các cán bộ lãnh đạo những người phụ trách bộ, ban, ngành... phải thiết thực kiểm tra, giúp đỡ cấp dưới, cơ sở.

- Kiểm tra phải có hệ thống, phải dùng cách thật thà tự phê bình, phê bình, mới tỏ rõ khuyết điểm và tìm cách sửa chữa.

- Phải biết kết hợp linh hoạt các hình thức phương pháp kiểm tra. Trong đó, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh sự kết hợp kiểm tra từ dưới lên và từ trên xuống, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra trực tiếp.

- Phải tổ chức kiểm tra chu đáo. Muốn vậy phải củng cố kiện toàn ủy ban kiểm tra, và đặc biệt chú trọng lựa chọn những người thực sự có uy tín làm công tác kiểm tra. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải đích thân kiểm tra. Người viết: "muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín"[2].

- Phải đưa hẳn vào quần chúng, "hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra", "lập ban kiểm tra là đúng, nhưng ban kiểm tra phải đưa vào quần chúng mà tiến hành công tác"[3].

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 284, 287.

3. Sđd, tập 12, tr. 567.

IV.
TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN, ĐỀ PHÒNG NGUY CƠ THOÁI HÓA, BIẾN CHẤT

1. Trong điều kiện lãnh đạo chính quyền, Đảng càng phải tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

Trước khi chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời, đã có những quan niệm khác nhau về nhân dân. Tuỳ từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà người ta đạt tới những tiến bộ khác nhau trong nhận thức về nhân dân. Song nói chung quan niệm về nhân dân trước Mác, Ăngghen, Lênin đều còn rất nhiều hạn chế. Có thể nói sự thành công của các vĩ nhân, sự thắng lợi của các cuộc chiến tranh chính nghĩa trong lịch sử đều là những cột mốc đánh dấu bước tiến bộ trong tư duy con người về nhân dân.

Hồ Chí Minh nhờ phương pháp biện chứng mác-xít, nhờ học tập kinh nghiệm cách mạng thế giới (đặc biệt là Cách mạng tháng Mười Nga) cộng với sự kế thừa được những tư tưởng tiến bộ, tích cực của dân tộc, của nhân loại nên trong quan niệm về nhân dân của Người không những rất đúng đắn, chính xác mà còn sáng tạo và độc đáo. Một trong những thành công lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam ở thế kỷ này, và qua đó góp phần vào phong trào cách mạng thế giới, là *xây dựng được một Đảng cách mạng chân chính gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin yêu, kính trọng.*

Quan hệ *Đảng Cộng sản - Nhân dân* là mối quan hệ mới mẻ, khác về chất so với mối quan hệ giữa các lực lượng chính trị nắm giữ ngọn cờ lãnh đạo xã hội trong tất cả các chế độ bóc lột đã có trong lịch sử loài người. Với Hồ Chí Minh thì đó là quan hệ giữa một Đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân với toàn thể dân tộc. Đây cũng là mối quan hệ "gốc", nó quyết

định các mối quan hệ khác (Đảng với Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân; Đảng với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân).

Có thể tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân trên nhiều bình diện khác nhau. Ở đây, chúng tôi chỉ trình bày trong giới hạn về những vấn đề liên quan đến công tác xây dựng một Đảng cách mạng chân chính ở Việt Nam trong phạm vi mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

a) *Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân rất phong phú và sâu sắc, thể hiện rất cụ thể và sinh động ở hầu khắp các bài nói và bài viết của Người. Ở đây chỉ xin nêu lên những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về dân. Đó là:

- *Dân là quý nhất, là quan trọng hơn hết.*

Đánh giá về vị thế của nhân dân: Hồ Chí Minh đã từng viết: "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân... Trong xã hội, không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ lợi ích của nhân dân"[1]. Đây là một tư tưởng tổng quát, có tính triết lý sâu xa, thể hiện một thế giới quan khoa học, một quan niệm nhân sinh đúng đắn về nhân dân. Cũng như tổ tiên ta trước đây, Hồ Chí Minh bao giờ cũng coi con người là yếu tố quan trọng nhất. "Ở trong xã hội, muốn thành công phải có ba điều kiện là: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Ba điều kiện ấy đều quan trọng cả. Nhưng thiên thời không quan trọng bằng địa lợi, mà địa lợi không quan trọng bằng nhân hòa. Nhân hòa là thế nào? Nhân hòa là tất cả mọi người đều nhất trí. Nhân hòa là quan trọng hơn hết"[2].

- *Dân là gốc của nước, của cách mạng.*

"Nước lấy dân làm gốc" là một tư tưởng truyền thống tiến bộ của phương Đông và của cả dân tộc ta được Hồ Chí Minh kế thừa và vận dụng sáng tạo trong quá trình Người lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trước khi thành lập Đảng, trong tác phẩm *"Đường Cách mệnh"*, Hồ Chí Minh đã tổng kết về một bài học kinh nghiệm quan trọng của cách mạng Nga:

"Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người, giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được. Hai đảng ấy (tức là Đảng "công nhân giải phóng" thành

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 544.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 479.

lập năm 1875 và "Công đảng" thành lập năm 1878 ở Nga) tuy hy sinh hết nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường cách mệnh, *không có sức dân chúng làm nền,* cho nên bị chính phủ trị mãi đến nỗi tan". "Cách mạng Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải lấy dân chúng (công nông) làm gốc...".

Hồ Chí Minh đã khẳng định trong thời kỳ mới, dân chúng chủ yếu là công nông và giải thích vì sao"'công nông là gốc của cách mạng":

"1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn hết,

2. Là vì công nông là đông nhất, cho nên sức mạnh hơn hết,

3. Là vì công nông là tay chân không rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc.

Vì những cớ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh"[1].

Trong quá trình trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là từ khi Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định vai trò quyết định của dân chúng:

"Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ việc gì làm cũng không nên", "Nước lấy dân làm gốc", và "gốc có vững cây mới bền..."[2].

- Dân là chủ, mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

Trong quá trình trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn luôn khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"[3]. "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ". Dân là chủ, nghĩa là "mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân". Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm.

Tổng kết bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khái quát: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Thắng lợi của cách mạng không phải là công lao riêng của Đảng mà là công lao chung của toàn thể đồng bào. Thành công của Đảng là tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân".

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 266.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 409, 410.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 515.

- Dân có quyền nhưng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với đất nước.

Vấn đề này Hồ Chí Minh đề cập đến rất nhiều lần trong các tác phẩm của mình. Người nói: "Nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân"[1]. Các tầng lớp nhân dân ta - công nhân, nông dân, lao động trí óc, các nhà công thương, đồng bào thiểu số - ai nấy hãy làm tròn nghĩa vụ của người công dân, người chủ nước nhà"[2].

Theo Hồ Chí Minh, trách nhiệm của dân đối với đất nước là phải đôn đốc, phê bình Chính phủ, kiểm tra công việc và hành vi của cán bộ, đảng viên, đồng thời phải thực hiện đầy đủ các chính sách của Đảng và Chính phủ.

b) *Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân. Nhân dân cần Đảng dẫn đường.*

Độc lập, tự do, hạnh phúc là khát vọng muôn đời của nhân dân. Đó cũng là khát vọng, là nguyện vọng cao nhất, duy nhất của Hồ Chí Minh. Cả cuộc đời của Hồ Chí Minh là không ngừng phấn đấu cho "ham muốn tột bậc là làm cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Đó cũng là mục đích cao cả, là lý do tồn tại của Đảng Cộng sản. Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh: Muốn thực hiện được hoài bão đó - tức là mục đích của cách mạng Việt Nam - không có cách nào khác là phải dựa vào chính sức mạnh của nhân dân. Chính nhân dân mới là người làm "lật thuyền" - đánh đổ ách thống trị của đế quốc phong kiến - và "chở thuyền" - đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi. Chính *nhân dân và chỉ có nhân dân mới có thể sáng tạo ra được một cuộc đời mới cho bản thân mình.* Và cũng chính Hồ Chí Minh là người hiểu rất sâu sắc, tỉ mỉ những hạn chế nhược điểm của nhân dân ta.

Ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, thấu hiểu nỗi khổ cực của người Việt Nam - cũng như nhân dân các nước thuộc địa - Hồ Chí Minh đã chỉ ra tình cảnh của nhân dân Việt Nam bị hai lần bóc lột (bị bóc lột lao động và bị vơ vét của cải của người dân bản xứ). Rên xiết dưới ách nô lệ lầm than, nhân dân ta nhiều phen đứng dậy đấu tranh nhưng không thành, lịch sử dân tộc chỉ tiếp nối những trang oanh liệt nhưng đầy bi tráng. Vì sao vậy? Vì nhân dân ta bị "tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa" thống trị và nô dịch ngót một thế kỷ, "chúng lấy tôn giáo và văn hoá làm cho ngu dân"; "lấy pháp luật buộc

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 148, 521.

dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ", "lấy phú quý làm cho dân tham", áp bức bóc lột làm cho "dân khổ quá hay bạo động"; dân thiếu tri thức cách mạng, "không có chủ nghĩa, không có kế hoạch", "không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu chước", nên tuy hành động dũng cảm mà vẫn thất bại; "dân thường chia rẽ phái này, bọn kia, như dân người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nỗi yếu sức đi, như đũa mỗi chiếc một nơi". Vì những lý do ấy, nên công cuộc giải phóng dân tộc gặp rất nhiều khó khăn. Song, *"khó dễ cũng tại mình", "biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực thì chắc làm được". Để cho nhân dân biết làm cách mạng, thì trước phải làm cho dân giác ngộ; phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu; phải tập trung sức mạnh của nhân dân thành một khối thống nhất.* Muốn làm được những điều đó thì *phải có Đảng cách mệnh.* Vì vậy, ngay sau khi trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh đã sớm có ý thức chuẩn bị thành lập một Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cuộc đấu tranh nhằm giải phóng mọi người lao động.

Như vậy là lôgíc của cuộc sống tất yếu dẫn tới sự ra đời của một Đảng cách mệnh. Độc lập, tự do, dân chủ, hạnh phúc là mơ ước ngàn đời của nhân dân. Nhân dân phải đấu tranh cách mệnh mà giành lấy. Do nhu cầu đó mà xuất hiện Đảng Cộng sản.

c) Đảng Cộng sản Việt Nam phải là một tổ chức chính trị gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin yêu, kính trọng.

Ở đây cần phải chú ý tới hai luận điểm rất quan trọng, rất mới mẻ của Hồ Chí Minh về Đảng.

Một là, "Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên".

Trong điều kiện đảng cầm quyền, thì việc Đảng trực tiếp lãnh đạo Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội khác là tất yếu. Sự lãnh đạo ấy bao gồm hầu hết các vấn đề quan trọng nhất của đời sống nhân dân, của sự sinh tồn, hưng vong của quốc gia, nói một cách khác là toàn bộ những vấn đề thuộc về quyền làm chủ của nhân dân.

Do đó, còn có cơ chế và phương pháp để nhân dân góp ý xây dựng đối với tổ chức đảng cũng như đối với từng đảng viên. Sự đóng góp của nhân dân sẽ làm cho bản thân Đảng trong sạch vững mạnh, đồng thời tạo ra sự đồng cảm giữa Đảng với nhân dân. Qua đó nhân dân luôn luôn thấy Đảng là của chính mình, vì mình, nhờ vậy Đảng ngày càng gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin yêu, kính trọng.

Hai là, "Đảng cũng ở trong xã hội"[1]. Đây là một chân lý lớn, sâu sắc, Đảng không phải "ở trên trời rơi xuống". Mỗi một đảng viên đều là con em của nhân dân, đều sinh ra và lớn lên, đều chịu sự chi phối về tất cả các mặt tâm lý, kinh tế - xã hội, thói quen... trong những điều kiện lịch sử nhất định.

Chúng ta đã khẳng định rằng do nhu cầu của nhân dân trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính bản thân họ *nên nhân dân có Đảng dẫn đường. Xét về mặt khách quan,* thì điều kiện ra đời và tồn tại của Đảng là do nhu cầu của xã hội, do nhân dân. Đảng cũng là một hiện tượng lịch sử. Nó do những hoàn cảnh lịch sử nhất định sản sinh ra, nó bị những điều kiện cụ thể của lịch sử chế định. Xã hội vận động, phát triển đòi hỏi Đảng với tư cách là đội tiên phong chính trị của nhân dân, phải biết vượt lên trước, biết đoán định xu thế phát triển của lịch sử để dẫn dắt nhân dân. Nói sự lãnh đạo của Đảng là một tất yếu lịch sử nghĩa là tất yếu Đảng phải là một đội tiên phong chính trị. Và ta cũng phải nhìn ngược lại (như kinh nghiệm lịch sử phong trào xã hội chủ nghĩa những năm vừa qua đã cho thấy) khi Đảng không còn là đội tiên phong chính trị nữa, thì điều kiện tồn tại cũng không còn.

Hồ Chí Minh đặt vấn đề xây dựng một Đảng sao cho nó gắn bó máu thịt với nhân dân thì người cộng sản phải xác định: 'Tôi sống với nhân dân của tôi. Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi nước mắt". Nếu khi nào đảng viên cộng sản, nhất là những người giữ trọng trách ở trong Đảng không sống với cuộc sống của nhân dân, thì khi ấy Đảng đang đứng trước một nguy cơ là mất ngay những điều kiện sống của chính bản thân Đảng.

Hồ Chí Minh là biểu tượng về sự gắn bó giữa Đảng với nhân dân. Người đã sống và đòi hỏi mọi đảng viên, nhất là mọi cán bộ chủ chốt của Đảng phải biết sống ở giữa cuộc đời thường, thấu hiểu tâm tư nguyện vọng, những khó khăn, nhọc nhằn và cả những oan trái đau khổ, uất ức của nhân dân; có ý thức trách nhiệm, dũng cảm và kiên trì tìm cách giải quyết có hiệu quả những tình trạng đó.

Ở hầu hết các nước, khi Đảng lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền thì nguy cơ "đánh mất bản thân mình", bắt nguồn từ chỗ Đảng quan liêu, xa dân và mất dần quần chúng. Đảng mất vai trò lãnh đạo xã hội là bởi vì Đảng mất nhân dân.

Trong mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, Hồ Chí Minh đã đề cập đến nhiều bình diện, sâu sắc và phong phú. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu một số

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 5, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 548.

tư tưởng của Người mà trong điều kiện Đảng cầm quyền phải thường xuyên chú trọng:

- *"Biết ý kiến của dân chúng".*

Đảng lãnh đạo xã hội tức là lãnh đạo những con người cụ thể. Họ sống trong những điều kiện làm việc, sinh hoạt khác nhau, có nhu cầu, và lợi ích rất khác nhau trong những hoàn cảnh riêng biệt: cá nhân, gia đình, dân tộc trên những vùng, những khu vực cư trú có hoàn cảnh địa lý kinh tế, chính trị, lịch sử khác nhau.

Mọi quyết sách của Đảng đều nhằm tác động vào con người, vào dân chúng để dân chúng làm chủ vận mệnh của bản thân họ. Biết ý kiến của dân chúng là điều kiện cơ bản nhất để Đảng có quyết định đúng. Sự lãnh đạo đạt tới trình độ khoa học (đúng đắn, hợp quy luật) và nghệ thuật (uyển chuyển, khéo léo, dĩ bất biến ứng vạn biến...) là nhờ Đảng có lý luận cách mạng tiên phong và có phương pháp để "biết ý kiến dân chúng".

- *"Học dân chúng".*

Nếu Đảng Cộng sản bao gồm những người ưu tú thì cũng chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong dân cư. Đảng có trách nhiệm lãnh đạo mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhưng Đảng không thể thâu thái vào trong tổ chức của mình tất cả những người tài giỏi ở mọi cấp, mọi ngành, ở trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, văn học, nghệ thuật. Để có những quyết sách chiến lược đúng, nhất là để tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. Đảng không có cách nào khác là phải khiêm tốn học hỏi dân chúng. Nhân dân là người thầy vĩ đại của tất cả các vĩ nhân. Đảng ta đã có một sự nghiệp vĩ đại là bởi vì Đảng là con đẻ của một nhân dân vĩ đại, Đảng đã sống ở trong lòng quần chúng, hiểu nhân dân và biết học tập ở nhân dân. Hồ Chí Minh thường hay nhắc lại những câu nói dân gian "Không thày đố mày làm nên" và "Dễ trăm lần không dân cũng chịu", "Khó vạn lần dân liệu cũng xong". Đó không chỉ thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về thái độ khiêm tốn cộng sản mà còn là sự xác định con đường sống của Đảng (sống bao hàm trong đó ý nghĩa của sự tồn tại và sự phát triển, ở chỗ phương thức làm giàu trí tuệ để giữ được vai trò của Đảng tiên phong, để Đảng mãi mãi được nhân dân tin yêu, kính trọng, mãi mãi là ngọn cờ dẫn lối cho nhân dân).

- *"Nâng cao dân chúng".*

"Nâng cao dân chúng" vừa là nhu cầu của nhân dân, vừa là trách nhiệm và nhu cầu của Đảng.

Người ta sống bao giờ cũng hướng về tự do và hạnh phúc. Tự do trước hết là hiểu biết, là nhận thức được ngày càng đầy đủ, sâu sắc bản chất của những sự vật, hiện tượng của thế giới (tự nhiên, xã hội, bản thân). Nhận thức, khám phá, thích nghi, chế ngự và làm chủ... là nhu cầu vô tận của con người, của loài người. Trong thế giới ngày nay, cộng đồng dân tộc, quốc gia nào không biết "nâng mình lên" thì chắc chắn sẽ bị lạc hậu, sẽ bị sống trong vòng nô dịch và phụ thuộc. Nâng cao trí tuệ là điều kiện của độc lập, tự do và hạnh phúc của con người, của loài người. Chính nhu cầu ấy mà nhân dân cần có một Đảng tiên phong lãnh đạo. Đảng nào đủ khả năng ngày càng nâng cao được đời sống vật chất và đời sống tinh thần, năng lực trí tuệ của dân chúng, đảng ấy sẽ tồn tại với tư cách là người lãnh đạo nhân dân.

Việc làm, cơm áo, nhà ở... là nhu cầu tối thiểu của con người. Người ta phải được làm việc và phải được sống ngày một đầy đủ. Cùng với trình độ dân trí được nâng cao thì nhu cầu hưởng thụ vật chất và tinh thần của nhân dân cũng không ngừng được nâng cao. Người ta không chỉ đòi hỏi quyền được sống mà còn đòi hỏi có chất lượng sống. Vì vậy "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân". Đảng nào "biết liên hợp lợi ích thường ngày với lợi ích lâu dài của dân chúng", có khả năng từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao chất lượng sống của nhân dân, đảng ấy sẽ tồn tại với tư cách là người lãnh đạo nhân dân.

"Nâng cao dân chúng do vậy là trách nhiệm của Đảng, là mục đích chính trị của Đảng. Mặt khác, "nâng cao dân chúng" cũng đồng thời là nhu cầu của Đảng, Đảng muốn tồn tại và phát triển thì cần phải củng cố, nâng cao cơ sở xã hội của mình. Nhân dân giàu, đất nước hùng mạnh trên cơ sở kinh tế - văn hóa phát triển ngày một cao là nền tảng, là gốc rễ của sự tồn tại và phát triển của Đảng và của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng chỉ xây được "lầu thắng lợi" trên nền tảng là dân chúng ngày càng được nâng cao.

Hiểu biết dân chúng, học dân chúng, nâng cao dân chúng là để Đảng lãnh đạo được dân chúng mà lãnh đạo suy cho cùng là làm cho nhân dân biết đoàn kết lại, biết phát huy mọi sức mạnh tiềm tàng của chính nhân dân để mưu cầu hạnh phúc.

Đó chính là thực chất tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa Đảng với dân; là đòi hỏi của Người về xây dựng Đảng thành một tổ chức chính trị gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin yêu, kính trọng.

d) *Đảng với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.*

- Xuất phát từ nhiệm vụ chính trị tối cao của dân tộc là: đấu tranh cho *"đến ngày kháng chiến thắng lợi, độc lập thành công, chúng ta sẽ cùng nhau xây đắp nhà cửa, phố làng đàng hoàng và đẹp đẽ hơn, xứng đáng với đời sống mới của nhân dân Việt Nam mới, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc"*[1], Hồ Chí Minh chủ trương một đường lối nhất quán: đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công nhân, nông dân và trí thức làm nền tảng.

Người chủ trương Đảng phải tổ chức, xây dựng và lãnh đạo các *tổ chức chính trị - xã hội* và tập hợp các tổ chức đó thành một *Mặt trận Dân tộc thống nhất.* Gần đây, Ban Dân vận Trung ương và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong kết quả nghiên cứu của mình, đã cho rằng tư tưởng về Mặt trận Dân tộc thống nhất của Hồ Chí Minh thực chất là tư tưởng về một *liên minh chính trị,* và tư tưởng về các đoàn thể nhân dân (Công hội, Nông hội, Đoàn Thanh niên...) là những tổ chức chính trị nhưng rộng rãi hơn, nó gắn với nghề nghiệp hoặc lứa tuổi, giới tính. Chúng tôi đồng ý với nhận định trên. Chính Hồ Chí Minh đã coi việc tổ chức các hội đoàn là cách tập hợp nhân dân lại để đấu tranh. Người viết: "Dân ta phải mau tổ chức lại. Nông dân phải vào "Nông dân cứu quốc hội". Thanh niên phải vào "Thanh niên cứu quốc hội". Phụ nữ vào "Phụ nữ cứu quốc hội". Trẻ con vào "Nhi đồng cứu quốc hội". Công nhân vào "Công nhân cứu quốc hội". Binh lính vào "Binh lính cứu quốc hội". Các bậc phú hào, văn sĩ vào "Việt Nam cứu quốc hội". Những hội ấy do Việt Nam độc lập đồng minh lãnh đạo... Đồng tâm hiệp lực. Muôn người như một lòng. Nhân cơ hội này mà khôi phục lại Tổ quốc, mà làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập"[2]. Chính Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo việc thành lập hai đảng chính trị để "Đảng Xã hội tổ chức anh em trí thức... Đảng Dân chủ tổ chức huấn luyện tư bản dân tộc, tiểu thương, tiểu chủ"[3]. Trong tình hình đất nước thời kỳ đó, cả hai đảng ấy đều có nhiệm vụ rõ ràng và cần thiết bởi cùng phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc kháng chiến và kiến quốc.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 404.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Về Đảng cộng sản Việt Nam,* tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 164, 166.

Với Hồ Chí Minh thì cách mạng là ngày hội của quần chúng, là sự nghiệp của nhân dân, tham gia cách mạng là quyền lợi, nghĩa vụ và vinh dự của tất cả mọi người.

Đối với nhân dân Việt Nam, một đất nước có truyền thống yêu nước, ghét bất công và tàn bạo thì cách mạng không phải là cái gì xa lạ với mọi người bởi cứu nước đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành độc lập, tự do của Tổ quốc là lợi ích chung của nhân dân. Do đó cách mạng là chính trị, là yêu nước. Mỗi tổ chức xã hội được ra đời dưới sự lãnh đạo của Đảng đều vì lợi ích của từng giai cấp, tầng lớp... đồng thời cũng vì lợi ích chung của toàn dân tộc. Các tổ chức xã hội ấy đều là các tổ chức chính trị - xã hội ở trong chính trị, vì mục đích chính trị. Các tổ chức chính trị - xã hội ấy (Thanh niên, Phụ nữ, Công hội, Nông hội...) đoàn kết với nhau trong một *liên minh chính trị* là Mặt trận Dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản lãnh đạo (tuỳ từng thời kỳ mà Mặt trận có cái tên khác nhau nhưng thực chất vẫn chỉ là một liên minh chính trị).

- Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Ở Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đều do Đảng giúp đỡ tổ chức và lãnh đạo.

Lịch sử nước ta đã chứng tỏ rằng nếu không có đường lối cứu nước đúng đắn của Đảng Cộng sản mà linh hồn là lãnh tụ Hồ Chí Minh thì các tổ chức khác dù có ra đời cũng sẽ lạc hướng, dẫn tới hoặc tan rã, hoặc cải lương, hoặc làm tay sai cho giặc. Nhờ có mục tiêu và đường lối đúng đắn, Đảng Cộng sản Việt Nam bước lên vũ đài chính trị với tư cách là ngọn cờ tập hợp, là lãnh tụ của toàn dân, của quốc dân đồng bào, của nhân dân các dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh, lãnh tụ của Đảng Cộng sản - nhưng được mọi người Việt Nam biết đến trước hết như một vị cứu tinh của dân tộc, là ngọn cờ tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc. Do đó, Mặt trận, các đảng phái, các hội đồng đều gắn bó với Đảng Cộng sản, biết ơn Đảng Cộng sản và tự giác thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Đảng Cộng sản giành được vị trí lãnh đạo Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội vì Đảng xứng đáng là người tiêu biểu cho toàn dân tộc, là người đại diện trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nông dân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam.

- Đảng lãnh đạo Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội nhưng không phải là sự áp đặt. Theo Hồ Chí Minh thì "Nông dân và công nhân chịu sự

lãnh đạo tối cao về chính trị của Đảng, nhưng phải phân biệt Đảng với các tổ chức nông hội và công hội. Đảng tuyên truyền đường lối thông qua những cán bộ của mình. Khi tuyên truyền chính sách của Đảng, cán bộ phải dùng cách thuyết phục chứ không được dùng mệnh lệnh..."[1]. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh, ngay khi Đảng đã trở thành đảng cầm quyền, lãnh đạo nhân dân kháng chiến và kiến quốc (1945 - 1969), hai bản Hiến pháp do Người làm Trưởng ban soạn thảo, không ghi Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng Đảng đã lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhân dân luôn tự giác thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, bất cứ lúc nào và ở đâu, đại đa số nhân dân cũng đều ý thức rằng mình phải chấp hành mọi chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Phục tùng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã trở thành ý thức tự giác của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

Đối với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, Hồ Chí Minh một mặt khẳng định nó phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải là "những lực khác nhau" nhưng lại "hợp thành một tổng hợp lực" theo đường lối chính trị của Đảng; mặt khác, Người lại nhấn mạnh đến *tính tự giác,* đến *sự tự nguyện* của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng. Điều quan trọng là Người đòi hỏi Đảng phải xứng đáng để được thừa nhận là người lãnh đạo. Người chỉ rõ: Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"[2].

Với một quan điểm nhất quán: *"Mọi quyền lực đều là của dân",* Hồ Chí Minh đã rất uyển chuyển trong ứng xử các quan hệ xã hội chính trị, và về mặt này, Người đã nâng trình độ lãnh đạo của Đảng lên thành một khoa học và một nghệ thuật. Xã hội là một tập hợp đa dạng, phong phú, phức tạp, người lãnh đạo không thể rập khuôn, máy móc nhất loạt trong một phương thức giống nhau. "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là một phương pháp ứng xử cổ truyền nhưng đến Hồ Chí Minh nó đã trở nên sống động, đạt tới sự kỳ diệu: *cứng rắn trong nguyên tắc chiến lược và lập trường cách mạng nhưng mềm*

1, 2. Hồ Chí Minh: *Về Đảng Cộng sản Việt Nam,* tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 160, 161.

dẻo, linh hoạt, khôn khéo, uyển chuyển trong sách lược. Chính vì thế mà dưới ngọn cờ Hồ Chí Minh, "Đảng đã khéo tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong Mặt trận Dân tộc thống nhất, thực hiện đoàn kết dân tộc để đấu tranh chống đế quốc và phong kiến".

Phải thống nhất, hòa hợp, mềm dẻo mới có thể tập hợp, quy tụ được quần chúng. Nhưng lãnh đạo tức là tiên phong, là đại diện cho trí tuệ, đạo đức, lương tâm và danh dự của cả dân tộc; là tiêu biểu cho cái chân, cái thiện, cái mỹ để giáo dục và dẫn dắt những người khác. Mị dân và hữu khuynh theo đuôi quần chúng, giả dối và thủ đoạn đều không thể có đoàn kết thống nhất rộng rãi và bền vững. Cao ngạo, hẹp hòi, biệt phái cũng không thể tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân bởi "tư tưởng hẹp hòi, hành động cũng hẹp hòi, thì nhiều thù ít bạn. Người mà hẹp hòi thì ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi thì không thể phát triển"[1]. Trong khi thực hành chính sách đại đoàn kết, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ Đảng phải "luôn luôn đấu tranh trên hai mặt chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả những lực lượng có thể tranh thủ được, đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ mặt trận"[2]. Chỉ có làm như vậy thì vai trò lãnh đạo của Đảng trong Mặt trận Dân tộc thống nhất mới được bảo đảm, nền tảng của Mặt trận mới vững chắc, tính chất rộng rãi của Mặt trận mới được phát huy đầy đủ.

Lãnh đạo Mặt trận là một việc rất khó, nó đòi hỏi một trình độ văn hóa chính trị cao, sự lịch lãm, phong phú, giản dị, trung thực, tư cách đàng hoàng, thẳng thắn, có lý, có tình... Vì vậy, để nâng cao được uy tín chính trị của Đảng đối với Mặt trận và các tổ chức thành viên, suy cho cùng là ở chính ngay bản thân Đảng. Hồ Chí Minh từng nói: Đảng phải dũng cảm và trung thực, "phải quang minh chính đại". Nếu bản thân Đảng là một tổ chức chính trị trí tuệ, trong sạch vững mạnh thì Đảng trở thành một lực hấp dẫn, một "trung tâm quyền lực" - một thứ quyền lực vô hình luôn thắp sáng tâm hồn quần chúng - mạnh hơn bất cứ thứ quyền lực hữu hình nào. Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và đại bộ phận quần chúng nhân dân sẽ ủng hộ Đảng, phục tùng Đảng, suy tôn Đảng là lãnh tụ, là "Bộ Tổng tham mưu và đội tiên phong dẫn dắt phong trào quần chúng vượt qua những thử thách ngặt nghèo

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 72.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1989, tr. 605.

để tiến lên giành thắng lợi. Được vậy thì không cần phải "xưng danh", "định vị" quần chúng vẫn suy tôn Đảng, sẽ "sống không rời Đảng, chết cũng không rời Đảng". Khi ấy Đảng với nhân dân thực sự gắn bó máu thịt với nhau, *"Dân là của Đảng"* và *"Đảng là của dân"*.

Hồ Chí Minh từng xác định "Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng". Không phải chỉ trong lúc gian khó của thời kỳ chiến tranh "nằm gai nếm mật", "cháo bẹ rau măng" mà ngay cả lúc đã có cả giang sơn, đất trời, sông biển, của cải, tiền bạc và toàn quyền quyết định mọi việc quốc kế, dân sinh... Đảng vẫn phải coi trọng chính sách dân vận và công tác dân vận, trong đó công tác tập hợp quần chúng, củng cố khối đoàn kết, thống nhất dân tộc phải được đặt lên hàng đầu. Sự thành bại, hưng vong của cách mạng được quyết định ở khâu công tác quan trọng này. Cho tới nay, qua thực tiễn cách mạng nước ta và bài học rút ra được từ sự tan rã, sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, chúng ta càng thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này vẫn đang là một chỉ dẫn sáng suốt: "Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam"[1]. Do đó, Đảng "Phải đi đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh, gò ép nhân dân. Nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân; tổ chức, giáo dục động viên nhân dân xây dựng cuộc sống mới. Chúng ta phải thật sự dân chủ với nhân dân và chuyên chính với bọn phản cách mạng, bọn phá hoại lợi ích của nhân dân. Phải thành thực lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao, tự đại, cho mình là tài giỏi hơn mọi người; trái lại, phải học hỏi điều hay, điều tốt của mọi người. Cán bộ và đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác Mặt trận nhất định sẽ tiến bộ nhiều"[2].

2. Đề phòng nguy cơ thoái hóa, biến chất khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền.

Ở nhiều nước, khi Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền đều trải qua cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến. Đấu tranh giành độc lập dân tộc và dân chủ xã hội là nhu cầu bức thiết của nhân

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1989, tr. 403, 405.

dân, là đòi hỏi khách quan của lịch sử. Nhưng trước khi có Đảng Cộng sản chưa có tổ chức chính trị nào đáp ứng được yêu cầu đó.

Ở Việt Nam, khi Đảng Cộng sản ra đời, vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người mới được đặt ra để giải quyết một cách triệt để. Đảng Cộng sản phải tiến hành quá trình đấu tranh cách mạng rất lâu dài, gian khổ. Mới 15 tuổi, Đảng đã giành được chính quyền (1930-1945). Liền sau đó là cuộc kháng chiến kéo dài suốt 30 năm mới giành được độc lập trọn vẹn, thống nhất hoàn toàn (1945-1975).

Năm 1976, một nhà nước của nước Việt Nam thống nhất, độc lập do nhân dân bầu ra dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thành lập. Một giai đoạn mới của cách mạng đã mở ra: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo chính quyền cả nước thống nhất quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Gần nửa thế kỷ đấu tranh kiên cường, anh dũng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa dân tộc Việt Nam từ "vong quốc nô" lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới đấu tranh vì những lý tưởng cao đẹp của loài người.

Đúng như Hồ Chí Minh đã nói: "Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: *Đảng ta thật là vĩ đại".*

Công lao của Đảng thật là to, lịch sử Đảng gắn liền với lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam suốt từ đầu thế kỷ tới nay quả là "cả một pho lịch sử bằng vàng".

Chính vì sự vĩ đại, niềm vinh quang có được do những chiến công hiển hách và thành tích có ý nghĩa lịch sử mang tầm cỡ thế giới ấy nên *khi đã có chính quyền, hầu hết các chức quyền* trong bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở đều do những người cộng sản đảm nhiệm. Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền. Tình hình mới và những nhiệm vụ hoàn toàn mới mẻ - tổ chức, xây dựng xã hội mới - đã đặt Đảng Cộng sản trước những thử thách chưa từng có. Theo V.I. Lênin thì lúc này những người cộng sản có ba kẻ thù chính: thứ nhất là "kiêu ngạo cộng sản chủ nghĩa", thứ hai là "nạn mù chữ", thứ ba là "nạn hối lộ". Người cho rằng tính "kiêu ngạo cộng sản chủ nghĩa" làm cho người đảng viên "tưởng rằng chỉ bằng những pháp lệnh cộng sản là có thể giải quyết được tất cả mọi nhiệm vụ của mình". Còn "nạn mù chữ" thì khách quan đã đẩy người cộng sản ra khỏi chính trị, không thể có chính trị "mà chỉ có những tin đồn đại, những chuyện nhảm nhí, những chuyện hoang đường, những thiên kiến chứ không phải chính trị"... "Cuối cùng, nếu còn có một hiện tượng như nạn hối lộ, nếu còn có thể hối lộ được, thì cũng không thể nói đến chính trị được... Một đạo luật chỉ có thể đưa đến

kết quả xấu hơn, nếu trên thực tiễn nó được đem áp dụng trong điều kiện nạn hối lộ còn được dung thứ và đang thịnh hành"[1]. Chính V.I. Lênin đã dự báo bệnh quan liêu, tham nhũng, nạn hối lộ sẽ thiêu hủy sự nghiệp của những người cộng sản.

Chỉ sau hơn một tháng ra đời của bản *Tuyên ngôn độc lập* (2-9-1945) là *Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng* (17-10-1945). Trong thư ấy, Hồ Chí Minh đã nêu lên những "lỗi lầm rất nặng nề" mà các nhân viên Nhà nước đã phạm phải như: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo.

Hơn một năm sau, Người lại có hai bức thư *Gửi các đồng chí Bắc Bộ* và *Gửi các đồng chí Trung Bộ*. Nội dung những bức thư đó cũng đều nhằm phê bình các cơ quan của Đảng và Nhà nước đã phạm phải các khuyết điểm: địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc quân phiệt, quan liêu, óc hẹp hòi, ham chuộng hình thức, làm việc bàn giấy, vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm, ích kỷ, kiêu ngạo, hủ hóa.

Có thể coi nội dung của ba bức thư nói trên của Hồ Chí Minh là dự báo chính trị *về nguy cơ của một Đảng cầm quyền* mà những người cộng sản ở tất cả mọi nơi, trong các thời kỳ lịch sử khác nhau nếu cần phải ghi nhớ và đề phòng. Một trong những tư tưởng quan trọng của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền là phải phòng chống những căn bệnh có nguy cơ làm cho Đảng bị tha hóa, không những không còn là người đầy tớ của nhân dân mà thậm chí còn biến thành cực đối lập với nhân dân. "Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ"[2], đó là lời tuyên bố "quang minh chính đại" của một Đảng lấy phục vụ nhân dân làm mục đích, là chân lý muôn đời, là lời cảnh báo đối với tất cả những đảng viên cộng sản.

Dưới đây, chúng tôi chỉ tập trung đề cập đến một số nguy cơ làm tha hóa bản chất cộng sản - bản chất cách mạng và khoa học - của Đảng mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra:

a) Nguy cơ sai lầm về đường lối.

Sau khi đã có chính quyền thì vấn đề quan trọng nhất đặt ra đối với Đảng là phải *"có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân" (Di chúc).* Đó là nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Đảng. Do vậy, khi đã có chính quyền vấn đề xác định

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* tập 44, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, M. 1978, tr. 217, 218.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 60.

đường lối có vị trí quyết định nhất đối với "tư cách của một đảng cách mạng chân chính".

Nhưng đường lối lại phụ thuộc chủ yếu vào năng lực trí tuệ và trình độ lý luận của Đảng. "Chống giặc dốt" đã trở nên bức bách. V.I. Lênin đã nói rất kỹ về vấn đề này. Không thể "nhiệt tình xông lên", không thể đem "kinh nghiệm" thay cho tri thức. Nhiệt tình mà không có hiểu biết thì nhiều khi lại dẫn tới phá hoại một cách vô ý thức.

V.I. Lênin coi nạn thất học là một trong ba kẻ thù mới của những người cộng sản khi bước vào thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước. Hồ Chí Minh gọi dốt là giặc, cần phải chiến thắng nó, nếu không, Đảng Cộng sản sẽ bị thất bại. Người viết: "Dốt nát cũng là kẻ địch. Địch dốt nát giúp cho địch ngoại xâm. Địch dốt nát tấn công ta về tinh thần, cũng như địch thực dân tấn công ta bằng vũ lực. Địch thực dân dựa vào địch dốt nát để thi hành chiến lược ngu dân. Địch dốt nát dựa vào địch thực dân để đưa dân ta vào nơi mù quáng"[1].

Giặc dốt cũng là "đồng minh" với giặc đói. Muốn thoát đói nghèo, muốn sánh vai với các cường quốc trên thế giới thì phải học, phải thắng giặc dốt. Chính vì vậy mà Hồ Chí Minh, ngay từ buổi đầu dựng nước đã nêu ra đồng thời phải chống cả ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Lênin coi "người mù chữ" đứng ngoài chính trị. Hồ Chí Minh coi "người không học thì như đi ban đêm không có đèn, không có gậy, dễ vấp té..."[2].

Nguy cơ mắc sai lầm về đường lối có nguồn gốc từ sự thiếu vững vàng về chính trị, không đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân từ sự thiếu tri thức, thiếu lý luận, không am hiểu tình hình trong nước, ngoài nước, không nắm được quy luật, hành động "như đi ban đêm". "Đặt được kế hoạch xác đáng tức là biết mình, biết người, đánh trăm trận được trăm trận"[3]. Nếu không sẽ là ngược lại.

Cuộc sống đã và đang minh chứng những chỉ dẫn đúng đắn của Hồ Chí Minh về nguy cơ Đảng bị tha hóa bởi sai lầm về đường lối và quyết sách chiến lược. Có thể coi những sai lầm ấy là nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự thoái hóa, biến chất, làm tan rã Đảng, mọi thành quả cách mạng bị thủ tiêu.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 379.

2, 3. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 200, 217.

b) Chủ nghĩa cá nhân phát triển trầm trọng.

Chủ nghĩa cá nhân là nguồn gốc đẻ ra những bệnh hoạn làm hư hỏng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Và, qua họ làm cho tổ chức đảng, tổ chức nhà nước và các đoàn thể nhân dân thiếu lành mạnh, trong sạch, pháp luật bị khinh nhờn, trật tự kỷ cương xã hội không được tôn trọng, đạo đức xuống cấp. Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra nhiều cái xấu, thiên hình vạn trạng". Nó "như vi trùng đẻ ra nhiều bệnh khác". Nó gây tác hại to lớn: "Làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến uy tín của Chính phủ". Hồ Chí Minh đã chỉ ra một số biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, nó thâm nhập vào cơ thể Đảng; nó là kẻ địch "nội xâm" mà Đảng cầm quyền phải đề phòng:

- Bệnh kiêu ngạo.

Như trên đã nói, V.I. Lênin từng coi kiêu ngạo là kẻ thù mới của cách mạng khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền. Người cho rằng do kiêu ngạo, kém hiểu biết và hẹp hòi nên Đảng đã không tập hợp được quần chúng, không phát huy được tính tích cực của con người, nhiều đảng viên khi điều hành công việc nhà nước tưởng chỉ cần những pháp lệnh, những "chỉ thị cộng sản" là có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh, căn cứ vào tình hình cụ thể ở Việt Nam ngay từ đầu những năm mới giành được chính quyền và trong suốt những năm hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đã chỉ rõ: trên thực tế, bệnh kiêu ngạo đã xuất hiện ở các loại cán bộ. Đối với những người đã qua kháng chiến gian lao, bị tù đày tra tấn, trưởng thành trong đấu tranh cách mạng thì "cho mình là cựu chính trị phạm, là người của Mặt trận..." rồi dựa vào thành tích và kinh nghiệm trong chiến tranh để "lên mặt công thần". Họ thiếu khiêm tốn, lười học, chủ quan, coi khinh lý luận. Do vậy mà năng lực thường không tương xứng với chức quyền. Còn số cán bộ được đào tạo trong các trường lớp chính quy, có bằng cấp thì tự mãn, thiếu thực tế, hay "lý thuyết suông", có người thiếu bản lĩnh chính trị, thiếu kiến thức và kinh nghiệm để giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra, họ "tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay là trên trời rơi xuống"[1].

Bệnh kiêu ngạo thường làm hỏng việc, làm lây lan theo chiều hướng xấu những mâu thuẫn do có sự khác biệt vốn có giữa các loại cán bộ già - trẻ, cũ - mới, kinh nghiệm thực tế - bằng cấp học vị... Nó làm cho Đảng xa dân, cấp trên và cấp dưới cách biệt nhau, nó kìm hãm sự tiến bộ. Do vậy mà Đảng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 9, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 244.

khó đưa ra được những chủ trương đúng và càng khó có khả năng tổ chức giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Bệnh kiêu ngạo phá hoại Đảng cả ba mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức.

- *Địa phương cục bộ.*

Căn bệnh "địa phương cục bộ" là chỉ chăm chút, bênh vực, vun vén cho địa phương hoặc bộ phận mình phụ trách, gây tổn hại đến lợi ích chung, phá vỡ sự điều hành quản lý vĩ mô. Đó là thói mị dân, cục bộ, trái với lý tưởng cộng sản, nó làm hư hỏng con người và dễ đẩy quần chúng vào con đường vụ lợi, xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

- *Óc bè phái.*

Bệnh này thường gây ra tai hại lớn, làm nội bộ mất đoàn kết, Đảng mất cán bộ và làm hỏng việc. "Cánh hẩu" là biểu hiện của óc bè phái. "Ai hẩu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không hẩu với mình thì dù có tài cũng dìm họ xuống, họ nói phải mấy cũng không nghe", hoặc "kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này, chức nọ. Người có tài, có đức nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai".

- *Óc quân phiệt quan liêu.*

Đây là một căn bệnh có nguồn gốc sâu xa, tồn tại dai dẳng và gây tác hại to lớn, lâu dài. Người quan liêu thường lạm dụng quyền lực được giao. Họ độc đoán, nịnh trên, nạt dưới, cậy mình có chức quyền rồi ngang tàng, phóng túng, muốn sao làm vậy, coi thường dư luận, coi thường kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Kẻ quan liêu thường lợi dụng chức quyền để vụ lợi. Họ thường sử dụng quyền lực một cách tối đa mà không hiểu rằng quyền lực chỉ là "một tài khoản ủy thác" chứ không phải tự có, họ chỉ có quyền "tiêu pha" theo luật lệ cho phép mà thôi. Quyền lực vốn là một yếu tố tạo nên kỷ luật của tổ chức và kỷ cương trật tự xã hội. Nhưng lòng si mê quyền lực, lạm dụng quyền hành thì lại làm tha hóa con người, làm cho người cán bộ tự huyễn hoặc về những cái mình không có. Lòng si mê quyền lực đồng dạng với óc quân phiệt, quan liêu. "Cái đầu óc "ông tướng", "bà tướng" ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, đoàn thể xa dân chúng".

- *Óc hẹp hòi.*

Nó biểu hiện ở nhiều dạng vẻ khác nhau. Ở cán bộ già thì thường là "giữ ghế", công thần, coi thường lớp trẻ. Ở cán bộ trẻ, có bằng cấp thì phủ định

cán bộ già và những người tuy có năng lực, có kinh nghiệm thực tiễn nhưng thiếu bằng cấp, học vị. Họ thiếu khiêm tốn, lợi dụng chính sách của Đảng và Nhà nước để leo lên, giành chức quyền. Họ quên rằng: "Trong lãnh đạo cần có già, có trẻ", có cũ, có mới. Sự đan xen, kế tiếp nhau trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý là tất yếu, khách quan; dù là cán bộ già, trẻ, cũ, mới, có học vị hay không nhưng vấn đề cơ bản là phải tìm thấy xu thế phát triển của cách mạng và yêu cầu thực tiễn đối với từng người cụ thể.

Người đảng viên là cán bộ phụ trách có "tư tưởng hẹp hòi thì hành động cũng hẹp hòi, hành động hẹp hòi thì nhiều thù, ít bạn,... người hẹp hòi thì ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi thì không thể phát triển".

- Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm, làm trái phép nước, coi thường pháp luật.

"Nhiều nơi có đồng chí phạm lỗi nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ, hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức". Cậy thế mình ở trong ban này, ban nọ rồi ngang tàng, phóng túng muốn sao làm vậy, coi khinh nhân dân, lúc nào cũng lên mặt "quan cách mạng".

Người cán bộ phụ trách mắc những khuyết điểm đó thường gây tác hại lớn, bởi nó đi ngược với quan điểm "nước lấy dân làm gốc" và nguyên tắc tập trung dân chủ. Nó là một trở lực lớn trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng.

- Ích kỷ, tham nhũng, hủ hóa

Chúng là những chứng bệnh phổ biến, rất nguy hiểm. Cán bộ phụ trách nếu mắc phải là nhanh chóng thoái hóa, biến chất. Đồng thời, nó làm suy thoái Đảng và Nhà nước, làm cho nhân dân mất lòng tin và bất bình.

Lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh cách đây gần nửa thế kỷ đến nay vẫn đang có ý nghĩa thời sự: "Có những đồng chí giữ óc địa vị, cố tránh cho được làm ủy viên này, chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Có những đồng chí còn giữ thói "một người làm quan cả họ được nhờ", đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này, việc kia, làm được hay không mặc kệ, hỏng việc đoàn thể chịu, cốt cho bà con bạn hữu có địa vị là được".

Tình trạng khủng hoảng về kinh tế và xã hội có hàng loạt nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ những khuyết điểm nói trên của một bộ phận đảng viên có chức quyền.

Thực tế lịch sử từ trước tới nay cho thấy tệ tham nhũng là một căn bệnh khó chữa của các chế độ nhà nước, nó thường xuất hiện cùng với những người nắm giữ trong tay quyền lực, lợi dụng quyền lực để chiếm đoạt của cải xã hội. Vì vậy khi đã trở thành Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản phải có cơ chế để kiểm soát quyền lực, để kiểm tra tất cả mọi đảng viên và tổ chức đảng. Nếu trong bộ máy nhà nước, những người đảng viên (hầu hết giữ các chức vụ chủ chốt) tham nhũng thì sẽ làm mất hiệu lực quản lý xã hội; kỷ cương, pháp luật bị khinh nhờn và như vậy vô hình chung chính họ đã tạo nên những kẽ hở cho kẻ địch chống lại Nhà nước của nhân dân do Đảng lãnh đạo. Hồ Chí Minh viết: "Những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của nhân dân. Tội ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám"[1].

Đảng Cộng sản chiến đấu nhằm xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nếu nhân dân giao cho đảng viên của Đảng nắm giữ các chức quyền thì đó chính là sự ủy thác cho họ để họ làm việc cho nhân dân, phục vụ nhân dân. "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của nhân dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật".

Hồ Chí Minh đã phân biệt giữa Đảng cách mạng chân chính với tất cả các đảng phái khác là ở chỗ "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài". Do đó, nếu đảng viên tham nhũng tức là họ làm biến chất Đảng, biến Đảng thành một loại đảng phi mác-xít - lê-nin-nít. Vì vậy, chống tham nhũng chẳng những là vấn đề xã hội mà còn là công việc xây dựng Đảng, là vấn đề giữ vững bản chất Đảng, sinh mệnh Đảng, là công việc chống kẻ thù bên trong của chính bản thân Đảng.

Đảng tập hợp nhân dân dưới ngọn cờ đại nghĩa, chống áp bức, bóc lột, chống xấu xa, độc ác, xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Chính vì thế mà nhân dân tin theo Đảng. Nay, giành được chính quyền, nếu đảng viên lợi dụng

---

1. Hồ Chí Minh: *Về Đảng cộng sản Việt Nam*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 209.

chức quyền để "ăn cắp" (Hồ Chí Minh gọi "tham ô" là "ăn cắp") thì Đảng sẽ rơi vào một tình trạng "nói mà không làm". Nếu đảng viên của Đảng cầm quyền "nói mà không làm" thì quần chúng lao động sẽ "bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh"[1]. Đương nhiên, nếu kéo dài tình trạng này thì Đảng sẽ mất tín nhiệm với nhân dân, do vậy mà nguy cơ mất chính quyền không phải chỉ còn là một dự báo. Bài học này có thể tìm thấy rất dễ dàng trong phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới ngay trong thập niên 90 này của thế kỷ XX.

Chủ nghĩa cá nhân, với những biến thái xấu xa của nó, là kẻ thù bên trong, nó như những "tế bào lạ" xâm nhập vào cơ thể Đảng.

Chủ nghĩa cá nhân phá hoại tư tưởng và tổ chức của Đảng, phá hoại cả tình đồng chí thiêng liêng. Danh dự, uy tín của Đảng bị chủ nghĩa cá nhân làm cho xói mòn. Nó là nguy cơ trực tiếp làm cho Đảng mất dần quần chúng. Khi Đảng mất tín nhiệm đối với nhân dân, cán bộ, đảng viên có chức quyền không còn là người đầy tớ trung thành của nhân dân thì Đảng không còn là một Đảng cách mạng chân chính. Do đó, Nhà nước do Đảng lãnh đạo cũng không còn là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân nữa. Đảng Cộng sản khi đã trở thành Đảng cầm quyền phải chống chủ nghĩa cá nhân, kẻ thù ở bên trong, và xây dựng ý thức một lòng một dạ phục vụ nhân dân. Cái bí quyết để chống nguy cơ thoái hóa biến chất Đảng khi đã trở thành Đảng cầm quyền là ở chính ngay trong mỗi một đảng viên chúng ta. Chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo đề phòng bằng cách "kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân".

c) Xa dân và mất dần quần chúng.

Đó là nguy cơ của mọi nguy cơ, tai họa của mọi tai họa. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng đã thể hiện sâu sắc một luận điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh: "Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước". Trong nhiều văn kiện, Đảng ta đã khẳng định: Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân là điều có ý nghĩa cực kỳ to lớn, bảo đảm sự vững vàng của chế độ.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 195.

Do tầm quan trọng của mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân nên tư tưởng *xây dựng Đảng thành một tổ chức chính trị gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin yêu, kính trọng* của Hồ Chí Minh đã trở thành một nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng.

Nhìn một cách tổng quát thì sai lầm về đường lối, về tổ chức; chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, xa dân, là những mối nguy cơ lớn đối với bất kỳ Đảng Cộng sản nào khi đã giành được chính quyền. Vì vậy, sinh thời Hồ Chí Minh luôn luôn căn dặn Đảng ta phải chủ động đề phòng nguy cơ đó. Những điều căn dặn này không chỉ là một tiên lượng, một dự báo chính trị mà đã là một chân lý được thực tiễn kiểm nghiệm, khẳng định.

V.
ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân.

a) Không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ nhân dân.

Xuất phát từ quan điểm: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân"[1] và "Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*"[2], "Mọi công việc đều vì lợi ích của dân mà làm"[3]... trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân"[4], Hồ Chí Minh xem việc được phục vụ nhân dân là một vinh dự cao quý.

Mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước và nhân dân như vậy đã trở thành *quan hệ giữa người phục vụ và người được phục vụ,* nhưng đây không phải là mối quan hệ "chủ - tớ" theo nghĩa thông thường và càng không nên hiểu nhân dân trở thành một loại ông chủ chỉ biết sai khiến, "chỉ tay năm ngón".

Như trên đã nói, trong quan hệ giữa cơ quan nhà nước và nhân dân, không chấp nhận việc cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước bao biện, làm thay nhân dân và thật ra không ai có thể làm thay nhân dân vì "quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*"[5], nếu nhân dân không ra tay và "không có lực lượng nhân dân, thì việc nhỏ mấy, dễ mấy" "làm cũng không xong..."[6] như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định.

1, 4. Sđd, tập 8, tr. 276, 278.
2, 5. Sđd, tập 5, tr. 698.
3, 6. Sđd, tập 6, tr. 66, 292.

Như vậy, vấn đề đặt ra là cần hiểu khái niệm "phục vụ nhân dân" như thế nào mới đúng?

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ví mối quan hệ giữa Nhà nước, Chính phủ và nhân dân là mối quan hệ giữa người dẫn đường và người đi đường, người cầm lái và người chèo thuyền. Người lại nói đến trách nhiệm của Chính phủ, của nhân viên nhà nước là đứng ra gánh vác, lo toan những công việc chung, tức là những công việc mà từng người dân một không thể làm được. Vì vậy, từ trong cộng đồng phải tách ra những người có những phẩm chất, năng lực nhất định để cáng đáng những công việc chung đó, phục vụ nhân dân và việc được nhân dân giao phó, phó thác, ủy nhiệm đều trở thành rất cao quý, vẻ vang.

Như vậy, nói "phục vụ nhân dân", "vì dân" có nghĩa là công việc Chính phủ, nhân viên nhà nước đảm trách là *mang lại lợi ích cho nhân dân, vì lợi ích của nhân dân*. Nhân dân khi giao việc bao giờ cũng trao cả quyền của chính mình cho người được ủy thác. Ở đây xuất hiện một tình hình rất đặc thù là người vốn không có quyền, khi đã được trao quyền, trở thành người có quyền lực, người sai khiến, chỉ huy, đôn đốc người khác và người khác ở đây chính là nhân dân vốn là chủ thể của quyền lực. Nhân dân, chủ thể của quyền lực, đồng thời trở thành đối tượng, khách thể của quyền lực, người phải thực hiện những công việc, những nghĩa vụ đối với Nhà nước: "Nhà nước của dân" đồng thời trở thành "Nhà nước do dân" là vì vậy.

b) Nêu cao tinh thần phụ trách trước dân, không được hao phí sức dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần phụ trách của cán bộ, nhân viên nhà nước trước dân; nhân dân là người chủ xã hội, nhưng quyền làm chủ đó nhân dân trao và thực hiện chủ yếu thông qua bộ máy nhà nước. Vấn đề lớn đặt ra là làm sao người được trao quyền, sử dụng quyền cho đúng quyền hành được trao, sử dụng có hiệu quả và có hiệu lực, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Mặt khác, luôn luôn đề phòng khả năng là người được trao quyền sẽ lạm dụng hoặc sử dụng tắc trách quyền đó và điều rất tệ hại là biến nhân dân thành người chủ trên danh nghĩa và trên thực tế là người bị o ép, bó tay bó chân, chỉ để bị sai khiến và phục vụ các "ông quan cách mạng".

Năm 1947, khi viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc,* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giành hẳn một tiêu đề trong nội dung cuốn sách để đặt câu hỏi: *"Vì ai mà làm? Đối ai phụ trách?"* nhằm làm sáng tỏ vấn đề rất hệ trọng này. Người đặt câu hỏi: "Nếu chúng ta hỏi cán bộ: "Việc đó, làm cho ai? Đối với ai phụ trách?", chắc số đông cán bộ sẽ trả lời: "Làm cho Chính phủ hoặc Đảng, phụ trách trước cấp trên".

Câu trả lời đó chỉ đúng một nửa. Nếu chúng ta lại hỏi: "Chính phủ và Đảng vì ai mà làm việc đó? Và phụ trách với ai?" thì e nhiều cán bộ không trả lời được.

Chính phủ và Đảng chỉ mưu giải phóng cho nhân dân, vì thế, bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân...

Nhưng nhiều cán bộ chưa hiểu... đến nỗi chia cán bộ Chính phủ và Đảng ra làm một phía, quần chúng ra một phía.

Chính phủ và Đảng chẳng những làm những việc trực tiếp lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua *như là hại đến dân.* Thí dụ: quyên tiền thu thuế, công tác phá hoại, v.v..."[1].

Đề cập đến những trường hợp cụ thể, Người viết: "Cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân"[2] nhất là trong lĩnh vực tài sản: "Cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách, nêu gương *cần kiệm liêm chính",* không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân; phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh là nguồn gốc sinh ra tham ô, lãng phí"[3]. Trong một dịp khác, Người nhắc nhở: "Mà phụ trách trước nhân dân nhiều hơn phụ trách trước Đảng và Chính phủ, vì Đảng và Chính phủ vì dân mà làm các việc và cũng phụ trách trước nhân dân"[4].

Tinh thần phụ trách trước nhân dân, phải được thể chế hóa thành chế độ trách nhiệm của nhân viên nhà nước, của cơ quan nhà nước, chế độ kỷ luật, quy chế công chức, công vụ...

Năm 1950, trong bài nói chuyện tại *Hội nghị tổng kết chiến dịch Lê Hồng Phong II,* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những chỉ thị mà xét theo nội dung có ý nghĩa chỉ đạo không chỉ đối với quân đội mà cả đối với bộ máy nhà nước nói chung: "Không được phung phí nhân lực, vật lực của dân. Khi huy động

---

1, 4. Sđd, tập 5, tr. 245, 294.

2, 3. Sđd, tập 10, tr. 311, 314.

nên vừa phải, không nên nhiều quá lãng phí vô ích. Phải khôn khéo tránh điều gì có hại cho đời sống nhân dân"[1]. Trong bức điện gửi các cán bộ và chính quyền và đoàn thể miền Nam Trung Bộ, Người cũng chỉ ra những *khuyết điểm nóng* cần được sớm khắc phục như: "động viên vét đến tài sản gốc sinh kế của dân như ruộng đất, trâu bò, vốn liếng"[2].

Một căn bệnh của các nhà nước thường mắc phải là huy động và sử dụng phung phí sức dân, dùng sức dân vào những công việc không mang lại lợi ích thiết thực, huy động và sử dụng sức dân vô tội vạ hoặc sai mục đích. Người phê phán mạnh mẽ hiện tượng "Không tiết kiệm đồng tiền, bát gạo là mồ hôi, nước mắt của nhân dân". Trong dịp về thăm một địa phương, Người đã lưu ý lãnh đạo địa phương: "Ngay trên tỉnh cũng còn hiện tượng hình thức, tốn kém tiền bạc của Nhà nước, lãng phí công sức của nhân dân, như việc làm công của nhà triển lãm, việc phá đi xây lại nền nhà của tỉnh ủy... Trung ương và Bác rất phiền lòng về những khuyết điểm ấy"[2]. Người cũng phê phán hiện tượng "... tập lễ nhạc để đi chữa cháy"[3], v.v...

Tư tưởng "không được hao phí sức dân" còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều trong các dịp Người phát biểu liên quan đến huy động, sử dụng sức dân. Đặc biệt cô đọng và súc tích là phát biểu của Người tại *Hội nghị bàn về cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân năm 1961:* "Mỗi thứ của cải chúng ta làm ra phải tốn bao nhiêu mồ hôi và sức lao động. Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách *tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm.* Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống. Cho nên phải biết giữ gìn của công. *Tham ô, lãng phí* tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân là hành động trộm cắp, mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ. Phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khỏe và sử dụng thật hợp lý sức lao động của nhân dân ta"[4].

c) Không được làm những việc quá trình độ của dân; phải làm mực thước cho dân; phải yêu dân, kính dân để được dân yêu, dân quý.

Tháng 11 năm 1950, do sai lầm của một số cán bộ nên một bộ phận đồng bào ở huyện Sơn Hà (Quảng Ngãi) đã bị địch lợi dụng gây rối loạn trị an. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi ngay công điện khuyên đồng bào: "... Mau mau

---

1. Sđd, tập 4, tr. 109.
2. Sđd, tập 11, tr. 86.
3. Sđd, tập 5, tr. 72.
4. Sđd, tập 10, tr. 313, 314.

tỉnh ngộ, trở về yên phận làm ăn, chớ nghe lời giặc lừa phỉnh"[1]; đồng thời, Người đã phê bình, góp ý ngay cho cán bộ ở đây về khuyết điểm này. Người chỉ rõ: "... nhiều việc quá trình độ dân, dân không hiểu, không thích"[2].

Vụ Sơn Hà là một sự việc cá biệt, nhưng kết luận mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rút ra lại có ý nghĩa cực kỳ quan trọng về đường lối quần chúng của chính quyền trong quan hệ với dân, nhất là những việc liên quan đến huy động và sử dụng sức dân.

Không nên nghĩ rằng, chủ trương đã đúng thì cách làm có thể thế nào cũng vẫn được. Thực tế cho thấy, ngay cả những việc hoàn toàn có lợi cho dân nếu được thực hiện bằng cách ép buộc, máy móc thì vẫn có thể gặp sự phản ứng và có khi cả sự chống đối từ phía nhân dân; nếu công việc mà lại đụng chạm đến quyền lợi của dân thì phương thức thực hiện, biện pháp tiến hành cũng cần được tính toán, cân nhắc kỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: "... làm sao tránh được *tệ hại* cho đồng bào"[3], đồng thời, Người chỉ ra một tình trạng thường dẫn đến thất bại là: "Chính sách thì đúng, cách làm thì sai"[4]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc vận động, thuyết phục, giáo dục tất cả mọi người dân góp thành lực lượng để thực hành những công việc cần làm. Người nhấn mạnh: "Trước nhất là phải tìm mọi cách *giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng:* Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được.

Theo Người, làm bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành"[5]. Người lấy dẫn chứng rất dễ hiểu: "... Bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt *bắt người ta ăn, nhét vào miệng người ta, thì ai cũng chán*"[6].

Một yêu cầu có tính chuẩn mực đạo đức đối với viên chức nhà nước trong quan hệ với dân được Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh là phải làm mực thước cho dân bắt chước. Ở đây tưởng như có điều gì nghịch lý: nhân viên nhà nước là người thừa hành, là đầy tớ của dân lại phải nêu gương cho dân?

Như đã được đề cập ở phần trên, không nên hiểu nhầm khái niệm đầy tớ, người thừa hành theo nghĩa thông thường. Nhân viên nhà nước là người phụ trách, gánh vác một phần trách nhiệm của Nhà nước trước nhân dân, trước

---

1, 2. Sđd, tập 6, tr. 117, 118.

3. Sđd, tập 11, tr. 130.

4, 5, 6. Sđd, tập 5, tr. 241, 698, 699, 246.

xã hội trong phạm vi quyền hạn được giao; theo chức năng xã hội, nhân viên nhà nước có sứ mệnh cao cả: người hướng dẫn, người nêu gương. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: "Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"[1]. Người nhắc nhở: "Phải làm kiểu mẫu: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"[2], "Cán bộ lãnh đạo phải xung phong gương mẫu đi đầu trong phong trào"[3], "Cái gì khó khăn, cực khổ, cán bộ phải xung phong làm trước"[4].

Nói đến tinh thần phụ trách của viên chức nhà nước trước nhân dân, trong việc nêu gương, làm mực thước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi phải hết sức tránh và phải được ngăn ngừa, đó là không được *nêu gương xấu cho dân*. Nói đến những người vi phạm kỷ luật của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: "... Họ mất đạo đức cách mạng của đảng viên...", họ đã "... làm gương xấu cho quần chúng"[5].

Trong một Nhà nước vì dân, nơi nhân dân là người chủ, địa vị cao nhất trong xã hội thuộc về dân thì mối quan hệ giữa nhân viên nhà nước và nhân dân được xây dựng trên cơ sở tin cậy, yêu quý nhau. Đây là một thứ quan hệ hoàn toàn khác không thể có được trong các kiểu nhà nước khác, nơi mà mối quan hệ này được xây dựng trên cơ sở của sự nghi ngờ, đố kỵ nhau.

Nhận ra tầm quan trọng của mối quan hệ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên giáo dục, rèn luyện nhân viên nhà nước tinh thần phục vụ nhân dân vô điều kiện, ý thức xây dựng mối quan hệ với dân trên cơ sơ của sự tin cậy nhau, hiểu biết nhau. Mặt khác, Người đòi hỏi một thái độ chủ động, đi bước trước từ phía các cơ quan, nhân viên nhà nước: "Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"[6]. Điều này là hoàn toàn dễ hiểu. Trong bao nhiêu năm, nhất là dưới chế độ cũ, quần chúng nhân dân là đối tượng của quyền lực, chịu mọi bất công, áp bức hà khắc, thái độ vô trách nhiệm, tắc trách của nhân viên nhà nước. Vì vậy, họ vẫn có thái độ nghi ngại, ngờ vực đối với các nhân viên nhà nước nói chung, dù trong xã hội nào họ vẫn là người nắm quyền lực, sức mạnh của quyền lực thuộc về những kẻ nhân danh Nhà nước. Mặc cảm đó không dễ gì xóa bỏ.

---

1. Sdd, tập 5, tr. 552.
2. Sdd, tập 6, tr. 90.
3. Hồ Chí Minh, *Lời phát biểu trong phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 29-12-1952* (theo Hồ Chí Minh: *Về xây dựng con người mới*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 127).
4. Sdd, tập 8, tr. 116.
5. Sdd, tập 11, tr. 86.
6. Sdd, tập 4, tr. 57.

Vì vậy, nhân viên nhà nước phải có thái độ, ý thức chủ động, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: "Phải gần gũi dân, hiểu biết dân, học hỏi dân"[1]. Người kịch liệt phê phán những người: "Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối "quan" chủ. Miệng thì nói "phụng sự quần chúng", nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng..."[2]. Người chỉ ra nguyên nhân của hiện tượng đó: "Nguyên nhân bệnh ấy là:

Xa nhân dân... Khinh nhân dân... Sợ nhân dân... Không tin cậy nhân dân... Không hiểu biết nhân dân... Không yêu thương nhân dân..."[3].

d) Không quan liêu, không tham nhũng, chống quan liêu, chống tham nhũng.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung đạo đức cách mạng mà suốt đời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp, bồi dưỡng cho từng cán bộ, viên chức nhà nước, đảng viên của Đảng cầm quyền và trước hết, Người tự thể hiện và đòi hỏi phải được thể hiện trong hoạt động của cơ quan hành pháp do Người đứng đầu. Người nhận biết rất sớm bản chất của tệ nạn quan liêu, tham nhũng, tính phức tạp, hoàn toàn không đơn giản của cuộc đấu tranh chống các tệ nạn này. Người quyết tâm và kiên trì cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống các tệ nạn xã hội này. Báo cáo trước Quốc hội khóa I (tháng 10-1946) Người nói: "Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ từ Hồ Chí Minh cho đến những người làm việc ở các ủy ban làng hiện đông lắm và phức tạp lắm. Dù sao Chính phủ đã hết sức làm gương và nếu làm gương không xong thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ - đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết"[4]. Theo Người, phải làm được như vậy mới "xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"[5] và bản thân Người là một mẫu mực sáng ngời về những phẩm chất đạo đức tuyệt vời của một nhà lãnh đạo tận tụy suốt đời phục vụ nhân dân, không quan liêu và suốt đời chống quan liêu, không tham nhũng và suốt đời chống tham nhũng. Đó cũng là những yêu cầu đạo đức mà Người đòi hỏi ở mỗi cán bộ, nhân viên nhà nước và đảng viên của Đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi: "Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân".

Tham ô cũng như lãng phí có quan hệ khăng khít với bệnh quan liêu. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "... vì những người và những cơ quan lãnh đạo

---

1, 2, 3. Sđd, tập 6, tr. 90, 292.

4. *Lịch sử Quốc hội Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 1994, tr. 98.

5. Sđd, tập 12, tr. 510.

mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí"[1] và Người nhấn mạnh: "... Chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. *Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị*"[2]. Người khẳng định: *"Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng*... Tham ô, lãng phí, quan liêu là những xấu xa của xã hội cũ... Chúng ta muốn xây dựng *một xã hội mới*, một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính - cho nên chúng ta phải tẩy cho sạch hết những thói xấu của xa hội cũ..."[3]; đồng thời, Người cũng xem *"Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là dân chủ"*[4].

d) Dựa trên sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và ý thức làm chủ Nhà nước của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất tự hào và nhận thức thật sâu sắc sức mạnh đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Sự kiện "độc nhất vô nhị" không chỉ trong lịch sử Việt Nam mà có thể nói cả trong lịch sử của các dân tộc trên thế giới là việc thành lập Quốc hội đầu tiên của nước ta trên cơ sở Tổng tuyển cử và mở rộng, bổ sung thành phần Quốc hội.

Việc bổ sung 70 ghế đại biểu Quốc hội, giành cho các đại diện của hai đảng: Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách)[5] - những đảng phái phản động nhằm tập hợp ngay cả những lực lượng chống đối, không chỉ để vô hiệu hóa họ, mà đồng thời, còn thể hiện một tấm lòng rộng mở đại đoàn kết, mặc dù những năm tháng đó, chính họ đang chống đối quyết liệt chính quyền cách mạng. Đây là một mẫu mực tuyệt vời về *sách lược* và cả *quốc sách* đại đoàn kết toàn dân, tranh thủ tối đa những lực lượng có thể tranh thủ vì lợi ích lâu dài, toàn cục, trong hoàn cảnh đất nước như "ngàn cân treo sợi tóc" trong những năm đầu của chính quyền non trẻ. Quốc hội khóa I ngay trong ngày họp đầu tiên đã bầu ra một Chính phủ lập hiến thay thế Chính phủ lâm thời, một Chính phủ thể hiện tư tưởng đoàn kết rộng rãi, phù hợp với truyền thống dân tộc, tâm lý và dân trí, hoàn cảnh kinh tế và xã hội, có sức truyền cảm cổ vũ cả cộng đồng dân tộc ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày về Chính phủ đại đoàn kết dân tộc đó như sau:

1, 2, 3, 4. Sđd, tập 6, tr. 65, 490, 493, 494.

5. *Lịch sử Quốc hội Việt Nam*, Sđd, tr. 69.

"Theo ý Quốc hội, Chính phủ mới phải tỏ rõ tinh thần đại đoàn kết, không phân biệt đảng phái.

Tôi có thể tuyên bố trước Quốc hội rằng, Chính phủ này tỏ rõ tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ ra sức làm việc...

Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia..."[1].

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc thể hiện trong thiết kế bộ máy Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tập trung vào những điểm có tính nguyên tắc:

+ Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, là sự sống còn của cách mạng, chứ không phải là một thủ đoạn chính trị;

+ Đại đoàn kết dân tộc là một nhu cầu khách quan của cách mạng mà không phải do ý muốn chủ quan của cá nhân áp đặt;

+ Dân là gốc, là nền của đại đoàn kết;

+ Dân là chủ thể và là sức mạnh của đại đoàn kết;

+ Đại đoàn kết có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong.

Năm 1961, tại Hội nghị bàn về cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một bài phát biểu quan trọng, trực tiếp đề cập đến một vấn đề cơ bản trong tư tưởng của Người về Nhà nước, ý thức làm chủ Nhà nước của công dân.

Ở đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh không nói đến ý thức làm chủ nói chung mà nói đến ý thức làm chủ Nhà nước và quyền làm chủ Nhà nước. Về mặt này, phải nói rằng, quan niệm của Người có ý nghĩa phương pháp luận và ý nghĩa chỉ đạo cực kỳ sâu sắc. Người nói: "Nhà nước ta ngày nay là của *tất cả những người lao động*... nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta... Đã là người chủ Nhà nước thì phải chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà... Đã là người chủ thì phải biết tự mình lo toan, gánh vác, không ỷ lại, không ngồi chờ. Mỗi người phải ra sức góp công, góp của để xây dựng nước nhà. Chớ nên "ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau"[2].

Đáng chú ý, trong những trường hợp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng từ "phải" để nói đến một phạm trù đạo đức, về trách nhiệm, nghĩa vụ của con người trong sinh hoạt cộng đồng, trong quan hệ với Nhà nước. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, "làm chủ" không bao giờ chỉ là một quyền, mà đó còn là

1. Sđd, tập 4, tr. 189, 195.
2. Sđd, tập 10, tr. 310.

một nghĩa vụ, một trách nhiệm đạo đức, một nghĩa vụ pháp lý, vì nó gắn liền với khái niệm "công dân". Người viết: các tầng lớp nhân dân ta - công nhân, nông dân, lao động trí óc, các nhà công thương, đồng bào thiểu số - ai nấy hãy làm tròn nghĩa vụ của người công dân, người chủ nước nhà.

Trong quan hệ giữa Nhà nước và công dân, trong sinh hoạt cộng đồng, quan hệ giữa công dân và công dân trong một chế độ, một xã hội đang phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, thì quyền luôn luôn đi liền với nghĩa vụ. Đây là một trong những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học và trở thành nguyên tắc chỉ đạo của chế định công dân trong xã hội ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân..."[1]. Người lưu ý: "Nhưng vẫn có một số ít người không làm đúng..." bổn phận công dân. "Họ muốn hưởng quyền lợi mà không muốn làm nghĩa vụ. Thậm chí có những người phá hoại pháp luật..."[2].

Quan điểm trên đây trong tư duy Hồ Chí Minh bắt nguồn sâu xa từ nguyên lý bao quát về "Nhà nước do dân". Đối với Nhà nước, nguồn gốc quyền lực và cả nguồn gốc sức mạnh đều ở nơi dân, mọi hoạt động của Nhà nước đều dựa vào sức dân, do sức dân với tính chất là một cộng đồng. Nhưng cộng đồng là do các cá nhân công dân, thành viên của cộng đồng hợp lại mà thành. Vì vậy, phạm trù "do dân" cần được cụ thể hóa, cá nhân hóa thành sự "góp công, góp của" của từng người, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ để tạo thành sức mạnh của Nhà nước. Không có sự "góp công, góp của" này của mỗi người không thể nào có sức mạnh của Nhà nước và trong khuôn khổ của một nhà nước, sự góp công, góp của này của các cá nhân, của mỗi người không thể chỉ dựa trên tinh thần tự nguyện, tự giác thuần túy, như một phạm trù đạo đức thuần túy, mà phải được pháp luật hóa, mang tính chất pháp lý, có tính bắt buộc, thành khái niệm "nghĩa vụ công dân".

Bản chất nhân dân, dân chủ, "vì dân" của Nhà nước ta đối với phạm trù "nghĩa vụ công dân" được thể hiện ở chỗ "sự góp công, góp của", "do dân" đó trở lại để phục vụ cộng đồng, "vì" từng cá nhân, thành viên của cộng đồng. Bởi vì, cộng đồng không phải là ai khác mà là tổng thể các thành viên cộng đồng hợp thành. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trong chế độ ta, lợi ích của Nhà nước, của tập thể cùng lợi ích của cá nhân căn bản là nhất trí. Cho nên trong khi được hưởng những quyền lợi do Nhà nước và tập thể mang lại cho mình thì mọi người công dân phải tự giác làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà

1, 2. Sđd, tập 7, tr. 452.

nước, đối với tập thể"[1]. Trong trường hợp này Nhà nước chỉ đóng vai trò là người điều phối, quản trị, tổ chức, quản lý, điều tiết, phân phối lại. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong mối quan hệ với dân, Nhà nước không bao giờ là người ban ơn, làm phước. Đây cũng chính là một nét đặc trưng tiêu biểu thuộc nội dung của cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội của nhân dân các nước vốn bị nước ngoài nô dịch, của các giai cấp cần lao trong các nước này. Khác với các giai cấp bóc lột có thể sống, hưởng lạc trên mồ hôi và cả xương máu của các tầng lớp dân cư khác, các giai cấp thuộc nhân dân lao động, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, chúng ta có đủ điều kiện để "... *tự tay mình* xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho mình"[2].

Tư tưởng quan trọng trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ trở thành quan điểm chỉ đạo cơ bản đối với toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Phải nói thêm rằng ngay từ năm 1925, khi chuyển lời *Quốc tế ca* sang tiếng Việt, Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ đã ghi rõ:

"Việc ta ta phải gắng lo,

Chẳng nhờ trời phật, chẳng nhờ thần linh

Công nông mình cứu lấy mình..."[3]

Tháng 8 năm 1945, vào thời điểm quyết định của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa,* Người lại khẳng định tư tưởng cơ bản này: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"[4]. Tư tưởng tự lực cánh sinh, "dựa vào sức mình là chính" sẽ là một trong những tư tưởng cơ bản trong hệ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước, xây dựng xã hội mới, được trở đi trở lại trong các lần phát ngôn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cũng trở thành tư tưởng cơ bản chỉ đạo chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các Hiến pháp nước ta, là nguyên tắc chỉ đạo việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước, nhân viên nhà nước và công dân, các cá nhân trong xã hội, là cơ sở giáo dục niềm tự hào công dân - người chủ nhà nước, giáo dục tính tích cực, ý thức trách nhiệm, tinh thần công dân ở mỗi người Việt Nam gắn bó với chế độ, với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

---

1. Sđd, tập 9, tr. 593, 594.
2. Sđd, tập 10, tr. 310.
3. Sđd, tập 2, tr. 491.
4. Sđd, tập 3, tr. 554.

e) Nhà nước và nhân dân quan hệ phải công bằng.

Quan hệ giữa Nhà nước, nói cụ thể hơn, giữa cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước với công dân là một mối quan hệ đa dạng và không đơn tuyến, được triển khai trên nhiều lĩnh vực, phương diện. Một loại quan hệ mang tính quyền lực nhà nước, khi cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước là người thừa hành, có quyền ra lệnh và công dân nói chung là đối tượng thi hành và có nghĩa vụ nghiêm chỉnh chấp hành. Ngay đối với loại quan hệ này, như trên đã đề cập đến, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường xuyên lưu ý các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước không được làm bất kỳ một điều gì gây khó dễ, thiệt hại cho dân. Người phê phán nghiêm khắc những "ông quan cách mạng", những ông "quan chủ" cùng bao nhiêu tệ hại họ có thể đưa lại cho người dân.

Tuy nhiên, trong quan hệ giữa cơ quan, tổ chức nhà nước, nhân viên nhà nước với công dân còn tồn tại một loại quan hệ khác, khá đặc thù. Năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và có bài nói chuyện với đồng bào và cán bộ xã Đại Nghĩa, Hà Đông. Trong bài nói chuyện này, Người đề cập đến một số vấn đề cụ thể có ý nghĩa nguyên tắc quan trọng: "Chính phủ cần mua của hợp tác xã lương thực, nông sản, Chính phủ cũng bán cho hợp tác xã phân hóa học, nông cụ và sau này những máy móc nông nghiệp. Việc mua bán ấy phải có hợp đồng ký kết giữa Chính phủ và hợp tác xã. Sau khi đã ký hợp đồng, các hợp tác xã phải bảo đảm làm đúng hợp đồng, mà về phía Chính phủ cũng vậy. Như thế mới công bằng"[1]. Tất cả ý nghĩa trong phát biểu này của Người là ở 5 chữ "như thế mới công bằng", thể hiện một quan điểm chỉ đạo rất cơ bản đối với một loại quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã, cũng như với công dân: quan hệ dân sự, quan hệ hợp đồng.

Nói đến hợp đồng là nói đến tự do ý chí, nói đến tự nguyện và điều rất cơ bản là nói đến sự bình đẳng của hai bên ký kết, không bên nào cưỡng bức, áp đặt bên nào. Cũng vì vậy, nói đến quan hệ dân sự, hợp đồng nói chung với những nguyên tắc nói trên là rất bình thường, có tính chất đương nhiên; nhưng trong quan hệ giữa các cơ quan, tổ chức, nhân viên nhà nước với người dân nhiều khi có sự lẫn lộn giữa sự biểu hiện trực tiếp của quyền lực với các quan hệ mang tính dân sự thì việc tuân thủ các nguyên tắc trên đây lại trở nên không đơn giản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nói tiếp: "Mua bán phải theo giá cả thích đáng. Thường thường, người mua muốn mua rẻ, người bán muốn bán đắt.

1, 2. Sđd, tập 10, tr. 176, 414.

Đối với chúng ta, không thể làm như thế được. Giá cả phải bảo đảm cho Nhà nước, hợp tác xã và xã viên cùng có lợi để xây dựng nước nhà. Trước tình trạng áp đặt, ép buộc, tùy tiện xóa bỏ hợp đồng hoặc "bán như cho, mua như chớp" đã một thời phổ biến và vẫn để lại ảnh hưởng không tốt trong phong cách, phương thức mua bán của một số cơ quan nhà nước và hiện nay, khi mà quan hệ thị trường đã thâm nhập khá sâu vào cuộc sống của xã hội ta, thì những lời căn dặn trên đây của Người vẫn còn nguyên tính thời sự. Nếu chúng ta trở lại thời điểm năm 1961 của lần phát biểu này của Người thì sẽ càng thấy tính dự báo sáng suốt với tầm nhìn chiến lược trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh. Đây là thời đoạn khi miền Bắc vừa ra khỏi cuộc chiến tranh để bước vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh và bắt đầu một thời kỳ mới với *Hiến pháp 1959* - thời kỳ miền Bắc dần từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mọi việc đều còn mới mẻ, không chỉ trong quản lý xã hội, trong mối quan hệ nhà nước và công dân, mà cả trong xây dựng nền kinh tế theo mô hình xã hội chủ nghĩa và từ một sự việc cá biệt, cụ thể, qua đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập đến một vấn đề nguyên tắc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và đến nay vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo, thích hợp với thời kỳ phát triển mới hiện nay của đất nước. Điều đáng mừng là quan điểm cơ bản chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện đang từng bước được thể chế hóa trong hàng loạt các văn bản pháp luật quan trọng của Nhà nước ta đã được Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất thông qua, ban hành, trong đó đáng nói là Bộ Luật Dân sự và Luật Thương mại.

f) "Trăm điều phải có thần linh pháp quyền".

Nếu đặt yêu sách thứ 7 trong *Bản yêu sách của nhân dân An Nam: "Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật"*[1] bên cạnh cũng yêu sách thứ 7 nhưng đã được diễn ca trong *Việt Nam yêu cầu ca:* "Bảy xin hiến pháp ban hành; Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"[2], sẽ dễ dàng nhận ra sự định hình rất sớm ở Hồ Chí Minh một quan niệm hoàn chỉnh về yêu cầu (nguyên tắc) quản lý xã hội bằng pháp luật trong một xã hội, một nhà nước dân chủ. Có thể thấy, ở đây, Người đều nói về một vấn đề, có cùng một nội dung, nhưng đã được thể hiện, diễn đạt bằng hai phương thức khác nhau. Nhưng chính qua sự thể hiện khác nhau đó mà nội dung của quan niệm đã trở nên phong phú, sâu sắc và bao quát.

1, 2. Sđd, tập 1, tr. 436, 438.

Khi đề ra yêu sách "Thay chế độ sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật", Người đã mặc nhiên thừa nhận cần phải có pháp luật, nhưng không phải là một thứ pháp luật bất kỳ mà là một thứ pháp luật của một chế độ dân chủ, thể hiện được ý chí của đa số bằng một cơ quan đại diện do cử tri bầu ra và ban hành bằng hình thức luật. Ý nghĩa sâu xa của yêu sách này chính là ở nội dung, tính chất dân chủ của pháp luật.

Nhưng để có một nhà nước pháp quyền thực thụ, một nhà nước dân chủ, thực sự quản lý bằng pháp luật mà chỉ đề cập, hoặc dù có nhấn mạnh sự cần thiết thay đổi hình thức văn bản sắc lệnh bằng hình thức luật nhằm đưa lại sự thay đổi về chất, xét về mặt dân chủ của hình thức văn bản, thì điều đó tuy rất quan trọng, rất cần, dù sao vẫn chưa đủ độ bao quát. Vì vậy, khi yêu sách được diễn ca, vấn đề lại được đề cập từ một phương diện hoàn toàn mới và được "nâng cấp thành yêu sách: "Bảy xin hiến pháp ban hành". Vì ai cũng rõ, hiến pháp là hình thức văn bản pháp luật không chỉ cao hơn luật về mặt hiệu lực pháp lý mà còn cả về mặt dân chủ, về mặt pháp quyền, đồng thời lại đề cập đến một phương diện cơ bản mới: "Trăm điều phải có thần linh pháp quyền". Vấn đề được đặt ra ở đây không chỉ thay đổi một hình thức văn bản mà điều còn quan trọng hơn là làm sao để trong "trăm điều đều phải có "thần linh pháp quyền".

"Trăm điều" và "thần linh pháp quyền" là hai vế cơ bản trong câu ca tám chữ về yêu sách thứ 7 trong *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* khi được diễn ca thành *Việt Nam yêu cầu ca*. Nhưng vấn đề ở đây không chỉ là diễn ca yêu sách thứ 7 thành câu ca dễ đọc, dễ nhớ mà đồng thời còn là bước phát triển mới về chất nếu xét về nội dung và tính chất của yêu sách.

"Trăm điều là một đại lượng có tính tuyệt đối nhưng rất cụ thể được sử dụng theo cách ẩn dụ để đề cập đến một cái chung, bao quát, còn "thần linh pháp quyền" lại là một cách nói theo ngôn ngữ ngày nay là "ý thức, tinh thần pháp luật", nhưng rõ ràng khi Người nói đến "thần linh pháp quyền" là muốn đề cập đến một phạm trù mà tính chất, ý nghĩa còn cao hơn ý thức, tinh thần pháp luật. Nếu sử dụng phương thức giải mã, ở đây có thể thấy "trăm điều" bao hàm ý: mọi hành vi, mọi hoạt động ở mọi nơi, mọi lúc của các cơ quan, nhân viên nhà nước đều phải thể hiện được "thần linh pháp quyền"; ý thức, tinh thần pháp luật phải chi phối, chỉ đạo mọi hành vi, hoạt động của bộ máy, cơ quan nhà nước; môi trường pháp chế phải bao trùm đời

sống xã hội. Đây chính là tinh thần cơ bản, ý tứ cốt lõi của câu ca tưởng như rất nôm na này. Điều thật sự đáng trân trọng là câu ca đó tuy ra đời từ những năm 20 của thế kỷ XX mà đến nay vẫn thể hiện được tinh thần, cái tinh túy, cái thực chất của yêu cầu xây dựng một xã hội, một nhà nước dân chủ thực hiện theo nguyên tắc pháp chế, pháp quyền và vì vậy, nó vẫn còn nguyên giá trị thời sự, hoàn toàn thích hợp và có ý nghĩa chỉ đạo cho công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực sự của dân, do dân và vì dân hiện nay.

Ở Hồ Chí Minh hình thành rất sớm quan điểm giai cấp về pháp luật. Từ rất sớm, Người đã nhận ra bản chất bóc lột tàn bạo, phản nhân dân, phi nghĩa của pháp luật thực dân. Trong tác phẩm *Đường Cách mệnh* bằng sáu chữ, Người đã có một khái quát vạch trần thực chất của pháp luật thuế dân: "Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa... lấy phép luật buộc dân lại"[1]. Bao quát hơn, Người đặt pháp luật trong hệ thống các công cụ, thủ đoạn mà những kẻ áp bức nhân dân thường sử dụng để phong tỏa nhân dân trong vòng nô dịch, phục tùng: "Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hóa làm cho dân ngu, lấy phép luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến hai chữ cách mệnh thì sợ rùng mình"[2].

Đề cập đến đặc trưng, bản chất, vai trò của pháp luật trong các xã hội bóc lột, Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý: "Một điều... cần nhớ là, giai cấp thống trị sử dụng luật pháp, kết hợp với những cái khác... luật pháp của giai cấp bóc lột đặt ra để áp bức các giai cấp bị bóc lột. Nếu để nó đứng một mình thì bộ mặt áp bức của nó lộ rõ quá..."[3], đồng thời, Người nhấn mạnh: "Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động".

Nói đến phát huy vai trò pháp luật trong xã hội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Người nói đến tình trạng "luật pháp của ta có cái mới và cũ. Có cái cũ không thích dụng nữa. Cái mới thì chưa đầy đủ". Ngay từ năm 1950, khi nói chuyện với các cán bộ ngành tư pháp, Người lưu ý: "Chúng ta cũng thấy luật pháp của ta hiện nay chưa đầy đủ. Chính các chú có trách nhiệm phải góp

1, 2. Sđd, tập 2, tr. 267.

3. Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật,* Nxb Pháp lý, H. 1985, tr. 187.

phần làm cho luật pháp của ta tốt hơn, càng ngày càng phong phú hơn. Phải cố gắng làm theo luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn".

Nhất quán với những quan điểm hình thành ngay từ những buổi đầu hoạt động cách mạng, khi đã trở thành người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến yêu cầu cơ bản của chế độ pháp quyền, nguyên tắc pháp chế: tôn trọng, tuân thủ pháp luật. Không phải ngẫu nhiên Mục A, Chương II của *Hiến pháp 1946* dành hai điều quy định nghĩa vụ công dân thì nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp, tuân theo pháp luật được đặt ngay sau nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và quy định này sẽ trở thành một quy định truyền thống, luôn luôn được kế thừa trong ba Hiến pháp tiếp theo: 1959, 1980 và 1992: "Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng, và những quy tắc sinh hoạt xã hội" (Điều 39 *Hiến pháp 1959,* Điều 78 *Hiến pháp 1980* và Điều 79 *Hiến pháp 1992*) cũng đều có những nội dung tương tự[1].

Trong tư duy Hồ Chí Minh, tôn trọng Hiến pháp, tuân thủ pháp luật là nghĩa vụ thiêng liêng, vô cùng cao quý của mọi công dân và trước hết của các nhân viên nhà nước, các đảng viên của Đảng cầm quyền. Người lưu ý: "Trong Điều lệ Đảng có nói: đảng viên chẳng những phải giữ kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của Đảng mà còn phải giữ gìn kỷ luật chính quyền, của cơ quan, đoàn thể cách mạng, của nhân dân.

Sự thực nhiều đảng viên, cán bộ chẳng làm đúng như thế, đã không giữ đúng kỷ luật của chính quyền, cơ quan, đoàn thể, nhân dân... tưởng là đảng viên thì muốn làm trời làm đất gì thì làm.

Các đảng viên cán bộ đó không biết rằng kỷ luật của chính quyền, của đoàn thể, nhân dân và Đảng cũng là một"[2].

Người còn nhấn mạnh: "Không nên hiểu lầm dân chủ. Khi chưa quyết thì tha hồ bàn cãi. Nhưng khi đã quyết định rồi thì không được bàn cãi nữa, có bàn cãi cũng chỉ là để bàn cách thi hành cho được, cho nhanh, không phải để đề nghị không thực hiện. Phải cấm chỉ những hành động tự do quá trớn ấy"[3].

---

1. *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 42, 101, 102.

2, 3. Sđd, tập 6, tr. 31, 108.

Trong thi hành và làm theo pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi đảng viên, cán bộ, những người giữ các trách nhiệm cao phải nêu gương. Người nghiêm khắc phê phán những đảng viên mà "Cậy thế mình là người của Đảng, phớt lờ cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ.

Những đồng chí mắc bệnh ấy không hiểu rằng: mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng"[1]. Người còn nhắc lại: "Nếu đảng viên không xung phong gương mẫu, thì việc gì cũng sẽ khó làm", đồng thời Người đề cao công tác tuyên truyền, giải thích và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong công việc hệ trọng này: "Cán bộ phải ra sức tuyên truyền, giải thích và làm gương mẫu"[2]. Về mặt này, có một tình tiết sau đây là hết sức đáng chú ý: Cuối năm 1946, Người về thăm tỉnh Thái Bình, có hỏi một đồng chí tuyên truyền của tỉnh:

"- Giờ chú tuyên truyền gì?

- Thưa Bác, chương trình Việt Minh ạ!

Người bổ sung:

- Bây giờ phải tuyên truyền về Hiến pháp"[3].

Mẩu đối thoại rất ngắn ngủi nhưng thực sự tiêu biểu, thể hiện, ở Người tư duy luôn năng động, sáng suốt, luôn bắt kịp những nhân tố mới trong đời sống đất nước và những nhu cầu mới phát sinh. Ngày 9 tháng 11 năm 1946, kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I vừa thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta, đồng thời cũng là bản Hiến pháp có nội dung dân chủ, tiến bộ của thời đại. Ngay trong năm đầu tiên của chính quyền nhân dân, Người đã đưa chế độ chính trị của nước Việt Nam mới lên ngang những chế độ dân chủ, tiêu biểu đương thời. Phát biểu tại phiên bế mạc kỳ họp Quốc hội thông qua *Hiến pháp 1946,* Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Hơn 10 ngày nay, các đại biểu đã khó nhọc làm việc. Quốc hội đã thu được một kết quả làm vẻ vang cho đất nước là đã thảo luận xong bản Hiến pháp. Sau khi

---

1. Sđd, tập 6, tr. 167.

2. Sđd, tập 8, tr. 349.

3. Theo Hội Luật gia Việt Nam: *Hồ Chí Minh và pháp chế,* Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1985, tr. 154.

nước nhà mới tự do được 14 tháng đã làm thành được bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà. Bản hiến pháp đó còn là một vết tích lịch sử Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông này nữa. Bản Hiến pháp đó chưa thật hoàn chỉnh nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp"[1]. Điều dễ hiểu, đối với một văn bản có ý nghĩa lớn như vậy, thì việc kịp thời tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền tỏ ra rất chậm chạp, thiếu nhạy bén. Đây tưởng như là một trường hợp cá biệt và đã trở thành chuyện cũ, nhưng trên thực tế, mẩu đối thoại tiêu biểu đó vẫn còn giữ nguyên giá trị.

Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân hiện nay vẫn chưa thực sự được xem trọng đúng mức. Trong tình hình khối lượng các văn bản luật, pháp lệnh được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày càng nhiều, đó là chưa nói đến khối lượng văn bản của Chính phủ ban hành lớn hơn nhiều lần văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì "nguy cơ mù pháp luật" không những trong nhân dân mà cả trong cán bộ, đảng viên là rất lớn. Yêu cầu bức xúc, cấp thiết được đặt ra hiện nay là phải xem trọng, ưu tiên cho công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nhất là giáo dục thi hành pháp luật, bồi dưỡng cho mọi người dân ý thức tôn trọng, làm theo Hiến pháp, pháp luật; giáo dục tình cảm, thói quen, tập quán tuân theo pháp luật. Nhưng đây là vấn đề hoàn toàn không dễ dàng, vì phải thay đổi cả một nếp sống, nếp suy nghĩ, cải tạo cả một thói quen, tập quán lâu đời.

Trong công việc không dễ dàng, đơn giản này có một vấn đề thường được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm nhiều là vấn đề thưởng - phạt. Người nói: "Trong một nước thưởng phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên

---

1. Sđd, tập 4, tr. 440.

ổn..."[1], "Nếu không thưởng thì không có khuyến khích; nếu không có phạt thì không giữ vững kỷ luật. Thưởng phạt nghiêm minh là cần thiết"[2]. Người lưu ý: "Từ trước đến nay thưởng phạt chưa làm được đầy đủ đó là một khuyết điểm to"[3]. Người còn nhấn mạnh: "... phải thưởng phạt cho công minh. Chớ vì ưa ai mà thưởng, ghét ai mà phạt..."[4].

2. Xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

a) Dân chủ là nhân dân nắm chính quyền.

Nói đến dân chủ, dù thuộc bản chất giai cấp nào đều phải nói đến nhà nước. Không có một nền dân chủ tồn tại bên ngoài nhà nước. Có thể nói, nhà nước là bà đỡ của một nền dân chủ. Cũng vì vậy, dù có nói nhiều đến các phương thức khác nhau thực hành dân chủ thì mối quan hệ hàng đầu cần được ưu tiên vẫn là với nhà nước. Có thể có một nhà nước không dân chủ, nhưng dân chủ không thể thiếu nhà nước. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta khôi phục chủ quyền quốc gia, giành quyền dân chủ gắn liền hữu cơ với cuộc đấu tranh phá bỏ chính quyền thực dân, phong kiến - vật cản chủ yếu trong việc xác lập quyền làm chủ của nhân dân và lập ra nhà nước - một chính quyền thực sự dân chủ. Nói dân chủ, vì vậy, trước hết là nói đến nhân dân nắm chính quyền.

Thái độ với chính quyền, mức độ quan tâm, chăm lo xây dựng, kiện toàn, củng cố chính quyền là biểu hiện trực tiếp của sự giác ngộ về dân chủ - dân là chủ và dân làm chủ.

Có thể nói, ngay từ đầu một trong những nguyên nhân thôi thúc người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước là thái độ phủ định chính quyền thực dân tàn bạo, mà những chính sách, thủ đoạn thất nhân tâm trắng trợn, xúc phạm lòng tự tôn dân tộc đã làm dấy lên trong cảm xúc, suy tưởng của anh thái độ phủ định mang đậm tính chất chính trị. Với thái độ phủ định đó, anh đã ra đi tìm đường cứu nước, thực

1. Sđd, tập 4, tr. 163.
2. Sđd, tập 7, tr. 466.
3. Sđd, tập 6, tr. 560.
4. Sđd, tập 5, tr. 480.

chất là tìm con đường lật đổ ách thống trị thực dân mà biểu hiện trực tiếp là bộ máy chính quyền thuộc địa.

Như vậy, ngay từ đầu Hồ Chí Minh đã được thôi thúc bằng những động cơ mang đậm chất nhân dân và nó sẽ được thường xuyên bồi bổ, nuôi dưỡng để ngày càng thêm sâu sắc cùng với thời gian và quá trình hoạt động cách mạng.

Có thể hình dung là hoàn toàn không ngẫu nhiên, là biểu hiện được vật chất hóa đầu tiên một cách chính thức và đầy thách thức đối với chính quyền thực dân, của thái độ phủ định đầy lý tính, tâm huyết này chính là Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi Hội nghị Véc-xây năm 1919. Chắc chắn, cũng hoàn toàn không ngẫu nhiên, với bản năng rất thính, nhạy cảm của những tên thực dân cáo già, bọn bồi bút thực dân đã la lối trên tờ *Courrier Colonial* trong một bài báo với cái tên đầy kích động mang tính dự báo, "Giờ phút nghiêm trọng"[1] (chắc chắn, nghiêm trọng ở đây là để lo cho chế độ thực dân) để chỉ thời điểm xuất hiện công khai của *"Bản yêu sách"*.

"Bản yêu sách" có đề cập đến nội dung mang tính thiết chế nhà nước đặc sắc, đó là chưa nói đến ý nghĩa như một quả bom chính trị phát nổ ngang nhiên giữa sào huyệt của kẻ thù.

Sau khi tự tay chuyển *"Bản yêu sách"* đến các đại diện Đồng minh và trong một thời gian dài Người đã không bỏ lỡ cơ hội nào để truyền bá, cổ động, cổ vũ cho tinh thần của *"Bản yêu sách"*. Người kịp thời sử dụng các phương tiện, hoàn cảnh có thể có được trong điều kiện của Người lúc bấy giờ, dù đó là các bài báo trên diễn đàn công khai, để phê phán tâm địa thực dân của những tên bồi bút[2] hoặc diễn ca *"Bản yêu sách"* thành *Việt Nam yêu cầu ca* và in thành truyền đơn phát đi rộng rãi đến những nơi có đông người Việt Nam sinh sống, trong các dịp mít tinh, hội nghị của người Pháp mà Người thường xuyên tham dự và tìm cách chuyển về nước.

Như vậy, ở Người hình thành rất sớm hệ thống các quan điểm về những vấn đề" nhà nước có quan hệ mật thiết với cuộc đấu tranh giải phóng nhân dân, xây dựng một mô hình nhà nước thật sự nhân dân, dân chủ. Và đây

---

1, 2. Sđd, tập 1, tr. 1, 6, 403.

chính là cội nguồn mở ra một dòng tư duy về nhà nước chảy xiết không ngừng để đến điểm gặp thì xuất hiện ngay cương lĩnh và chương trình hành động cho sự ra đời của một nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công. Có thể thấy, chương trình hành động của Người định hình rất cụ thể, chi tiết, đó là kết quả của một tư duy đã nung nấu chín muồi và là hệ quả của cả một quá trình khảo sát, kiểm nghiệm, lựa chọn xác định mô hình. Có thể thấy, mọi chủ trương mà Người đưa ra nhằm xúc tiến xây dựng cơ cấu bộ máy cho chính quyền nhân dân ngay trong thời gian đầu của chính quyền nhân dân đều rất đúng lúc, kịp thời và được sắp sẵn kỹ, đó là tổ chức Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội dân chủ đầu tiên của nước nhà hoặc thiết định cơ cấu xây dựng Hiến pháp - đạo luật cơ bản đầu tiên. Phải nói rằng, thật là kỳ diệu là ngay trong năm đầu tiên của chính quyền nhân dân với hoàn cảnh cực kỳ khó khăn trên tất cả các mặt từ cứu đói, xóa nạn mù chữ đến đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao hết sức khó khăn, phức tạp mà Chủ tịch Hồ chí Minh vẫn kiên định chỉ đạo để một Quốc hội lập hiến thật sự dân chủ và một Hiến pháp cũng thật sự dân chủ, nhân dân, tiến bộ đã được ra đời.

Cuộc Tổng tuyển cử bằng con đường dân chủ trên thực tế còn là sự huy động, biểu dương lực lượng hùng vĩ của toàn thể dân tộc Việt Nam với sự biểu lộ ý chí, quyết tâm chính trị và thể hiện một tầm cao dân trí, điều mà các dân tộc khác phải nhiều thập kỷ mới đi tới.

Bản *Hiến pháp* được thông qua với sự nhất trí cao, với nội dung, tính chất tiên tiến của thời đại chứng tỏ ý chí, quyết tâm, bản lĩnh, sức sống, năng lực, dù trong hoàn cảnh nào, nhân dân Việt Nam vẫn đủ để làm chủ vận mệnh của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có những lời nhận xét thật xác đáng về việc Quốc hội thông qua bản Hiến pháp này cho đất nước: "Hơn 10 ngày nay, các đại biểu đã khó nhọc làm việc. Quốc hội đã thu được một kết quả làm vẻ vang cho đất nước là đã thảo luận xong bản Hiến pháp. Sau khi nước nhà mới tự do được 14 tháng, đã làm thành được bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà"[1].

Cùng với bầu Quốc hội, thông qua Hiến pháp và với hàng loạt sắc lệnh mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký và được ban hành làm cơ sở cho việc thiết

1. Sđd, tập 4, tr. 440.

lập bộ máy nhà nước ở tất cả các cấp chính quyền từ Trung ương đến cơ sở, từ tỉnh, thành đến huyện, xã, từ Hội đồng nhân dân đến ủy ban hành chính... Một lực lượng đông đảo những người đã được rèn luyện qua ngọn lửa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc lâu dài và một bộ phận đáng kể những viên chức bộ máy chính quyền cũ nhờ chính sách đoàn kết dân tộc mà họ nhận ra con đường chính nghĩa của dân tộc, đã hăng hái phục vụ chính quyền nhân dân, đã tham gia vào bộ máy nhà nước. Lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà, chính quyền nhà nước đã được trao vào tay cho "dân chúng số nhiều" như ước nguyện và cũng là bài học lịch sử mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rút ra từ kinh nghiệm của các cuộc cách mạng đi trước, để tránh cho nhân dân "khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc"[1].

b) Không tam quyền phân lập kiểu tư sản.

Các cuộc cách mạng tư sản nổ ra liên tiếp trong các thế kỷ trước và một kiểu nhà nước - nhà nước tư sản đã ra đời đại diện cho quyền lợi, lợi ích giai cấp của một giai cấp bóc lột đang lên. Sự ra đời của nhà nước tư sản mang theo một sự thay đổi cơ bản trong tổ chức chính quyền, quyền lực nhà nước. Các hiến pháp tư sản, tuy bằng những cách khác nhau, đều lấy nguyên tắc phân chia ba quyền (tam quyền phân lập) làm nguyên tắc cơ bản trong tổ chức quyền lực nhà nước thống nhất.

Không đi vào phân tích cụ thể mặt được và mặt chưa được của nguyên tắc này, phải thấy rằng, nhược điểm cơ bản của nó là tính hình thức, pháp lý máy móc. Thực tế lịch sử chỉ rõ: quyền lực nhà nước của một xã hội, thể hiện quyền thống trị giai cấp, luôn luôn phải là một, không thể phân chia.

Tuy nhiên, nguyên tắc phân chia ba quyền xét theo nhu cầu tổ chức quyền lực *trong nội bộ quyền lực giai cấp* lại có "hạt nhân duy lý" của nó. Xét theo thực chất, lập pháp, hành pháp, tư pháp, như Mác và Ăngghen đã khẳng định, là sự phân công quyền lực và là phương thức thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất, trong các xã hội bóc lột nó vốn thuộc về giai cấp thống trị còn trong xã hội ta thì thuộc về nhân dân[2].

---

1. Sđd, tập 2, tr. 270.

2. Võ Chí Công, *Sửa đổi Hiến pháp tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước tiến lên vững chắc*, Báo *Nhân dân*, ngày 3-1-1992.

Trong xã hội ta, xét theo nhu cầu hợp lý hóa tổ chức quyền lực và bảo đảm hiệu quả của quyền lực, việc tiến hành phân công và phối hợp giữa các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp là rất cần thiết và là đặc trưng của tổ chức thực thi quyền lực nhà nước của nước ta. Từ thực tiễn có ý nghĩa lịch sử tuy tồn tại không dài của Công xã Pa-ri, chủ nghĩa Mác - Lênin đã rút ra kết luận: Công xã là một tổ chức hành động vừa lập pháp, vừa hành pháp, vừa kiểm tra việc thực hiện pháp luật của mình.

Trong nhà nước mà quyền lực thuộc về nhân dân rõ ràng quyền lực phải thống nhất, không thể có sự phân chia, nhất là biệt lập. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong suốt 24 năm đứng đầu nhà nước và đã từng hoạt động lý luận, thực tiễn sôi nổi tại Pa-ri, trung tâm đời sống chính trị của các quốc gia Tây Âu, nhưng Người chưa từng trực tiếp đề cập đến vấn đề "phân quyền" và cũng không nói đến vấn đề quyền lực nhà nước thống nhất. Tuy nhiên, là Trưởng ban soạn thảo hai bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam (*Hiến pháp 1946* và *Hiến pháp 1959),* chắc chắn vấn đề phương thức, cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền đã phải được đề cập nhiều trong quá trình soạn thảo, và căn cứ vào bố cục, nội dung của hai Hiến pháp, có cơ sở để khẳng định, trong tư duy và quan niệm của Người, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công rành mạch giữa ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đáng chú ý, khai mạc phiên họp đầu tiên của Ban sửa đổi Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý: "... Chúng ta cần phải nghiên cứu kỹ tình hình của nước ta, nghiên cứu lại bản *Hiến pháp 1946,* phải tham khảo Hiến pháp của các nước bạn và của một số nước tư bản có tính chất điển hình"[1].

Trình bày *Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp sửa đổi...* tại kỳ họp của Quốc hội thông qua *Hiến pháp 1959,* Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Để thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng, Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân...", Người xác định: "Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước...

Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ. Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành pháp luật và nghị

---

1. Sđd, tập 8, tr. 322.

quyết của Quốc hội, là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. Những vấn đề quan trọng nhất của Nhà nước trong phạm vi toàn quốc đều do Quốc hội quyết định"[1].

"Ở địa phương thì có Hội đồng nhân dân địa phương. Quốc hội và Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu do nhân dân bầu ra... Quốc hội quyết định những công việc quan trọng nhất của Nhà nước. Hội đồng nhân dân quyết định những công việc quan trọng nhất ở địa phương"[2]; "Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình"[3].

c) Chăm lo bộ máy nhà nước dân chủ mới.

Đối với mọi cuộc cách mạng, ngay khi giành được chính quyền các lực lượng cách mạng phải xây dựng ngay bộ máy nhà nước và đưa nó vào vận hành. Yêu cầu hàng đầu đặt ra cho bộ tham mưu và lãnh đạo là không được để tình trạng đất nước một ngày vô chính phủ, không chính quyền. Cách mạng tháng Tám thành công tương đối thuận lợi, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Có một điều chúng ta đáng mừng là cách mạng Việt Nam đã có một ưu điểm so với cách mạng các nước Nga, Tàu, Pháp. Cách mạng ở đâu thành công cũng phải đổ máu nhiều. Có nước phải chặt đầu vua. Có nước đồng bào chia đảng phái, chém giết nhau liên tiếp trong bao nhiêu năm. Nước ta vua tự thoái vị, các đảng phái không có mấy. Trong một thời gian ngắn, các giai cấp đoàn kết thành một khối, muôn dân đoàn kết để mưu hạnh phúc chung là nước được hoàn toàn độc lập và chống được giặc xâm lăng, đuổi bọn thực dân tham ác ra ngoài bờ cõi"[4]. Đây là thuận lợi cơ bản có ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành bộ máy nhà nước mới. Tuy nhiên, trong điều kiện cụ thể của xã hội Việt Nam, sự hình thành, phát triển của bộ máy chính quyền cách mạng có những khó khăn riêng của nó và đây cũng là mối quan tâm hàng đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trở lại lịch sử những ngày đầu mới ra

---

1, 2, 3. Sđd, tập 9, tr. 590, 591.

4. Sđd, tập 4, tr. 43, 44.

đời của chính quyền nhân dân, chúng ta thấy rõ sự quan tâm, chăm lo của vị Chủ tịch, người đứng đầu Nhà nước ta đối với từng động thái, có thể nói là từng bước đi chập chững, trong hoạt động, hành vi của bộ máy và nhân viên chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương, nhất là đối với cấp tỉnh, huyện, xã, làng. Thư và báo là những hình thức được Người sử dụng rộng rãi, vì nó kịp thời, cụ thể và thân tình. Hàng loạt thư với địa chỉ rõ ràng đã được Người gửi đến *các đồng chí tỉnh nhà*[1] ngày 17 tháng 9 năm 1945 và một tháng sau, ngày 17 tháng 10 cùng năm *Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*[2] và trong thời gian giữa những bức thư đó là những bài báo mà Người ký bút danh để tiện nói những điều cần nói. Nội dung các thư và báo đó, chủ yếu là để chỉ ra những việc làm sai trái, những biểu hiện tiêu cực, những hành vi rơi rớt lại của tác phong hành chính, cai trị thời thực dân phong kiến, qua đó bồi dưỡng nhận thức, tác phong, phẩm chất, tư cách của nhân viên chính quyền của một chế độ tuy mới ra đời và còn yếu kém nhưng phải khác về chất so với nhân viên, bộ máy chính quyền thời thuộc địa. Trong các thư nói trên, Người chỉ ra những hành vi như trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo, chật hẹp và bao biện, lạm dụng hình phạt, lên mặt quan cách mạng, dùng pháp công để báo thù tư, độc hành độc đoán...[3]. Còn trong các bài báo với bút danh khi thì "Chiến sĩ" khi thì "Chiến thắng", Người có điều kiện nói cụ thể, trực diện về cách hành sự có khi còn quá yếu kém trong tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong bài *Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn trong các ủy ban nhân dân,* Người viết: "Chính quyền nhân dân thành lập đã được hơn một tháng. Nhưng nhiều nơi cách làm việc vẫn chưa đâu vào đâu cả. Ta có thể nói: một khuyết điểm lớn, chung cho phần đông các ủy ban nhân dân là bệnh lộn xộn, thiếu tổ chức. Về cán bộ hành chính ta phải thú nhận là thiếu rất nhiều... Vào trụ sở một ủy ban nhân dân, người ta nhận ngay thấy sự lộn xộn trong việc xếp đặt bàn giấy; "... đố ai biết chỗ ông chủ tịch, ông thư ký, ông tài chính ngồi đâu. Nhiều ông chủ tịch... thường chỉ dùng thì giờ để xử những vụ kiện vớ vẩn, tiếp những ông khách vu vơ, hay cặm cụi viết thư, viết báo cáo..."[4]. Trong bài *Bỏ cách làm tiền ấy đi,* Người phê phán kịch liệt tệ nạn làm tiền bằng cách mua quan, bán tước công khai, trắng trợn tại một ủy ban nhân dân xã nọ. Người viết: "Trong lúc xung quanh mình, người ta mở ngày Vàng,

---

1, 2, 3, 4. Sđd, tập 4, tr. 38, 54, 13, 40.

ngày Văn hóa, diễn kịch để lấy tiền giúp quỹ này, quỹ khác, ủy ban nọ còn quay lại lối làm tiền cũ rích, bán ngôi thứ, thật đã tỏ rõ một khối óc đặc sệt".

Cùng với việc chỉ ra các khuyết tật, tệ nạn đã sớm nảy nở hoặc vẫn được duy trì trong các cơ quan chính quyền cần sớm phải khắc phục, trong một số bài báo khác, Người lại có những chỉ dẫn thân tình, cụ thể giúp các cơ quan, nhân viên chính quyền nhanh chóng vượt qua những bước đi ngờ nghệch, chập chững ban đầu. Chỉ kể những tên các bài báo đó cũng đã nói rõ được nội dung hàm súc bên trong như: "Cách tổ chức các ủy ban nhân dân"; "Tinh thần tự động trong ủy ban nhân dân"; "Muốn thành cán bộ tốt, phải có tinh thần tự chỉ trích"; "Chính phủ là công bộc của dân"; "Sao cho được lòng dân"; "Khoan hồng mà không nhu nhược", v.v...

Trong bộ máy nhà nước, cán bộ là nhân tố trung tâm. Hiệu lực của nhà nước quy đến cùng là do cán bộ quyết định. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "... cán bộ là cái gốc của mọi công việc". Tuy nhiên, cán bộ không phải là một thứ có sẵn, nhất là trong thời gian đầu của chính quyền nhân dân như Người chỉ ra: "Chúng ta phải thật thà thừa nhận rằng kinh nghiệm chúng ta còn ít, tài năng chúng ta còn kém, mà công việc thì nhiều: nào quân sự, nào ngoại giao, nào tài chính... trăm đầu nghìn mối, đều những việc mới lạ cho chúng ta". Nhận rõ tầm quan trọng đó của vấn đề cán bộ, tính bức xúc của tình hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, giáo dục phẩm chất đạo đức của người công bộc (đầy tớ công cộng) của dân. Ngay trong điều kiện chiến tranh ác liệt, Người vẫn lần lượt ký các sắc lệnh, đưa ra những quy chế quan trọng về xây dựng đội ngũ công chức Việt Nam, thể hiện một quan niệm đặc sắc về một bộ máy nhà nước hiện đại mà trong điều kiện ngày nay vẫn còn thích hợp.

Thực hiện các quy định mới, các cơ quan có trách nhiệm đã ấn định các kỳ thi tuyển viên chức vào các ngạch, bậc của ngành hành chính. Chẳng hạn, *về chính trị,* phải thi các môn đại cương về Hiến pháp và cách tổ chức của các nước như Anh, Mỹ, Pháp, Liên Xô, Trung Hoa, Bungari và Rumani, về địa vị của nước Việt Nam ở Đông Nam Á và thế giới. *Về kinh tế,* phải thi các môn kinh tế tư bản chủ nghĩa và kinh tế xã hội chủ nghĩa, hình thái kinh tế Việt Nam trước và sau Tổng khởi nghĩa: vấn đề ruộng đất, hợp tác

xã, nội thương, công, kỹ nghệ, chăn nuôi. *Về pháp luật*, phải thi môn chính thể cộng hòa dân chủ Việt Nam, chế độ bầu cử tổ chức Nghị viện theo *Hiến pháp 1946,* tổ chức Chính phủ, tổ chức chính quyền địa phương... Chương trình thi còn cả các môn về địa lý, lịch sử, ngoại ngữ...

Bên cạnh việc thi tuyển viên chức hành chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất xem trọng đội ngũ cán bộ tư pháp, tòa án, những người như chính Người chỉ rõ, phụ trách thi hành pháp luật, phải nêu cao cái gương *"phụng công, thu pháp, chí công vô tư"* cho nhân dân noi theo[1].

Các quy định theo Sắc lệnh số 13 ngày 24 tháng 1 năm 1946 cho thấy rõ quan điểm của Người về chuyên môn hóa cán bộ tư pháp: ở tòa án đệ nhị cấp có 7 hạng, ở tòa án sơ cấp có 5 hạng thẩm phán với các tiêu chuẩn, cách thức tuyển bổ thẩm phán chặt chẽ.

Nói đến mối quan tâm và cũng là điều trăn trở khôn nguôi của Người đối với bộ máy công quyền và đội ngũ nhân viên và cũng là ưu tiên hàng đầu mà Người yêu cầu ở họ là xây dựng một bộ máy, một đội ngũ viên chức trong sạch, không tham ô, không hối lộ, không bị các chứng tật khác làm biến chất. Trong bài *Chính phủ là công bộc của dân,* Người viết: "Nói tóm lại, bao nhiêu những cái xấu xa, thối nát, bất công, áp bức của chế độ cũ, của các hội đồng kỳ mục trước sẽ không thể tồn tại trong các Ủy ban nhân dân bây giờ"[2]. Người chỉ rõ: "Các ủy ban nhân dân làng, phủ là hình thức Chính phủ địa phương phải chọn trong những người có công tâm, trung thành, sốt sắng với quyền lợi dân chúng, có năng lực làm việc, được đông đảo dân làng tín nhiệm. Không thể nhờ tiền tài hay một thế lực gì khác mà chui vào lọt các ủy ban đó"[3].

Trong nhận thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc gây dựng lòng tin, sự tin cậy, tôn kính của người dân đối với chính quyền, nhân viên nhà nước là vô cùng quan trọng. Người viết: "Non hai tháng trước đây, trước cuộc khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945, nói tới hai chữ Chính phủ người ta nghĩ ngay tới một bọn đầu đảng cướp nguy hiểm, xảo quyệt. Trái lại, ai ai đối với Chính phủ nhân dân hiện nay cũng đều có một cảm tình thân mật xen lẫn với một sự tôn kính sâu xa: Chính phủ đối với ta như người "anh cả" trong gia đình,

---

1. Sđd, tập 5, tr. 381, 382.
2, 3. Sđd, tập 4, tr. 23, 22.

một đồng chí phụ trách trong một địa phương, một người đứng mũi chịu sào ta có thể vững lòng trông cậy và gửi số mệnh vào"[1].

Mục đích xây dựng một bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, gồm những người được đào tạo, rèn luyện nghề nghiệp, bảo đảm hiệu quả của công việc là để phục vụ nhân dân, như chính lời Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra sự lý giải khá độc đáo có tính chất giải mã nội hàm của phạm trù "thân dân". Người viết: "Thân dân tức là *phục vụ nhân dân,* đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết"[3]. Tư tưởng thân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh là hướng về con người, hướng về dân tộc, hướng về phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, hướng về các giá trị độc lập, tự do, hạnh phúc của đất nước, của nhân dân.

Như vậy, điều dễ nhận thấy là không có sự đối lập giữa "thân dân" và "vì dân" trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây chính là sự vận dụng trên cơ sở kế thừa các thành tựu, các giá trị văn hóa Đông - Tây được nâng cao cho phù hợp với điều kiện cụ thể về chính trị, xã hội, tâm lý, truyền thống Việt Nam - một đặc trưng tiêu biểu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thưởng phạt nghiêm minh, kịp thời là một đòi hỏi cao, thường xuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chỉ đạo xây dựng bộ máy nhà nước, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của họ.

Người chỉ rõ: "Trong kỷ luật phải chú ý hai điểm:

- Thưởng;

- Phạt.

Từ trước đến nay thưởng phạt chưa làm được đầy đủ, đó là một khuyết điểm to"[4].

Người phê phán nghiêm khắc hiện tượng: "Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác

---

1, 2. Sđd, tập 4, tr. 23, 22.

3. Sđd, tập 8, tr. 215.

4. Sđd, tập 6, tr. 560.

nơi này, đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại đoàn thể ta"[1]. Đây là lời Người nói cách đây 50 năm, trong *Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ*[2], nhưng xét theo nội dung, ý nghĩa của nó, còn giữ nguyên tính thời sự bức xúc, như Người đang nói, đang nhắc nhở mỗi chúng ta hôm nay.

d) Làm cho mọi công dân tham gia quản lý công việc nhà nước.

Bản chất nhân dân, tính chất dân chủ của Nhà nước ta không chỉ thể hiện ở sự hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân của nhân viên và cơ quan nhà nước, mà còn thể hiện đậm nét, đa dạng ở việc huy động được sự tham gia ngày càng đông đảo vào việc quản lý công việc nhà nước. Trình bày báo cáo trước Quốc hội thông qua *Hiến pháp 1959,* trong phần về tổ chức Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Nhà nước phải phát huy quyền dân chủ, phát huy tính tích cực và sáng tạo của nhân dân, "làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc nhà nước..."[3]. Xét từ góc độ thực thi quyền lực, phải xem việc huy động sự tham gia của nhân dân quản lý công việc nhà nước là một phương thức đặc thù, thể hiện một đặc trưng không thể thiếu thuộc bản chất của Nhà nước ta - Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Đáng chú ý, trong các tác phẩm của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh không trực tiếp đề cập đến các phạm trù, khái niệm dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp. Tuy nhiên, điều đó hoàn toàn không có nghĩa là Người không có sự quan tâm đến các phạm trù rất cơ bản này. Ngược lại, Người có cách đặc biệt để đề cập đến những phương thức phổ biến thực hành dân chủ.

Nhân dân tham gia công việc nhà nước là biểu hiện trực tiếp của quyền dân chủ, thể hiện bản chất thực sự dân chủ của một chế độ nhà nước dân chủ. Trước đây, sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, khi đề cập đến

---

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 73, 71.

3. Sđd, tập 9, tr. 590.

vấn đề này, Lênin viết: Mục đích của chúng ta là làm cho hết thảy những người nghèo không trừ một ai, đều thực sự tham gia việc quản lý xứ sở... Mục đích của chúng ta là làm cho *tất cả* những người lao động, một khi đã làm xong tám tiếng đồng hồ trong "nhiệm vụ" sản xuất rồi thì còn đảm nhiệm được *không công* những chức vụ nhà nước... Chủ tịch Hồ Chí Minh nói một cách cụ thể: "Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết"[1]. Người còn nói: "Việc gì cũng phải học hỏi và bàn bạc với dân chúng, giải thích cho dân chúng"[2].

Đây là vấn đề tưởng như rất đương nhiên trong một xã hội dân chủ, một Nhà nước mà bản chất là nhân dân. Tuy nhiên, để thực hiện được điều như đương nhiên đó phải vượt qua một loạt vật cản. Lênin đã nói đến tình trạng "những Xô-viết, theo cương lĩnh của nó, vốn là những cơ quan quản lý do *những người lao động* thực hiện, thì thực tế lại là những cơ quan quản lý phục vụ *những người lao động*, do tầng lớp tiên tiến của giai cấp vô sản chứ không phải do quần chúng lao động thực hiện"[3]. Ở đây Lênin nói đến những hạn chế về cái mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nói đến sau này là "năng lực làm chủ"[4].

Nói đến năng lực làm chủ trong trường hợp này là nói đến nhân tố chủ quan dẫn đến những hạn chế đối với nhân dân, trước hết là những người lao động, người nghèo không có điều kiện về vật chất, văn hóa, tri thức để tham gia công việc nhà nước. Để giải quyết tình trạng này thì không thể chỉ bằng các sắc lệnh của chính quyền như Lênin nói mà phải bằng các cải cách, các chính sách xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Tuy nhiên, cả trong trường hợp khi năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng cao thì việc tham gia của nhân dân vào công việc nhà nước, công việc xã hội không trở thành đương nhiên hoặc tự đến. Thực tế cho thấy, từ hai phía, nhân dân và bộ máy nhân viên nhà nước vẫn còn không ít vật cản đối với việc tham gia công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói nhiều đến yêu cầu nâng cao tinh thần trách nhiệm công dân, làm chủ từ phía người dân và việc từ bỏ các tệ nạn quan liêu, hách dịch, xem thường, khinh miệt quần chúng, vô tâm, tắc trách trước các nhu

---

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 297.

3. V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 38, Nxb Tiến bộ, M. 1977, tr. 255.

4. Sđd, tập 10, tr. 103.

cầu của nhân dân từ phía các cơ quan, nhân viên nhà nước. Tâm lý mặc cảm, tự ti, hoặc nghi ngờ, đố kỵ từ hai phía thường khá phổ biến. Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý: "Có người thường cho dân là dốt không biết gì, mình là thông thái, tài giỏi. Vì vậy, họ không thèm học hỏi dân chúng, không thèm bàn bạc với dân chúng, Đó là một sai lầm nguy hiểm lắm..."[1]. Đồng thời, Người nhắc nhở: *"Chúng ta tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng"*[2]. Người lưu ý: "Dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiên tiến, có lớp chừng chừng, có lớp lạc hậu"[3]. Vì vậy, "không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo. Người cán bộ cũng phải dùng cách so sánh của dân chúng mà tự mình so sánh... Chọn lấy ý kiến đúng, đưa ra cho dân chúng bàn bạc, lựa chọn lại, để nâng cao dần dần sự giác ngộ của dân chúng"[4]; lại "luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ, tùy hoàn cảnh thiết thực trong nơi đó, và lúc đó, đưa ra tranh đấu"[5].

Trong phát huy quyền dân chủ trực tiếp, huy động sự tham gia của nhân dân vào quản lý nhà nước thì vấn đề niềm tin của dân đối với chính quyền, của chính quyền đối với dân là vô cùng cần thiết. Trong xã hội ta có đầy đủ cơ sở để xây dựng niềm tin này. Tuy nhiên, trong đời sống hiện thực, vấn đề hoàn toàn không đơn giản. Ngoài những lý do như nhận thức sai lệch, còn có tình trạng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra, "những cán bộ có khuyết điểm thường sợ dân nói"[6], còn người dân chưa nói, hoặc không dám nói, vì sợ cán bộ "trù", cán bộ "chụp mũ"[7], hoặc do cách lãnh đạo không dân chủ nên "đối với cơ quan lãnh đạo, đối với người lãnh đạo, nhân dân, cán bộ... dù có ý kiến cũng *không dám nói,* dù muốn phê bình cũng sợ, *không dám phê bình...* Họ không nói, không phải vì họ không có ý kiến nhưng vì họ nghĩ nói ra cấp trên cũng không nghe, không xét, có khi lại bị "trù" là khác"[8]. "Họ không dám nói ra thì họ cứ để trong lòng, rồi sinh ra uất ức, chán nản. Rồi sinh ra thói "không nói trước mặt, chỉ nói sau lưng", "trong Đảng im tiếng, ngoài Đảng nhiều mồm" sinh ra thói "thậm thà thậm thụt" và những thói xấu khác"[9].

1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9. Sđd, tập 5, tr. 295, 298, 296, 297, 243..

6. Sđd, tập 12, tr. 213.

Một trong những hình thức thực hành dân chủ trực tiếp là quyền giám sát, thanh tra của nhân dân. Các *Hiến pháp* nước ta đều đã thể chế hóa quyền này và pháp luật về thanh tra còn quy định cả chế định thanh tra nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất xem trọng tác dụng của công tác giám sát, thanh tra. Người nói: "Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không, muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách là khéo *kiểm soát.*

Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa, kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định sẽ bớt đi"[1].

Kiểm soát có hai cách: từ trên xuống và từ dưới lên. Kiểm soát từ dưới lên do quần chúng thực hiện. Đây là cách tốt nhất, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh "để kiểm soát các nhân viên"[2].

Phải nói rằng được sự giáo dục, chăm lo thường xuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà bản thân Người là một mẫu mực, nêu gương sáng về mối quan hệ giữa nhà nước, nhân viên nhà nước và nhân dân, dù trong điều kiện ác liệt của chiến tranh kéo dài và chính quyền non trẻ, một loại quan hệ "cá với nước" đã trở thành một truyền thống hết sức đẹp đẽ trong lịch sử chế độ dân chủ cộng hòa, điều mà ngày nay trở thành như một điểm sáng để chúng ta noi theo và thực hiện.

Gần đây, trong phát biểu khai mạc Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VIII), đồng chí Đỗ Mười đã nhận xét: "Nhà nước ta phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa; mọi hoạt động quản lý, điều hành đều dựa trên những nguyên tắc và phương pháp dân chủ. Tuy nhiên, trong thực thi quyền lực, trong quan hệ với dân có không ít trường hợp các cơ quan nhà nước chưa thể hiện được điều đó. Tình trạng mất dân chủ xảy ra không chỉ ở cấp trên mà ở cả cấp cơ sở, nơi chính quyền ở ngay trong lòng dân"[3].

Kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp trong mối quan hệ "quân và dân", "nhà nước và nhân dân" thời "Cụ Hồ" như nhiều người nói, hiện nay cần ban hành các thể lệ, quy chế về các hình thức nhân dân tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Đại hội Đảng lần thứ VI trên cơ sở tổng

---

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 287, 288, 286.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 1997, tr. 10.

kết sâu sắc quá trình thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở, đã đề ra chủ trương quán triệt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", làm cho nó trở thành nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý Nhà nước của mình[1]. Gần đây, Đại hội Đảng lần thứ VIII lại nhấn mạnh: "Phải có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước"[2].

Sự nhấn mạnh, nhắc nhở thật kịp thời, đúng lúc. Hiện nay, khi chúng ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mọi mặt đời sống xã hội cần phải được tiếp tục dân chủ hóa mạnh mẽ, vai trò của Nhà nước cần được tiếp tục đề cao, hình thức dân chủ trực tiếp, sự tham gia thực sự của nhân dân vào quản lý xã hội, quản lý nhà nước cần được phát huy, phù hợp truyền thống tốt đẹp đậm đà tính cách Hồ Chí Minh.

3. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền đối với Nhà nước.

Quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và đoàn thể quần chúng thực chất là quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Nói đến "Đảng cầm quyền" trước hết là đề cập đến vấn đề Đảng lãnh đạo Nhà nước, bởi vì trong hệ thống chính trị, Nhà nước thể hiện quyền lực xã hội một cách tập trung nhất. Một trong 10 mục tiêu đấu tranh mà Đảng vạch ra trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng tháng 2 năm 1930 là "thành lập Chính phủ công nông binh", Chính phủ đó phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Như vậy, ở nước ta, "Đảng cầm quyền" là chính quyền nhà nước mới do Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh lập nên.

Tư tưởng về Đảng cầm quyền xuyên suốt quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh: Đảng có vai trò lãnh đạo Nhà nước và Nhà nước phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng. Người khẳng định, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước không phải chỉ đem lại lợi ích cho riêng Đảng, cho các đảng viên mà với mục tiêu phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Mục tiêu, lý tưởng của Đảng và mục tiêu cách mạng của dân tộc hoà quyện vào nhau. Khi có chính quyền

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 112.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Sự thật, H. 1996, tr. 44.

Đảng phải nắm chắc chính quyền, lãnh đạo tổ chức, chăm lo xây dựng chính quyền ngày càng trưởng thành, vững mạnh.

Sau khi giành được chính quyền năm 1945, Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ, đồng thời tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Nội dung sự lãnh đạo của Đảng, do hoàn cảnh khách quan chi phối, ở một số lĩnh vực còn đơn sơ, chưa toàn diện, phong phú như ngày nay. Phương thức lãnh đạo của Đảng khi đó là vận động và tổ chức trong điều kiện có bộ máy chính quyền.

Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo nhân dân là tất yếu khách quan. Không chỉ lãnh đạo chính quyền mà Đảng còn "phải lãnh đạo tất cả những tổ chức khác của nhân dân lao động"[1]. Song, Đảng dùng cách gì và làm thế nào để lãnh đạo? Hồ Chí Minh đã khái quát phương thức lãnh đạo gồm ba nội dung chủ yếu: truyền bá lý luận Mác - Lê nin; đề ra khẩu hiệu, mục đích, kế hoạch đấu tranh; "kinh qua đảng viên và các tổ chức của Đảng, Đảng liên hệ chặt chẽ với quần chúng"[2].

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn xây dựng, bảo vệ chính quyền non trẻ và kháng chiến kiến quốc là bước phát triển quan trọng nhất. Người đã dày công tìm kiếm phương thức lãnh đạo cho phù hợp với điều kiện Đảng cầm quyền, đã có sự kết hợp "Đảng và Chính phủ", "Đoàn thể và Chính phủ trong việc lãnh đạo và quản lý". Tư tưởng trên được thể hiện trong nhiều bài viết quan trọng, trong đó nổi bật nhất là tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (10-1947). Trong tác phẩm này, khi đưa ra tiêu chí một Đảng cách mạng chân chính, có 12 điều thì 8 điều liên quan đến phương thức lãnh đạo. Trong sáu chương, thì Người dành riêng một chương bàn về "cách lãnh đạo". Hồ Chí Minh đã chỉ ra các căn bệnh của Đảng cầm quyền, nhất là các bệnh về phương thức lãnh đạo, nổi bật là "bệnh lạm quyền", quản lý đất nước theo cách chế độ cũ thường làm - tức là *cai trị, đè đầu cưỡi cổ nhân dân*. Đồng thời, Người nghiêm khắc phê bình những cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, chính quyền nhiễm phải các căn bệnh đó. Nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và Chính phủ phải triệt để sửa đổi lối làm việc, tích cực chữa chạy bệnh tật theo những "phác đồ" cụ thể đối với từng "bệnh". Đặc biệt "trong công tác, trong tranh đấu, trong huấn luyện, các đảng viên, các

---

1, 2. Sđd, tập 7, tr. 229, 232, 233.

cán bộ, cần phải luôn luôn tự hỏi mình, tự kiểm điểm mình và đồng chí mình. Luôn luôn dùng và *khéo dùng* cách phê bình và tự phê bình, thì khuyết điểm nhất định hết dần, ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi"[1].

Đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ 1954-1969 là: đất nước chuyển sang giai đoạn mới - tạm thời chia làm hai miền; Đảng cùng một lúc lãnh đạo hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở hai miền: miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, vì vậy phương thức lãnh đạo của Đảng ở hai miền cũng có sự khác nhau. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng lãnh đạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa... đã được hoàn thiện với nội dung phong phú.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nhiều lĩnh vực với nội dung, phạm vi, quy mô rộng lớn, có những lĩnh vực mới như: phát triển khoa học - kỹ thuật, mở rộng quan hệ đối ngoại,... đòi hỏi phải có một phương thức lãnh đạo thích hợp. Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng lãnh đạo xây dựng miền Bắc, nhưng không chỉ riêng cho miền Bắc mà còn để chi viện cho miền Nam. Đồng thời, Đảng vẫn tiếp tục lãnh đạo cách mạng miền Nam. Ở thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng hết sức phong phú, toàn diện và có bước phát triển mới, trong đó, Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa ở miền Bắc là nét mới cần phải nghiên cứu.

Ngay từ Đại hội lần thứ II của Đảng, trong Báo cáo chính trị, tổng kết một thời kỳ lịch sử, Hồ Chí Minh đã kết luận: "Dù là bí mật Đảng vẫn lãnh đạo chính quyền và nhân dân"[2]. Một thời gian sau, trong cuốn *Thường thức chính trị*, Người lại tiếp tục khẳng định: Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng và nhân dân vẫn cần có Đảng lãnh đạo vì:

- Dù nhân dân đã nắm chính quyền, nhưng đấu tranh giai cấp trong nước và mưu mô đế quốc xâm lược vẫn còn.

- Vì phải xây dựng kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội cho nên Đảng vẫn phải tổ chức, lãnh đạo, giáo dục quần chúng để đưa nhân dân lao động tiến đến thắng lợi hoàn toàn.

---

1. Sđd, tập 5, tr. 265.
2. Sđd, tập 6, tr. 161.

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng lại có sự bổ sung và phát triển. Tại phiên bế mạc Hội nghị lần thứ 7 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, tháng 3 năm 1955, Người đã kết luận: "Hội nghị đã nêu rõ được phương pháp thiết thực để kiện toàn sự lãnh đạo, như:

Lãnh đạo phải sát thực tế hơn.

Lãnh đạo phải tập thể và dân chủ, phải thống nhất và tập trung.

Phải nâng cao trình độ lý luận của toàn Đảng và nâng cao trình độ tổ chức cho thích hợp với nhiệm vụ và công tác mới. Phải cải thiện sự lãnh đạo tổ chức.

Phải luôn luôn thực hiện tự phê bình và phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên"[1].

Hồ Chí Minh quan niệm: lãnh đạo đúng có nghĩa là phải quyết định mọi vấn đề cho đúng, phải tổ chức sự thi hành cho đúng, phải kiểm soát, "chọn người thay và thay người".

Đảng "lãnh đạo", Nhà nước "quản lý".

Việc phân định ranh giới giữa phương thức lãnh đạo của Đảng với phương thức quản lý của Nhà nước không đơn giản. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: Đảng và Nhà nước đều phục vụ nhân dân, mục đích hoạt động đều đưa lại lợi ích cho nhân dân. Cán bộ đảng hay cán bộ nhà nước đều là đày tớ của nhân dân. Như vậy, Đảng và Chính phủ chỉ có một đối tượng phục vụ đó là nhân dân. Dù giai đoạn nào thì Đảng và Nhà nước cũng có một cái chung căn bản đó là phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Trong phương thức hoạt động, Đảng và Nhà nước cũng có nhiều điểm chung, Đảng lấy ý kiến dân, Chính phủ cũng lấy ý kiến dân... Tuy nhiên, có những điều thì Đảng không trực tiếp làm như ban hành các văn bản pháp luật..., mà chỉ Nhà nước làm, Đảng chỉ lãnh đạo phương hướng chính trị, bố trí cán bộ, kiểm tra...

Trước đây, Lênin cho rằng, Đảng lãnh đạo Nhà nước là một vấn đề có tính nguyên tắc nhưng phải chống lẫn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước, chống sự can thiệp vụn vặt vào công việc của các Xô-viết, dành cho Đảng sự lãnh đạo chung. Đảng không bận bịu với những công việc manh mún. Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng đó. Những vấn đề lớn do Đại hội Đảng, Trung ương và Bộ Chính trị, bàn bạc quyết

1. Sđd, tập 7, tr. 491.

định... Khi thực hành thì đảng viên nhân danh cán bộ nhà nước thể hiện quyết định của Đảng. Hồ Chí Minh là lãnh tụ, là đảng viên của Đảng nhưng khi đứng ra giải quyết thì với tư cách Chủ tịch nước. Người là Chủ tịch Đảng đồng thời là Chủ tịch nước. Tư tưởng của Người là Đảng không bao biện làm thay các công việc của Nhà nước. Khi thực thi pháp luật, kế hoạch của Nhà nước, đảng viên với tư cách là công dân lúc đó trở thành những tấm gương hành động, gương mẫu chấp hành các quyết định của Nhà nước, chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Đảng lãnh đạo Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng hệ thống pháp luật và các lĩnh vực khác đều phải định hướng, tổ chức hướng dẫn nhân dân góp ý kiến, các đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước với tư cách là đại biểu các tổ chức dân cử thuyết phục, đấu tranh bảo vệ quan điểm của Đảng và biểu quyết theo quan điểm của Đảng.

Sau khi định hướng chính trị cho các hoạt động của các cơ quan nhà nước, Đảng phải tổ chức xây dựng bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, bảo đảm cho Nhà nước giữ vững bản chất giai cấp công nhân, Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý và đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải lãnh đạo và tổ chức để đội ngũ đảng viên được nhân dân tín nhiệm bầu vào cơ quan quyền lực chiếm một tỷ lệ cần thiết quyết định. Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý vấn đề giáo dục cán bộ, công chức về lý tưởng, đạo đức cách mạng luôn luôn vì lợi ích đất nước, lợi ích nhân dân; luôn gắn bó và phục vụ nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cuối cùng được thể hiện ở các đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước từ cơ sở. Do vậy, trách nhiệm các đảng viên đó là phải biến quyết định, ý chí của Đảng thành quyết định, ý chí của Nhà nước.

Phần thứ ba

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I.
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN GIÀNH CHÍNH QUYỀN, HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN, ĐƯA CẢ NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) khẳng định: *"Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động"*. Đây là bước phát triển hết sức quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta. Trong thực tế, khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, vai trò, bản lĩnh chính trị của Hồ Chí Minh và Đảng ta không chỉ dừng lại ở việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng.

Học thuyết Mác - Lênin đã khẳng định "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", song quần chúng phải được giác ngộ, được tổ chức lãnh đạo bởi một đường lối chính trị đúng đắn. Sau hành trình gần mười năm bôn ba tìm đường cứu nước, học hỏi và khảo sát khắp các châu lục, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, lựa chọn con đường cứu nước mới - con đường cách mạng vô sản. Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin "làm cốt" không có nghĩa là giáo điều theo từng câu chữ mà nắm cái tinh thần, lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nguyên lý mác-xít - lê-nin-nít chỉ rõ: Đảng Cộng sản là sự kết hợp của chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân, song ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3 tháng 2 năm 1930 lại là sự kết hợp ba yếu tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đặt phong trào

yêu nước là một trong ba thành tố hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh trong vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết vấn đề cơ bản mà cách mạng Việt Nam đã đặt ra ở vào thời điểm đó, cách mạng muốn thành công "trước hết phải có Đảng cách mệnh". Sự lựa chọn con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng ta ngay từ khi mới thành lập. Ở vào thời điểm bước ngoặt quan trọng của cách mạng, điều đó đã làm sáng tỏ bản lĩnh chính trị của Hồ Chí Minh và của Đảng ta. Sự lựa chọn đó đã được kiểm nghiệm bằng thực tế đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với điều kiện lịch sử của một nước thuộc địa nửa phong kiến, chỉ có độc lập thực sự mới tạo điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội và cũng chỉ có xây dựng chủ nghĩa xã hội thì mới thực sự có độc lập cho Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền. Giai cấp thống trị không bao giờ từ bỏ vũ đài chính trị. Vì vậy, Đảng Cộng sản phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh lật đổ giai cấp thống trị giành chính quyền về tay nhân dân. Có đường lối chính trị đúng đắn, gắn bó máu thịt với nhân dân nên trong quá trình vận động, tổ chức và lãnh đạo nhân dân đấu tranh tiến hành sự nghiệp giải phóng, Đảng ta đã khẳng định được vai trò lãnh đạo duy nhất của mình. Đến Hội nghị Trung ương 6 (11-1939), đặc biệt là khi Hồ Chí Minh về nước chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (5-1941), vấn đề chuyển hướng chiến lược cách mạng đã được đề ra. Xác định rõ lúc này đòi hỏi cấp bách của toàn dân tộc là độc lập tự do, hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu "ruộng đất" tập trung cho nhiệm vụ "giải phóng dân tộc". Sự chuyển hướng chiến lược của Đảng ta ở Hội nghị Trung ương 8 là sự trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề dân tộc là bản lĩnh chính trị của Đảng vào thời điểm có tính bước ngoặt của lịch sử. Có sự chuyển hướng kịp thời, có sách lược mềm dẻo, hiệu quả trong việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, gắn quá trình xây dựng lực lượng với sự phát triển của phong trào quần chúng, với những khẩu hiệu và hình thức đấu tranh thích hợp, Đảng đã có những bước chủ động trong thúc đẩy thời cơ và chuẩn bị đón thời cơ tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Một lần nữa bản lĩnh chính trị của Hồ Chí Minh và Đảng ta lại được khẳng định: Chớp đúng thời cơ

"khôn khéo để tránh những sự không có lợi cho ta, kiên quyết để giành cho được nền độc lập hoàn toàn" đã được thể hiện bằng thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, xoá bỏ bộ máy chính quyền của giai cấp thống trị, thành lập chính quyền cách mạng. Mặc dù có nhiều trở ngại, song Hồ Chí Minh và Đảng ta vẫn kiên quyết lãnh đạo và tổ chức thành công Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội khóa I và xây dựng Hiến pháp mới, chuẩn bị lực lượng để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài. Với tinh thần chủ động trong đấu tranh ngoại giao, luôn đề phòng bất trắc và luôn tích cực chuẩn bị điều kiện để tiến hành chiến tranh khi những hoạt động ngoại giao và thiện chí của dân tộc Việt Nam không được đối phương đáp lại, ngày 19 tháng 12 năm 1946, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã quyết định "Toàn quốc kháng chiến". Đến năm 1951, tại Đại hội II, Đảng Cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai, bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh và Đảng ta thể hiện rõ bằng chủ trương mỗi nước ở Đông Dương có một Đảng riêng, quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam. Năm 1976, khi nước nhà đã thống nhất, Đảng Lao động Việt Nam lại trở về với tên Đảng Cộng sản Việt Nam như Hồ Chí Minh đã lựa chọn từ năm 1930. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ được ký kết (7-1954), đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Những năm 1954-1975, Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) - Đại hội mở đầu thời kỳ đổi mới đã nêu lên nhận thức mới của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng dũng cảm thừa nhận *"sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện"* và sáng suốt đề ra đường lối đổi mới toàn diện, tạo ra một bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trải qua bốn kỳ đại hội (Đại hội VI, Đại hội VII, Đại hội VIII và Đại hội IX), Đảng ta dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định của mình bằng cách tự đổi mới, thông qua đổi mới toàn diện, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, đạt nhiều thành tựu quan trọng, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn khi bước vào thế kỷ XXI. Trong bối

cảnh thế giới có nhiều đổi thay, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch trong và ngoài nước đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hoà bình", song bản lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam lại một lần nữa được tỏa sáng khi *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam* - một sự khẳng định phù hợp với quy luật tiến hoá của lịch sử. Mười lăm năm đổi mới (1986-2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu mà một trong những kinh nghiệm đó là trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. "Dĩ bất biến ứng vạn biến", lời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng năm 1946 cũng có thể hiểu rằng: Con đường đấu tranh giành độc lập dân tộc gắn liền với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Hồ Chí Minh và Đảng ta lựa chọn từ năm 1930 là không gì thay đổi được. Song trong mỗi thời điểm cụ thể, từ thực tế của Việt Nam, Đảng có những phương pháp, biện pháp và cách thức tiến hành linh hoạt và mềm dẻo để tránh sa vào giáo điều, khô cứng. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo nhằm tăng cường bản lĩnh chính trị và nâng cao năng lực lãnh đạo của một Đảng cầm quyền là một yêu cầu thiết thực bảo đảm cho Đảng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đi đến thắng lợi hoàn toàn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo nhân dân giành chính quyền cách mạng.

a) Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về sự ra đời của Đảng Cộng sản ở một nước nửa thuộc địa phong kiến.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời từ sự kết hợp ba yếu tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước. Đây là sự vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về sự ra đời của Đảng Cộng sản ở một nước nửa thuộc địa phong kiến và có truyền thống yêu nước từ hàng ngàn năm.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Song xuất phát từ thực tiễn nước ta, một nước thuộc địa nửa phong kiến, một nước ngoài sự phát triển của phong trào công nhân đầu thế kỷ XX thì phong trào yêu nước được kế thừa từ truyền thống hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước tạo nên, phát triển sôi nổi. Con đường giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội đòi hỏi phải có một hệ tư tưởng khoa học tiên tiến thay thế cho hệ tư tưởng phong kiến lỗi thời, hướng dẫn, chỉ đạo con đường phát triển. Song hệ tư tưởng ấy phải có một tổ chức tiên phong cách mạng tập hợp quần chúng nhân dân đông đảo, biến hệ tư tưởng khoa học đó thành hiện thực. Hồ Chí Minh coi "công nông là gốc cách mạng", song công nông và dân chúng nói chung phải giác ngộ, và muốn được giác ngộ, đi từ tự phát đến tự giác thì phải có Đảng cách mạng dẫn đường. Đảng như người cầm lái, người cầm lái có vững, thuyền mới chạy. Và trong tiến trình cách mạng, mọi cương lĩnh, chính sách, chủ trương của Đảng đều bắt nguồn từ hệ tư tưởng đó: chủ nghĩa Mác - Lênin. Cách mạng càng khó khăn, gian khổ càng phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin. Xa rời hệ tư tưởng Mác - Lênin thì cách mạng đi vào ngõ cụt và không tránh khỏi sự thất bại thảm hại.

Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, người đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc Việt Nam. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta thể hiện ở chỗ Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng; Đảng ta lấy độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lấy dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là mục tiêu lý tưởng của mình. Đảng tuân thủ nguyên tắc tổ chức của Đảng là Đảng kiểu mới, Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Song, giai cấp công nhân là một bộ phận trong dân tộc nên vấn đề dân tộc và giai cấp có quan hệ khăng khít với nhau.

Ngay phạm trù giai cấp công nhân cũng cần được nhận thức cho đầy đủ. Mác từng nói đến giai cấp công nhân đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của thời đại. Ngày nay, trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới, nội hàm của giai cấp công nhân cũng phải được mở rộng đến các lực lượng lao động trí óc rộng lớn, thúc đẩy sự phát triển xã hội. Trong thực tiễn, Đảng ta gắn bó máu thịt với dân tộc, với nhân dân và được nhân dân thừa nhận. Toàn bộ nghị lực của Đảng, toàn bộ sự phấn đấu, hy sinh của các thế hệ đảng viên đều hướng vào mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, giành tự do, độc lập, hạnh phúc cho nhân dân. Ngoài mục tiêu đó, Đảng ta

không có mục tiêu nào khác. "Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác". Trong những khúc quanh co của lịch sử, Đảng ta luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, trách nhiệm to lớn đối với nhân dân, đối với vận mệnh của dân tộc. Trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta luôn thể hiện là người chiến sĩ tiên phong, hoàn thành sứ mệnh lịch sử cao cả mà dân tộc, nhân dân giao cho, giải phóng dân tộc, thống nhất giang sơn về một mối, bảo vệ từng tấc núi, thước sông, bầu trời, biển cả bao la của Tổ quốc. Trong công cuộc xây dựng đất nước, có những lúc chúng ta đã mắc sai lầm, khuyết điểm như chủ quan, duy ý chí, áp dụng mô hình của nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp quá lâu dài và cả những khuyết điểm, sai lầm khác, song Đảng ta thẳng thắn nhận lấy sai lầm thiếu sót về mình, đã kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, quyết tâm lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn thử thách, trụ được trong bão táp và đi lên.

Nguyễn Ái Quốc - Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và từ đó Người đã dày công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta, vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Việc thành lập Thanh niên cách mạng đồng chí Hội (1925) bao gồm những chiến sĩ yêu nước để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước là hiện thân của sự kết hợp ba yếu tố ngay từ những bước chuẩn bị ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước, đã giúp Đảng ta ngay từ khi mới ra đời phát huy được truyền thống yêu nước, đoàn kết được các lực lượng cách mạng và nhờ giữ được quyền lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam tuyển lựa đảng viên không những trong phong trào công nhân mà còn chọn những phần tử tiên tiến giác ngộ chủ nghĩa cộng sản trong nông dân lao động, trí thức và trong phong trào yêu nước.

b) Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cuối thế kỷ XIX, sau khi bình định xong Việt Nam, thực dân Pháp bắt tay thực thi các chính sách thực dân hà khắc, biến nước ta từ một nước phong kiến độc lập trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Sự thống trị tàn bạo của thực dân Pháp đã làm cho mâu thuẫn dân tộc diễn ra hết sức gay gắt, hàng loạt phong trào yêu nước theo các khuynh hướng khác nhau liên tiếp nổ ra nhằm giải quyết mâu thuẫn chủ yếu đó. Tiêu biểu là phong

trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng, phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào cải cách của Phan Chu Trinh, khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo... Các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc tuy diễn ra quyết liệt, song cuối cùng đều bị thất bại, vì thiếu một đường lối đúng đắn, thiếu một tổ chức lãnh đạo có khả năng tập hợp sức mạnh của toàn dân tộc.

Trong bối cảnh đó, tháng 6 năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc ra đi tìm con đường cứu nước giải phóng dân tộc. Bôn ba khắp năm châu, bốn bể, hoà mình trong cuộc đấu tranh của quần chúng cần lao các dân tộc thuộc địa và chính quốc, năm 1920, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây không chỉ là bước ngoặt đối với bản thân cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, mà còn là bước ngoặt của cách mạng Việt Nam. Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin đã soi rọi cho Nguyễn Ái Quốc cách làm chính trị hiện đại: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc thì trước hết phải có "*Đảng cách mệnh*" để "trong thì vận động và tổ chức quần chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi". Chính từ nhận thức đó, từ năm 1921-1929, Nguyễn Ái Quốc ra sức chuẩn bị về các mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc từng bước truyền bá có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước, đưa phong trào công nhân chuyển dần từ trình độ tự phát lên tự giác; đưa phong trào yêu nước chuyển dần từ lập trường quốc gia sang khuynh hướng mác-xít, rồi từ khuynh hướng mác-xít chuyển sang lập trường cộng sản.

Tháng 3 năm 1929, Chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập ở số nhà 5D, Hàm Long, Hà Nội, gồm có Trần Văn Cung, Trịnh Đình Cửu, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Văn Tuân và Dương Hạc Đính.

Ngày 1 tháng 5 năm 1929, tại Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Hương Cảng, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đã đưa ra đề nghị thành lập Đảng Cộng sản. Đề nghị đó không được chấp nhận, trở về nước, ngày 17 tháng 6 năm 1929, những đảng viên trong Chi bộ Cộng sản 5D Hàm Long đã họp tại số nhà 312, phố Khâm Thiên, Hà Nội, tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, cử ra Ban Chấp hành Trung ương, gồm có Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Trần Văn Cung, Nguyễn Phong Sắc, Trần Tư Chính, Nguyễn Văn Tuân; thông qua "tuyên ngôn" và quyết

định xuất bản báo "*Búa liềm*", xúc tiến việc xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng. Mùa thu 1929, những hội viên còn lại trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã cải tổ tổ chức này thành *An Nam Cộng sản Đảng*. Ngày 1 tháng 1 năm 1930, *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* ra đời từ trong phái "tả" của Tân Việt Cách mạng Đảng.

Như vậy trong vòng 6 tháng, ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời trên đất nước ta, chứng tỏ điều kiện cho việc thành lập Đảng Cộng sản ở nước ta đã chín muồi. Song những người cộng sản này đánh giá không đúng và chưa nhận thức được hiện tượng phân tán, chia rẽ về tổ chức của phong trào cộng sản sẽ dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đối với phong trào cách mạng. Vì vậy, khắc phục sự phân tán, chia rẽ về tổ chức, hợp thành một Đảng Cộng sản thống nhất, là nhiệm vụ cấp bách đặt ra lúc bấy giờ đối với cách mạng Việt Nam.

Trước tình hình xuất hiện ba tổ chức cộng sản trong một nước, Quốc tế cộng sản đã gửi thư cho những người cộng sản ở Đông Dương nêu rõ: "Nhiệm vụ quan trọng hơn hết và tuyệt đối cần kíp của những người cộng sản Đông Dương là sớm lập một Đảng cách mạng của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản quần chúng. Đảng ấy phải là một Đảng duy nhất và ở Đông Dương chỉ có Đảng ấy là tổ chức cộng sản mà thôi".

Nhận được tin ở Đông Dương có nhiều tổ chức cộng sản ra đời, ngày 27 tháng 10 năm 1929, Quốc tế cộng sản đã gửi chỉ thị cho nhóm cộng sản Việt Nam nói rõ yêu cầu ở Đông Dương phải có một Đảng Cộng sản thống nhất. Nhận được chỉ thị của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập các đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng bàn việc hợp nhất.

Hội nghị hợp nhất diễn ra từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930, tại nhà một công nhân ở xóm thợ thuộc bán đảo Cửu Long (Hương Cảng), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tham gia hội nghị có các đồng chí Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng; Nguyễn Thiệu, Châu Văn Liêm đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng. Tổng số đảng viên của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng cho tới tháng 2 năm 1930 là 565 đồng chí.

Hội nghị đã nhất trí bỏ thành kiến cũ, thành thật hợp tác và quyết định những vấn đề trọng đại sau:

1. Thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng Cộng sản duy nhất lấy tên là *Đảng Cộng sản Việt Nam* theo đề xuất của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

2. Thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Hội nghị còn thông qua *Lời kêu gọi* của đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đến công nhân, nông dân, đồng bào và đồng chí trong cả nước nhân dịp thành lập Đảng. Những văn kiện quan trọng nêu trên là *Cương lĩnh đầu tiên* của Đảng.

Về mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh "chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[1].

Đó là sự xác định tính chất của cách mạng hiện tại và phương hướng đi tới của cách mạng giải phóng dân tộc, dựa trên cơ sở phân tích điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ và đặt trong bối cảnh chung của thời đại. Mục tiêu ấy cho thấy rõ cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thuộc phạm trù cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội; gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Về nhiệm vụ cách mạng, Cương lĩnh nêu rõ yêu cầu "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập"[2]. Đây là hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng để đưa lại độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, có quan hệ khăng khít với nhau, không tách rời nhau.

Về lực lượng cách mạng, Cương lĩnh chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, các nhà yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Đảng "phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày... Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên, Tân Việt... phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập"[3].

Về phương pháp cách mạng, cương lĩnh khẳng định phải sử dụng con đường cách mạng bạo lực, chứ không thể cải lương, thoả hiệp với kẻ thù. Đảng có sách lược cách mạng thích hợp để lôi kéo các tầng lớp trung gian

---

1, 2. Văn kiện Đảng, *Toàn tập,* tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 1, 2, 4, 5.
3. Văn kiện Đảng, *Toàn tập,* tập 2, tr. 2, 4, 5, 7, 8, 9.

ngả về phía giai cấp vô sản, còn bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì kiên quyết đánh đổ.

Về quan hệ quốc tế, Cương lĩnh khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, "trong khi tuyên truyền các khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới". Với tư cách là một bộ phận của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam nằm trong xu thế vận động chung của thời cuộc, khai thác sức mạnh thời đại phục vụ cho sự nghiệp cách mạng dân tộc. Mặt khác, sự phát triển của phong trào dân tộc Việt Nam lại có đóng góp vào tiến trình cách mạng thế giới. Điều đó chứng tỏ chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng đã kết hợp chặt chẽ ngay từ khi Đảng ta mới thành lập.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng, Cương lĩnh chỉ rõ: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng". Đảng Cộng sản Việt Nam lấy lý luận Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đảng kết nạp vào những "Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh, phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận Đảng thời vào Đảng". Thời hạn dự bị của đảng viên xuất thân từ thành phần công nhân là ba tháng, của đảng viên xuất thân từ nông dân, thợ thủ công nghèo là sáu tháng, của đảng viên xuất thân từ học sinh là chín tháng. Nhiệm vụ của đảng viên là: "Tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và cổ động quần chúng theo Đảng", "Tham gia mọi sự tranh đấu về chính trị và kinh tế của công nông"; "Phải thực hành cho được chánh sách và nghị quyết của Đảng và Quốc tế cộng sản", "Điều tra các việc", "Kiếm và huấn luyện đảng viên mới". Chế độ kỷ luật của Đảng được ghi rõ: "Đảng viên ở nơi này đi nơi khác phải xin phép Đảng và theo cơ quan nơi đó để làm việc"; "Bất cứ về vấn đề nào đảng viên phải hết sức thảo luận và phát biểu ý kiến, khi đa số đã nghị quyết thì tất cả đảng viên phải phục tùng mà thi hành"; "Cách xử phạt người có lỗi trong Đảng do Hội Chấp hành Ủy viên trong cấp Đảng hay đại biểu đại hội định".

Đường lối chiến lược được thể hiện trong Cương lĩnh là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và phù hợp với nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Cương lĩnh trở thành ngọn cờ đoàn kết, tập hợp toàn dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc để đi tới chủ nghĩa xã hội. Sau này, Hồ Chí Minh đánh giá:

"Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta... Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường"[1].

1. Quyết định hợp nhất các tổ chức đoàn thể quần chúng; thông qua điều lệ tóm tắt của Công hội, Nông hội, Đoàn thanh niên cộng sản, Hội phụ nữ, Hội cứu tế đỏ, Hội phản đế (tức Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế).

2. Quyết định kế hoạch thống nhất các cơ sở đảng trong cả nước, định thể thức cử Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và bàn việc thu nạp Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Ngày 24 tháng 2 năm 1930, hai đồng chí Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu thay mặt đại biểu quốc tế, các đồng chí Phạm Hữu Lầu, Hoàng Quốc Việt thay mặt Lâm thời chấp ủy Trung ương cùng với đồng chí Ngô Gia Tự, Bí thư lâm thời chấp ủy Đảng bộ Nam Kỳ đã họp và quyết định chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau hội nghị hợp nhất, chỉ trong một thời gian ngắn, các đảng bộ cơ sở đã được hợp nhất. Lâm thời chấp ủy của Đảng ở các xứ được chỉ định và Ban Chấp hành Trung ương lâm thời được thành lập. Các đồng chí Đình Cửu, Nguyễn Hới, Trần Văn Lan, Nguyễn Phong Sắc, Lê Mao, Phạm Hữu Lầu, Hoàng Quốc Việt được các đảng bộ cử vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, do đồng chí Trịnh Đình Cửu dẫn đầu. Đảng bộ Hoa kiều cũng cử đồng chí Lưu Lập Đạo tham gia Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chính vì quyết định mọi vấn đề trọng đại nêu trên, nên Hội nghị thành lập Đảng (2-1930) có ý nghĩa như một đại hội. Thành quả lớn nhất của hội nghị là đã quy tụ, thống nhất toàn bộ phong trào công nhân và phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của một đội tiên phong duy nhất, với một đường lối cách mạng đúng đắn; tạo sự thống nhất trong toàn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; chấm dứt tình trạng phân tán, chia rẽ của phong trào Cộng sản Đông Dương.

Thắng lợi của hội nghị là thắng lợi của ý thức giác ngộ vì lợi ích căn bản và lâu dài của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc; là kết quả tất yếu của sự chuẩn bị công phu, gian khổ, với những bước đi phù hợp để thể hiện năng lực tổ

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 8.

chức tài tình của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc; là sự thắng thế của tư tưởng vô sản đối với đường lối chính trị của giai cấp vô sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chứng tỏ cách mạng Việt Nam đã chấm dứt được tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo. Đánh giá về sự kiện lịch sử trọng đại này, Hồ Chí Minh viết: "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"[1].

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ đơn độc, biệt lập của phong trào dân tộc Việt Nam. Từ đây gắn chặt phong trào cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh thời đại và sức mạnh trong nước, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 6-1960) đã quyết định lấy ngày 3 tháng 2 năm 1930 là ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

c) Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền cách mạng (1930-1945).

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc, đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ khủng hoảng của cách mạng Việt Nam kéo dài trong suốt nửa cuối thế kỷ XIX và những năm đầu của thế kỷ XX. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng của nhân dân ta phát triển ngày càng mạnh mẽ trong khắp đất nước. Từ những cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định, đồn điền Phú Riềng, công nhân các nhà máy ở Hải Phòng, Vinh - Bến Thủy; phong trào công nhân ở các hầm mỏ, đồn điền... phong trào đã nhanh chóng lan về nông thôn và trở thành cao trào cách mạng rộng lớn, rung chuyển hệ thống chính quyền đế quốc phong kiến trong cả nước. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy, ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh phong trào đấu tranh của nhân dân đã làm rung chuyển hệ thống chính quyền của bọn đế quốc phong kiến. Tuy chưa có chủ trương giành chính quyền nhưng một hình thức chính quyền mới đã được thiết lập đó là nền chuyên chính công - nông dưới hình thức Xô-viết. Khi Xô-viết hình thành, Trung ương Đảng đã có nhiều chỉ thị cho Xứ ủy Trung Kỳ và các cấp ủy đảng ở Nghệ - Tĩnh phải thực sự bảo vệ và hướng cho Xô-viết hoạt động. Trước tình hình đó, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp khốc liệt phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng của nhân dân ta, đặc biệt là phong trào Xô-viết Nghệ - Tĩnh. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương, tổ chức đảng ở các địa phương trong toàn quốc đã lãnh đạo, đưa phong trào đấu tranh

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 8.

tiếp tục phát triển. Khẩu hiệu ủng hộ Xô-viết, lên án thực dân Pháp đàn áp dã man Xô-viết đã vang lên khắp nơi trong cả nước. Từ cuối năm 1930 đến đầu năm 1931, làn sóng đấu tranh sôi sục của quần chúng công - nông đạt tới mức cao trào. Phong trào cách mạng 1930-1931, đỉnh cao là Xô-viết Nghệ - Tĩnh đã giáng cho kẻ thù một đòn choáng váng, báo hiệu thời kỳ sụp đổ không thể tránh khỏi chế độ thống trị của đế quốc phong kiến tay sai ở Việt Nam.

Phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ - Tĩnh cuối cùng đều bị thực dân Pháp khủng bố, dìm trong biển máu. Đảng ta bị tổn thất nặng nề, sau Hội nghị tháng 3 năm 1931 phần lớn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương bị bắt, một số phải tạm thời lánh ra nước ngoài. Cuộc đấu tranh khôi phục cơ sở đảng cũng như phong trào quần chúng lúc này trở nên hết sức khó khăn, phức tạp. Đầu năm 1932, nhiều chi bộ vừa mới khôi phục trở lại thì đã bị kẻ địch khủng bố, phá vỡ ngay. Tuy vậy, các chiến sĩ cách mạng và quần chúng trung kiên vẫn không hề nao núng, kiên trì móc nối, xây dựng cơ sở cả trong và ngoài nước. Cuối năm 1932, đầu năm 1933, nhìn chung cơ sở đảng bước đầu được hồi phục trong phạm vi toàn quốc.

Mặc dù phong trào bị thực dân Pháp khủng bố dã man nhưng ý nghĩa to lớn và sâu sắc của nó đã trở thành bất tử. Thông qua phong trào đấu tranh rầm rộ, sôi nổi đó, Đảng ta đã khẳng định trên thực tế độc quyền lãnh đạo cách mạng của mình. Đường lối, chủ trương của Đảng được kiểm nghiệm trong thực tế và ăn sâu vào quần chúng nhân dân. Khối liên minh công nông, động lực chính của cách mạng Việt Nam được hình thành, tạo nên sự liên kết vững chắc không gì có thể phá vỡ. Phong trào cách mạng trong phạm vi toàn quốc, đặc biệt là Xô-viết Nghệ - Tĩnh đã để lại cho cách mạng nước ta và cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm hết sức quý báu. Đó là những vấn đề cơ bản như xác định nhiệm vụ cách mạng, xây dựng đường lối, xây dựng khối liên minh công nông, phương pháp cách mạng, vấn đề giành, giữ, xây dựng chính quyền, v.v...

Đầu 1934, Ban lãnh đạo ở nước ngoài của Đảng - coi như Ban Chấp hành lâm thời của Đảng - được thành lập nhằm đào tạo cán bộ, đề ra chủ trương, kế hoạch hoạt động và thống nhất nội bộ. Tháng 3 năm 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng đã được triệu tập, họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đánh dấu sự hồi phục hoàn toàn của Đảng, tiếp tục đưa phong trào cách mạng phát triển trong giai đoạn mới. Song song với việc khôi phục các tổ chức đảng, phong trào cách mạng của quần chúng từ giữa năm 1932 cũng đã xuất hiện

ở nhiều nơi. Đầu năm 1934, phong trào đã có ở khắp ba kỳ, kể cả vùng rừng núi đến đồng bằng. Tuy không sôi nổi rầm rộ như những năm 1930-1931, quy mô không lớn nhưng các cuộc đấu tranh đã thu hút rộng rãi nhiều tầng lớp hơn. Bên cạnh giai cấp công nhân, nông dân xuất hiện tầng lớp học sinh, sinh viên, tiểu thương, viên chức... Hình thức tổ chức phong phú, bên cạnh bí mật là chủ yếu thì đã biết lợi dụng triệt để các hình thức hợp pháp và nửa hợp pháp, lợi dụng các tổ chức sẵn có trong quần chúng để tập hợp quần chúng. Nhìn chung các cuộc đấu tranh đều giành được thắng lợi vì yêu cầu đề ra không cao. Qua đó, Đảng đã dần dần tập hợp quần chúng xung quanh mình. Phong trào quần chúng đi từ thấp đến cao và cuối cùng đã tập hợp được lực lượng trên quy mô toàn quốc.

Trong thời gian này, tình hình quốc tế có những chuyển biến hết sức sâu sắc. Chủ nghĩa phát xít đang hình thành và phát triển nhanh chóng là mối đe dọa lớn đối với toàn nhân loại. Để đối phó với nguy cơ mới, Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (họp vào tháng 7-1935) đã có bước chuyển hướng quan trọng, chủ trương lập Mặt trận nhân dân thế giới, bao gồm quần chúng cách mạng và các lực lượng dân chủ chống chủ nghĩa phát xít gây chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

Thực hiện Nghị quyết VII (1935) của Quốc tế cộng sản, xuất phát từ tình hình thực tế, Đảng ta xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là bọn phản động thuộc địa - thực chất cũng là bọn phát xít đang điên cuồng đàn áp phong trào cách mạng. Đảng chủ trương lập Mặt trận phản đế Đông Dương, sau đổi thành Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương, gọi tắt là Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Sách lược đấu tranh, phương thức hoạt động lúc này của Đảng được xác định là lấy hoạt động bí mật là chủ yếu, đồng thời tranh thủ điều kiện thuận lợi để hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp, thông qua đó mà tuyên truyền, giáo dục và rèn luyện quần chúng. Chính nhờ sách lược đúng đắn ấy nên Đảng đã phát động được cao trào cách mạng rất rộng lớn. Đó là phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, đòi tự do cơm áo, hòa bình, đòi cải thiện dân sinh nổ ra rất mạnh mẽ trong những năm 1936-1939, đỉnh cao là những năm 1937, 1938, thu hút được hầu hết các giai tầng trong xã hội Việt Nam tham gia.

Cao trào đấu tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra với nhiều hình thức phong phú. Một mặt Đảng ta khai thác tối đa thời cơ thuận lợi tổ chức quần chúng công khai đấu tranh hợp pháp như phong trào

Đông Dương đại hội, phong trào đấu tranh dưới hình thức đón rước, các cuộc mít tinh, biểu tình, đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng thông qua báo chí, hội tuyên truyền chủ nghĩa Mác, đấu tranh đòi phòng thủ Đông Dương...; mặt khác hết sức chú ý xây dựng các cơ sở bí mật, hình thức hoạt động bí mật, bất hợp pháp. Điều này thể hiện tính nhạy cảm đặc biệt của Đảng ta trong nhận thức tình hình chung cũng như bản chất của kẻ thù cách mạng. Tại "chính quốc" Pháp, Mặt trận Bình dân đã được thành lập và Chính phủ Bình dân ra đời. Đây vẫn là nền chuyên chính tư sản nhưng trước áp lực quốc tế nó đã thi hành một số chủ trương tiến bộ. Ở thuộc địa chúng thả tù chính trị, thi hành một số các cải cách xã hội nhỏ mọn, đưa lại một số quyền lợi cho quần chúng lao động. Mức độ cải cách tuy rất thấp nhưng đối với nước thuộc địa, lại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là điều kiện hết sức quý hiếm với phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng của nhân dân ta.

Từ năm 1936-1939, phong trào đấu tranh dân chủ là một phong trào cách mạng khá đặc biệt trong hoàn cảnh lịch sử bấy giờ. Mặc dù mọi quyền lợi cuối cùng đều bị thực dân Pháp tước bỏ nhưng phong trào có ý nghĩa to lớn. Đảng đã căn cứ chủ trương của Quốc tế cộng sản và tình hình cụ thể ở Đông Dương đề ra sách lược đấu tranh thích hợp nhằm tạo điều kiện cho phong trào cách mạng phát triển rộng lớn. Đặt ra nhiệm vụ chống phản động thuộc địa, tay sai, đòi tự do dân chủ, chống phát xít, chiến tranh nhưng nó khác về bản chất so với tất cả các cuộc cải lương. Bởi Đảng không coi phong trào này là mục đích mà chỉ là sách lược đấu tranh trong quá trình cách mạng khi điều kiện lịch sử cho phép. Vì thế, cao trào 1936-1939 là một giai đoạn trong quá trình đấu tranh giành chính quyền ở Việt Nam. Thông qua các hình thức đấu tranh đã hình thành đạo quân cách mạng rất rộng lớn cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đạo quân cách mạng của Đảng được phát triển mạnh mẽ không chỉ ở giai cấp công - nông mà còn phát triển rộng rãi ở các tầng lớp khác. Cơ sở cách mạng của ta ở nông thôn, thành thị đều mạnh lên, tạo tiền đề quan trọng cho vấn đề giành chính quyền trong giai đoạn tiếp theo. Đặc biệt, chính phong trào đã đào tạo cho Đảng một đội ngũ cán bộ đông đảo. Phạm vi lãnh đạo của Đảng đã được mở rộng. Trước kia, chủ yếu là giai cấp công - nông, bây giờ Đảng đã ảnh hưởng được các tầng lớp khác. Với những ý nghĩa cơ bản đó phong trào đấu tranh dân chủ thời kỳ 1936-1939 là bước chuẩn bị tư tưởng, chính trị, là cuộc tập dượt lần thứ hai cho Cách mạng tháng Tám.

Khi cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ (9-1939), ở Đông Dương, thực dân Pháp đặt Đảng Cộng sản và phong trào đấu tranh yêu nước, dân chủ ra ngoài vòng pháp luật. Trước tình thế đó, Đảng ta đã kịp thời chỉ thị cho các tổ chức đảng, các cơ sở của cách mạng hoạt động công khai nhanh chóng rút ngay vào bí mật, chuyển trọng tâm công tác từ thành thị về nông thôn. Chủ trương này có ý nghĩa lịch sử quan trọng, bởi đi vào nông thôn Đảng ta có điều kiện hoạt động tốt hơn. Tuy vậy, một số nơi cách mạng cũng bị tổn thất do không hiểu rõ thời thế, chần chừ trong việc tổ chức rút lui. Chủ trương rút lui, bảo toàn lực lượng là rất đúng đắn nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của thời cuộc. Tình hình lúc này đòi hỏi Đảng phải có chủ trương mới đáp ứng sự phát triển toàn diện của cách mạng Việt Nam trước bước ngoặt mới. Hội nghị lần thứ sáu (11-1939), lần thứ bảy (11-1940), lần thứ tám (5-1941) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa I) đã đánh giá toàn diện tình hình thế giới, trong nước, đề ra và hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong giai đoạn cách mạng mới. Trên cơ sở đánh giá tình hình và chỉ ra một cách cụ thể nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam, Đảng ta khẳng định: Vấn đề cấp bách nhất là giải quyết mâu thuẫn dân tộc, nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, thành lập Mặt trận tập hợp lực lượng rộng rãi, chuẩn bị lực lượng vũ trang, coi chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm lúc bấy giờ. Để tập trung lực lượng giải quyết vấn đề dân tộc, tạm gác khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của địa chủ, việt gian, phản động chia cho dân cày nghèo, thực hiện giảm tô thuế, chia lại ruộng công".

Trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám, Hồ Chí Minh nhận định: "Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã đưa đến kết quả sự ra đời của nước Nga, Chiến tranh thế giới lần thứ hai chắc chắn sẽ có nhiều nước xã hội chủ nghĩa mới ra đời, cách mạng nhiều nước sẽ thành công". Cuộc chiến tranh đế quốc đã tạo ra khủng hoảng mới, mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc trên thế giới sâu sắc hơn, đưa tới sự phát triển mạnh mẽ phong trào đấu tranh trên phạm vi thế giới.

Về tình hình Đông Dương: Các nghị quyết của Hội nghị Trung ương đều nhấn mạnh tới những chính sắch kinh tế, chính trị, quân sự thời chiến của Pháp, Nhật. Nhân dân ta chưa lúc nào bị áp bức nặng nề như từ năm 1939 trở đi. Hậu quả đó đã làm cho thái độ chính trị của các giai cấp biến chuyển khá sâu sắc, Đảng đánh giá sự chuyển biến của tư sản dân tộc và địa chủ có

những điểm mới: một số khá đông căm ghét đế quốc, đứng trung lập, có lợi cho cách mạng. Để thực hiện nhiệm vụ giải phóng, Đảng chủ trương thay đổi hình thức tổ chức mặt trận; thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi thay Mặt trận Dân chủ. Tại Hội nghị lần thứ tám (1941) Đảng đưa ra chủ trương thành lập chính quyền riêng ở Việt Nam: Chính phủ dân chủ cộng hòa Việt Nam là chính phủ phản ánh thành phần rộng rãi trong dân tộc ta, phản ánh thắng lợi của Mặt trận Việt Minh.

Từ năm 1939 trở đi, Đảng ra sức xây dựng phát triển lực lượng Việt Minh và vận động tư sản, tiểu tư sản, những người yêu nước nhằm cô lập kẻ thù. Tổ chức các hội của thanh niên, phụ nữ, lôi cuốn nhiều trí thức, học sinh tiểu tư sản, Đảng đã thông qua Mặt trận Việt Minh để lôi cuốn trí thức, học sinh yêu nước. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của giai cấp công - nông và các tầng lớp khác; từng bước thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích, xây dựng các căn cứ; đẩy mạnh đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa; củng cố lực lượng có đủ năng lực lãnh đạo; việc chuẩn bị lực lượng có ý nghĩa quyết định trực tiếp cho thắng lợi về sau. Năm 1939, một số địa phương đã bắt đầu tổ chức đội tự vệ.

Từ những tháng đầu năm 1940, ở Nam Bộ lực lượng tự vệ phát triển mạnh, đến cuối năm 1940 có khoảng 15 vạn người tham gia, trong đó 5.000 người được vũ trang thô sơ. Một số địa phương đã chuẩn bị sản xuất bom, tạc đạn, quyên góp đồng, sắt, gang. Một số lò rèn tiến hành sản xuất vũ khí. Trong những năm 1940-1941 đã nổ ra các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ, binh biến Đô Lương. Đây không phải là ngẫu nhiên mà là tất yếu trong quá trình vận động cách mạng của Đảng. Nó chứng tỏ sức mạnh quật cường của nhân dân, báo hiệu sự trở mình của phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, Đội du kích Bắc Sơn đã hình thành. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập và duy trì là dựa vào sự ủng hộ của đồng bào dân tộc miền núi, dựa vào địa thế hiểm trở rừng núi. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã mở ra khả năng khởi nghĩa từng phần, xây dựng căn cứ địa, mở đường tiến lên tổng khởi nghĩa.

Tháng 7 năm 1940, Xứ ủy Nam Kỳ có cuộc họp, thống nhất tổ chức khởi nghĩa. Chủ trương này được báo cáo ở cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy ở Bắc Ninh. Hội nghị đã kết luận, nếu khởi nghĩa nổ ra sẽ thất bại vì thời cơ mới chín muồi ở một phần Nam Bộ, trong lúc cả nước chưa có

điều kiện thích hợp về chính trị, kinh tế... Do vậy nhiệm vụ lúc này là phải ra sức giáo dục quần chúng tích cực chuẩn bị, chờ thời cơ toàn quốc khởi nghĩa vũ trang. Nhưng khi đồng chí Phan Văn Lưu, người mang chỉ thị của Trung ương về đến Sài Gòn thì lệnh khởi nghĩa đã ban bố. Cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa rất lớn, nổ ra trên phạm vi rộng, có tổ chức, có sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Cuộc khởi nghĩa đã khẳng định nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến có quan hệ khăng khít với nhau, lực lượng của giai cấp công nhân và nông dân là đội quân chủ lực đông đảo nhất, vĩ đại nhất. Khi công - nông đã đoàn kết, có sự lãnh đạo của Đảng thì chúng ta có sức mạnh lật đổ kẻ thù. Khởi nghĩa có tác dụng đánh đòn rất nặng vào phát xít và tay sai. Có tác dụng cổ vũ quần chúng toàn quốc tích cực chuẩn bị lực lượng vũ trang. Mặc dù Sài Gòn không khởi nghĩa nhưng các địa phương khác đều khởi nghĩa, nhiều nơi giành được thắng lợi, có nơi giành chính quyền, duy trì được 50 ngày. Trước tình hình đó, tối ngày 22, rạng ngày 23 ở Sài Gòn, địch ra lệnh giới nghiêm và lùng bắt cơ quan đầu não xứ ủy.

Bước sang năm 1945, trước thắng lợi của Đồng minh, thực dân Pháp tăng cường hoạt động, nuôi âm mưu chờ Đồng minh đánh Nhật để khôi phục quyền thống trị. Nhật biết trước âm mưu của Pháp nhưng chưa có điều kiện trừng trị, nên nó đang tạm thời hòa hoãn. Trung ương dự kiến: cuộc đọ sức Pháp, Nhật nhất định sẽ nổ ra. Và rồi Nhật đã lật đổ chính quyền Pháp ở Đông Dương vào đêm 9 tháng 3 năm 1945.

Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung ương đã triệu tập hội nghị mở rộng vào đêm 9 tháng 3 năm 1945, tại Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) Hội nghị ra Chỉ thị: "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Bản chỉ thị phân tích nguyên nhân dẫn tới cuộc đảo chính và chỉ ra: cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Dương phát triển sâu sắc. Cuộc đảo chính của Nhật làm cho chính quyền Pháp ở Đông Dương tan rã, chính quyền của Nhật chưa ổn định được để hoạt động. Trung ương nhận định, thời cơ cách mạng sẽ nhanh chóng chín muồi, bởi vì: nạn đói đang diễn ra ghê gớm, quần chúng oán ghét quân cướp nước; cuộc chiến tranh thế giới đang đi vào giai đoạn quyết liệt, cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, kẻ thù không rảnh tay đối phó với cách mạng; quân Đồng minh sẽ có thể đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật. Song thời cơ để tổng khởi nghĩa vẫn chưa xuất hiện bởi vì: Đội tiên phong chuẩn bị chưa thật đầy đủ trong cả nước. Trước mắt đang còn lúng túng trong việc sửa soạn, chưa sẵn sàng chiến đấu, chưa quyết tâm hy sinh.

Hơn nữa quần chúng trung gian hoang mang nhưng cần một thời gian nữa để họ thấy rõ hậu quả, tính chất phản động của Nhật, lúc đó mới ngả hẳn về phía cách mạng, mới quyết tâm giúp đỡ và đi theo giai cấp công nhân. Nếu không nhạy bén thì giai cấp trung gian không thấy được bản chất của Nhật. Trong cuộc đọ sức tuy Pháp chống Nhật nhưng rất yếu ớt nên Nhật lật đổ Pháp dễ dàng; thời điểm này Nhật chưa đến lúc chia rẽ, hoảng loạn.

Từ tình hình đó, Trung ương xác định: kẻ thù trước mắt của Đông Dương đã thay đổi. Nhật là kẻ thù chính, trước mắt ở Đông Dương. Pháp đã bị Nhật hất cẳng nên không phải là kẻ thù trước mắt. Nhưng chúng ta phải đề phòng âm mưu của phái Đờgôn ở Đông Dương. Trung ương nêu lên khẩu hiệu: đánh đuổi phát xít Nhật, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương. Ban thường vụ có chủ trương lớn là phát động cao trào chống Nhật mạnh mẽ trong toàn quốc, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. Cần phải phát động du kích chiến tranh, lập căn cứ địa cách mạng. Chuẩn bị sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện thời cơ.

Về thời cơ Trung ương nhận định: Nếu Đồng minh đổ bộ, ta phát động quần chúng đứng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Mặt khác, phải cảnh giác với Đồng minh và không nên hoàn toàn lệ thuộc vào điều kiện đó. Nếu Đồng minh không vào chúng ta cũng có thể tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Nhận thức này của Đảng thể hiện tinh thần tự lực cánh sinh, chủ động, sáng tạo. Trước tình hình mới, để phù hợp với yêu cầu, Trung ương quyết định thay đổi mọi hình thức tuyên truyền cổ động, hình thức đấu tranh phải biết nhân cơ hội mà lãnh đạo nông dân phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói. Thông qua phong trào đó sẽ thúc đẩy khí thế cách mạng của quần chúng phát triển mạnh mẽ, động viên quần chúng xuống đường biểu tình, chuẩn bị thực lực, nhanh chóng khởi nghĩa khi thời cơ đến. Nơi có điều kiện thì phải phát động du kích chiến tranh, phát động khởi nghĩa từng phần giành chính quyền từng bộ phận ở địa phương. Trong toàn quốc, cao trào kháng Nhật, cứu nước nổ ra mạnh mẽ, phong phú về nội dung và hình thức. Cuộc khởi nghĩa từng phần tiến hành chiến tranh du kích cục bộ, thành lập các căn cứ địa cách mạng, tiến lên lập khu giải phóng là mặt trận đấu tranh sôi nổi nhất, có tác dụng tích cực khẩn trương cho tổng khởi nghĩa sắp tới. Cuộc đấu tranh chính trị nổ ra sôi nổi. Nổi bật là phong trào nông dân phá kho thóc, cứu nạn đói. Như vậy từ giữa tháng 3 năm 1945, xét nhân tố chủ quan, chúng ta đã chuẩn bị đủ thực lực cách mạng bao gồm đội quân chính trị quần chúng và có lực lượng vũ trang

làm nòng cốt, đông đảo nhất là lực lượng tự vệ. Đảng ta đã chuẩn bị sẵn sàng đón lấy thời cơ. Đó là điều kiện chủ quan bên trong thể hiện thực lực cách mạng. Từ ngày 3 tháng 8 năm 1945 là thời kỳ trực tiếp chuẩn bị tích cực về lực lượng để tiến tới tổng khởi nghĩa.

Tháng 8 năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Bọn phát xít Nhật ở Đông Dương hoang mang tan rã cực điểm. Kẻ thù chính đã đầu hàng, chính phủ Trần Trọng Kim cũng hoang mang tan rã theo Nhật. Với bản chất phản động, ngoan cố, Trần Trọng Kim tìm cách liên hiệp với Anh, Pháp, Mỹ nhưng không kịp. Còn phong trào quần chúng đã phát triển đến đỉnh cao. Giai cấp trung gian đã ngả về phía công - nông, diễn ra đúng như nhận định của Bác Hồ. Hình thức trực tiếp cách mạng đã đến. Đảng ta đã kịp thời có chủ trương đúng đắn để phát động khởi nghĩa.

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, đưa ra chủ trương: Phải kịp thời lãnh đạo toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước lúc Đồng minh Anh, Mỹ vào Đông Dương. Hội nghị nhấn mạnh, cần kịp thời hành động đánh cho Nhật những đòn chí tử, đánh chiếm những nơi chắc thắng, trong khi đánh địch cần phối hợp quân sự, chính trị, binh vận... Ngoài việc quyết định khởi nghĩa, hội nghị đề ra chủ trương đối nội, đối ngoại quan trọng và đề ra ba nguyên tắc để đảm bảo cho tổng khởi nghĩa giành thắng lợi: Một là, tập trung lực lượng vào công việc chính; Hai là, thống nhất mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động, chỉ huy; Ba là, kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội.

Khi mâu thuẫn Nhật - Pháp trở nên gay gắt, thời cơ tổng khởi nghĩa xuất hiện, ngày 3 đến 16 tháng 8 năm 1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày chủ trương tổng khởi nghĩa; thông qua mệnh lệnh khởi nghĩa của Việt Minh và 10 chính sách lớn. Đại hội cử ra Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu. Như vậy, đội tiên phong đã sẵn sàng chiến đấu. Giữa tháng 8, chúng ta có đầy đủ điều kiện để phát động cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Cách mạng tháng Tám đã nổ ra và giành được thắng lợi trên cả nước.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại vườn hoa Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt quốc dân đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám có ý nghĩa vô cùng to lớn. Đối với dân tộc ta, đây là một bước ngoặt vĩ đại. Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực trên đất nước ta. Nhân dân lao động Việt Nam đã thực sự đổi đời, từ địa vị nô lệ, làm thuê trở thành

người làm chủ cuộc sống của mình. Đảng ta từ chỗ hoạt động bí mật, bất hợp pháp, bị đàn áp khủng bố đã trở thành một đảng công khai cầm quyền. Chính quyền cách mạng được thành lập trở thành công cụ sắc bén, có hiệu lực nhất để Đảng ta tiếp tục lãnh đạo, tổ chức nhân dân ta xây dựng đất nước và chiến đấu để bảo vệ nền độc lập của dân tộc mà trước mắt là sự thách thức nghiêm trọng của giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 mãi mãi đi vào lịch sử Việt Nam, là ngày hội lớn nhất, vẻ vang nhất, là mốc son chói lọi trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam.

Sự thành công của Cách mạng tháng Tám là một biểu tượng sinh động có sức cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên phạm vi thế giới và trở thành một trong những *mẫu hình* của phong trào cách mạng thế giới, bổ sung vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin những vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng ở một nước thuộc địa. Nó đã chứng minh một chân lý lớn của thời đại: Trong điều kiện mới của phong trào cách mạng thế giới, các nước đang bị nô dịch hoàn toàn có thể gắn mục tiêu độc lập dân tộc với sự lãnh đạo toàn diện, từ đầu của đội tiền phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản; gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Cuộc Cách mạng tháng Tám để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là các bài học về giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến; về xây dựng khối liên minh công - nông; về thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất rộng rãi; về triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, tập trung mũi nhọn đấu tranh cách mạng vào kẻ thù cụ thể trước mắt; về nắm vững nguyên lý bạo lực cách mạng của quần chúng, kết hợp xây dựng lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, thực hiện khởi nghĩa từng phần, chuẩn bị lực lượng chu đáo, nắm vững thời cơ thực hiện tổng khởi nghĩa vũ trang ở cả nông thôn và thành thị để giành chính quyền.

2. Đảng lãnh đạo hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

a) Đảng lãnh đạo nhân dân bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ mới và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1946-1954).

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có những thay đổi lớn.

Trên thế giới, sau Cách mạng tháng Mười Nga, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới ra đời. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển với quy mô rộng lớn và khí thế ngày càng mạnh mẽ, làm lung lay hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của công nhân, nhân dân lao động, của các đảng cộng sản ở nhiều nước tư bản cũng đang phát triển mạnh.

Đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là ba trào lưu cách mạng thế giới ngày càng phát triển thế tiến công chiến lược toàn diện vào chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

Cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa phong trào giải phóng dân tộc chống ách thực dân, là nội dung chính của tiến trình lịch sử thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Tình hình đó tác động sâu sắc đến Nhà nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám.

Về mặt quốc tế, cách mạng Việt Nam lúc đó ở vào một tình thế không thuận lợi, Việt Nam nằm trong phạm vi tiếp quản của các nước đế quốc mang danh nghĩa Đồng minh. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa mới hình thành và ở xa. Cách mạng Trung Quốc chưa giành được thắng lợi hoàn toàn. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa khác xung quanh Việt Nam chưa phát triển mạnh. Đông Dương trở thành nơi tranh chấp của bọn đế quốc và các thế lực phản động.

Sau khi giành được chính quyền cách mạng, đất nước ta gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, văn hóa, chính trị xã hội. Chúng ta đã phải tiếp thu một "gia tài" đổ nát của chế độ thực dân, phong kiến. Nông nghiệp bị phá sản, công nghiệp bị đình đốn, kinh tế tài chính đều kiệt quệ. Nạn đói năm 1944-1945 chưa qua mà hậu quả của nó cũng như thực lực kinh tế đang đe dọa hàng chục triệu tính mệnh của đồng bào ta. Đó là chưa nói đến hậu quả của chính sách ngu dân, hơn 90% dân số bị mù chữ, tệ nạn xã hội tồn tại đầy rẫy. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, bọn đế quốc và phản động quốc tế đều tập trung tìm mọi cách tiêu diệt cách mạng nước ta. Đối với thực dân Pháp, thất bại ở Đông Dương là một đòn choáng váng. Được sự giúp đỡ của bọn đế quốc và bọn phản động, thực dân Pháp đã ráo riết đẩy mạnh hoạt động phản cách mạng, âm mưu chiếm lại nước ta một lần nữa. Ở miền Nam, 1,5 vạn quân Anh núp dưới danh nghĩa Đồng minh vào tước vũ khí của Nhật, thực chất, chúng cũng là đội quân viễn chinh đang giúp đỡ quân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, miền Nam Trung Bộ tiến tới thôn tính toàn bộ Đông

Dương. Ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng nấp dưới danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, nhưng thực chất chúng là tay sai của đế quốc Mỹ, thi hành âm mưu của Mỹ là tiêu diệt cho được Đảng ta, phá tan Mặt trận Việt Minh, giúp bọn phản động trong nước dựng chính phủ bù nhìn cho chúng. Bọn phản động trong nước, lợi dụng cơ hội đó, chúng đã ngóc đầu dậy, tăng cường hoạt động, ra sức vu cáo, khiêu khích, chia rẽ nội bộ nhằm tập trung bóp chết cơ quan cách mạng nước ta. Bọn đế quốc và phản động tuy chúng thống nhất ở chỗ là tiêu diệt cho được cách mạng, tiêu diệt Đảng ta; biến nước ta thành thuộc địa của chúng nhưng đứng trước quyền lợi thì bọn chúng lại là con chó sói đối với nhau, tên nào cũng muốn giành cho được phần lợi lộc về mình. Do vậy, chúng mâu thuẫn với nhau gay gắt. Sự thống nhất giữa chúng là tạm thời, còn mâu thuẫn giữa chúng là căn bản, là không thể điều hòa được. Do vậy, ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, nhưng việc xác định chính xác kẻ thù và tính chất cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc vẫn diễn ra hết sức gay go và phức tạp.

Cách mạng vừa thành công, nền dân chủ cộng hòa chưa được củng cố vận mệnh đất nước đứng trước thử thách vô cùng nghiêm trọng "ngàn cân treo sợi tóc". Vấn đề cơ bản nhất được đặt ra cho Đảng và nhân dân ta là phải giữ vững chính quyền cách mạng trước sự tiến công điên cuồng của những kẻ thù lớn mạnh, độc ác và nguy hiểm.

Khẩu hiệu hành động được nêu ra lúc này là: "Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết", phải tập trung lực lượng đối phó với kẻ thù chính, nguy hiểm nhất là thực dân Pháp xâm lược.

Yêu cầu bức thiết hàng đầu của cách mạng nước ta lúc này là phải tìm cho ra kẻ thù chính và có biện pháp để phân hóa chúng. Phân tích sâu sắc tình hình cụ thể, Đảng ta đi đến kết luận: Pháp là kẻ thù chính, là kẻ thù số một. Phải tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính. Khẩu hiệu chỉ đạo của Đảng ta đưa ra lúc này là: "Chống Pháp xâm lược, Hoa - Việt thân thiện" nhằm thêm bạn bớt thù, loại trừ dần từng kẻ thù. Lênin đã dạy rằng: chúng ta chỉ có thể thắng được chúng với điều kiện phải có một sự nỗ lực hết sức lớn, phải biết chăm chú lợi dụng những rạn nứt của kẻ thù để tranh thủ bạn đồng minh dù chỉ là có điều kiện, bấp bênh, tạm thời.

Để làm cơ sở cho cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, Đảng đã lãnh đạo nhân dân xây dựng lực lượng chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa. Đây là một nhiệm vụ chiến lược nặng nề, đòi hỏi nhân dân ta phải cố gắng

vượt bậc, phát triển tiềm lực mọi mặt mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng. Nội dung xây dựng lực lượng của Đảng được xác định nhiệm vụ hàng đầu là củng cố, xây dựng chính quyền. Xây dựng, bảo vệ là hai mặt của một vấn đề. Phải triệt để đập tan bộ máy chính quyền cũ, xây dựng bộ máy chính quyền mới từ Trung ương đến địa phương.

Để xây dựng hệ thống chính quyền lập hiến, trong phiên họp của Chính phủ lâm thời tại Hà Nội ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu một trong sáu nhiệm vụ cấp bách cần làm ngay là tổ chức càng sớm càng tốt cuộc tổng tuyển cử dân chủ để người dân được thực hiện quyền tự do, dân chủ của mình. Người nêu rõ: "Trước chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế nên Nhà nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do, dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu[1].

Các lực lượng phản động Việt quốc, Việt cách với sự hậu thuẫn của quân Tưởng đã đưa ra hàng loạt yêu sách ngang ngược. Trước tình thế đó một mặt Chính phủ kiên quyết bác bỏ những đòi hỏi vô lý của địch, đồng thời có một số nhân nhượng nhất định, tạo điều kiện thuận lợi cho chuẩn bị và tiến hành bầu cử. Ngày 11 tháng 11 năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương ra tuyên bố "tự giải tán" thực chất là Đảng rút vào hoạt động bí mật để thực hiện quyền lãnh đạo trong thời kỳ đang diễn ra cuộc đấu tranh một mất, một còn giữa ta và địch.

Trước thái độ mềm dẻo nhưng kiên quyết của ta, các tổ chức Việt quốc, Việt cách đã phải cam kết cùng Việt Minh phấn đấu vì độc lập và đoàn kết dân tộc, tổ chức tổng tuyển cử, đình chỉ công kích lẫn nhau, mở rộng Chính phủ lâm thời...

Ngày 1 tháng 1 năm 1946, Chính phủ liên hiệp lâm thời được thành lập có một số thành viên của Việt quốc, Việt cách tham gia. Nhiệm vụ quan trọng nhất của Chính phủ liên hiệp lâm thời là tổ chức tổng tuyển cử, bầu Quốc hội của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, bất chấp sự khủng bố của kẻ thù cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của chế độ mới được tiến hành. Lần đầu tiên sau những

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 8.

năm dài sống cuộc đời mất tự do, nhân dân ta được hưởng quyền làm chủ của mình. Khoảng 90% tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu, Quốc hội khóa I được bầu ra gồm 333 đại biểu thuộc các giai cấp dân tộc, tôn giáo và các đảng phái khác nhau.

Cuộc tổng tuyển cử diễn ra trong lúc vô cùng khó khăn, phức tạp (kẻ thù phá hoại ráo riết) song đã giành được thắng lợi cực kỳ to lớn. Điều đó đã nói lên nhân dân ta tuyệt đối tin tưởng vào Đảng và Bác Hồ. Đồng thời nó chứng tỏ quần chúng cách mạng thực sự đã có ý thức làm chủ vận mệnh của mình, là biểu tượng sức mạnh to lớn, ý chí độc lập tự do, sự cố kết dân tộc không có gì lay chuyển nổi.

Quốc hội khóa I họp kỳ họp đầu tiên ngày 2 tháng 3 năm 1946, đã đồng ý mở rộng 70 ghế cho lực lượng Việt quốc, Việt cách. Chủ tịch Hồ Chí Minh được Quốc hội ủy nhiệm đã thành lập Chính phủ liên hiệp chính thức có sự tham gia của một số đại biểu tay sai của Tưởng. Trong Chính phủ liên hiệp chính thức này, Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch Chính phủ.

Những nhân nhượng cần thiết trên đây tạo điều kiện hạn chế đến mức thấp nhất những hoạt động chống phá cách mạng của bọn Tưởng và tay sai. Khi quân Tưởng rút về, bọn phản cách mạng lộ mặt đã bỏ chạy, số còn lại đã bị quần chúng vạch tội và bị chính quyền trừng trị. Sách lược hòa hoãn với quân Tưởng được thực hiện với kết quả cao nhất. Chính quyền nhân dân và lực lượng cách mạng được củng cố một bước.

Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội còn thông qua tuyên ngôn khẳng định chủ quyền của nước Việt Nam độc lập tuyên bố chính thể dân chủ cộng hòa, khẳng định quyền và nghĩa vụ của tất cả các dân tộc trên đất nước Việt Nam, khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, quyền tự do của nhân dân Việt Nam.

Tháng 10 năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước ta ra đời. Bản Hiến pháp đã phản ánh thành quả to lớn của Cách mạng tháng Tám. Nó đã đặt nền móng cho việc xây dựng chế độ mới về sau, là cương lĩnh hành động cho toàn Đảng, toàn dân ta tiến lên giành thắng lợi triệt để.

Bản Hiến pháp đó là: "Bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà... Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập... dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do... Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp"[1].

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 440.

Tại kỳ họp thứ hai này Quốc hội còn thảo luận các báo cáo của Chính phủ, ra các nghị quyết về nội trị, ngoại giao, lập chính phủ mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo và bầu Ban Thường trực Quốc hội, quy định vị trí chức năng của các cơ quan lập pháp và hành pháp. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, hệ thống nhà nước bao gồm từ cơ quan lập pháp đến hành pháp, tư pháp đã được xây dựng theo nguyên tắc: của dân, do dân, vì dân.

Cuộc trưng cầu dân ý vĩ đại đó đã đưa đến việc chính thức hóa bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, làm tăng uy tín và hiệu lực của chính quyền cách mạng, tạo nên sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn để tiến hành đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

Sau Cách mạng tháng Tám, do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên đặt ra cho nhân dân ta rất nhiều vấn đề cần giải quyết. Nền kinh tế của nước ta lúc này đang bị bọn đế quốc, phản động quốc tế bao vây ngặt nghèo, lưu thông Bắc - Nam không thực hiện được. Chúng ta lại giải quyết vấn đề kinh tế trong điều kiện trên đất nước đang có thế lực kẻ thù rất lớn. Vụ mùa 1945, thu nhập giảm 50%. Dự trữ lương thực của quốc gia chỉ nuôi được 8 triệu dân trong vòng 3 tháng. Đó là một nguy cơ lớn đang đe dọa trực tiếp tới sinh mệnh chính trị, con người của dân tộc ta.

Đảng xác định: giải quyết vấn đề kinh tế lúc này không chỉ là kinh tế đơn thuần mà còn mang nội dung chính trị. Nó thể hiện bản chất, tính hiệu nghiệm của chính quyền mới, chính quyền dân chủ nhân dân. Nó nhằm tạo cơ sở vật chất cần thiết để làm điều kiện cho cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng. Biện pháp khắc phục của Đảng là: Trước mắt, phát động phong trào nhường áo, sẻ cơm trong toàn thể đảng viên, cán bộ, nhân dân, quân đội nhưng đây chỉ là biện pháp tạm thời; về lâu dài, chủ trương đẩy mạnh sản xuất đã trở thành khẩu hiệu có tính chất chiến lược.

Chủ trương "toàn dân tăng gia sản xuất" là một chính sách kinh tế căn bản của chế độ dân chủ nhân dân mới ra đời. Trước mắt, chính sách đó đã động viên nhân dân Việt Nam khắc phục mọi khó khăn, phát triển sản xuất nông nghiệp với khẩu hiệu "tấc đất, tấc vàng" nhằm giải quyết nạn đói và ổn định đời sống cho nhân dân.

Theo chủ trương của Đảng, chính quyền thực hiện ngay việc tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho nông dân nghèo; chia lại ruộng công; tạm giao ruộng đất của tư nhân bỏ hoang cho nông dân thiếu ruộng; ra thông tư giảm tô 25%; ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thuế vô lý khác, giảm thuế điền thổ 20% trong cả nước, miễn thuế cho vùng bị lụt; thành lập

Ban Khuyến nông ở Trung ương và địa phương để tổ chức, giúp đỡ nông dân khắc phục khó khăn về giống, vốn, nông cụ, điều hòa sức kéo, hướng dẫn nông dân về kỹ thuật canh tác...

Nhờ những chủ trương, biện pháp trên sản xuất nông nghiệp được nhanh chóng khôi phục, có mặt phát triển hơn trước, sản lượng ngô, khoai, sắn và các cây lương thực khác tăng lên gấp bội. Nạn đói được đẩy lùi, đời sống của người nông dân đã được ổn định.

Trong sản xuất công nghiệp, chế độ lao động ngày làm 8 giờ được ban hành; một số quyền lợi của người lao động được quy định cụ thể.

Về tài chính, để giải quyết khó khăn trước mắt, Chính phủ ra sắc lệnh xây dựng "Quỹ độc lập" và tổ chức "Tuần lễ vàng" động viên mọi người yêu nước đóng góp cho cách mạng. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Mặt trận Việt Minh và của Chính phủ, đồng bào cả nước đã tự nguyện góp 370 kilôgam vàng và 20 triệu đồng vào "Quỹ độc lập" và 40 triệu đồng phục vụ quốc phòng[1].

Để xây dựng nền tài chính độc lập của nước nhà, ngày 31 tháng 1 năm 1946, Chính phủ ra sắc lệnh phát hành "tiền Việt Nam". Việc phát hành đồng "tiền Việt Nam" thay thế tiền ngân hàng Đông Dương trên thị trường nước ta là thắng lợi lớn của cách mạng trên mặt trận tài chính.

Nhà nước dân chủ nhân dân đã xóa bỏ những đặc quyền, đặc lợi của thực dân Pháp, giành lại chủ quyền về tài nguyên, hầm mỏ, ngoại thương thuế quan. Giấy bạc Cụ Hồ ra đời, cùng một loạt các biện pháp nhằm bước đầu cải thiện đời sống của các tầng lớp nhân dân lao động được thi hành tượng trưng cho nền kinh tế độc lập của một đất nước.

Cùng với thắng lợi to lớn bước đầu trên mặt trận kinh tế, tài chính. Chính quyền nhân dân cũng có cố gắng lớn và giành được nhiều thành tích trên lĩnh vực *văn hóa, giáo dục.* Chính sách ngu dân của thực dân Pháp để lại hậu quả nặng nề, hơn 90% dân số Việt Nam bị mù chữ. Cách mạng thành công, một trong những việc cấp bách mà Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm là phải "diệt giặc dốt". Người phát động phong trào toàn dân chống nạn mù chữ. Sau một năm đã có 2,5 triệu người thoát nạn mù chữ.

Chính quyền nhân dân chăm lo xây dựng một nền giáo dục mới. Hệ thống giáo dục từ tiểu học đến đại học được sớm khai giảng trở lại. Tiếng Việt được dùng giảng dạy trong các nhà trường, kể cả ở các trường đại học.

---

1. Số liệu dẫn theo *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* tập 1, Nxb Sự thật, H. 1981, tr. 447.

Tháng 9 năm 1945, nhân ngày khai trường năm học đầu tiên sau ngày cách mạng thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư dặn dò các cháu học sinh: "Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu"[1].

Cùng với giáo dục, sự nghiệp văn hóa cũng phát triển. *Công tác y tế,* vệ sinh phòng bệnh được quan tâm, từng bước hình thành mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Trước hiểm họa xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa rất coi trọng *nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng*. Tháng 1 năm 1946, Trung ương Quân ủy được thành lập giúp Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo công tác quân sự. Các đơn vị dân quân, tự vệ và tự vệ chiến đấu được tổ chức ở các khu phố, thôn xã, các đơn vị giải phóng quân Việt Nam được củng cố, bổ sung lực lượng và trang bị đổi tên thành Vệ quốc đoàn. Ngày 22 tháng 5 năm 1946, Vệ quốc đoàn được đổi thành Quân đội quốc gia Việt Nam. Từ đầu năm 1946 lực lượng vũ trang được biên chế thống nhất theo các cấp từ trung đoàn trở xuống. Nguồn trang bị đầu tiên là súng đạn lấy của quân lính Nhật, Pháp nhưng chủ yếu vẫn là nguồn vũ khí thô sơ như dao găm, giáo mác, mã tấu, gậy tre, v.v...

Bộ đội tập trung, dân quân tự vệ, công an nhân dân là những lực lượng nòng cốt bảo vệ Nhà nước dân chủ nhân dân, bảo vệ an toàn quốc gia, chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ chế độ mới, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

Nguy cơ lớn nhất đe dọa nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới ra đời là một cuộc chiến tranh xâm lược mới. Chủ nghĩa đế quốc không dễ dàng chịu mất Việt Nam, một nước ở khu vực Đông Nam Á có vị trí quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chúng.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp đã nổ súng xâm lược nhằm thôn tính nước ta một lần nữa. Âm mưu của Pháp trong giai đoạn này là thanh toán chính quyền cách mạng trong 18 ngày kể từ vĩ tuyến 16 trở vào.

Giữ vững lời thề độc lập, nhân dân Nam Bộ đã tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Hướng về tiền tuyến miền Nam, nhân dân cả nước dốc sức chi viện chiến trường. Nhiều đơn vị Nam tiến được

---

1. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử,* tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 341.

thành lập khẩn trương lên đường bổ sung cho mặt trận. Tuy gặp khó khăn nhưng các hoạt động kháng chiến ở miền Nam ngày càng phát triển vững chắc. Cùng với Nam Bộ, nhân dân ta tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu của Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước. Hàng vạn thanh niên nô nức lên đường chiến đấu.

Cuối năm 1945, thực dân Pháp đã cho quân đánh rộng ra cả vùng nông thôn. Tuy lực lượng của ta trong giai đoạn này còn gặp rất nhiều khó khăn, song nhờ vào tinh thần anh dũng hy sinh, nhờ biết phát động cả nước bước vào cuộc chiến đấu ngay từ đầu; nhờ có phương pháp đánh địch toàn diện trên cả mặt trận quân sự, ngoại giao, chính trị, kinh tế mà âm mưu chiếm miền Nam nhanh gọn của Pháp đã bị phá sản hoàn toàn. Đến trước ngày toàn quốc kháng chiến, ta đã giành lại được 1.000/1.300 xã bị địch đánh chiếm. Cuộc kháng chiến cực kỳ anh dũng ở miền Nam đã chặn đứng âm mưu của thực dân Pháp là thôn tính miền Nam trong vòng 18 ngày, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài của cách mạng cả nước. Đồng thời, qua đó nó đã giúp cho Đảng ta rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, cần thiết.

Cùng với phong trào kháng chiến ở Nam Bộ, trên mặt trận ngoại giao, ta đã thu được thắng lợi cực kỳ to lớn. Đây là cuộc đấu tranh phức tạp, nó khác hẳn với mọi cuộc đấu tranh ngoại giao thông thường. Cuộc đấu tranh này diễn ra trong điều kiện tương quan lực lượng của ta và Pháp hết sức chênh lệch, hơn nữa, đó là cuộc đấu tranh đối kháng giữa cách mạng và phản cách mạng đang loại trừ, tiêu diệt lẫn nhau.

Kẻ thù lúc này đã cắm chốt trên tất cả các vị trí chiến lược của ta, nó có mối quan hệ phức tạp với nhau, được pháp lý quốc tế thừa nhận. Âm mưu của kẻ thù hết sức thâm độc, mọi kẽ hở nhỏ của ta đều có thể mang tới tai họa rất lớn đối với vận mệnh của quốc gia dân tộc. Điều đó đòi hỏi Đảng ta, nhân dân ta phải có tinh thần cách mạng triệt để và phải hết sức khéo léo, có chiến lược, sách lược phù hợp.

Lúc này, điều kiện chưa cho phép ta đủ sức đánh bại cùng một lúc tất cả mọi kẻ thù, mà trong điều kiện ấy, chúng ta phải tập trung chĩa mũi nhọn với từng kẻ thù một. Vì vậy đối với Tưởng ta có nhường một số quyền lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa nhưng về nguyên tắc là không được vi phạm quyền độc lập tự do của dân tộc, chỉ mang tính chất sách lược, không làm biến chất chính quyền cách mạng.

Nhờ sách lược lê-nin-nít thiên tài đó mà chúng ta đã vượt qua từng bước tình hình hết sức hiểm nghèo. Âm mưu của quân Tưởng muốn bóp chết chính quyền cách mạng đã hoàn toàn bị thất bại.

Về phía Pháp, âm mưu của chúng là tìm mọi cách giàn xếp với Tưởng để ra miền Bắc, bắt mối với bọn tay sai, chuẩn bị cả lực lượng lẫn tổ chức để tiến ra thôn tính miền Bắc nước ta.

Kết cục của sự thỏa hiệp giữa chúng là: ngày 28 tháng 2 năm 1946, Pháp - Tưởng đã ký kết hiệp ước. Pháp nhường cho Tưởng một số quyền lợi kinh tế, còn Tưởng cho phép Pháp thay thế ở miền Bắc.

Đây là một hiệp ước đưa đến sự phát triển tình hình hết sức gay gắt. Tưởng và bọn tay sai muốn dồn chúng ta vào tình thế là phải cầm súng đánh Pháp trong lúc còn quá nhiều điều bất lợi, có thể đưa đến việc chính quyền cách mạng sẽ bị tiêu diệt. Bởi khi ta nổ súng đánh Pháp thì tất yếu cả Pháp và Tưởng sẽ hợp lực chống lại cách mạng nước ta.

Đảng ta nhận định: Trước sau chúng ta cũng phải đánh Pháp, nhưng đánh lúc này là bất lợi, chúng ta phải biến cái bất lợi thành cái có lợi cho ta; cần tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ quốc tế.

Do vậy chủ trương của Đảng là chọn hòa với Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi miền Bắc. Kết quả được ghi trong Hiệp ước Pháp - Việt (6-3-1946), 20 vạn quân Tưởng phải rút lui về nước, là thành quả bước đầu của quá trình đấu tranh, chèo lái hết sức sáng suốt thực hiện chủ trương "hòa để tiến" của Đảng, Chính phủ đứng đầu là Lãnh tụ thiên tài Hồ Chí Minh.

Sau ngày 6 tháng 3 năm 1946, vấn đề dân tộc vẫn chưa được giải quyết, ngược lại càng trở nên gay gắt hơn.

Ngày 18 tháng 3 năm 1946, Pháp kéo quân vào Hà Nội. Chúng tưởng ta yếu nên đã tiến hành khiêu khích, phá hoại trên tất cả các mặt: chính trị, quân sự, kinh tế. Nhân dân ta ở miền Bắc đã tiếp tục đấu tranh chống Pháp bằng các cuộc biểu tình, bất hợp tác với chúng. Ở miền Nam, đồng bào ta đã tiếp tục đấu tranh vũ trang. Tình hình đó buộc Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán sơ bộ với ta ở Đà Lạt. Tiếp đến, đàm phán chính thức ở Pháp từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1946. Nhưng cuộc đàm phán không đi đến thỏa thuận gì. Nguy cơ chiến tranh đã xuất hiện trực tiếp. Đứng trước tình hình ấy, để cứu vãn tình thế và tranh thủ thời gian tiếp tục chuẩn bị lực lượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946.

Sau tạm ước chúng ta khẩn trương tiếp tục chuẩn bị lực lượng.

Pháp đẩy mạnh các hoạt động khiêu khích, lấn chiếm, liên tiếp gây hấn ở Hải Phòng, ở Lạng Sơn... Nấp dưới gót giày của Pháp, bọn tay sai đẩy mạnh các hoạt động phá hoại, ngày 7 tháng 2: gây đổ máu ở Hà Nội; ngày 18 tháng 12: chiếm Bộ Giao thông, Bộ Tài chính, gửi tối hậu thư đòi ta hạ vũ khí đầu hàng chúng, v.v...

Đứng trước diễn biến lịch sử phức tạp, trước vận mệnh tồn vong của dân tộc, đêm 19 tháng 12 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương họp và đã đi đến quyết định phát động kháng chiến toàn quốc, bởi nhân nhượng nữa là vi phạm nguyên tắc, vi phạm đến quyền lợi tối cao của dân tộc.

Mặc dầu cuộc kháng chiến diễn ra lúc này chúng ta còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng không có con đường nào khác.

Ngay ngày hôm sau (20-12), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi đồng bào toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến thần thánh. Nội dung lời kêu gọi đó là:

- Khẳng định ý chí quyết tâm chiến đấu, kháng chiến đến cùng để bảo vệ cho được độc lập tự do.

- Nêu rõ quan điểm cơ bản của cuộc chiến tranh này là toàn dân tiến hành kháng chiến.

- Khẳng định cuộc kháng chiến trải qua nhiều gian khổ hy sinh song nhất định sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn.

Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh có sức mạnh động viên quần chúng cách mạng đấu tranh để bảo vệ độc lập tự do, sức mạnh tinh thần đã biến thành sức mạnh vật chất to lớn; đã phát động được lòng tự hào dân tộc, phát huy tinh thần dân tộc, cả nước đứng dậy chống thực dân Pháp với sức mạnh, vũ khí trong tay; đã giáo dục cho nhân dân ta một thái độ chính trị là kiên quyết kháng chiến đến cùng, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, hy sinh.

Ngày 22 tháng 12 năm 1946, Trung ương đã ra chỉ thị toàn dân kháng chiến. Bản chỉ thị đã vạch ra những nét lớn về đường lối kháng chiến. Cùng với chỉ thị đó, đồng chí Trường Chinh đã thay mặt Trung ương Đảng viết tác phẩm: *Kháng chiến nhất định thắng lợi.* Đó là một tác phẩm lý luận phân tích tính chất, nội dung, đường lối, phương châm cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Đêm 19 tháng 12 năm 1946, khi mật hiệu tấn công phát ra, pháo của ta từ các trận địa ở Láng, Xuân Tảo, Xuân Canh bắn vào quân địch đang đóng

trong thành. Cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân ta nổ ra ở Thủ đô Hà Nội và các thành phố, thị xã khác như: Nam Định, Hải Dương, Vinh, Huế, Đà Nẵng...

Mặc dù lực lượng so sánh rất chênh lệch, nhưng với tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, với tất cả vũ khí có trong tay, ta đã thực hiện được việc tiêu hao lực lượng, giam chân địch, để tạo điều kiện thuận lợi triển khai lực lượng. Đặc biệt ở Thủ đô Hà Nội, 2.500 chiến sĩ vệ quốc đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, bảo vệ từng tấc đất, căn nhà và đã giam chân địch trong thành phố. Với tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", các chiến sĩ ở Thủ đô Hà Nội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ thủ đô trong vòng hai tháng.

Những đòn phản công và tiến công phủ đầu của quân và dân Hà Nội và các địa phương trong cả nước đã phá tan âm mưu của thực dân Pháp định tiêu diệt các lực lượng vũ trang ta ở các thành phố lớn và định đánh úp các cơ quan đầu não của ta ở Hà Nội. Cuộc chiến đấu tiến công, tiêu diệt và tiêu hao giam hãm địch trong các thành phố, đặc biệt ở Thủ đô Hà Nội đã tạo điều kiện cho nhân dân cả nước chủ động bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp trên mọi mặt trận.

Ngày 17 tháng 2 năm 1947, theo kế hoạch, chúng ta đã tiến hành một cuộc lui quân kỳ diệu. Tất cả lực lượng của ta đã vượt qua vòng vây của địch một cách toàn vẹn, lên đường chuẩn bị lập những chiến công mới.

Bị những đòn giáng trả quyết liệt của quân và dân ta, tháng 5 năm 1947, thực dân Pháp tạm co về các thành phố mà chúng chiếm đóng. Chúng ráo riết dựng lên hệ thống chính quyền tay sai và chuẩn bị kế hoạch tấn công tiêu diệt chủ lực ta, bắt cho được Chính phủ kháng chiến do Hồ Chủ tịch đứng đầu. Chúng coi đó là đòn kết thúc chiến tranh.

Theo kế hoạch đã sắp đặt từ trước, ngày 7 tháng 10 năm 1947 thực dân Pháp tập trung 20.000 quân tinh nhuệ, được trang bị đầy đủ vũ khí, trang bị hiện đại mở cuộc tiến công lớn thọc sâu vào hậu phương ta, đánh thẳng vào căn cứ đầu não của cuộc kháng chiến của nhân dân ta: chiến khu Việt Bắc

Bị ta chặn đánh quyết liệt ở các mũi, các hướng, địch tổn thất nặng nề cả về người và trang bị: 3.300 tên bị diệt, 3.900 tên bị thương, 270 tên ra hàng, 18 máy bay bị hạ, 38 ca nô và 16 tàu chiến bị bắn chìm, cơ quan tham mưu chiến dịch của địch cũng bị diệt. Bị thua đau ngày 22 tháng 12 năm 1947, địch buộc phải rút phần lớn quân khỏi Việt Bắc. Kế hoạch "đánh nhanh,

thắng nhanh" của địch bị thất bại thảm hại. Cơ quan chỉ đạo kháng chiến của ta được bảo vệ an toàn, căn cứ địa của cả nước được bảo vệ vững chắc. Bộ đội ta, qua cuộc chiến đấu và thử thách đã trưởng thành một bước về chiến thuật, kỹ thuật.

Phối hợp với chiến trường Việt Bắc, vùng sau lưng địch, chiến tranh du kích được đẩy mạnh, hoạt động phá tề trừ gian diễn ra táo bạo, quyết liệt.

Chiến dịch Việt Bắc là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng. Chiến thắng Việt Bắc cùng thắng lợi trên các chiến trường khác trong Thu Đông 1947 đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta sang một giai đoạn lịch sử mới: giai đoạn phát triển chiến tranh nhân dân, tiến dần lên giành quyền chủ động chiến lược (1948-1950).

Thất bại trong chiến dịch tấn công Việt Bắc đã làm cho thực dân Pháp thấy rằng không thể nhanh chóng giải quyết chiến tranh. Từ 1948 chúng thực hiện chuyển hướng chiến lược, thực hiện "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh dùng người Việt hại người Việt". Từ mở rộng chiếm đóng chuyển sang bình định vùng chiếm đóng, ra sức phát triển ngụy quân, củng cố ngụy quyền, tranh thủ viện trợ của Mỹ đồng thời ra sức phá hoại cơ sở kinh tế chính trị của ta.

Để đánh bại âm mưu, thủ đoạn chiến tranh mới của địch, nhân dân ta đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh cách mạng. Sự phát triển của chiến tranh du kích trên khắp cả nước, từ vùng địch hậu đến chiến trường chính đã đẩy địch sa lầy trên mọi địa bàn.

Trong những năm 1948, 1949 phong trào phá tề của quân dân ta trong vùng tạm chiếm diễn ra vô cùng quyết liệt. Với quyết tâm "biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta".

Từ hình thái chiến tranh du kích là chính, lực lượng bộ đội tập trung cũng đã tiến hành những trận đánh theo kiểu vận động chiến.

Trong các thành phố, thị xã bị địch chiếm đóng, đồng bào đô thị nổi dậy đấu tranh. Điển hình là các cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên và nhân dân thành phố Sài Gòn trong năm 1950 chống thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ.

Trong xây dựng nền kinh tế kháng chiến, nông nghiệp là ngành có vị trí trọng yếu nên các chính sách khuyến nông được Đảng và Nhà nước đặc biệt chú ý. Ngày 14 tháng 7 năm 1949, Chính phủ ra sắc lệnh mới về giảm tô và

một quy định về giảm tức, quy chế lĩnh canh, tạm cấp ruộng đất. Sắc lệnh này một mặt quy định giảm tô 25%, mặt khác xóa bỏ địa tô phụ, xóa bỏ chế độ quá điền, thành lập hội đồng giảm tô ở cấp tỉnh, sắc lệnh mới ban hành quy định tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo. Năm 1950, Chính phủ lại ban hành sắc lệnh tạm giao ruộng đất của địa chủ chạy vào vùng địch chiếm và sắc lệnh trưng thu tất cả ruộng đất hoang tạm cấp cho dân nghèo cày cấy hưởng hoa lợi và miễn nộp thuế trong ba năm. Việc thực hiện chính sách ruộng đất đã thu được nhiều kết quả. Từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1949 chỉ tính từ Liên khu IV trở ra, ta đã tạm cấp 177.000ha ruộng đất cho nông dân.

Từ khi địch mở rộng vùng chiếm đóng và thực hiện âm mưu bình định ác liệt các vùng đó, từ khi cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển lên thời kỳ mới, yêu cầu đối với hậu phương đặt ra nhiều vấn đề cao hơn trước. Những khó khăn về kinh tế, tài chính cũng bộc lộ vô cùng căng thẳng trong những năm 1950-1951.

Để khắc phục khó khăn, đáp ứng yêu cầu mới của kháng chiến phải có những chính sách và biện pháp kinh tế mới, toàn diện và có hiệu quả hơn.

Phong trào sản xuất nông nghiệp trở thành một phong trào quần chúng mạnh mẽ và rộng khắp. Nông dân nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, khắc phục khó khăn và cần cù lao động. Tổng sản lượng lúa ở các vùng tự do và căn cứ du kích đã đạt tới hàng triệu tấn. Tiến lên một bước để đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến và thực hiện triệt để khẩu hiệu "người cày có ruộng". Năm 1953 đã tập trung công tác phát động quần chúng, triệt để giảm tô. Đây được coi là một bước cần thiết để chuẩn bị cải cách ruộng đất.

Sau khi làm ba đợt thí điểm đạt kết quả tốt, tháng 11 năm 1953 Hội nghị lần thứ 5 của Trung ương Đảng và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất (khóa II) của Đảng đã chính thức thông qua cương lĩnh ruộng đất. Và tiến hành cải cách ruộng đất trong năm 1954.

Từ tháng 4 năm 1953 đến tháng 7 năm 1954, ta đã tiến hành năm đợt giảm tô và một đợt cải cách ruộng đất. Những đợt giảm tô và cải cách này mới chỉ tiến hành ở một số vùng tự do nhưng ảnh hưởng của nó đã lan rộng khắp cả nước. Nông dân phấn khởi tin tưởng, phong trào sản xuất, kháng chiến đều lên cao. Tinh thần của cán bộ, chiến sĩ ngoài mặt trận náo nức, phấn khởi.

Thắng lợi của phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất trong hai năm 1953-1954 đã góp phần quyết định vào thắng lợi của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngành công nghiệp quốc phòng có vị trí quan trọng, được ưu tiên phát triển trong thời kỳ kháng chiến, đến năm 1950 đã có hàng vạn công nhân sản xuất trong các xí nghiệp quốc phòng. Năm 1958 ta đã sản xuất được 8.552 tấn vũ khí đạn dược. Tổng số vũ khí, đạn dược ta tự sản xuất được trong 9 năm kháng chiến là trên 7.000 tấn và 5.000 tấn nguyên liệu.

Công nghiệp quốc doanh cùng thủ công nghiệp tư nhân, với hàng ngàn cơ sở sản xuất lớn nhỏ, đã sản xuất ra được các mặt hàng thiết yếu như: vải, giấy, diêm, chè, thuốc lá, hóa chất, thuốc chữa bệnh, khai khoáng...

Ngành giao thông, bưu điện, tài chính cũng được mở rộng. Năm 1951, sắc lệnh về thuế nông nghiệp được ban hành. Do nền kinh tế nước ta lúc này chủ yếu là kinh tế nông nghiệp nên thuế nông nghiệp là nguồn đóng góp lớn nhất của nhân dân, là nguồn thu của quốc gia. Qua thuế nông nghiệp, nhà nước tập trung một số lương thực cần thiết, bảo đảm cung cấp cho tiền tuyến và góp phần bình ổn giá cả những thứ hàng chính trên thị trường.

Cùng với thuế nông nghiệp, Chính phủ lần lượt ban hành sắc lệnh về một số thuế khác: công thương, xuất nhập khẩu, hàng hóa, sát sinh, trước bạ... nhằm huy động sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân.

Tháng 6 năm 1951, "Ngân hàng quốc gia Việt Nam" thành lập, thực hiện phương châm phát triển giấy bạc Việt Nam căn cứ vào nhu cầu phát triển sản xuất, phát triển nền kinh tế quốc dân. Sau đó "Mậu dịch Quốc doanh" cũng ra đời.

Trên mặt trận văn hóa nhân dân ta cũng đạt nhiều thành tựu tích cực. Tính đến cuối năm 1950 đã có 7.500 thôn của 1.500 xã ở 84 huyện thuộc 10 tỉnh hoàn toàn xóa xong nạn mù chữ. Chương trình giáo dục phổ thông được cải tiến theo nội dung dân tộc, dân chủ và phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến. Công tác giáo dục ở cấp tiểu học và trung học phát triển mạnh. Đã có khoảng một triệu học sinh, hàng ngàn cán bộ kỹ thuật đã được đào tạo, một số sinh viên, cán bộ được gửi đi đào tạo ở nước ngoài.

Công tác bảo vệ sức khỏe trong cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ đã được Nhà nước luôn quan tâm chăm lo, phát triển. Từ 4.913 phòng y tế và nhà hộ sinh năm 1949 lên 16.559 trong năm 1953; 28.135 y tá, cán bộ y tế và hệ sinh viên được đào tạo trong kháng chiến là nòng cốt cho phong trào "ba sạch" (ăn sạch, uống sạch, ở sạch) và "bốn diệt" (diệt muỗi, diệt ruồi, diệt chấy rận, diệt chuột bọ) ở các vùng tự do và căn cứ du kích.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ nặng nề trong giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc ta, ngày 27 tháng 3 năm 1948 theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ra chỉ thị phát động phong trào "Thi đua ái quốc" nhằm động viên toàn dân, toàn quân nâng cao nhiệt tình cách mạng và trí sáng tạo ra sức thi đua kháng chiến, kiến quốc.

Hưởng ứng lời kêu gọi thi đua ái quốc của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước dấy lên cao trào thi đua mạnh mẽ, rộng khắp.

Muốn kháng chiến lâu dài và giành thắng lợi, phải *xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân*. Phát triển lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, cải tiến huấn luyện bộ đội và đào tạo cán bộ quân sự theo những kinh nghiệm mới nhất ngoài mặt trận. Tăng cường công tác đảm bảo và chế độ cung cấp cho bộ đội.

Với quan điểm chiến tranh nhân dân, toàn dân toàn diện, chúng ta đã thực hiện vũ trang toàn dân, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, ở những vùng địch chiếm đóng. Chú trọng xây dựng căn cứ địa cả ở rừng núi và đồng bằng, xây dựng các khu du kích, căn cứ du kích ngay trong lòng địch để chủ động đánh địch.

Chất lượng của bộ đội được nâng lên một bước. Từ 80.000 người bắt đầu kháng chiến, qua hơn ba năm chiến đấu, quân đội ta đã có 230.000 người. Trên cơ sở phát triển du kích dân quân, du kích xã, thôn, mỗi huyện đã có một đại đội địa phương, mỗi tỉnh có một tiểu đoàn, mỗi liên khu có một đến vài trung đoàn chủ lực. Từ cuối năm 1949, các đơn vị chủ lực mạnh lần lượt được xây dựng.

Theo nhu cầu mới của cuộc kháng chiến, Đảng chủ trương kiện toàn bộ máy Quân sự Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh gồm ba bộ phận: Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị và Tổng cục Cung cấp. Đảng đã kịp thời bố trí lại lực lượng cán bộ, điều động hàng ngàn cán bộ bổ sung cho lực lượng vũ trang.

Việc sản xuất vũ khí cũng được đẩy mạnh. Vũ khí nhẹ tăng gấp bốn. Các loại vũ khí như súng cối 81, 120, bom phóng ba-dô-ca, SKZ, được sản xuất hàng loạt. Công tác cung cấp của quân đội được tăng cường làm cho chiến sĩ "đủ ăn, đủ súng, đủ thuốc".

Đầu năm 1950 để đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới, ta chủ trương mở chiến dịch Biên Giới.

Nhận định rõ âm mưu của địch, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở chiến dịch Biên Giới nhằm 3 mục đích:

- Tiêu diệt sinh lực địch.
- Khai thông biên giới.
- Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Trong chiến dịch Biên Giới, địch đã thất bại thảm hại và phía ta đã thu được thắng lợi hết sức to lớn. Đây là lần đầu tiên ta chủ động mở chiến dịch tấn công có tầm quan trọng chiến lược, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch (11.500 tên) chủ yếu là lực lượng tinh nhuệ, nòng cốt. Phá vỡ một mảng lớn kế hoạch phòng ngự, hành lang chia cắt Việt Bắc của thực dân Pháp hoàn toàn bị phá vỡ.

Lần đầu tiên ta đã giải phóng một vùng đất rộng lớn: 35 vạn dân - 4.500km^2 (5 thị xã, 13 thị trấn). Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố, mở rộng. Chúng ta thoát khỏi sự bao vây, trên chiều dài 750km biên giới được khai thông, nối liền nước ta với cách mạng các nước.

Chiến thắng Biên Giới đánh dấu sự trưởng thành rất lớn của quân đội ta. Từ đánh nhỏ chuyển lên đánh lớn, từ đánh phân tán chuyển sang chiến đấu tập trung, từ đánh du kích là chủ yếu, vận động chiến là phụ tiến lên đánh chính quy với quy mô lớn. Đánh vận động đã đóng vai trò chủ yếu ở Bắc Bộ. Từ đánh tiêu hao tới chỗ đánh tiêu diệt địch từng bộ phận lớn sinh lực địch. Điều có ý nghĩa quan trọng là bước đầu với chiến dịch Biên Giới chúng ta đã tiến lên nắm quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ, dồn thực dân Pháp vào thế bị động, lúng túng.

Sau khi bị thua to trong chiến dịch Biên Giới, Chính phủ Pháp cử danh tướng Đờ Lát đờ Tátxinhi tổng chỉ huy lục quân khối Bắc Đại Tây Dương sang làm cao ủy kiêm tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương.

Cũng từ năm 1950 trở đi, Mỹ càng can thiệp sâu hơn vào các nước ở bán đảo Đông Dương. Viện trợ của Mỹ ngày càng tăng trong tổng ngân sách chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

Với viện trợ của Mỹ, Đờ Lát đờ Tátxinhi thực thi kế hoạch tác chiến. Xây dựng lực lượng cơ động mạnh, tăng cường lực lượng ngụy quân, xây dựng tuyến phòng ngự bao quanh vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ để ngăn chặn quân chủ lực của ta, tập trung lực lượng bình định vùng chúng chiếm đóng, chủ yếu là vùng đồng bằng Bắc Bộ coi đây là "cái chốt ở Đông Nam

châu Á". Phá hoại các vùng tự do và chuẩn bị mở các cuộc tiến công ra vùng tự do của ta.

Kế hoạch và hành động của Đờ Lát đờ Tátxinhi đã gây cho chúng ta nhiều khó khăn. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch lực lượng kháng chiến ngày càng phát triển mạnh mẽ và tiếp tục giữ quyền chủ động chiến lược.

Tháng 12 năm 1950, ta mở chiến dịch "Trần Hưng Đạo"; tháng 3 năm 1951, ta mở chiến dịch "Hoàng Hoa Thám"; tháng 5 năm 1951 ta mở chiến dịch "Quang Trung" nhằm đánh vào sau lưng địch, tiêu diệt một bộ phận sinh lực của chúng, phá tan lực lượng ngụy quân, tạo điều kiện phát triển chiến tranh du kích ở vùng đồng bằng đông dân, giành lấy địa bàn quan trọng về kinh tế.

Ngày 9 tháng 11 năm 1951, Đờ Lát đờ Tátxinhi tập trung 20 tiểu đoàn bộ binh cơ động chiến lược, có đủ cơ giới, máy bay mở chiến dịch đánh chiếm Hòa Bình. Âm mưu của chúng là nhằm kéo chủ lực ta ra nơi chúng đã chuẩn bị sẵn để tiêu diệt, giành lại quyền chủ động và chặn đường tiếp tế vận chuyển giữa Việt Bắc và Trung Bộ của ta, đồng thời gây một tiếng vang để lên dây cót tinh thần cho quân đội chúng và tranh thủ thêm viện trợ Mỹ.

Nhận định của ta đây là thời cơ tốt để tiêu diệt chúng. Ngày 24 tháng 11 năm 1951, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Nhiệm vụ phá cuộc tiến công Hòa Bình của địch". Chỉ thị vạch rõ: Phải động viên lực lượng toàn dân phá kế hoạch chiếm đóng của địch. Đây là một cơ hội tốt cho chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, đồng bằng Bắc Bộ phát triển.

Lợi dụng thời cơ tốt do phần lớn quân địch bị hãm ở thị xã Hòa Bình, hai đại đoàn chủ lực ta đã tiến sâu vào vùng sau lưng địch ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích, các địa phương đã phát động quần chúng nổi dậy tiêu diệt địch, giải phóng đất đai, mở rộng khu du kích và căn cứ du kích. Xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích phối hợp nhịp nhàng với chiến trường đánh giặc.

Sau hơn hai tháng chiến đấu từ ngày 10 tháng 12 năm 1951 đến 25 tháng 2 năm 1952, 3.700 quân địch trên cả hai mặt trận đều đã bị loại khỏi vùng chiến đấu. Vùng giải phóng và khu căn cứ du kích đều được mở rộng, tạo thành thế liên hoàn trong nhiều tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, kết quả bình định của địch cả năm 1951 bị phá vỡ.

Địch bị tiến công dữ dội cả trước mặt và sau lưng. Thu Đông 1952, quân đội Việt Nam tiến lên Tây Bắc nhằm tiêu diệt sinh lực địch giành dân, mở rộng vùng giải phóng. Sau thất bại Tây Bắc, địch phải tăng cường phòng thủ Thượng Lào.

Mùa hè năm 1953, quân giải phóng Pathét Lào phối hợp với các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đánh vào phòng tuyến Thượng Lào giải phóng một vùng rộng 40.000km^2, tiêu diệt 2.800 tên địch.

Trên các chiến trường Bình Trị Thiên, Liên khu V, Nam Bộ, các căn cứ kháng chiến vẫn được giữ vững. Chiến tranh du kích không ngừng phát triển rộng khắp. Thu Đông 1953 cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn quyết định.Từ năm 1951 thực dân Pháp, dưới áp lực và sự giúp đỡ của Mỹ, đã tăng cường đánh phá ta mạnh hơn trước, thực hiện cuộc chiến tranh tổng lực như dồn dân lập nên vành đai chạy suốt dọc đường số 6, lập hệ thống boong ke để phòng thủ đồng bằng Bắc Bộ và Việt Bắc, xây dựng đội quân cơ động mạnh, chuẩn bị điều kiện để giành chính quyền, chủ động tiến công trên chiến trường, v.v...

Về phía ta, từ sau chiến thắng Biên Giới, ta cũng đã chú trọng xây dựng lực lượng trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, quân sự. Trên cơ sở đó, ta đã đập tan được âm mưu bình định của kẻ địch, giữ vững và triển khai thế tấn công cục bộ, chuẩn bị điều kiện đưa cuộc kháng chiến tiến lên bước nhảy vọt. Để làm cho lực lượng ngày càng chuyển hóa có lợi cho ta, trong những năm 1951, 1952, chúng ta đã liên tiếp mở nhiều chiến dịch tấn công trên quy mô lớn ở Bắc Bộ, đó là chiến dịch Trung Du, chiến dịch Đường số 18, chiến dịch Thượng Lào (4-1953). Hình thái tiến công trên từng hướng chiến lược đã xuất hiện và đang phát triển mạnh mẽ.

Cùng với chiến tranh du kích hoạt động rộng khắp, các chiến dịch trên đã đập tan toàn bộ mục tiêu chiến lược của địch. Chúng ta đã tiêu diệt 2.000 tên, đẩy địch vào tình trạng lúng túng hơn nữa.

Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ II (1951) là một mốc quan trọng trong tiến trình lịch sử cách mạng của nhân dân ba nước Đông Dương. Đại hội đã quyết định thành lập Đảng mác-xít riêng cho Việt Nam, Campuchia và Lào để tạo điều kiện cho cách mạng mỗi nước phát triển trong tình hình mới.

Đại hội quyết định Đảng sẽ công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội lần thứ II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta.

Sau Đại hội Đảng, Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt đã quyết định thống nhất hai tổ chức mặt trận thành Mặt trận liên hiệp quốc dân Việt Nam gọi tắt là Mặt trận Liên Việt. Cương lĩnh của Mặt trận Liên Việt là tiêu diệt đế quốc Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ cùng bọn tay sai, giải phóng dân tộc, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh, cùng nhân dân thế giới bảo vệ hòa bình.

Tiếp theo Đại hội Đảng và Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt là hội nghị liên minh nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia họp ngày 11 tháng 3 năm 1951 tuyên bố thành lập khối liên minh giữa ba dân tộc anh em, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của nhau, phấn đấu vì độc lập, tự do của mỗi nước.

Sức mạnh của Nhà nước chúng ta còn thể hiện trong lĩnh vực quan hệ đối ngoại, với nguyên tắc: Việt Nam muốn "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"[1]. Chính phủ ta đã mở ra quan hệ đối ngoại thân thiện với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế quan hệ giữa Việt Nam với các nước châu Á, đặc biệt là Lào, Campuchia và Thái Lan phát triển khá tốt đẹp.

Tháng 1 năm 1950, Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết công nhận Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tiếp đó, Chính phủ các nước Triều Tiên, Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ Đức, Hunggari, Ba Lan, Bungari, Mông Cổ cũng lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ ta.

Đến 1953, kháng chiến đã trải qua 8 năm. Tình hình diễn ra đúng như dự kiến của Đảng và Hồ Chủ tịch là: ta càng đánh càng mạnh, uy tín chính trị ngày càng phát triển cao trên trường quốc tế. Hình thức tác chiến của ta đã phát triển từ du kích chiến lên chính quy chiến ở trên chiến trường chủ yếu, làm cho kẻ địch ngày càng sa vào thế bị động, lúng túng.

Về kẻ địch, càng đánh càng thua, lực lượng ngày càng bị phân tán. Tuy số lượng quân có tăng lên nhưng chất lượng ngày càng bị giảm sút nghiêm trọng (50 vạn trong đó chiếm 70% ngụy ô hợp), uy tín chính trị của chúng ngày càng bị cô lập. Mâu thuẫn giữa Pháp và Mỹ ngày càng phát triển gay gắt thêm.

Ngay từ đầu 1953, đứng trước thảm họa của sự thất bại nhục nhã, nhiều người trong Chính phủ Lanien Biđôn đã tỏ ra lo ngại và nhận thấy chúng không còn khả năng kéo dài chiến tranh được nữa vì hậu quả của cuộc chiến

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002, tr. 220.

tranh xâm lược bẩn thỉu đó đã quá lớn, quá nặng nề đối với nước Pháp. Mặt khác chúng cảm thấy quá nhục nhã nếu như tự rút lui khỏi cuộc chiến tranh một cách vô điều kiện, do đó, chúng mong muốn tìm ra một lối thoát - muốn kết thúc chiến tranh trên thế mạnh nhằm giữ uy tín cho nước Pháp. Để thực hiện được mong muốn đó, chủ trương của chúng là tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh nhằm giành cho được những thắng lợi quyết định về mặt quân sự sau đó bắt ép ta phải chấp nhận những điều kiện do chúng ban bố. Chủ trương này của Pháp được Mỹ ủng hộ rất tích cực, đế quốc Mỹ càng lộ rõ hơn nữa bộ mặt cực kỳ phản động của nó muốn biến Đông Dương thành một thuộc địa của chúng. Cho nên vừa tích cực viện trợ cho Pháp, Mỹ vừa ra những điều kiện buộc Pháp phải thi hành; nhằm tạo cơ sở thuận lợi cho chúng xâm nhập vào Đông Dương.

Giữa năm 1953, Nava được cử sang chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương (thay Xalăng). Nhằm thực hiện mong muốn của Pháp - Mỹ, Nava đã đặt ra một kế hoạch.

Nava vạch ra một bản kế hoạch chiến lược quy mô lớn gồm hai bước:

- Bước một (từ Thu Đông 1953 đến mùa xuân 1954) phòng ngự chiến lược ở chiến trường miền Bắc, bình định miền Nam, xóa bỏ vùng tự do Liên khu V.

- Bước hai (từ mùa thu năm 1954) tiến công chiến lược miền Bắc, từ thắng lợi quyết định về quân sự buộc ta đàm phán theo điều kiện có lợi cho Pháp. Để sớm thực hiện được kế hoạch đó, điều quan trọng nhất là phải tập trung toàn lực lượng cơ động nhằm tiêu diệt quân chủ lực Việt Nam trong vòng 18 tháng. Mỹ đã ủng hộ kế hoạch Nava. Viện trợ Mỹ lúc này đã chiếm đến 80% ngân sách chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

Kế hoạch Nava là cố gắng cao nhất và cuối cùng của quân thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Chính phủ Pháp hy vọng sẽ giành thắng lợi quyết định trong cuộc chiến tranh lâu dài, tốn kém và đang bị dư luận ở Pháp và quốc tế lên án mạnh mẽ.

Bước vào Đông Xuân 1953-1954 khối chủ lực cơ động của địch đã lên tới 100 tiểu đoàn bộ binh. Địch đã tập trung 50% toàn bộ lực lượng và 90% lực lượng cơ động ở Đông Dương ra Bắc Bộ.

Nhìn tổng quát kế hoạch của Nava không có điểm gì mới mẻ, phương pháp của nó cũng chỉ là lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt. Điểm khác với các kế hoạch trước chỉ là ở chỗ mức độ. Chúng xác định, cần phải thực hiện chiến tranh với quy mô rộng lớn hơn, nhanh hơn, mạnh hơn, ác liệt hơn.

Kế hoạch Nava vừa có chỗ mạnh nhưng lại có chỗ yếu rất cơ bản. Nếu chúng ta không nắm chắc được điều đó thì sẽ không có chủ trương đúng đắn thích hợp được.

Trên cơ sở phân tích tình hình một cách khoa học, Đảng ta đã rút ra kết luận về phương hướng chiến lược là: tập trung lực lượng mở rộng tấn công về chiến lược vào những vùng quan trọng mà địch sơ hở nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta trên địa bàn xung yếu không thể bỏ qua được, tạo cho ta điều kiện mới tiếp tục tiêu diệt sinh lực địch. Đồng thời với phương hướng chiến lược đó, chủ trương của ta là tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích, phối hợp đánh địch trên tất cả các chiến trường nhằm buộc địch phải phân tán lực lượng hơn nữa, làm cho chúng phải dàn mỏng quân. Kế hoạch cụ thể của ta là, sử dụng một bộ phận chủ lực tấn công vào Tây Bắc, tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng hoàn toàn khu Tây Bắc, kết hợp với quân Lào giải phóng một vùng Trung Lào.

Ở miền Nam: tập trung quân chủ lực mở các đợt tấn công vào Tây Nguyên nhằm mục đích tiêu diệt lực lượng địch giải phóng thêm đất đai. Ở các vị trí còn lại, ta chủ trương tiếp tục duy trì và phát triển chiến tranh du kích.

Về phương châm tác chiến: tư tưởng tác chiến của ta là phải chắc thắng mới đánh, lấy đánh vận động làm cách đánh chính, dùng ưu thế binh lực giành những thắng lợi giòn giã.

Đến tháng 3 năm 1954, trên chiến trường Đông Dương đã có những tình hình thay đổi khác trước:

- Về phía ta, ta đã mở một loạt cuộc tiến công trên nhiều hướng: đã giải phóng được nhiều đất đai, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch. Đã phối hợp được các cuộc tiến công trên các mặt trận chính diện cũng như sau lưng địch, cô lập cao độ lực lượng của địch ở Điện Biên Phủ; chủ động, tạo ra một thế trận rộng khắp, căng địch ra mà đánh.

- Phía địch, lực lượng cơ động của chúng bị phân tán thành nhiều hướng, ý đồ tập trung quân ở đồng bằng Bắc Bộ chúng không thực hiện được như ý muốn. Ở đồng bằng Bắc Bộ, chúng chỉ còn lại 20 tiểu đoàn, nói là quân cơ động nhưng trên thực tế chỉ là đội quân cố thủ, giữ nhà.

Điện Biên Phủ lúc này trở thành điểm quyết chiến chiến lược giữa ta và địch. Nava có tham vọng sẽ biến Điện Biên Phủ thành cái máy "nghiền thịt"

tiêu diệt quân chủ lực của ta, chúng coi đây là "nhọt hút máu độc" trong việc thực hiện kế hoạch của Nava.

Vì vậy Nava đã hạ lệnh xây Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, từ đó, Điện Biên Phủ đã trở thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, thành trung tâm của kế hoạch Nava. Chúng đã tập trung lên đây một lực lượng khoảng 16.200 tên, gồm 49 cứ điểm nằm trong 8 cụm cứ điểm, xây dựng ở đây 2 sân bay, tập trung 80% lực lượng không quân có ở Đông Dương cho Điện Biên Phủ.

Thực dân Pháp coi Điện Biên Phủ là "ngã tư chiến lược quan trọng", là vị trí then chốt để làm bàn đạp chiếm lại Tây Bắc và bảo vệ Thượng Lào. Nava quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, sẵn sàng nghiền nát chủ lực Việt Nam ở thung lũng Mường Thanh. Chấp nhận một trận quyết chiến với ta ở Điện Biên Phủ, Nava đã tiến hành cuộc hành quân ngoài kế hoạch.

Ngày 6 tháng 12 năm 1953, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 bắt đầu. Trước khi tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, bộ đội ta tiến công dồn dập trên nhiều mặt trận khác nhằm đẩy địch vào thế hoàn toàn bị động, đối phó.

Để đánh lạc hướng chú ý của địch và khẩn trương chuẩn bị cho chiến dịch tấn công Điện Biên Phủ, ngày 26 tháng 1 năm 1954, Đại đoàn 308 được lệnh hành quân sang Thượng Lào, phối hợp cùng bạn đánh tan phòng tuyến sông Nậm Hu giải phóng Phông Xa Lỳ, tiến sát Luông Pha Băng.

Phối hợp với các đòn tiến công của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích liên tục mở nhiều đòn tiến công dồn dập ở vùng sau lưng địch.

Các đòn tiến công của ta trên khắp các mặt trận đã giành thắng lợi to lớn thể hiện sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt tiến trình, diễn biến cụ thể của cuộc kháng chiến, thể hiện quyết tâm và sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đầu tháng 3 năm 1954, địch ở Điện Biên Phủ đã tăng lên 17 tiểu đoàn, 10 đại đội, phần lớn là lính Âu Phi thuộc các đơn vị nhảy dù ở Đông Dương. Ngoài ra còn 3 tiểu đoàn pháo, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội xe tăng, 1 đơn vị vận tải 200 xe, 4 phi đội không quân thường trực gồm 12 máy bay.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được bố trí thành 49 cứ điểm đề kháng mạnh với 3 phân khu liên hoàn. Các tướng lĩnh và chính khách cả Pháp và Mỹ nhiều lần đến thị sát Điện Biên Phủ đều cho rằng đây là "pháo đài bất khả xâm phạm". Chúng huênh hoang thách thức quân đội Việt Nam tấn công vào đó.

Điện Biên Phủ thực chất đã trở thành trung tâm điểm của kế hoạch Nava. Có đập tan tập đoàn cứ điểm này mới đánh thắng kế hoạch chiến tranh của Nava, của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Chủ trương của ta: Điện Biên Phủ là một căn cứ cần phải tiêu diệt, có như vậy chúng ta mới đánh bại được kế hoạch của Nava. Do vậy, khi địch xây dựng cứ điểm, Đảng ta đã hạ quyết tâm tiêu diệt bằng được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Điều đó được tính toán trên cơ sở cân nhắc những khó khăn, thuận lợi của ta. Đảng ta thấy rằng, sau những khó khăn là những thuận lợi rất cơ bản. Đó là khả năng của một cuộc chiến tranh nhân dân, đội quân chủ lực của ta đã phát triển mạnh, nhân dân và bộ đội của ta có tinh thần cách mạng rất cao, đã trưởng thành về mọi mặt, có đầy đủ khả năng để đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bằng sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Chúng ta đã hạ quyết tâm tiêu diệt Điện Biên Phủ là nơi địch tập trung mọi cố gắng tới mức cao nhất. Nếu giải quyết được Điện Biên Phủ thì nhất định nó sẽ biến chuyển sang một hình thái mới trên chiến trường có lợi cho ta tiến lên kết thúc chiến tranh.

Trên thực tế ta đã tập trung ưu thế binh, hỏa lực tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đây là chiến thắng to lớn nhất đánh dấu sự tiến bộ vượt bậc, sự chuyển biến lớn lao trong cục diện kháng chiến chống Pháp và bọn can thiệp Mỹ, là một bước nhảy vọt lớn của cách mạng, đập tan mọi cố gắng cao nhất của thực dân Pháp.

Quyết tâm chiến lược của Đảng và Hồ Chủ tịch tiêu diệt toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã biến thành ý chí quyết tâm và hành động cụ thể của hàng vạn chiến sĩ, hàng chục vạn dân công, hàng vạn cán bộ đảng viên ở mặt trận, của hàng triệu đồng bào ở hậu phương. Với khẩu hiệu "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", Đảng, Chính phủ đã động viên cả hậu phương dốc lòng, dốc sức cho sự toàn thắng của chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 11 tháng 3 năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư động viên cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, ta nổ súng tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là chiến dịch lớn nhất trong kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân cả nước. Lực lượng bộ đội được huy động đông nhất, với trang bị hiện đại nhất lúc đó; tiến hành chiến dịch dài ngày, bao gồm một loạt trận đánh công kiên, kết hợp với các hình thức tác chiến khác liên tục cho đến khi quân địch bị tiêu diệt hoàn toàn.

Ngày 1 tháng 5 năm 1954, đợt tấn công thứ 3, đợt tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ bắt đầu.

14 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954, các cánh quân của ta tiến vào khu trung tâm. 17 giờ 30 phút cùng ngày tướng Đờ Cátxtơri và toàn bộ bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị bắt sống, 10.000 quân địch ở phân khu trung tâm kéo cờ trắng ra hàng, 2.000 tên ở phân khu Nam bị bắt sống.

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã toàn thắng, 16.200 tên địch và cả bộ chỉ huy của chúng bị tiêu diệt và bắt sống. Toàn bộ kho tàng, vũ khí của địch bị thu hoặc bị phá hủy, 57 máy bay địch bị bắn rơi.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đỉnh cao của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 là chiến thắng lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ, là một trong những trận tiêu diệt lớn nhất trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc nhỏ chống quân đội nhà nghề của bọn đế quốc. Nó đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đấu tranh giải phóng, báo hiệu sự sụp đổ không gì cứu vãn nổi của chế độ thực dân. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã tạo điều kiện thuận lợi căn bản cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Nhà nước ta.

Đến đây, mâu thuẫn trong nội bộ Chính phủ Pháp cũng như trong bọn đế quốc phát triển gay gắt. Dư luận thế giới ngày càng phản đối mạnh thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đang thực hiện cuộc chiến tranh phi nghĩa, bẩn thỉu ở Đông Dương.

Mặt khác, về cuối Mỹ càng can thiệp trắng trợn và mạnh mẽ hơn nữa vào vấn đề Đông Dương. Do đó, bên cạnh khả năng hòa bình xuất hiện, còn xuất hiện thêm khả năng chiến tranh sẽ mở rộng trên quy mô lớn và ác liệt hơn.

Đảng ta đánh giá, hai khả năng trên đã tồn tại khách quan và sẽ chuyển hóa cho nhau do sự tác động trực tiếp của mỗi bên. Cho nên, một mặt Đảng ta quyết tâm đẩy mạnh kháng chiến, giành cho được thắng lợi quyết định về

quân sự, buộc chúng phải ký hiệp ước với ta. Một mặt sẵn sàng giải quyết bằng con đường thương lượng.

Đây là cách giải quyết có lợi cho ta. Bởi ta đã mạnh lên nhưng chưa thể áp đảo hoàn toàn. Pháp đã suy yếu so với trước nhưng lực lượng của nó vẫn còn mạnh. Giải quyết bằng con đường hòa bình, ta vừa ít tốn xương máu hơn vừa phù hợp với dư luận các nước trên thế giới.

Đầu năm 1954, trước sự đấu tranh của Liên Xô trong hội nghị bộ trưởng 4 nước: Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, bọn đế quốc phải thỏa thuận triệu tập Hội nghị Giơnevơ gồm các nước: Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, Trung Quốc và một số nước có liên quan.

Mặc dù đã thất bại liên tiếp, nhưng ngoan cố, hiếu chiến là bản chất cơ bản của chúng, nên trong hội nghị ta phải tiếp tục đấu tranh hết sức gay go phức tạp.

Cùng với chiến thắng trên chiến trường, sự đấu tranh mạnh mẽ của ta và sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân thế giới, bọn đế quốc phải chấp nhận ký Hiệp định Giơnevơ.

Pháp tuyên bố cam kết tôn trọng quyền của các nước Đông Dương. Quân đội Pháp phải rút khỏi Đông Dương theo thời hạn nhất định. Việt Nam và Pháp đặt quan hệ kinh tế, văn hóa trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Các bên tạm quản lý vùng đóng quân chờ thống nhất. Quyết định tổng tuyển cử thống nhất vào tháng 7 năm 1956.

Đây là một thắng lợi hết sức vĩ đại của ta. Lập trường hiếu chiến ngoan cố của Pháp, Mỹ và bọn tay sai đã bị thất bại thảm hại.

Hiệp định được ký kết đã chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn gần một thế kỷ thực dân Pháp xâm lược nước ta. Chúng ta đã giải phóng được một nửa đất nước, tạo ra tiền đề thiết yếu để xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm căn cứ địa để đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Đối với quốc tế, thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ đã góp phần dập tắt được lò lửa chiến tranh. Lần đầu tiên trong lịch sử, bọn đế quốc phải thừa nhận quyền độc lập của một nước trên bàn hội nghị. Nó đã nâng cao được vai trò của các nước xã hội chủ nghĩa, động viên mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Thắng lợi của hiệp định là kết quả tất yếu của gần một thế kỷ chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược, nhất là trong giai đoạn 9 năm kháng chiến thần thánh; là thắng lợi của việc Đảng ta nắm vững và giải quyết

đúng đắn mối quan hệ giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao, giữ đúng nguyên tắc nhưng mềm dẻo trong đấu tranh ngoại giao nhằm thu được thắng lợi cao nhất; là kết quả của tinh thần đấu tranh kiên quyết và có sách lược đúng đắn của các đoàn ngoại giao, đặc biệt là Liên Xô, cũng như dư luận rộng rãi trên thế giới tiếp tục ủng hộ chúng ta hết sức mạnh mẽ.

Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta từ 23 tháng 9 năm 1945 đến 21 tháng 7 năm 1954 là thời kỳ thứ nhất của 30 năm kháng chiến giải phóng dân tộc. Cuộc kháng chiến đã giành được thắng lợi hết sức vĩ đại. Đây là một thất bại thảm hại của Pháp, Mỹ và bọn đế quốc nói chung.

Thắng lợi của chúng ta chấm dứt tính hiếu chiến xâm lược của Pháp non một thế kỷ. Cuộc kháng chiến đã đưa đến giải phóng một nửa đất nước, tạo ra tiền đề vững chắc để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Với quốc tế, đây là thắng lợi rất lớn của lực lượng cách mạng thế giới, là một cống hiến xuất sắc của dân tộc ta đối với trào lưu cách mạng thế giới.

Thắng lợi đó là kết quả của tinh thần hy sinh vô bờ bến của nhân dân ta, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam được thể nghiệm toàn diện, sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực.

Nguyên nhân căn bản, có ý nghĩa quyết định là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, một Đảng Mác - Lênin chân chính, có đường lối chính trị, phương pháp cách mạng đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo. Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến, Đảng ta luôn luôn quán triệt mục đích của cuộc chiến tranh, quán triệt tư tưởng bạo lực cách mạng một cách triệt để. Chiến tranh là sự kế tục mục đích chính trị ở hình thức cao mà mục đích chính trị đã được Đảng ta quán triệt trong suốt cuộc kháng chiến, trong chính sách đối nội và đối ngoại nhằm mục đích giữ gìn hòa bình thế giới. Đảng ta đã khai thác triệt để tiềm lực to lớn của cả dân tộc, tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, cả nhân tố chính trị do thời đại đưa lại. Điều đó được thể hiện trong phương châm chiến lược của Đảng là: giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ trong chiến tranh; để nhiệm vụ dân tộc lên hàng đầu, đồng thời trong quá trình tiến hành kháng chiến, để bồi dưỡng sức dân, Đảng ta thực hiện một số vấn đề mang nội dung dân chủ (giảm tô, cải cách ruộng đất, hoãn nợ, xóa nợ... nhất là từ 1953).

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta đã đoàn kết được toàn dân, thực hiện từng bước nhiệm vụ của cách mạng, xây dựng hậu phương vững mạnh về chính trị, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về kinh tế cho chiến tranh.

Đảng ta nhận thức rõ sức mạnh của cuộc kháng chiến là sức mạnh của toàn dân và đã phát động được cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, có phương châm chiến lược, nghệ thuật quân sự đúng đắn, biết phát động chiến tranh kịp thời và kết thúc chiến tranh đúng lúc, xử lý đúng đắn mối quan hệ của cách mạng nước ta với phong trào cách mạng thế giới, tranh thủ sự chi viện quốc tế cả về vật chất và tinh thần.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kỳ lịch sử mới: miền Bắc được giải phóng tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh thống nhất nước nhà.

b) Hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1954-1975).

Sau khi hòa bình được lập lại, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới với những thuận lợi mới nhưng cũng còn không ít khó khăn, phức tạp.

Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, đất nước ta tạm thời chia làm hai miền. Sau một năm đấu tranh tiếp quản, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng và bước vào công cuộc xây dựng đất nước. Ở miền Nam, ngay trước lúc Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, đế quốc Mỹ đã dựng lên tay sai Ngô Đình Diệm lập chính phủ bù nhìn (ngày 13-6-1954). Âm mưu của Mỹ là biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài đất nước ta, tiến tới thôn tính miền Bắc, làm bàn đạp tiến công các nước khác. Chính sách đó của Mỹ rất phù hợp với dã tâm của các thế lực phản động trong và ngoài nước đang muốn kìm hãm sự phát triển của cách mạng nước ta. Trong tình hình vô cùng khó khăn nhưng với cách nhìn khoa học, cách mạng, Đảng ta đã khẳng định rằng, trong bất kỳ tình huống nào khi hoàn thành nội dung của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân thì không có đường nào đúng đắn hơn là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử, xu thế thời đại; phù hợp với đường lối cách mạng của Đảng đã được xác định trong Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930. Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Bắc, phù hợp với yêu cầu chung của sự nghiệp cách mạng cả nước. Xác định như vậy không phải chúng ta đi vào con đường phiêu lưu, mạo hiểm mà xuất phát từ thực tế, bên cạnh những khó khăn lớn lúc đó chúng ta có nhiều thuận lợi căn bản. Điều kiện tiên quyết cho hướng đi lên của miền Bắc là chúng ta có Đảng Mác - Lênin chân chính đã được tôi luyện trưởng thành về mọi mặt trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân; có chính quyền dân chủ nhân dân đã thu

được nhiều kinh nghiệm quý báu trong 9 năm "vừa kháng chiến vừa kiến quốc" nay đang chuyển sang làm nhiệm vụ của nền chuyên chính vô sản. Nhân dân miền Bắc đã một lòng quyết tâm đi theo Đảng trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ, nay lại càng phấn khởi bước vào cuộc cách mạng mới: xây dựng chế độ đẹp đẽ nhất của xã hội loài người. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc tiến hành trong điều kiện quốc tế có những vấn đề phức tạp nhưng căn bản có nhiều thuận lợi cho ta đó là sự giúp đỡ về nhiều mặt của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của giai cấp công nhân thế giới.

Tất nhiên từ một nước kinh tế rất lạc hậu sản xuất nhỏ, những manh mún nông nghiệp độc canh phân tán, cơ sở công nghiệp hầu như chưa có gì lại bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta sẽ gặp muôn vàn khó khăn. Khắc phục được những khó khăn đó, đòi hỏi chúng ta phải có nỗ lực phi thường và phải có thời gian để chuyển hóa dần những khó khăn lớn đó. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện từ hạ tầng cơ sở đến kiến trúc thượng tầng; là một cuộc cách mạng to lớn nhất, triệt để nhất và cũng nhiều khó khăn nhất. Trước một xã hội có nền kinh tế nghèo nàn, cơ cấu giai cấp phức tạp, hơn nữa còn đang bị chủ nghĩa thực dân kiểu mới đặt ách thống trị... cho nên tất yếu chúng ta không thể hoàn thành tất cả các nhiệm vụ to lớn đó trong một thời gian ngắn. Bước quá độ của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có thể phải trải qua thời gian dài hơn những nước có điều kiện thuận lợi. Ngoài việc tuân thủ những quy luật chung nhất, chúng ta phải nắm chắc và phân tích tình hình một cách thận trọng để phát hiện quy luật đặc thù, từ đó đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với yêu cầu của cách mạng.

Trong lúc thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đảng đã xác định miền Nam phải kiên quyết đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơnevơ, để thống nhất nước nhà. Đế quốc Mỹ ngày càng ngoan cố dấn sâu hơn việc áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới vào miền Nam, vi phạm thô bạo trắng trợn, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn những điều khoản đã ghi trong Hiệp nghị Giơnevơ. Chúng công khai thi hành chiến lược chiến tranh đơn phương, biến hệ thống ngụy quyền, ngụy quân Ngô Đình Diệm thành công cụ thực hiện học thuyết chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam nước ta. Điều đặc biệt đáng chú ý là: sau khi đã trắng trợn phản đối lại quyền dân tộc cơ bản của các nước Đông Dương trong Hội nghị Giơnevơ, một số người tham gia hội nghị đó lại muốn duy trì tình trạng chia cắt hai miền Nam - Bắc Việt Nam càng lâu dài càng tốt; muốn biến sự nghiệp cách mạng của

nước ta lệ thuộc hoàn toàn vào các nước khác, muốn lấy Việt Nam làm "vốn liếng" buôn bán với Mỹ. Chính vì vậy, trong nhiều cuộc hội đàm với Đảng và Nhà nước ta, có nước đã can ngăn, "khuyên" ta nên "trường kỳ mai phục". Cho rằng vấn đề giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là công việc tiến hành lâu dài 10 năm 20 năm thậm chí 100 năm sau...

Cương quyết đi theo đường lối độc lập, tự chủ, Đảng, Chính phủ và toàn thể nhân dân Việt Nam đã nhất tề nêu cao quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ, thực hiện triệt để mục tiêu độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Điều đó là hoàn toàn phù hợp với quy luật khách quan của cách mạng thế giới, của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Tất nhiên chúng ta thấy rõ rằng, việc vận dụng hai quy luật - quy luật chiến tranh cách mạng, quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa cùng một thời gian trong phạm vi của một dân tộc, do một Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo quả đó là một sự nghiệp vĩ đại và rất phức tạp. Nó đòi hỏi người lãnh đạo và toàn thể nhân dân trong quá trình tiến hành cách mạng phải quan sát thận trọng sự vật đang nảy sinh, phát triển. Nếu không chú ý đúng mức yêu cầu khách quan đó thì khó có thể đưa cuộc cách mạng đến thắng lợi cuối cùng có khi còn tốn rất nhiều xương máu, công sức, của cải vật chất của toàn thể nhân dân.

Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại đó, tuy ở mỗi miền thực hiện nhiệm vụ chiến lược cụ thể khác nhau nhưng lại có mối quan hệ khăng khít không thể tách rời, hỗ trợ nhau cùng đi đến mục tiêu chung là độc lập thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Phải thấy hết mối quan hệ về chất bên trong của hai nhiệm vụ chiến lược thì mới có thể đề ra biện pháp chỉ đạo sát hợp yêu cầu của cách mạng ở mỗi khu vực cụ thể và trong từng giai đoạn cụ thể. Với bản chất khoa học cách mạng, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân Đảng ta giương cao và giải quyết tốt mối quan hệ giữa hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Bộ Chính trị (họp tháng 9 năm 1954): Trong một thời gian nhất định, nhiệm vụ của Đảng ta là đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện hiệp định của địch, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc, từ năm 1954 đến đầu năm 1957, nhân dân ta đã hoàn thành thắng lợi 3 nhiệm vụ to lớn:

Một là, thực hiện tốt cuộc đấu tranh tiếp quản, chúng ta đã buộc thực dân Pháp thi hành những điều khoản trong Hiệp định Giơnevơ: Thực chất đây là một cuộc đấu tranh nhằm tước đoạt quyền sở hữu từ tay tư bản đế quốc sang sở hữu toàn dân. Vì vậy, trong cuộc đấu tranh tiếp quản nó đã hàm chứa nội dung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhờ có tinh thần đấu tranh kiên quyết, bền bỉ của nhân dân lao động miền Bắc cộng với những biện pháp hết sức cứng rắn của Nhà nước mà chúng ta đã đập tan mọi âm mưu quỷ quyệt của kẻ thù như phá hoại máy móc, thúc ép đồng bào miền Bắc "theo Chúa" vào Nam. Đến ngày 22 tháng 5 năm 1955, tên lính viễn chinh cuối cùng của thực dân Pháp phải cút khỏi đảo Cát Bà về nước, miền Bắc Việt Nam hoàn toàn được giải phóng.

Hai là, đã hoàn thành triệt để nhiệm vụ cải cách ruộng đất, đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ phong kiến, đưa 81 vạn ha ruộng đất, hàng triệu nông cụ, trâu bò và các loại tài sản khác chia cho nông dân. Giai cấp nông dân miền Bắc từ địa vị tá điền đã trở thành giai cấp nông dân tự do. Trong cải cách ruộng đất, tuy có phạm phải một số sai lầm nhưng Đảng ta đã khắc phục nhanh chóng, mang lại ý nghĩa thiết thực và trực tiếp góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của đất nước.

Ba là, cùng với quá trình đấu tranh tiếp quản, cải cách ruộng đất đã giành được thắng lợi quyết định trong nhiệm vụ khôi phục kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân cả về kinh tế và chính trị - xã hội. Đến đầu năm 1957, tổng sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp đã được khôi phục xấp xỉ năm 1939, đó là cơ sở quan trọng cho các bước phát triển kinh tế tiếp theo.

Thực hiện Nghị quyết 15 và Nghị quyết 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trên cơ sở những kết quả đã giành được, từ năm 1958 nhân dân miền Bắc đã bước vào cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn 1958-1960 là cải tạo thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế tập thể, tiếp tục ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của cách mạng nước ta, với kinh tế nông nghiệp miền Bắc đã thực hiện hợp tác hóa với những nguyên tắc cơ bản, tự nguyện cùng có lợi và đi từ thấp tới cao. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc trong những năm 1959, 1960 thực sự ổn định trở thành cao trào cách mạng rộng lớn, nông dân đã nô nức đi vào con đường làm ăn tập thể. Cuối năm 1960 đã có 41.400 hợp tác xã bao gồm 85,83% tổng số nông hộ, trong đó có 11,81% là hợp tác xã bậc cao. Sự thành công to lớn của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đã mang ý nghĩa sâu sắc

cả về công tác kinh tế và văn hóa xã hội. Nó đã tạo ra điều kiện tiên quyết cho sự hình thành và phát triển giai cấp nông dân tập thể ở miền Bắc, là nội dung quan trọng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta.

Song song với quá trình cải tạo nông nghiệp, việc cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư doanh đã được tiến hành. Do những điều kiện nhất định về mặt lịch sử mà chủ trương của ta là cải tạo hòa bình với giai cấp tư sản dân tộc. Về mặt chính trị, biện pháp chủ yếu là tuyên truyền giáo dục. Về kinh tế thực hiện theo cách chuộc lại trả dần hoặc công tư hợp doanh. Đến tháng 8 năm 1960, công cuộc cải tạo thành phần kinh tế tư bản đã hoàn thành về cơ bản, 97% số hộ tư sản ở miền Bắc đã tham gia cải tạo với các hình thức kể trên; việc hợp tác hóa trong thủ công nghiệp cũng giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định.

Nhìn chung, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa với thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã được tiến hành nhanh chóng. Bên cạnh những ưu điểm cơ bản thì công cuộc cải tạo cũng đã bộc lộ những hạn chế, nhược điểm. Đó là những vấn đề như: Quan hệ sản xuất mà chúng ta tạo ra chưa thực sự tương ứng với cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ quản lý của cán bộ, mức độ nhận thức tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân dân chưa cao... Trong những năm tiếp theo phải tập trung nhiều sức lực mới giải quyết dần những hạn chế, nhược điểm đó.

Nhiệm vụ phát triển kinh tế trong 3 năm 1958-1960 cũng đã thu được kết quả tốt đẹp. Tổng sản lượng công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất đã tăng gấp 6,5 lần so với năm 1955. Công nghiệp nhẹ đã đáp ứng được 90% nhu cầu tiêu dùng cơ bản của nhân dân miền Bắc lúc đó, tổng giá trị tăng 4,5 lần so với 1955. Đời sống của nhân dân lao động miền Bắc đã được nâng lên một bước đáng kể cả về vật chất và văn hóa tinh thần.

Trên cơ sở cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, chế độ chính trị, xã hội ở miền Bắc đã biến đổi khá sâu sắc, ngày càng được củng cố và phát triển vững chắc hơn. Cùng với sự tiêu vong của nền kinh tế chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất, các lực lượng bóc lột cuối cùng của xã hội miền Bắc đã bị xóa bỏ, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập. Thắng lợi của ba năm cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, chính là cơ sở trực tiếp quyết định đến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc bước vào giai đoạn mới - giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong các kế hoạch tiếp theo, mở đầu bằng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Tháng 9 năm 1960, trên đất nước ta đã diễn ra một sự kiện lịch sử trọng đại, đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng. Đại hội đã đánh giá tổng kết những thành tích to lớn, những kinh nghiệm quý báu đã giành được trong giai đoạn trước đó và quyết định những vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng của các nước trong giai đoạn tiếp theo - đó là đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam. Để thực hiện một phần quan trọng, đặt nền tảng bước đầu trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đại hội đã nhất trí thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Xuất phát từ yêu cầu cụ thể, kế hoạch 5 năm đầu tiên này tập trung thực hiện hai mục tiêu cơ bản:

Một là, thực hiện một bước quan trọng về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật mang ý nghĩa then chốt là nền tảng cho các thời kỳ tiếp theo.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện, củng cố vững chắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập trên cơ sở nâng cao năng suất lao động.

Từ hai mục tiêu cơ bản đó, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sẽ tập trung các nhiệm vụ cụ thể, đó là đẩy mạnh và phát triển các thành phần kinh tế, tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, nâng cao một bước trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, chú trọng đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, thăm dò tài nguyên điều tra cơ bản, nâng cao đời sống cho nhân dân, tăng cường nền quốc phòng toàn dân.

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Ban Chấp hành Trung ương đã tổ chức nhiều cuộc hội nghị chuyên đề và ra nghị quyết chỉ đạo từng ngành kinh tế trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng từ năm 1961 đến 1965, nhân dân miền Bắc thực sự đã bước vào cao trào cách mạng, cả miền Bắc đã trở thành công trường vĩ đại, với khí thế lao động khẩn trương, hăng say, sôi nổi. Nền công nghiệp của ta đã có bước biến đổi toàn diện, sâu sắc, quy mô công nghiệp ngày càng mở rộng, năm 1965 đã có 1.045 xí nghiệp do Trung ương quản lý, hình thành nên những trung tâm công nghiệp quan trọng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Nam Định, Vinh... Sản xuất công nghiệp ngày càng đóng vị trí quan trọng, then chốt trong nền kinh tế quốc dân. Tốc độ phát triển công nghiệp ở miền Bắc là rất nhanh và bước đầu có cơ cấu tương đối hợp lý. Đến năm 1965, giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao so với năm 1955 đã tăng gấp 10 lần.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nền nông nghiệp của miền Bắc có bước phát triển mạnh mẽ, đã khắc phục được những mâu thuẫn lớn nảy sinh từ sau 3 năm cải tạo 1958-1960. Đến năm 1965, 80% số hợp tác xã nông nghiệp đã chuyển lên bậc cao. Giai cấp nông dân tập thể đã hình thành rõ nét, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế trong nông nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đang thực hiện thuận lợi và đã đạt được mục tiêu cơ bản thì đến đầu năm 1965 đế quốc Mỹ đã chính thức dùng không quân và hải quân thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc trên quy mô lớn. Mặc dầu chưa thực hiện trọn vẹn các chỉ tiêu nhưng khi chiến tranh phá hoại nổ ra, nhân dân miền Bắc đã giành được nhiều thành tựu vô cùng to lớn trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đánh giá 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chủ tịch đã khẳng định: Ở miền Bắc, đất nước, xã hội, con người đều đổi mới. Từ một đất nước bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng, chúng ta đã tiến một bước dài chưa từng có trong lịch sử của dân tộc, bước tiến đó là toàn diện, căn bản và sâu sắc từ xã hội có chế độ áp bức người bóc lột người, chúng ta đã tiến lên xây dựng thành một xã hội dân chủ bình đẳng. Giai cấp bóc lột và cơ sở kinh tế sinh ra nó đã bị xóa bỏ. Địa vị, vai trò của nhân dân lao động đã được thay đổi căn bản, quan hệ giai cấp, dân tộc đã biến đổi về chất.

Những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc cho phép khẳng định con đường bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn đúng đắn. Những thành quả giành được không những đã đặt cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu cho chủ nghĩa xã hội, mà chính nó đã tạo ra sức mạnh to lớn để đánh thắng đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh vô cùng ác liệt trên phạm vi cả nước. Từ những vấn đề thành công và thất bại trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho phép chúng ta rút ra những kinh nghiệm lịch sử quý báu, là cơ sở thực tiễn sinh động để tiếp tục hoàn chỉnh dần đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Phối hợp nhịp nhàng với miền Bắc, trong những năm 1954-1964, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đã liên tiếp đánh bại hai chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, đưa cách mạng vượt qua chặng đường hết sức khó khăn, phức tạp.

Để áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới vào miền Nam, đế quốc Mỹ đã lập ra và sử dụng chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm, tăng cường xây dựng

lực lượng ngụy quân; dưới áp lực của Mỹ, Diệm đã tuyên bố tình trạng chiến tranh ở miền Nam, đơn phương thực hiện hàng ngàn cuộc hành quân càn quét.

Trước âm mưu thủ đoạn của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp là Đảng bộ miền Nam đã có chủ trương biện pháp sáng suốt đối phó với kẻ thù. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân miền Nam đòi Ngô Đình Diệm phải thi hành Hiệp định Giơnevơ được tổ chức ngay sau khi ký hiệp định. Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam càng phát triển sâu rộng thì bè lũ tay sai càng điên cuồng khủng bố. Từ năm 1957, để hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị ta đã chủ trương lập và sử dụng các đội tự vệ làm nòng cốt và chỗ dựa cho quần chúng mít tinh, biểu tình. Những hoạt động diệt tề, trừ gian, mà đặc biệt là trong nhiều địa phương xuất hiện chiến tranh du kích, chặn đứng nhiều cuộc hành quân càn quét của địch đã xuất hiện từ những năm 1958-1959.

Đầu năm 1960, cách mạng miền Nam đã có bước phát triển vượt bậc. Trên cơ sở chuẩn bị chu đáo, phong trào đồng khởi bắt đầu từ tỉnh Bến Tre đã nhanh chóng lan ra hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ, Tây Nguyên. Phong trào đồng khởi chính là sự kết hợp của đông đảo quần chúng nổi dậy với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang để giành chính quyền. Đến cuối năm 1960, 2/3 hệ thống chính quyền của Ngô Đình Diệm đã mất hết hiệu lực, nhân dân miền Nam thực sự giành được quyền làm chủ ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn bao gồm 4/5 đất đai. Chiến lược chiến tranh đơn phương của đế quốc Mỹ đã bị phá sản.

Aixenhao đổ, Kennơđi lên cầm quyền, y đã vận dụng chiến lược "phản ứng linh hoạt" vào miền Nam Việt Nam bằng chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Phát động chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, đế quốc Mỹ không chỉ đàn áp cách mạng nước ta mà còn nhằm mục tiêu làm nơi thí nghiệm điển hình trong việc đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân thế giới. Để thực hiện chiến lược đó, đế quốc Mỹ đã lập ra kế hoạch mang tên Xtalây Taylo, lập bộ chỉ huy quân sự đặc biệt ở miền Nam Việt Nam do tướng Hakin cầm đầu, tăng cường "viện trợ" cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Thực chất của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" là đế quốc Mỹ thực hiện thủ đoạn cổ truyền của bọn thực dân "lấy người bản xứ đánh người bản xứ", "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Được sự giúp đỡ toàn diện của Mỹ, lực lượng ngụy quân Sài Gòn đã tăng lên nhanh chóng, chúng được Mỹ cung cấp vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại. Từ năm 1961 đến giữa

năm 1964, dưới sự điều khiển trực tiếp của cố vấn quân sự Mỹ, chúng đã mở hàng vạn cuộc hành quân lớn nhỏ hòng bóp chết cách mạng miền Nam. Để đối phó với kẻ thù, nhân dân miền Nam tiếp tục tiến hành phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, tăng cường phá ấp chiến lược và xây dựng cơ sở cách mạng ngay trong các ấp chiến lược của địch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, nhiều đơn vị chủ lực đã được thành lập và phát huy tác dụng to lớn, thực sự trở thành trụ cột cho phong trào đấu tranh của quần chúng. Chiến thắng Ấp Bắc và việc lực lượng vũ trang miền Nam đã đập tan nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tạo ra tiếng vang mạnh mẽ và dồn Mỹ - ngụy vào tình trạng khốn quẫn. Cuối năm 1963, kế hoạch của Xtalây Taylo cơ bản đã bị phá sản, ngụy quyền Sài Gòn liên tiếp bị đảo chính lật đổ, mâu thuẫn Mỹ - ngụy phát triển gay gắt. Để cứu vãn tình thế đang trở nên nghiêm trọng, có nguy cơ sụp đổ hoàn toàn, tháng 3 năm 1964, chúng đã lập ra kế hoạch Giônxơn - Mắcnamara - Nguyễn Khánh, tăng cường hệ thống cố vấn cho ngụy quyền Sài Gòn, cuối năm 1964, số quân Mỹ ở miền Nam lên tới 2,5 vạn tên.

Mỹ - ngụy càng điên cuồng giãy giụa thì phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam càng lên cao, hàng chục triệu lượt người đã tham gia đấu tranh chính trị trong các cuộc biểu tình, mít tinh, bãi công, bãi khóa. Tiêu biểu như cuộc đấu tranh diễn ra vào ngày 20 tháng 8 năm 1964, hơn 20 vạn nhân dân đủ các thành phần ở Sài Gòn đã tiến đến vây chặt Dinh Độc Lập, đòi Nguyễn Khánh phải từ chức... Kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị sâu rộng đó, lực lượng vũ trang đã giáng cho Mỹ - ngụy nhiều đòn nặng nề. Đầu năm 1965, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ đã hoàn toàn bị phá sản ở miền Nam Việt Nam.

Chưa cam chịu trước những thất bại nhục nhã, từ năm 1965 Giônxơn đã đưa vào cuộc chiến tranh xâm lược học thuyết mới: Chiến lược "chiến tranh cục bộ". Chúng ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và lính đánh thuê vào miền Nam và coi đây là lực lượng nòng cốt để đàn áp phong trào cách mạng của ta, thực hiện bằng được mục tiêu xâm lược. Cùng với quá trình mang quân vào miền Nam, từ tháng 2 năm 1965, Mỹ đã chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoạt bằng không quân và hải quân, mang hàng triệu tấn bom đạn hòng hủy diệt miền Bắc, đưa miền Bắc về thời kỳ "đồ đá".

Trước thái độ điên cuồng của đế quốc Mỹ, năm 1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có nhiều cuộc họp quan trọng để chỉ đạo đối phó với kẻ

thù trong giai đoạn mới. Đảng ta nhận định, dù Mỹ đã và sẽ đưa hàng chục vạn quân viễn chinh vào miền Nam thì *tương quan lực lượng giữa ta và địch cơ bản vẫn không thay đổi.* Đây là một nhận định rất sáng suốt thể hiện tính nhạy cảm tuyệt vời của Đảng ta trong quá trình nhận thức tình hình thế giới, phân tích các hiện tượng lịch sử với cách nhìn khoa học, biện chứng. Nhờ nhận thức đúng tình hình, không choáng ngợp trước sự giãy giụa điên cuồng của kẻ thù, Đảng ta đã vững vàng đưa cách mạng cả nước tiếp tục phát triển, thực hiện khẩu hiệu chiến lược "tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tất cả để giải phóng miền Nam", bảo vệ xây dựng miền Bắc tiến tới thống nhất nước nhà.

Trên cơ sở sự chuyển hướng nhạy bén về chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo tiền đề vững chắc để đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Ở miền Bắc, từ năm 1965 đến 1975, quân và dân liên tiếp phải trải qua những thử thách vô cùng ác liệt nhưng đã giành được nhiều thành tựu to lớn. Trong những năm 1965-1968, bên cạnh thực hiện tốt bước chuyển hướng về phát triển kinh tế, giữ vững sản xuất, củng cố nền chuyên chính vô sản, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội, chúng ta đã đập tan bước phiêu lưu quân sự của Mỹ. Khi đế quốc Mỹ buộc phải xuống thang trong cuộc chiến tranh phá hoại, trong những năm 1969-1972, miền Bắc lại khẩn trương triển khai nhiệm vụ khôi phục phát triển kinh tế. Đến tháng 4 năm 1972, đế quốc Mỹ lại liều lĩnh gây ra chiến tranh phá hoại lần thứ hai với mức độ ác liệt hơn nhằm giành cho được thắng lợi quyết định về mặt quân sự trên các chiến trường, hòng buộc ta phải chấp nhận những điều khoản do chúng đưa ra trong bàn hội nghị. Cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt mà tiêu biểu là 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm 1972 là một thử thách cực kỳ nghiêm trọng đối với miền Bắc. Nhưng chế độ xã hội chủ nghĩa đầy ưu việt của miền Bắc vẫn đứng vững trước cuộc đọ sức lịch sử, một lần nữa đế quốc Mỹ lại phải xuống thang chiến tranh.

Đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc tiếp tục giành được nhiều thắng lợi to lớn. Trong những năm chiến tranh phá hoại miền Bắc vẫn giữ vững được sản xuất ở một số ngành cơ bản. Kinh tế địa phương đã làm tốt vai trò cung cấp tại chỗ cho nhu cầu của cuộc chiến tranh; hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp vẫn tiếp tục được củng cố. Đến năm 1975, tổng thu nhập của miền Bắc đã tăng

gấp 2 lần so với năm 1957. So với năm 1954, đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật đã tăng gấp 94 lần (đến năm 1974); trình độ quản lý kinh tế xã hội của cán bộ đã được nâng lên rất nhiều so với trước kia; sự nghiệp y tế, văn hóa đã phát triển với tốc độ kỳ diệu, nền giáo dục của ta đã phát triển nhanh chóng.

Tất cả những thành tựu vĩ đại của miền Bắc giành được trong 21 năm (1954-1975) đã đặt nền móng hết sức quyết định cho toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả nước trong giai đoạn tiếp theo - giai đoạn cả nước độc lập thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã trở thành nhân tố quyết định nhất cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng cả nước, góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc tế với cách mạng của Lào và Campuchia anh em.

Ở miền Nam, trong những năm 1965-1968, nhân dân ta phải đối phó với chiến lược "chiến tranh cục bộ" có quy mô sâu rộng và tính chất ngày càng ác liệt. Với số quân đông, vũ khí và phương tiện chiến tranh được tăng cường, Mỹ - ngụy đã liên tiếp mở nhiều cuộc phản công nhằm giành lại ưu thế trên chiến trường miền Nam. Nhưng quân và dân ta đã đập tan tất cả các cuộc phản công của địch trong các mùa khô 1965-1966, 1966-1967, cách mạng miền Nam vẫn phát triển tiến lên. Đế quốc Mỹ ngày càng dấn sâu vào vũng bùn, không lối thoát.

Xuân Mậu Thân 1968, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhằm mục tiêu giành cho được thắng lợi có ý nghĩa quyết định, quân và dân ta đã thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường, đẩy Mỹ và bè lũ tay sai vào thế bị động phòng ngự; chiến lược "chiến tranh cục bộ" đã bị phá sản hoàn toàn.

Giônxơn đổ, Níchxơn lên cầm quyền, cay cú trước thất bại thảm hại trong chiến tranh cục bộ, tên tổng thống mới đã đề ra học thuyết chiến tranh mới - "chia sẻ trách nhiệm" để giảm bớt gánh nặng cho Mỹ. Áp dụng học thuyết đó vào miền Nam nước ta, Níchxơn đã đề ra chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Đây là học thuyết tàn bạo, quỷ quyệt và toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa tư tưởng. Mục đích cơ bản của đế quốc Mỹ là kéo dài chiến tranh xâm lược Đông Dương bằng chính sách "thay đổi màu da trên xác chết", "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

Để thực hiện mục tiêu chiến lược đó, Mỹ thi hành ở miền Nam một cuộc chiến tranh tổng lực táo bạo, chúng coi đây là "chìa khóa của mọi thắng lợi",

là vấn đề "cốt tử", "sống còn" của Việt Nam cộng hòa. Nhằm rút dần quân Mỹ ra khỏi miền Nam, Mỹ chủ trương tăng cường xây dựng ngụy quân làm công cụ cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương, cũng như thực hiện mục tiêu lâu dài ở Đông Nam Á.

Về phía ta, trong Mậu Thân 1968 tuy đã giành được thắng lợi to lớn, làm lung lay ý chí xâm lược của chúng nhưng chưa đủ để đập tan toàn bộ dã tâm xâm lược của địch. Hồ Chủ tịch nói: Thắng lợi đầu xuân của quân dân miền Nam đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta đến một tình thế mới rất có lợi, không có gì cứu vãn nổi sự sụp đổ hoàn toàn của giặc Mỹ và tay sai. Đế quốc Mỹ đã thất bại rõ ràng, nhưng chúng chưa chịu từ bỏ, quyết tâm bám lấy miền Nam nước ta. Người kêu gọi toàn quân và dân cả nước triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, quyết kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng, đánh cho quân Mỹ phải cút hết sạch, đánh cho ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà. Hưởng ứng kêu gọi của Hồ Chủ tịch: "Không có gì quý hơn độc lập tự do", quân dân cả nước ta lại tiếp tục chiến đấu và giành được thắng lợi ngày càng to lớn. Trong năm 1969, những cuộc hành quân "cấp tốc" của quân ngụy, chương trình "thí điểm Việt Nam hóa" đã nhanh chóng bị quân ta chặn đứng. Năm 1970, ta đã tiến lên một bước mới, chủ động vây hãm địch dài ngày, thọc sâu đánh hiểm, giáng cho Mỹ - ngụy nhiều đòn sấm sét. Phối hợp với quân và dân Lào, Campuchia, ta đã bẻ gãy hầu hết các đợt "bình định cấp tốc", "bình định đặc biệt", "bình định bổ túc" của địch. Trong những năm 1971, 1972, đế quốc Mỹ đã cố hết mức để thực hiện kỳ được chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhưng chúng ngày càng chuốc lấy thất bại chua cay hơn. Tháng 3 năm 1972, Níchxơn trơ tráo tuyên bố bỏ bàn thương lượng ở Pa-ri, huyênh hoang là đã giành được thắng lợi quyết định trong chương trình "Việt Nam hóa". Giữa lúc đó, bão lửa của tổng tiến công và nổi dậy trên toàn bộ chiến trường miền Nam lại bùng lên quật cho chúng những đòn chí mạng. Cùng một lúc quân và dân ta đã tiến công chọc thủng 3 tuyến phòng thủ chiến lược chính của chúng trên 3 địa bàn chiến lược: Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Đồng thời, ta đã phối hợp tiến công trên nhiều địa bàn xung yếu khác như Trị Thiên, Trung Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

Sau mấy tháng liên tục tiến công và nổi dậy, ta đã giải phóng được nhiều vùng đất đai rộng lớn. Trong năm 1972, ta đã làm tê liệt sức chiến đấu của

gần nửa triệu quân ngụy. Tháng 7 năm 1972, đế quốc Mỹ đã phải họp lại Hội nghị Pa-ri và sau nhiều lần ngoan cố, lật lọng, chúng buộc phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Mỹ cút nhưng ngụy chưa nhào. Trong những năm 1973-1974, ta tiếp tục đấu tranh đòi chúng phải thi hành hiệp định. Mặt khác, trên cơ sở nắm vững bản chất quỷ quyệt của kẻ thù, ta đã tích cực chuẩn bị về mọi mặt để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Tháng 10 năm 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 của Đảng đã chỉ ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là tiếp tục đoàn kết toàn dân, đấu tranh trên ba mặt trận: chính trị, quân sự và ngoại giao một cách chủ động, linh hoạt. Nếu Mỹ - ngụy cố tình vi phạm Hiệp định Pa-ri thì chúng ta không có con đường nào khác là tiến hành chiến tranh cách mạng, đánh sụp đổ hoàn toàn ngụy quân, ngụy quyền. Hội nghị chỉ rõ, bất kể tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Cuối tháng 12 năm 1974 đến đầu tháng 1 năm 1975, Hội nghị Bộ Chính trị đã xác định quyết tâm chiến lược là: Năm 1975 bất ngờ tiến công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để đầu năm 1976 tiến hành tổng công kích giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đồng thời với kế hoạch chiến lược hai năm đó, Bộ Chính trị đã chỉ ra rằng: Nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Dưới ánh sáng nghị quyết của Bộ Chính trị, đầu tháng 1 năm 1975 quân dân ta đã phối hợp nhịp nhàng giữa tiến công và nổi dậy, nhanh chóng giải phóng toàn bộ tỉnh Phước Long.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng hoàn toàn miền Nam được bắt đầu bằng đòn đánh hiểm vào thị xã Buôn Ma Thuật.

Thời khắc giải phóng Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng đã gây ra tâm lý tuyệt vọng trong toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, đưa đến sự sụp đổ dây chuyền của chúng ở Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Cam Ranh, Lâm Đồng... Không thể bỏ lỡ thời cơ, sau chiến thắng thần tốc ở miền Trung, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngày 29 tháng 4 năm 1975, năm cánh quân ta từ các hướng đã rầm rập tiến vào Sài Gòn. 11 giờ 30 phút trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, cờ quyết chiến, quyết thắng của quân ta đã phấp phới tung bay trên Dinh Độc Lập,

chiến dịch mang tên Bác Hồ muôn vàn kính yêu của quân và dân cả nước đã thắng lợi hoàn toàn.

Thắng lợi vĩ đại của quân và dân cả nước ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã đưa đến thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trải qua hai mươi mốt năm chiến đấu, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới quy mô lớn nhất, dài nhất, ác liệt nhất và dã man nhất kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Với cuồng vọng nghiền nát lực lượng cách mạng ở miền Nam và "đẩy lùi miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá", đế quốc Mỹ đã tung vào nước ta một đội quân viễn chinh hơn 60 vạn tên, huy động lúc cao nhất là 68% bộ binh, 60% lính thủy đánh bộ, 32% lực lượng không quân chiến thuật, 50% lực lượng không quân chiến lược; tiêu phí 352 tỷ đô la, ném xuống đất nước Việt Nam 7 triệu 850 nghìn tấn bom với hàng vạn lần đánh phá; xây dựng lực lượng ngụy quân lúc cao nhất lên tới 1,2 triệu quân chính quy và hàng triệu phòng vệ "dân sự" khác cùng với lực lượng ngụy quyền đồ sộ từ Trung ương đến địa phương... nhưng chúng đã không khuất phục được nhân dân ta, ngược lại đã phải chuốc lấy thất bại lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã chứng minh rằng trong thời đại ngày nay, khi các lực lượng cách mạng thế giới đang ở thế tiến công, một dân tộc đất không rộng, người không đông, tiềm lực vật chất còn hạn hẹp... song đoàn kết chặt chẽ và kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Mác - Lênin chân chính, có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lại được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới, thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực đế quốc xâm lược, dù đó là tên đầu sỏ như Mỹ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của hai chiến lược cách mạng được tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với nhau: cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Thực tiễn đã chứng minh, cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp với việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai; còn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và sự thống nhất hai miền Nam - Bắc tiếp sau đó là mốc son đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước ta. Thắng lợi đó là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang ta trong suốt chiều dài gần nửa thế kỷ. Với đường lối giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được vạch ra từ Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và trong Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930, từ thời kỳ mới ra đời của Đảng và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, bên cạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Đảng ta luôn luôn coi nhiệm vụ xây dựng đất nước trên mọi phương diện vừa có ý nghĩa trực tiếp phục vụ sự nghiệp đấu tranh giải phóng, vừa là mục tiêu cơ bản xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Nhờ đó, khi cả nước được độc lập, thống nhất, không những toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã giữ vững được chủ quyền vững chắc trên toàn lãnh thổ quốc gia để xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn" mà xã hội Việt Nam còn tạo lập được những yếu tố hết sức căn bản để bước vào thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Đó là chúng ta có hệ thống chính quyền, có Mặt trận Dân tộc thống nhất, có nhân dân đã được chuẩn bị rất tốt về mặt tinh thần sẵn sàng đi ngay vào cuộc cách mạng mới; hơn nữa, Đảng ta, nhân dân và toàn quân ta đã có một cơ sở vật chất bước đầu hết sức quan trọng cho nền tảng của chế độ mới; và đặc biệt hơn hết là đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu trong quá trình xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc. Tất cả thành quả to lớn đó đã đặt nền móng vững chắc cho đất nước bước vào thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

3. Việt Nam vững bước đi lên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thuận lợi rất cơ bản của nước ta lúc này là đất nước được độc lập thống nhất, nhân dân ta giành được quyền làm chủ vận mệnh của mình, qua cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, chúng ta đã xây dựng được nền tảng của xã hội mới: hệ thống chính trị vững vàng, nhân dân có khí thế quyết tâm xây dựng đất nước giàu mạnh, tiến lên chủ nghĩa xã hội, vị thế của nước ta được nâng cao trên trường quốc tế... Tuy nhiên, tình hình thế giới

và khu vực lại diễn biến hết sức phức tạp, tác động lớn, bất lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ta. Mặt khác, hậu quả của hàng trăm năm dưới chế độ phong kiến và thực dân khiến cho đất nước ta nghèo nàn, chậm phát triển, vết thương của 30 năm chiến tranh ác liệt khó hàn gắn ngay được; Đảng và nhân dân ta chưa có nhiều kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội; những mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đã không còn phù hợp; cách nghĩ, cách làm cũ còn ảnh hưởng nặng nề...

Miền Bắc đã qua hơn hai chục năm (1954-1975) vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa tiến hành cuộc chiến đấu đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, vừa làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Tuy nhiên, qua 5 năm đánh phá ác liệt của không quân và hải quân Mỹ đã tàn phá nặng nề và để lại hậu quả lâu dài đối với miền Bắc. Cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ "đã phá hủy hầu hết những cái mà nhân dân ta đã tốn bao công sức để xây dựng nên, làm cho quá trình tiến lên sản xuất lớn chậm lại vài ba kế hoạch 5 năm và làm đảo lộn cả nền nếp quản lý kinh tế"[1]. Hầu như toàn bộ hạ tầng cơ sở của nền kinh tế miền Bắc đã bị địch đánh phá, nhiều nơi bị đánh với mức độ hủy diệt.

Miền Nam đã được giải phóng hoàn toàn, nhưng 20 năm dưới chế độ thực dân kiểu mới đã để lại những hậu quả nặng nề mà cách mạng phải giải quyết.

Nền kinh tế miền Nam đã bước đầu phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa nhưng vẫn mang tính chất một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ vẫn là chủ yếu, cơ cấu kinh tế mất cân đối và phụ thuộc quá nhiều vào viện trợ từ bên ngoài. Nông nghiệp miền Nam có lợi thế nhưng vẫn là một nền sản xuất nhỏ, chưa được đầu tư phát triển. Mặt khác, chế độ thực dân mới của Mỹ đã bị đánh đổ, nhưng di hại của nó để lại rất nặng nề: tệ nạn ma túy, mại dâm, lưu manh, trộm cướp, hậu quả của chất độc hóa học, sự phá hoại đối với môi sinh, môi trường... Để giải quyết được những hậu quả đó, chúng ta sẽ phải mất nhiều công sức, thời gian.

Tại miền Nam, chính quyền cách mạng nhanh chóng được thành lập. Cùng với việc xây dựng chính quyền các cấp, các đoàn thể, các tổ chức quần chúng cũng nhanh chóng được thành lập hoặc ra công khai. Chính quyền cách mạng đã tập trung giải quyết những vấn đề xã hội nảy sinh sau chiến tranh: đưa dân bị địch gom và dân di tản trở về quê cũ hoặc đi xây dựng vùng kinh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, H. 1977, tr. 37-38.

tế mới, cứu đói, giải quyết công ăn việc làm, cải tạo ngụy quân, ngụy quyền, từng bước ổn định đời sống cho nhân dân.

Nhờ làm tốt các công tác trên, nên vấn đề an ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững. Các hành động chống đối của một số kẻ ngoan cố, những hành động đầu cơ tích trữ, gây rối thị trường làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân bị trừng trị và xử lý nghiêm khắc. Mọi sinh hoạt của nhân dân nhanh chóng trở lại bình thường.

Những hoạt động của chính quyền cách mạng trong năm đầu sau giải phóng đã đạt được kết quả. Đó là những kết quả bước đầu nhưng rất cơ bản và quan trọng. Nó có tác dụng tích cực đến việc sớm ổn định tình hình mọi mặt ở miền Nam. Nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng mới giải phóng yên tâm, tin tưởng vào chế độ mới. Đó chính là điều kiện cần thiết để sớm hoàn thành thống nhất nước nhà và tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Thống nhất đất nước trên cơ sở chủ nghĩa xã hội là quy luật khách quan của sự phát triển của cách mạng Việt Nam, phù hợp với tính chất của thời đại và đáp ứng tình cảm, nguyện vọng của nhân dân cả nước.

Ngày 15 tháng 11 năm 1975, tại thành phố Sài Gòn đã tiến hành Hội nghị "Hiệp thương chính trị" để bàn về vấn đề thống nhất Việt Nam về mặt nhà nước. Đây là sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại trong đời sống chính trị của dân tộc ta.

Ngày 25 tháng 4 năm 1976, cả nước đã tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước Việt Nam thống nhất - Quốc hội khóa VI với ý nghĩa kế tục sự nghiệp của 5 khóa quốc hội trước kể từ Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đây là lần thứ hai cuộc Tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước. Ba mươi năm, sau lần Tổng tuyển cử đầu tiên (ngày 6 tháng 1 năm 1946) hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đã đi bỏ phiếu bầu 492 đại biểu. Kết quả Tổng tuyển cử là một thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên con đường tiến tới hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

Quốc hội khóa VI họp kỳ đầu tiên tại Hà Nội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của Nhà nước Việt Nam thống nhất, xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ ngày 2 tháng 7 năm 1976), Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy mang dòng chữ "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", Hà Nội là thủ đô của

nước Việt Nam thống nhất, thành phố Sài Gòn đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu các cơ quan và các vị lãnh đạo Nhà nước, bầu Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới. Với kết quả kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước đã được hoàn thành.

Sự ra đời của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thắng lợi to lớn trong lịch sử phát triển của dân tộc ta, tạo nên động lực mới, sức mạnh mới để thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà trước mắt là bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm trên phạm vi cả nước.

Tiếp theo việc thành lập Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cuối năm 1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp từ ngày 14 đến ngày 20 tháng 12 năm 1976. Đây là đại hội có ý nghĩa cực kỳ quan trọng: Đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong những năm đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội IV của Đảng đã quyết định phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1976-1980, kế hoạch dài hạn đầu tiên mở đầu thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội có vị trí hết sức quan trọng vì "nó vừa giải quyết những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới, vừa phải tổ chức lại nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng một bước nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đặt nền móng cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà"[1].

Việc thực hiện kế hoạch diễn ra trong điều kiện có những tác động không thuận lợi. Vượt qua khó khăn, thử thách kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 đã đạt những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực khôi phục, phát triển kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.

Trước hết, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy lên với tốc độ nhanh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam. Tiếp sau cuộc đấu tranh xóa bỏ bộ phận tư sản mại bản ở miền Nam, bắt đầu từ cuối năm 1975 đến giữa năm 1976 là công tác cải tạo đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Đến giữa năm 1979 đã căn bản hoàn thành việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp, vận tải, xây dựng và các doanh nghiệp dịch vụ quan trọng, chuyển các cơ sở này thành các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 1976, tr. 72.

Trong nông nghiệp, đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể, tham gia các tổ chức sản xuất phù hợp, từ các hình thức đơn giản như tổ chức đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất đến các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thu hút 35,6% tổng số hộ nông dân.

Sau 5 năm (1976-1980) phấn đấu gian khổ, chúng ta đã khắc phục được những hậu quả nặng nề do chiến tranh và thiên tai gây ra. Các cơ sở kinh tế bị địch tàn phá về cơ bản đã được phục hồi và bước đầu có sự phát triển. Lao động xã hội giữa các vùng được phân công lại.

Trong kế hoạch 5 năm 1976-1980, Nhà nước đã dùng 1/3 tổng số chi ngân sách để đầu tư xây dựng cơ bản, xấp xỉ tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản của miền Bắc trong 21 năm trước. Do có sự đầu tư như vậy nên cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân đã tăng đáng kể. Riêng các ngành công nghiệp nặng như: xi măng, điện, cơ khí động lực, đường, giấy, kéo sợi. Ngành vận tải được khôi phục và xây dựng mới. Tuyến đường sắt Bắc Nam với chiều dài 1.700km sau 30 năm gián đoạn đã hoạt động trở lại; 3.800km đường bộ, 30.000m cầu, 4.000m bến cảng được xây dựng lại và làm thêm.

Trong nông nghiệp, diện tích gieo trồng đã tăng hơn 1 triệu ha (trong đó có 50 vạn ha phục hóa, 70 vạn ha khai hoang), diện tích tưới tiêu tăng 86 vạn ha, diện tích trồng rừng tăng 58 vạn ha.

Trong 5 năm, các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa xã hội cũng đạt được nhiều thành tựu: Chỉ tính riêng năm học 1979-1980, cả nước có gần 1,5 triệu học sinh mẫu giáo, 11,7 triệu học sinh phổ thông các cấp, trên 13 vạn học sinh trung học chuyên nghiệp, 15 vạn học sinh đại học. Như vậy tính chung số người đi học trong cả nước năm học trên là 15 triệu, bằng 1/3 số dân và tăng hơn năm học 1976-1977 (năm đầu kế hoạch 5 năm) là 2 triệu người. Tháng 1 năm 1979, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 14 về cải cách giáo dục nhằm xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất trong cả nước chuẩn bị cho những bước phát triển ở những năm sau.

Mạng lưới y tế bao gồm bệnh viện, bệnh xá, trạm xá, nhà hộ sinh, cơ sở điều dưỡng... được mở rộng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao có nhiều tiến bộ.

Hoạt động của các ngành văn học, nghệ thuật, khoa học xã hội, thông tin tuyên truyền, xuất bản... đã phản ánh kịp thời nhiệm vụ chính trị, làm sáng tỏ quan điểm đường lối của Đảng, góp phần tích cực trong lĩnh vực đấu tranh với những tư tưởng lệch lạc, sai trái và động viên nhân dân hăng hái lao động sản xuất, học tập công tác...

Để phát huy hiệu lực và tính ưu việt của chế độ mới trong điều kiện cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, cần củng cố và mở rộng hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, tăng cường hơn nữa sự nhất trí về chính trị tinh thần trong xã hội, phát huy nhiệt tình cách mạng và ý thức làm chủ của nhân dân.

Với tinh thần đó, đầu năm 1977, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ vì hòa bình Việt Nam đã họp và thống nhất thành một mặt trận duy nhất lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Để chuẩn bị ban hành Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cả nước đã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn thảo luận đóng góp vào bản dự thảo Hiến pháp. Đó thực sự là một cuộc vận động dân chủ xã hội chủ nghĩa có nội dung sâu sắc.

Thời kỳ 1976-1980, cũng là thời kỳ đánh dấu bước phát triển trong quan hệ quốc tế của Nhà nước ta. Tháng 9 năm 1977, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Liên Hiệp quốc.

Trong suốt quá trình lịch sử của dân tộc, dựng nước luôn đi đôi với giữ nước, đến nay trong hoàn cảnh mới, quy luật cơ bản ấy đã phát triển thành quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Quán triệt quan điểm đó, Nhà nước đã đề ra nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới, nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản chân chính, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, nâng cao tiềm lực quốc phòng của đất nước.

Với tinh thần cảnh giác, ý chí quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, các lực lượng vũ trang đã cùng nhân dân cả nước đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới bảo vệ được chủ quyền dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, tạo điều kiện để cả nước tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, tích cực góp phần bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Như vậy, những tiến bộ và thành tựu đạt được trong 5 năm 1976-1980 có ý nghĩa rất quan trọng, đưa đất nước vượt qua những khó khăn chồng chất từng bước đi lên. Tuy nhiên bên cạnh thành tựu đạt được, chúng ta còn tồn tại nhiều mặt hạn chế và yếu kém. Về kinh tế phát triển chậm, các ngành đều đạt thấp so với chỉ tiêu kế hoạch, thậm chí có những điểm không phù hợp cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Nhìn chung tình hình nông nghiệp trong cả nước giai đoạn 1976-1980 cho thấy rõ sản xuất nông nghiệp giảm sút. Trong các lĩnh vực thương nghiệp, tài

chính, giá cả, trong giao thông vận tải, trong xây dựng cơ bản... cũng bộc lộ những mặt yếu kém. Tình trạng mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế quốc dân vẫn chưa được khắc phục. Vì vậy, từ năm 1979, tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân đều giảm, chưa đảm bảo được tiêu dùng xã hội. Đời sống của nhân dân lao động còn rất khó khăn. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được phát huy đầy đủ. Vai trò, hiệu lực của Nhà nước chưa được tăng cường.

Nguyên nhân của tình trạng trên, bên cạnh yếu tố khách quan là hết sức to lớn còn do chúng ta đã phạm sai lầm trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi trong xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Do chủ quan nóng vội mà chúng ta đã đề ra những mục tiêu quá lớn và bỏ qua những bước đi cần thiết.

Bước vào những năm 80, Đảng và nhân dân ta đứng trước những nhiệm vụ rất nặng nề đối với việc thực hiện đường lối của Đảng. Trong thời kỳ này, cách mạng nước ta vẫn chưa giảm bớt khó khăn. Ngoài những khó khăn bắt nguồn từ nền sản xuất nhỏ, kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc và khó khăn do hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh, còn nảy sinh thêm nhiều khó khăn mới đòi hỏi phải giải quyết, nước ta vừa trong tình thế hòa bình xây dựng vừa có nguy cơ xảy ra chiến tranh, trong thực tế chúng ta đang phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tình hình đó đặt ra yêu cầu đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch gắn với việc củng cố quốc phòng an ninh, chuẩn bị đối phó với mọi tình huống chiến tranh. Trong khi đó tình hình quốc tế và khu vực đang có những vướng mắc không có lợi cho quá trình cách mạng nước ta.

Trước những hạn chế của chúng ta trong 5 năm 1976-1980, trước thực trạng tình hình của những năm đầu thập niên 80 (thế kỷ XX), Đảng và Nhà nước ta nhận thấy không thể xây dựng đất nước theo mô hình và bước đi như cũ, mà phải có sự điều chỉnh nhất định trong đường lối, chính sách kinh tế của mình. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) tháng 8 năm 1979 là sự khởi đầu của quá trình điều chỉnh, đặt cơ sở cho quá trình đổi mới căn bản sau này. Hội nghị chủ trương phải sửa chữa các khuyết điểm trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhất là phải đổi mới công tác kế hoạch hóa và cải tiến một cách cơ bản chính sách kinh tế, làm cho sản xuất "bung ra" theo phương hướng kế hoạch nhà nước. Từ đó dẫn đến những đổi mới cục bộ trong kế hoạch 5 năm 1981-1985.

Tháng 3 năm 1982, Đảng Cộng sản Việt Nam họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Đại hội khẳng định Việt Nam tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội IV của Đảng đã đề ra. Tuy nhiên ở Đại hội V, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ của chúng ta bắt đầu có sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển, cụ thể hóa cho từng chặng đường, từng giai đoạn phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể.

Trên tinh thần đó, trong chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, những mục tiêu kinh tế xã hội tổng quát được xác định là: Dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất văn hóa của nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; tăng cường khả năng phòng thủ của đất nước, củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh, trật tự.

Thực hiện bốn nhiệm vụ, mục tiêu tổng quát nói trên đòi hỏi phải có sự chuyển biến căn bản thực trạng kinh tế. Vì vậy, kế hoạch 5 năm (1981-1985) đã chú ý nhấn mạnh đến tính khả thi trong việc đề ra các mục tiêu của kế hoạch. Trong khi tiếp tục đề ra nhiệm vụ củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa nhưng đã thận trọng hơn và việc xây dựng cơ sở vật chất không triển khai đồng loạt như trong kế hoạch 5 năm 1976-1980 mà tiến hành có trọng điểm. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu định ra trong kế hoạch này so với kế hoạch trước sát hợp hơn. Nhờ vậy kế hoạch 5 năm 1981-1985, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu và tiến bộ quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội V và các nghị quyết sau đó của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch của Nhà nước, nhân dân ta đã phấn đấu gian khổ, vượt qua nhiều thử thách trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta đã tiến hành một bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư và nhịp độ phát triển, đi đôi với một số thay đổi cục bộ trong cơ chế quản lý kinh tế. Nền kinh tế có bước tăng trưởng khá hơn. Chúng ta đã chặn được đà giảm sút trong những năm trước, trong 5 năm 1981-1985, bình quân hàng năm sản xuất nông nghiệp tăng 4,9%, lương thực đạt 17 triệu tấn/năm, công nghiệp tăng 9,5%, điện tăng thêm 456.000 kilôoát, than 2,5 triệu tấn... Tổng sản phẩm xã hội bình quân tăng 7,3% năm, thu nhập quốc dân tăng 6,4% năm.

Mặc dù vậy, nền kinh tế trong những năm 1981-1985 về cơ bản vẫn vận hành theo cơ chế cũ. Sự đổi mới cục bộ có làm cho nền kinh tế chuyển biến

tích cực những mặt nhất định, nhưng đồng thời nó cũng bộc lộ những yếu tố kìm hãm từ lâu nay của cơ chế quản lý kinh tế mà sự thay đổi cục bộ chưa đủ sức phá vỡ. Vì vậy, chúng ta chưa tạo ra được động lực mạnh mẽ thúc đẩy nền sản xuất xã hội phát triển một cách bền vững. Nền kinh tế vẫn trong tình trạng khủng hoảng; sản xuất tăng chậm, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm không đạt được; tài nguyên bị lãng phí; phân phối lưu thông rối ren; nhiều người lao động không có việc làm, hàng tiêu dùng không đủ, nhà ở và điều kiện vệ sinh thiếu thốn. Chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Đời sống nhân dân nhất là của công nhân viên chức và lực lượng vũ trang gặp rất nhiều khó khăn. Hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội có chiều hướng gia tăng, công bằng xã hội bị vi phạm, pháp luật kỷ cương không nghiêm. Quần chúng giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Nhà nước.

*
* *

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cơ sở nhận định đúng những đặc điểm cơ bản của tình hình cách mạng nước ta, Đảng ta đã kịp thời quyết định thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đề ra đường lối chung và đường lối kinh tế trong cả thời kỳ quá độ, nhưng việc đánh giá tình hình cụ thể về các mặt kinh tế - xã hội của đất nước có nhiều thiếu sót. Do đó, trong mười năm qua, đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng, cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế...

Do chưa nhận thức đầy đủ đặc điểm, tính chất thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường; do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết nên đã phạm nhiều sai lầm trong cải tạo và quản lý xã hội làm cho nền kinh tế lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Đại hội lần thứ IV chưa xác định những mục tiêu của chặng đường đầu tiên. Trong 5 năm 1976-1980, trên thực tế, chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết, mặt khác, chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã lỗi thời... Đại hội lần thứ V, cùng với việc khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược, đã cụ thể hóa một bước đường lối kinh tế trong chặng đường trước mắt, đề ra những mục tiêu tổng quát, các chính sách lớn về

kinh tế - xã hội nhưng trong chỉ đạo thực hiện đã không quán triệt những kết luận quan trọng nói trên, chưa kiên quyết khắc phục tư tưởng nóng vội và bảo thủ thể hiện chủ yếu trong các chủ trương về cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và cơ chế quản lý kinh tế.

Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12 năm 1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đây là cái mốc đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đã chỉ ra những nguyên nhân căn bản dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội và trên cơ sở đó, đề ra đường lối đổi mới xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ từ kinh tế chính trị đến tư tưởng văn hóa, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế. Đổi mới về chính trị phải từng bước vững chắc, không gây mất ổn định, không làm phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi mới. Muốn vậy toàn bộ quá trình đổi mới phải quán triệt nguyên tắc kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân.

Thực hiện sự đổi mới toàn diện trên các mặt đời sống xã hội.

Đổi mới về kinh tế - xã hội: Phát triển kinh tế - xã hội theo quan điểm đổi mới ở Việt Nam là quá trình giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng. Đổi mới về kinh tế - xã hội là sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân.

Để thực hiện quá trình đổi mới kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước luôn xác định xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Công nghiệp hóa luôn phải gắn bó với hiện đại hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại, nâng cao dân trí, phát huy nguồn lực con người.

Thực hiện tốt công việc cải tạo quan hệ sản xuất, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân) theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Mở rộng hợp tác quốc tế bình đẳng và có lợi, giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, chủ động tham gia phân công lao động và hợp tác quốc tế.

Thực hiện đồng bộ và hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường, xây dựng và hoàn thiện công cụ pháp luật, kế hoạch, các thiết chế tài chính, tiền tệ, các phương tiện vật chất và tổ chức cần thiết cho sự quản lý nhà nước. Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản chung của Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Đổi mới về chính trị: nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, đáp ứng lợi ích chính đáng của các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo... tạo ra động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ gắn với công bằng xã hội. Dân chủ đi đôi với kỷ cương, pháp luật. Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân trên cơ sở liên minh công nông và trí thức cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo; thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Đổi mới về khoa học, giáo dục, văn hóa; giáo dục đào tạo cùng với khoa học và công nghệ phải thực sự trở thành quốc sách hàng đầu. Cải tiến chất lượng dạy và học, khắc phục những tiêu cực yếu kém trong ngành giáo dục. Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển văn hóa phải luôn coi trọng những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Về quan hệ đối ngoại: thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo đảm hòa bình, ổn định, an ninh, hợp tác và phát triển.

Đổi mới nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội VI của Đảng khẳng định: Từ những thành tựu cũng như những sai lầm, Đảng ta đã trưởng thành một bước trong công tác lãnh đạo. Song tất cả những gì đã làm được và chưa làm được cũng chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới. Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, trong phong cách lãnh đạo và cả trong việc rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên. Nguồn gốc sâu xa của sự không ngang tầm ấy là ở chỗ, trong

nhiều năm, chúng ta đã coi nhẹ và có khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Đây là điều mà toàn Đảng, từ Ban Chấp hành Trung ương đến các tổ chức cơ sở và mỗi đảng viên, cần nhận thức đầy đủ với ý thức trách nhiệm cao.

Quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế đang đòi hỏi tăng cường không ngừng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng phải trưởng thành về lãnh đạo chính trị, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức: đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Đảng phải chăm lo xây dựng mình vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, để từ đó tác động quyết định đến sự phát triển của đất nước. Vì vậy cần phải đổi mới có hiệu quả những mặt công tác sau:

Thứ nhất, đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng.

Đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn của nước ta. Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiếp thu những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em, những kiến thức khoa học của thời đại. Phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết có hệ thống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những kết luận đúng đắn, khắc phục những quan niệm sai lầm hoặc lỗi thời. Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy.

Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài. Tính bảo thủ, sức ỳ của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy lại gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt Đảng, trong nghiên cứu khoa học; tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý; hệ thống thông tin chính xác; tự phê bình và phê bình được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, v.v... Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy.

Cùng với việc đổi mới tư duy, công tác tư tưởng phải hướng vào việc *bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức mới,* nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Phẩm chất chính trị của mỗi người phải thể hiện ở lập trường vững vàng trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch, giữa cái lành mạnh và cái hư hỏng; ở ý chí bền bỉ, tính năng động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao, làm việc có hiệu quả thiết thực; ở lòng tin vào sức mạnh của nhân dân, vào sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh thực hiện nhiệm vụ. Tâm trạng bi quan, dao động, mất lòng tin, mất phương hướng, trái với bản chất tốt đẹp của người chiến sĩ cách mạng tiên phong phải được khắc phục. Vấn đề đạo đức xã hội đang được đặt ra một cách cấp bách. Trong xã hội ta đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể và của đất nước, với lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Các lực lượng làm công tác tư tưởng phải tích cực tham gia cuộc đấu tranh này, lên án, vạch trần bản chất thối nát của lối sống cũ, khẳng định mạnh mẽ và truyền bá rộng rãi những giá trị đạo đức mới, thúc đẩy quá trình hình thành lối sống mới.

Cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng tư sản đang diễn ra gay gắt. Kẻ thù ở ngoài nước và trong nước thường xuyên tìm cách phá chúng ta về tư tưởng. Chúng tung ra đủ loại luận điệu xuyên tạc nhằm phá hoại Đảng và chế độ ta. Những người cộng sản phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, nhạy cảm nắm bắt tình hình, kịp thời đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền của chúng. Nhưng thời gian qua, công tác tư tưởng chưa thực sự tiến hành theo hướng đó. Đã có lúc, có nơi, một số

đảng viên thụ động, bàng quan, bất lực trước sự lan tràn của những tin đồn nhảm, những dư luận ác ý, tê liệt trước sự tiến công của địch về tư tưởng. Để khắc phục tình trạng không bình thường đó, cần tổ chức lại công tác đấu tranh chống chiến tranh tâm lý của địch.

Hiệu quả công tác tư tưởng phụ thuộc trước hết vào sự lãnh đạo của các tổ chức đảng. Đảng ta lãnh đạo chính quyền, có hệ thống các cơ quan làm công tác tư tưởng nhưng hiệu quả còn nhiều hạn chế, trận địa tư tưởng ở nhiều nơi lại bị bỏ trống? Nguyên nhân quan trọng là nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo và chưa biết lãnh đạo công tác tư tưởng, nhiều đồng chí được phân công vào các vị trí quan trọng của các cơ quan nhà nước cũng không làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Muốn làm chủ trận địa tư tưởng, mỗi cấp ủy phải hiểu rõ tâm trạng của quần chúng, có kế hoạch công tác tư tưởng, biết tổ chức, bồi dưỡng và sử dụng các cơ quan, các cán bộ, đảng viên làm công tác tư tưởng, biến các lực lượng ấy thành một đội quân hùng hậu có sức chiến đấu cao. Công tác tư tưởng phải đổi mới về nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện.

Phải nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đảng từ Trung ương đến chi bộ. Hiệu quả các cuộc hội nghị phải thể hiện trên hai mặt: đề ra được chủ trương, biện pháp để giải quyết các nhiệm vụ; có tác dụng giúp những người tham gia sinh hoạt nắm vững quan điểm của Đảng, tiếp nhận được thông tin, kinh nghiệm, hiểu biết mới, tăng thêm ý thức trách nhiệm. Các cuộc sinh hoạt có chất lượng của cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng là điều kiện đầu tiên để triển khai có hiệu quả công tác tư tưởng.

Các tổ chức đảng phải xây dựng được đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có phẩm chất cách mạng, có trình độ chính trị và nghiệp vụ ngày càng được nâng cao, thường xuyên bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ ấy trong công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng. Việc chậm hình thành đội ngũ này là do coi nhẹ hình thức tuyên truyền miệng, thiếu nội dung phong phú, hấp dẫn và những phương tiện vật chất cần thiết cho các báo cáo viên.

Các phương tiện thông tin đại chúng có nhiệm vụ truyền bá đường lối, chính sách của Đảng, đi sát thực tế, thông tin kịp thời và phân tích sâu sắc những sự kiện mới; phát hiện và phản ánh trung thực những điển hình tiên tiến, nhiệt tình ủng hộ, cổ vũ những nhân tố mới, dũng cảm đấu tranh chống những hiện tượng lạc hậu, trì trệ và mọi biểu hiện tiêu cực khác; đề cập và chỉ ra phương hướng giải quyết những vấn đề thiết thực mà xã hội

quan tâm; xây dựng dư luận xã hội lành mạnh, động viên quần chúng tích cực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Báo chí là tiếng nói của Đảng, đồng thời cũng phản ánh tiếng nói của quần chúng. Trình độ mọi mặt của nhân dân ta ngày càng cao đòi hỏi báo chí và các phương tiện thông tin khác phải bảo đảm tính chân thực, nâng cao chất lượng, tăng cường tính quần chúng và tính chiến đấu, khắc phục tình trạng giản đơn đơn điệu, hời hợt, sáo rỗng, một chiều.

Nâng cao chất lượng công tác xuất bản cả ở Trung ương và địa phương, bảo đảm có nhiều sách bổ ích, kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm nguyên tắc và thiếu trách nhiệm dẫn tới xuất bản và phát hành văn hóa phẩm có hại. Cố gắng xuất bản một số sách chính trị, khoa học, kỹ thuật, văn học có chất lượng, với khối lượng tương đối lớn, đủ cung cấp cho mỗi cơ sở một tủ sách hay.

Các tổ chức đảng phải quan tâm chỉ đạo công tác văn hóa, văn nghệ. Không hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người. Văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính đảng và tính nhân dân, gắn bó với hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, nắm bắt nhạy bén hiện thực đang diễn biến phức tạp, sớm phát hiện và biểu dương cái mới, tạo nên những điển hình sống động, khẳng định những mầm non đang nảy sinh trong cuộc sống, mạnh dạn phê phán những mặt tiêu cực cản trở sự đổi mới của xã hội. Tính chân thực, tính tư tưởng và tính nghệ thuật bao giờ cũng là tiêu chuẩn của giá trị tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đảng yêu cầu các văn nghệ sĩ thường xuyên trau dồi ý thức trách nhiệm của công dân, chiến sĩ, thực hiện chức trách cao quý: tạo nên những giá trị tinh thần, bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh của các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội. Đẩy mạnh công tác phê bình văn học, nghệ thuật với tinh thần xây dựng, dũng cảm và vô tư, khắc phục thói nể nang và những khuynh hướng lệch lạc, loại trừ các biểu hiện thô thiển.

Đảng bộ các cấp cần tạo những điều kiện thuận lợi cho việc sáng tác và biểu diễn của những người làm công tác văn hóa, văn nghệ, bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho văn nghệ sĩ, chú trọng lực lượng trẻ xuất hiện từ phong trào lao động, sản xuất và chiến đấu. Nâng cao trình độ lãnh đạo văn hóa, văn nghệ của cán bộ quản lý các

cấp cho phù hợp với tính đặc thù và yêu cầu phát triển của văn hóa, văn nghệ, chống lối gò ép hoặc buông lỏng.

Cải cách toàn diện công tác của các trường Đảng, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Hệ thống trường Đảng phải tập trung sức đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận được lựa chọn theo quy hoạch và thường kỳ tổ chức bồi dưỡng cho các cán bộ lãnh đạo và quản lý đương chức. Các cấp ủy phải xây dựng quy hoạch cán bộ để trên cơ sở đó thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Đổi mới đội ngũ cán bộ giảng dạy, viết lại sách giáo khoa và đổi mới phương pháp dạy và học. Mở rộng hình thức học tập tại chức, tổ chức cho hàng triệu cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, v.v... học tập chủ nghĩa Mác - Lênin theo các chương trình đã được quy định, nhằm trang bị cho họ thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đào tạo, bồi dưỡng và đổi mới đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng. Tuyển lựa những cán bộ đã trải qua công tác thực tiễn bổ sung cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Luân phiên đưa các cán bộ này đi làm công tác thực tế một thời gian. Quan tâm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về cơ sở vật chất - kỹ thuật của công tác tư tưởng: giấy in, phương tiện nghe nhìn, trường sở, phương tiện dạy và học, điều kiện sinh hoạt và học tập cho học viên các trường Đảng.

Hai là, đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý.

Đổi mới đội ngũ cán bộ có nghĩa là đánh giá, lựa chọn, bố trí lại, đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng để có một đội ngũ cán bộ có đủ những tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý, ngang tầm nhiệm vụ. Muốn đổi mới đội ngũ cán bộ, trước hết phải đổi mới công tác cán bộ và đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ. Việc đổi mới cán bộ cần được thực hiện khẩn trương, kiên quyết nhưng phải tránh thay đổi vội vàng. Tránh lối đổi mới một cách hình thức, chỉ căn cứ vào độ tuổi, bằng cấp, hoặc hiểu đổi mới chỉ đơn thuần là thay đổi người, chỉ trọng cán bộ mới, coi nhẹ cán bộ lâu năm có năng lực và phẩm chất.

Để đổi mới đội ngũ cán bộ một cách đúng đắn, cần đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ. Phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ để bố trí cán

bộ. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là nhiệm vụ xây dựng kinh tế, đang đòi hỏi những cán bộ có phẩm chất và năng lực phù hợp. Đó là những cán bộ có phẩm chất chính trị đã được thử thách, luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, thông suốt và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, ham học hỏi, năng động, sáng tạo, có kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, có tính tổ chức và kỷ luật cao. Đó là những cán bộ có đạo đức cách mạng và phong cách lãnh đạo tốt, trước hết là có ý thức tập thể, dân chủ, đi đôi với tính quyết đoán, có ý thức trách nhiệm, có tác phong sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng, quan tâm đến con người, gương mẫu trong lối sống, đoàn kết và động viên được nhiệt tình lao động của cán bộ và nhân dân.

Phải từ lợi ích chung của cách mạng, từ chính sách cán bộ thống nhất của Đảng mà lựa chọn cán bộ một cách công minh. Mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, đầu óc địa vị, tư lợi, chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa cục bộ và bệnh quan liêu trong công tác cán bộ đều gây ra những hậu quả xấu đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự đoàn kết trong Đảng. Khắc phục tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu khép kín trong từng địa phương, từng ngành, không tiếp nhận cán bộ được điều động từ nơi khác, ngành khác tới.

Đổi mới đội ngũ cán bộ bao hàm ý nghĩa trẻ hóa. Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, tăng thêm cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo và quản lý, kết hợp đúng cán bộ nhiều tuổi với cán bộ trẻ để tăng cường sức chiến đấu, tính năng động của đội ngũ cán bộ và để bảo đảm sự kế thừa liên tục ở các cơ quan lãnh đạo. Có khắc phục được quan niệm đẳng cấp, tôn ti theo kiểu phong kiến còn khá nặng nề, chúng ta mới có thể phát hiện và cất nhắc được những cán bộ trẻ ưu tú.

Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức đảng và phải được tiến hành theo quy hoạch. Mọi cán bộ lãnh đạo đều có nhiệm vụ tham gia với tập thể lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kế tục. Cán bộ nhiều tuổi, giàu kinh nghiệm có nghĩa vụ ủng hộ, giúp đỡ lớp cán bộ kế tục. Nhân tài không phải là sản phẩm tự phát, mà phải được phát hiện và bồi dưỡng công phu. Nhiều tài năng có thể mai một nếu không được phát hiện và sử dụng đúng chỗ, đúng lúc. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Đó là kết hợp giữa bồi dưỡng kiến thức ở các trường học với rèn luyện trong thực tiễn. Phải căn cứ vào chỗ mạnh, chỗ yếu và triển vọng phát triển của cán bộ mà mạnh dạn bố trí

vào những cương vị công tác phù hợp, sau đó liên tục theo dõi, kiểm tra, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ trưởng thành. Việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch góp phần đào tạo những cán bộ lãnh đạo có tầm nhìn xa, hiểu biết rộng, có bản lĩnh và năng lực lãnh đạo.

Chống tệ quan liêu, cửa quyền trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ. Dân chủ hóa công tác cán bộ bằng những quy chế rõ ràng. Công tác cán bộ là công việc chung của các cơ quan Đảng và Nhà nước, không phải chỉ là việc riêng của cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ, mặc dù công tác của các cơ quan này là quan trọng.

Cơ chế quản lý cán bộ có đúng thì sự đánh giá cán bộ mới chính xác, mới phát hiện, đề bạt được cán bộ tốt, thay đổi những người xấu và yếu kém, loại trừ những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi và những động cơ không lành mạnh trong công tác cán bộ.

Xác định chế độ trách nhiệm của các cấp ủy đảng đối với việc quản lý cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, coi đây là một chức năng quan trọng không thể thiếu của các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm tính tập thể trong các quyết định về cán bộ trên cơ sở dân chủ xem xét đầy đủ ý kiến của các tổ chức và cá nhân có liên quan, đi đôi với nêu cao ý thức trách nhiệm của người đứng đầu: tránh tình trạng người phụ trách không có quyền và nhất là không có trách nhiệm trong việc lựa chọn cán bộ do mình phụ trách. Quy định việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ, xác định quyền hạn, trách nhiệm, các mối quan hệ giữa các cơ quan Đảng và Nhà nước, ngành và địa phương, cấp trên và cấp dưới, xác định quy trình lựa chọn, đánh giá, đề bạt điều động, làm cho việc quản lý cán bộ đi vào quy chế và nền nếp.

Ba là, đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta. Sức mạnh tổ chức to lớn của Đảng là ở sự thực hiện đầy đủ nguyên tắc này. Tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng ý kiến cấp dưới, không phát huy trí tuệ tập thể dẫn tới những quyết định sai lầm, làm suy yếu sự đoàn kết trong Đảng. Tình trạng cục bộ, vô kỷ luật cũng gây ra những hậu quả tai hại và làm cho sự lãnh đạo của Đảng, việc điều hành của Nhà nước kém hiệu lực.

Lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng và bộ máy nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể. Mọi cán bộ, đảng viên phải phục tùng kỷ luật.

Mọi sự năng động, sáng tạo phải dựa trên cơ sở đường lối, chính sách. Cơ quan lãnh đạo phải nắm vững quyền chỉ đạo tập trung, điều hành thống nhất, không dung túng những việc làm sai trái. Có lập lại kỷ cương trong Đảng, trong cơ quan lãnh đạo các cấp của Nhà nước mới có sức mạnh lập lại trật tự xã hội.

Bất cứ người lãnh đạo nào cũng không được tự đặt mình ra ngoài tổ chức, tự cho mình quyền nói và làm khác quyết định của tập thể. Cấp dưới, dù cho người đứng đầu là ủy viên Trung ương cũng không thể tự cho mình quyền không thi hành hoặc làm trái chỉ thị của cấp trên.

Tăng cường sự lãnh đạo tập thể, mở rộng sinh hoạt *dân chủ*. Biết bao vấn đề quan trọng và mới mẻ, phức tạp đang đặt ra trước các cơ quan lãnh đạo. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mỗi người đều có hạn. Mọi quyết định chủ quan, độc đoán, đơn giản đều không tránh khỏi sai lầm. Phải nghiên cứu những kinh nghiệm sáng tạo của các cơ sở và địa phương, lắng nghe ý kiến của quần chúng, của các chuyên gia và cán bộ khoa học. Các chủ trương quan trọng đều phải được bàn bạc và quyết định tập thể. Người lãnh đạo phải bình tĩnh lắng nghe những ý kiến trái với ý kiến của mình. Ý kiến khác nhau phải được nói hết, nói thẳng và trải qua thảo luận dân chủ mà đi đến chân lý. *Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy* là một yêu cầu quan trọng. Cung cấp những thông tin cần thiết để mỗi cấp ủy viên nắm chắc được tình hình, có điều kiện đóng góp vào quá trình ra các quyết định. Cải tiến cách điều hành hội nghị để bảo đảm thảo luận dân chủ, thẳng thắn, có kết luận rõ ràng, khi cần thì biểu quyết, kể cả bằng phiếu kín, làm cho mỗi nghị quyết được thông qua đều là sản phẩm của trí tuệ tập thể, buộc mọi người phải thực hiện, không ai được quyền tuyên truyền và thực hiện ý kiến riêng đã bị đa số bác bỏ.

Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của Đảng, thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân.

Người cộng sản phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. Trong Đảng không thể dung thứ thái độ che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích,

lừa dối cấp trên, thái độ nể nang, hoặc đàn áp, trả thù người phê bình. Cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong dịp chuẩn bị đại hội lần này được tiến hành tương đối rộng từ trên xuống dưới, đã phát hiện và sửa chữa một số khuyết điểm, bước đầu củng cố lòng tin của nhân dân. Cần đưa việc tự phê bình và phê bình vào chế độ sinh hoạt thường xuyên của tất cả các tổ chức đảng.

Không được coi tự phê bình và phê bình là một dịp đả kích lẫn nhau, mà phải xem đó là một sinh hoạt Đảng bình thường để góp ý kiến giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, củng cố sự đoàn kết nhất trí.

Sửa đổi phong cách làm việc, đi sâu, đi sát thực tế, cán bộ lãnh đạo phải dành một phần thời giờ thích đáng đi cơ sở, gặp quần chúng tìm hiểu tình hình, nghe ý kiến của cấp dưới, giải quyết kịp thời tại chỗ những việc cụ thể, đến những nơi tiên tiến để tổng kết kinh nghiệm và đến cả những nơi khó khăn, yếu kém để giúp đỡ.

Thiết lập trong toàn Đảng một chế độ thông tin nhanh chóng và chính xác. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải được thông tin đầy đủ về tình hình và nội dung các vấn đề thuộc phạm vi mình phụ trách trước khi ra quyết định.

Kiểm tra là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, là một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện. Đó cũng là biện pháp hiệu nghiệm để khắc phục bệnh quan liêu. Mọi tổ chức, từ cơ quan của Đảng, Nhà nước đến đoàn thể quần chúng, mọi lĩnh vực hoạt động từ kinh tế - xã hội đến quốc phòng - an ninh, đối ngoại không có ngoại lệ, đều phải đặt dưới sự kiểm tra của tổ chức đảng có thẩm quyền. Trung ương Đảng và các cấp ủy đảng phải nắm chắc công tác kiểm tra, sử dụng kết quả kiểm tra vào việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết. Mỗi cấp ủy, trong từng thời gian, đều phải có chương trình kiểm tra, tập trung vào những công tác chủ yếu, những đơn vị trọng điểm; sử dụng và phát huy vai trò Ủy ban Kiểm tra và các ban của Đảng, kết hợp chặt chẽ kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và kiểm tra của quần chúng; kiểm tra phải đi tới kết luận rõ ràng và xử lý đúng đắn.

Chúng ta đã xây dựng bước đầu quy chế làm việc của các tổ chức đảng và Nhà nước. Cần rút kinh nghiệm bổ sung và hoàn chỉnh những quy chế đó. Quy định cụ thể và thực hiện một số chế độ công tác và sinh hoạt nội bộ, trước hết là chế độ hội nghị, chế độ kiểm tra, chế độ tự phê bình và phê bình, chế độ tiếp xúc với quần chúng.

Bốn là, nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực.

Cùng với việc nâng cao năng lực và rèn luyện phong cách, phải tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên. Mỗi người cộng sản chúng ta cần phải suốt đời học tập, noi gương đạo đức, tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

Hãy giữ gìn và nêu cao danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản. Mọi người hãy suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích cách mạng, chứ không phải vì địa vị và tư lợi. Lý tưởng ấy phải được thể hiện cụ thể trong lao động, chiến đấu, học tập và trong lối sống của mỗi đảng viên. Trung thực, không giả dối, nói ít làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, không giấu giếm khuyết điểm - phẩm chất ấy phải được thường xuyên nhấn mạnh và rèn luyện. Ban hành những quy định ngăn ngừa thói khoa trương, thổi phồng thành tích, thi hành kỷ luật những cán bộ, những tổ chức "làm láo, báo cáo hay", có thái độ nghiêm khắc với những kẻ xu thời, vụ lợi, xu nịnh và với cả người ưa nịnh. Bất kỳ cán bộ, đảng viên nào cũng phải tôn trọng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Những hành động cửa quyền, hống hách, ức hiếp quần chúng phải bị lên án và thi hành kỷ luật.

Trong tư tưởng cũng như trong hành động phải triệt để chống tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi. Với lương tâm của người cộng sản, mỗi cán bộ, đảng viên hãy nghiêm khắc xem xét mình đã sống lành mạnh, sống bằng lao động của mình hay chưa? Tư tưởng và hành động chạy theo đồng tiền, tính ích kỷ, hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi ích của nhân dân, ăn cắp của công, lấy của công để biếu xén, chè chén, "phân phối nội bộ" phải bị phê phán và xử lý nghiêm khắc.

Việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên phải được thể hiện ở chương trình công tác, ở hoạt động thực tiễn của Trung ương, các cấp ủy, các tổ chức cơ sở của Đảng. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu trong lối sống. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu càng lớn. Không ai có quyền tự ban cho mình những đặc quyền, đặc lợi. Phải bỏ ngay

những chế độ cung cấp, trang bị phương tiện sinh hoạt, v.v... do các ngành, các địa phương tự ý quy định, trái với chế độ chung.

Mỗi cấp ủy phải nắm được cụ thể và chính xác phẩm chất của từng cán bộ thuộc phạm vi quản lý của mình. Chi bộ phải kiểm tra, quản lý đảng viên - kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo - về những vấn đề thuộc về đạo đức và phong cách.

Việc thi hành kỷ luật vẫn chưa nghiêm, đến nay nhiều người không đủ tư cách đảng viên vẫn còn ở trong Đảng. Phải làm trong sạch Đảng, trước hết loại bỏ ngay những phần tử thoái hóa, biến chất. Cần đưa công khai trên báo, đài, hoặc qua các cuộc sinh hoạt của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng những vụ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp mắc sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất. Điều đó chỉ làm tăng lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Năm là, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở.

Tổ chức cơ sở phải là người nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở những nơi thực hiện chế độ thủ trưởng, tổ chức cơ sở đảng phải được thực hiện đúng chức năng kiểm tra, kể cả kiểm tra người đứng đầu cơ sở. Từng thời gian, đảng ủy phải có chương trình kiểm tra và biết tổ chức lực lượng, huy động đảng viên, cán bộ chuyên môn và quần chúng tham gia công tác kiểm tra. Lựa chọn và cử bí thư đảng ủy cơ sở có phẩm chất và năng lực tương đương với thủ trưởng của cơ sở đó.

Công tác quần chúng có vị trí quan trọng trong hoạt động của tổ chức cơ sở. Mỗi chi bộ, đảng viên phải chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng cho quần chúng, và bằng hành động gương mẫu của người cộng sản mà động viên quần chúng phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ lao động sản xuất và chiến đấu. Tạo điều kiện để quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý kiến phê bình, nhận xét hoạt động của chi bộ, kiểm tra tư cách đảng viên, phát hiện những người không đủ tư cách đảng viên và giới thiệu những người ưu tú để xem xét kết nạp vào Đảng. Thực hiện rộng rãi chế độ quần chúng phê bình chi bộ, đảng viên, định kỳ mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác.

Tổ chức cơ sở đảng, mà trực tiếp là chi bộ, cần chăm lo việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Chi bộ làm tốt việc phân công đảng viên; đảng viên nào cũng được giao công tác và phải làm tròn nhiệm vụ.

Số đảng viên đã về hưu ngày càng nhiều và chiếm tỷ lệ lớn ở các đảng bộ phường, xã. Cần quan tâm bồi dưỡng những vấn đề thời sự, chính sách và sử dụng các đồng chí về hưu vào những công việc thích hợp với khả năng và sức khỏe mỗi người.

Đi đôi với việc kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách, cần thu hút vào Đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng. Số lượng đảng viên của toàn Đảng tuy đông nhưng phân bố không đều. Vì vậy, phải tiếp tục coi trọng việc phát triển đảng viên đi đôi với điều chỉnh, phân bố hợp lý lực lượng đảng viên. Điều quan trọng là bảo đảm chất lượng đảng viên ngay từ khi lựa chọn, kết nạp. Đối với những cơ sở yếu kém, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố tổ chức cơ sở này trước khi kết nạp đảng viên mới.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội hậu bị của Đảng. Các tổ chức đảng phải chăm lo giáo dục, rèn luyện đoàn viên, giúp cho mỗi người sống và làm việc theo lý tưởng của Đoàn. Đó là nguồn chủ yếu để phát triển đảng viên mới. Cần tăng thêm thành phần công nhân, phụ nữ, người dân tộc thiểu số trong việc phát triển đảng viên cũng như việc đào tạo cán bộ.

Sáu là, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Đảng ta có truyền thống đoàn kết nhất trí tốt đẹp. Chẳng những lúc cách mạng phát triển bình thường, thuận lợi mà cả lúc sóng gió, ở những bước ngoặt của lịch sử, Đảng luôn luôn là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nhờ đó, Đảng đã đoàn kết được đông đảo nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng đến những thắng lợi vẻ vang.

Bên cạnh mặt bản chất của Đảng là đoàn kết nhất trí, chúng ta không thể xem thường tác động của một số nhân tố tiêu cực. Có tình trạng thiếu nhất trí về một số quan điểm và sự thiếu ăn khớp trong phong cách và quan hệ làm việc giữa một số cán bộ lãnh đạo các cấp. Bệnh cục bộ, địa phương còn nặng. Do đặc điểm của quá trình cách mạng ở nước ta, đội ngũ cán bộ ở mỗi miền, mỗi địa phương có sự hình thành và phát triển khác nhau; sự thông cảm và hiểu biết lẫn nhau chưa đầy đủ. Kẻ thù và những phần tử xấu lợi dụng tình hình này để kích động, gây chia rẽ.

Tăng cường đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin, đường lối, quan điểm và nguyên tắc tổ chức của Đảng luôn luôn là vấn đề sống còn của cách mạng.

Đoàn kết trong Đảng không phải là "bằng mặt mà không bằng lòng"; mà là sự đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng. Đoàn kết không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau. Thông qua trao đổi, thảo luận sẽ đi đến nhất trí; nếu còn khác nhau thì quá trình thực tiễn sẽ làm sáng tỏ và đạt đến sự nhất trí cao hơn. Nhưng trong sinh hoạt của Đảng, phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ và tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Chúng ta phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường đoàn kết trong toàn Đảng. Đảng ta quyết làm hết sức mình để giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng, thực hiện đúng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[1].

Với đường lối đổi mới toàn diện, gắn chặt với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đáp ứng yêu cầu cách mạng và đi vào lịch sử như một đại hội mở đầu cho thời kỳ đổi mới ở Việt Nam.

Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ được Đại hội VI của Đảng tiếp tục được cụ thể hóa trên cơ sở nâng cao nhận thức về thời kỳ quá độ ở Việt Nam. Đó là thời kỳ lâu dài, khó khăn trải qua nhiều chặng đường. Chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên. Vì vậy, đại hội xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của chặng đường đầu tiên là: ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Ổn định tình hình kinh tế - xã hội bao gồm ổn định sản xuất, ổn định phân phối lưu thông, ổn định đời sống vật chất và văn hóa, tăng cường hiệu lực của bộ máy quản lý, lập lại trật tự kỷ cương, thực hiện công bằng xã hội.

Trong chặng đường đầu tiên, những mục tiêu cụ thể được xác định là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; Tạo ra được một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới; Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Sự thật, H. 1980, tr. 541.

Để thực hiện những mục tiêu đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu cho kế hoạch 5 năm (1986-1990) và đã đạt được những kết quả bước đầu nhưng rất quan trọng:

Đã chuyển sang kinh tế thị trường và thực hiện được quyết tâm đẩy lùi lạm phát, chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20%, năm 1987 là 10%, năm 1988 là 14% thì năm 1989 là 2,5% và năm 1990 là 4,4%. Nhờ kiềm chế được lạm phát, các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi để hạch toán kinh doanh, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

Một thành tựu quan trọng khác về đổi mới kinh tế là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đồng thời với đổi mới cơ chế quản lý trong các ngành kinh tế quốc dân.

Trong công nghiệp: Năm 1987, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định 217/HĐBT về việc mở rộng quyền tự chủ kinh doanh cho các xí nghiệp quốc doanh. Đây là giải pháp đổi mới cơ chế quản lý, phát huy quyền tự chủ, năng động trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như người lao động.

Trong thương nghiệp: Chính sách tự do hóa lưu thông và cơ chế thị trường đã làm thay đổi căn bản phương thức kinh doanh của các cơ sở thương nghiệp từ kinh doanh kiểu bao cấp chuyển sang kinh doanh theo cơ chế thị trường. Hàng hóa trên thị trường nhất là hàng tiêu dùng đã dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi. Trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ cũng tiến hành một số biện pháp đổi mới nhất định.

Đối với nông nghiệp, tiếp tục đổi mới hình thức khoán, tháng 4 năm 1988 có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã đưa lại cho cơ chế quản lý nông nghiệp một sự thay đổi căn bản.

Kinh tế nông nghiệp cuối những năm 80 đầu những năm 90 tiếp tục phát triển. Năm 1988, ta còn phải nhập 45 vạn tấn gạo, đến năm 1990 chúng ta không những đáp ứng đủ nhu cầu trong nước, có dự trữ mà còn xuất khẩu. Sản lượng lương thực năm 1988 đạt 19,50 triệu tấn vượt năm 1987 hai triệu tấn và năm 1989 đạt 21,40 triệu tấn.

Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh. Từ năm 1986 đến 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần (từ 439 triệu rúp và 384 triệu đôla lên 1.019 triệu rúp và 1.170 triệu đôla). Từ năm 1989 tăng thêm một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác. Năm 1989, Việt Nam

đã xuất được 1,5 triệu tấn gạo. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập.

Về thu hút đầu tư của nước ngoài, tháng 12 năm 1987, Quốc hội thông qua "Luật Đầu tư nước ngoài" thể hiện chính sách khuyến khích rộng rãi đối với các nhà kinh doanh nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Những kết quả thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế gắn liền với những chuyển biến tích cực trong việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư và bố trí lại cơ cấu kinh tế. Trong 4 năm 1986-1990 đã dành cho chương trình kinh tế 60% vốn đầu tư của ngân sách Trung ương, 75 - 80% vốn đầu tư của địa phương. Ngoài ra còn có vốn đầu tư của nhân dân và một số vốn đầu tư của nước ngoài. Nhiều công trình công nghiệp nặng quan trọng khởi công từ những năm trước được đưa vào sử dụng. Hình thành một số ngành sản xuất mới như dầu khí... Một số loại hình kinh tế dịch vụ mới ra đời và phát triển nhanh, góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hóa.

Cùng với những thành tựu về kinh tế, chúng ta cũng đạt được nhiều thành tích trên các lĩnh vực khác.

Về xã hội, trong những năm 1986-1990, nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường thì xã hội có những diễn biến phức tạp. Trong tình hình đó, ổn định chính trị là điều kiện tối cần thiết cho công cuộc đổi mới.

Một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới là bước đầu thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hoạt động của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Cơ chế và chính sách mới đã mở rộng quyền tự chủ của mọi cơ sở kinh tế, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế. Trong đời sống tinh thần xã hội đã có không khí cởi mở thẳng thắn, từng bước khắc phục các biểu hiện dân chủ hình thức. Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật quan trọng của Đảng và Nhà nước đã được nhân dân tham gia đóng góp ý kiến.

Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử; nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp, bước đầu chỉnh đốn Đảng đi đôi với đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng và Nhà nước được khôi phục, củng cố.

Những biến đổi về kinh tế, nhất là việc chuyển sang cơ chế thị trường có tác động mạnh đến các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế. Do không còn được bao cấp ở mức cao như trước đây và do ảnh hưởng tác động của khủng hoảng, một số hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, vệ sinh môi trường, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao quần chúng... có phần bị hạn chế.

Đồng thời với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, Đảng, Nhà nước rất chú trọng đến việc thực hiện mục tiêu củng cố quốc phòng an ninh. Thực hiện điều chỉnh chiến lược bảo vệ Tổ quốc theo quan điểm chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, bố trí lại lực lượng trên các địa bàn, giảm được số lượng lớn quân thường trực. Tăng cường đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự xã hội góp phần quan trọng tạo ra môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới.

Những thành tựu, ưu điểm nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về căn bản là phù hợp. Những thành tựu, kết quả đó tuy mới là bước đầu nhưng rất quan trọng.

Nhưng đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình gian khổ phức tạp và rất khó khăn. Bên cạnh những thành tựu đạt được cũng còn không ít những hạn chế, yếu kém.

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI là quá trình rất khó khăn, gian khổ, phức tạp. Nhưng Đảng, Nhà nước, nhân dân ta đã nỗ lực vươn lên tìm tòi, khám phá con đường đổi mới chưa hề có tiền lệ trong lịch sử, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI đi vào cuộc sống.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII họp từ 22 đến 27 tháng 6 năm 1991 đã tổng kết đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI, đề ra chủ trương nhiệm vụ nhằm kế thừa phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những khó khăn hạn chế, ngăn ngừa những lệch lạc phát sinh, điều chỉnh bổ sung phát triển đường lối đổi mới đề ra từ Đại hội VI để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đất nước đi lên.

Bước vào thập kỷ 90 (thế kỷ XX) bối cảnh quốc tế và trong nước có những thay đổi lớn. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản xuất hiện nhiều khó khăn trở ngại. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu rơi vào tình trạng khủng hoảng và đi đến tan rã đã gây xáo động trong đời sống chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa. Các thế lực thù địch tăng cường thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" chống phá phong trào cách mạng ở Việt Nam. Trong khi đó ở trong nước tình hình chuyển biến trên các lĩnh vực nhất là kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, bao trùm, nhất là: "Đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng

kinh tế - xã hội... nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết..."[1]

Xuất phát từ đặc điểm tình hình quốc tế trong nước nói trên, căn cứ vào các mục tiêu của chặng đường đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được xác định (từ Đại hội VI), Đại hội VII của Đảng đã thông qua "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" và "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000". Đại hội đã đề ra nhiệm vụ, mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm (1991-1995) là vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa đất nước về cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Để thực hiện mục tiêu đó trên cơ sở những thành tựu đổi mới đã đạt được trong kế hoạch 1986-1990, công cuộc đổi mới đất nước được tiến hành kiên quyết hơn, đồng bộ hơn trong kế hoạch 1991-1995.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, những mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1991-1995), trên các lĩnh vực của công cuộc đổi mới nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là một trong những nội dung quan trọng để giải phóng lực lượng sản xuất, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển. Trong khu vực kinh tế quốc doanh đã thực hiện việc sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước. Đây là biện pháp quan trọng để củng cố khu vực kinh tế quốc doanh. Khu vực kinh tế tập thể tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của hợp tác xã. Tuy nhiên do không thích ứng được với cơ chế thị trường, một loạt các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiểu thủ công, hợp tác xã nông nghiệp đã không thể tồn tại. Số thích ứng được với cơ chế mới và hoạt động có hiệu quả chỉ chiếm khoảng 10%[2]. Trong khi đó vai trò của kinh tế hộ được nâng cao với một loạt chính sách của Nhà nước ban hành về ruộng đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, khoa học công nghệ, tín dụng, khuyến nông... kinh tế hộ trở thành hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu ở nông thôn, trong nông nghiệp. Đối với thành phần kinh tế tư nhân, cá thể tuy được Nhà nước khuyến khích nhưng tốc độ tăng trưởng còn chậm.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, H. 1991, tr. 50.

2. *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H. 2000, tr. 387.

Nhìn chung các thành phần kinh tế trên đều vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và khẳng định sự tồn tại của mình bằng khả năng tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, nhịp độ phát triển kinh tế được đẩy mạnh, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã đạt và vượt mức đề ra.

Trong 5 năm 1991-1995, nhịp độ tăng bình quân hàng năm về tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,5%). Sự tăng trưởng đó giữ được tính ổn định và thường xuyên tăng lên. Trong công nghiệp tăng bình quân hàng năm 13,3%. Một số ngành có mức tăng cao; năm 1995 so với năm 1990 công nghiệp nhiên liệu (cả dầu khí) gấp 3,2 lần, điện gấp 1,6 lần, vật liệu xây dựng gấp 2,7 lần, chế biến thực phẩm gấp 1,9 lần.

Nông nghiệp là một trong những ngành đạt được nhiều thành tựu. Giá trị sản lượng bình quân mỗi năm tăng 4,5%. Sản lượng lương thực bình quân đạt trên 25 triệu tấn/năm. An toàn lương thực được bảo đảm, đồng thời đáp ứng cả nhu cầu tiêu dùng và còn xuất khẩu được mỗi năm khoảng 2 triệu tấn. Kim ngạch xuất khẩu thủy, hải sản năm 1995 gấp 3 lần năm 1990.

Giao thông vận tải có tiến bộ, vận tải hàng hóa tăng 62%. Viễn thông phát triển nhanh, doanh thu bưu điện và doanh thu du lịch đều gấp 10 lần. Thị trường hàng hóa trong nước phát triển. Thương nghiệp là ngành dịch vụ đạt mức tăng trưởng cao. Nếu quy về giá năm 1990 thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên thị trường bình quân mỗi năm tăng gần 20%.

Lĩnh vực ngoại thương thu được thành công đáng kể, kim ngạch xuất khẩu đã khắc phục được tình trạng suy giảm của năm 1991 và tăng liên tục từ 1992 trở đi.

Về tài chính, tiền tệ đều tiến bộ rõ nét, nổi bật là đã chặn được nạn lạm phát cao, từng bước đẩy lùi lạm phát. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995. Tỷ lệ thiếu hụt ngân sách được kiềm chế, chấm dứt việc phát hành tiền để bù đắp bội chi.

Quy mô đầu tư phát triển xã hội tăng. Vốn đầu tư cơ bản toàn xã hội năm 1990 chiếm 15,8% GDP, năm 1995 là 27,4% (trong đó nguồn đầu tư trong nước chiếm 16,7% GDP). Đến cuối năm 1995, tổng vốn đăng ký của các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt trên 19 tỷ USD, gần 1/3 đã được thực hiện nhưng kết quả về đầu tư phát triển đã làm tăng năng lực sản xuất trong nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ và đưa vào sử dụng một số công trình quan trọng của nền kinh tế nhất là giao thông, thủy lợi, dầu khí, thép, xi măng và các cơ sở du lịch, dịch vụ.

Hoạt động khoa học công nghệ có bước phát triển mới, gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường.

Công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới sau một số năm giảm sút. Mục tiêu, nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục từ mầm non đến sau đại học đang được đổi mới theo hướng cơ bản, hiện đại.

Trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe, ngành y tế có nhiều cố gắng. Các chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em, phòng chống sốt rét, suy dinh dưỡng, bướu cổ được thực hiện có kết quả. Trong 2 năm 1994, 1995, Nhà nước đã dành hơn 50 tỷ đồng để xây dựng, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trạm y tế. Một số trung tâm y tế được đầu tư và nâng cấp trang bị lại. Một số bệnh viện bước đầu đã thực hiện thu một phần viện phí và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế.

Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo ngày càng được mở rộng.

Quốc phòng và an ninh tiếp tục được củng cố. Thực hiện có kết quả việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới.

Đã mở rộng quan hệ đối ngoại, trở thành thành viên chính thức của ASEAN. Đổi mới quan hệ với Liên bang Nga và các nước Đông Âu, các nước trong cộng đồng quốc gia độc lập (SNG). Mở rộng quan hệ với các nước phát triển, bình thường hóa quan hệ với Mỹ...

Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong đó khẳng định sự lãnh đạo của Đảng đồng thời tăng cường củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Ngày 15 tháng 4 năm 1992, Hiến pháp mới được thông qua trên cơ sở sửa đổi một cách căn bản, toàn diện Hiến pháp năm 1980. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực được phát huy, đồng bào các dân tộc đoàn kết, gắn bó vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Cùng với những thành tựu đạt được, 5 năm (1991-1995) thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, thực hiện kế hoạch nhà nước cũng còn nhiều mặt yếu kém, hạn chế.

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go, vươn lên đạt được những thành tựu nổi bật trên nhiều mặt và đã đang tạo ra thế và lực mới để đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới. Nhiều tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa được tạo ra. Quan hệ giữa nước ta với các nước trên thế giới được mở rộng. Khả năng giữ vững độc lập và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm.

Nhưng những yếu kém, hạn chế chưa được giải quyết nên khi bước vào thời kỳ mới đất nước còn gặp không ít khó khăn thử thách. Bốn nguy cơ: tụt hậu xa hơn về kinh tế; âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch; sự chệch hướng xã hội chủ nghĩa; tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái vẫn là những thách thức lớn đối với đất nước trong những năm phát triển tiếp theo của công cuộc đổi mới.

Xuất phát từ kết quả 10 năm đổi mới (1986 - 1995), từ những tiền đề đã được tạo ra, nước ta đã chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 1 tháng 7 năm 1996 đã đánh dấu bước phát triển quan trọng đó.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa: "Xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống và tinh thần được nâng cao, an ninh quốc phòng vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội"[1]

Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996-2000).

Nhiệm vụ tổng quát của 5 năm (1996-2000), giai đoạn đầu của thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là: "Tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đã đề ra trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 18-19.

vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn đầu thế kỷ sau"[1]

Nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu trong 5 năm (1996-2000). Trước hết tập trung sức cho mục tiêu phát triển đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 9 - 10% đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp với tốc độ tăng giá bình quân là 4,5 - 5%, phát triển các ngành công nghiệp trước hết công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, tốc độ tăng trưởng bình quân công nghiệp hàng năm từ 14 - 15%.

Phát triển các ngành dịch vụ, giá trị tăng bình quân hàng năm 12 - 13%. Tăng nhanh đầu tư phát triển toàn xã hội với việc thu hút nguồn lực trong nước và vốn đầu tư nước ngoài, đưa tỷ lệ của đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2000 lên 30% GDP.

Phát triển cân đối các vùng các ngành. Đến năm 2000, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34 - 35% trong GDP; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 19 - 20%, dịch vụ chiếm 45 - 46%.

Tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính của đất nước, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia, kiềm chế bội chi ngân sách không quá 4,5% GDP. Kiềm chế và kiểm soát lạm phát. Phát triển thị trường tiền tệ và thị trường vốn. Hình thành từng bước thị trường chứng khoán.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Giải quyết tốt một số vấn đề xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh Tổ quốc. Tích cực tạo điều kiện, tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000[2].

Kế hoạch 5 năm 1996-2000 đặt ra các chỉ tiêu, chương trình phấn đấu cao. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện kế hoạch nhất là từ giữa năm 1997 đến năm 1999 tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính kinh tế khu vực, cùng với thiên tai nghiêm trọng liên tiếp xảy ra đã đặt nền kinh tế nước ta trước những thách thức quyết liệt.

"Trong bối cảnh đó toàn Đảng, toàn dân đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn thách thức, duy trì được nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII*, Sđd, tr. 168.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII*, Sđd, tr. 170, 172.

(GDP) 7% năm; công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục đạt những thắng lợi quan trọng"[1]

Về kinh tế: nông nghiệp phát triển liên tục, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế - xã hội. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân hàng năm 5,7% so với mục tiêu đề ra là từ 4,5 - 5%. Sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân hàng năm trên 1,6 triệu tấn, lương thực bình quân đầu người từ 360kg năm 1995 lên 444kg năm 2000.

Nuôi trồng đánh bắt thủy sản phát triển khá. Sản lượng năm 2000 đạt trên 2 triệu tấn so với mục tiêu kế hoạch 1,6 - 1,7 triệu tấn, xuất khẩu đạt 1.475 triệu USD.

Năm 2000 tổng thu nhập từ xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 4,3 tỷ USD gấp 1,7 lần năm 1995. Đã tạo được ba mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (đứng thứ hai trên thế giới), cà phê (thứ ba thế giới), hàng thủy sản chiếm 43% trị giá kim ngạch xuất khẩu toàn ngành.

Công nghiệp: cũng đạt được nhiều tiến bộ, nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm 13,5%, sản lượng một số sản phẩm công nghiệp quan trọng như dệt, xi măng, phân bón, thép, mía đường có mức tăng nhanh. Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp cũng tăng nhanh, năm 2000 đạt 10 tỷ USD gấp hơn 3,4 lần năm 1995 chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Trong công nghiệp đã hình thành một số sản phẩm mũi nhọn như dầu khí, thực phẩm và đồ uống, điện, khí đốt... Các ngành dịch vụ tiếp tục phát triển trong điều kiện khó khăn hơn trước, giá trị các ngành dịch vụ tăng 6,8% năm. Cơ cấu kinh tế: đã có bước dịch chuyển tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, phát huy tiềm năng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

Đến năm 2000, tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước trong GDP vào khoảng 39%, tập thể 8,5%, tư nhân 3,3%, cá thể 32%, khu vực kinh tế hỗn hợp 3,9%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 13,3%.

Các cân đối chủ yếu: trong nền kinh tế như giữa tích lũy và tiêu dùng, tài chính và tiền tệ, giữa đầu tư và sử dụng công trình... đã được điều chỉnh thích hợp để duy trì khả năng tăng trưởng kinh tế và ổn định đời sống nhân dân.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2001, tr. 223.

Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển: tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt trên 51,6 tỷ USD, tăng bình quân hàng năm trên 21% gấp 3 lần mức tăng GDP. Cơ cấu hàng xuất khẩu đã có sự thay đổi một bước, tỷ trọng công nghiệp, công nghiệp nhẹ, thủ công nghiệp tăng lên trong khi tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản có xu hướng giảm dần.

Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 186 USD/người, tuy còn ở mức thấp nhưng đã thuộc loại các nước có nền ngoại thương phát triển. Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm khoảng 61 tỷ USD tăng bình quân hàng năm khoảng 13,3%. Mức chênh lệch xuất nhập giảm từ 49,6% năm 1995 xuống còn 6,3% năm 2000. Trong đó đáng kể đã giảm nhiều nhập khẩu hàng tiêu dùng.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục gia tăng. Vốn đầu tư trực tiếp (FDI) thu hút vào lĩnh vực sản xuất, kết cấu hạ tầng kinh tế tăng từ 62% năm 1995 lên 85% vào năm 2000. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tiếp tục tăng góp phần quan trọng trong phát triển kết cấu hạ tầng. Trong 5 năm nguồn vốn ODA đưa vào thực hiện khoảng 6,1 tỷ USD tập trung ở một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế.

Quy mô giáo dục, đào tạo tiếp tục tăng ở tất cả các bậc học, ngành học. Năm 1999-2000 so với năm 1994-1995, học sinh mẫu giáo tăng 1,2 lần, học sinh trung học cơ sở tăng 1,6 lần, học sinh trung học phổ thông tăng gấp 2,3 lần, học sinh đào tạo nghề gấp 1,8 lần, đào tạo đại học tăng 3 lần. Đến hết năm 2000 có 100% tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các trường được nâng cấp, cải thiện. Các trường ngoài công lập hình thành và bắt đầu phát triển mạnh. Các trường đại học, cao đẳng, các trường chuyên nghiệp từng bước được tổ chức, sắp xếp lại. Hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên được cải tiến. Hàng năm trên 80% giáo viên được đào tạo nâng cao, chuẩn hóa. Việc xã hội hóa giáo dục bước đầu được triển khai.

Trong hoàn cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, các lĩnh vực văn hóa xã hội đã có bước phát triển khá, giải quyết có kết quả việc làm cho người lao động. Trong 5 năm đã có thêm khoảng 6,1 triệu lao động được thu hút vào làm việc trong các ngành kinh tế, xã hội, trong đó khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác xã đóng góp phần đáng kể. Công tác xóa đói giảm nghèo đã được triển khai mạnh mẽ, thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ mà đạt được kết quả khá. Tỷ lệ hộ đói nghèo trên tổng số hộ trong cả nước từ 20% năm 1995 giảm xuống còn 10% năm 2000, đạt mục tiêu đề ra.

Công tác văn hóa, thông tin có nhiều đóng góp tích cực trong việc động viên toàn dân tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Công tác kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được đẩy mạnh. Tỷ lệ sinh bình quân mỗi năm giảm 0,78% (mục tiêu 0,6%), tỷ lệ tăng dân số năm 2000 là 1,4%.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe có nhiều chuyển biến, các chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 38% năm 1995 xuống còn 33 - 34% năm 2000. Các bệnh bại liệt, thiếu vitamin A, uốn ván sơ sinh cơ bản được thanh toán vào năm 2000. Các bệnh sốt rét, bướu cổ năm 2000 giảm gần 60% so với năm 1995. Một số bệnh viện được cải tạo, nâng cấp, xây mới. Trang thiết bị y tế được nâng cấp ở các tuyến. Chính sách bảo hiểm y tế và thu một phần viện phí đã góp phần giảm bớt khó khăn cho các cơ sở điều trị. Nhiều nơi đã triển khai tốt việc khám chữa bệnh cho người nghèo.

Các hoạt động chăm sóc người có công, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn được mở rộng, thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể. Phong trào thể dục thể thao phát triển rộng rãi, các hoạt động thể thao thành tích cao đã có bước tiến bộ.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước đã được tăng cường. Các tuyến phòng thủ biên giới, các địa bàn trọng điểm về kinh tế, an ninh, quốc phòng, đặc biệt là vùng biển, hải đảo đã được tăng cường. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng và an ninh được chú trọng hơn trong công tác quy hoạch và kế hoạch. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố, phát triển. Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Những thành tựu đạt được trong 5 năm 1996-2000 là rất quan trọng, tạo thêm thế và lực mới để vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện các mục tiêu kế hoạch, chương trình đã đề ra.

Tuy nhiên, những thành tựu đã đạt được vẫn còn thấp so với tiềm năng và khả năng phát triển. Tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều mặt khó khăn, yếu kém.

Những tồn tại, yếu kém có nguyên nhân khách quan do cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế khu vực và thiên tai nặng nề. Nhưng cái chính vẫn là do công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các bộ ngành ở Trung ương và các cấp chính quyền địa phương còn nhiều bất cập, một số nghị quyết của

Đảng chưa được các ngành, các cấp nhận thức thống nhất và chấp hành nghiêm... Một số cơ chế, chính sách có xu hướng bao cấp trở lại như: khoanh nợ, xóa nợ, trợ giá, miễn thuế... làm cho cơ sở sản xuất kinh doanh kém năng động, ỷ lại.

Cải cách hành chính chậm, thiếu kiên quyết, chưa đồng bộ, hiệu quả thấp, một bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều yếu kém, một số không ít thoái hóa, biến chất, tham ô, gây ảnh hưởng xấu tới uy tín của Đảng và Nhà nước. Gây cản trở cho sự phát triển của đất nước.

Bước vào thời kỳ mới, cách mạng nước ta vừa đứng trước thời cơ vận hội lớn, vừa phải đối mặt với những nguy cơ thách thức lớn không thể xem thường. Nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ vượt qua thử thách với tinh thần cách mạng tiến công đưa cách mạng Việt Nam tiến lên. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã họp từ ngày 19 đến 22 tháng 4 năm 2001.

Chủ đề của Đại hội là: phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau khi đánh giá những thành tựu to lớn mà nhân dân ta đạt được sau 15 năm đổi mới cũng như những tồn tại, thiếu sót yếu kém, Đại hội đã khẳng định những bài học do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn giá trị.

Một là: Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là: Đổi mới phải dựa vào nhân dân và lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.

Ba là: Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bốn là: Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đại hội khẳng định: Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Lợi ích của giai cấp công

nhân và của toàn dân tộc thống nhất về mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Khắc phục tình trạng của một nước nghèo nàn, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh với mọi biểu hiện tiêu cực, sai trái, đấu tranh làm thất bại âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông trí thức do Đảng lãnh đạo. Kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế của đất nước.

Đại hội khẳng định: Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội thông qua chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Phấn đấu đến năm 2010 tăng sản phẩm trong nước (GDP) ít nhất gấp đôi so với năm 2000; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn 50%.

Từ sau Đại hội IX, Đảng ta đã tích cực cụ thể hóa và triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội, từng bước đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo. Hầu hết các vấn đề quan trọng của Nghị quyết Đại hội IX trên các lĩnh vực đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị cụ thể hóa. Qua đó, nhiều vấn đề liên quan đến những quan điểm, chủ trương lớn lâu nay còn ý kiến khác nhau đã được làm rõ để đi đến thống nhất đã tạo cơ sở quan trọng để thúc đẩy sự nghiệp đổi mới đất nước thu được những thành tựu quan trọng.

*

* *

Nhìn lại quá trình thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đại hội VI của Đảng đề ra, đến nay bộ mặt của đất nước và xã hội ta đã có những sự thay đổi lớn. Từ khi đất nước ta lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng tưởng chừng không có lối ra: sản xuất trì trệ, lưu thông phân phối ách tắc, ngân sách nhà nước thâm hụt lớn, lạm phát cao, đời sống rất khó khăn, lòng dân không thật yên. Cả nước phấn đấu hết sức mình nhưng làm không đủ ăn, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập. Nước ta vừa có hòa bình, vừa phải đối phó với nguy cơ chiến tranh mới, lại bị bao vây và cấm vận ngặt nghèo.

Thực hiện đường lối đổi mới, trong những năm qua, đặc biệt là từ năm 1991 đến nay, kinh tế nước ta liên tục đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 7,5% - một nhịp độ được coi là thần kỳ. Từ một nước trước đây mỗi năm phải nhập khẩu khoảng nửa triệu tấn lương thực nay đã là một trong những nước xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới, mà số lượng xuất khẩu cao hơn gần 10 lần số lượng nhập khẩu hàng năm trước đây. Từ một nước vốn có nền công nghiệp yếu kém, nay đã từng bước tiến lên xây dựng một nền công nghiệp theo hướng hiện đại, với hàng trăm khu công nghiệp và khu chế xuất được bố trí khắp các vùng, miền. Đồng thời cơ cấu kinh tế không ngừng chuyển đổi theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Kim ngạch xuất khẩu trong những năm gần đây đã đạt xấp xỉ một nửa GDP toàn quốc. Hàng loạt công trình kết cấu hạ tầng được xây dựng mang đậm dấu ấn của thời kỳ mới. Nhịp độ đô thị hóa đi liền với công nghiệp hóa được đẩy nhanh hơn.

Về xã hội và văn hóa, bản chất nhân văn của chủ nghĩa xã hội ngày càng được tô đậm và phát triển bởi những thành tựu về xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, về xóa nạn mù chữ, phổ cập giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, về khống chế dịch bệnh, tăng tuổi thọ bình quân. Cái được lớn nhất về mặt văn hóa là đã đưa ra được một quan niệm tổng thể về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực của phát triển. Chúng ta đã đặt giáo dục và khoa học - công nghệ lên vị trí quốc sách hàng đầu, trực tiếp thúc đẩy việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Về chính trị, đã làm rõ thực chất của công cuộc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, coi Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là những trụ cột vững chắc của nền dân chủ ấy. Trên cơ sở đó, thực hiện

nhiều chủ trương và biện pháp để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng thông qua việc Đảng tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó mật thiết với nhân dân; tăng cường và củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tăng cường và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào cách mạng, đồng thời thực hiện chức năng phản biện xã hội đối với các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Về quốc phòng và an ninh, đổi mới quan trọng nhất là đã phát triển quan niệm về bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược về bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, điều kiện mới. Nhờ đó, đã xây dựng và từng bước phát triển tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Cũng nhờ đó mà ta tuy phải đối mặt với nhiều âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, nhưng với thế giới, đất nước ta vẫn được xem là một đất nước mà quốc phòng và an ninh được bảo đảm, sự ổn định chính trị và ổn định xã hội được giữ vững. Về quan hệ đối ngoại, với chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ, rộng mở, sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, nước ta không chỉ phá bỏ được thế bị bao vây, cấm vận mà còn thiết lập được quan hệ với hầu hết các nước trên thế giới, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực khác, không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đã đạt được một số kết quả tích cực. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác lý luận, việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh có tiến bộ. Công tác tổ chức và cán bộ có một số đổi mới về nội dung và cách làm. Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở có chuyển biến. Công tác phát triển đảng viên được quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả. Đa số đảng viên, cán bộ phát huy được vai trò năng động, tiên phong, sáng tạo trong công tác, lao động, rèn luyện phẩm chất năng lực. Quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân được tiếp tục phát huy.

Song, trong thực tiễn lãnh đạo đất nước, tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới. Một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chưa được làm rõ nên chưa đạt được thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt

khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành. Tình trạng nói nhiều làm ít, làm không đến nơi đến chốn hoặc không làm còn diễn ra ở nhiều nơi. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp đối với một số lĩnh vực như: quy hoạch đất đai, xây dựng cơ bản, giá cả, tài chính, ngân hàng, an toàn giao thông, báo chí, xuất bản... Công tác kiểm tra, thanh tra chưa thường xuyên và còn thiếu hiệu lực. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ; tệ nạn quan liêu, tham nhũng ngày càng phát triển...

Những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đất nước là kết quả tổng hợp của ba sức mạnh tác động cùng chiều: sức mạnh của nhân dân làm chủ, sức mạnh của Đảng lãnh đạo và sức mạnh của Nhà nước quản lý và điều hành. Về sức mạnh của Đảng, trước hết phải nói đến vai trò to lớn của bốn Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, những đại hội đã từng đánh dấu những cột mốc quan trọng trong quá trình đổi mới và phát triển của đất nước: Đại hội VI (năm 1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện; Đại hội VII (năm 1991) là Đại hội của cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Đại hội VIII (năm 1996) mở ra thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Đại hội IX (năm 2001) đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010), theo đó, trong 10 năm đầu thế kỷ mới, phấn đấu đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 trở thành một nước công nghiệp, theo hướng hiện đại. Đặc điểm chung của các kỳ đại hội ấy là, đại hội sau bao giờ cũng kế thừa và phát triển những gì đại hội trước đã đạt được, trong đó phát triển sáng tạo luôn luôn là động lực.

Những thành tựu đạt được cho thấy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang tiếp tục đi đúng đường lối đổi mới của Đảng, làm tăng thế và lực của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (2001-2005) và chiến lược ổn định phát triển kinh tế đến năm 2010. Đưa đất nước vững bước tiến lên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

II.
ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ MỚI

Trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, để quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng cần nhận thức rõ đặc điểm, tình hình nhiệm vụ cách mạng nước ta hiện nay.

Thứ nhất, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền từ cuối năm 1945. Nhưng Đảng cầm quyền lúc đó có nhiệm vụ chủ yếu là lãnh đạo chính quyền tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ năm 1954 đến năm 1975, khi miền Bắc được giải phóng, Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân ta bước vào thời kỳ cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng chiến lược bao trùm, mục tiêu chủ yếu vẫn là để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Như vậy, từ năm 1954 đến năm 1969 (khi Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng cầm quyền và là Chủ tịch nước), việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc lúc đó là để làm cơ sở, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. *Đảng cầm quyền lãnh đạo xây dựng đất nước, nhưng quy luật chiến tranh vẫn chi phối là chủ yếu. Vì vậy, vai trò, phương thức lãnh đạo của Đảng lúc đó có những yêu cầu và đặc điểm rất khác hiện nay.*

Thứ hai, trước đây nước ta và cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa chưa chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay.

Bên cạnh mặt tích cực, nền kinh tế thị trường có những mặt tiêu cực như: phân hóa giàu nghèo, mất công bằng xã hội và suy thoái đạo đức.

Đảng ta đã có những chủ trương và giải pháp khắc phục những tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong điều kiện kinh tế thị trường rất phức tạp. Điều này khác với thời kỳ thực hiện cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp và trong điều kiện chiến tranh. Do đó, công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng có những nội dung, hình thức và phương pháp khác trước.

Thứ ba, trước đây chúng ta chỉ quan hệ đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè thân thiết là chủ yếu, nay mở rộng quan hệ, hợp tác với tất cả các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau, tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng càng phải có lập trường, quan điểm, tư tưởng vững vàng hơn, đạo đức, lối sống trong sáng hơn, trình độ năng lực và ý thức tổ chức kỷ luật tốt hơn.

Thứ tư, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước diễn ra trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển rất nhanh. Dự báo thế kỷ XXI, khoa học - công nghệ sẽ phát triển như vũ bão. Tính chất, nội dung và điều kiện công nghiệp hóa hiện nay cũng khác với "đẩy mạnh công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm" trong giai đoạn trước đây.

Hơn nữa, Đảng lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra nhanh chóng. Việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay cũng khác trước.

Thứ năm, chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng khi có Nhà nước pháp quyền đặt ra những yêu cầu mới.

Thứ sáu, từ sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới thay đổi hẳn, có lợi cho các lực lượng thù địch. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch tiến công vào nước ta ngày càng quyết liệt. Cuộc tiến công đó trên tất cả các lĩnh vực, bằng nhiều thủ đoạn tinh vi nhằm xóa bỏ Đảng ta và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ta đã từng bước ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ đó, song cuộc đấu tranh còn rất quyết liệt và phức tạp.

Thứ bảy, bản thân Đảng ta sau mười lăm năm đổi mới đất nước và xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã trưởng thành và được củng cố trên nhiều mặt, song cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm, yếu kém. Những khuyết điểm và yếu kém này có những nguồn gốc, nguyên nhân và biểu hiện khác với thời kỳ trước đây. Do đó, giải pháp để khắc phục những yếu kém hiện nay của Đảng ta cũng khác trước. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng vẫn còn nguyên giá trị, nhưng nhiều vấn đề phải bổ sung, phát triển.

1. Nâng cao bản lĩnh chính trị, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Bản lĩnh chính trị của Đảng là sự vững vàng, kiên định con đường cách mạng đã lựa chọn trên cơ sở nắm vững và vận dụng đúng đắn, sáng tạo các quy luật khách quan, nắm vững và biết vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bản lĩnh chính trị cũng là sự độc lập, tự chủ trong việc quyết định hướng đi đúng đắn của đất nước, của dân tộc, nhất là khi tình hình quốc tế hiện nay đang diễn biến phức tạp. Ở những bước ngoặt khó khăn nhất của cách mạng, bản lĩnh chính trị của Đảng là chủ động, bình tĩnh, không bao giờ tỏ ra dao động, do dự, không chán nản hay sa vào tuyệt vọng. Bản lĩnh chính trị là ý chí, là niềm tin không gì lay chuyển được và cũng là quyết tâm biến ý chí và niềm tin vào những mục tiêu của cách mạng thành hiện thực. Chính nhờ có bản lĩnh chính trị mà suốt hơn 70 năm qua, trải qua chặng đường đầy khó khăn, thử thách, Đảng ta đã dẫn dắt dân tộc ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, cả trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, cả trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và hiện nay trong công cuộc đổi mới.

Để nâng cao bản lĩnh chính trị, trước hết Đảng phải nắm vững lý luận, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Ngay từ khi chuẩn bị thành lập Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: Đảng mà không có lý luận cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Người đòi hỏi trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo lý luận đó. Đảng luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta khẳng định: "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin, hệ tư tưởng và vũ

khí lý luận của giai cấp vô sản, tự nó đã mang đầy đủ bản chất cách mạng và khoa học. Bản chất đó đã làm cho Đảng thật sự là một Đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo đến nay càng chứng minh sức sống và làm sáng tỏ chân lý đó. Đặc biệt, trong những năm đổi mới càng làm nổi bật vai trò của lý luận và sự cần thiết phải tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc để không chỉ làm sáng tỏ mà còn phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện, hoàn cảnh mới của đất nước ta.

Bản lĩnh chính trị của Đảng còn phụ thuộc vào một điều kiện vô cùng quan trọng và có ý nghĩa quyết định là phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Trong nhiều văn kiện của Đảng đã khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt Nam. Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Là chính Đảng của giai cấp công nhân, đương nhiên Đảng phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay cán bộ, đảng viên luôn luôn chịu sự tác động của nhiều nhân tố rất phức tạp, kể cả những hành động chống phá Đảng. Vì vậy để giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nhất thiết phải:

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

- Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam. Trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn.

Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình giữ vững đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân, xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm giai cấp của giai cấp công nhân.

- Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trong các yêu cầu trên, vấn đề trước hết vẫn là phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; là việc phải thường xuyên nghiên cứu, học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên - điều có ý nghĩa cực kỳ quan trọng nhằm giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Một xã hội mà mọi công dân đều ý thức và tuân thủ những chuẩn mực đạo đức thì xã hội trở nên lành mạnh và phát triển. Một Đảng mà mỗi cán bộ, đảng viên thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng thì Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh. Bởi vậy, hơn lúc nào hết, vấn đề đảng viên và nâng cao chất lượng đảng viên cần phải được hết sức quan tâm, chú trọng. Cần phải thường xuyên chăm lo xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên mạnh về chất lượng, coi trọng việc phát triển Đảng trong giai cấp công nhân, làm cho hàng ngũ của Đảng ngày càng đông đảo và vững mạnh, bản chất giai cấp công nhân của Đảng ngày càng được củng cố và tăng cường.

2. Nâng cao năng lực trí tuệ, tư tưởng lý luận trong hoạch định đường lối lãnh đạo của Đảng.

a) Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ.

Ngay từ buổi đầu đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã sớm có ý thức về việc *giải phóng dân tộc và giải phóng nhân dân.* Sự nghiệp giải phóng ấy là của chính nhân dân. "Dân ta phải tự giải phóng cho ta". Đó là một chân lý.

Vấn đề đặt ra đối với Hồ Chí Minh là ở chỗ, con đường nào để thực hiện thắng lợi chân lý "dân ta tự giải phóng cho ta"? Trả lời câu hỏi đó một cách chính xác là điểm khởi thủy có ý nghĩa quyết định đối với bước ngoặt của lịch sử đang đặt ra ở đầu thế kỷ này. Nhưng, đó cũng là điểm khó khăn và phức tạp nhất của lúc xuất phát tiến trình cách mạng trong thời điểm đó. Bởi vì, trong lịch sử thế giới có nhiều con đường, nhiều phương thức khác nhau để đạt được độc lập dân tộc trong các thời kỳ khác nhau. Nhưng không phải cứ giành được độc lập là mọi thành viên trong xã hội - đặc biệt là người lao động - đã được giải phóng. Dưới gánh nặng của các giai cấp bóc lột

(phong kiến, tư sản), đại đa số nhân dân vẫn phải chịu áp bức bóc lột nặng nề trên tất cả mọi phương diện - từ vật chất đến tinh thần, từ kinh tế đến chính trị, văn hóa. Trong quá trình bôn ba hải ngoại để tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã qua nhiều nước thuộc trung tâm của chủ nghĩa tư bản - những nơi chế độ phong kiến đã căn bản bị loại bỏ, và vấn đề độc lập dân tộc đã được giải quyết. Nhưng ngay ở các nước đó, Hồ Chí Minh vẫn thấy bên cạnh một thiểu số giàu là đa số nhân dân nghèo khổ, bị áp bức đủ điều. Từ đó trong tư tưởng Hồ Chí Minh sớm có sự phân biệt giữa độc lập dân tộc và giải phóng nhân dân; sớm thấy mối quan hệ qua lại giữa đấu tranh giành độc lập dân tộc với giải phóng người lao động khỏi áp bức, bất công, bất bình đẳng; đồng thời cũng sớm thấy rõ mục tiêu giành độc lập dân tộc tự nó không phải bao giờ cũng trực tiếp dẫn tới giải phóng nhân dân lao động theo ý nghĩa đầy đủ của từ đó.

Câu hỏi của lịch sử mà những người yêu nước tiền bối chưa trả lời được là làm thế nào và dựa vào đâu để gắn nhiệm vụ giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội và giải phóng con người; cuối cùng đã được Hồ Chí Minh tìm ra qua một quá trình công phu khảo nghiệm thực tế, hoạt động cách mạng, nghiên cứu lý luận và tổng kết lịch sử, v.v...

Ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nhìn thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam thần kỳ, nhìn thấy chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất để thực hiện trọn vẹn sự kết hợp chặt chẽ hai mục tiêu chiến lược nêu trên. Từ năm 1919, Người đã phát hiện ra rằng: Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc. Và sau này, Người đã hồi tưởng lại: "Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ". Đó trước hết là con đường cho phép thực hiện có hiệu quả việc kết hợp mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng nhân dân lao động nói chung. Để đạt những mục tiêu vừa nêu, cách mạng phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Bởi vì, đó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và có tổ chức chặt chẽ nhất. Khả năng lãnh đạo của giai cấp công nhân được thể hiện tập trung nhất ở những phần tử tiên tiến (giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin) của giai cấp đó trong sự liên kết thành một tổ chức chính trị đặc biệt là Đảng Cộng sản. Hồ Chí Minh đã khẳng định điều kiện đầu tiên để đưa cách mạng đến thắng lợi

là: "Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động quần chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi". Đảng đó phải được xây dựng thành một tổ chức vững mạnh. Nhưng cũng như người cần có trí khôn, Đảng phải vươn tới một trình độ trí tuệ để xác lập cho mình một chủ nghĩa, tạo thành cơ sở tư tưởng - lý luận cho việc xây dựng Đảng về ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Sự thành bại của Đảng Cộng sản với tư cách là một Đảng cách mạng chân chính hoàn toàn tuỳ thuộc một cách quyết định vào tính khoa học, tính đúng đắn của "chủ nghĩa". Vào những năm 20 của thế kỷ này, trên thế giới cũng như ở nước ta tồn tại nhiều "chủ nghĩa" khác nhau. Nhưng với năng lực trí tuệ và sự nhạy bén chính trị, Hồ Chí Minh, người cộng sản Việt Nam đầu tiên, người tiêu biểu cho trình độ trí tuệ của dân tộc ta thời kỳ ấy, đã đạt tới một kết luận hoàn toàn chính xác: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin".

Là chủ nghĩa "chân chính nhất", vì chủ nghĩa Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học nhất của giai cấp vô sản và các lực lượng cách mạng. Là chủ nghĩa "chắc chắn nhất", vì chủ nghĩa Mác - Lênin là "cẩm nang thần kỳ" của tất cả các dân tộc bị áp bức, bị bóc lột đi tới thoát khỏi áp bức giai cấp, áp bức dân tộc. Là chủ nghĩa "cách mạng nhất", vì chủ nghĩa Mác - Lênin đấu tranh không khoan nhượng cả trên bình diện lý luận lẫn bình diện thực tiễn để khắc phục tận gốc mọi lý luận cơ hội, cải lương và xét lại cũng như đưa cuộc đấu tranh xoá bỏ mọi sự tha hóa của người lao động do chế độ chiếm hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất sản sinh ra nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người một cách triệt để nhất. Nó tạo những điều kiện đầy đủ nhất cho sự phát triển toàn diện con người.

Vị trí quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin trước hết được quyết định ở chỗ, nó xác định rõ mục tiêu của cách mạng vô sản là xây dựng chủ nghĩa cộng sản mà chủ nghĩa xã hội là giai đoạn thấp của nó. Bởi vì, "chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết ấm no trên quả đất, việc làm cho con người và vì con người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc". Tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin còn là ở chỗ "nó vạch ra con đường" đúng đắn nhất mà chúng ta phải đi để đạt tới mục tiêu nêu trên. Con đường đó không gì khác hơn là phải làm cách mạng vô sản. Đối với một nước thuộc địa nửa phong kiến như nước ta, con đường mà chúng ta phải tuân

theo là kết hợp chặt chẽ, thậm chí thống nhất làm một giữa cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng về sự thống nhất đó đã trở thành tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi thành lập. Sự đúng đắn của đường lối chiến lược nói trên đã khẳng định vai trò của Đảng ta là đội tiên phong, là bộ tham mưu. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã chứng tỏ là một tổ chức chính trị tiêu biểu cho trí tuệ của nhân dân các dân tộc Việt Nam.

Trí tuệ của Đảng được quyết định bởi trình độ trí tuệ của đảng viên. Bởi vậy, ngay từ những buổi đầu chuẩn bị cho ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng như trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là từ khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh đã rất chú trọng đến việc *học*, đặc biệt là học tập lý luận của đảng viên, đoàn viên thanh niên và nhân dân. Nhờ đó mà "Trong Đảng ta gồm có những người có tài, có đức. Phần đông những người thông minh nhất, yêu nước nhất".

Nắm vững lý luận và phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao năng lực trí tuệ đã giúp Đảng ta đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân đấu tranh chống những khuynh hướng cải lương của giai cấp tư sản và những khuynh hướng manh động của tầng lớp tiểu tư sản trong phong trào dân tộc. Cũng nhờ đó, Đảng ta đã khắc phục được những khuynh hướng "hữu" và "tả" khuynh trong khi xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách cũng như khi tổ chức thực hiện. Chính vì vậy mà "Đảng ta không những đã giành được quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước, mà còn giữ vững được quyền lãnh đạo đó trên mọi lĩnh vực và đập tan được mọi âm mưu của giai cấp tư sản hòng tranh quyền lãnh đạo cách mạng với Đảng ta"[1].

Nâng cao năng lực trí tuệ về mọi mặt, nâng cao trình độ lý luận của Đảng còn là phương thức có hiệu quả nhất để khắc phục bệnh chủ quan, duy ý chí. Bởi vì nguyên nhân của bệnh chủ quan, duy ý chí là "kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông".

Những quy luật vận động của xã hội trong thời kỳ Đảng lãnh đạo xây dựng kinh tế, văn hóa hoàn toàn khác những quy luật của đấu tranh giành chính quyền. Với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng phải nâng cao năng lực trí tuệ và lý luận để đủ khả năng nắm vững quy luật phát triển của cách

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 604.

mạng, tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể để tránh đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế.

Sứ mệnh lịch sử của Đảng là lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, cũng như xây dựng chính quyền Nhà nước để quản lý đất nước, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Vai trò lịch sử đó chỉ đạt được khi Đảng biết nâng cao trình độ lý luận và năng lực trí tuệ bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng đúng đắn, khoa học.

Lãnh đạo đúng, theo Hồ Chí Minh là:

- Biết giải quyết đúng đắn, kịp thời mọi vấn đề mà thực tiễn cách mạng đề ra.

- Có hình thức tổ chức thích hợp để thu hút đông đảo quần chúng nhân dân nhằm biến những quyết sách chính trị đúng đắn của mình trở thành hiện thực.

- Phối hợp với quần chúng để tổ chức kiểm soát việc thực hiện các quyết sách đó trong thực tế.

Chủ nghĩa Mác - Lênin vừa là hệ tư tưởng, vừa là thế giới quan và phương pháp luận, nó thực sự là trí tuệ, là "trí khôn" của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh giành và bảo vệ chính quyền, xây dựng xã hội mới.

Hồ Chí Minh nhiều lần đã chỉ rõ, cải tạo triệt để xã hội cũ để xây dựng toàn diện xã hội mới là một công việc không dễ dàng. Trên con đường đi tới mục tiêu, chúng ta phải đương đầu với vô vàn âm mưu và sự chống đối từ phía kẻ thù của giai cấp và dân tộc. Bên cạnh đó, còn phải kể đến cả những cản trở do hạn chế của chính bản thân những người thực hiện các cải biến cách mạng. Trong những cản trở đó, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến bệnh chủ quan, hẹp hòi, ích kỷ. Người xem mỗi chứng bệnh ấy là một kẻ địch: "Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra". Không chỉ bệnh chủ quan, duy ý chí hay giáo điều, bảo thủ, mà bệnh quan liêu, ích kỷ, hẹp hòi, bệnh cơ hội, v.v... cũng có nguồn gốc sâu xa từ tình trạng thấp kém về trí tuệ và về lý luận.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất. Do đó, nó cũng là cuộc cách mạng khó khăn nhất: Để hoàn thành thắng lợi mục tiêu mà cuộc cách mạng đặt ra, chỉ riêng việc có tư tưởng, lập trường vững vàng là chưa đủ - mặc dù đó là những tiền đề cực kỳ quan

trọng. Để tư tưởng, lập trường thực sự trở thành quyết tâm trong hành động cách mạng thì lập trường, tư tưởng đó phải biến thành niềm tin ở mỗi con người. Bởi vì, như Hồ Chí Minh nói, có tín tâm mọi người mới làm tròn được trách nhiệm của mình, mới khắc phục được những trở lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho. Niềm tin được dựa trên tư tưởng, lập trường đúng đắn chính là niềm tin khoa học. Nó hoàn toàn xa lạ với niềm tin mù quáng, chủ quan. Bằng niềm tin khoa học, quyết tâm hành động của con người sẽ được nhân lên gấp bội. Với Hồ Chí Minh, việc nâng cao năng lực trí tuệ phải trở thành tiền đề cơ bản để có đường lối đúng, lập trường kiên định; để nâng cao niềm tin và lòng quyết tâm cách mạng của Đảng và nhân dân. Đó là những nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của cách mạng. Hồ Chí Minh viết: "Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử lý cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện, hoàn cảnh khách quan. Ý mình thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại".

Chính trị thực sự vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật, do đó không thể không có một tầm cao trí tuệ và một lý luận cách mạng tiên tiến. Đòi hỏi đó đúng cả trong thời kỳ Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền cũng như thời kỳ lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, "cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm xoá bỏ chế độ người bóc lột người... Đó là một cuộc cách mạng vĩ đại và vẻ vang nhất trong lịch sử loài người, nhưng đồng thời cũng là một cuộc cách mạng gay go phức tạp và khó khăn nhất".

Có năng lực trí tuệ cao, có lý luận cách mạng soi đường Đảng mới đủ năng lực lãnh đạo nhân dân khắc phục những tập tục, thói quen lạc hậu tồn tại hàng ngàn năm; mới lãnh đạo thành công quá trình cải biến nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu nhằm hình thành một phương thức sản xuất mới có đủ khả năng giải phóng triệt để con người.

Nói tóm lại, để Đảng ta giải quyết được tất cả những khó khăn, phức tạp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần phải nâng cao năng lực trí tuệ mọi mặt và nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng. Chỉ có như vậy, Đảng mới "dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta". Chính cuộc đời phấn đấu đầy gian khổ hy sinh vì cách mạng của Hồ Chí Minh là một mẫu mực sáng ngời về học tập và rèn luyện để trở thành một đảng viên đứng ở tầm cao trí tuệ

và nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã mang đến cho Đảng và nhân dân ta lý luận cách mạng tiên tiến nhất của thời đại để dùng làm vũ khí đấu tranh "đem sức ta mà giải phóng cho ta".

b) Đảng phải có trình độ lý luận tiên phong và thống nhất về tư tưởng.

Trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo, tổ chức nhân dân đấu tranh giành độc lập tự do, thống nhất đất nước, cải tạo và xây dựng xã hội mới.

"Chỉ Đảng nào có lý luận tiên phong mới làm tròn nhiệm vụ của Đảng tiên phong" là một chân lý đúng trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào. Vấn đề đặt ra là: khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, trong tình hình đất nước và thế giới luôn biến động, nhiệm vụ mới của cách mạng đòi hỏi đội tiên phong phải có trình độ lý luận tiên phong như thế nào để làm tròn được nhiệm vụ của mình? Như ở trên đã trình bày, với tư cách là Đảng cầm quyền, lãnh đạo mọi mặt của đời sống xã hội, xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta phải không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ. Do vậy, Hồ Chí Minh đề ra việc giáo dục lý luận cho cán bộ, đảng viên là một nhiệm vụ thường xuyên. Người đã xác định cách mạng cũng là một nghề. "Làm nghề gì cũng phải học, vậy làm cách mạng cũng phải học. Nếu không giáo dục cho đảng viên làm cách mạng mà yêu cầu họ làm cách mạng thì họ sẽ không làm tròn được nhiệm vụ"[1].

Nghề "làm cách mạng" chỉ có thể đạt được bằng giáo dục ở nhà trường và qua thực tiễn. "Đảng ta tổ chức trường học lý luận cho cán bộ là để nâng cao trình độ lý luận của Đảng, để Đảng ta có thể làm tốt hơn công tác của mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng vĩ đại của mình"[2].

Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, người đảng viên trước hết phải học lý luận, nghệ thuật tuyên truyền, cổ động, tổ chức quần chúng; học cách phân biệt kẻ thù để có thể tập trung mọi lực lượng vào đối tượng chủ yếu nhất trong giai đoạn tương ứng nhằm thực hiện mục tiêu giành chính quyền. Tất cả những yêu cầu trên chỉ đạt được khi đảng viên có *lập trường giai cấp vững vàng*. Nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin là tiền đề để có lập

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 10, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 508.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 782.

trường như vậy. Bởi vì, như Hồ Chí Minh đã viết: "Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không có được lập trường giai cấp rõ ràng".

Khi đã có chính quyền, yêu cầu giữ vững lập trường giai cấp vẫn không hề mất đi ý nghĩa, thậm chí còn tăng lên. Mặt khác, trong thời kỳ Đảng lãnh đạo chính quyền, phạm vi lãnh đạo của Đảng ngày càng mở rộng. Để đảm đương được trách nhiệm lãnh đạo, đảng viên phải có sự hiểu biết phong phú hơn rất nhiều. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trong thế giới có hai thứ hiểu biết: một là hiểu biết sự tranh đấu sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết đấu tranh dân tộc và đấu tranh xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra". Để có được hiểu biết cả hai lĩnh vực nêu trên, đảng viên phải học chủ nghĩa Mác - Lênin, học các ngành khoa học xã hội khác, học khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ. "Học tập làm cho mỗi đảng viên nâng cao quyết tâm phấn đấu suốt đời cho lý tưởng cộng sản, biến quyết tâm đó thành hành động thực tế trong lao động sản xuất, trong chiến đấu và trong đời sống hàng ngày".

Đấu tranh cách mạng, đặc biệt là đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là một *sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài.* Để xác định đúng mục tiêu hoạt động cũng như con đường đạt mục tiêu đã đặt ra, người cán bộ cách mạng phải chú ý tới tất cả những nhân tố ảnh hưởng tới tiến trình đó. Họ không chỉ cần chú ý tới những nhân tố bên trong mà còn phải tính đến đầy đủ ảnh hưởng của những nhân tố bên ngoài; cũng không chỉ cần tính đến những nhân tố thường xuyên, ổn định mà cả những nhân tố ngẫu nhiên, nhất thời... Chính trị, đời sống chính trị mang tính biện chứng hết sức sâu sắc. Việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao trình độ lý luận của đảng viên sẽ giúp họ có tư duy biện chứng trong tiến trình cách mạng để nhận thức đúng và giải quyết có hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Cách mạng là sáng tạo. Sự nghiệp cách mạng đòi hỏi mỗi đảng viên muốn hoàn thành nhiệm vụ của mình, họ phải giàu óc sáng tạo, phải có sáng kiến trong các lĩnh vực, các nhiệm vụ được giao. Độ phong phú của những sáng kiến ấy một phần quyết định nhờ năng lực trí tuệ. Hồ Chí Minh khẳng định: "Bất kỳ ai... chịu học, chịu khó nghĩ... thì nhất định có sáng kiến".

Sức mạnh của Đảng, một mặt, nằm trong mối liên hệ với nhân dân, mặt khác, ở sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng - trong đó, sự đoàn kết nhất trí trong Đảng có tầm chiến lược. Do tầm quan trọng của nó, Hồ Chí Minh đã đặt ra yêu cầu phải bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như bảo vệ

con ngươi của mắt mình. Đoàn kết trong Đảng Cộng sản là một loại đoàn kết đặc biệt - đoàn kết của những người cùng một lý tưởng dựa trên lý trí khoa học thống nhất về tư tưởng, đường lối. "Để đoàn kết và lãnh đạo nhân dân, Đảng và Chính phủ cần có chủ trương, chính sách đúng dựa trên lý luận đúng nhất, lý luận Mác - Lênin".

Học chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy nó làm cơ sở thế giới quan và phương pháp luận là điều kiện cơ bản tạo ra sự nhất trí trong Đảng.

Cán bộ, đảng viên trước hết cũng là một con người. Trong mỗi con người đều có mặt tích cực và mặt tiêu cực, mặt "thiện" và mặt "ác". Một khi mặt thứ nhất chiếm vị trí chi phối, hoạt động của nó sẽ mang lại lợi ích cho nhân dân, có tác động tích cực thúc đẩy lịch sử phát triển. Khi mặt thứ hai chiếm vị trí chi phối, sẽ có tác động ngược lại. Khi trả lời câu hỏi: phải làm thế nào để mặt tích cực thắng mặt tiêu cực, để "anh thiện" thắng "anh ác", Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Học để làm việc, làm người, làm cán bộ..." là phải học chủ nghĩa Mác - Lênin và áp dụng vào công tác hàng ngày. Như vậy, trong quan điểm của Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là vũ khí lý luận để cải tạo thế giới, nó còn là vũ khí lý luận để cải tạo chính bản thân con người, trước hết là cải tạo chủ thể cách mạng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học làm người, là vũ khí lý luận góp phần hình thành đạo đức mới, nếp sống mới của người cách mạng. Hồ Chí Minh xem học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là nội dung của đạo đức cách mạng, sống có tình có nghĩa với nhau là một tiêu chí nói lên trình độ hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lênin của người cán bộ. Người viết: "Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin"[1].

Học tập và vận dụng đúng chủ nghĩa Mác - Lênin là điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực trí tuệ của đảng viên; và ngược lại, nâng cao năng lực trí tuệ làm giàu vốn hiểu biết của mình bằng những kiến thức mà nhân loại đã sáng tạo ra lại là điều kiện tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhưng chưa đủ, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải học cả đường lối của Đảng. Bởi vì, những quyết định chính trị của Đảng là sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời là kết quả phản ánh hiện thực của xã hội Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 10, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 661.

Đồng thời với việc học chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng, Hồ Chí Minh đòi hỏi đảng viên phải học kinh nghiệm của nhân dân, kinh nghiệm của Đảng được tích lũy trong đấu tranh cách mạng, phải tổng kết những kinh nghiệm đó để phát triển lý luận. Bởi vì, chỉ có kinh nghiệm mà không có lý luận thì như "một mắt sáng, một mắt mờ". Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm được tích lũy từ thực tiễn. Cho nên: "Từ nay công việc gì bất kỳ thành công hay thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tích thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái chìa khóa phát triển công việc và để giúp cán bộ tiến tới. *Có như thế thì người mới có tài, tài mới có dụng*". Tổng kết kinh nghiệm, như vậy, là một phương thức để nâng cao năng lực trí tuệ và trình độ lý luận của Đảng tiên phong. Muốn cho việc học tập lý luận như là một phương thức chủ yếu để nâng cao năng lực trí tuệ của Đảng, việc giáo dục và học tập chủ nghĩa Mác - Lênin phải tuân thủ *phương châm "lý luận liên hệ với thực tế"*.

Lý luận, theo Hồ Chí Minh, là sự tổng kết kinh nghiệm được tích lũy từ thực tiễn của loài người; là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc đấu tranh ra xem xét, so sánh để rút ra kết luận ở tầm khái quát và nó có giá trị phổ biến.

Thực tế, cũng theo Hồ Chí Minh, chính là các vấn đề, các mâu thuẫn phải giải quyết. Trong hoạt động cách mạng, thực tế bao gồm cả kinh nghiệm công tác, tình hình tư tưởng của cá nhân, đường lối và chính sách của Đảng, kinh nghiệm hoạt động của Đảng, các vấn đề trong nước và thế giới đang cần xem xét và giải quyết.

Với phương châm lý luận liên hệ với thực tế, việc học tập lý luận Mác - Lênin và đường lối của Đảng sẽ có tác dụng to lớn trong việc nâng cao lập trường, quan điểm, phương pháp công tác và hiệu quả hoạt động trong tương lai của người học.

Nội dung phương châm "lý luận liên hệ với thực tế" còn có nghĩa là học lý luận nhằm để vận dụng giải quyết những vấn đề thực tế đặt ra. Học lý luận không có mục đích tự thân, học lý luận không phải vì lý luận, không phải học để trang sức; càng không phải học để tạo thành cái giá nhằm "mặc cả với Đảng". Đó là những động cơ học tập sai lầm phải được "tẩy trừ cho sạch".

Lý luận liên hệ với thực tế cũng có nghĩa không phải phụ thuộc từng câu, từng chữ, bê nguyên xi kinh nghiệm của nước khác vào giải quyết những vấn đề của nước mình. Bởi vậy, trong khi lưu ý sự cần thiết phải tiếp thu

kinh nghiệm cách mạng ở các nước anh em, Hồ Chí Minh cũng nhắc nhở mỗi nước có những đặc điểm riêng; phải chú ý đặc điểm của dân tộc ta trong khi học tập kinh nghiệm của nước khác.

Theo Hồ Chí Minh, học chủ nghĩa Mác - Lênin là học những chân lý phổ biến, vận dụng những chân lý đó để phân tích và giải quyết đúng đắn những vấn đề cụ thể phù hợp với hoàn cảnh đất nước và thời đại. Học tập phải sáng tạo. Phải kiên quyết chống cả chủ nghĩa giáo điều lẫn chủ nghĩa cơ hội, xét lại. Vận dụng là tìm được hình thức biểu hiện cụ thể của chân lý phổ biến trong điều kiện lịch sử thực tế của ngành, địa phương, đất nước mình. Chỉ khi nào đạt được sự vận dụng sáng tạo theo ý nghĩa trên, cách mạng mới thắng lợi. Tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh rút ra kết luận: "Chỉ có sự lãnh đạo của một Đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công"[1].

Theo Lênin, những người mác-xít muốn không lạc hậu trước cuộc sống, họ phải phát triển chủ nghĩa Mác trên mọi phương diện. Tương tự với cách đặt vấn đề như vậy, trong khi đánh giá rất cao chủ nghĩa Mác - Lênin, xem đó là lý luận "khoa học nhất", "đúng đắn nhất", "cách mạng nhất", "chân chính nhất"..., Hồ Chí Minh cũng đặt ra yêu cầu khi vận dụng phải bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ thực tiễn cách mạng nước ta. Yêu cầu vừa nêu càng được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả bao nhiêu, tiềm năng trí tuệ của người đảng viên càng phong phú, càng cao bấy nhiêu.

Tiếp tục một cách lôgíc tư tưởng của Mác: "Các nhà triết học trước kia chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới", Hồ Chí Minh đòi hỏi: "Học phải đi đôi với hành chứ không phải học để nói suông". Học mà không đi đôi với hành, học mà không biết hành thì mới "chỉ có tri thức một nửa". Muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái tri thức đó áp dụng vào thực tế.

Theo Hồ Chí Minh "học đi đôi với hành" phải thực sự trở thành phương thức và động lực phát triển trí tuệ của Đảng. Bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin là sáng tạo. Đặc điểm đó (của đối tượng nhận thức) đòi hỏi thái độ sáng tạo của người học như là một phương pháp để đạt kết quả.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 10, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 598.

Phương pháp sáng tạo trong học tập lý luận hoàn toàn đối lập với phương pháp "tầm chương trích cú". Vấn đề quan trọng nhất là nắm thực chất, tinh thần luận điểm trong quá trình nảy sinh, phát triển của nó.

Tự do tư tưởng, tự do phục tùng chân lý cũng là một nội dung cấu thành của thái độ và phương pháp học tập đúng.

Khiêm tốn, trung thực, tự giác, dũng cảm bảo vệ chân lý, sống có tình nghĩa thủy chung cũng là những đòi hỏi cần phải có trong phương pháp học tập mà Hồ Chí Minh nêu ra.

Để nâng cao chất lượng đào tạo lý luận cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, Hồ Chí Minh đòi hỏi cần có chương trình đào tạo mang tính thiết thực nhằm giải quyết những vấn đề lý luận và tư tưởng bức xúc đang đặt ra. Trong giáo dục, cần hết sức chú trọng cải tạo tư tưởng.

Hồ Chí Minh coi việc giáo dục lý luận cho đảng viên là một trong những phương thức để xây dựng Đảng ta thực sự trở thành lực lượng tiêu biểu cho trí tuệ của dân tộc. Tư tưởng này vẫn đang có ý nghĩa thời sự bức bách ngay trong quá trình đổi mới ở nước ta hiện nay.

Trong khi không một chút nào hạ thấp vai trò kim chỉ nam hành động của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với công cuộc đổi mới hiện nay, chúng ta không thể không thấy rằng vẫn đang còn rất nhiều vấn đề đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu để có những lời giải đáp sâu sắc, đầy đủ hơn. Để khắc phục tình trạng trên, không thể không nâng cao trình độ tư duy lý luận của toàn Đảng, toàn dân.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, nhờ nắm vững lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ, chúng ta đã giành được độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng. Song, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp mới mẻ, khó khăn, phức tạp. Còn nhiều vấn đề của tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa hoặc chưa được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đặt ra hoặc chưa có những lời giải đáp xong xuôi. Việc giải quyết những vấn đề của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay trước hết và chủ yếu thuộc về trách nhiệm của những người cộng sản Việt Nam.

So với thời kỳ chiến tranh, trí tuệ của Đảng đã có một bước phát triển rất quan trọng. Nhưng so với nhu cầu của giai đoạn cách mạng mới trong điều

kiện của thời đại ngày nay, trình độ trí tuệ về lý luận của Đảng phải tiếp tục được nâng lên, đó là một đòi hỏi bức thiết của cuộc sống.

Thực hiện quan điểm đổi mới toàn diện, từ Đại hội VI đến Đại hội VII, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Đảng ta đã có những bước tiến đáng kể về năng lực trí tuệ và trình độ lý luận. Nhưng không phải mọi vấn đề đã được giải quyết xong xuôi, mà nó mới chỉ tạo ra tiền đề cơ bản và quan trọng để giải quyết tiếp nhiều vấn đề lý luận then chốt mà công cuộc đổi mới hiện đang đặt ra.

Với trách nhiệm của Đảng cầm quyền nhất là trong giai đoạn cách mạng hiện nay, để xây dựng Đảng ta thực sự là một tổ chức chính trị đại biểu cho trí tuệ của cả dân tộc, Đảng cần trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để nâng mình lên, phát triển lý luận cách mạng tiên phong.

Làm thế nào để có được lý luận tiên phong?

- Học tinh thần cách mạng và khoa học, học phương pháp và lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập kinh nghiệm cách mạng thế giới; nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, hiểu biết sâu sắc những vấn đề cơ bản và những thành tựu của nền văn minh nhân loại tổng kết kinh nghiệm cách mạng của chính bản thân Đảng; tổng kết kinh nghiệm của các địa phương, cơ sở; lấy thực tiễn để kiểm nghiệm những chân lý khoa học... Đó là những chỉ dẫn quan trọng của Hồ Chí Minh về việc Đảng tự nâng cao trình độ lý luận của mình.

"Đảng cũng ở trong xã hội". Vì vậy muốn nâng cao năng lực trí tuệ và trình độ lý luận, Đảng còn cần phải mở rộng dân chủ, gần gũi lắng nghe ý kiến của nhân dân; phải "học dân chúng" và "nâng cao dân chúng" về mọi mặt. Đảng lãnh đạo nhân dân - nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Chính quá trình ấy cũng làm cho Đảng trưởng thành về mặt lý luận.

Làm theo chỉ dẫn nói trên của Hồ Chí Minh, Đảng ta đã và đang tự phấn đấu để luôn luôn có trình độ lý luận tiên phong, từ đó luôn luôn tạo ra được sự thống nhất về tư tưởng, về chính trị trong nội bộ Đảng cũng như trong toàn xã hội.

c) Đảng phải có đường lối chính trị đúng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Với Hồ Chí Minh, mọi lĩnh vực lý luận, tư tưởng, văn học, nghệ thuật, giáo dục... không hề có mục đích tự thân. Tất cả đều hướng tới một mục đích

chính trị cao cả: giải phóng dân tộc làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng". Lý luận, chủ nghĩa là "trí khôn" của Đảng, là kim chỉ nam để Đảng chèo lái con thuyền cách mạng đưa nó tới đích: xây dựng Việt Nam thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Ngay buổi đầu thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: để thực hiện thắng lợi mục đích chính trị thì phải đồng thời diệt cả ba thứ giặc:

Giặc đói;

Giặc dốt;

Giặc ngoại xâm.

Trong từng thời kỳ cách mạng, một trong những vấn đề quan trọng là phải nhận biết rõ ràng giặc nào "nổi lên" mạnh nhất, phải biết chiến thắng nó như thế nào và bằng cách nào? Đâu là cái trước mắt, đâu là cái cơ bản lâu dài? Do vậy, Hồ Chí Minh xác định rất rõ ràng đường lối chính trị chính là những vấn đề thuộc về chiến lược và sách lược của cách mạng nhưng khi thực thi thì "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Mục đích chính trị: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc là không thể thay đổi nhưng con đường và biện pháp ứng với từng thời kỳ lịch sử cụ thể lại chính là do năng lực trí tuệ, là tài thao lược, là trình độ khoa học và nghệ thuật chỉ đạo cách mạng của Đảng cầm quyền.

Giành độc lập dân tộc, mưu tự do, hạnh phúc cho toàn dân là đặc trưng cơ bản nhất của cuộc cách mạng chân chính do giai cấp công nhân lãnh đạo. Đó là sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Những cấp độ và phương diện giải phóng trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng không cùng giải quyết ngang nhau trong từng thời kỳ cách mạng. Bởi vậy, phải vận dụng đúng đắn, sáng tạo các nội dung đó, giữ được mối quan hệ khăng khít giữa chúng, biết kết hợp hài hòa giữa các nội dung đó để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi từng bước tiến đến thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Đó chính là khoa học và nghệ thuật lãnh đạo cách mạng của Đảng cầm quyền.

Bằng tầm trí tuệ cao của mình, Hồ Chí Minh thực sự đã đưa chính trị trở thành một khoa học. Nhờ vậy, trong bất cứ hoàn cảnh nào, Người cũng có khả năng đề xuất kịp thời những quyết sách chính trị phù hợp với tính tất yếu khách quan của sự phát triển xã hội.

Đối với Hồ Chí Minh, chính trị với tư cách là một khoa học có nghĩa là khẳng định vai trò quyết định trong mọi hoạt động của quần chúng đông đảo, lấy công - nông làm gốc, nhằm hiện thực hóa những quy luật phát triển xã hội. Cho nên, trong khi nhấn mạnh vai trò của Đảng và Nhà nước đối với quá trình sáng tạo xã hội mới, Hồ Chí Minh cũng luôn cho rằng, vai trò đó chỉ là ở chỗ, Đảng và Nhà nước chỉ ra mục tiêu con đường cách mạng nhằm phát huy lực lượng của nhân dân để đạt mục tiêu đó. Bởi vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin"[1].

Để phát huy được mọi năng lực cách mạng của nhân dân, theo Hồ Chí Minh, điểm then chốt là phải quan tâm tới những lợi ích chính đáng của toàn dân, nhất là những nhu cầu đòi hỏi bức xúc của nhân dân. Bởi vậy, Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, trong kế hoạch kinh tế của chúng ta thì điều quan trọng bậc nhất là nhằm cải thiện dần dần đời sống của nhân dân. "Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân".

Hồ Chí Minh luôn luôn đòi hỏi các quyết sách của Đảng và Nhà nước phải phù hợp với trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ cũng như kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng. Nếu không như vậy thì chủ trương, chính sách của Đảng sẽ không đi được vào quần chúng.

Tầm cao trí tuệ của Hồ Chí Minh không chỉ ở chỗ thấy rõ vai trò quyết định của nhân dân, sự cần thiết phải xuất phát từ ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân... mà còn ở chỗ *tìm ra được những hình thức tổ chức phù hợp để quy tụ xung quanh Đảng mọi tầng lớp dân cư.* Theo Hồ Chí Minh thì mọi cán bộ, đảng viên đều phải ghi nhớ: "Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh" làm phương châm hành động của mình. Trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, từ toàn quốc cho đến các làng đều phải là đầy tớ của nhân dân, để gánh vác việc chung cho nhân dân.

Đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân để giải quyết những vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra, Hồ Chí Minh luôn nhận rõ vị trí đích thực của các giai cấp và các tầng lớp trong xã hội. Sự nhìn nhận khách quan đó tạo cơ sở để có những chủ trương đúng đắn, phát huy tối đa mọi tiềm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1989, tr. 766-767.

năng ở các giai cấp, các tầng lớp xã hội để phục vụ lợi ích cách mạng, lợi ích nhân dân.

Trong khi mở rộng khối đoàn kết toàn dân, tập trung lực lượng cả dân tộc vào sự nghiệp cứu nước, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ phải bảo đảm tính nguyên tắc: *"Không một chút nào làm hại tới lợi ích của công nông"*.

Nhờ vậy Đảng ta đã gắn bó một cách hữu cơ lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc; phê bình tất cả những ai có nhận thức lệch lạc về vấn đề này. Nghị quyết tháng 3 năm 1937 của Đảng đã viết: "Các đồng chí mắc phải cái bệnh thiên về thợ thuyền lao động quá, có khi chỉ biết có đám người ấy thôi mà quên hết cả quyền lợi của các tầng lớp, các giai cấp khác, quyền lợi chung của dân tộc cần phải bênh vực. Các đồng chí trong Đảng phải hiểu rằng: Đảng ta chẳng những là kẻ bênh vực và lãnh đạo cho giai cấp vô sản mà cũng là kẻ bênh vực và lãnh đạo cho cả đoàn thể dân chúng nữa"[1].

Để có đường lối chính trị đúng, Đảng còn cần phải có đủ năng lực để đưa ra được những dự báo chính trị đúng. Hồ Chí Minh đã có sự nhạy cảm chính trị và khả năng tiên đoán chính trị một cách chuẩn xác. Ngay từ năm 1941 khi tình thế cách mạng ở nước ta còn chưa có dấu hiệu để đi tới chín muồi, Hồ Chí Minh đã tiên đoán: "Bốn lăm sự nghiệp hoàn thành". Năm 1950, khi lực lượng thống trị của đế quốc Pháp còn khá mạnh ở Đông Dương, Hồ Chí Minh đã nghĩ tới khả năng Mỹ sẽ hất cẳng Pháp để nắm lấy địa bàn chiến lược ở vùng Đông Nam Á này. Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người cũng có những tiên đoán mà sau này tiến trình lịch sử đã chứng minh là đúng đắn. Như chúng ta đã biết, tiên đoán khoa học trong chính trị sẽ không thể có được nếu không có sự nhận thức đúng đắn những quy luật vận động, phát triển của xã hội làm cơ sở. Bởi vậy, nói tới khả năng tiên đoán chính trị của Hồ Chí Minh cũng là nói đến năng lực trí tuệ của Người trong việc nắm bắt các quy luật, phân tích sâu sắc thực trạng và khuynh hướng phát triển của tình hình thế giới, của các mâu thuẫn xã hội và đối kháng giai cấp ở trong nước, chỉ ra được khả năng và điều kiện, phương pháp tập hợp lực lượng nhằm chớp lấy thời cơ giành thắng lợi cho cách mạng.

Chính trị không chỉ là một khoa học, nó còn là một nghệ thuật. Ở Hồ Chí Minh, nghệ thuật của hoạt động chính trị cũng đạt tới đỉnh cao. Đó là nghệ

---

1. Xem: *Văn kiện Đảng (từ 10-8-1935)*, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng xuất bản, H. 1964, tr. 233.

thuật của những bước đi, những giải pháp của việc sử dụng lực lượng. Với Hồ Chí Minh, cái không gì lay chuyển nổi là giữ vững mục tiêu có tính nguyên tắc của cách mạng; còn những hình thức, những bước đi cụ thể phải luôn thay đổi cho phù hợp với mỗi hoàn cảnh cụ thể. "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" đã trở thành phương pháp luận nền tảng trong nghệ thuật chính trị của Hồ Chí Minh. Nhờ nắm được một cách thấu đáo khoa học và nghệ thuật lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh đã đề xuất những quyết sách chính trị mang tính mềm dẻo, linh hoạt để đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua những giờ phút hiểm nghèo. Việc xử lý của Hồ Chí Minh trước những thử thách ngặt nghèo để giữ vững chính quyền cách mạng khi nó mới ra đời gặp đầy sóng gió nói lên tầm cao trong khoa học nghệ thuật chính trị của Người.

Đường lối trường kỳ kháng chiến trong 9 năm chống thực dân Pháp với chủ trương vừa kháng chiến, vừa kiến quốc: toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, đấu tranh trên các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế và ngoại giao... đã đưa tới thắng lợi to lớn, hòa bình được lập lại ở nước ta, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

Đường lối chống Mỹ, cứu nước, cả nước làm hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam - với ý chí *"không có gì quý hơn độc lập tự do"*, "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"... đã đưa tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước cùng bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh là một nhà chiến lược vĩ đại. Sự hiểu biết chính trị tới mức uyên thâm của Hồ Chí Minh cho phép Người cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam nắm được cái gì có thể và không có thể ở giai đoạn tương ứng của phát triển xã hội, nhận thức được những giới hạn cho phép: biết khởi đầu và biết kết thúc.

Trong tư chất chính trị của Hồ Chí Minh, chính trị với tư cách là khoa học và nghệ thuật, có sự thống nhất không thể tách rời ngay trong việc soạn thảo đường lối chính trị và đưa nó vào cuộc sống. Nó cũng là sự thống nhất giữa công tác lý luận và công tác tổ chức thực tiễn, là sự kết hợp tri thức lý luận sâu sắc, khả năng phân tích các hiện tượng xã hội phức tạp với sáng kiến và kinh nghiệm chính trị phong phú. Ở Hồ Chí Minh, việc luận chứng một cách khoa học đối với chính trị cũng bao hàm nhân tố nghệ thuật, tính toàn diện và sự mềm dẻo trong việc phân tích các quan hệ hiện thực.

Định ra đường lối chính trị đúng và có khả năng hiện thực hóa đường lối đó để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc là thước đo năng lực trí tuệ và trình độ lý luận của Đảng tiên phong. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới là biểu hiện của một tư duy chính trị khoa học và cách mạng, là sự không ngừng cố gắng thực hiện những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh: làm cho Việt Nam trở thành một nước hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới như Người hằng mong mỏi.

3. Giữ vững các nguyên tắc xây dựng Đảng.

Nguyên tắc xây dựng Đảng là yếu tố quan trọng hàng đầu bảo đảm cho Đảng tồn tại và phát triển. Từ khi chuẩn bị thành lập Đảng và trong suốt cuộc đời hoạt động với tư cách là người sáng lập, đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm tới vấn đề xây dựng Đảng. Tư tưởng của Người về các nguyên tắc xây dựng Đảng đã được lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng ta chứng minh là đúng đắn và sáng tạo.

Qua các tác phẩm của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể tập hợp thành hệ thống các nguyên tắc xây dựng Đảng như sau:

1) Tập trung dân chủ;

2) Giữ gìn đoàn kết, nhất trí trong Đảng;

3) Tự phê bình và phê bình;

4) Kiểm tra kỷ luật Đảng;

5) Gắn bó máu thịt với nhân dân.

a) Nguyên tắc tập trung dân chủ.

Về khái niệm, trong những tác phẩm của Hồ Chí Minh cũng như các bản Điều lệ của Đảng có khi ghi là *"dân chủ tập trung"*, có khi lại ghi là *"tập trung dân chủ"*. Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua tháng 10 năm 1930, Điều lệ Đảng do Đại hội I (3-1935) và Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam (2-1951) đều ghi là *"dân chủ tập trung"*. Nhưng từ Đại hội III của Đảng tới nay thì lại ghi là *"tập trung dân chủ"*.

Tuy rằng có sự khác nhau trong cách nói, cách viết, song xét về nội dung thì dù gọi là "dân chủ tập trung" hay "tập trung dân chủ" thì đều có nội hàm giống nhau. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó đã được ghi trong Chương II

Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua. Ghi như vậy là phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh. Nói đúng hơn thì đó là xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh, dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, Điều lệ do Đại hội VII thông qua đã kế thừa các bản Điều lệ trước, sửa đổi và hoàn thiện nó, đã khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nguyên tắc ấy bao hàm những nội dung mang tính khách quan, được đúc kết từ thực tiễn và được thực tiễn kiểm nghiệm như:

- Thiểu số phục tùng đa số;
- Cá nhân phục tùng tổ chức;
- Cấp dưới phục tùng cấp trên;
- Các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương;
- Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Những nội dung trên có khi lại được coi là các nguyên tắc riêng bên cạnh nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thực tế lịch sử cho thấy khi Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền thì công việc quản lý đất nước, quan hệ đối nội và đối ngoại của Đảng, của Nhà nước ngày càng đa dạng, phong phú và phức tạp. Do đó, việc *giữ vững và tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ một cách đúng đắn và nghiêm ngặt càng có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của Đảng và của chế độ xã hội chủ nghĩa;* mặt khác muốn giữ vững thành quả cách mạng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, xây dựng đất nước phát triển giàu mạnh, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa tất yếu phải khẳng định nguyên tắc xây dựng Đảng, nguyên tắc xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là tập trung dân chủ.

Tập trung dân chủ là một phạm trù có ý nghĩa độc lập và có đời sống riêng của nó, chứ không phải là sự lắp ghép của hai phạm trù tập trung và dân chủ. Nhưng nó cũng không phải là hai phạm trù có nội dung đối lập nhau. Hồ Chí Minh không bao giờ đối lập tập trung với dân chủ. Mặt đối lập của tập trung là phân tán, cục bộ. Mặt đối lập của dân chủ là "quan chủ", là quan liêu và độc tài. Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất trong xây dựng và hoạt động của Đảng Cộng sản và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nguyên tắc đó vừa bảo đảm quyền chủ động, sáng tạo của mọi thành viên trong tổ chức, vừa bảo đảm thống nhất ý chí và hành động vì sự nghiệp

chung. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, bộ phận phục tùng toàn thể, là sự bảo đảm chắc chắn cho sức chiến đấu của toàn Đảng; cho khả năng lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Đồng thời, nguyên tắc tập trung dân chủ tôn trọng ý kiến cá nhân và thiểu số về quyền bảo lưu và ấn định thời gian xem xét, thẩm định ý kiến bảo lưu ấy.

Khi tập trung dân chủ đi kèm với tính công khai trong cung cấp thông tin đầy đủ là điều kiện cần thiết để bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động của Đảng và Nhà nước.

Nghị quyết đúng đắn được mọi tổ chức thành viên thực hiện nghiêm túc, cộng với việc mọi thành viên đều được bình đẳng trước kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm cho nguyên tắc tập trung dân chủ không bị biến dạng, công tác xây dựng Đảng ngày càng tiến triển, công việc quản lý, điều hành của Nhà nước ngày càng có hiệu lực.

Những nguyên tắc và điều kiện nói trên đã được kiểm nghiệm lâu dài, được chứng minh là có hiệu quả đối với cơ cấu tổ chức và hoạt động của Đảng cả trong khi chưa có chính quyền cũng như trong điều kiện Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền. Thành tựu to lớn và cả những sai lầm khuyết điểm nghiêm trọng của phong trào cộng sản quốc tế suốt trong lịch sử ra đời và phát triển cho tới ngày nay, càng chứng minh ý nghĩa khách quan và vai trò quyết định của nguyên tắc tập trung dân chủ. Đánh giá thấp và phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ với tính cách là nguyên tắc xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước thực chất là biến Đảng từ một tổ chức thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động, có sức chiến đấu cao của những người có chung một lý tưởng cộng sản và hoài bão phục vụ nhân dân thành một kiểu câu lạc bộ tranh cãi suông, chia rẽ và đối lập, mất khả năng hành động với tư cách là một Đảng lãnh đạo xã hội; biến Nhà nước của nhân dân thành nơi tranh giành quyền bính của các thế lực thù địch.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là mắt xích quan trọng nhất, là điều kiện tồn tại của Đảng cầm quyền. Loại bỏ nó hoặc làm biến dạng nó, nhất là đem đối lập dân chủ với tập trung, biến tập trung dân chủ thành tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán đều dẫn tới phá hoại tổ chức đảng và loại bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội. Chính vì vậy mà về chủ quan, Đảng Cộng sản phải nắm vững và thực hành dân chủ rộng rãi trong nội bộ Đảng. Dân chủ là cơ sở bảo đảm cho tập trung thống nhất.

Ngược lại tập trung dựa trên cơ sở dân chủ sẽ làm cho Đảng thống nhất ý chí và hành động, thực sự là một tổ chức chính trị tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp và dân tộc. Mặt khác lại phải duy trì việc chấp hành Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, giữ nghiêm kỷ luật Đảng, giáo dục ý thức đảng viên và ý thức công dân. Về mặt khách quan, Đảng không thể khoan nhượng, lơi lỏng mất cảnh giác đối với tất cả mọi khuynh hướng, mọi luận điệu, mọi hành động nhằm thủ tiêu nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thủ tiêu hoặc làm biến dạng nguyên tắc này tức là làm cho tổ chức bị phá hoại từ khâu quan trọng và cơ bản nhất ngay từ trong nội bộ Đảng. Đây chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới thủ tiêu Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền, qua đó thủ tiêu toàn bộ thành quả cách mạng do Đảng lãnh đạo.

b) Nguyên tắc giữ gìn đoàn kết, nhất trí trong Đảng.

Hồ Chí Minh tuy không gọi rõ giữ gìn đoàn kết nhất trí là nguyên tắc. Nhưng Người coi đó là "truyền thống cực kỳ quý báu", là điều kiện của thắng lợi. Do đó, Người yêu cầu: "Cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình".

Một trong những thủ đoạn của bọn đế quốc là tìm mọi cách phá hoại khối đoàn kết thống nhất của Đảng ta.

Hiện nay một trong những âm mưu của "diễn biến hòa bình" cũng vẫn là phá Đảng ta từ trong phá ra, tức là trước hết làm tan rã Đảng, rồi từ đó phá hoại khối đoàn kết toàn dân, phá hoại chính quyền cách mạng. Bởi thế, xây dựng, củng cố và tăng cường khối đoàn kết, nhất trí trong Đảng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với việc bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trước hết phải đoàn kết từ trong Đảng. Đó không chỉ là một trong những tư tưởng lớn về xây dựng Đảng mà còn là bản chất, là lẽ sống và động lực của mọi hành động của Hồ Chí Minh. Vấn đề đoàn kết đã được Người nhắc đi nhắc lại nhiều nhất trong suốt cuộc đời hoạt động của mình. Người hiểu một cách sâu sắc hơn bất cứ ai rằng đoàn kết là nhân tố chủ quan tạo ra sức mạnh vô địch để làm nên thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

"Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công. Đảng ta là một Đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Tất cả cán bộ và đảng viên phải đặt quyền lợi của Đảng, của giai cấp và của nhân dân lên trên hết, cao hơn hết. Đảng ta là một Đảng lãnh đạo. Tất cả cán bộ và đảng viên dù ở

cương vị khác nhau, làm công tác khác nhau, cũng đều phải đoàn kết nhất trí để làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao cho"[1], v.v...

Với Hồ Chí Minh, vấn đề đoàn kết nhất trí là sức sống của Đảng Cộng sản, thiếu nó thì Đảng không còn sức mạnh để làm tròn sứ mệnh là đội tiên phong chính trị, là bộ tổng tham mưu của giai cấp và dân tộc. Nói cách khác, không có đoàn kết nhất trí, Đảng không còn là Đảng cách mạng chân chính nữa, Đảng sẽ không còn sức mạnh, sẽ rời rạc như "đũa mỗi chiếc mỗi nơi". Vì vậy phải giữ gìn và vun trồng khối đoàn kết nhất trí ở trong Đảng như con ngươi của mắt. Mọi người phải luôn luôn thực hiện tốt lời căn dặn của Người: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta". Truyền thống đoàn kết trong Đảng được bắt nguồn từ truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Bản thân mốc khởi đầu thành lập Đảng tháng 2 năm 1930 là sự biểu hiện rõ nét của việc Hồ Chí Minh sớm chăm lo đến đoàn kết nhất trí trong Đảng. Nguy cơ phân liệt của phong trào cộng sản ở Việt Nam ở đầu thế kỷ này là có thật. Hội nghị thành lập Đảng tháng 2 năm 1930 do Hồ Chí Minh chủ trì đã quyết định: "Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương"[2]. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, "Đảng ta tuy đông người nhưng khi tiến đánh chỉ như một người". Trong *Di chúc,* lời trăng trối thiêng liêng của Hồ Chí Minh là Đảng phải giữ gìn đoàn kết. Trong bản *Di chúc* đó chỉ có hơn 10 dòng nói về Đảng nhưng đã có tới 5 lần Người nhắc đến *đoàn kết.* Cũng trong bản *Di chúc* đó, Người khẳng định: "Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác".

Hồ Chí Minh nghiêm khắc lên án chủ nghĩa cá nhân bởi nó là kẻ phá hoại sự đoàn kết, nhất trí của Đảng. Người luôn luôn nhấn mạnh: "Đảng ta vĩ đại, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác". Người còn chỉ rõ: "Đối với Đảng, đối với nhân dân, chúng ta có một nghĩa vụ vẻ vang là: suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân"[3].

Sức mạnh đoàn kết, nhất trí của Đảng Cộng sản được xây dựng và củng cố trên một nền tảng vững chắc là chủ nghĩa Mác - Lênin, là lý tưởng, mục

---

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 9, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 582, 65.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 561.

tiêu, là đường lối chính sách đúng đắn của Đảng. Nó còn được xây dựng trên "tình đồng chí thương yêu lẫn nhau", "sống với nhau có tình có nghĩa". Đây là một luận điểm rất quan trọng của Hồ Chí Minh về đoàn kết trong Đảng. Nó là sự thống nhất biện chứng giữa lý trí và tình cảm. Lý trí giúp con người có tình cảm đúng, ngược lại tình cảm có dồi dào thì lý trí mới vững. Đoàn kết trong Đảng được soi sáng bằng mục tiêu, lý tưởng cách mạng, nhưng không có tình đồng chí, tình nghĩa thương yêu nhau trong Đảng thì sự đoàn kết chỉ là hình thức, không bền vững. Quan điểm "sống với nhau có tình có nghĩa" của Hồ Chí Minh là một quan điểm sáng tạo, độc đáo khi đặt trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong điều kiện tâm lý, truyền thống của Việt Nam.

Hồ Chí Minh là *trung tâm* đoàn kết toàn Đảng ta. Hồ Chí Minh là lãnh tụ, là người sáng lập Đảng, là Chủ tịch của Đảng nhưng cũng là một *thân nhân* của mọi đảng viên, "Người là Cha, là Bác, là Anh", là bè bạn của đồng chí, đồng bào,... Người đã tạo ra sức mạnh để đoàn kết toàn Đảng, trước hết là trong Bộ Chính trị, trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Sức mạnh ấy được quyết định bởi tính chân thật, lòng nhân ái, và phong cách độc đáo của Người. Phong cách đó được hình thành và phát triển như ánh hào quang luôn luôn toả ra một "trường lực" hấp dẫn, quy tụ, cố kết được mọi đảng viên và đoàn kết được cả dân tộc vì sự nghiệp chung.

Với Hồ Chí Minh hai tiếng "đồng chí" là thiêng liêng, là tình, là nghĩa, là thủy chung son sắt, nó bao hàm trong đó mọi quan hệ tốt đẹp của con người bình thường nhưng lại vượt cao hơn tất cả những cái tầm thường nhỏ nhặt vốn có trong cuộc sống đời thường. Tình "đồng chí", nghĩa "đồng chí" là cao quý nhất trong cuộc sống của người đảng viên. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh rằng các đồng chí, tuy có khi khác nhau về chủng tộc hoặc khác nhau về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống chết, sướng khổ vì vậy phải thật thà đoàn kết. Người thành tâm khuyên đồng chí trong Đảng bất kể già, trẻ, trai, gái phải thương yêu đoàn kết và giúp đỡ nhau tiến bộ; nuôi dưỡng, phát triển tình đồng chí, nghĩa đồng bào, giữ gìn đạo đức cách mạng trong sáng, chống các căn bệnh công thần, địa vị cá nhân chủ nghĩa, kèn cựa địa vị, cục bộ. Đoàn kết trên tình đồng chí yêu thương không có nghĩa là xuê xoa "dĩ hòa vi quý" mà phải rèn cặp nhau, giúp nhau cùng tiến bộ. Vì vậy, để đoàn kết nhất trí phải "khéo sử dụng vũ khí tự phê bình và phê bình", thông qua việc "khéo" sử dụng vũ khí

đó như là sự phòng vệ, làm cho đoàn kết nhất trí càng được tăng cường củng cố.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết nhất trí bao giờ cũng gắn liền với dân chủ trong Đảng, vì dân chủ trong Đảng là nền tảng của sự đoàn kết. Có thực hành dân chủ nội bộ Đảng thì đảng viên mới thật sự trung thực, thẳng thắn, chân thành với nhau; và do đó "tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" mới được phát huy. Bảo đảm được dân chủ trong Đảng thì cũng tức là một trong những điều kiện quan trọng nhất bảo đảm cho sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng.

Hồ Chí Minh đã coi truyền thống đoàn kết trong Đảng Cộng sản Việt Nam là "cực kỳ quý báu" và căn dặn Đảng ta từ Trung ương đến các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí "như giữ gìn con ngươi của mắt mình".

Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng ta trong mấy chục năm qua chứng minh tính đúng đắn hoàn toàn của những quan điểm về đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong tình hình hiện nay, đổi mới và chỉnh đốn Đảng là vô cùng quan trọng. Để đổi mới và chỉnh đốn Đảng có kết quả thì vấn đề giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh càng trở nên bức xúc hơn. Một số nơi, một số tổ chức đảng vẫn xảy ra tình trạng mất đoàn kết, thậm chí có nơi nghiêm trọng. Khi đã mất đoàn kết thì tổ chức đảng bị tê liệt, đội ngũ cán bộ đảng viên ly tán nghi kỵ, những nhân tố tích cực trong Đảng dần dần bị thủ tiêu; cái xấu, cái tiêu cực dần dần lấn át. Công việc sẽ bị bê trễ, nội bộ đảng do mất đoàn kết chỉ lo đối phó, "đấu đá" nhau. Công việc của đơn vị mất ổn định. Ở những nơi mất đoàn kết trong Đảng thường chân lý bị đánh tráo, trắng đen lẫn lộn, việc đánh giá tình hình và đánh giá cán bộ thiếu khách quan. Ở đó, "môi trường" đã bị ô nhiễm, bị đầu độc một cách nghiêm trọng. Ở đó, tất yếu sẽ diễn ra tình trạng phe nhóm, kéo bè, kéo cánh.

Hậu quả xấu của sự mất đoàn kết nội bộ đảng tác động một cách toàn diện đến tình hình chung và đến toàn Đảng. Có thể nói: *mất đoàn kết trong Đảng là mất tất cả.* Do đó, Hồ Chí Minh khẳng định: "Sức mạnh của Đảng là ở *sự đoàn kết nhất trí.* Mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối và chính sách của Đảng, tôn trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng"[1]. "Đoàn kết là sức mạnh. Đoàn kết tốt thì việc to lớn mấy, khó khăn mấy cũng làm được".

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 9, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 466.

"Ngày nay *sự đoàn kết trong Đảng* là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo... Muốn đoàn kết chặt chẽ trong Đảng, ắt phải là thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình... Toàn thể đảng viên và cán bộ từ Nam đến Bắc. bất kỳ mới, cũ,... bất kỳ ở nông thôn hay là ở thành thị, phải đoàn kết chặt chẽ, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của mình; phải thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ"[1].

Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng của Người về đoàn kết nhất trí trong Đảng nói riêng đang thực sự dẫn dắt, soi sáng cho hoạt động lý luận, hoạch định đường lối chiến lược, sách lược, cho một chủ trương và hành động của Đảng và nhân dân ta. Đoàn kết nhất trí trong Đảng là một nhân tố quan trọng bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn trong sạch, vững mạnh, là tiền đề quyết định để cố kết khối đại đoàn kết toàn dân, một bảo đảm chắc chắn để cách mạng Việt Nam giành thắng lợi.

Do vậy, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải trở thành *nguyên tắc tổ chức sinh hoạt nội bộ đảng, đồng thời nó phải trở thành một nguyên tắc xây dựng Đảng nói chung.*

c) Nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

Đảng ta phải là một tổ chức chính trị thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động, một tổ chức trí tuệ, trong sạch, vững mạnh, là ngọn cờ tập hợp, hướng dẫn, giáo dục, tổ chức lãnh đạo nhân dân cả nước trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy, Đảng phải luôn luôn *phát triển.* Theo Hồ Chí Minh thì sự *phát triển* của Đảng bao hàm trong đó sự *tự chỉnh đốn* và *tự đổi mới* để *ngày càng tiến bộ về mọi mặt.* Tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh xác định là *luật phát triển* của Đảng.

Đảng muốn làm tròn sứ mệnh của mình trước lịch sử thì bản thân Đảng *"phải có kỷ luật sắt đồng thời là kỷ luật tự giác".* Chính *yếu tố tự giác* ấy đòi hỏi phải thường xuyên thực hành "luật" tự phê bình và phê bình. *"Luật",* trước hết, đó là điều *hiển nhiên, tất nhiên, tất yếu* phải thực hiện, không thể không có, không thể không thi hành vì nếu "không" tức là không còn là một tổ chức chính trị thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động, mà chỉ còn là một tổ chức hỗn tạp, không có sự cố kết bằng sự *"đồng chí", "đồng lòng"* nghĩa là không còn tính *tự giác* nữa.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 7, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 181-182.

"Luật" có nghĩa là *điều quy định bắt buộc* phải thực hành trong toàn Đảng như một yếu tố nội sinh trong một kết cấu hoàn chỉnh của một cơ chế tổ chức mang tính hệ thống, quyết định sự tồn tại và phát triển của Đảng với tư cách là đội tiên phong chính trị của giai cấp và dân tộc.

"Luật" yêu cầu tất cả phải tuân theo, không loại trừ bất cứ đảng viên và bộ phận nào của Đảng, phải tuân thủ nghiêm chỉnh, theo phương pháp tác động ba chiều: từ trên xuống, từ dưới lên và từ ngoài (nhân dân) vào.

"Luật" với nghĩa là một công cụ, một phương tiện để giáo dục và tự giáo dục bản thân Đảng, từ đảng viên thường đến từng thành viên trong cơ quan lãnh đạo cao nhất của toàn Đảng; là điều kiện của sự tồn tại trong mối quan hệ với nhân dân - lãnh đạo và phục vụ nhân dân.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, là Đảng duy nhất cầm quyền, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập thì phê bình và tự phê bình theo phương pháp tác động ba chiều phải được coi như là một nguyên tắc để giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng và là bảo đảm chắc chắn cho uy tín chính trị của Đảng.

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin thì chủ nghĩa xã hội bảo đảm cho xã hội một chế độ dân chủ "triệu lần hơn" chế độ dân chủ tư sản; và chủ nghĩa cộng sản chính là chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị nhất, đầy đủ nhất. Vì thế, từ trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như chính bản thân hoạt động của Người đã khẳng định một chân lý: *Là một người cộng sản chân chính cũng có nghĩa là một nhà dân chủ và nhân đạo chủ nghĩa đích thực.* Đập tan nhà nước thực dân phong kiến, những người cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành và xây dựng chính quyền. Theo Hồ Chí Minh, chính quyền của nhân dân và chỉ có chính quyền của nhân dân thì xã hội mới có dân chủ và nhân đạo đích thực. Nhưng chính quyền của nhân dân vừa thoát thai từ xã hội cũ ngay từ buổi sinh thành của nó đã có những khuyết tật do chế độ cũ rơi rớt lại. Do đó, ngay sau khi giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã sớm chỉ ngay ra nguy cơ mất dân chủ, quan liêu, độc đoán, chuyên quyền của những người cộng sản khi Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền.

Ngày đầu tiên giữ cương vị Chủ tịch nước cũng đồng thời là ngày đầu tiên Người tuyên bố chống quan liêu, mất dân chủ. Cả cuộc đời, Hồ Chí Minh đều chăm lo, giữ gìn để Đảng luôn xứng đáng là lực lượng tiên phong chính trị của xã hội, là người công bộc của nhân dân. Quyền lực đối với Người chỉ là "tài sản" do nhân dân ủy thác. Người cộng sản chỉ có một sứ mệnh cao cả, một mục đích duy nhất là phục vụ nhân dân, và vâng theo mệnh lệnh của nhân dân như người lính tuân lệnh quốc dân ra mặt trận.

Để làm tròn sứ mệnh cao cả đó, Đảng phải thường xuyên sử dụng một cách khéo léo vũ khí tự phê bình và phê bình. Quan điểm xuất phát của Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình là *dân chủ* và *nhân đạo*. Bản chất của nó là xây dựng, là vươn tới sự hoàn thiện, hoàn mỹ, là thúc đẩy sự tiến bộ, là cách mạng và khoa học, là vì nhân dân. Do đó: *bản chất của tự phê bình và phê bình là hướng về cái đẹp*.

Với Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình *không đồng nghĩa với phê phán và trừng trị*, vì phê phán chỉ là sự giải phẫu bệnh mang ý nghĩa như là sự khởi nguyên của một quy trình để sửa chữa làm lành bệnh, làm cho con người tồn tại, phát triển khỏe mạnh. Giải phẫu chỉ có thể có ý nghĩa khi nó đạt tới cái thiện và cái đẹp. C.Mác đã bác bỏ quan điểm sử dụng phê phán như là một động lực, vì nếu như vậy thì chỉ là sự phá vỡ và hủy bỏ. Mọi sự phê phán chỉ có ý nghĩa khi nó dẫn tới hành động cách mạng, vì chính cách mạng mới là động lực của lịch sử phát triển. Thấm nhuần quan điểm của C.Mác, Hồ Chí Minh khẳng định: tự phê bình và phê bình cốt để phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, để tư tưởng và hành động được *đúng hơn, và tốt hơn, để làm việc có hiệu quả hơn*.

Chỉ có nắm vững quan điểm đó, Đảng Cộng sản mới có bản lĩnh cách mạng và khoa học, mới có dũng khí để sử dụng vũ khí tự phê bình và phê bình.

Theo Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình có ý nghĩa như là một "vũ khí thần diệu". Vì vậy, việc sử dụng nó phải có khả năng như là nắm vững một khoa học và nghệ thuật đặc biệt.

Mọi lý thuyết chính trị từ xưa tới nay (ngoài hệ tư tưởng Mác - Lênin), chưa đủ cơ sở để sử dụng một cách hữu hiệu vũ khí tự phê bình và phê bình. Các thủ đoạn phi nhân tính và hành động bạo tàn càng không thể sử dụng vũ khí tự phê bình và phê bình.

Tư tưởng "khéo sử dụng vũ khí tự phê bình và phê bình" của Hồ Chí Minh do quan điểm dân chủ và nhân đạo chi phối. "Khéo" là sự vận dụng tư tưởng biện chứng trong triết học của Hêghen mà C.Mác cải tạo và phát triển; là tài nghệ ứng xử trong quan hệ "người" của các khoa học nhân văn; là sự nhuần nhuyễn giữa tình và lý trong truyền thống sâu xa của văn hóa phương Đông và của dân tộc ta.

"Khéo" đi từ cái tôi đơn lẻ đến cái ta hòa nhập trong xã hội, từ sự đấu tranh giữa các mặt đối lập, tốt và xấu, đúng và sai, thiện và ác, cao cả và

thấp hèn, văn minh và bạo tàn... trong mỗi con người, trong từng tổ chức đến toàn xã hội.

"Khéo" còn là hệ thống những biện pháp tác động, thúc đẩy theo cùng một phương, là một tổng hợp lực từ bảo ban, giúp đỡ, giáo dục, cảm hóa, thuyết phục đến trừng phạt; từ trên xuống và từ dưới lên; từ trong nội bộ đảng đến ngoài xã hội.

Tư tưởng "khéo sử dụng vũ khí tự phê bình và phê bình" của Hồ Chí Minh vừa là một phương pháp cách mạng, vừa là một nghệ thuật cách mạng diễn ra liên tục cả trong không gian và thời gian, cùng với sự vận động và phát triển của người đảng viên, của con người - xã hội trong hoạt động thực tiễn của nó.

Đối tượng trực tiếp của tự phê bình và phê bình *là việc chứ không phải là người.* Đó là tư tưởng nhân đạo đạt tới đỉnh cao, nó cho phép tập hợp con người - xã hội trong một tổng thể thống nhất mâu thuẫn, đa dạng và phức tạp, cùng hành động vì lợi ích chung, sự nghiệp chung: giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, làm cho con người tốt hơn, đẹp hơn. Tư tưởng "phê bình việc chứ không phê bình người" tránh cho con người không bị rơi vào cái "tôi" vị kỷ, thấp hèn, thù hận, trả đũa, tranh giành được thua, đố kỵ, ghen ghét giữa con người với nhau. Phê bình việc là gột rửa những "cáu bẩn" bám vào con người, không cho nó làm "ô nhiễm" con người. Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình như là dùng khăn mặt và xà phòng gột rửa cái nhơ bẩn bám vào con người. Tự phê bình và phê bình như là "uống thuốc xổ", xong rồi, lại phải bồi bổ cho con người khoẻ mạnh. Tầm cao trí tuệ Hồ Chí Minh là *nâng cao con người, là phát huy tính tích cực của con người.* Người nói: Tự phê bình là chính, phê bình mình trước, phê bình người sau. Phê bình là để cho con người tự hoàn thiện. Con người chỉ có thể sống tốt đẹp và làm việc có ích khi tự mình biết đấu tranh, sửa chữa lỗi lầm. Ngoại cảnh chỉ là tác động thứ yếu, cái quyết định vẫn là ở trong mỗi con người. Tư tưởng người xưa "tiên trách kỷ, hậu trách nhân" được Hồ Chí Minh vận dụng một cách thật tài tình.

Tự phê bình và phê bình phải xuất phát từ *"tình đồng chí thương yêu". Nhưng càng "yêu" bao nhiêu lại càng phải "yêu cầu"* bấy nhiêu, Hồ Chí Minh đề ra *nguyên tắc nêu gương và sự đòi hỏi phải khắc phục khuyết điểm.* Người yêu cầu cấp trên phải gương mẫu, đảng viên phải gương mẫu, "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Ở đây, tư tưởng của người xưa "thượng bất chính, hạ tắc loạn", "tiên chi" (trước phải giữ mình trong sạch để làm gương) và "lao chi" (nỗ lực làm những việc có lợi cho dân), "xá tiểu quá" (bỏ qua lỗi nhỏ cho

người khác, khuyến khích họ làm việc tốt) được Hồ Chí Minh kế thừa, phát triển, nâng lên một tầm cao mới qua lăng kính lý luận Mác - Lênin.

Thái độ đối với tự phê bình và phê bình mà Hồ Chí Minh nêu ra là *"lý lẽ phân minh, nghĩa tình đầy đủ"*. Tình yêu thương nhằm tiếp cận và thực hành chân lý làm cho con người đón nhận tự phê bình và phê bình như là sự tiếp sức sau một lần vấp ngã chứ không phải coi nó như là một cái gì đó đáng sợ, cần đề phòng. Càng không thể coi đó là những thủ đoạn đối xử giữa những người đồng chí với nhau. Tự phê bình và phê bình chỉ thực sự có kết quả khi có sự lãnh đạo đúng và sáng suốt của cấp trên, đồng thời phát động được quần chúng và cấp dưới hưởng ứng một cách chân thành. Làm được như vậy thì chúng ta mới không để cho kẻ xấu "tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta"; mới tránh được "thái độ của đảng viên và cán bộ thoái hóa lợi dụng để đạt mục đích tự tư, tự lợi của họ"; mới khắc phục được thái độ ươn hèn, yếu ớt thủ tiêu đấu tranh "sao cũng mặc", "sao cho xong chuyện thì thôi"; mới tránh được bệnh chủ quan "quá máy móc" và thái độ "đối với những người mắc sai lầm, khuyết điểm như đối với hổ mang, thuồng luồng".

Với tầm nhìn chiến lược của một nhà cách mạng, một bậc đại trí, đại nhân, đại dũng..., của người Anh hùng giải phóng dân tộc đồng thời là một nhà văn hóa kiệt suất, Hồ Chí Minh đã nhìn thấy quy luật vận động của lịch sử xã hội, chỉ ra cái phổ biến của những khuyết tật mang tính xã hội mà con người thường mắc phải trong tất cả các nhà nước có từ trước tới nay kể cả nhà nước dân chủ nhân dân lẫn nhà nước xã hội chủ nghĩa, mà Đảng Cộng sản khi nắm chính quyền cần đề phòng, khắc phục. Đó là chủ nghĩa cá nhân, "kẻ địch ở bên trong", xuất hiện ra ở nhiều dạng vẻ khác nhau.

Lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình hiện đang là sự chỉ dẫn sâu sắc về tư tưởng và hành động cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta hiện nay.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ (khóa VI) và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới, chỉnh đốn Đảng, làm trong sạch Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội... chính là sự vận dụng một cách sáng tạo tinh thần tự phê bình và phê bình mác-xít - lê-nin-nít và tư tưởng của Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng ta trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

d) Nguyên tắc kiểm tra, kỷ luật Đảng.

Là một Đảng cách mạng chân chính, là đội tiên phong chính trị của giai cấp và dân tộc, do đó trong công tác xây dựng Đảng, vấn đề kiểm tra và kỷ

luật của Đảng có vị trí đặc biệt quan trọng. Khi Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền thì vấn đề này lại càng trở nên cấp thiết, trở thành một nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng thì khi có lý luận tiên phong, xác định được nhiệm vụ chính trị của Đảng, đề ra được đường lối đúng thì đó là nguồn gốc của thắng lợi. Song từ nguồn gốc đến thắng lợi còn phải thông qua công tác tổ chức, qua hành động cách mạng, bởi: "Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ, và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích"[1].

Muốn đường lối, chính sách được thi hành và muốn xem đường lối, chính sách ấy có phù hợp với thực tiễn không thì Đảng phải tổ chức để đảng viên quán triệt và thi hành một cách nghiêm túc, sáng tạo nghị quyết đó đề ra. Do đó, công tác kiểm tra chủ yếu là kiểm tra đảng viên, cán bộ thực hiện *Điều lệ Đảng* và *Nghị quyết của Đảng*. Qua công tác kiểm tra còn biết được việc lựa chọn cán bộ và dùng nhân tài có hợp lý không, có "dùng thợ mộc làm nghề thợ rèn" không và cán bộ có hiểu rõ công việc họ phải phụ trách không.

Tuy kỷ luật của Đảng là tự giác, song trình độ tự giác ở mỗi người có khác nhau. Trong mỗi cán bộ, đảng viên cũng có cả mặt tốt và mặt xấu. Vì vậy chỉ có tăng cường kiểm tra mới giữ nghiêm được kỷ luật Đảng, mới bảo đảm đường lối, chủ trương, nghị quyết thực hiện một cách đầy đủ và đúng đắn, mới bảo đảm được uy tín của Đảng đối với xã hội. Kiểm tra, kỷ luật Đảng là một trong những nguyên tắc quan trọng của công tác xây dựng Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền. Nó càng có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc đổi mới và chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Ai cũng biết một chân lý đơn giản là *lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không lãnh đạo*. Thực vậy, lãnh đạo không chỉ là đề ra nghị quyết hội họp và ra chỉ thị. Hồ Chí Minh là người phát hiện rất sớm khuyết điểm đó của công tác lãnh đạo. Người chỉ rõ: "Hiện nay, nhiều nơi cán bộ lãnh đạo chỉ lo khai hội và thảo nghị quyết, đánh điện và gửi chỉ thị, sau đó thì họ không biết gì đến những nghị quyết đó đã thực hành đến đâu, có những khó khăn trở ngại gì, dân chúng có ra sức tham gia hay không. "Họ quên mất kiểm tra. Đó là một sai lầm rất to. Vì thế mà "đầy túi quần thông báo, đầy túi áo chỉ thị" mà "công việc vẫn không chạy"[2]. Nếu lãnh đạo biết tổ chức việc kiểm tra cho chu đáo thì cũng như chúng ta đã có ngọn đèn pha, bao nhiêu tình hình, bao

---

1, 2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 520, 521.

nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ tốt, xấu chúng ta đều thấy rõ. Có thể nói rằng, chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra. Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo và thường xuyên thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười, gấp trăm.

Nội dung và đối tượng của công tác kiểm tra Đảng là toàn diện, kiểm tra công việc, kiểm tra tổ chức và cá nhân đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Theo Hồ Chí Minh, đã là đảng viên và tổ chức đảng, đều phải được đặt vào trong phạm vi luôn luôn được kiểm tra, giám sát. Kiểm tra không phải là "vạch lá tìm sâu", làm giảm thành tích. Kiểm tra phải có *hệ thống*, nghĩa là khi đã có nghị quyết, thì phải lập tức đốc thúc sự thực hành nghị quyết ấy, phải biết rõ sự sinh hoạt và cách làm việc của cán bộ ở các địa phương, cơ sở. Có như thế mới thấy rõ và kịp thời sửa đổi các khuyết điểm và tìm cách vượt qua mọi khó khăn. Hồ Chí Minh rất chú trọng tới tính *kịp thời* của công tác kiểm tra, bởi vì sự chậm trễ trong công tác kiểm tra sẽ gây ra nhiều khó khăn cho công việc, để bỏ sót hoặc kiểm tra sẽ thiếu công minh, khách quan.

Trong phương pháp, Hồ Chí Minh chú trọng đến tính *chính xác, công minh, khách quan, sâu sát* của việc kiểm tra. Những nguồn căn cứ để kiểm tra, xác minh có nhiều, người kiểm tra không được mắc bệnh quan liêu, đại khái. Muốn vậy, khi kiểm tra không nên chỉ dựa vào các tờ báo cáo mà phải đi đến tận nơi, phải nghiên cứu cụ thể tỉ mỉ. Trách nhiệm của người cán bộ và trách nhiệm của cơ quan làm công tác kiểm tra cần phải được đề cao. Người đi kiểm tra phải là người có trách nhiệm, có năng lực, có đầy đủ uy tín và kinh nghiệm. "Ai đi kiểm tra việc gì, nơi nào nếu có sơ suất thì người ấy phải chịu trách nhiệm"[1]. Vì vậy, Ủy ban và cán bộ kiểm tra các cấp đều phải học tập và thấm nhuần đường lối, quan điểm của Đảng, phải luôn luôn chú ý nâng cao khả năng chuyên môn, phải cố gắng công tác, phải trau dồi đạo đức cách mạng. Đặc biệt là phải nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, phải thật thà phê bình và tự phê bình để làm gương mẫu trong việc chấp hành kỷ luật của Đảng. Phải chí công vô tư, không thiên vị, không thành kiến. Như thế thì mới làm tốt được công tác kiểm tra.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng: Không được để công tác kiểm tra của Đảng rơi vào tình trạng bị động, nặng về giải quyết những vụ vi phạm kỷ luật trước mắt, những cái đã phát sinh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 521.

Cần phải chủ động giải quyết toàn diện các khía cạnh của công tác kiểm tra, phải chú trọng đề phòng, ngăn ngừa theo phương châm "phòng bệnh là chính..."; hạn chế, ngăn ngừa không cho những khuyết điểm, sai lầm của cán bộ, đảng viên phát sinh thêm, đồng thời phải tìm cách phát huy những ưu điểm đã có làm cho "cái thiện" thắng "cái ác".

Cần xác định rõ công tác kiểm tra của Đảng là công việc *nội bộ đảng*. Do vậy nó cũng phải tuân thủ nguyên tắc *thật thà tự phê bình và phê bình*. Đây là phương pháp rất quan trọng, bởi vì nếu dùng phương pháp khác thì khó đạt hiệu quả tốt. Chẳng hạn nếu dùng phương pháp của Nhà nước để thanh tra những vụ việc trong Đảng thì vấn đề kiểm tra có khi không đạt mục tiêu xây dựng Đảng. Tuy nhiên, nếu cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật thì cần phải đưa ra xử lý theo pháp luật, chứ không thể chỉ xử lý "nội bộ" theo phương pháp tự phê bình và phê bình.

Kết quả của công tác kiểm tra phải là sau khi mỗi vụ việc, mỗi cán bộ, đảng viên được kiểm tra xong thì đảng viên ấy "lớn lên", tổ chức đảng nơi ấy trong sạch, vững mạnh thêm, nội bộ đoàn kết hơn, chứ không phải là cứ sau mỗi đợt kiểm tra thì nội bộ tổ chức đảng càng thêm lủng củng, mất đoàn kết, cán bộ bị rơi rụng, mất ổn định kéo dài, phong trào cách mạng bị giảm sút.

Sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, trong suốt quá trình vận động của nó tất yếu sẽ trải qua những bước thăng trầm, những sự thành bại bao giờ cũng phụ thuộc vào hàng loạt yếu tố: trình độ trí tuệ, lý luận tiên phong, năng lực lãnh đạo chính trị, các quyết sách chiến lược, các phương pháp và biện pháp, phẩm chất đạo đức, sự đoàn kết, thống nhất về tư tưởng và tổ chức của toàn Đảng...

Để lãnh đạo giành thắng lợi tất nhiên Đảng phải là một tổ chức trong sạch, vững mạnh, to lớn. Nhưng to lớn vững mạnh không phải chỉ ở số lượng - tuy số lượng là quan trọng - mà cốt tử là ở chất lượng, ở sự thống nhất ý chí và hành động. Muốn vậy, Đảng phải kiểm tra và đòi hỏi đảng viên chấp hành kỷ luật. Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng"[1]. Quan điểm "kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác" đã được Hồ Chí Minh nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 553.

Đảng ta gồm những người con ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp khác. Muốn mọi chính sách của Đảng thực hiện được thì phải có kỷ luật. "Kỷ luật của Đảng là tự nguyện, tự giác; đã tự nguyện, tự giác là kỷ luật sắt, rất nghiêm, tất cả đảng viên già trẻ, trên dưới đều phải tuân theo. Nếu không giữ gìn nghiêm túc kỷ luật là giảm bớt lực lượng của Đảng, khó thực hiện được nhiệm vụ. Đảng có tổ chức, có kỷ luật, dù Đảng giao việc gì khó mấy cũng phải làm được"[1].

Kỷ luật tự giác của người đảng viên hoàn toàn xuất phát từ bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta, vì Đảng ta chỉ có một lợi ích duy nhất là phục vụ nhân dân. Hồ Chí Minh xác định ngay từ khi mới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng phải bao gồm những người hăng hái, trung thành, ưu tú trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động, *tự nguyện, tự giác* đứng vào hàng ngũ của Đảng, nguyện suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Chính vì vậy mà Người khuyên mọi người rằng: "nếu sợ không phục vụ được nhân dân, phục vụ được cách mạng thì đừng vào hay khoan hãy vào"[2]. Nếu đã tự giác đứng trong hàng ngũ của Đảng thì mọi đảng viên, không phân biệt cấp bộ nào cũng tuyệt đối không được độc đoán cá nhân, tự đặt mình cao hơn tổ chức, tự cho phép mình đứng ngoài kỷ luật.

Kỷ luật của Đảng đòi hỏi trước tiên là mọi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng phải trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã thường xuyên xác định rằng: Đảng ta phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin *làm cốt,* trong *Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo* "chủ nghĩa" ấy. Nếu không có sự thống nhất về lý luận, chính trị và tư tưởng, thì hành động của cán bộ, đảng viên đã không thống nhất, ý thức tổ chức kỷ luật bị lỏng lẻo. Một Đảng mà không có "chủ nghĩa làm cốt" và không trung thành với chủ nghĩa ấy thì sẽ không có sự thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động. Đảng đó sẽ rời rạc "như đũa mỗi chiếc mỗi nơi", sự thất bại, do đấy là không sao tránh khỏi.

Hồ Chí Minh coi đoàn kết chặt chẽ, thương yêu đồng chí và giữ nghiêm kỷ luật không thể tách rời nhau. Giữ nghiêm kỷ luật tức là để bảo đảm tư tưởng nhất trí và hành động thống nhất trong toàn Đảng. Nó bảo đảm để *bất kỳ đảng viên và cán bộ nào cũng trung thực và triệt để chấp hành điều lệ*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 7, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 696.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 10, Nxb Sự thật, H. 1989, tr. 506.

và nghị quyết của Đảng. Nó bảo toàn và tăng cường được sức mạnh chiến đấu của Đảng trong tất cả mọi giai đoạn cách mạng, đặc biệt là khi tình thế cách mạng đứng trước những bước ngoặt hiểm nghèo, khi những biến cố chính trị đang làm thay đổi tình hình một cách mau lẹ. Hồ Chí Minh căn dặn: "Mỗi khi gặp tình hình mới, công tác mới... tư tưởng của một số đảng viên và cán bộ không khỏi bỡ ngỡ, lệch lạc, hoặc "tả" hoặc "hữu". Cho nên *thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo là việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng"*[1].

Để bảo đảm được sự thống nhất và kỷ luật, về phương diện lý luận, cần phải chống giáo điều, bảo thủ; phải chú trọng vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể từng lúc, từng nơi. Điều đó cũng có nghĩa là làm cho toàn Đảng, cho mỗi cán bộ, đảng viên hành động phù hợp với quy luật khách quan. Đó cũng là sự đảm bảo để mọi đảng viên tuân thủ kỷ luật của Đảng một cách tự nguyện, tự giác. Thực tế lịch sử phong trào cộng sản trên thế giới thời gian qua cho chúng ta thấy rằng, không có lòng trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước mình thì tất yếu sẽ dẫn đến sai lầm về đường lối, khủng hoảng niềm tin vào lý tưởng, tất yếu sẽ dẫn đến tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật trong Đảng. Do đó dẫn đến mất ổn định chính trị, xã hội sẽ bị rối loạn, rồi từ sự khủng hoảng ấy nó tác động vào Đảng mạnh hơn, làm cho Đảng ngày càng suy yếu, dẫn tới tan rã.

Sức mạnh kỷ luật tự giác của Đảng chỉ có thể duy trì khi nó được bảo đảm bằng sự đúng đắn của các đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng. Khi đó sự thống nhất, kỷ luật của toàn Đảng càng được chặt chẽ và nâng cao hơn, nghị quyết của Đảng sẽ đi vào cuộc sống, được cán bộ, đảng viên tự giác biến thành hành động cách mạng. Khi đường lối sai thì mọi việc đều ngược lại mong muốn. Do đó, kỷ luật trong Đảng, kỷ cương phép nước có được bảo đảm hay không trước tiên phụ thuộc vào sự đúng đắn của đường lối của Đảng.

Đảng ta là Đảng cầm quyền. Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Nhà nước là thể chế hóa và cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cũng đề ra các nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện nghị quyết của Đảng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình. Vì vậy, "... đảng viên chẳng những phải giữ kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 18.

Đảng mà còn phải giữ gìn kỷ luật chính quyền, của cơ quan, đoàn thể cách mạng, của nhân dân. Sự thực nhiều đảng viên, cán bộ chẳng làm đúng như thế, đã không giữ đúng kỷ luật của chính quyền, cơ quan, đoàn thể, nhân dân"[1]. Họ "tưởng là đảng viên thì muốn làm trời làm đất gì thì làm. Các đảng viên cán bộ đó không biết rằng kỷ luật của chính quyền, của đoàn thể, nhân dân và của Đảng cũng là một"[2].

Chủ nghĩa cá nhân, với tất cả các dạng thức của nó đều dẫn tới hoặc ngấm ngầm hoặc công khai sự phá hoại tổ chức, kỷ luật của Đảng. Đặc biệt, trong điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh phải chống tham ô, lãng phí, quan liêu cục bộ địa phương, để giữ nghiêm kỷ luật Đảng, phải luôn luôn chú ý đưa những kẻ hủ bại ra khỏi Đảng; thường xuyên kết nạp người đủ tiêu chuẩn vào Đảng và phải bảo vệ những đảng viên chân chính đã vì lợi ích của Đảng, của nhân dân mà đấu tranh bảo vệ chân lý. Làm được như vậy là bảo đảm tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng. Giữ gìn kỷ luật Đảng với tinh thần đó là phù hợp với quy luật khách quan. Lợi dụng danh nghĩa kiểm tra kỷ luật Đảng, hoặc vi phạm kỷ luật Đảng để thực hiện ý đồ cá nhân đều là những hành động trái quy luật, phi đạo lý, mất tư cách Đảng.

Thông thường sau khi tiến hành kiểm tra Đảng là bước xử lý kỷ luật. Trong bất kỳ trường hợp nào Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng và bình đẳng về mặt công dân trước pháp luật. Ngày nay chúng ta đang khắc phục tình trạng "nhẹ trên nặng dưới" nhưng ngay từ khi mới giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã đòi hỏi cùng một tội lỗi thì cán bộ cấp trên và đảng viên phải bị kỷ luật nặng hơn cán bộ cấp dưới và người ngoài Đảng. Với Hồ Chí Minh thì bao giờ giáo dục cũng là chính, trừng phạt là phụ; và ngay cả trừng phạt cũng chủ yếu là nhằm giáo dục, nhằm giúp cho đối tượng biết hối cải, biết hướng thiện và hoàn lương. Với mục đích chính là giáo dục nên Hồ Chí Minh rất coi trọng tính tự giác, ai có lỗi mà thật thà tự kiểm thảo thì lỗi nhẹ sẽ được tha thứ, lỗi nặng được xử nhẹ; ai có lỗi mà không thật thà nói ra, sẽ bị kỷ luật...

Tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng, theo Hồ Chí Minh là luôn luôn phải nghiêm minh cả trong khen thưởng và trừng phạt; nếu không như vậy thì sẽ phạm khuyết điểm lớn, sẽ là một nguyên nhân không nhỏ dẫn tới phá vỡ kỷ luật tự giác của Đảng, phá vỡ khối đoàn kết thống nhất của Đảng. Kế thừa

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 31.

tư tưởng của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi đảng viên đều phải sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở nhất định và nhất thiết phải tuân thủ Điều lệ Đảng, không có trường hợp ngoại lệ, kể cả những đảng viên giữ những nhiệm vụ trọng trách trong Đảng. Chi bộ và tổ chức cơ sở đảng là nơi quản lý đội ngũ đảng viên một cách cụ thể nhất, là điều kiện bảo đảm kiểm tra và kỷ luật đảng viên, làm cho tổ chức đảng luôn luôn có sức mạnh chiến đấu.

Đã coi kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt thì chi bộ và đảng bộ cơ sở phải là tổ chức trong sạch, vững mạnh, bảo đảm sinh hoạt nghiêm túc, chặt chẽ; là nơi quản lý mọi mặt - cả về tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên trong chi bộ và đảng bộ mình.

Để bảo đảm kỷ luật được chặt chẽ, phải thực hiện tốt các nguyên tắc sinh hoạt đảng, phải có cơ chế để nhân dân giám sát, phê bình, giúp đỡ đảng viên. Có như vậy mới bảo đảm tốt tập trung thống nhất ý chí và hành động. Sức chiến đấu của Đảng ta đòi hỏi mọi đảng viên đều phải có tính tổ chức, kỷ luật. Thiếu nó, Đảng không còn là một tổ chức chính trị tiên phong và là "bộ tổng tham mưu" của giai cấp và dân tộc nữa.

Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, nguyên tắc kiểm tra kỷ luật trong nội bộ đảng càng cần phải được duy trì nghiêm túc. Phải có các quy chế chặt chẽ để quản lý đảng viên. Đồng thời phải tăng cường giáo dục ý thức tự giác tôn trọng kỷ luật của tất cả mọi đảng viên. Bất cứ đảng viên nào, nếu không tu dưỡng, rèn luyện, tự khép mình trong khuôn khổ kỷ luật của Đảng thì mọi quy định, mọi ràng buộc cũng không có ý nghĩa gì. Sức mạnh của Đảng chính là từ ý thức tự giác của đảng viên. Và kiểm tra, kỷ luật lại là sự hỗ trợ để bồi bổ, nâng cao tính tự giác đó.

Cuộc sống luôn luôn vận động và phát triển. Đảng ở trong xã hội và cùng xã hội phát triển. Đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng cũng sẽ phát triển thông qua quá trình vận động và phát triển của Đảng. Vấn đề thống nhất ý chí và hành động, tăng cường kiểm tra và nêu cao kỷ luật Đảng vẫn là một đòi hỏi khách quan của tất cả các thời kỳ cách mạng; và nó càng cấp thiết, quan trọng khi Đảng ta đã là Đảng cầm quyền, một Đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đa sở hữu và đa phương, đa dạng trong các mối quan hệ quốc tế.

đ) Nguyên tắc gắn bó máu thịt với nhân dân.

Hồ Chí Minh không gọi rõ "Gắn bó máu thịt với nhân dân" là một nguyên tắc xây dựng Đảng nhưng vấn đề xây dựng Đảng sao cho Đảng thực sự là

một tổ chức *gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân* tin yêu, kính trọng lại được Người đề cập nhiều nhất và vô cùng sâu sắc.

Trong lịch sử Đảng ta cũng như những bài học rút ra từ kinh nghiệm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cho thấy gắn bó máu thịt với nhân dân thực sự là một nguyên tắc cơ bản của xây dựng Đảng. Đây là một tiêu chí để xem xét tổ chức đảng có vững mạnh không. Vì vậy, gắn bó máu thịt với nhân dân phải trở thành một nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng, bởi đó là điều kiện sống còn của chính bản thân Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã ý thức sâu sắc vấn đề này nhất là từ Đại hội VI tới nay, đã có nhiều nghị quyết đề cập một cách nghiêm túc đến việc tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân.

Năm 1990, trong lễ kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã lưu ý "tình trạng xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tham ô, hối lộ, phung phí của cải của nhân dân, ăn chơi sa đọa trong một bộ phận cán bộ đảng viên - nhất là ở các ngành kinh tế - tăng lên đến mức báo động, gây phẫn nộ chính đáng trong các tầng lớp nhân dân. Đây thật sự là tội ác dù xét theo khía cạnh đạo đức cá nhân hay hành vi xã hội". Đó chính là nguyên nhân làm xói mòn uy tín của Đảng. Vì vậy, năm 1990, nhân danh Đảng, đồng chí Tổng Bí thư đã kêu gọi: *"Luật pháp phải kiên quyết loại trừ ngay những con sâu mọt đó"*.

Tiếp đó, năm 1991, "Báo cáo xây dựng Đảng..." tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã nhận định: "Nhiều đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, phai nhạt lý tưởng, không phát huy được vai trò tích cực trong quần chúng. Tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm các nguyên tắc quản lý hoặc lợi dụng những sơ hở trong cơ chế quản lý để lấy cắp của công, ăn hối lộ, buôn lậu, làm giàu bất chính, vi phạm đạo đức, lối sống cách mạng có chiều hướng tăng lên, nhất là trong cán bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý Nhà nước và ngay cả trong một số cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan đảng và đoàn thể". Đáng chú ý là hiện tượng cán bộ lãnh đạo độc đoán, mệnh lệnh, trù dập, ức hiếp quần chúng còn xảy ra một số nơi, có khi rất trắng trợn. Trong tình trạng mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức còn nặng thì những biểu hiện dân chủ cực đoan, tự do, vô kỷ luật cũng không ít. Tệ bè cánh mất đoàn kết ở một số cấp ủy và cơ quan lãnh đạo rất nghiêm trọng... Vẫn còn tình trạng "ô dù" bao che lẫn nhau làm cho việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước không

nghiêm, còn "nhẹ trên, nặng dưới" để các hiện tượng tiêu cực lây lan, gây thắc mắc bất bình trong Đảng và trong nhân dân.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 (khoá VII) tháng 6 năm 1992 lại chỉ rõ thêm: do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ yếu là sự tác động của nền kinh tế thị trường, tình hình trong Đảng vẫn còn tồn tại nhiều khuyết điểm nghiêm trọng, "một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin, trong đó một số chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại, muốn đưa đất nước đi theo con đường khác, không ít cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hóa hư hỏng. Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, ăn chơi vung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài. Những hiện tượng đó gây tác hại lớn, làm tổn hại thanh danh uy tín của Đảng".

Từ những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh, căn cứ vào tình hình đất nước và thực trạng Đảng, thâu thái những kết quả nghiên cứu và ý kiến của nhiều tầng lớp nhân dân, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nhiều lần phân tích sâu sắc những khuyết điểm của Đảng trong quan hệ với nhân dân khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền. Và đồng chí Tổng Bí thư đã chỉ ra phương hướng, biện pháp nhằm khắc phục sai lầm, khuyết điểm để tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Khi có chính quyền, Đảng có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân, thông qua hoạt động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thông qua bộ máy nhà nước và nhiều tổ chức khác nhau trong hệ thống chính trị. Song bên cạnh mặt thuận lợi đó, cũng xuất hiện nguy cơ lớn là Đảng cầm quyền bị quan liêu hóa, từ việc đề ra chủ trương, chính sách không hợp quy luật, không hợp lòng dân, phương pháp công tác xa rời quần chúng đến tình trạng tha hóa trong lối sống của một bộ phận cán bộ. Toàn Đảng ta phải đấu tranh loại trừ nguy cơ đó, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, củng cố, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

Đảng và Nhà nước phải chăm lo hoàn thiện các chính sách kinh tế - xã hội, lấy việc phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh làm mục tiêu cao nhất, kết hợp đúng đắn chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với cải thiện đời sống nhân dân, đẩy mạnh sản xuất đi đôi với phân phối công bằng, đẩy lùi bất công xã hội. Trước mắt, phải cố gắng giải quyết những khó khăn về việc làm, tiền lương và đời sống của người lao động, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, chăm sóc cuộc sống của

những người về hưu, thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, với đất nước, những người già cả, tàn tật, neo đơn và trẻ em không nơi nương tựa... Kết hợp động lực tinh thần với lợi ích vật chất để đẩy mạnh phong trào quần chúng thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội và mọi nhiệm vụ chính trị.

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội có những biến động mới cần được tiến hành điều tra, nghiên cứu, phân tích một cách khoa học để từ đó có chính sách phù hợp.

Các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền phải mở rộng dân chủ, xây dựng và phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Quyền làm chủ phải được thể chế hóa thành pháp luật, chính sách. Đồng thời phải nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật cho nhân dân. Bảo đảm dân chủ đầy đủ đối với nhân dân, đồng thời đấu tranh chống những phần tử xấu, lợi dụng dân chủ gây tổn hại đến lợi ích chung.

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" phải được xây dựng thành những quy chế cụ thể, nhất là về sản xuất và phân phối ở cơ sở. Tổ chức để nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến xây dựng pháp luật và những chính sách có quan hệ đến đông đảo nhân dân cũng như góp ý kiến phê bình các cơ quan và nhân viên nhà nước về đạo đức, tác phong làm việc. Mở rộng tiếp xúc, đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo, đại diện cơ quan nhà nước với nhân dân. Đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của dân phải được cơ quan có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời nhanh chóng. Phải chỉnh đốn các cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm minh những cán bộ lợi dụng chức quyền, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, ức hiếp nhân dân.

Mọi đảng viên đều phải được phân công làm công tác vận động nhân dân. Chi bộ và đảng viên phải chịu sự kiểm tra giám sát của nhân dân; nghiêm chỉnh chấp hành chế độ để nhân dân nhận xét, đánh giá đảng viên, biểu dương đảng viên tốt, kiến nghị xử lý đảng viên không đủ tư cách, lấy ý kiến nhân dân trong việc kết nạp đảng viên mới.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động của các đoàn thể, chăm lo lợi ích thiết thực của nhân dân gắn với tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mở rộng nhiều hình thức tổ chức xã hội đa dạng, phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp, sở thích của mỗi lớp người để tập hợp được nhân dân một cách rộng rãi.

Tinh thần cơ bản của những nhận định, đánh giá và các giải pháp trong văn kiện của Đảng nhằm tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với dân

vừa là sự thể hiện những kết quả nghiên cứu khoa học, vừa có ý nghĩa chỉ dẫn cho việc tiếp tục nghiên cứu, đề ra các chủ trương, biện pháp có tính khả thi trong việc đưa đường lối dân vận của Đảng vào cuộc sống.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Bước vào công cuộc đổi mới, Đảng ta đã tự đặt yêu cầu phải thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn Đảng để Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị có chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Đảng chỉ rõ: "Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện ở việc Đảng đề ra đường lối, chủ trương và các chính sách lớn định hướng cho sự phát triển trong từng thời kỳ; lãnh đạo Nhà nước định ra và thực thi Hiến pháp, pháp luật; xây dựng bộ máy tinh gọn và đội ngũ cán bộ có phẩm chất, trí tuệ và năng lực; kiểm tra việc quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước làm tham mưu cho Đảng; phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát và bảo vệ Nhà nước".

Điều kiện quyết định để tăng cường Nhà nước, nâng cao hiệu lực của Nhà nước là bảo đảm tốt sự lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng, kiện toàn, sử dụng và phát huy Nhà nước như là một công cụ sắc bén nhất để tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Mặt khác, Nhà nước vững mạnh, hoạt động có hiệu lực là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội. Vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước được nâng cao là dấu hiệu quan trọng nhất nói lên trình độ và năng lực tổ chức của Đảng. Đó cũng là một yêu cầu mới về nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, mọi khuynh hướng coi nhẹ sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước đều là sai lầm, làm giảm hiệu lực của Nhà nước, thực tế là hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng; hoặc tách rời sự hoạt động của cấp ủy đảng với hoạt động của cơ quan chính quyền Nhà nước "thực chất là tách rời việc quyết định chủ trương, chính sách với việc tổ chức thực hiện"[1].

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, M. 1977, tr. 150.

Đảng lãnh đạo Nhà nước không có nghĩa là bao biện, làm thay các cơ quan Nhà nước, trái lại phải tăng cường và nâng cao hiệu lực của Nhà nước. Nhà nước ngày càng vững mạnh, hoạt động có hiệu lực là điều kiện đầu tiên bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ do Đảng đề ra, là một biện pháp cơ bản để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội.

Để đảm bảo vai trò và hiệu lực của Nhà nước trong sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải khắc phục tình trạng lẫn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước "bằng pháp luật, theo pháp luật". Đồng thời, phải khắc phục tình trạng tổ chức đảng bao biện công việc của cơ quan nhà nước, làm giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước, về thực tế là hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Ngược lại cũng có khuynh hướng coi nhẹ vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, coi tổ chức đảng chỉ như một cơ quan tuyên truyền, động viên, không có tác dụng lãnh đạo thực sự, cần phải khắc phục để bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; chống lối phân công máy móc, tách rời hoạt động của cấp ủy đảng với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Muốn khắc phục có hiệu quả những khuynh hướng sai lầm nói trên, cần tìm ra *nguyên nhân* cụ thể của nó.

Khuynh hướng bao biện có nhiều nguyên nhân. Có thể là do quan liêu sai lầm cho rằng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là các tổ chức đảng nắm chặt, trực tiếp quyết định hết thảy mọi công việc của cơ quan chính quyền nhà nước, chính quyền nhà nước chỉ đóng vai trò thụ động, lẫn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý trực tiếp của chính quyền. Cũng có thể là do không nắm được phương pháp lãnh đạo của Đảng, hoặc do trình độ lãnh đạo, tổ chức kém, không biết phối hợp, sử dụng và phát huy vai trò, hiệu lực của các tổ chức chính quyền, chỉ nhìn thấy những việc sự vụ, cụ thể, không đủ sức giải quyết những vấn đề lớn, không bao quát được các mặt công tác của cơ quan chính quyền. Cũng có thể là do tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, muốn có nhiều quyền hành, muốn trực tiếp chi phối công việc của chính quyền để tỏ ra mình là "người lãnh đạo". Sau nữa, về phía người thủ trưởng cơ quan chính quyền có thể là do thiếu tinh thần trách nhiệm, không đi sâu vào công việc mình phụ trách, hoặc thiếu năng lực quyết đoán, ỷ lại vào cấp ủy đảng cũng dẫn đến tình trạng bao biện.

Khuynh hướng coi nhẹ sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền nhà nước cũng có nhiều nguyên nhân: có thể là do nhận thức không đúng của

một số đồng chí cấp ủy đảng cho rằng, Đảng và cấp ủy đảng chỉ nên dừng lại ở những vấn đề chung, kêu gọi động viên chung, chứ không nên đi vào chỉ đạo tổ chức thực hiện các mặt hoạt động của chính quyền nhà nước. Hoặc có những trường hợp do tư tưởng cá nhân chủ nghĩa của người phụ trách tự cho mình là người có quyền hành; không chịu đặt mình dưới sự lãnh đạo của tập thể cấp ủy đảng.

Vì vậy, phải tìm rõ nguyên nhân cụ thể, thì mới có thể khắc phục có hiệu quả những khuynh hướng sai lầm nói trên. Song, nói chung lại để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, tăng cường và nâng cao vai trò, hiệu lực của Nhà nước, chúng ta phải phấn đấu trên nhiều mặt: giáo dục sâu sắc quan điểm của Đảng ta về vấn đề này cho cán bộ, đảng viên hoạt động trong các tổ chức đảng và các cơ quan chính quyền nhà nước, nâng cao trình độ nhận thức tư tưởng và năng lực công tác. Nhưng mặt quan trọng khác có ý nghĩa quyết định là phải kiện toàn các tổ chức đảng, các cấp ủy đảng, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ về mọi mặt của các cán bộ lãnh đạo của Đảng. Cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng, của các cấp ủy đảng để bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng và phát huy được hiệu lực của cơ quan chính quyền nhà nước.

5. Xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch, gắn bó với quần chúng, chống quan liêu, tham nhũng.

a) Chống quan liêu, xa rời quần chúng.

Chủ nghĩa quan liêu là con đẻ vốn có của các chế độ thống trị bóc lột. Lênin đã chỉ rõ những đặc trưng của chủ nghĩa quan liêu: "... Những người quan liêu là những nhân vật có đặc quyền, thoát ly quần chúng và đứng trên quần chúng. Chủ nghĩa quan liêu tức là đem lợi của sự nghiệp phục tùng lợi ích của tư tưởng thăng quan tiến chức, tức là hết sức chú trọng vào địa vị an nhàn hưởng lợi mà không biết đến công tác, tức là tranh giành nhau để được bổ tuyển". Và Lênin cũng đã nói thứ chủ nghĩa quan liêu như thế là trái với bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa và "Thật là hoàn toàn không đáng mong muốn đối với Đảng mà lại còn có hại cho Đảng nữa"[1].

Tuy nhiên, chủ nghĩa quan liêu nói trên có thể tồn tại lâu dài sau khi chế độ thống trị bóc lột đã bị lật đổ và gây ảnh hưởng khá sâu trong các cơ quan Đảng và Nhà nước. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền tiến

1. V.I. Lênin: *Tuyển tập*, quyển 1, phần I, Nxb Sự thật, H. 1958, tr. 164.

hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, nếu cán bộ, đảng viên không chú ý tu dưỡng rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng và trình độ năng lực công tác, thì rất có thể sa vào tệ quan liêu một cách không tự giác. Đảng ta là Đảng cầm quyền, được nhân dân lao động hết lòng ủng hộ, điều đó làm cho Đảng có sức mạnh và uy tín lớn, nhưng cũng làm cho một số cán bộ, đảng viên của Đảng dễ nảy sinh tính tự cao tự đại, quan liêu, xa rời quần chúng.

Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh đối với một Đảng cầm quyền: "Một nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất là sự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng, nguy cơ nhìn thấy đội tiên phong chạy quá nhanh mà không giữ liên hệ chặt chẽ với tất cả đội quân lao động, nghĩa là với đại đa số quần chúng công nhân và nông dân"[1].

Chủ nghĩa quan liêu ở nước ta hiện nay biểu hiện dưới nhiều hình thức như: Coi thường quần chúng, không tôn trọng quyền làm chủ của họ, xa thực tế, xa quần chúng, không nắm chắc tình hình của cơ sở, quan liêu trong tổ chức bộ máy, cồng kềnh, nặng giấy tờ, hình thức... và đi đến với tệ quan liêu và thói cửa quyền, mệnh lệnh, tham nhũng, lãng phí đang tồn tại và phát triển. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng, đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi nơi, không đào sâu vấn đề, chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn. Nói tóm lại, vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu, thành thử có mất mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững, kết quả là những người xấu tha hồ tham ô, lãng phí"[2].

Sở dĩ có những biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu nói trên, là do nhiều nguyên nhân.

Nguồn gốc sâu xa của chủ nghĩa quan liêu, như Lênin đã chỉ rõ: "... Đó là tình trạng riêng rẽ, tình trạng phân tán của những người sản xuất nhỏ, cảnh khốn cùng của họ, tình trạng dốt nát của họ, tình trạng không có đường sá, tình trạng thiếu sự liên hệ tác động qua lại giữa công nghiệp và nông nghiệp. Điều đó phần lớn là hậu quả của nội chiến"[3].

---

1. V.I. Lênin: *Tuyển tập*, tập 2, phần II, Sđd, tr. 57-60.

2. Hồ Chí Minh: *Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, H. 1960, tr. 465.

3. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t. 43, tr. 227.

Ở nước ta, nguồn gốc sâu xa của chủ nghĩa quan liêu không những là ở tình trạng nền sản xuất nhỏ mà còn do chịu ảnh hưởng của những tàn dư, tập tục phong kiến và tư sản. Song, nguyên nhân trực tiếp là do *chủ nghĩa cá nhân, do thiếu tinh thần trách nhiệm, do trình độ tổ chức và quản lý* của một số cán bộ, đảng viên gây ra. Có một số người khi có chức, có quyền thì coi thường quần chúng, cho mình là người "đứng trên", người "ban ơn" cho quần chúng, chứ không phải là người phục vụ, người đầy tớ trung thành của quần chúng, không quan tâm đến nguyện vọng và lợi ích của quần chúng; hoặc do vì thiếu tinh thần trách nhiệm, thích an nhàn, không chịu đi vào những chỗ khó khăn, công việc nặng nhọc, xen vào đó lại có tư tưởng cá nhân, thổi phồng thành tích, che giấu khuyết điểm, báo cáo không đúng sự thật, lừa dối cấp trên; cũng có người do trình độ năng lực kém so với yêu cầu công tác mà sa vào tệ quan liêu. Do trình độ nhận thức sai, không nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc, chế độ quản lý của Nhà nước, không am hiểu quản lý, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, không biết cách tổ chức thực hiện, hoặc do tác phong công tác qua loa, đại khái, hời hợt, không chịu đi sâu nghiên cứu tình hình thực tiễn tổ chức cụ thể, không kiểm tra sâu sát nên đề ra chủ trương, biện pháp công tác một cách tuỳ tiện, không thích hợp, thậm chí sai lầm, gây tác hại cho lợi ích của cách mạng và lợi ích của quần chúng. Mặt khác, còn do phô trương hình thức, tổ chức bộ máy cồng kềnh, nhiều tầng, nhiều nấc, chức năng, nhiệm vụ, chế độ trách nhiệm không rõ ràng... là nguyên nhân quan trọng làm phát sinh chủ nghĩa quan liêu.

Chủ nghĩa quan liêu gắn liền với mệnh lệnh, cửa quyền, con đẻ của quan điểm coi thường quần chúng, muốn dễ mình, khó cho người khác, nó đều trái với lý tưởng của Đảng, trái với phẩm chất cách mạng và nhất định sẽ dẫn tới những vấp váp, những thất bại trong công tác.

Tác hại của tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền rất lớn, nó khiến cho ta hỏng việc, xa dân, nó làm cho cơ quan Đảng và Nhà nước không nắm chắc được tình hình thực tế, không hiểu được nguyện vọng của quần chúng, không phát huy được năng lực, trí tuệ của quần chúng, dẫn đến những quyết định chủ trương không sát, thậm chí sai lầm, xâm phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, làm cho tổ chức đảng, bộ máy nhà nước và các tổ chức quần chúng trì trệ, làm tổn thương đến mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng, làm suy yếu sức mạnh của chuyên chính vô sản.

Vì vậy, để tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, chúng ta phải tiến hành một cách toàn diện, thường xuyên với nhiều biện pháp tích cực.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên phải hướng vào việc nêu cao phẩm chất cách mạng, nêu cao ý thức phục vụ nhân dân vô điều kiện, thật sự tôn trọng và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, rèn luyện phong cách làm việc cách mạng và khoa học, thiết thực, cụ thể, đi sâu, sát cơ sở và quần chúng, nâng cao kiến thức khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện; kết hợp việc giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực với việc rèn luyện trong thực tiễn cho cán bộ, đảng viên. Song điều rất quan trọng là phải tăng cường *biện pháp tổ chức, bằng cơ cấu và chế độ tổ chức, chế độ quản lý và đẩy mạnh việc kiểm tra thực hiện*, để loại trừ bằng được tệ quan liêu, của quyền, tham nhũng trong một số cán bộ, đảng viên thoái hóa về phẩm chất, làm trong sạch đội ngũ cán bộ của Đảng và các quan chức nhà nước, các đoàn thể quần chúng.

Việc khắc phục tệ quan liêu trong tổ chức bộ máy của ta là một quá trình và phải *bằng công tác tổ chức, kiểm tra mọi nguyên tắc tổ chức, cơ cấu tổ chức, chế độ quản lý* làm cho nó luôn luôn thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời kỳ. Song, vấn đề cấp bách trước mắt là phải kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu trong tổ chức bộ máy: "nặng nề, cồng kềnh, lắm tầng nấc", trong cách làm việc nặng giấy tờ, hội họp quá nhiều, ít điều tra nghiên cứu thực tế, thiếu tổng kết kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, giải quyết công việc chậm chạp, phô trương, hình thức gây ra tốn kém, lãng phí, tham nhũng.

Cùng với việc khắc phục tệ quan liêu trong tổ chức bộ máy, Đảng ta đã chỉ rõ: *"Phải sửa đổi phong cách làm việc đi sâu, đi sát thực tế"* và "chấm dứt chế độ làm việc theo lối hành chính quan liêu, giấy tờ, hội họp quá nhiều, ít điều tra nghiên cứu thực tế, thiếu tổng kết kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng". Một biện pháp quan trọng là phải nghiêm túc thực hiện chế độ bắt buộc cán bộ ở mỗi cương vị công tác, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý, thường xuyên đi sát cấp dưới và cơ sở để tìm hiểu tình hình, lắng nghe ý kiến của quần chúng, của cấp dưới và cơ sở, nghiên cứu và tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, của địa phương và cơ sở. Mặt khác, cần tổ chức tốt *hệ thống thông tin khoa học*, chế độ báo cáo

thường xuyên của các cơ quan của Đảng và của Nhà nước từ trên xuống và từ dưới lên để cơ quan lãnh đạo và quản lý có thể kịp thời nắm chắc, theo dõi chặt chẽ và phân tích tình hình được chính xác.

Một trong những biện pháp quan trọng là *tổ chức tới việc thu nhận và nghiên cứu giải quyết nhanh chóng những thư từ góp ý phê bình, những đơn tố cáo của quần chúng.*

Một biện pháp quan trọng nữa là *phải tăng cường công tác kiểm tra.* Kiểm tra, thanh tra là nhiệm vụ thường xuyên cực kỳ quan trọng của các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng; là một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện. Kiểm tra phải thành *một cơ chế* buộc từng tổ chức, từng cán bộ, từng người dân tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, chế độ, thể lệ, làm tốt từng công việc, từng sản phẩm đúng tiêu chuẩn số lượng và chất lượng đã quy định. Công tác kiểm tra phải kết hợp từ trên xuống và từ dưới lên, phải "kết hợp chặt chẽ kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và kiểm tra của quần chúng, kiểm tra phải đi tới kết luận rõ ràng và xử lý đúng đắn"[1].

Qua kiểm tra, thanh tra và đã có kết luận rõ ràng, chính xác, cần phải được xử lý nghiêm túc và kịp thời. "Cần đưa công khai trên báo, đài, hoặc qua các cuộc sinh hoạt của các tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng một số cán bộ, đảng viên, nhân viên, kể cả cán bộ cao cấp mắc sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất, tham nhũng, làm trái luật pháp của Nhà nước. Điều đó chỉ làm tăng lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng. Cần khắc phục thiên vị cá nhân, "hữu khuynh" để tình trạng kéo dài, không xử lý nghiêm minh và kịp thời đối với những người vi phạm luật pháp của Nhà nước; gây tác hại cho việc coi thường kỷ luật của Đảng và luật pháp của Nhà nước.

Chống quan liêu, xa rời quần chúng là một quá trình đấu tranh lâu dài và phức tạp. Muốn bài trừ tận gốc chủ nghĩa quan liêu, như Lênin đã nói: "Chỉ khi nào xây dựng được nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao không ngừng đời sống vật chất và văn hóa, nâng cao năng lực làm chủ tập thể của nhân dân lao động, khiến họ có khả năng kiểm sát được bộ máy nhà nước từ dưới lên bằng lực lượng của chính họ, tức là "khi nào toàn thể nhân dân đều tham gia quản lý nước nhà", do đó khiến không một ai có thể biến thành quan liêu được".

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 138.

b) Kiên quyết đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

Tệ nạn tham nhũng đã gây nhiều tác hại cho ngân sách nhà nước, gây nhiều hậu quả tai hại và trực tiếp cản trở sự phát triển của đất nước. Chống tham nhũng, trừng trị các tội tham nhũng, hối lộ là một vấn đề bức xúc; song việc làm thế nào để ngăn chặn, đề phòng tệ nạn tham nhũng, hối lộ, cũng là một vấn đề phức tạp và lâu dài. Phải bằng nhiều biện pháp, thể chế, bằng công tác giáo dục chính trị tư tưởng thường xuyên nâng cao phẩm chất cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Song, muốn ngăn chặn tệ nạn tham nhũng, hối lộ đòi hỏi phải khắc phục những nguyên nhân sâu xa, trước hết là do những sơ hở về thể chế, về các thủ tục, nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, chế độ cấp kinh phí, chi tiêu, trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp, kể cả lĩnh vực nghiên cứu khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, khoa học nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Cùng các chế độ kiểm tra, thanh tra, chế độ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan phụ trách và người trực tiếp quản lý tài chính vật tư của Nhà nước, của các cơ quan sản xuất, kinh doanh, v.v... Tìm ra được nguyên nhân của những sơ hở đó để bổ sung, hoàn chỉnh các thể chế, quy chế, thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc. Đồng thời cũng phải rà soát lại vấn đề tổ chức bộ máy và cán bộ, đảng viên. Những phần tử thoái hóa biến chất phải kiên quyết loại trừ làm trong sạch đội ngũ công chức. Tuyển dụng, đề bạt cán bộ cũng phải chấp hành đúng nguyên tắc, thủ tục, phải kiểm tra, xem xét kỹ, tránh cảm tình cá nhân, nể nang, vụ lợi...

Đấu tranh chống và ngăn chặn tệ nạn tham nhũng, hối lộ là một cuộc đấu tranh lâu dài và phức tạp. Song, phải tiến hành một cách kiên quyết và thường xuyên với nhiều biện pháp hữu hiệu thì mới có thể ngăn chặn được tệ nạn này.

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh, trong sạch.

Trong công tác cán bộ, Đảng ta đã chỉ rõ: cần coi trọng cả ba mặt: bồi dưỡng, bố trí đúng để phát huy lực lượng cán bộ hiện có và kịp thời thay những cán bộ kém năng lực, những cán bộ thoái hóa, biến chất, tham nhũng, hối lộ, những cán bộ có quan điểm tư tưởng chính trị lệch lạc..., vi phạm kỷ luật của Đảng và luật pháp của Nhà nước phải kịp thời xử lý nghiêm minh. Xây dựng cơ chế phát hiện, đề bạt và bãi miễn cán bộ, nhất

là những cán bộ thoái hóa biến chất, tham nhũng, hối lộ. Phải tiến hành bằng nhiều biện pháp xử lý kiên quyết và kịp thời theo đúng luật pháp của Nhà nước đã quy định.

Thực hiện nghiêm túc các chế độ sinh hoạt của cơ quan, đơn vị. Và qua sinh hoạt cơ quan, họp giao ban hàng tuần, sơ kết, tổng kết công tác hàng tháng, hàng quý của các cấp lãnh đạo Ban, Bộ, Cục, Vụ, Viện, Tổng đánh giá công tác chung, phải thường xuyên kiểm điểm việc thực hiện các chế độ quản lý, chi tiêu về tài chính, vật tư. Qua đó có gì sơ hở, thực hiện thiếu chặt chẽ phải kịp thời khắc phục, sửa chữa. Nếu trong cán bộ, đảng viên có những biểu hiện gì sa sút về phẩm chất, tham nhũng, hối lộ..., quần chúng đã có dư luận nhưng chưa được phát hiện rõ, phải kịp thời xem xét, kiểm tra để có kết luận rõ, chính xác, để lấy đó mà giáo dục rèn luyện cán bộ, đảng viên và kịp thời ngăn chặn tệ nạn tham nhũng, hối lộ...

Trong công tác đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, làm trong sạch đội ngũ đảng viên, phải tiến hành bằng nhiều biện pháp hữu hiệu:

- Trong công tác tư tưởng: Phải dựa trên đường lối chính sách đúng đắn của Đảng ta, tăng cường và đổi mới nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng, lý luận phục vụ tốt yêu cầu nâng cao trình độ trí tuệ trong Đảng, xây dựng lập trường giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên, củng cố sự thống nhất về tư tưởng trong Đảng. Giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, đi đôi với việc ra sức nâng cao kiến thức, năng lực của cán bộ, đảng viên, tương ứng với đòi hỏi của nhiệm vụ chính trị của Đảng ta đã vạch ra hiện nay.

- Việc kết nạp đảng viên nhất thiết phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn. Nâng cao chất lượng đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách, tiêu chuẩn ra khỏi Đảng, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Căn cứ vào tiêu chuẩn đảng viên trong giai đoạn cách mạng hiện nay đã ghi trong Điều lệ Đảng (sửa đổi); qua các cuộc sinh hoạt đảng, qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình, buộc mọi đảng viên phải ra sức rèn luyện, học tập để có đủ phẩm chất, kiến thức và năng lực phù hợp với nhiệm vụ được giao, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, trong lao động, trong lối sống, trong cách làm việc. Kịp thời khai trừ ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất về chính trị và đạo đức, gây chia rẽ bè phái, tham nhũng, hối lộ, ức hiếp quần chúng...

Tóm lại, phải bằng nhiều biện pháp hữu hiệu mới có thể xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên tốt, loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất, tham nhũng ra khỏi Đảng, làm trong sạch Đảng. Đó là một trong những nội dung rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng, góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, để Đảng vươn lên ngang tầm với công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Trên đây là một số vấn đề lớn về sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng theo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính do Đảng ta luôn luôn chăm lo xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo những chỉ dẫn của Mác - Lênin và đặc biệt là của Hồ Chí Minh mà từ khi ra đời cho đến nay, trải qua bao nhiêu khó khăn, thử thách, Đảng ta đã luôn xứng đáng là bộ tham mưu của giai cấp, của dân tộc, hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo nhân ta đấu tranh vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Những luận điểm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, về xây dựng Đảng vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ở nước ta. Tuân theo lời dạy của Bác, chúng ta quyết tâm xây dựng Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh, mãi mãi xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, "quyết tâm phấn đấu vươn lên, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội"[1].

---

1. Lê Khả Phiêu: *Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, vững bước tiến vào thế kỷ XXI,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 1998, tr. 19-20.

Phần thứ tư

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ MỚI

I.
QUAN ĐIỂM CỦA MÁC - LÊNIN, HỒ CHÍ MINH VÀ CỦA ĐẢNG TA VỀ TIÊU CHUẨN NGƯỜI ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN

1. Quan điểm của Mác - Lênin về người đảng viên cộng sản.

a) Quan điểm của Mác và Ăngghen

Mác và Ăngghen đã khẳng định, để lật đổ giai cấp tư sản và xã hội tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản, giai cấp vô sản nhất thiết phải thành lập chính đảng của mình. Hai ông đã đưa ra những quan điểm, nguyên lý xây dựng chính đảng cách mạng của giai cấp vô sản và trực tiếp thể hiện các quan điểm đó trong quá trình xây dựng và lãnh đạo hoạt động của "Liên đoàn những người cộng sản" - chính đảng cách mạng đầu tiên trên thế giới của giai cấp vô sản, trong đó bộ phận rất quan trọng là những quan điểm cơ bản về người đảng viên cộng sản.

- *Về tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản,* trong Điều 2, chương I *Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản,* Mác viết:

"Điều kiện làm hội viên là:

a) lối sống và hoạt động phù hợp với mục đích của Liên đoàn;

b) nghị lực cách mạng và lòng nhiệt thành trong công tác tuyên truyền;

c) thừa nhận chủ nghĩa cộng sản;

d) không tham gia vào mọi tổ chức - chính trị hoặc tổ chức dân tộc - chống cộng sản, và có nghĩa vụ báo cáo với cơ quan lãnh đạo hữu quan về việc mình tham gia vào một tổ chức nào đó;

e) phục tùng các nghị quyết của Liên đoàn;

đ) giữ bí mật mọi công việc của Liên đoàn;

g) được một chi bộ nhất trí kết nạp.

Ai không còn đủ những điều kiện ấy sẽ bị khai trừ"[1].

Đó là những đòi hỏi nghiêm ngặt đối với người đảng viên về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực hoạt động thực tiễn, ý thức tổ chức kỷ luật trong điều kiện Đảng hoạt động bí mật, lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.

Đảng viên *trước tiên phải giác ngộ lý tưởng cộng sản,* thể hiện ở giác ngộ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, thừa nhận chủ nghĩa cộng sản; ở thái độ dứt khoát, kiên quyết đấu tranh với các tổ chức chính trị hoặc dân tộc chống cộng sản; có phẩm chất đạo đức, lối sống và mọi hoạt động phù hợp với mục đích của Đảng và nhằm thực hiện mục đích đó.

Người cộng sản không chỉ giác ngộ lý tưởng cộng sản, mà còn phải *có lòng nhiệt thành cách mạng.* Trong điều kiện đấu tranh chống tư bản, giành chính quyền, những điều đó được thể hiện ở năng lực tổ chức, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục quần chúng, trước hết là quần chúng công nhân, tán thành và hăng hái thực hiện mục tiêu của Đảng. Người cộng sản hoạt động không chỉ nhằm giải phóng giai cấp vô sản, mà còn nhằm giải phóng toàn thể quần chúng lao động khỏi ách áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản. Vì thế, người cộng sản phải *gắn bó mật thiết với quần chúng,* được quần chúng tin cậy, che chở, đùm bọc; qua đó mà vận động, tổ chức quần chúng thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Đòi hỏi nghiêm ngặt đối với người cộng sản là *ý thức tổ chức kỷ luật cao,* thể hiện ở sự phục tùng các nghị quyết của Đảng; giữ gìn bí mật mọi công việc của Đảng; không được tham gia vào bất kỳ tổ chức chính trị hoặc dân tộc chống cộng nào; báo cáo với tổ chức đảng về việc tham gia của mình vào một tổ chức xã hội nào đó.

Qua thực tiễn hoạt động của Hội Liên hiệp công nhân quốc tế (Quốc tế I) và Công xã Pari, Mác và Ăngghen đã phát triển, hoàn thiện và khái quát những đặc trưng cơ bản về hình mẫu, tiêu chuẩn người cộng sản bao gồm: sự sáng suốt về trí tuệ, sự kiên định lý tưởng cộng sản, phẩm chất đạo đức, sự tận tụy với mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng, vai trò tiên phong gương mẫu trong hành động... Theo hai ông, những người cộng sản "là những đầu óc tích cực nhất, sáng suốt nhất và cương quyết nhất... Đó là những nhân vật vô cùng trung thực, chân thực, thông minh, tận tụy, trong sạch và cuồng tín,

---

1. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 732-733.

hiểu theo nghĩa *tốt nhất* của chữ đó"[1]. Đó là những người "dù cuộc đấu tranh giai cấp biểu hiện ra ở đâu và trong điều kiện nào, dù cuộc đấu tranh đó mang hình thức nào, đương nhiên là các hội viên của Hội liên hiệp chúng ta cũng đều đứng ở hàng đầu"[2].

Về sự khác nhau giữa đảng viên cộng sản với quần chúng vô sản.

Mác và Ăngghen cho rằng người cộng sản khác những người vô sản ở hai điểm: "Về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên; về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản"[3]. Như vậy, *tiên phong về lý luận và tiên phong trong hoạt động thực tiễn* là những điểm khác biệt căn bản giữa những đảng viên cộng sản với quần chúng. Tiên phong về lý luận là điểm trội của những đảng viên cộng sản so với quần chúng. Lý luận nói ở đây là học thuyết dựa trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, cho phép họ nhận thức được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, hiểu rõ điều kiện, tiến trình đấu tranh cách mạng, có khả năng vạch ra cương lĩnh hành động và hành động một cách tự giác, sáng tạo, chứ không phải tự phát, mù quáng.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác và Ăngghen đã khẳng định sự giống nhau và đưa ra tiêu chí phân biệt sự khác nhau giữa đảng viên cộng sản với đảng viên của các đảng công nhân khác:

"Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác.

Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản.

Họ không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt nhằm khuôn phong trào vô sản theo những nguyên tắc ấy.

Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: *Một là,* trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; *hai là,* trong các giai đoạn

---

1, 2. Sđd, tập 17, tr. 481.

3. Sđd, tập 4, tr. 614-615.

khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào"[1].

Ở đây, các ông đặc biệt chú ý phân tích sự khác biệt giữa đảng viên đảng cộng sản với đảng viên các đảng công nhân (chưa phải là đảng cộng sản). Theo Mác và Ăngghen, sự khác nhau căn bản giữa đảng viên cộng sản với đảng viên của các đảng công nhân khác chính là ở chỗ: lợi ích của người cộng sản hoàn toàn thống nhất với lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản, còn với các đảng công nhân khác thì có thể chỉ thống nhất trên một số mặt hoặc chỉ thống nhất trong một thời gian nhất định. Trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng ở từng dân tộc, đảng viên cộng sản là người có quan điểm đúng đắn để giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân, đặc biệt coi trọng và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân.

Trong từng giai đoạn đấu tranh cách mạng, đảng viên cộng sản luôn luôn đặt lên hàng đầu mục tiêu vì sự phát triển, thắng lợi của toàn bộ phong trào vô sản và luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào vô sản, không vì lợi ích cục bộ mà hy sinh lợi ích chung của phong trào vô sản.

Khi bàn về vấn đề những người xuất thân từ các thành phần không vô sản gia nhập Đảng, trong cơ cấu xã hội đa dạng của các nước tư bản hồi bấy giờ, Mác và Ăngghen đặc biệt coi trọng việc kết nạp vào Đảng những công nhân tiên tiến và những người lao động gần gũi với giai cấp công nhân, tiếp thu quan điểm của giai cấp công nhân. Song, hai ông cũng không cứng nhắc, không sa vào chủ nghĩa thành phần, mà giải quyết một cách khoa học vấn đề những người xuất thân từ các thành phần không vô sản gia nhập Đảng; đương nhiên, những người này phải đảm bảo những điều kiện nhất định. Các ông viết: "Nếu những người thuộc loại đó, xuất thân từ các giai cấp khác, gia nhập phong trào vô sản, thì điều kiện đầu tiên là họ không được mang theo họ bất cứ một tàn tích của thiên kiến tư sản, tiểu tư sản, v.v... nào, mà phải toàn tâm toàn ý tiếp thu quan điểm vô sản"[2]. Họ phải "lột xác", "đoạn tuyệt" với thành phần giai cấp mà họ xuất thân, chấp nhận và tiếp thu hệ tư tưởng, thế giới quan của giai cấp công nhân, suốt đời phấn đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân. Đó là đòi hỏi trước tiên và cốt yếu nhất đối với họ khi gia nhập đảng cộng sản.

---

1. Sđd, tập 4, tr. 614.

2. Sđd, tập 19, tr. 254.

Như vậy, trong điều kiện cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản mới ở giai đoạn đầu, đang chuyển từ tự phát lên tự giác và các đảng cộng sản mới thành lập, trong đó nhiều đảng được tách ra từ các đảng công nhân, đảng dân chủ..., Mác và Ăngghen đã nhấn mạnh những đặc trưng của người cộng sản: tán thành và giác ngộ chủ nghĩa cộng sản; có tính tổ chức kỷ luật đảng nghiêm ngặt; đi tiên phong trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản và nhà nước tư sản; liên hệ mật thiết với giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác. Do những giới hạn của lịch sử, các ông chưa thể bàn sâu hơn về những yêu cầu khác trong tư cách, tiêu chuẩn của người cộng sản.

Tuy vậy, những chỉ dẫn của Mác và Ăngghen đã đặt nền móng cơ bản cho việc xác định tư cách của người cộng sản chân chính.

b) Quan điểm của Lênin.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã lớn mạnh về số lượng và chất lượng, cách mạng vô sản đã trở thành nhiệm vụ trực tiếp của các đảng cộng sản và giai cấp công nhân. Vấn đề cấp bách đặt ra là phải nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các đảng cộng sản để các đảng này đủ sức gánh vác nhiệm vụ lịch sử lãnh đạo cách mạng vô sản mỗi nước giành lấy chính quyền về tay giai cấp vô sản. Trong khi đó, nhiều lãnh tụ của Quốc tế II và của các đảng dân chủ - xã hội ở Tây Âu đã xét lại chủ nghĩa Mác, lũng đoạn và biến Quốc tế II và nhiều đảng dân chủ - xã hội lớn thành các đảng cải lương. Trước thực tế đó, Lênin đã đấu tranh quyết liệt với các trào lưu cơ hội, phản động, bảo vệ và phát triển những quan điểm, nguyên lý của Mác và Ăngghen về đảng cộng sản, xây dựng nên học thuyết khoa học về chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Trong đó, những quan điểm của Người về tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

- Về tư cách người đảng viên cộng sản.

Quan niệm của Lênin về tư cách người đảng viên cộng sản được thể hiện cô đọng và sâu sắc trong chương I Điều lệ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga: "Tất cả những người nào thừa nhận cương lĩnh của Đảng và ủng hộ Đảng bằng những phương tiện vật chất cũng như bằng cách tự mình tham gia một trong những tổ chức của Đảng, thì được coi là đảng viên của Đảng"[1].

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 8, Nxb Tiến bộ, M. 1979, tr. 268.

Trái với quan điểm của Lênin, những người cơ hội - đứng đầu là L.Mácтốp đã đưa ra quan điểm phản động về hình mẫu, tư cách người đảng viên cộng sản: "Tất cả những người nào thừa nhận cương lĩnh của Đảng, hoạt động tích cực để thực hiện các nhiệm vụ của Đảng dưới sự kiểm soát và chỉ đạo của các cơ quan của Đảng, thì đều được coi là đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga"[1]. Thực chất quan điểm này là nhằm biến Đảng thành một tổ chức không có hình thù rõ rệt, rời rạc, lỏng lẻo, không có sức mạnh, hòa tan Đảng trong quần chúng, tước bỏ vai trò lãnh đạo, vai trò tiên phong của Đảng và từng đảng viên. Lênin đã đấu tranh quyết liệt với quan điểm đó, phân tích sâu sắc những đòi hỏi nghiêm ngặt đối với đảng viên cộng sản. Yêu cầu trước tiên đối với đảng viên cộng sản là *thừa nhận cương lĩnh của Đảng,* song không phải chỉ thừa nhận trên lời nói, mà khi đã trở thành đảng viên cộng sản, với niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cách mạng vô sản, họ phải sống và hành động đúng theo cương lĩnh, phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của Đảng.

Đòi hỏi rất nghiêm ngặt đối với đảng viên cộng sản là *tính tổ chức, ý thức chấp hành kỷ luật của Đảng.* Hành động đơn độc, người đảng viên cộng sản không thể thực hiện nhiệm vụ, cương lĩnh của Đảng. Sức mạnh của Đảng là ở tổ chức và kỷ luật, ở sự thống nhất ý chí và hành động. Vì thế, Lênin đòi hỏi mọi đảng viên cộng sản phải tự nguyện gia nhập và hoạt động trong một tổ chức nhất định của Đảng. Điều này làm cho đảng viên gắn bó với Đảng, tham gia vào hoạt động của toàn Đảng; hoạt động của đảng viên được định hướng rõ rệt, được tổ chức, giáo dục, rèn luyện và có điều kiện thuận lợi thực hiện nhiệm vụ và cương lĩnh của Đảng; tổ chức đảng kiểm tra, quản lý được hoạt động của đảng viên và buộc đảng viên thực hiện nghị quyết của tập thể.

Trong lúc Đảng hoạt động bí mật, thiếu thốn mọi mặt, Lênin yêu cầu đảng viên cộng sản có trách nhiệm *ủng hộ Đảng về vật chất,* ít nhất là nộp đảng phí, tạo nguồn chi phí cho hoạt động của Đảng. Song, ý nghĩa lớn hơn là quy định này giáo dục cho đảng viên cộng sản về ý thức tổ chức kỷ luật, sự gắn bó với Đảng, đề cao vinh dự, trách nhiệm của đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ của Đảng.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, khi đã trở thành Đảng cầm quyền, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, quản lý đất nước. Đây là nhiệm vụ mới mẻ và đầy khó khăn, vì phải tổ chức theo phương thức mới những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống hàng chục, hàng trăm triệu con

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* tập 8, Nxb Tiến bộ, M. 1979, tr. 268.

người. Lênin đã phát triển những quan điểm của mình về vai trò, hình mẫu, tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản đáp ứng nhiệm vụ của giai đoạn mới. Người khẳng định: "Chỉ có những người chân thành đi theo chủ nghĩa cộng sản, chỉ những ai thành tâm trung thành với nhà nước công nhân, chỉ có những người lao động trung thực, chỉ có những đại biểu thật sự của quần chúng bị áp bức dưới thời chủ nghĩa tư bản, mới vào Đảng được"[1]; "chỉ có đảng cộng sản, nếu nó thực sự là đội tiên phong của giai cấp cách mạng, nếu nó bao gồm những đại biểu ưu tú nhất của giai cấp đó, nếu nó gồm tất cả những chiến sĩ cộng sản hoàn toàn có ý thức và trung thành, có học vấn và được tôi luyện bằng kinh nghiệm đấu tranh cách mạng bền bỉ, nếu nó biết gắn liền với toàn bộ cuộc sống của giai cấp mình và thông qua giai cấp đó, gắn liền với tất cả quần chúng bị bóc lột, và biết làm cho giai cấp và quần chúng đó tin tưởng hoàn toàn vào mình, - chỉ có một đảng như vậy mới có thể lãnh đạo được giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh cuối cùng, kiên quyết nhất, thẳng tay nhất chống lại tất cả mọi thế lực của chủ nghĩa tư bản"[2].

Theo Lênin, hình mẫu, tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản trong điều kiện Đảng cầm quyền thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

- Trước tiên, *đảng viên cộng sản phải là người giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.* Điều đó thể hiện ở sự tự nguyện, nhiệt thành đi theo chủ nghĩa cộng sản, trung thành tuyệt đối với hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sự giác ngộ, lòng trung thành ấy phải được thể hiện bằng sự nhất trí, tin tưởng, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không đòi hỏi lợi lộc, sẵn sàng gánh vác một công tác gian khổ hơn và nguy hiểm hơn.

- *Có trình độ văn hóa, lý luận, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao phó.* Người đảng viên cộng sản không chỉ có lòng nhiệt tình cách mạng, mà còn phải có tri thức, có trình độ văn hóa. Cái thiếu của người đảng viên cộng sản "chính là trình độ văn hóa", làm cho họ gặp nhiều khó khăn trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao và giữ vững vai trò lãnh đạo, làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong trước quần chúng trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lênin dạy rằng: "Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra"[3]. Vì vậy, đảng viên cộng sản phải ra sức học tập, học ở trong thực tiễn, học nhân dân, học chuyên gia

---

1. Sđd, tập 39, tr. 256.

2, 3. Sđd, tập 41, tr. 227, 362.

tư sản, học cả người bán hàng..., học tất cả, bắt đầu học từ a, b, c trở đi, nhằm nâng cao trình độ văn hóa, lý luận, chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện năng lực tổ chức thực tiễn.

- *Có ý thức tổ chức kỷ luật cao.* Lênin đòi hỏi rất nghiêm khắc đối với đảng viên cộng sản về ý thức tổ chức, tính kỷ luật. Người phê phán kịch liệt những thói quen dẫn đến vi phạm kỷ luật đảng như: tính tự do tiểu tư sản, tính tản mạn, vô tổ chức kỷ luật, chia rẽ bè phái... Đảng cầm quyền lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những nước giai cấp vô sản chiếm thiểu số trong dân cư thì "chính đáng của giai cấp vô sản phải thực hiện được, trong nội bộ của mình, một chế độ tập trung chặt chẽ và một kỷ luật nghiêm ngặt"[1].

- *Gắn bó mật thiết với quần chúng, giáo dục, tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, là tấm gương mẫu mực cho quần chúng noi theo.* Lênin viết: "Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ không phải là việc riêng của Đảng Cộng sản... mà là việc của tất cả quần chúng lao động"[2]. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Vì thế, "chỉ trông vào bàn tay của những người cộng sản để xây dựng xã hội cộng sản, đó là một tư tưởng hết sức ngây thơ. Những người cộng sản chỉ là một giọt nước trong đại dương, một giọt nước trong đại dương nhân dân"[3]. Song, họ có thể lãnh đạo nhân dân đi theo con đường của mình nhờ họ vạch ra được và gương mẫu thực hiện đường lối, chính sách đúng đắn, gắn bó mật thiết với quần chúng, tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng hiểu và tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách ấy. Trong quá trình đó, đảng viên phải nêu tấm gương mẫu mực về lòng trung thành với chủ nghĩa cộng sản, về ý thức tổ chức kỷ luật, phẩm chất đạo đức và lối sống, nhất là học tập, công tác. Trong quan hệ với quần chúng, đảng viên phải tìm hiểu, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng và các sáng kiến của họ, phải giải quyết các nhu cầu chính đáng của nhân dân, nhưng không được hạ thấp trình độ của mình xuống ngang với quần chúng, không được mị dân, theo đuôi quần chúng.

- *Đảng viên cộng sản phải tiên tiến hơn quần chúng và khác về chất so với đảng viên của các đảng khác, các phần tử cơ hội.*

Theo Lênin, sự giác ngộ về lý tưởng cộng sản, lòng trung thành vô hạn với chủ nghĩa Mác và sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản là thước đo quan trọng nhất phân biệt người đảng viên cộng sản với quần chúng. Trong

---

1. Sđd, tập 41, tr. 34.

2, 3. Sđd, tập 45, tr. 110-111, 117.

mọi hoàn cảnh, người đảng viên cộng sản luôn luôn thể hiện vai trò là người lãnh đạo, người đi tiên phong trong phong trào cách mạng của quần chúng, gánh vác những nhiệm vụ nặng nề, khó khăn, phức tạp. Họ không có lợi ích nào ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, dám xả thân vì lợi ích đó, kể cả hy sinh tính mạng mình. Người chỉ rõ, trong quần chúng có nhiều người tích cực, có tài, thậm chí không thua kém đảng viên. Điều đó đòi hỏi người cộng sản phải vươn lên không ngừng, thật sự xứng đáng là tiêu biểu về trí tuệ, tiên phong trong hành động và mẫu mực trong phẩm chất đạo đức. Nếu không thế, họ chỉ mang danh cộng sản mà "không đáng một xu", làm ra vẻ tất bật suốt ngày, nhưng chẳng làm được việc gì cho ra hồn; thậm chí, có thể đổi một tá những người cộng sản tồi lấy một người giỏi buôn bán.

Trong quá trình đấu tranh để thành lập đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, Lênin đã chỉ ra sự khác nhau giữa đảng viên cộng sản với đảng viên của các đảng cơ hội, cải lương và các phần tử men-sê-vích. Những đảng viên của các đảng dân chủ - xã hội ở Tây Âu và những lãnh tụ của Quốc tế II như Bécxtanh, Cauxky đã phản bội, đòi xét lại những nguyên lý của chủ nghĩa Mác, từ bỏ con đường đấu tranh cách mạng và chuyên chính vô sản, đi theo con đường cơ hội cải lương, theo đuôi giai cấp tư sản. Những biểu hiện đó hoàn toàn xa lạ với tư cách người đảng viên đảng kiểu mới của Lênin.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản.

a) Về vị trí người đảng viên cộng sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: muốn làm cách mạng, "trước hết phải có đảng cách mệnh"[1]. Tự điều đó cũng chỉ rõ vai trò của người đảng viên cộng sản đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản quan trọng như thế nào. Vai trò của người đảng viên được thể hiện trong các mối quan hệ:

- Đảng viên với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và đường lối, chính sách của Đảng.

Hồ Chí Minh quan niệm rõ: Đảng Cộng sản ra đời, tồn tại và phát triển cốt để lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Mục đích của Đảng cũng là mục đích phấn đấu của mỗi

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 267.

đảng viên. Để từng bước thực hiện được lý tưởng đó, Đảng phải vững mạnh, mọi đảng viên của Đảng phải là những chiến sĩ tiên phong cùng chung một lý tưởng, cùng thống nhất hành động. Người viết: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[1]. Đối với Đảng ta, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, "chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất"[2]. Chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin mới thực sự là cơ sở, nền tảng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng, cho mọi suy nghĩ và hành động của từng đảng viên. Xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, đảng viên sẽ không thể suy nghĩ và hành động đúng, không thể trở thành người cộng sản chân chính và không thể góp phần cùng Đảng thực hiện được lý tưởng cộng sản.

Lý tưởng cộng sản không phải là cái gì trừu tượng, mà được thể hiện cụ thể trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng, trong từng giai đoạn cách mạng mà mỗi đảng viên có nghĩa vụ phải nhận thức đầy đủ và thực hiện thật tốt "mọi công việc Đảng đều do đảng viên làm. Mọi nghị quyết Đảng đều do đảng viên chấp hành. Mọi chính sách của Đảng đều do đảng viên mà thấm dần đến quần chúng. Mọi khẩu hiệu, mọi kế hoạch của Đảng đều do đảng viên cố gắng thực hiện"[3]. Như vậy, đảng viên chính là người đi tiên phong và lôi cuốn quần chúng thực hiện lý tưởng cộng sản, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, người quyết định trên thực tế việc hiện thực hóa lý tưởng, đường lối, chính sách của Đảng. Không có đội ngũ đảng viên mạnh thì dù lý tưởng cộng sản có cao cả, đẹp đẽ, đường lối, chính sách của Đảng có đúng đắn đến mấy cũng không trở thành hiện thực. Không chỉ là những người tổ chức thực tiễn, đội ngũ đảng viên - bằng sự hiểu biết lý luận và thực tiễn của mình - là những người đóng góp trí tuệ xây dựng và hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng, cũng là người trực tiếp kiểm nghiệm và khẳng định trên thực tế sự đúng đắn của đường lối, chính sách của Đảng, đóng góp những ý kiến để đường lối, chính sách hoàn chỉnh hơn, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của quần chúng phản ánh với Đảng để Đảng đề ra đường lối, chính sách hợp nguyện vọng chính đáng của quần chúng. Đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng là điều kiện quan trọng để đảng viên trưởng thành và sản sinh ra đội ngũ đảng viên tốt.

1, 2. Sđd, tập 2, tr. 268.

3. Sđd, tập 7, tr. 235-236.

- Đảng viên với tổ chức đảng, với năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng viên là những phần tử tạo thành các tổ chức đảng và tạo thành Đảng. Vì vậy, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được quyết định bởi chất lượng đội ngũ đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: đảng viên tốt thì Đảng mới mạnh; "mỗi đảng viên tốt, mỗi chi bộ tốt là Đảng được mạnh thêm một phần; đảng viên kém, chi bộ kém là những khâu yếu của Đảng; Đảng mạnh là do các *chi bộ* mạnh. Chi bộ mạnh là do các đảng viên hăng hái và gương mẫu"[1]; "để lãnh đạo cách mạng, Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt"[2].

Mặt khác, tổ chức đảng cũng tác động trực tiếp và có vai trò to lớn, quyết định sự trưởng thành của đảng viên. Chi bộ, đảng bộ và toàn Đảng vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao sẽ là môi trường tốt để giáo dục, rèn luyện đảng viên, từng đảng viên sẽ trưởng thành nhanh và vững chắc; trong môi trường đó, năng lực, sở trường của đảng viên sẽ được phát huy đầy đủ và được nhân lên gấp bội.

- Đảng viên với phong trào cách mạng của quần chúng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, sức mạnh của quần chúng là vô địch. Song, sức mạnh vô địch đó chỉ có thể được khơi dậy phát huy và đem lại lợi ích cơ bản, lâu dài và bền vững cho nhân dân khi quần chúng được Đảng tổ chức, giáo dục và lãnh đạo. Người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này chính là từng đảng viên và cả đội ngũ đảng viên của Đảng. Họ tổ chức, giáo dục quần chúng, duy trì và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng. Người viết: "Mọi chính sách của Đảng đều do đảng viên mà thấu đến quần chúng"[3]; "mỗi đảng viên là một người thay mặt cho Đảng trước quần chúng, để giải thích chính sách của Đảng và của Chính phủ cho quần chúng hiểu rõ và vui lòng thi hành"[4].

Được Đảng tổ chức, giáo dục và đưa vào phong trào hành động cách mạng, quần chúng sẽ trưởng thành. Từ các phong trào cách mạng của quần chúng sẽ sản sinh ra những người ưu tú bổ sung cho Đảng.

Phong trào cách mạng của quần chúng là môi trường tốt nhất để giáo dục, rèn luyện và sàng lọc đội ngũ đảng viên, những đảng viên xuất sắc được

---

1. Sđd, tập 10, tr. 166, 270.
2. Sđd, tập 12, tr. 92.
3. Sđd, tập 7, tr. 2[illegible].
4. Sđd, tập 6, tr. 189.

khẳng định, được Đảng giao cho trọng trách cao hơn; những đảng viên thoái hóa, biến chất, không đủ tư cách và không đáp ứng nhiệm vụ cách mạng "sẽ bị loại ra ngoài phong trào cách mạng"[1].

Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ mối liên hệ máu thịt giữa các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên với quần chúng. Theo Hồ Chí Minh, để tăng cường mối quan hệ đó, tạo nên sức mạnh của Đảng, "người đảng viên, từ việc làm, lời nói cho đến cách ăn ở, phải thế nào cho *dân tin, dân phục, dân yêu*"[2]. Bởi, "lời nói và việc làm của đảng viên rất quan hệ đến sự nghiệp cách mạng, vì nó ảnh hưởng lớn đến quần chúng"[3]. Dân tin, dân phục, dân yêu đảng viên tức là dân tin Đảng, phục Đảng, yêu Đảng, quan hệ giữa Đảng với dân ngày càng được củng cố và tăng cường, sức mạnh của Đảng ngày càng nâng lên.

Được Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục và rèn luyện, *ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn luôn có quan điểm đúng đắn về vị trí người đảng viên cộng sản.*

Trong *Điều lệ vắn tắt* (ngày thành lập) đến *Điều lệ Đảng* (10-1930), Đảng đã xác định rõ vị trí rất quan trọng của đảng viên đối với việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, đối với tổ chức và đối với việc vận động quần chúng đấu tranh giành chính quyền. Đảng đã đề ra những quy định về trách nhiệm của đảng viên; trách nhiệm của các tổ chức đảng đối với đảng viên và những nội dung cơ bản của công tác đảng viên, đảm bảo cho Đảng vượt qua sự săn lùng, khủng bố của kẻ thù, lãnh đạo cách mạng giành thắng lợi.

Khi trở thành Đảng cầm quyền, nhiệm vụ lãnh đạo và trách nhiệm của Đảng tăng lên, theo đó vai trò, trách nhiệm của người đảng viên càng lớn hơn. Tại Đại hội III của Đảng, Đảng ta đã khẳng định vị trí quan trọng của đảng viên trong điều kiện Đảng cầm quyền lãnh đạo tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược - xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Đảng chỉ rõ: vấn đề đảng viên "là một vấn đề chủ yếu trong công tác xây dựng Đảng, một trong những vấn đề cơ bản quyết định chất lượng và sức chiến đấu của Đảng"[4]. Tại Đại hội IV, Đảng ta khẳng định: "Năng lực lãnh đạo của Đảng, phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng

---

1. Sđd, tập 11, tr. 152.

2. Sđd, tập 6, tr. 189.

3. Sđd, tập 9, tr. 288.

4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam: *Văn kiện Đại hội*, tập 2, tháng 9-1960, tr. 63.

đội ngũ đảng viên"[1]. Qua thực tiễn lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta càng thấy rõ vị trí quan trọng của đảng viên của một Đảng cầm quyền đối với sự nghiệp cách mạng. Tại Đại hội V, Đảng ta đã khẳng định: "Chất lượng lãnh đạo và uy tín của Đảng chính là ở đường lối đúng đắn và ở hiệu quả thực hiện đường lối ấy. Song một yếu tố cũng rất quan trọng để đảm bảo cho đường lối sát đúng, được thực hiện tốt và để giữ vững uy tín của Đảng là phẩm chất của cán bộ, đảng viên trong công tác, trong cuộc sống tập thể và cá nhân"[2].

Sau mười năm đổi mới, Đảng ta khẳng định: "Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội quân tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam"[3]. Điều lệ Đảng do Đại hội IX thông qua cũng ghi nhận lại điều khẳng định này. Điều đó nói rõ cả bản chất giai cấp và vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Khi nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu và nhiệm vụ rất nặng nề, lại tiến hành trong điều kiện có những thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn, vai trò tiên phong của đảng viên càng phải được đề cao. Mỗi đảng viên phải tiên phong, gương mẫu cả trong việc góp phần xây dựng đường lối, thực hiện đường lối, xây dựng nội bộ Đảng và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

b) Tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về người đảng viên cộng sản.

Có thể nói, Hồ Chí Minh đã dày công trăn trở suy nghĩ về công tác xây dựng Đảng, trong đó có những yêu cầu về phẩm chất của một người cộng sản. Từ lúc cách mạng còn trứng nước, Đảng mới thành lập với số đảng viên ít ỏi, trải qua cuộc chiến đấu trường kỳ cho đến khi giành được chính quyền, bắt tay vào xây dựng xã hội mới, những người cộng sản Việt Nam luôn đi đầu cả trong nhận thức và hành động. Biết bao chiến sĩ cộng sản đã kiên trung, dũng cảm, thông minh, sáng tạo đóng góp to lớn cho cách mạng, làm rạng danh Đảng, được nhân dân hết lòng ca ngợi. Nhưng, cũng có đảng viên

---

1. Lê Duẩn: *Mấy vấn đề về Đảng cầm quyền*, Nxb Sự thật, H. 1981, tr. 144.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập 3, Nxb Sự thật, H. 1982, tr. 59.

3. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam* (thông qua tại Đại hội VIII), Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 6.

lùi bước trước khó khăn, ngại khó, ngại khổ, sợ hy sinh, thậm chí có người đầu hàng địch, phản bội lại nhân dân. Thực tiễn đó thôi thúc người lãnh tụ của Đảng và dân tộc suy nghĩ nhiều về thực chất của một người cộng sản Việt Nam chân chính.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản là sự kế thừa và phát triển tư tưởng, quan điểm của Mác, Ăngghen và Lênin, phù hợp với điều kiện nước ta. Những ý kiến của Người về chủ đề này rất phong phú và rất sâu sắc, tựu trung lại, được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

+ *Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin; kiên trì phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc và của nhân loại; kết hợp tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin"[1], đó là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng. Vì thế, người đảng viên cộng sản trước hết phải "tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin", trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa ấy và suốt đời kiên quyết phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản; là người không xao nhãng lý tưởng, nhiệm vụ của mình, phải "đêm ngày nghĩ đến sự nghiệp cách mạng và cứu độ nhân loại"[2]; có tính "kiên trì và nhẫn nại", phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc và của các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Bởi vì, "sự nghiệp cách mạng là lâu dài, khó khăn và nguy hiểm. Nếu người cách mạng thiếu kiên trì và nhẫn nại, thì những khó khăn sẽ làm anh ta thối chí và sẽ đào ngũ giữa trận tiền"[3].

Sự trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, kiên trì phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng của Đảng được thể hiện ở sự tin tưởng và quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng. Trong đấu tranh giành chính quyền, người đảng viên cộng sản là người "khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng"[4], trong xây dựng chủ nghĩa xã hội phải "đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình"[5], phải dám hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích của Đảng, của nhân dân.

---

1. Hồ Chí Minh, Sđd, tập 7, tr. 229.

2, 3. Sđd, tập 2, tr. 449, 450.

4. Sđd, tập 5, tr. 251.

5. Sđd, tập 9, tr. 285.

Đề cao và đòi hỏi nghiêm khắc về điều kiện này, phải chăng Hồ Chí Minh đã duy ý chí, duy tâm, thoát ly hoàn cảnh của cách mạng Việt Nam? Hoàn toàn không. Đảng chính trị nào cũng phải có lý tưởng riêng của mình, cũng có một học thuyết làm nền tảng. Với cách mạng Việt Nam, mục tiêu chỉ có thể là giành lại độc lập dân tộc, xóa bỏ áp bức bóc lột, xây dựng đất nước giàu mạnh, đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân lao động. Học thuyết Mác - Lênin phù hợp với mục tiêu ấy, vì vậy nó được xem là nền tảng tư tưởng của Đảng và của cách mạng. Cách mạng Việt Nam phải trải qua nhiều chặng đường, nhưng mục tiêu cuối cùng sẽ tiến đến là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Đòi hỏi đảng viên của Đảng Cộng sản trung thành với lý tưởng cộng sản, với chủ nghĩa Mác - Lênin không có gì là duy tâm, duy ý chí; trái lại, là rất cần thiết. Nếu thiếu điều kiện này thì không còn là người cộng sản ngay từ tên gọi của nó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn cho rằng, người đảng viên cộng sản phải là người kết hợp lòng yêu nước, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đó là những phẩm chất được hòa quyện với nhau chặt chẽ trong nhận thức, tư tưởng và hành động ở từng người đảng viên cộng sản. Đảng viên cộng sản trước hết phải là người yêu nước thiết tha, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để giành và giữ vững độc lập dân tộc. Đây là cơ sở rất quan trọng để đi đến yêu chủ nghĩa xã hội. Chỉ có thấu hiểu và cảm thông với cảnh dân tộc bị áp bức, bóc lột, sự cùng cực của người dân một nước thuộc địa, người đảng viên cộng sản mới hiểu được giá trị của độc lập, tự do và mới có thể có động cơ, lòng nhiệt tình để đấu tranh quả cảm cho độc lập, tự do của dân tộc, tích cực chủ động tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Người viết: "Đảng Lao động Việt Nam sẽ gồm những công nhân, nông dân và lao động trí óc *yêu nước nhất, hăng hái nhất, cách mệnh nhất*"[1], những người suốt đời đấu tranh cho dân tộc, cho Tổ quốc, phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh sớm trở thành người cộng sản. Người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, là một người quốc tế chủ nghĩa được thừa nhận rộng rãi. Song, Người luôn coi trọng lòng yêu nước và ý thức dân tộc. Trong tư tưởng của Người, chủ nghĩa yêu nước chân

---

1. Sđd, tập 6, tr. 188.

chính luôn gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng và mỗi đảng viên phải hết lòng, hết sức vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên mảnh đất của dân tộc mình, đem lại đời sống ấm no cho đồng bào mình, đồng thời phải làm tròn nghĩa vụ quốc tế với vô sản các nước. Nếu nói rằng, Hồ Chí Minh chỉ là một nhà yêu nước, một người theo chủ nghĩa dân tộc là hoàn toàn không hiểu đúng hoàn cảnh hoạt động của Đảng ta là từ một nước thuộc địa, là cố tình xuyên tạc thực chất tư tưởng biện chứng sắc sảo của Người về kết hợp giai cấp và dân tộc.

+ Vừa có tài, vừa có đức, đức là gốc; tích cực rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xem xét tư cách của người đảng viên cộng sản từ nhiều khía cạnh, coi trọng cả đạo đức cách mạng và năng lực của người cộng sản.

Về đạo đức, Người không quan niệm một cách trừu tượng, chung chung. Người viết: Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng với nhân dân, là *"ra sức phấn đấu để thực hiện mục tiêu của Đảng,* hết sức trung thành phục vụ giai cấp công nhân và nông dân lao động, tuyệt đối không thể lừng chừng"[1]; là "vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên... phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau"[2]. Đạo đức cách mạng là "xem thường danh vị, ngôi thứ và tiền bạc"[3]; "không màng phú quý, giàu sang hay bất kỳ lợi ích cá nhân nào"[4]; mà "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, quyết tâm tẩy bỏ cho kỳ hết bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí"[5]; "khiêm tốn, khoan hòa, lượng thứ, can đảm khi sa cơ, bình tĩnh khi thắng thế"[6]; v.v... với nội dung đạo đức như thế, người đảng viên cộng sản không phải là người quá đặc biệt, quá xa lạ với nhân dân, mà chính là "người con hiếu thảo của Tổ quốc, của giai cấp".

"Để có đạo đức cách mạng, người đảng viên cộng sản phải thường xuyên rèn luyện gian khổ trong học tập, công tác. Bởi vì, đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà

---

1. *Sđd,* tập 9, tr. 286.

2. *Sđd,* tập 5, tr. 251.

3, 4, 6. *Sđd,* tập 2, tr. 450, 436, 450.

5. *Sđd,* tập 7, tr. 19.

phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[1].

Đảng viên cộng sản phải là người kiên quyết đấu tranh quét sạch chủ nghĩa cá nhân, bởi vì nó rất nguy hiểm đối với Đảng và cách mạng, nó "như vi trùng đẻ ra nhiều bệnh khác: sợ khó, sợ khổ; tự do chủ nghĩa; vui thì làm, không vui thì không làm, thích thì làm, không thích thì không làm"[2]; "nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng"[3].Đây là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, đòi hỏi người đảng viên phải có bản lĩnh, có ý chí và lòng kiên trì, bởi vì "tư tưởng cá nhân thì cũng như cỏ dại, sinh sôi nảy nở rất dễ"[4].

Đức và tài, hồng và chuyên đều quan trọng, không thể xem nhẹ mặt nào và phải được gắn quyện, kết hợp với nhau một cách hài hòa, trong đó *đức là gốc*. Người viết: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[5]. Tuy nhiên, người đảng viên cộng sản "phải học hiểu *nghề nghiệp* chuyên môn mà Đảng và Chính phủ giao cho mình phụ trách"[6], "phải cố gắng *học tập văn hóa, học tập khoa học và kỹ thuật*"[7]. Không hiểu biết, không giỏi chuyên môn, nghiệp vụ thì người đảng viên không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và không thể đứng vững ở vị trí lãnh đạo cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Có người giải thích rằng, Hồ Chí Minh coi đức là gốc, vì Người chịu ảnh hưởng của triết lý Nho giáo phương Đông. Thật ra, trước hết, Hồ Chí Minh không tách rời, đối lập đức với tài. Theo Người, để có "đức" phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, người đảng viên phải có trình độ, năng lực cao. Mặt khác, Người hiểu rất rõ nguy cơ lớn đối với một Đảng cầm quyền là cán bộ, đảng viên dễ lợi dụng chức quyền và uy tín của Đảng, Nhà nước để lộng quyền, đặc quyền, đặc lợi, ức hiếp quần chúng... Giữ vững được phẩm chất đạo đức cách mạng trong điều kiện Đảng có chính quyền là cực kỳ khó, và

1, 2, 3, 4. *Sđd*, tập 9, tr. 293, 31, 283, 448.

5. Sđd, tập 5, tr. 252-253.

6. Sđd, tập 7, tr. 233.

7. Sđd, tập 10, tr. 21.

trên thực tế, những đảng viên không còn xứng đáng với danh hiệu người cộng sản, thậm chí bị xử lý về pháp luật, chủ yếu không phải vì năng lực hạn chế mà vì thoái hóa, biến chất về đạo đức. Tài năng của con người thường biểu hiện ra ngoài, mọi người đều biết, còn tư tưởng, đạo đức thì không hẳn như vậy, những động cơ xấu thường được giấu kín, rất khó kiểm tra. Pháp luật không thể pháp chế hóa tất cả các hoạt động phong phú, muôn hình vạn trạng của xã hội và đời sống con người; sự kiểm tra, quản lý của tổ chức đảng và của các cơ quan nhà nước cũng không thể nào bao quát hết, tường tận mọi hành vi của người đảng viên. Nếu tự mình, người đảng viên không có phẩm chất đạo đức tốt, lòng dạ không thẳng ngay, trong sáng thì tổ chức không dễ phát hiện hết và kịp thời các sai phạm của họ, khi đưa ra xử lý thì có thể đã muộn. Người đảng viên có chức, có quyền mà có động cơ xấu lại rất dễ lợi dụng các chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước, sự hạn chế trong trình độ hiểu biết của người dân... để hợp pháp hóa cho hành vi tiêu cực của mình và bao che cho nhau. Hồ Chí Minh đã lường trước những biến đổi tư tưởng và đạo đức của đảng viên trong bước chuyển từ chiến tranh sang hòa bình, từ cuộc sống gian khổ, thiếu thốn trong kháng chiến sang điều kiện sống mới. Nếu không nhấn mạnh đức là gốc, không lấy việc tự giác rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng là nhiệm vụ hàng đầu, thường xuyên thì người cộng sản hôm qua còn được mọi người kính trọng, hôm nay có thể sa ngã, trở thành người có tội với nhân dân.

+ *Gắn bó mật thiết với nhân dân; luôn lấy dân làm gốc; vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân; thống nhất lời nói với việc làm; thực hiện "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết.*

Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với quần chúng, thông qua tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đảng không có mục đích gì khác ngoài việc phục vụ nhân dân. Vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi đảng viên cộng sản "phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Nghĩa là: phải toàn tâm toàn lực phụng sự quần chúng; luôn luôn nghe ngóng những yêu cầu và ý kiến của quần chúng và báo cáo cho Đảng rõ; phải tuyên truyền giải thích cho quần chúng rõ chính sách và nghị quyết của Đảng"[1]. Người đảng viên cộng sản phải "không bao giờ được quên rằng cuộc đời mình và sự nghiệp của mình thuộc về toàn nhân loại chứ không thuộc về mình"[2]. Gắn bó

---

1. Sđd, tập 7, tr. 237.

2. Sđd, tập 2, tr. 450.

với quần chúng là "phải hòa mình với quần chúng thành một khối" để thực hành nhiệm vụ. Tách khỏi nhân dân, "rời khỏi Đảng, rời khỏi giai cấp thì cá nhân dù tài giỏi mấy, cũng nhất định không làm nên việc gì"[1].

Gắn bó mật thiết với nhân dân, lấy dân làm gốc, song người đảng viên cộng sản không được mị dân, theo đuôi quần chúng lạc hậu, mà ở mọi lúc, mọi nơi, mọi công việc người đảng viên cộng sản phải "là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"[2]. Người viết: "Dân chúng vốn ít học, ngây thơ, khó liều mạng, dễ bị lừa và bị mua chuộc. Vậy người cách mạng mẫu mực phải giáo dục họ, sửa chữa cho họ và chiếm được sự tin cậy của dân chúng để có thể sử dụng sức mạnh của họ đúng lúc"[3]. Lãnh đạo nhân dân, nhưng người đảng viên cộng sản không phải là "quan" dân, "không phải vào Đảng để hưởng thụ, để làm quan cách mạng"[4], mà phải "một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phải là người đầy tớ hết sức trung thành của nhân dân"[5], là người kiên cường bất khuất, "không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ nào đó nặng nề nguy hiểm đến mấy", nhưng đối với nhân dân "sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân"[6].

Để dân tin, dân phục, dân yêu Đảng và tích cực thực hiện đường lối, chính sách của Đảng thì lời nói và việc làm của đảng viên phải thống nhất với nhau, *"miệng nói, tay làm"*. Quần chúng tin yêu Đảng thông qua cả lời nói và việc làm của đội ngũ đảng viên.

Người đảng viên cộng sản phải là người thật sự tiên phong, gương mẫu về đạo đức, lối sống, về học tập, công tác ở mọi lúc, mọi nơi, phải là người "khổ trước, sướng sau", "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ", xứng đáng với lời ca ngợi chân thành của nhân dân: "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

+ Đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng. Người khẳng định, đoàn kết thống nhất trong Đảng là nguồn sức mạnh vô địch, là nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng, là cơ

1, 4. Sđd, tập 9, tr. 289, 447.

2. Sđd, tập 12, tr. 510.

3. Sđd, tập 2, tr. 450.

5. Sđd, tập 10, tr. 337.

6. Sđd, tập 6, tr. 185.

sở và hạt nhân của khối đoàn kết dân tộc, là điều kiện để đoàn kết quốc tế. Mỗi đảng viên của Đảng, "dù xuất thân từ thành phần khác nhau, cũng đều chung một đại gia đình cách mạng, đều chung một mục đích là xây dựng chủ nghĩa xã hội, đều chung một lập trường là lập trường của giai cấp công nhân"[1]. Toàn thể đảng viên phải "tư tưởng nhất trí và hành động nhất trí"[2]. Mỗi đảng viên "phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[3]. Đồng thời, từng đảng viên phải có trách nhiệm chủ động xây dựng khối đoàn kết dân tộc, là người tiên phong, gương mẫu trong khối đoàn kết dân tộc, phải cùng nhân dân kết thành một khối, tích cực góp phần xây dựng và củng cố sự đoàn kết quốc tế của Đảng.

+ Kiên quyết đấu tranh chống các tư tưởng và hành động sai trái, phản động, trước hết là chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội, bệnh giáo điều.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, người đảng viên cộng sản phải là người đấu tranh kiên quyết với những tư tưởng và hành động sai trái, phản động. Người viết: "Đảng ta là một đảng rất to lớn, bao gồm đủ các tầng lớp trong xã hội. Vì vậy có nhiều tính cách rất trung thành, rất kiên quyết, rất vĩ đại. Song cũng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết, những khuyết điểm của xã hội bên ngoài, nó lây, ngấm vào trong Đảng"[4]. Hơn nữa, vì Đảng tồn tại và phát triển là nhằm tiêu diệt chế độ áp bức bóc lột và mọi nguồn gốc gây nên áp bức, bóc lột, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nên Đảng luôn luôn là đối tượng phá hoại quyết liệt của các thế lực thù địch. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gọi những tư tưởng, hành động sai trái, phản động là những kẻ địch và nhấn mạnh:

"Để tiến lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh phải lâu dài và gian khổ. Cần có người cách mạng là vì còn có kẻ địch chống lại cách mạng.

Kẻ địch gồm có ba loại. Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc là kẻ địch rất nguy hiểm.

Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngầm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài.

---

1. Sđd, tập 8, tr. 318.
2. Sđd, tập 9, tr. 288.
3. Sđd, tập 12, tr. 510.
4. Sđd, tập 5, tr. 261.

Loại địch thứ ba là *chủ nghĩa cá nhân,* tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mỗi người chúng ta. Nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy. Nó là bạn đồng minh của hai kẻ địch kia"[1].

Cuộc đấu tranh chống lại những tư tưởng, hành động sai trái, phản động là cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, lâu dài và gian khổ, bởi vì "còn chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp bóc lột là còn bọn phá hoại"[2], "còn chủ nghĩa cá nhân là còn có địch ở bên trong, địch ở trong con người mình"[3]. Vì thế, mỗi đảng viên phải là chiến sĩ tiên phong kiên quyết đấu tranh với những suy nghĩ, hành động sai trái của bản thân mình, đồng thời đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng, có lý có tình với những tư tưởng, hành động sai trái và phản động khác cả trong Đảng và trong xã hội.

+ *Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Sức mạnh vô địch của Đảng là *ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức* nghiêm minh của cán bộ và đảng viên"[4] Kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt, nghiêm minh, nhờ kỷ luật đó toàn thể đảng viên gắn kết lại thành một khối thống nhất ý chí và hành động. Đã là đảng viên của Đảng cầm quyền, đảng viên phải là một công dân tốt, một thành viên gương mẫu trong đoàn thể quần chúng, trong cộng đồng và trong gia đình.

Là người lãnh đạo quần chúng trong điều kiện Đảng có chính quyền, đảng viên không thể sống ngoài vòng pháp luật, không thể tách rời quần chúng. Vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh kết luận: đảng viên "vô luận ở hoàn cảnh nào, địa vị nào, cũng phải quyết tâm thực hiện cho kỳ được chính sách của Đảng và của Chính phủ. Phải nghiêm khắc giữ gìn kỷ luật của Đảng và của Chính phủ"[5], phải gương mẫu giữ gìn và chấp hành kỷ luật của chính quyền, của cơ quan đoàn thể cách mạng, của nhân dân.

- *Quan điểm của Đảng ta về tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản.*

Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về người đảng viên cộng sản, Đảng ta đã từng bước hình thành tiêu chuẩn người đảng

---

1, 3. Sđd, tập 9, tr. 287, 31.

2. Sđd, tập 8, tr. 118.

4. Sđd, tập 10, tr. 311.

5. Sđd, tập 7, tr. 4.

viên cộng sản trong điều kiện có chính quyền, thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng từ Đại hội III và nhất là từ Đại hội VI đến nay.

Tại Đại hội III, Đảng ta đã khẳng định: "Tất cả những công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có lao động, không bóc lột, thừa nhận Cương lĩnh và Điều lệ của Đảng, nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Đảng, tích cực phấn đấu để thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng và đóng đảng phí theo quy định, đều có thể được công nhận là đảng viên"[1]. Tại Đại hội IV và Đại hội V, Đảng ta nhấn mạnh thêm về sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, coi đó là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên cộng sản. Tại Đại hội VI, Đảng ta đã đưa ra những điều kiện để có thể được xét công nhận là đảng viên và những nội dung chủ yếu về tiêu chuẩn của người đảng viên cộng sản trong thời kỳ đổi mới. Về điều kiện để có thể được xét công nhận là đảng viên, Điều lệ Đảng quy định: "Những công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có lao động, không bóc lột, thừa nhận và nguyện tích cực phấn đấu để thực hiện đường lối chính trị và Điều lệ của Đảng, nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng, sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ Đảng giao và đóng đảng phí theo quy định, đều có thể được xem xét để công nhận là đảng viên"[2].

Tiêu chuẩn của người đảng viên gồm: "Có giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, có động cơ vào Đảng đúng đắn; trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội; gương mẫu và phát huy tác dụng tích cực trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập; có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm"[3].

Đến Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VII) bàn về *"Một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng"*, tiêu chuẩn đảng viên của thời kỳ đổi mới được cụ thể hóa thêm một bước: "Đảng viên phải là người có giác ngộ chính trị, trung thành với mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; có đạo đức và lối sống lành mạnh, gắn bó với quần chúng; gương mẫu và phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác và quản lý giỏi, hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành đúng Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước; thường xuyên học tập nâng cao trình độ nhận

---

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam: *Văn kiện Đại hội*, tập 2, tháng 9-1960, tr. 123.

2, 3. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam* (thông qua tại Đại hội VI), Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 19-20.

thức và năng lực công tác; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng".

Tại Đại hội VIII của Đảng, hình mẫu, tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản trong điều kiện Đảng có chính quyền đã được xác định rõ và phù hợp với tình hình mới.

Đảng ta đã đưa ra những điểm chủ yếu của tiêu chuẩn đảng viên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

+ Đảng viên là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân.

Đây là tiêu chuẩn thể hiện tập trung nhất của sự giác ngộ cộng sản trong điều kiện hiện nay.

Nếu như trong cách mạng dân tộc dân chủ, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản thể hiện ở sự trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, kiên trì phấn đấu, xả thân vì sự nghiệp cách mạng, không ngại gian khổ, hy sinh, kể cả hy sinh tính mạng, ở lòng trung thành với lý tưởng, với Đảng, với chế độ, với nhân dân, hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích của Đảng và của nhân dân thì trong thời kỳ đổi mới, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản của người đảng viên còn phải được thể hiện ở thái độ ủng hộ và kiên quyết thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, sự kiên định con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa do Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, kiên quyết đấu tranh và không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập...

+ Chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong điều kiện có chính quyền, người đảng viên không chỉ là thành viên của Đảng, mà còn phải là một công dân, nên ngoài việc chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ, các nghị quyết của Đảng, đảng viên còn phải gương mẫu chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước. Trong điều kiện hiện nay, vấn đề đó lại càng đòi hỏi nghiêm ngặt và cao hơn đối với đảng viên. Đảng viên không được đứng ngoài và đứng trên chính sách và pháp luật của Nhà nước.

+ Có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm từng bước xóa bỏ bóc lột, xây dựng một xã hội mới, đảng viên phải là người "có lao động, không bóc lột".

Đảng viên phải là người có lao động, sống bằng lao động, không ăn bám, không bóc lột là quan điểm được Đại hội III đưa ra và các văn kiện của Đảng sau này nhấn mạnh. Song, vấn đề bóc lột trong điều kiện trước đổi mới và trong giai đoạn đổi mới đã có nhiều điểm khác nhau, đòi hỏi phải có quan điểm đúng đắn về vấn đề này, phù hợp với điều kiện hiện nay thì mới có thể có được những chủ trương, biện pháp đúng trong công tác đảng viên. Trong công cuộc đổi mới, với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, Đảng ta lại một lần nữa nhấn mạnh và khẳng định đảng viên phải là người có lao động, không bóc lột.

Đảng đòi hỏi đảng viên phải là người hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong cả điều kiện thực hiện cơ chế mới hiện nay. Đảng viên không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, mà còn phải gương mẫu phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác và quản lý giỏi, đi đầu trong công cuộc đổi mới, phát huy tác dụng tích cực đối với quần chúng.

+ Có đạo đức và lối sống lành mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Đảng ta luôn luôn khẳng định đạo đức, lối sống của đảng viên là yếu tố cơ bản, là gốc của sự trưởng thành, tiến bộ của đảng viên. Trong điều kiện hiện nay, những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, nhất là sự tác động mạnh mẽ của những mặt trái của cơ chế thị trường, làm phai nhạt, biến dạng thang giá trị của đạo đức, lối sống, không ít đảng viên từ sự thoái hóa về phẩm chất đạo đức, lối sống dẫn đến suy thoái về chính trị, gây tác hại không nhỏ đến uy tín của Đảng. Thực tế đó lại càng đòi hỏi nhấn mạnh tiêu chuẩn mẫu mực về phẩm chất đạo đức và lối sống của đảng viên.

Gắn bó mật thiết với nhân dân đã trở thành truyền thống, bản chất và nguồn gốc sức mạnh của Đảng. Các tổ chức, cơ quan lãnh đạo của Đảng và mỗi đảng viên phải thực hiện tốt điều đó. Bởi vì, xa dân, tách rời dân, đảng viên sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ, không thể trưởng thành, Đảng sẽ không có sức mạnh. Trong giai đoạn đổi mới hiện nay, nếu đảng viên xa dân, không gắn bó mật thiết với dân thì mặc dù đường lối, chính sách của Đảng có đúng đến mấy, đội ngũ đảng viên tài giỏi đến mấy thì đường lối, chính sách của Đảng cũng không thể được thực hiện.

+ Phục tùng tổ chức, chấp hành nghiêm kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Đảng yêu cầu, mọi suy nghĩ và hành động của đảng viên đều phải phục tùng tổ chức và kỷ luật của Đảng. Tách rời tổ chức thì đảng viên không thể

thực hiện được lý tưởng, nhiệm vụ của mình. Kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt, là chất keo đặc biệt gắn bó đảng viên và các tổ chức của Đảng thành một khối thống nhất ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh vô địch của Đảng. Vì vậy, từng đảng viên phải gắn bó chặt chẽ với tổ chức và phục tùng kỷ luật của Đảng. Đồng thời, phải tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Mỗi đảng viên phải có trách nhiệm chăm lo, làm hết sức mình, củng cố, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

- Sự khác nhau giữa đảng viên cộng sản với quần chúng tiên tiến.

Trong khi khẳng định vai trò của đảng viên, Đảng ta luôn đề cao vai trò của quần chúng. Đảng luôn xác định: trong xã hội có rất nhiều người tài giỏi và có tinh thần cách mạng cao. Đó là lực lượng hậu thuẫn tích cực của Đảng, là lực lượng xung kích trong các phong trào cách mạng. Xét về từng mặt, nhất là về chuyên môn, khoa học, nhiều quần chúng giỏi hơn đảng viên. Biết bao nhà khoa học có trình độ cao, nhà quản lý doanh nghiệp tài ba, người làm công việc chuyên môn giàu kinh nghiệm, nhưng - vì lý do này hay lý do khác - họ không là đảng viên. Song, không phải vì họ không phải là đảng viên mà nói rằng họ không có chất cộng sản. Mặt khác, giữa quần chúng tiên tiến với đảng viên cũng có sự khác biệt nhất định, không thể đồng nhất; dĩ nhiên, ở đây chỉ so sánh với các đảng viên chân chính, đủ tư cách và thật sự xứng đáng với danh hiệu đảng viên.

+ Trước hết, đảng viên hơn quần chúng ở sự giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Là thành viên của một đảng chính trị, đảng viên phải có lý tưởng chính trị rõ ràng, có hoài bão và ý chí lớn quyết tâm thực hiện cho kỳ được lý tưởng của Đảng.

Trong thời kỳ Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa của người đảng viên thể hiện ở sự tiên phong gương mẫu thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, có thái độ rõ ràng, dứt khoát trong cuộc đấu tranh giữa con đường xã hội chủ nghĩa và các con đường phi xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào tính ưu việt và sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội, không mơ hồ, hoài nghi về mục tiêu đã chọn.

Người đảng viên phải kiên quyết ủng hộ và quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Trước mỗi thử thách, mỗi bước ngoặt của cách mạng, đảng viên sáng suốt nhìn nhận tình hình, vững vàng bản lĩnh chính trị, không dao động, hoang mang.

Trong thời kỳ đổi mới, thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa của đảng viên còn thể hiện ở thái độ ủng hộ và kiên quyết thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, sự vững vàng, kiên định trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, kiên định con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn, không chấp nhận và đấu tranh kiên quyết với tư tưởng và hành động đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập muốn đưa đất nước đi theo con đường khác.

+ Đảng viên cộng sản còn khác với quần chúng ở vai trò tiền phong, gương mẫu thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ở cương vị công tác của mình, mỗi đảng viên sống và làm việc cùng với quần chúng. Cũng làm công việc như quần chúng, nhưng đảng viên phải tỏ rõ trước mọi người vai trò tiên phong, gương mẫu trong nhận thức, trong hành động, có quan điểm chính trị rõ ràng và sâu sắc, hiểu rõ ý nghĩa chính trị của công việc mình làm; thông qua công việc để giác ngộ, giáo dục quần chúng về ý thức chính trị, về Đảng; xử lý công việc và các mối quan hệ bằng một đạo đức và lối sống đẹp; thể hiện rõ lập trường, thái độ đúng mực với cả những mặt tích cực và những biểu hiện tiêu cực của những người chung quanh cũng như trong xã hội. Như vậy, theo quan điểm của Đảng ta, trên mọi cương vị công tác, người đảng viên khác quần chúng ở chỗ: đó là người "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; trong mọi công việc đều được nhân dân thừa nhận, suy tôn và khen ngợi đúng mức, chân tình; "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", đảng viên là "người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

+ Đảng viên là người có ý thức tổ chức kỷ luật cao.

Quần chúng, nhất là quần chúng là cán bộ, viên chức trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp; cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; cán bộ, công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước... đều phải chấp hành nghiêm túc các quy định về quản lý lao động, kỷ luật của cơ quan, đơn vị. Ngoài các tổ chức chính quyền, chuyên môn mà mình là thành viên, đảng viên còn có tổ chức đảng và bắt buộc phải tham gia các đoàn thể nhân dân. Vì vậy, ngoài việc chấp hành đầy đủ các nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của đơn vị chuyên môn, đảng viên còn phải gương mẫu tự ghép mình vào tổ chức, chỉ được phép nói và làm theo nghị quyết của Đảng, luôn nghiêm khắc với bản thân trong sinh hoạt và công tác, tôn trọng và gương mẫu chấp hành luật pháp, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật của các tổ chức quần chúng mà mình tham gia, gương mẫu thực hiện tốt những quy định, quy chế của cơ quan và nơi cư trú. Đảng viên có trách nhiệm báo cáo với tổ chức đảng những vướng mắc về tư tưởng,

những thiếu sót của bản thân và gia đình, thực hiện theo sự góp ý, yêu cầu của tổ chức đảng; giữ gìn bí mật của Đảng.

+ Đảng viên là người mẫu mực về phẩm chất đạo đức, lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Trong quần chúng, hầu hết mọi người đều sống bằng lao động chân chính, tuân thủ pháp luật và các quy tắc đạo đức, lối sống đúng mực được thừa nhận chung. Những người ngoài đảng có phẩm chất đạo đức, lối sống đẹp cũng luôn được những người chung quanh nể trọng, yêu quý. Tuy nhiên, sự phấn đấu, rèn luyện để có được những phẩm chất đó ở họ chủ yếu là nhờ tự giác cá nhân, không mang tính bắt buộc. Trái lại, với người cộng sản, về mức độ, họ phải là mẫu mực, là tấm gương; về động cơ phấn đấu, họ phải thật sự tự giác và trong sáng.

Những đảng viên có chức, có quyền cũng cần phải phấn đấu, tu dưỡng phẩm chất, lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Trong điều kiện hiện nay, đảng viên không được phép lợi dụng những sơ hở trong cơ chế, chính sách, những điểm chưa hoàn chỉnh của luật pháp để mưu lợi ích riêng; có những việc công dân được phép làm theo quy định của pháp luật, nhưng đảng viên không được làm.

II.
TÌNH HÌNH CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Thực trạng chất lượng đảng viên.

a) Về chính trị.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế - xã hội trong nước, trước những đảo lộn to lớn của tình hình chính trị thế giới, trước sự phá hoại điên cuồng của kẻ thù, đại bộ phận đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh không khoan nhượng với những tư tưởng và hành động sai trái, không chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập, kiên trì con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối đổi mới.

Trước những thách thức mới của bước chuyển sang cơ chế thị trường, mở rộng dân chủ, mở cửa, hội nhập với bên ngoài, tuyệt đại đa số đảng viên tin tưởng tuyệt đối vào đường lối đổi mới của Đảng, tiếp tục chịu đựng khó khăn, gian khổ và thử thách mới, hăng hái đi đầu trong công cuộc đổi mới. Nhiều đảng viên hoạt động trong các môi trường, điều kiện khó khăn đã năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn tìm tòi, thử nghiệm nhiều cách làm ăn mới, đạt hiệu quả cao, được quần chúng tin yêu, ca ngợi.

Tuy nhiên, có một bộ phận đảng viên phai nhạt lý tưởng cộng sản, hoang mang, dao động, giảm sút lòng tin vào con đường xã hội chủ nghĩa, nhất là sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Một số ít đảng viên đã từ bỏ lý tưởng xã hội chủ nghĩa, công khai bác bỏ, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo của Đảng...

Những năm gần đây, nhiều vấn đề thuộc quan điểm cơ bản như: xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò

chủ đạo của kinh tế nhà nước, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chính sách về đất đai, kinh tế trang trại, nội dung và bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế... *"chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành.* Trong cán bộ, đảng viên có những cách hiểu và cách làm không thống nhất"[1]. Ở đây có phần thuộc về nhận thức, nhưng chủ yếu là lập trường, quan điểm.

b) Về năng lực.

Năng lực của đảng viên được tạo nên bởi nhiều yếu tố, trong đó trình độ văn hóa, lý luận, chuyên môn nghiệp vụ là nhân tố rất quan trọng. Hoạt động trong cơ chế mới, sự thiếu hụt lớn của đội ngũ đảng viên chính là trình độ văn hóa, lý luận, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm. Nhận thức lý luận, chính trị về xây dựng chủ nghĩa xã hội của những người cộng sản Việt Nam hiện nay hơn hẳn thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ và thời kỳ bao cấp, do được học tập có hệ thống qua trường lớp, được tiếp xúc với nhiều phương tiện truyền thông đại chúng, nhiều tài liệu chính trị và nhất là đã từng trải thực tiễn đấu tranh cách mạng gay gắt trong nhiều năm. Việc học tập này xuất phát từ nhu cầu công tác, nhu cầu giải quyết những vướng mắc về tư tưởng trong cán bộ, nhân dân ở cơ sở. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, chính trị cũng đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải hiểu biết sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng. Đổi mới thắng lợi, đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, lòng tin vào đường lối của Đảng càng được củng cố và nâng cao, thì việc học tập lý luận, chính trị càng thêm khí thế. Phải nói rằng, sự trưởng thành về tư tưởng, chính trị của đội ngũ đảng viên là yếu tố rất quan trọng tạo nên thành công của công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm qua của nước ta.

Qua những năm đổi mới, trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ đảng viên ngày càng được nâng lên. Sự thiếu hụt về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường đã dần dần được khắc phục. Phần lớn đảng viên đã dần tìm được cách thích ứng và hoạt động có hiệu quả trong điều kiện thực hiện cơ chế mới. So với những năm đầu

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2001, tr. 77.

thực hiện đổi mới, trình độ mọi mặt, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, khả năng hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ đảng viên được nâng lên một bước rõ nét.

Nhiều đảng viên đã phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong học tập, công tác, trong lời nói, việc làm, khắc phục khó khăn, vượt qua gian khổ, đi đầu trong thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng như: xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, bảo vệ an ninh trật tự, loại trừ các tệ nạn xã hội... được quần chúng tin yêu. Một bộ phận đảng viên đã đấu tranh kiên quyết, có kết quả với những hiện tượng tiêu cực xuất hiện trong Đảng, trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường, kiên quyết giữ cho Đảng trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao, nhất là đấu tranh với những người có tư tưởng, quan điểm và hành động trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

Mặc dù vậy, đội ngũ đảng viên vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của thời kỳ mới. Năng lực tổ chức thực tiễn của nhiều đảng viên còn hạn chế, còn lúng túng trong thực hiện cơ chế thị trường và cơ chế quản lý mới, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ công tác chưa cao. Nhiều đảng viên chưa thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu, kết quả công tác không hơn gì quần chúng. Tình trạng né tránh trong đấu tranh chống lại những tiêu cực trong Đảng và trong xã hội còn khá phổ biến.

c) Về phẩm chất đạo đức, lối sống.

Trong điều kiện những mặt trái của cơ chế thị trường tác động mạnh, gây nên những đảo lộn trong thang giá trị về phẩm chất, đạo đức và lối sống, cuộc sống của phần lớn đảng viên gặp nhiều khó khăn, song đa số họ vẫn nêu những tấm gương sáng về giữ gìn phẩm chất, đạo đức, kiên quyết đấu tranh khắc phục những tiêu cực, suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội.

Tuy nhiên, tình trạng đáng lo ngại là một bộ phận không nhỏ đảng viên - kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý - bị chủ nghĩa cá nhân chi phối, vun vén cá nhân, thoái hóa, biến chất, sa vào quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội. "Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng"[1]. Những người này đã làm hoen ố thanh danh của Đảng, bôi nhọ danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản.

---

1. Sđd, tr. 76.

Điều đáng lo ngại là tình hình vi phạm và đảng viên phải thi hành kỷ luật có chiều hướng gia tăng. Đối tượng bị xử lý kỷ luật không chỉ là đảng viên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, tài sản, mà cả trong các lĩnh vực tư pháp, hành pháp. Những vi phạm về phẩm chất, lối sống không giảm. Trong khi đó, việc kiểm điểm, thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm vẫn còn hữu khuynh, xuê xoa, né tránh, tìm cách bao che cho nhau, tìm cách xử lý nội bộ. Nỗi lo lớn nhất của toàn Đảng và toàn dân hiện nay là với mặt trái của cơ chế thị trường tác động vào tất cả đảng viên, kể cả những đảng viên "kỳ cựu", ở tất cả mọi cấp, đã làm cho tiêu cực ngày càng phát triển, ngày càng nghiêm trọng. Thực tiễn cũng đã phơi bày không ít những hiện tượng suy thoái, tha hóa đạo đức, lối sống. Những bất bình của người dân đối với một số cán bộ, đảng viên xa cách quần chúng chưa được khắc phục. Ngoài một số đảng viên biến chất, bị pháp luật xử lý, còn số khác vi phạm ở mức độ khác nhau, nhưng chưa bị phát giác, xử lý. Số này đã làm mất lòng tin của quần chúng với Đảng và tác hại đến xã hội không nhỏ.

Hiện nay, *có không ít đảng viên không đủ uy tín về đạo đức và lối sống để thuyết phục người khác.*

Lập trường, quan điểm sai lầm là nguy hiểm lớn. Chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại... cũng rất nguy hiểm. Nhưng, ở nước ta, những loại này không có cơ sở xã hội đáng kể, không có hệ thống lý luận sâu sắc, đủ sức thuyết phục như một khoa học. Còn tha hóa về đạo đức và lối sống của đảng viên đang diễn ra khá phổ biến, gây nên nỗi lo ngại lớn trong toàn xã hội.

Ai cũng muốn cho địa phương, cơ quan, đơn vị mình ổn định và phát triển. Đó là mong muốn chính đáng, tích cực. Nhưng, do điều kiện đáp ứng không đầy đủ nên đã xoay xở theo hướng "có đi, có lại", "đôi bên cùng có lợi" với các cá nhân hay đơn vị có quan hệ đến lợi ích của đơn vị mình. Nếu hoạt động nghiêm túc sẽ gặp rất nhiều trở ngại, sẽ khó phát triển được bình thường. Những quan hệ cá nhân, quan hệ tập thể đan xen nhau tạo thành màng lưới tiêu cực. Nếu có người giữ mình để không bị lây nhiễm, không mắc lưới thì phải sống co mình lại thành kẻ cô đơn, hoặc lạc lõng.

d) Về ý thức chấp hành chính sách, pháp luật và phong cách công tác.

Phần lớn đảng viên chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, Điều lệ Đảng, gương mẫu chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đã xác định rõ: đảng viên phải là công dân mẫu mực, hoạt động của đảng viên không thể ngoài quy định của Hiến pháp, pháp luật. Trong điều kiện hệ thống pháp luật còn chưa đồng bộ, còn những kẽ hở, nhiều đảng viên đã phát hiện và đóng góp để các

cơ quan chức năng sửa đổi, bổ sung cho hoàn chỉnh, vận động nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh kiên quyết với những tư tưởng và hành động làm trái, lợi dụng sơ hở của pháp luật để mưu lợi ích riêng. Phong cách công tác sâu sát, dân chủ, thực tế, hiệu quả, gần gũi với nhân dân đã được hình thành trong đội ngũ đảng viên.

Tuy nhiên, trong khi dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện đầy đủ, nơi này nơi khác còn bị vi phạm, thì kỷ luật, kỷ cương cũng còn lỏng lẻo, còn "tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước ..."[1]. Thậm chí, một số đảng viên có chức quyền, công tác ở nơi nắm giữ tiền, vật tư vi phạm pháp luật, lợi dụng những kẽ hở của pháp luật làm giàu bất chính, gây thất thoát số lượng lớn tiền của của Nhà nước. Một số đảng viên là cán bộ, một vài tập thể cấp ủy đã đề ra những chủ trương trái pháp luật, trái với quy định về quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước, làm tổn hại lợi ích chung, mưu lợi ích cục bộ. Một số không nhỏ đảng viên còn có phong cách làm việc độc đoán, mệnh lệnh, sách nhiễu dân, quan liêu hóa.

đ) Về đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Trước những thử thách nghiêm trọng chưa từng có trong thời gian qua do những biến động lớn của thế giới và trong nước, những người cộng sản Việt Nam càng vững vàng, kiên định trong khối đoàn kết thống nhất của mình trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đoàn kết trên đường lối, chủ trương, Điều lệ của Đảng, đoàn kết trên quy chế, quy định, hệ thống tổ chức bộ máy Đảng.

Dù chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời thất bại ở Liên Xô và các nước Đông Âu dẫn đến những phân hóa đau lòng về tư tưởng trong hàng ngũ những người cộng sản thế giới, ở Việt Nam những người cộng sản vẫn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam. Không xảy ra những khuynh hướng, những trào lưu tư tưởng khác nhau, đối lập nhau trong hàng ngũ Đảng. Những cá nhân phạm sai lầm đã được kịp thời phê bình, xử lý. Nhờ đó, kẻ thù không thể lợi dụng khó khăn để chia rẽ Đảng ta; trái lại, Đảng vẫn giữ vững đội ngũ để đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

---

1. Sđd, tr. 76.

Đoàn kết thống nhất về tư tưởng, lập trường là cơ sở để đoàn kết về chính trị. Đường lối chính trị của Đảng được toàn Đảng, toàn dân thảo luận và xác định, không áp đặt từ trên xuống, nên mỗi người đảng viên đều thấy rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong đó, từ đó ra sức bảo vệ và thực hiện nó, ra sức đấu tranh chống những biểu hiện sai lầm về đường lối chính trị.

Đoàn kết thống nhất được xây dựng từ cơ sở, nhờ thực hiện đúng những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Bảo đảm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt vừa là nguyên nhân, vừa là biểu hiện của đoàn kết trong Đảng.

Bên cạnh những ưu điểm ấy, một số nơi xảy ra mất đoàn kết nghiêm trọng, kéo dài, nguy cơ mất đoàn kết trong Đảng vẫn tiềm tàng. Một vài cá nhân - tuy không đông, nhưng có mặt ở nhiều nơi - nhân cơ hội mở rộng dân chủ, đã tìm cách truyền bá tư tưởng, quan điểm cơ hội, xét lại; đòi đa nguyên, đa đảng, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng... nhằm lôi kéo đảng viên xa rời Đảng, gây bè phái trong Đảng. Nhưng, phổ biến nhất của nguyên nhân gây mất đoàn kết là sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân. Do đặt lợi ích cá nhân cao hơn tất cả, tranh quyền, tranh lợi, nên đã gây mất đoàn kết nội bộ, chứ không phải do bất đồng về quan điểm chính trị. Mất đoàn kết do nguyên nhân này thường khó phát hiện, kéo dài, khó xử lý.

Tình trạng mất đoàn kết do chủ nghĩa cá nhân gây ra, thể hiện dưới nhiều hình thức: gây bè cánh để đưa nhau lên cương vị lãnh đạo; không khách quan và công tâm trong đánh giá cán bộ; không minh bạch và công bằng trong quản lý tài chính, công quỹ; không tôn trọng và thông cảm lẫn nhau giữa các loại cán bộ; quan hệ công tác, phong cách làm việc không dân chủ, tập thể, v.v.. Nơi nào cán bộ lãnh đạo lộng hành, "chạy chức, mua tước" gây bè cánh để thực hiện ý đồ làm giàu bất chính thì nơi đó mất đoàn kết nội bộ hoặc xảy ra kiện cáo, phản ứng gay gắt của nhân dân.

e) Về quan hệ với quần chúng, uy tín và sức cảm hóa quần chúng.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong những năm qua đội ngũ cán bộ đảng viên ngày càng gắn bó với quần chúng, tích cực tham gia xây dựng và hoạt động trong các đoàn thể và các tổ chức xã hội. Nhiều đảng viên đã đi đầu trong sản xuất và công tác. Đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước tích cực lao động, cải tiến kỹ thuật và quản lý. Đảng viên ở các cơ quan, đơn vị sự

nghiệp gắn bó với cán bộ, công chức, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ. Đảng viên ở nông thôn hăng hái tham gia và đẩy mạnh phong trào xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng, giúp đỡ và lôi cuốn quần chúng tham gia, đi đầu trong xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng và thực hiện hương ước, nội quy làng xóm, thôn ấp, bản, trong thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, trở thành những tấm gương tốt về xây dựng tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau đậm đà tình làng, nghĩa xóm.

Bên cạnh đó, ở không ít nơi, quan hệ giữa đảng viên với quần chúng bị suy giảm. Một bộ phận đảng viên có chức, có quyền đã quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu dân, gây nên hậu quả rất xấu, gây bất bình, thậm chí phản ứng gay gắt trong nhân dân.

Sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần kích thích mạnh nhu cầu, lợi ích vật chất cá nhân, nên đảng viên vừa hăng hái hoạt động vì lợi ích chung, đồng thời cũng bị lợi ích cá nhân chi phối. Không ít đảng viên đã bị tha hóa trong bối cảnh này, có cả những người trước đây từng là tấm gương sáng về nhân cách, phẩm chất. Quan liêu, coi thường quần chúng, không hiểu quần chúng vẫn còn là một căn bệnh khá phổ biến.

Đảng viên công tác trong bộ máy của Đảng và Nhà nước các cấp còn lúng túng trong phương thức liên hệ với quần chúng. Sống cách biệt với dân thì không thể nào hiểu được dân, dù có thông minh đến mấy, dù có thường xuyên nghe báo cáo, hội họp...

Hiểu được dân một cách đầy đủ và khách quan trong nền kinh tế thị trường không giản đơn như thời kỳ giải phóng dân tộc. Phương thức "ba cùng" từng phát huy hiệu quả tích cực trước đây, nay không dễ áp dụng, khi các điều kiện sinh hoạt, các quan hệ xã hội đã có nhiều thay đổi, khi điều kiện công tác của cán bộ, đảng viên cũng thay đổi rất lớn. Hiện nay, công nhân, nông dân và trí thức là ba lực lượng hợp thành khối liên minh chủ lực của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Cùng với ba thành phần trên, các giai cấp và tầng lớp khác sống hàng ngày bên cạnh những người cầm quyền, nhưng không phải tất cả đã hiểu đúng được họ và có phương thức cụ thể để tìm hiểu họ. Các cơ quan khoa học, các bộ phận chức năng trong hệ thống nhà nước làm công tác điều tra là cần thiết, nhưng không thể thay thế được cán bộ lãnh đạo, đảng viên trực tiếp đi vào quần chúng. Chính vì chưa làm tốt điều này, nên nhiều cán bộ nặng về công tác lãnh đạo, thực hiện quyền lực, coi nhẹ hay bỏ quên vai trò là đầy tớ của nhân dân. Xa quần chúng, cán bộ, đảng viên càng dễ tha hóa và sai lầm.

2. Đánh giá chung.

Để đánh giá đúng thực trạng đội ngũ đảng viên của Đảng ta hiện nay cần có quan điểm lịch sử - cụ thể, phải căn cứ vào những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đánh giá đúng sự bình tĩnh, vững vàng của đảng viên qua những biến động phức tạp của tình hình chính trị thế giới và trong nước, nhìn về truyền thống kiên cường, bất khuất, xả thân vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của đội ngũ đảng viên... Đành rằng, trong Đảng hiện nay vẫn còn nhiều hiện tượng tiêu cực, còn một bộ phận không nhỏ đảng viên thoái hóa về chính trị và đạo đức, song không nên nhìn vào một số đảng viên đó mà chỉ nhìn thấy như toàn màu tối, bi quan, phủ nhận sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể đội ngũ đảng viên. Nói như thế không có nghĩa là biện hộ và bỏ qua những tiêu cực trong đội ngũ đảng viên. Trái lại, phải phân tích, mổ xẻ các tiêu cực đó, thấy hết mức độ nghiêm trọng và tác hại nhiều mặt của nó, coi đó là những nguy cơ của Đảng, của cách mạng và tìm cách khắc phục. Chỉ có sự nhìn nhận, đánh giá như thế chúng ta mới thấy rõ thực chất đội ngũ đảng viên, mới tránh được mâu thuẫn trong đánh giá đảng viên: chất lượng đảng viên còn thấp, nhưng thành tựu đổi mới do đội ngũ đảng viên tham gia và lãnh đạo đem lại là đáng phấn khởi.

Trong những năm đổi mới vừa qua, mỗi đảng viên của Đảng ta sống và hoạt động trong hoàn cảnh có nhiều đặc điểm mới so với những năm áp dụng cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới, những thách thức mới của bước chuyển sang cơ chế thị trường, mở rộng dân chủ, mở cửa hội nhập với bên ngoài, đảng viên của Đảng ta vẫn tăng về số lượng, đại đa số vững vàng trước những biến động trong nước và thế giới, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hăng hái đi đầu trong công cuộc đổi mới, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cách mạng trong sáng, lối sống trong sạch, lành mạnh, cần, kiệm, liêm, chính. Nhiều đảng viên hoạt động trong các môi trường, điều kiện khó khăn đã năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn tìm tòi, thử nghiệm nhiều cách làm mới, đạt hiệu quả cao, được quần chúng tin yêu, ca ngợi. Đại bộ phận đảng viên có ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, Điều lệ của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, những quy định của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt mạnh nêu trên, đội ngũ đảng viên của Đảng ta vẫn còn nhiều mặt yếu kém. Tình trạng "đảng viên đông, nhưng không mạnh" được Đảng ta khẳng định tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) đến nay vẫn chưa được cải thiện một cách cơ bản:

- Tỷ lệ đảng viên phát huy tốt vai trò tiên phong gương mẫu còn thấp.

- Sự phân bố đảng viên và cơ cấu đội ngũ đảng viên chưa hợp lý.

Số lượng đảng viên ở nông thôn chiếm tỷ lệ trên 50%, đảng viên ở miền núi, trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, vùng tôn giáo tập trung chiếm tỷ lệ quá thấp. Ngay trong khu vực nông thôn, số lượng đảng viên cũng phân bố không hợp lý.

Ở vùng đồng bằng tập trung số lượng lớn đảng viên, nhiều đảng bộ xã có 400 - 600 đảng viên, trong khi đó ở các xã vùng núi, nhất là vùng núi cao, số lượng đảng viên lại rất mỏng; hàng nghìn thôn, ấp, bản chưa có chi bộ, rất nhiều xóm chưa có đảng viên. Trong điều kiện hiện nay thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò rất quan trọng, nhưng số lượng đảng viên trong thành phần kinh tế này còn ít.

- Nguy cơ tụt hậu và không đều về trí tuệ.

Trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật của đảng viên nông thôn thấp so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, nhất là so với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ở nhiều đơn vị cơ sở, trình độ mọi mặt của đảng viên thấp hơn quần chúng.

- Đảng có nguy cơ bị "lão hóa".

Số đảng viên dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ thấp. Ở nhiều nơi nguồn phát triển đảng viên trẻ bị hụt hẫng nghiêm trọng. Từ đó, tuổi đời bình quân của đội ngũ đảng viên tăng nhanh.

- Tình trạng cơ hội về chính trị, thoái hóa về đạo đức lối sống, nhất là tham nhũng của một bộ phận không nhỏ đảng viên là rất nghiêm trọng và đáng lo ngại.

Trong đội ngũ đảng viên đã có một số cơ hội về chính trị, phai nhạt lý tưởng cộng sản, dao động, hoài nghi về con đường xã hội chủ nghĩa, một số đã công khai bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, quan điểm của Đảng, phản bội và từ bỏ Đảng, phụ họa với kẻ thù để phá hoại Đảng, phá hoại cách mạng. Trong phát biểu khai mạc Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nói: "Đáng chú ý là có một số ít người cơ hội chính trị dưới nhiều biểu hiện khác nhau; trong số này, có loại đối lập, có

loại phủ định, phủ định cả Cương lĩnh, Nghị quyết của Đại hội Đảng. Có người nói độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội bây giờ không đúng nữa, chỉ có độc lập dân tộc thôi. Như vậy là họ phủ định vấn đề mấu chốt của Cương lĩnh".

Một bộ phận đảng viên kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý suy thoái về phẩm chất, đạo đức và lối sống, sống buông thả, thực dụng, chạy theo đồng tiền, mắc các bệnh quan liêu, tham nhũng, xa dân, gây mất đoàn kết nội bộ, không chấp hành nghiêm nghị quyết, kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước, làm tổn hại nghiêm trọng đến uy tín của Đảng, danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ghi: "Sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn".

- *Tính chiến đấu, hiệu quả tự phê bình và phê bình giảm sút.*

Mặc dù Đảng luôn đòi hỏi các tổ chức đảng và đảng viên phải nêu cao tinh thần tiến công cách mạng, tính chiến đấu, tích cực đấu tranh với những nhận thức, lời nói và việc làm sai trái, nhưng trên thực tế, tính chiến đấu trong sinh hoạt cấp ủy và tổ chức đảng của đảng viên ngày càng yếu. Hầu hết các vụ việc tiêu cực, sai phạm của đảng viên đều do cấp ủy cấp trên, do ủy ban kiểm tra, do quần chúng hoặc công luận phát hiện, tố giác. Khi vụ việc bị phanh phui thì sự phê phán trong nội bộ cũng chưa thật nghiêm túc, thẳng thắn, có xu hướng che giấu thực chất, xử lý nội bộ. Thực tế là, đảng viên chỉ nhận khuyết điểm khi không thể chối bỏ được, chỉ chịu xử lý khi bằng chứng buộc tội rõ ràng. Ngoài việc đổ lỗi cho khách quan, nhiều nơi còn dùng "trách nhiệm tập thể" để che đỡ cho cá nhân sai phạm.

Tự phê bình và phê bình hầu như không còn được đảng viên thực hiện thường xuyên, đúng với ý nghĩa của nó. Tự phê bình không thật thành khẩn, nhất là các đảng viên có sai phạm. Phê bình không thẳng thắn, nhất là đối với đảng viên có chức quyền, là cán bộ lãnh đạo cấp trên. Nơi phê bình gay gắt thì lại là do động cơ cá nhân, bè cánh, không mang tính xây dựng. Do tự phê bình và phê bình trong tổ chức đảng không tốt, đảng viên đưa thiếu sót của đồng chí mình ra để quần chúng bàn tán, suy diễn; trong sinh hoạt không nói thẳng, nói hết, nhưng sau đó lại viết thư tố cáo nặc danh tán phát rộng rãi, gây xôn xao dư luận, nghi ngờ lẫn nhau.

- Nguy cơ kém thống nhất về ý chí và hành động trong đội ngũ đảng viên.

Hầu hết đảng viên chăm lo rèn luyện, tu dưỡng, nghiêm túc và thẳng thắn, nhưng một số đảng viên khác phẩm chất kém, năng lực yếu chỉ lo tìm cách để được bầu vào cấp ủy, được đề bạt, cất nhắc và thực tế đã có những người như thế đạt được mong muốn của mình.

Nhiều đảng viên không giữ chức vụ trong bộ máy nhà nước và cơ quan kinh tế gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, trong khi đó một bộ phận đảng viên có chức, có quyền bằng con đường phi pháp giàu lên nhanh chóng, tạo nên sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gay gắt trong đội ngũ đảng viên. Trong khi đa số đảng viên sống liêm khiết thì những đảng viên tham nhũng, vi phạm pháp luật nghiêm trọng không bị xử lý, vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. Đây là cơ sở tạo nên nguy cơ kém thống nhất về ý chí và hành động.

3. Nguyên nhân.

a) Nguyên nhân của ưu điểm.

- Về chủ quan

Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đặc biệt là về kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng đúng đắn, sáng tạo, coi phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, trong đó đặc biệt coi trọng nhiệm vụ nâng cao chất lượng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong điều kiện mới.

Nhiều cấp ủy và tổ chức đảng các cấp đã tích cực chủ động cụ thể hóa nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong đó chú trọng cụ thể hóa tiêu chuẩn đảng viên, đề ra những chủ trương, biện pháp phù hợp với cơ sở mình về giáo dục, rèn luyện, phân công công tác và quản lý đảng viên, khơi dậy tính sáng tạo, phát huy trí tuệ của đội ngũ đảng viên, phát triển đảng viên mới, phân loại, sàng lọc đảng viên và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng...

Đông đảo đảng viên được rèn luyện, trưởng thành trong các cuộc chiến tranh khốc liệt, lâu dài, gian khổ, trong xây dựng miền Bắc và trong công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh xây dựng đất nước đầy gian lao, vất vả sau khi thống nhất đất nước. Họ thấy rõ giá trị của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Bản chất cách mạng, ý chí quật cường, tinh thần chịu đựng gian khổ được tuyệt đại bộ phận đảng viên phát huy trong điều kiện mới. Trên từng vị trí công tác, đảng viên ra sức rèn luyện, phấn đấu trở thành

chiến sĩ tiên phong trong công cuộc đổi mới, đưa đất nước tiến đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Về khách quan

Công cuộc đổi mới đúng đắn trên đất nước ta đã tạo ra khí thế mới, điều kiện thuận lợi để đội ngũ đảng viên phát huy trí tuệ, tính sáng tạo, rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành trong điều kiện mới.

Nhân dân ta kiên cường bất khuất, gắn bó mật thiết với Đảng, tích cực bảo vệ Đảng, tham gia xây dựng Đảng, rèn luyện, quản lý đội ngũ đảng viên, giới thiệu người tốt cho Đảng, phát hiện những đảng viên thoái hóa, biến chất để Đảng xem xét xử lý, cổ vũ, động viên những đảng viên tốt, quên mình vì độc lập Tổ quốc, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân, có lòng vị tha với những cán bộ, đảng viên có sai phạm nhưng biết nhận lỗi và thật lòng hối cải.

Sau sự tan rã và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, tình trạng hiện nay của những người cộng sản và nhân dân lao động ở các nước này đã chỉ cho các cấp ủy đảng và đội ngũ đảng viên thấy rõ rằng, để đổi mới thắng lợi phải đặc biệt coi trọng đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

b) Nguyên nhân của những mặt hạn chế.

- Về chủ quan

Ý thức trách nhiệm, sự tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu vươn lên trong điều kiện mới của nhiều đảng viên còn thấp. Trong cuộc chiến đấu chống lại tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, những cám dỗ vật chất và quyền lực, không ít đảng viên đã lãng quên, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, mất dần dũng khí, rơi vào sai phạm với mức độ khác nhau. Phải nói rằng, đây là nguyên nhân sâu xa và quyết định nhất. Cùng môi trường sống và công tác, đa số đảng viên vẫn giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng nhờ tích cực tu dưỡng, rèn luyện, nên không thể đổ lỗi cho hoàn cảnh. Nếu đảng viên không tự giác phấn đấu thì dù các tổ chức đảng có tích cực giáo dục, quản lý đến mấy, dù cơ chế, chính sách và luật pháp có chặt chẽ đến mấy, những đảng viên có động cơ cá nhân vẫn có thể có vi phạm dưới dạng này hay dạng khác. Còn về năng lực, bên cạnh một số đảng viên tự mãn, ngại khó, có một bộ phận đảng viên do trình độ hạn chế nên sự vươn lên của họ rất chậm, thậm chí không vươn lên được. Một bộ phận không nhỏ đảng viên đã dành phần

lớn cuộc đời cho các cuộc chiến tranh, ít có điều kiện học tập nâng cao trình độ, bước vào thời kỳ đổi mới đã không đáp ứng được nhiệm vụ.

Công tác đảng viên của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn yếu kém ở các khâu: nhận thức, cụ thể hóa tiêu chuẩn đảng viên; giáo dục, rèn luyện đảng viên; phân công công tác và quản lý đảng viên; đánh giá, phân loại và sàng lọc đội ngũ; phát triển đảng viên mới. Nhận thức của các cấp ủy đảng về nội dung tính tiên phong của đảng viên trong thời kỳ mới, về tiêu chuẩn đảng viên trong điều kiện Đảng cầm quyền chưa thật sâu sắc. Từ đó, trong một thời gian dài, khi kết nạp và đánh giá đảng viên, nhiều cấp ủy đã hạ thấp yêu cầu xuống như người công dân tốt, người lao động tiên tiến. Một số tổ chức đảng thực hiện chưa nghiêm, chưa thành nền nếp các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, xử lý chưa nghiêm minh và kịp thời những đảng viên thoái hóa, biến chất, chưa chú trọng dựa vào quần chúng để thực hiện công tác đảng viên. Các cấp ủy chưa chỉ đạo và tiến hành tổng kết sâu sắc các vấn đề về xây dựng Đảng trong điều kiện mới, về quan hệ giữa số lượng và chất lượng đảng viên, về các biện pháp có hiệu quả để giáo dục, quản lý đảng viên, nâng cao chất lượng các khâu công tác đảng viên.

Cấp ủy huyện, quận, tỉnh, thành phố và tương đương ở một số nơi chưa quan tâm theo dõi, giúp đỡ, kiểm tra cơ sở về thực hiện công tác đảng viên như: cụ thể hóa tiêu chuẩn, giáo dục, bồi dưỡng đảng viên, quan tâm chỉ đạo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phát triển đảng viên mới bảo đảm số lượng và chất lượng, kết luận và xử lý đảng viên có quan điểm trái với đường lối, quan điểm của Đảng, vi phạm Điều lệ Đảng, thoái hóa, biến chất...

Các cơ quan chức năng của Trung ương chưa khẩn trương nghiên cứu, kết luận và hướng dẫn cấp dưới cụ thể hóa tiêu chuẩn đảng viên đối với từng ngành, địa phương, chưa làm tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong đội ngũ đảng viên và công tác đảng viên trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường mở cửa, nên các tổ chức đảng cấp dưới lúng túng, bị động trước những vấn đề đó.

- Về khách quan

Trước thực trạng: Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp đúng đắn và khá cụ thể, nhưng tình hình "đảng viên đông mà không mạnh" vẫn chưa được cải thiện rõ nét, vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống; sau mấy năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)

khoá VIII tình trạng trên chưa được đẩy lùi, thậm chí còn có xu hướng tiếp tục tăng và diễn biến phức tạp hơn, v.v... có hàng loạt câu hỏi được đặt ra. Rõ ràng, để giải thích tình hình phải tìm đến các nguyên nhân sâu xa hơn.

Trước hết, có nguyên nhân tiềm ẩn từ nguy cơ của Đảng trong điều kiện có chính quyền mà Lênin và Hồ Chí Minh đã từng cảnh báo. Đảng cầm quyền, nên hầu hết các cương vị chủ chốt trong bộ máy nhà nước, các cơ sở kinh tế của Nhà nước do đảng viên nắm giữ; đảng viên luôn được quần chúng nhìn nhận như người lãnh đạo. Từ đó, những đảng viên có động cơ xấu có điều kiện, môi trường để vi phạm, khi vi phạm thì có cách để chống chế, lẩn tránh sự xử phạt. Đảng viên cũng quan liêu, xa cách dân theo sự quan liêu hóa của bộ máy nhà nước. Nhiều khi quần chúng thấy đảng viên sai cũng ngại phê bình, vì sợ bị hiểu lầm.

Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước có xuất phát điểm về kinh tế rất thấp, lại chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh ác liệt, đời sống nhân dân nói chung, của đảng viên nói riêng còn gặp nhiều khó khăn.

Đảng viên vẫn còn chịu sự tác động khá mạnh mẽ của nếp nghĩ, tầm nhìn, phong cách làm việc trong điều kiện thực hiện cơ chế hành chính, tập trung quan liêu, bao cấp. Mặt trái của cơ chế thị trường tác động mạnh làm cho một bộ phận đảng viên không đủ bản lĩnh đã suy thoái về phẩm chất, đạo đức và lối sống. Sự sụp đổ nhanh chóng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, sự thoái trào của phong trào cộng sản quốc tế làm cho một số đảng viên hoang mang, dao động, hoài nghi con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, giảm sút ý chí phấn đấu, thoái hóa về chính trị. Các thế lực thù địch - đứng đầu là đế quốc Mỹ lại ráo riết thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" mà một trong những trọng tâm là phá hoại Đảng, làm giảm sút vai trò, tác dụng, ý chí phấn đấu của đội ngũ đảng viên.

Trong bộ máy tổ chức, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của từng tổ chức, mối quan hệ giữa các tổ chức và cơ chế vận hành của bộ máy chưa được xác định thật rõ. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách không được cụ thể hóa rõ ràng, nên trách nhiệm cá nhân trước các sai phạm không rõ, cá nhân dễ dựa thế tập thể để phục vụ cho mục đích vụ lợi riêng tư.

Hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách của Nhà nước thiếu đồng bộ, chậm điều chỉnh, còn những kẽ hở, tạo điều kiện cho một số đảng viên xấu lợi dụng thực hiện ý đồ cá nhân của mình, thiếu các chuẩn mực để đánh giá đội ngũ đảng viên và từng đảng viên.

III.
NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ MỚI

1. Tình hình nhiệm vụ và những yêu cầu mới của cách mạng Việt Nam.

a) Nhiệm vụ tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập với bên ngoài.

Những thành tựu bước đầu về kinh tế - xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị và mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế trong hơn mười năm đổi mới cho phép chúng ta đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đó là một nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn để nước ta thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, mở ra vận hội mới đưa nước ta vươn lên trở thành nước tiên tiến trong thế kỷ XXI. Mục tiêu đến năm 2020 được Đại hội VIII xác định là: *"Xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp"*[1].

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010) được Đại hội IX của Đảng thông qua nhằm mục tiêu: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 80.

theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao"[1].

Mục tiêu và những nhiệm vụ kinh tế - xã hội đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân ta từ nay đến năm 2010 và đến năm 2020 cao hơn và khó khăn, phức tạp hơn nhiều so với nhiệm vụ những năm qua. Để thực hiện mục tiêu có ý nghĩa lịch sử nói trên, phải phát huy sức mạnh toàn dân tộc, kết hợp cao độ tinh thần cách mạng với sự nhận thức đúng đắn tình hình thực tế đất nước, bối cảnh thời đại, những quy luật khách quan của sự phát triển kinh tế - xã hội. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đặt ra cho Đảng ta và nhân dân ta những nhiệm vụ rất to lớn. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực tiễn cách mạng đặt ra cho Đảng ta không đơn thuần chỉ là tìm các giải pháp để phát triển kinh tế, mặc dầu đó là vấn đề quan trọng hàng đầu, mà cùng với nó, phải giải quyết hàng loạt vấn đề trên tất cả các lĩnh vực, các mối quan hệ mật thiết với nhau tạo thành một chỉnh thể, như quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, quan hệ giữa xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường và mở cửa với bên ngoài, v.v...

Với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần, sự cạnh tranh giữa các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau (trong đó có cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) rất quyết liệt. Để giành chiến thắng trong cạnh tranh, không loại trừ việc một số doanh nghiệp - trong đó có đảng viên làm cán bộ quản lý - sử dụng cả các thủ đoạn phi pháp, gian dối. Trên thực tế, đã có không ít doanh nghiệp dùng cách đưa hối lộ, biếu xén các cán bộ, nhân viên nhà nước để được trúng thầu, vay vốn trốn lậu thuế, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép... Đảng viên hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phải lo làm sao nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, có thị trường tiêu thụ, làm ăn có lãi. Đảng viên là cán bộ quản lý nhà nước phải đương đầu với sự cám dỗ của đồng tiền, cảnh giác không để mắc vào các thủ đoạn mua chuộc, lợi dụng của những người khác. Đây thật sự là cuộc đấu tranh tư tưởng hết sức quyết liệt, trong đó sự tự giác và bản lĩnh cộng sản của mỗi người đảng viên giữ vai trò quyết định.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2001, tr. 89-90.

Kinh tế nhiều thành phần kéo theo cơ cấu xã hội trở nên phức tạp, cơ cấu thành phần trong Đảng cũng đa dạng hơn. Một mặt, quan hệ giữa đảng viên với quần chúng không đơn thuần như trước, mà có thêm nhiều đối tượng mới với nhu cầu, nguyện vọng, trình độ, tâm lý riêng. Mặt khác, trong đội ngũ đảng có một số hoạt động trong khu vực kinh tế tư nhân, một số thường xuyên đi làm ăn xa, làm việc với người nước ngoài hoặc có người thân ở nước ngoài, nhiều người có mức sống cao và không ít đảng viên không có việc làm, mức sống thấp. Sự phân hóa, chênh lệch đó dễ dẫn tới sự thiếu thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng, có thể gây rạn nứt, bè phái.

Đặc biệt, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa, từng bước phát triển kinh tế tri thức đặt ra đòi hỏi mới rất cao đối với đảng viên về trình độ khoa học - công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, hiểu biết chính sách và luật pháp... Nếu không vươn lên mạnh mẽ, đảng viên sẽ bị tụt hậu so với yêu cầu, với thực tiễn và với cả quần chúng. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ diễn ra trong khu vực vừa qua là lời cảnh báo về yêu cầu nâng cao năng lực quản lý kinh tế của đảng chính trị cầm quyền tất cả các nước.

Đi vào cơ chế thị trường có nghĩa là phải đấu tranh với những mặt trái và tiêu cực không ngừng nảy sinh trong cơ chế đó. Hiện nay, mặt trái của cơ chế thị trường đang biểu hiện rõ rệt cả trong lĩnh vực kinh tế - xã hội lẫn trong lĩnh vực văn hóa, tinh thần. Tình trạng thất nghiệp đang là vấn đề không dễ giải quyết. Sự phân hóa giàu nghèo đang gia tăng giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư. Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng xa, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, còn nhiều khó khăn. Điều rất đáng lo ngại hiện nay là, ở một bộ phận xã hội, phát triển quan niệm sống xa lạ với các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bàng quan về chính trị, tôn thờ lối sống vị kỷ, thực dụng, chạy theo đồng tiền... Có những biểu hiện xuống cấp về đạo đức nghiêm trọng, mang tính phổ biến. Trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, lý tưởng cách mạng bị phai nhạt, phẩm chất đạo đức sa sút, gây ảnh hưởng xấu đến đạo đức, lối sống, niềm tin của toàn xã hội, nhất là thanh niên. Nhiều tệ nạn xã hội trước đây từng bị đẩy lùi, nay đang phát triển với mức độ đáng lo ngại như bạo lực, côn đồ, lưu manh, cướp giật, mại dâm, cờ bạc, nghiện hút, lưu hành và sử dụng văn hóa phẩm đồi trụy... Gần đây, nạn nghiện ma túy đã lan tràn vào học đường là một nguy cơ lớn đối với tiền đồ của dân tộc. Nạn mê tín dị đoan, khôi phục các hủ tục đang lan tràn ở khắp nơi.

Đảng ta phải đối mặt và giải quyết toàn bộ những vấn đề đó. Đồng thời, những vấn đề đó tác động hàng ngày hàng giờ và tác động nhiều chiều đến đội ngũ đảng viên.

b) Yêu cầu giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện đổi mới hệ thống chính trị, dân chủ hóa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

"Đảng có vững cách mạng mới thành công: cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"[1]. Tư tưởng đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đúng trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mà còn giữ nguyên giá trị trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bất luận trong thời điểm nào, sự lãnh đạo của Đảng vẫn luôn luôn là nhân tố quyết định nhất đến thành bại của sự nghiệp cách mạng. Đến lượt mình, Đảng chỉ làm tròn được vai trò người lãnh đạo khi bản thân Đảng thực sự vững mạnh, trong sạch. Muốn vậy, Đảng phải thường xuyên xây dựng mình, đồng thời phải bảo vệ mình trước những biến động của thời cuộc và những đòn tấn công thâm hiểm của kẻ thù.

Ngày nay, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Đảng phải thực hiện trong những điều kiện mới với những khó khăn, phức tạp hơn so với thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Chính điều đó đặt ra trước Đảng ta những yêu cầu mới, nhiệm vụ to lớn và hết sức nặng nề.

Đặc biệt nguy hiểm là sự tấn công của kẻ thù bằng cách tập trung xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, công kích hệ tư tưởng của Đảng, đả phá nguyên tắc tập trung dân chủ - nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Đảng; phá sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, tìm mọi cách để chia rẽ đội ngũ đảng viên, nhất là giữa những đảng viên có chức, có quyền với các đảng viên thường, đảng viên nghỉ hưu; mua chuộc và biến một số người thành những kẻ phục vụ cho mưu đồ đen tối của chúng; phá mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, tạo sự đối lập giữa Đảng với Nhà nước; giữa Đảng, Nhà nước với quần chúng nhằm triệt tiêu sức mạnh của Đảng; tìm mọi cách làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, làm lỏng lẻo các tổ chức đảng để từng bước làm cho Đảng biến "màu" từ đảng cộng sản thành đảng dân chủ - xã hội và cao hơn có thể biến thành đảng tư sản, thực hiện ý đồ "đỏ vỏ nhưng xanh lòng", đồng thời kích động tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 268.

Mặt khác, trong điều kiện đất nước ta đang chuyển mạnh từ nền kinh tế hiện vật, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, thực hành chính sách mở cửa, mở rộng giao lưu quốc tế đòi hỏi Đảng ta phải chủ động, tích cực thực hiện có hiệu quả những trọng trách và sứ mệnh của một Đảng cầm quyền.

Để kết hợp chặt chẽ xây dựng và bảo vệ Đảng hiện nay, trước hết phải thực hiện có hiệu quả việc *xây dựng và bảo vệ tư tưởng* của Đảng, tức là phải làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng thấm sâu vào từng đảng viên và tổ chức đảng, làm cho nó thực sự là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Mỗi đảng viên, tổ chức đảng phải thấu hiểu đầy đủ những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng, vận dụng sáng tạo vào những điều kiện cụ thể để góp phần cùng toàn Đảng hoàn thiện cương lĩnh, chiến lược cách mạng, xây dựng nội bộ Đảng; đồng thời, phải chủ động tiến công đánh bại những luận điệu xuyên tạc, phản động hòng phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh và đường lối của Đảng, để cho Đảng thực sự vững mạnh. Toàn Đảng, các tổ chức đảng và mọi đảng viên phải tích cực tiến hành có hiệu quả công tác nghiên cứu, phát triển lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tiến hành tổng kết thực tiễn, nhất là thực tiễn của sự nghiệp đổi mới, tìm ra được những ưu điểm, khuyết điểm, những bài học kinh nghiệm, dự kiến được xu thế phát triển của tình hình để có chủ trương hành động đúng đắn; kiên quyết đấu tranh chống lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập mà thực chất là phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với toàn bộ xã hội. Đồng thời, phải tích cực đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng, nâng cao trình độ tri thức, phẩm chất đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên và các tổ chức đảng; nâng cao niềm tin, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Việc giáo dục hiện nay cần phải gắn chặt với việc đấu tranh khắc phục có hiệu quả chủ nghĩa giáo điều, kinh nghiệm, bệnh bảo thủ, trì trệ cũng như nóng vội, tệ tham nhũng, buôn lậu, những biểu hiện cá nhân chủ nghĩa dưới mọi màu sắc.

Việc *xây dựng và bảo vệ Đảng trên lĩnh vực tổ chức* chính là bảo đảm Đảng thực sự là một đội quân có tổ chức chặt chẽ, một chỉnh thể thống nhất và năng động, có một đội ngũ đảng viên "vừa hồng", "vừa chuyên" đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng -

nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ - được thực hiện nghiêm chỉnh, bảo đảm Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động, triệu người như một. Cần sớm giải quyết tình trạng mất đoàn kết kéo dài trong một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, vi phạm nguyên tắc lãnh đạo tập thể, ý thức tổ chức và kỷ luật lỏng lẻo, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, Điều lệ và kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm nghiêm trọng dân chủ nội bộ... Mặt khác, trong tình hình hiện nay, kẻ thù có thể lợi dụng từng sự việc, từng cá nhân để phá hoại sự nghiệp của Đảng, chống lại Đảng. Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta cần tăng cường bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, mở rộng dân chủ phải gắn liền với thực hiện nghiêm chỉnh chế độ tập trung trong Đảng, kỷ luật của Đảng, thiểu số phải phục tùng đa số, địa phương phải phục tùng Trung ương. Cần nhận thức sâu sắc rằng, cùng với việc tập trung sức phủ nhận hệ tư tưởng của Đảng, kẻ thù cũng đang tìm mọi cách phá nguyên tắc tập trung dân chủ để biến Đảng thành một câu lạc bộ, tan rã về tổ chức. Chúng muốn các đảng viên của Đảng không phải hành động theo chủ trương, đường lối, nguyên tắc của Đảng mà theo ý muốn, sở thích của mỗi người. Vì vậy, cùng với việc xây dựng những quy chế hoạt động khoa học và có hiệu lực, phải tăng cường đấu tranh chống lại những luận điệu cho rằng: việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong điều kiện hiện nay là không còn thích hợp, là kìm hãm sự năng động sáng tạo của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, là vi phạm dân chủ nội bộ, v.v... Toàn Đảng, mỗi tổ chức đảng, mỗi đảng viên muốn thực sự làm tròn vai trò người lãnh đạo phải đoàn kết thống nhất trên cơ sở đường lối, nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng với một tinh thần tự giác, nghiêm túc.

Sức mạnh của Đảng không chỉ ở bản thân Đảng, mà còn ở *mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng*. Sự nghiệp đổi mới phải là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo của các tổ chức đảng, của đội ngũ đảng viên đã làm cho mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng bị rạn nứt, uy tín của Đảng trong quần chúng bị giảm sút, nhất là ở những nơi tổ chức đảng yếu kém. Vì vậy, kết hợp giữa xây dựng với bảo vệ Đảng đòi hỏi Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn toàn diện, phải chăm lo xây dựng đội ngũ đảng viên có phẩm chất cách mạng trong sáng, có năng lực để làm tròn vai trò người lãnh đạo, người đầy tớ của nhân dân; chăm lo xây dựng, hoàn thiện cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ", xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; chăm lo xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân; xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh, tạo mọi điều kiện để nâng cao dân trí, thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân

kiểm tra" và Quy chế dân chủ ở cơ sở; đồng thời, trong nội bộ Đảng cần thường xuyên giữ nghiêm kỷ luật, thực hành có kết quả cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, tệ quan liêu, xa rời quần chúng. Công tác xây dựng Đảng phải dựa vào quần chúng, tin tưởng và tạo mọi điều kiện để quần chúng thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng Đảng. Cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới. Mặt khác, Đảng và mọi đảng viên phải nâng cao năng lực giáo dục, thuyết phục quần chúng, vạch trần những luận điệu phản động, những hành động thâm độc của kẻ thù trong mưu đồ phá hoại mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, giúp nhân dân nâng cao được tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức và trách nhiệm bảo vệ, xây dựng Đảng, bảo vệ các đảng viên chân chính.

Đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của từng tổ chức thành viên và mối quan hệ giữa các tổ chức thành viên cấu thành hệ thống chính trị của xã hội, mở rộng dân chủ đi đôi với giữ vững trật tự, kỷ cương xã hội, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thật sự là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước hiện nay. Đó là nhiệm vụ của Đảng và phải có sự lãnh đạo của Đảng. Đổi mới hệ thống chính trị nhất thiết phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhân dân đòi hỏi phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội, nhưng không phải để làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, rơi vào dân chủ cực đoan, vô chính phủ.

Tuy nhiên, thực hiện được và đúng các yêu cầu đó không dễ. Trên thực tế, có nơi, có lúc đề cao vai trò của cơ quan nhà nước và các đoàn thể dẫn đến coi nhẹ vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Tình trạng lúng túng diễn ra ở nhiều nơi là: tổ chức đảng lúc thì bao biện, làm thay chính quyền, chuyên môn và đoàn thể, lúc lại buông lỏng sự lãnh đạo; cơ quan nhà nước, lãnh đạo chuyên môn và đoàn thể khi thì ỷ lại, dựa dẫm vào sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, khi lại có xu hướng muốn thoát ly sự lãnh đạo, kiểm tra của cấp ủy đảng. Khắc phục khuyết điểm về phía này lại dễ rơi vào khuyết điểm về phía đối lập.

Thực tế cho thấy, để khắc phục tình trạng này, vừa giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tối đa vai trò của Nhà nước và các đoàn thể ở các cấp, phẩm chất và năng lực của đảng viên là người lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị có vai trò rất quan trọng. Những người này có tính đảng cao, có ý thức tôn trọng kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, thật sự dân chủ, không tham quyền cố vị, dám làm và dám chịu trách nhiệm, có phong cách làm việc tập thể, khoa học... mới tổ chức việc đổi mới hoạt động

của hệ thống chính trị đúng đắn, có hiệu quả cao, không đổi mới một cách hình thức.

c) Nhiệm vụ giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của kẻ thù trong điều kiện mở cửa, hội nhập khu vực và thế giới.

Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, nước ta nằm trong "vòng ngắm" trực tiếp của âm mưu "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc. Các nhà vạch chiến lược, chính sách của Mỹ đều nhất quán chủ trương "thừa thắng lấn tới, tiếp cận, chuyển hóa" Việt Nam, coi Việt Nam là một trọng điểm trên con đường thanh toán chế độ chính trị cộng sản.

Trong những năm qua, các thế lực đế quốc tiến hành nhiều âm mưu, thủ đoạn nhằm lật đổ chế độ ta và buộc dân tộc ta phải khuất phục, đi theo quỹ đạo của chúng.

Với bản chất chống cộng, chống phá chủ nghĩa xã hội đến cùng, với âm mưu áp đặt quyền thống trị của mình đối với các dân tộc khác, chủ nghĩa đế quốc sẽ vận dụng những kinh nghiệm đã đạt hiệu quả cao ở Liên Xô, Đông Âu để phá vỡ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt tìm mọi cách nhen nhóm những quan điểm, tư tưởng cơ hội, xét lại, đầu hàng, thỏa hiệp, tự diễn biến ngay trong nội bộ Đảng cầm quyền, phá vỡ Đảng ta từ bên trong, gây rối loạn trong xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ.

Chính sách đối ngoại của Đảng ta là mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, tranh thủ tối đa những nguồn lực bên ngoài để xây dựng đất nước, đồng thời tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển. Đó là nhu cầu khách quan, phù hợp xu thế chung của thế giới ngày nay để đưa đất nước đi lên đáp ứng kịp thời những thách thức to lớn của thời đại. Nhưng, mặt khác, cùng với sự mở rộng giao lưu, hợp tác nhiều mặt, nhiều đối tác, những quan điểm tư tưởng xa lạ đủ loại cũng xâm nhập vào nước ta, đặt ra trước Đảng ta những yêu cầu và nhiệm vụ mới, đặc biệt trong việc giữ vững độc lập chủ quyền, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ thù, trong điều kiện mở cửa, hội nhập khu vực và thế giới, toàn cầu hóa kinh tế mạnh mẽ.

Chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc có mục tiêu rõ ràng là xóa bỏ chủ nghĩa xã hội từ bên trong, làm cho chủ nghĩa xã hội tự sụp đổ. Trong chiến lược "diễn biến hòa bình", vũ khí lợi hại nhất và được đặt lên hàng đầu và trong suốt quá trình thực hiện là vũ khí tư tưởng. Cuộc

chiến tranh tư tưởng được chủ nghĩa đế quốc phát động lần này xoay quanh trò bịp "phi ý thức hệ", coi như không có đối kháng tư tưởng, mà là sự đồng nguyên hoặc đa nguyên tư tưởng... Trò bịp "phi ý thức hệ", "phi hệ tư tưởng" thực chất để làm lu mờ bản chất giai cấp của hệ tư tưởng, làm xóa nhòa ranh giới và "lập lờ đánh lận con đen", làm cho nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa lơ là mất cảnh giác, bị chia rẽ và bị suy yếu từ bên trong. Cách làm của chúng là "mưa dầm thấm lâu", "nước chảy, đá mòn", tuy cố sức đẩy nhanh, nhưng vẫn kiên trì chờ chuyển hóa.

Các chiến lược gia đề xuất chiến lược "diễn biến hòa bình" đã đúc kết một nhận định: muốn tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa không thể dùng các lực tiến công từ bên ngoài, mà phải bằng cách tạo ra được các yếu tố bất ổn định bên trong, mà vấn đề then chốt nhất là làm tan rã đảng cộng sản cầm quyền. Cách đánh vào các đảng cộng sản là đưa được "con mồi" vào trong tổ chức để chia rẽ, đục phá Đảng Cộng sản, làm tan rã Đảng, trước hết về tư tưởng và tổ chức. Cùng với việc đó, chúng tìm cách gieo rắc sự mơ hồ, tư tưởng hoài nghi trong nhân dân, lôi kéo quần chúng, tách biệt Đảng Cộng sản với quần chúng, làm cho Đảng chia năm xẻ bảy, mất niềm tin của nhân dân, từ đó Đảng phải thay đổi đường lối chiến lược và mất sức dẫn dắt, mất vai trò hạt nhân lãnh đạo xã hội.

Để đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" có hiệu quả, cần đặc biệt chú trọng giữ vững trận địa tư tưởng, đấu tranh tư tưởng, *xây dựng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của chế độ xã hội,* làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội, giữ vững và phát triển hệ thống giá trị, chuẩn mực xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa: phải bằng tư duy mới, bằng thực tiễn sinh động để chứng minh bản chất cách mạng và khoa học, giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Để giành thắng lợi trong đấu tranh tư tưởng hiện nay, *mỗi đảng viên phải là một chiến sĩ tư tưởng kiên cường, sắc sảo của Đảng.* Cùng với việc coi trọng xây dựng và bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, từ cơ quan lãnh đạo cao nhất đến các chi bộ, không để xảy ra tình trạng phân hóa về tư tưởng và tổ chức, cần chăm lo củng cố và phát triển quan hệ đoàn kết, phối hợp hành động giữa các đảng viên với nhau, không để những nét khác biệt về tính cách, những mặc cảm cá nhân... làm cho các đảng viên ngoảnh mặt, quay lưng lại với nhau, làm suy yếu sức mạnh của Đảng và tạo lợi thế cho kẻ thù công kích, phá hoại. Những ý kiến khác nhau cần được thông qua thảo luận, đấu tranh một cách dân chủ, công khai, cởi mở, chân thành với ý thức

trách nhiệm, trên cơ sở giữ vững nguyên tắc, tính đảng, thái độ khách quan, khoa học và thực sự tôn trọng lẫn nhau để đi tới thống nhất.

Đấu tranh tư tưởng là một vấn đề mang tính xã hội phức tạp, sâu sắc và rộng lớn. Tư tưởng luôn gắn với chính trị, kinh tế, văn hóa, đạo đức, lối sống. Thành công trong đấu tranh tư tưởng phải thể hiện ra thành hành động tích cực trong hoạt động chính trị, trong sản xuất, thành phong cách và nếp sống lành mạnh, có văn hóa của mỗi người đảng viên.

Rõ ràng, từ toàn bộ những tình hình mới mẻ và bức xúc đó, việc nhìn nhận tư cách và đảm bảo hệ tiêu chuẩn mới của người cộng sản Việt Nam trở thành *một tất yếu, một nhu cầu* trong cả tiến trình giữ vững và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam trước mắt và trong tương lai.

2. Nội dung cơ bản nâng cao chất lượng đảng viên trong thời kỳ mới.

a) Về lập trường giai cấp, bản lĩnh chính trị.

Đảng viên phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng cộng sản, kiên định lập trường cách mạng của giai cấp công nhân, suốt đời phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng, đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, vững vàng, không dao động trước bất kỳ khó khăn, thử thách nào. Đây là tiêu chuẩn hàng đầu của người đảng viên, là tiêu chí đầu tiên phân biệt đảng viên với quần chúng. Gia nhập Đảng là việc làm tự giác, sinh hoạt trong Đảng là sinh hoạt với những người có chung lý tưởng, chung chí hướng và mục tiêu phấn đấu. Người nào sống không có lý tưởng chính trị, không có mục đích chiến đấu rõ ràng và không tán thành với lý tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thì không thể đứng trong hàng ngũ của Đảng. Vào Đảng là để phấn đấu suốt đời cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng, kiên trì với mục tiêu đó, kiên quyết đấu tranh với những gì đi ngược lại mục tiêu chung của Đảng.

Đảng ta là Đảng Cộng sản, Đảng cách mạng. Vì vậy, tất thảy mọi đảng viên phải là những chiến sĩ cách mạng trong đội quân tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam và cả dân tộc. Tính chất cách mạng, tính tiên phong đó thể hiện trước hết ở lý tưởng, hoài bão giải phóng và giữ vững nền độc lập dân tộc, cùng toàn Đảng đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản, dù con đường cách mạng đó có phải trải qua nhiều gian khổ, khó khăn, mỗi người phải đương đầu với nhiều thử thách quyết liệt, có khi phải hy sinh cả tính mạng của bản thân mình. Vì mục tiêu,

lý tưởng đã chọn, mỗi đảng viên phải luôn đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân, gặp khó khăn không nản chí, không gì có thể mua chuộc, làm lung lay được ý chí, quyết tâm đó. Có mục tiêu, lý tưởng cách mạng đúng đắn, rõ ràng và kiên trì với mục tiêu, lý tưởng ấy là điều kiện quan trọng để hình thành, nuôi dưỡng và rèn đúc nên bản lĩnh, khí tiết cách mạng kiên cường của người cộng sản, nhất là trong những lúc cách mạng gặp khó khăn nghiêm trọng, trong những lúc phải đấu tranh tư tưởng âm thầm, nhưng không kém phần quyết liệt với cái ác, cái xấu, với những luận điệu cơ hội, xét lại tác động tới, với chủ nghĩa cá nhân dễ bùng phát trong mỗi con người.

Mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của người đảng viên Việt Nam hiện nay được thể hiện cụ thể là phấn đấu thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện thành công công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Vì vậy, lập trường giai cấp của đảng viên hiện nay thể hiện ở thái độ đúng đắn, tích cực đối với công cuộc đổi mới, đi đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có thể nói, lúc này *thái độ và tinh thần đối với chủ trương đổi mới là thước đo phẩm chất, năng lực, vai trò tiên phong, gương mẫu của mỗi đảng viên.*

Tuy nhiên, đổi mới là một quá trình, là một cuộc vận động cách mạng rất nhiều phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải có định hướng đúng và có bước đi vững chắc, không thể nóng vội, giản đơn, cực đoan. Thực tế vừa qua ở nước ta cũng như ở nhiều nước anh em cho thấy, đổi mới không thể tiến hành một cách chủ quan, bất chấp quy luật, xa rời những nguyên tắc đã được thử thách, trong đổi mới không tránh khỏi những vấp váp, sai lầm. Thái độ đúng đắn của người cộng sản là phải bình tĩnh, tỉnh táo, không hốt hoảng, bi quan, không hoang mang, dao động. Người cộng sản hơn quần chúng bình thường chính là ở chỗ, những lúc càng khó khăn, càng phải vững vàng, kiên định lập trường cách mạng, giữ vững nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Lúc này, hơn ai hết, người cộng sản *phải kiên quyết đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ lý tưởng và sự nghiệp của Đảng, bảo vệ lợi ích của nhân dân, tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, ủng hộ những nhân tố mới đúng đắn, phê phán và đấu tranh với những biểu hiện mơ hồ, sai trái về tư tưởng, trước hết là tư tưởng chính trị; luôn cảnh giác với những âm mưu và thủ đoạn phá hoại của kẻ thù.* Chính lúc này là lúc thử thách phức tạp nhất đối với sự kiên định, bản lĩnh, lòng trung thành của mỗi đảng viên, kiểm

nghiệm những nhận thức, quan điểm ý thức tư tưởng của mỗi người cộng sản: đổi mới hay bảo thủ, vững vàng hay dao động, nhiệt thành xây dựng hay cơ hội, hữu khuynh...

Bản lĩnh chính trị là một đòi hỏi cơ bản và trực tiếp đối với từng đảng viên, gắn liền với tính ổn định chính trị của xã hội và sự vững vàng của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Người đảng viên phải đặc biệt coi trọng yêu cầu này trong việc rèn luyện nhân cách. Trình độ giác ngộ và bản lĩnh chính trị của đảng viên được biểu hiện rất rõ trong các phản ứng chính xác, kịp thời và nhất quán - dựa trên các nguyên tắc, hệ tư tưởng của Đảng - đối với những vấn đề chính trị hoặc các tình huống mang ý nghĩa chính trị. Điều này đặc biệt rõ trong cuộc đấu tranh tư tưởng và chính trị hiện nay. Sự mơ hồ trong nhận thức do thiếu hiểu biết, tình trạng giáo điều hóa tư tưởng và lý luận; tính bấp bênh, dao động trong lập trường, quan điểm chính trị do yếu kém về lý luận và phương pháp luận khoa học; sự hời hợt, giản đơn, không thấu hiểu sự phức tạp, tinh tế của thực tiễn chính trị có nguy cơ dẫn đảng viên đến những sai lầm chính trị. Lênin đã từng nhấn mạnh: Bất luận trong hoàn cảnh nào, mất phương hướng chính trị là một sai lầm nguy hiểm nhất đối với Đảng chính trị và những đảng viên của nó. Kinh nghiệm chính trị được tích lũy qua sự tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị trong Đảng và ngoài xã hội, mà ngày nay là trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, duy trì các nguyên tắc của Đảng, kiên định các mục tiêu và giá trị của chủ nghĩa xã hội.

Tính phức tạp của tình hình hiện nay không những phải được nhận rõ bằng lý trí tỉnh táo, bằng sự phân tích khoa học, mà còn bằng cả kinh nghiệm được đúc rút từ hoạt động thực tiễn. Đây là một yêu cầu quan trọng của nhân cách người đảng viên trong công cuộc đổi mới. Rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh để tích lũy kinh nghiệm và hình thành bản lĩnh chính trị cho đảng viên, nhất là đối với các đảng viên trẻ, các đảng viên trí thức, phải được xem là một phương hướng lớn trong công tác tư tưởng, công tác giáo dục, tuyên truyền của Đảng. Kinh nghiệm chính trị, bản lĩnh chính trị, một mặt, được hình thành qua giáo dục và rèn luyện trong tổ chức đảng; mặt khác, là kết quả của quá trình tích lũy *vốn sống thực tiễn* mà người đảng viên trực tiếp trải qua. Vốn sống ấy chứa đựng cả tri thức và kinh nghiệm, bao quát những lĩnh vực hoạt động và những quan hệ con người, quan hệ xã hội. Khi đã có vốn sống thực tiễn phong phú, kinh nghiệm dày dạn, sâu sắc lại cần có thêm tri thức lý luận, trình độ học vấn và văn hóa để có thể phân tích, chắt lọc, khái quát thành giá trị, để có thể tổng kết thành

lý luận, để không rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm cũng như tình trạng tách rời lý luận và thực tiễn.

Xét về sự phát triển nhân cách của người đảng viên, mối quan hệ giữa vốn sống thực tiễn và học vấn, giữa kinh nghiệm và lý luận, giữa lý thuyết và thực hành - nếu được xử lý đúng đắn - sẽ tạo nên cơ sở cho sự phát triển tính tích cực và sáng tạo của mỗi người. Người đảng viên - với tư cách là chiến sĩ tiên phong trong công cuộc đổi mới và được đào luyện trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội - phải là con người có học thức, có tư duy khoa học, có tính tư tưởng cao; đồng thời, cũng là con người thiết thực trong hành động. Phải tránh rơi vào những cực đối lập làm cho con người không có sự phát triển lành mạnh về nhân cách, như: hoặc mơ ước viển vông, lý tưởng trừu tượng, hoặc thô thiển, thực dụng (sống và hành động theo chủ nghĩa kinh nghiệm, chạy theo lợi ích vật chất); hoặc lý thuyết suông, không phải là con người hành động (do tách rời lý thuyết với kinh nghiệm trong thực tiễn), hoặc hành động mò mẫm, mù quáng; v.v... Phải đặc biệt lưu ý vấn đề này trong rèn luyện của mỗi đảng viên, đặc biệt là đảng viên trẻ ở nông thôn cũng như ở thành thị, cả với đảng viên xuất thân từ công - nông và đảng viên là trí thức.

Khi đề cập về lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị trong hệ tiêu chuẩn người cộng sản Việt Nam hiện nay, có hai vấn đề nổi bật đặc biệt cần xem xét và giải quyết.

Một là, vấn đề đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân không?

Trong Điều lệ Đảng và văn kiện các đại hội đại biểu toàn quốc, Đảng ta đã xác định: Đảng viên phải là người có lao động, không bóc lột; đảng viên không được làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân. Sự khẳng định như vậy là đúng đắn và cần thiết, thể hiện đúng lập trường nguyên tắc.

Tuy nhiên, trong thực tiễn cuộc sống, khi đi vào xử lý những trường hợp cụ thể lại gặp những gay cấn, mắc mớ khiến nhiều nơi, nhiều lúc lúng túng. Có nhiều câu hỏi vẫn tiếp tục được nêu lên, vẫn đang được nhắc lại một cách nghiêm túc và khi thảo luận về những vấn đề trên có nhiều ý kiến khác nhau.

Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân là vấn đề lớn, phức tạp và nhạy cảm, còn nhiều điều cần tiếp tục thảo luận để làm rõ cả về lý luận và thực tiễn. Cần tiếp tục làm sáng tỏ về lý luận các vấn đề: thế nào là bóc lột, là tư bản tư nhân ở nước ta và thái độ đối với các vấn đề này. Về mặt thực tiễn, cần tiến hành khảo sát, phân tích sâu tình hình đảng viên làm kinh tế

tư nhân hiện nay, nhất là những doanh nghiệp lớn, tác động tích cực và tiêu cực của nó đối với xã hội ra sao? Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan hệ chủ thợ trong doanh nghiệp như thế nào? Đánh giá của tổ chức đảng cơ sở và người lao động về doanh nghiệp đó, về người quản lý doanh nghiệp thế nào? Điều quan trọng nữa là, cần so sánh xem doanh nghiệp tư nhân có chủ doanh nghiệp là đảng viên có khác gì so với doanh nghiệp có chủ là người ngoài đảng không?

Hai là, vấn đề đảng viên xuất thân có tôn giáo và sinh hoạt tôn giáo của họ, nói gọn lại là vấn đề đảng viên có đạo.

Nước ta có 1/3 dân số là tín đồ các tôn giáo, nên trong hàng ngũ của Đảng có những đảng viên xuất thân là tín đồ các tôn giáo (khoảng 2% tổng số đảng viên ở vùng tôn giáo tập trung). Xét về mặt liên hệ với quần chúng, đây là một thuận lợi. Nhưng, thời gian qua, trong giải quyết vấn đề đảng viên xuất thân có tôn giáo và sinh hoạt tôn giáo của những người này vẫn có sự lúng túng, mỗi nơi xử lý mỗi khác.

Về vấn đề này, Lênin từng viết: "Chúng ta không những phải sẵn sàng kết nạp, mà còn cố gắng để thu hút vào trong Đảng dân chủ - xã hội tất cả những công nhân nào còn tin ở Thượng đế, chúng ta nhất định phản đối bất cứ một sự xúc phạm nhỏ nào đến những tín ngưỡng tôn giáo của họ, nhưng chúng ta thu hút họ để giáo dục họ theo tinh thần cương lĩnh của chúng ta, chứ không phải để họ tích cực chống lại cương lĩnh ấy"[1]. "Không nên nhất luật, và bất cứ trong trường hợp nào, cũng tuyên bố rằng các linh mục không thể trở thành đảng viên Đảng dân chủ - xã hội, nhưng lại càng không thể nhất luật tuyên bố ngược lại. Nếu có một linh mục nào lại cùng đi với chúng ta để cùng hoạt động chính trị, tận tâm làm tròn nhiệm vụ của mình trong Đảng và không chống lại cương lĩnh của Đảng, thì chúng ta có thể kết nạp người ấy vào hàng ngũ Đảng dân chủ - xã hội"[2]; nếu giả sử có một linh mục nào đã vào Đảng dân chủ - xã hội rồi, mà lại tiến hành việc tuyên truyền tích cực cho những quan niệm tôn giáo ở trong nội bộ đảng ấy, coi đó là công tác chủ yếu và gần như là công tác duy nhất của mình, thì đảng nhất thiết phải khai trừ linh mục ấy ra khỏi hàng ngũ của Đảng"[3].

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nói: "Có anh em hỏi một người công giáo có thể vào Đảng Lao động không? Có.

1, 2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 17, Nxb Tiến bộ, M. 1979, tr. 520, 519.

Người tôn giáo nào vào cũng được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng"[1].

Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) đã quy định:

Đảng viên là người xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo cần phải tham gia sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo để liên hệ, gần gũi quần chúng và tuyên truyền, vận động quần chúng làm cách mạng. Chủ trương đó cũng đã được Ban Tổ chức Trung ương Đảng hướng dẫn, cụ thể hóa.

Như vậy, vấn đề đảng viên là người xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo đã được quy định *có nguyên tắc và phù hợp thực tế*. Vấn đề là thực hiện cho đúng, trong đó cần chú ý:

- Đảng viên là người xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo phải được giáo dục, học tập để có kiến thức cơ bản về văn hóa, khoa học kỹ thuật, đặc biệt là thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo; phải quán triệt, trung thành với tôn chỉ, mục đích và đường lối chính trị của Đảng; nắm vững quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng nói chung, đối với tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng.

Về thế giới quan, trên cơ sở xác định chủ nghĩa duy vật biện chứng là chủ đạo, người đảng viên xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo ít nhiều còn có niềm tin vào đời sống tâm linh, song nhất thiết không được sa vào mê tín. Về chính trị, người đảng viên xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo phải tuyệt đối trung thành với mục đích, lý tưởng và cương lĩnh của Đảng, quán triệt và tuân thủ nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn đảng viên và tổ chức, kỷ luật của Đảng.

- Việc kết nạp quần chúng tiên tiến là người có tín ngưỡng tôn giáo vào Đảng phải tuân thủ đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, thủ tục theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương.

- Đảng viên là người xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo được tham gia các sinh hoạt tôn giáo tối thiểu cần thiết, theo bổn phận của người tín đồ bình thường về mặt tu học và hành đạo, được thực hiện các thánh lễ của đạo Công giáo, các quy định "tam quy ngũ giới" và các nghi thức hành lễ thường nhật của đạo Phật, các phép tắc của những đạo khác, như đối với người tín đồ bình thường, từ đó mà liên hệ gần gũi, làm nòng cốt gương mẫu đi đầu và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 115.

lãnh đạo quần chúng có đạo thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trực tiếp là chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Đảng viên là người xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo không được:

+ Nói và làm trái với Điều lệ, Cương lĩnh và đường lối, chính sách của Đảng.

+ Tiết lộ các bí mật của Đảng, kể cả trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Biến tổ chức và cơ quan của Đảng, Nhà nước thành nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Theo đuôi quần chúng lạc hậu cả về tư tưởng, chính trị, xã hội và về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Cấp có thẩm quyền của Đảng cần ban hành quy chế cụ thể, rõ ràng và khả thi, bao gồm những quy định đúng nguyên tắc, phù hợp đối tượng và thực tế, đối với đảng viên là người xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo, những chi bộ có đảng viên là người xuất thân có tín ngưỡng tôn giáo và các tổ chức đảng cấp trên của các chi bộ đó.

b) Về nhận thức, kiến thức, năng lực toàn diện thực hiện công cuộc đổi mới đất nước.

Đảng Cộng sản là đội tiên phong lãnh đạo, là trí tuệ, là danh dự và lương tâm của thời đại; mỗi đảng viên phải là một chiến sĩ tiền phong, gương mẫu, tiêu biểu cho những tư cách đó của Đảng. Muốn lãnh đạo cách mạng thành công, bên cạnh phẩm chất chính trị, lòng trung thành, nhiệt tình cách mạng, Đảng phải có tri thức, nắm vững quy luật, biết vận dụng quy luật và có năng lực tổ chức thực tiễn. Lòng trung thành và nhiệt tình cách mạng không phải là cái có sẵn, mà phải dựa trên sự giác ngộ chính trị, giác ngộ cách mạng, nhận thức được quy luật, hiểu rõ và hiểu sâu lý tưởng. Hai yếu tố ấy gắn chặt với nhau từ bên trong.

Đổi mới là một cuộc vận động cách mạng toàn diện và sâu sắc, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là một quá trình khó khăn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Đổi mới đụng chạm đến rất nhiều vấn đề, phá vỡ nhiều cái cũ đã lỗi thời ăn sâu vào nếp nghĩ, cách làm, đã thành thói quen, thành cơ chế, chính sách rất khó sửa. Mặt khác, thế giới cũng đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ với nhiều biến cố, nhiều cái cũ bị đảo lộn, nhiều vấn đề phức tạp mới nảy sinh; trên một số vấn đề dường như không dễ phân

biệt đúng sai để có thể kết luận và xử lý. Thời đại chúng ta lại là thời đại cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, thời đại tin học đạt nhiều thành tựu kỳ diệu, kinh tế tri thức phát triển, toàn cầu hóa kinh tế mạnh mẽ, hàng ngày lượng thông tin ào ạt đến rất nhanh và rất nhiều, đòi hỏi phải có trình độ thu nhận, phân tích và xử lý đúng đắn...

Rõ ràng, trong tình hình đó, nếu cán bộ, đảng viên không có kiến thức, không có trình độ nhất định về các mặt chính trị, lý luận, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, quản lý kinh tế - xã hội, pháp luật... thì không thể có đủ năng lực để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thậm chí còn phạm những sai lầm một cách vô ý thức. Vừa qua, không ít trường hợp đảng viên không phát huy được tác dụng, rơi vào tình trạng "trung bình", mất uy tín trước quần chúng, không phải do ý thức kém hoặc động cơ xấu mà là do thiếu hiểu biết, thiếu kiến thức. Đã qua rồi cái thời hễ cứ là đảng viên, là cán bộ thì dường như có thể làm được mọi việc. Ngày nay, mỗi người cộng sản chỉ có thể khẳng định vai trò lãnh đạo và uy tín của mình trong quần chúng bằng sự kiên định, trí thông minh, sự hiểu biết và khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Lênin đã dặn đi dặn lại những người cộng sản rằng: nếu chỉ có nhiệt tình và lòng dũng cảm không thôi thì không thể chiến thắng được chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, mặc dù nhiệt tình cách mạng và lòng dũng cảm là yếu tố cực kỳ quan trọng. Để chiến thắng chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, những người cộng sản còn phải có kiến thức, có trình độ văn hóa cao, có trí thông minh và năng lực làm việc. Muốn thế, phải không ngừng học tập, học tập một cách kiên trì và nghiêm túc; đừng bằng lòng với những kinh nghiệm của mình; kiêu ngạo cộng sản là báo hiệu một sự tụt hậu. Lênin nhấn mạnh rằng, những người cộng sản, - dù đó là những người cộng sản đã từng làm nên cuộc cách mạng vĩ đại chưa từng thấy trên thế giới, - vẫn cần phải học tập, học tập ngay một người bán hàng tầm thường. Người sẵn sàng đổi một tá những người cộng sản kém hiểu biết để lấy một chuyên gia thành thạo công việc, dù đó là chuyên gia tư sản.

Cơ sở của năng lực là kiến thức, học vấn, lý luận và văn hóa nói chung. Đây là những yếu tố tạo thành một cái nền vững chắc cho sự phát triển trí tuệ của người đảng viên trong công cuộc đổi mới. Không có sự phát triển thực chất về trí tuệ (mà dấu hiệu quan trọng bậc nhất của sự phát triển này là ở trình độ tư duy khoa học, là năng lực độc lập sáng tạo trong tư duy), thì không thể trở thành con người mới hiện đại tham gia vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội khoa học, hiện đại.

Tầm quan trọng lịch sử của công cuộc đổi mới hiện nay là ở chỗ, Đảng vừa phải khắc phục triệt để chủ nghĩa giáo điều lối tư duy giản đơn, thô sơ về chủ nghĩa xã hội, vừa phải cảnh giác với chủ nghĩa cơ hội, xét lại và bệnh giáo điều mới; thông qua đổi mới phải tiến tới lý luận khoa học tiên tiến nhất, xây dựng được quan niệm hiện đại về chủ nghĩa xã hội, đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Không thể đạt tới những mục tiêu ấy bằng những giới hạn của trí tuệ cũ, bằng thói quen của chủ nghĩa kinh nghiệm, bằng nhiệt tình tách rời hiểu biết, bằng lòng dũng cảm và ý chí tiến công cách mạng không kèm theo sự thấu hiểu những quy luật khách quan và thực tiễn xã hội. Khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trở thành nhiệm vụ và trọng trách của Đảng Cộng sản, của các đảng viên của nó trước xã hội, thì Đảng Cộng sản lãnh đạo sự nghiệp đó phải là một Đảng có tiềm lực tư tưởng, khoa học mạnh mẽ, đứng ở trình độ cao của trí tuệ xã hội và thời đại; người đảng viên phải là *người cộng sản có học thức.*

Đó là điều kiện cần, nhưng chưa đủ. Kiến thức, học vấn là những dữ kiện tinh thần tạo thành năng lực, chứ tự nó chưa trở thành năng lực. Người đảng viên phải tích lũy, trau dồi kiến thức, đồng thời phải "tiêu hóa" được nó, chuyển hóa nó thành phương pháp và từ đó làm chủ các phương pháp để đi tới các hành vi sáng tạo.

Để sáng tạo (dù trong những việc cụ thể nhất và những thao tác cơ bản nhất), kiến thức và phương pháp phải trở thành tư tưởng, tình cảm, niềm tin và hành động. Trước đây, trong những giai đoạn lịch sử mà lòng dũng cảm, đức tính dám hy sinh, xả thân vì nghiệp lớn được xem là tiêu chuẩn hàng đầu thì học vấn có thể bị che lấp một cách tạm thời. Nó là thực tế tự nhiên trong điều kiện chiến tranh giải phóng. Còn ngày nay, khi sự hiểu biết chính xác, cặn kẽ về mặt khoa học là yêu cầu bắt buộc đối với xây dựng kinh tế và kiến thiết chế độ mới, thì *niềm tin phải dựa trên cơ sở khoa học.* Những đòi hỏi mới về năng lực trong chủ nghĩa xã hội đã làm bộc lộ cái khoảng cách khá xa *từ người cộng sản yêu nước tới người cộng sản giác ngộ chân lý khoa học, tức là người mác-xít.* Lịch sử phong trào cộng sản và lịch sử các học thuyết, các trào lưu về chủ nghĩa xã hội đã cho thấy, có những người cộng sản chỉ dừng lại ở chủ nghĩa yêu nước, tình cảm dân tộc và cuối cùng bị cầm tù bởi lập trường của chủ nghĩa xã hội dân tộc hẹp hòi, biệt phái, không thể tiến xa hơn tới lập trường của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Người cộng sản yêu nước và dân tộc chủ nghĩa khác về căn bản với người cộng sản - giác ngộ và là những nhà mác-xít. Ngoài vấn đề quan điểm chính trị, ở đây có vấn đề kiến thức, năng lực và trí tuệ.

Trở lại vấn đề năng lực của người cộng sản trong sự nghiệp đổi mới. *Đó phải là năng lực sáng tạo, chứ không phải là năng lực thừa hành một cách lệ thuộc và thụ động.* Chỉ trên cơ sở sáng tạo mới dẫn tới sự phát triển năng động, đổi mới. Mọi sự thụ động, lệ thuộc giáo điều và máy móc không tránh khỏi trì trệ và lạc hậu. Lênin đã phân tích rất rõ điều này và lên án những kẻ mạo nhận là cộng sản nhưng dốt nát, đầu óc trống rỗng, kiêu ngạo. Người cũng vạch rõ sự hủ lậu và tác hại của "những con mọt sách cộng sản" đã giáo điều và thành nô lệ của tri thức trong việc tiếp nhận tri thức không có phê phán. Bên cạnh đó, Người đặc biệt đòi hỏi những người cộng sản chân chính phải biết làm giàu trí tuệ mình bằng tất cả kho tàng tri thức nhân loại. Tiếp thu tinh thần ấy của Lênin, Đảng ta nhấn mạnh rằng, phải rất coi trọng đổi mới tư duy, nắm lấy tất cả tri thức, kinh nghiệm và phương pháp, vươn tới trình độ cao của lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học.

Để đạt tới năng lực trí tuệ và sáng tạo không thể không trau dồi học vấn và coi học tập là trách nhiệm chính trị, nghĩa vụ đạo đức của người đảng viên. Trong Đảng ta hiện nay, trình độ học vấn nói chung của đảng viên còn thấp. Một bộ phận đảng viên ở các vùng dân tộc, miền núi còn mù chữ. Có không ít đảng viên, kể cả cán bộ đảng, trình độ văn hóa còn hạn chế. Đó là lực cản nội tại làm cho Đảng gặp khó khăn trong lãnh đạo, đặc biệt là lãnh đạo giới trí thức và lãnh đạo công tác khoa học - kỹ thuật.

Trong thời đại ngày nay, khoa học phát triển nhanh chưa từng thấy. Để có khả năng tiếp thu trí tuệ của thời đại, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đại, đáp ứng nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, ngoài các tiêu chuẩn cơ bản của đảng viên như giác ngộ giai cấp, giác ngộ lý tưởng cộng sản, có mối quan hệ tốt với quần chúng, gương mẫu rèn luyện học tập, v.v..., đảng viên còn phải có *trình độ chuẩn* sau:

- Có trình độ văn hóa trung học phổ thông trở lên;
- Có trình độ lý luận sơ cấp trở lên;
- Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tương ứng với công việc được giao.

Đó là những điều kiện tối thiểu để người đảng viên thực hiện tính tiền phong về hành động và về lý luận.

Đảng viên có trình độ văn hóa trung học phổ thông mới có khả năng tiếp thu kiến thức chuyên môn (học sơ cấp kỹ thuật đã yêu cầu có bằng cấp phổ thông trung học), lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, nghị quyết của Đảng và các quyết định của Nhà nước. Những

đảng viên có trình độ văn hóa thấp không hiểu sâu các nghị quyết của Trung ương, cương lĩnh, đường lối; học lý luận mà không hiểu thì trong công tác dễ mắc sai lầm.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, muốn có sự phát triển lành mạnh năng lực trí tuệ và tư duy sáng tạo, người đảng viên không chỉ cần có kiến thức học vấn phổ thông và chuyên sâu theo từng lĩnh vực nghề nghiệp, họ còn phải thường xuyên trau dồi một cách toàn diện về văn hóa và lý luận. Chỉ như vậy, người đảng viên mới có được thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật một cách sâu sắc, triệt để; mới đủ sức tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay; mới có thể trung thành một cách sáng tạo đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; mới bảo vệ được chủ nghĩa xã hội và đường lối của Đảng trên cơ sở có giác ngộ khoa học thật sự.

Người đảng viên không chỉ là con người hành động một cách chủ động, mà còn phải có năng lực làm việc, năng lực tổ chức, quản lý, năng lực giáo dục quần chúng, năng lực tổng kết thực tiễn, năng lực giao tiếp, đối thoại, tranh luận một cách dân chủ và có văn hóa. Những năng lực đó không có sẵn, không hình thành tự động, ngẫu nhiên, mà là kết quả của cả một quá trình dày công, kiên trì rèn luyện, học hỏi, tích lũy. Xuyên suốt tất cả các năng lực đó là năng lực phê phán, tự phê phán, sự nhạy cảm, khả năng điều chỉnh và thích ứng để thường xuyên tự đổi mới theo đúng quy luật. Yêu cầu này cần thiết cho mọi đảng viên. Nó càng đặc biệt cần thiết đối với các đảng viên ở các cương vị lãnh đạo, nhất là lãnh đạo cấp cao. Năng lực của người lãnh đạo này là *năng lực chiến lược,* chung đúc, trong đó cả tri thức, kinh nghiệm, bản lĩnh chính trị, tài tổ chức và thuyết phục.

Tuy nhiên, không nên hiểu yêu cầu về trình độ (văn hóa, lý luận, kỹ thuật) và năng lực của đảng viên một cách cứng nhắc, máy móc, nhất là cách đánh giá chỉ căn cứ vào bằng cấp. Tinh thần của việc đề ra yêu cầu này là đảng viên phải có tác dụng lôi cuốn, nêu gương và lãnh đạo được quần chúng. Người có trình độ cao, nhưng chỉ làm tốt bổn phận của mình, không "tỏa sáng", dìu dắt được ai thì cũng không thể là đảng viên. Trái lại, có người trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật còn hạn chế, nhưng năng lực lãnh đạo quần chúng tốt, cảm hóa được nhiều người, có tác dụng tích cực trong cộng đồng thì cần bồi dưỡng, giúp đỡ họ nâng cao trình độ để kết nạp vào Đảng.

Trước mắt, *đối với miền núi, vùng cao,* nhất là vùng sâu, vùng xa *và vùng tôn giáo tập trung,* có thể kết nạp vào Đảng những quần chúng ưu tú về mọi mặt, có uy tín cao trong quần chúng, nhưng trình độ văn hóa mới tốt nghiệp

phổ thông cơ sở (kể cả bổ túc văn hóa). Sau khi được kết nạp, các đảng viên này phải nhanh chóng học tập để sau không quá 5 năm tốt nghiệp được trung học cơ sở, có thể là bổ túc, sau đó học tiếp ở các lớp cao hơn.

Về năng lực hoàn thành nhiệm vụ, trên cơ sở các yêu cầu chung đã nêu trên, cần có *tiêu chuẩn cụ thể đối với từng loại đảng viên*. Kinh nghiệm cho thấy, nếu chỉ dừng ở các tiêu chuẩn chung có khi không sát với nhiệm vụ, môi trường công tác cụ thể của từng loại đảng viên, từ đó việc đánh giá, phân loại đảng viên dễ chung chung.

Bước đầu có thể nêu một số yêu cầu cụ thể cần nhấn mạnh đối với một số loại đảng viên chính như sau:

Đảng viên nông thôn cần đạt được các yêu cầu: Phải có kiến thức về kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ đó biết tính toán trồng cây gì, nuôi con gì, làm nghề nào có hiệu quả hơn, cần bao nhiêu vốn, tổ chức sản xuất như thế nào, bán sản phẩm làm ra ở đâu, hiệu quả trên 1ha đất canh tác, trên 1 đồng vốn và 1 ngày công lao động là bao nhiêu?...

- Dám nghĩ, dám làm trước, dám chấp nhận rủi ro trong tổ chức, phân công lại lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phá thế độc canh, thuần nông, tự cấp tự túc, xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

- Tiếp thu, ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tìm kiếm, du nhập các ngành nghề mới, giống cây con và phương pháp canh tác, chăn nuôi mới.

- Tổ chức gia đình sản xuất kinh doanh giỏi, không thể là hộ đói nghèo, con cái thất học hoặc đi lang thang. Có khả năng giúp đỡ các gia đình chung quanh, nhất là các gia đình chính sách, về vốn, kỹ thuật, giống, lao động, tiêu thụ sản phẩm... trên tinh thần tương trợ, không trục lợi.

- Có đóng góp tích cực vào sự lãnh đạo của chi bộ cơ sở bằng khả năng tiếp thu và vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, biết phát hiện vấn đề, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn địa phương và tham khảo kinh nghiệm của các địa phương bạn, đi đầu thực hiện nghị quyết của chi bộ.

Đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước có ba loại: đảng viên là người sản xuất trực tiếp; đảng viên làm công tác quản lý chuyên môn, kỹ thuật và đảng viên làm công tác đảng, đoàn thể chuyên trách. Mỗi loại đảng viên này có những yêu cầu riêng.

Đảng viên là người công nhân - lao động trực tiếp sản xuất phải tinh thông nghề nghiệp; luôn tìm tòi cải tiến, có sáng kiến trong công việc; biết cách sắp xếp, tổ chức lao động và máy móc, thiết bị sản xuất trong phân xưởng, công trường sao cho mang lại hiệu quả kinh tế cao, tiết kiệm được vật tư và thời gian; có tư duy kinh tế mới phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường, giữ chữ "tín" bằng chất lượng, mẫu mã sản phẩm; có đóng góp thiết thực, có ích thực sự cho doanh nghiệp; có tác dụng thúc đẩy phong trào thi đua chung trong doanh nghiệp, v.v...

Đảng viên làm công tác quản lý chuyên môn, kỹ thuật (giám đốc, phó giám đốc, trưởng và phó các phòng ban, chuyên viên kinh tế, kỹ thuật...) phải biết lựa chọn người, bố trí, sắp xếp lực lượng lao động hợp lý nhất; có tư duy sáng tạo và thực tiễn; có tính quyết đoán cao, dám đổi mới và dám chịu trách nhiệm; nắm chắc và thực hiện đầy đủ chính sách, pháp luật và các quy định mang tính pháp lệnh của Nhà nước, của ngành; quan tâm sâu sát đến người lao động và công việc, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các khâu công việc, không để sơ hở, ách tắc.

Đảng viên làm công tác đảng, đoàn thể chuyên trách phải có trình độ lý luận chính trị cần thiết, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghiệp vụ công tác đảng, đoàn thể; am hiểu công việc chuyên môn (công nghệ, quản lý, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và diễn biến thị trường); có khả năng tư duy độc lập, định hướng tư tưởng cho đảng viên và công nhân - lao động; tạo lập quan hệ tốt với lãnh đạo chuyên môn, vừa mở rộng dân chủ vừa giữ vững nguyên tắc; dũng cảm đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong doanh nghiệp.

Đảng viên là trí thức phải là người luôn học tập, vươn lên, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực hoàn thành công việc được giao; đoàn kết, cộng tác tốt được với đồng nghiệp; có tác dụng dìu dắt cán bộ khoa học trẻ; những người có trình độ từ đại học trở lên, đang công tác ở các cơ quan khoa học nhất thiết phải sử dụng được một ngoại ngữ và biết sử dụng máy vi tính.

c) Về phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách.

Những chuẩn mực đạo đức bao gồm cả động cơ, tình cảm, ý chí và những hành vi đạo đức. Trong những yếu tố đạo đức đó, trước hết đảng viên phải là người có *lòng yêu nước sâu sắc, tôn trọng và hết lòng phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có thái độ tích cực ủng hộ công cuộc đổi mới với sự nhất quán cao giữa lời nói và việc làm.* Khi cần thiết, vì lợi ích của quốc gia, đảng viên phải biết hy sinh lợi ích của bản thân. Đó còn là ý thức tự đổi mới chính mình, khắc phục những biểu hiện trì

trệ, bảo thủ cũng như tính chủ quan, nôn nóng, xu hướng cực đoan, vô chính phủ - những biểu hiện xa lạ với yêu cầu của đổi mới và đều đem lại những hậu quả tai hại. Động cơ đạo đức đối với đổi mới phải thể hiện rõ ở tính tự giác về trách nhiệm đối với sự nghiệp của Đảng và của nhân dân, trách nhiệm đối với sự phát triển và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở nước ta và trên thế giới. Đó chính là cơ sở chính trị, lập trường mang tính đảng của đạo đức mới mà người chiến sĩ tiền phong cần phải có. Nó liên quan tới tính nguyên tắc, tính chân thật và tình cảm đạo đức trong sáng của họ. Nó đòi hỏi, từ nghĩa vụ đạo đức của mình, người đảng viên phải dũng cảm vạch trần, phê phán những biểu hiện cơ hội, cá nhân chủ nghĩa, những mưu toan dựa vào xu thế và hoàn cảnh đổi mới để kiếm lợi riêng cho bản thân mình, núp dưới lá cờ đổi mới, những lời tuyên bố đổi mới để hành động xa lạ với đổi mới; mị dân, dựa vào nhu cầu, nguyện vọng đổi mới của dân để kiếm chác cho lợi ích riêng, thực chất là chống đổi mới.

Thái độ đối với công cuộc đổi mới - về thực chất - là tình cảm đối với Tổ quốc, với nhân dân, với lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với chủ nghĩa xã hội phải trở thành nhận thức, tình cảm thường trực và biểu hiện thành hành động tích cực của người đảng viên. Đem lại lợi ích cho nhân dân, đấu tranh cho sự khẳng định và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, làm cho từng người dân được thể hiện quyền làm chủ, sáng tạo của mình, thực hiện được hạnh phúc của mình trong thắng lợi chung của công cuộc đổi mới, của chủ nghĩa xã hội - đó chính là ý chí và hành động đạo đức của người đảng viên. Đạo đức mới của những người tham gia đổi mới xã hội là *đạo đức hành động,* đạo đức trong lao động, trong công việc, trong quan hệ với con người, trong đấu tranh khắc phục mọi tệ nạn và làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Hơn lúc nào hết, người đảng viên phải tự đánh giá đạo đức của mình qua hành động và hiệu quả làm việc vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội, của Đảng, của nhân dân. Chỉ phấn đấu cho cá nhân trở nên lương thiện, giữ gìn phẩm chất cá nhân cho trong sạch là chưa đủ và chưa thể hiện tính tiền phong chiến đấu trong đạo đức cộng sản. Người đảng viên không thể là người đứng ngoài cuộc đấu tranh loại trừ cái ác, thờ ơ và lảng tránh trước sự hoành hành của cái ác, cái xấu trong đời sống. Đạo đức hành động đòi hỏi ở họ *dũng khí trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, độc đoán, chuyên quyền, ức hiếp quần chúng, bảo vệ sự thật, chân lý, lẽ công bằng và các giá trị dân chủ xã hội chủ nghĩa vì lợi ích nhân dân và lợi ích chung của xã hội.* Dũng khí đó phải biểu hiện trong đấu tranh bảo vệ sự trong sạch, vững mạnh của Đảng, của uy tín Đảng đối với xã hội; đồng thời, còn biểu hiện trong đời sống

chính trị - xã hội, gắn liền mật thiết với các sinh hoạt của công dân, của xã hội công dân nhằm bảo vệ pháp luật, kỷ cương, an ninh trật tự, luân lý đạo đức, văn hóa tinh thần và lối sống lành mạnh của từng gia đình, từng tập thể đến toàn xã hội.

Không thể được coi là người có đạo đức, là người xứng đáng với danh hiệu đảng viên nếu người đó chỉ làm tròn nhiệm vụ, bổn phận của mình trong cơ quan, trong tập thể chi bộ, đảng bộ ở nơi làm việc, nhưng lại thờ ơ với các sinh hoạt công dân ở địa phương, trước hết ở nơi cư trú. Càng chưa thể coi đó là có đạo đức, nếu như mỗi đảng viên không góp phần vào việc hình thành dư luận xã hội tích cực, phê phán cái tiêu cực, cái ác, cái xấu đang diễn ra hàng ngày trong đời sống xã hội. Trong thực tế, có thể xảy ra những trường hợp và tình huống sau đây: Đảng viên không vi phạm pháp luật, nhưng không bộc lộ thái độ, quan điểm mang tính phê phán đối với những hiện tượng phạm pháp hay lợi dụng kẽ hở trong quản lý của Nhà nước để làm điều sai trái; đảng viên không phạm pháp, nhưng không hành động, không đấu tranh với các hành vi phạm pháp, giữ an toàn cho riêng mình, để mặc nhiên diễn ra sự tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các công dân khác, của xã hội; đảng viên sống lương thiện, nhưng không đủ dũng khí đấu tranh với mọi sự bất lương. Những biểu hiện đó chỉ có thể gọi tên là *tình trạng bạc nhược về chính trị và đạo đức, là tính ích kỷ, sự tầm thường* trong nhân cách, không thể xứng đáng với đạo đức đảng viên.

Ở một mức độ nặng hơn, có những cán bộ, đảng viên, thậm chí cả tổ chức đảng, đứng ra bao che cho những hành vi tội lỗi, không ngăn cản mà còn tham gia những hành động tự phát, manh động, vô chính phủ của quần chúng do bị kích động hoặc kém giác ngộ. Lại có những trường hợp đảng viên hoặc tổ chức cơ sở đảng tê liệt, mất ý chí chiến đấu, khi những phần tử xấu xuyên tạc, công kích, bôi nhọ Đảng và chế độ. Thái độ dung túng, bao che hoặc đồng lõa, cũng như thái độ im lặng, thúc thủ như vậy có thể coi như đồng nghĩa với *suy thoái đạo đức, tinh thần sự từ bỏ trên thực tế vai trò và vị trí xã hội của người cộng sản.*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn cán bộ, đảng viên phải nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, mà nội dung cốt lõi của đạo đức mới là *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư,* tận trung với nước, tận hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn mấy cũng vượt qua, luôn xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... Những lời dạy đó của Người đến nay vẫn giữ nguyên vẹn giá trị, cố nhiên bao hàm những nội dung của thời kỳ mới.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) đã chỉ rõ: con người Việt Nam trong giai đoạn mới phải có *những đức tính* sau:

Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Đó là những yêu cầu đối với mọi công dân. Người đảng viên cộng sản không những phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đó, mà còn phải tiêu biểu, nêu gương đạo đức về tất cả các mặt ấy trước quần chúng, để bản thân phẩm chất đạo đức của mình đã tạo nên sức cảm hóa mạnh mẽ đối với mọi người chung quanh.

Đi sâu vào từng loại đảng viên, trên cơ sở các yêu cầu chung về phẩm chất đạo đức, phong cách nêu trên, cần đặc biệt nhấn mạnh một số khía cạnh đạo đức sau:

Đảng viên nông thôn lúc này phải: sống trong sạch, lành mạnh, trung thực, giản dị, không đặc quyền đặc lợi, tham vọng cá nhân; không cơ hội, kèn cựa, bè phái, cục bộ địa phương, cục bộ dòng họ; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng; gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật, kể cả chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; thực hiện cưới xin, tang ma, hội hè... theo nếp sống văn hóa mới; không sa vào các hủ tục và có người thân mắc tệ nạn xã hội; gương mẫu bảo vệ trật tự trị an, tích cực hòa giải trong thôn xóm; không lợi dụng dân chủ để xúi giục, kích động quần chúng khiếu kiện, tố cáo sai; miệng nói, chân bước, tay làm; không bảo thủ, giấu dốt; v.v...

Đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước phải tiêu biểu về tính trung thực, trong sáng và lành mạnh; luôn có ý thức vươn lên, không thỏa mãn,

dừng lại; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực trong doanh nghiệp; nói đi đôi với làm; giữ nghiêm kỷ luật Đảng và kỷ luật sản xuất; tôn trọng ý kiến của quần chúng, tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể trong xí nghiệp và ở khu dân cư; tổ chức cuộc sống gia đình có văn hóa; v.v...

Đảng viên trí thức phải sống và làm việc rất trung thực (trung thực trong nghiên cứu khoa học, trung thực với đồng nghiệp); có tinh thần khiêm tốn, cầu thị, không tự mãn; tích cực hợp tác với đồng nghiệp trong nghiên cứu, với các cơ sở sản xuất và các đối tác khác; có phong cách, nếp sống chan hòa với quần chúng; giữ đúng kỷ luật phát ngôn, chế độ bảo vệ bí mật khoa học.

Những yêu cầu nêu trên về phẩm chất đạo đức của người cộng sản không mang tính lý thuyết, trừu tượng, mà được thể hiện trong lao động, học tập, công tác, trong cuộc sống đời thường hàng ngày. Nó không phải được xác lập một lần là giữ vững mãi, mà khi hoàn cảnh biến đổi, mỗi người lại phải có sự ứng xử mới cho phù hợp.

d) Có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Đảng trên cơ sở thực hiện đúng các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Sức mạnh của Đảng là ở tính thống nhất: thống nhất quan điểm, thống nhất ý chí, thống nhất hành động. Sự thống nhất của Đảng dựa trên cơ sở cương lĩnh, đường lối, trên các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ. Vì vậy, mọi cán bộ, đảng viên ở bất cứ cương vị nào cũng đều phải tôn trọng và chấp hành đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Đảng viên có trách nhiệm tích cực tham gia thảo luận các vấn đề thuộc về đường lối, chủ trương của Đảng, có quyền chất vấn, tranh luận một cách thẳng thắn; đồng thời, chú ý lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác. Khi đã thành quyết định của tập thể thì phải nghiêm túc chấp hành. Nếu còn có ý kiến khác thì được bảo lưu hoặc trình bày, báo cáo lại theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Đảng viên không được tự ý làm trái hoặc trì hoãn không thi hành nghị quyết của tập thể và của cấp trên; không được phát ngôn tùy tiện hoặc lan truyền những ý kiến, quan điểm riêng của mình ngoài các hội nghị Đảng. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) khẳng định: *"Xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật Đảng mọi hoạt động tán phát tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, các thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu"*.

Chung quanh vấn đề này lâu nay vẫn tồn tại một ý kiến cho rằng, nếu trong trường hợp nghị quyết của tập thể hoặc của cấp trên sai thì xử lý ra

sao? Trường hợp nghị quyết sai có thể có và thực tế đã có, nhưng không phải là phổ biến và thường xuyên. Ai cũng biết, mỗi quyết định, mỗi nghị quyết của Đảng thường được nghiên cứu, chuẩn bị khá công phu. Đó là kết quả của trí tuệ tập thể, ít nhất cũng đến thời điểm đó, và trong đó có sự đóng góp của đông đảo đảng viên. Trường hợp một đảng viên thấy nghị quyết là sai hoặc có điểm sai, thì thái độ đúng đắn nhất là kịp thời và thẳng thắn trình bày ý kiến của mình với tổ chức có thẩm quyền. Nếu ý kiến vẫn chưa được chấp nhận thì đảng viên đó có quyền được bảo lưu, nhưng phải phục tùng tổ chức, phải thi hành nghị quyết của tổ chức. Qua thực tế thực hiện nghị quyết, cuộc sống sẽ kiểm nghiệm và khẳng định chân lý thuộc về ai, lúc đó sẽ có sự điều chỉnh cần thiết. Không như vậy thì Đảng (hay bất cứ tổ chức chính trị nào khác) không còn là một tổ chức thống nhất, sẽ chỉ là câu lạc bộ bàn cãi suông, không có sức lãnh đạo và chiến đấu.

Đoàn kết trong Đảng là yêu cầu tối quan trọng của Đảng vô sản. Trong Đảng Cộng sản không thể tồn tại nhiều phái, nhiều phe cánh với lập trường và lợi ích khác nhau. Đoàn kết đã trở thành một truyền thống quý báu của Đảng ta mà tất cả các tổ chức đảng và đảng viên phải ra sức giữ gìn, vun đắp như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Song, đoàn kết trong Đảng không đồng nghĩa với tình trạng xuê xoa, né tránh đấu tranh, càng không phải là đoàn kết vì lợi ích cục bộ, bản vị. Nền tảng của sự đoàn kết trong Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối và các nguyên tắc tổ chức của Đảng; là lợi ích chung của dân tộc, của nhân dân; là tự phê bình và phê bình được duy trì thường xuyên; là tình đồng chí thân thiết giữa những người cùng chung lý tưởng; là sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của mọi đảng viên; là sự tự giác tôn trọng tập thể và chấp hành nghiêm đường lối, nguyên tắc của Đảng của mỗi đảng viên.

Trong điều kiện hiện nay, có nhiều yếu tố tác động, thử thách sự đoàn kết trong Đảng: sự phân hóa thu nhập và mức sống giữa các loại đảng viên; bên cạnh mặt tích cực của việc khôi phục truyền thống tốt đẹp của địa phương, dòng họ cũng nảy sinh những tư tưởng thái quá đến mức cục bộ; một số chế độ, chính sách còn có tính chất đặc quyền đặc lợi; sự kích động của một số quần chúng lạc hậu lợi dụng dân chủ đòi yêu sách quá đáng; âm mưu chia rẽ Đảng của các thế lực thù địch. Để giải quyết các mầm mống tác động này phải tiến hành nhiều công việc trên nhiều mũi, nhiều hướng, bằng nhiều lực lượng, nhưng xét đến cùng, ý thức giữ gìn, bảo vệ và đấu tranh cho sự đoàn kết nhất trí trong Đảng của mỗi đảng viên luôn đóng vai trò quyết định. Dĩ nhiên, cùng với ý thức, phải có thái độ và phương pháp thích hợp. Dù thế nào cũng phải đặt lợi ích chung, sự đoàn kết của Đảng lên trên, phải tôn

trọng lẫn nhau, vừa kiên quyết đấu tranh, vừa biết chờ đợi lẫn nhau, có thái độ độ lượng, có lòng vị tha, tình thân ái đồng chí.

Để giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, giữ nghiêm kỷ luật Đảng, mỗi đảng viên phải thực hành thường xuyên và đúng đắn việc tự phê bình và phê bình. Trong mỗi công việc và trong sinh hoạt hàng ngày, đảng viên phải tự kiểm điểm xem, đối chiếu với yêu cầu, nhiệm vụ và tiêu chuẩn đảng viên, mình đã làm gì đúng, có gì chưa đúng, từ đó tự mình điều chỉnh. Khi có khuyết điểm phải thành khẩn báo cáo với tổ chức đảng và tiếp thu sự góp ý, phê bình của cấp ủy và đảng viên khác, của quần chúng. Đồng thời, đảng viên phải theo dõi hoạt động của đồng chí mình, của cấp ủy, lắng nghe ý kiến phản ánh của cấp dưới và quần chúng về các đảng viên khác, đóng góp ý kiến, phê bình đồng chí kịp thời, chân tình để tổ chức đảng luôn trong sạch. Mọi biểu hiện che giấu khuyết điểm của bản thân, tìm cách lẩn tránh sự giám sát của tổ chức đảng cũng như không dám đấu tranh phê bình hoặc lợi dụng phê bình để vu cáo, trù dập đồng chí, gây mất đoàn kết nội bộ... đều trái với tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản.

e) Có quan hệ mật thiết với quần chúng.

Chế độ chính trị của nước ta là chế độ do nhân dân lao động làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng; sức mạnh vô địch của Đảng là ở mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân. Đảng chủ trương phát huy dân chủ, coi dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Mỗi đảng viên, trước hết là đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, có chức, có quyền, phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của dân, chăm lo đời sống hàng ngày của quần chúng, tìm hiểu nguyện vọng và lắng nghe ý kiến quần chúng, giúp đỡ quần chúng khi gặp khó khăn, kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, gia trưởng, độc đoán, đặc quyền đặc lợi, trù dập, ức hiếp quần chúng và mọi hành vi vi phạm quyền dân chủ của dân. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng, một yêu cầu rất cần thiết đối với người đảng viên trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền. Nó quyết định sự tín nhiệm của nhân dân đối với đảng viên. Không phải ngẫu nhiên, khi còn sống Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm, nói nhiều về vấn đề này. Người thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng, trau dồi quan điểm và thái độ đúng đắn đối với quần chúng, coi việc tôn trọng quần chúng, học hỏi quần chúng, có quan hệ mật thiết với quần chúng là vấn đề quan trọng hàng đầu trong phẩm chất, tư cách, đạo đức của đảng viên. Theo Người, muốn vận động, thuyết phục và

lãnh đạo dân chúng, đảng viên phải "óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, mắt nhìn, chân đi, miệng nói, tay làm".

Đương nhiên, trong quá trình phát huy dân chủ, phải chống thái độ theo đuôi quần chúng, mị dân, dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan. Dân chủ phải đi đôi với kỷ luật và pháp luật. Dân chủ không có nghĩa là tự do vô tổ chức, vô chính phủ.

Sự gắn bó với quần chúng, mối liên hệ mật thiết với quần chúng không chỉ là một tiêu chuẩn của nhân cách đảng viên, mà còn là sự thử thách đặc biệt thực chất giá trị xã hội, năng lực hoạt động chính trị - thực tiễn của người đảng viên. Đây không chỉ là sự thử thách và kiểm tra về động cơ chính trị, về ý thức đạo đức, mà còn bao hàm sự đánh giá về năng lực vận động quần chúng, về phương pháp và phong cách làm việc với con người của mỗi một đảng viên.

Tiêu chuẩn này trong nhân cách đảng viên là một đặc trưng có tính tổng hợp cao; là sự chung đúc cả năng lực đạo đức, vốn sống và kinh nghiệm mà người đảng viên đạt được qua học tập, lao động, đấu tranh, qua rèn luyện, giáo dục và tự giáo dục. Lênin từng nhấn mạnh: Người ta chỉ có thể trở thành một người cộng sản chân chính khi cùng sống và lao động trực tiếp với công nông. Gắn bó với quần chúng và thiết lập mối quan hệ mật thiết với nhân dân phải trở thành một nhu cầu và - do đó - là sự tự thôi thúc từ bên trong của mỗi đảng viên. Đây là chỗ phân biệt giữa quan liêu và dân chủ trong tư cách đảng viên và trong phương pháp, phong cách công tác đảng, trong sự lãnh đạo chính trị của Đảng nói chung. *Để suy giảm mối liên hệ với nhân dân, Đảng tự làm suy yếu chính mình.*

Trong những bài học lớn của cách mạng Việt Nam và của Đảng được tổng kết tại Đại hội VI, bài học *dân là gốc* của cách mạng là bài học nền tảng, có tính nguyên lý. Từ bài học đó, trong việc khởi xướng công cuộc đổi mới và dân chủ hóa xã hội, Đảng ta đã phát triển sâu sắc hơn tư tưởng về mối liên hệ giữa Đảng với dân, xem đây là một trong những vấn đề căn bản nhất, quyết định thành công của đổi mới. Đảng đã nhấn mạnh rằng, phải thực trọng dân, tin dân, gần dân và nghe dân. Chỉ với quan điểm quần chúng và tính nhân dân như thế, đảng viên và tổ chức đảng mới thực sự nhân lên sức mạnh của mình từ nhân dân và bởi nhân dân.

Yêu cầu đối với đảng viên về sự gắn bó với quần chúng, củng cố mối liên hệ mật thiết với nhân dân là thể hiện bản chất và tinh thần của một đảng

mác-xít, đảng kiểu mới theo học thuyết của Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. ý nghĩa thực tiễn của vấn đề là ở chỗ, chỉ khi Đảng gắn bó và liên hệ máu thịt với quần chúng mới có sức mạnh, mới tránh được nguy cơ sai lầm về đường lối, chính sách. Cũng chỉ có tẩy trừ kiên quyết những ảnh hưởng độc hại của chủ nghĩa quan liêu, Đảng mới có thể có uy tín và ảnh hưởng thực sự trong nhân dân, mới có thể gắn bó với nhân dân một cách tự nhiên, chân thật nhất, mới trở thành người thể hiện và đại diện chân chính cho lợi ích của nhân dân. Thực tiễn cuộc sống là trường học vĩ đại và nhân dân là người giúp cho mỗi đảng viên nắm bắt đúng thực tiễn. Người cộng sản phải gắn bó sâu sắc với dân, học hỏi dân bằng tất cả sự khiêm tốn, giản dị và chân thành, rất mực tin cậy ở nhân dân trên cơ sở thấm nhuần chân lý: nhân dân là chủ thể của sự sáng tạo lịch sử và chủ nghĩa xã hội là kết quả sinh động của sự sáng tạo bởi nhân dân; qua đó, mỗi đảng viên mới có thể hoàn thành sứ mệnh của người chiến sĩ tiền phong.

Sự tôn trọng, quan tâm tới quần chúng của đảng viên không chỉ dừng ở suy nghĩ, lời nói, mà phải bằng các công việc cụ thể. Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, bên cạnh số đông có đời sống khá giả hơn, vẫn còn một bộ phận khá lớn nhân dân phải bươn chải tìm việc làm, lo sao cho đủ ăn, đủ mặc, con cái có tiền đi học, khi đau ốm có tiền chữa bệnh, kiếm cho được một chỗ ở khả dĩ ổn định, đảm bảo vệ sinh, có nước sạch để dùng trong sinh hoạt hàng ngày... Nỗi lo bản thân và con cái có việc làm, có vốn để sản xuất, tiêu thụ được sản phẩm làm ra, có thu nhập đủ sống và đủ trang trải các khoản chi tiêu cần thiết, có môi trường sống an toàn, trong lành, con cái không mắc các tệ nạn xã hội... là nỗi lo thường trực, âm thầm nhưng hết sức day dứt của số đông gia đình ở cả thành thị và nông thôn. Đảng viên sống với dân phải đau nỗi đau của dân, lo nỗi lo của dân, phải cùng với tổ chức đảng và chính quyền tìm cách tháo gỡ những khó khăn đó cho người dân và tự mình làm hết khả năng có thể để chia sẻ khó khăn với dân - những người cùng giai cấp, cùng dân tộc, đồng loại với mình và suy rộng ra, là những ân nhân của mình, vì không có nhân dân thì không có chính quyền, không có môi trường cho mình trưởng thành. Sự gắn bó mật thiết của đảng viên với quần chúng còn phải thể hiện ở việc động viên, tổ chức được đông đảo quần chúng nhân dân thuộc các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, các thành phần kinh tế tích cực tham gia đóng góp vào công cuộc đổi mới, tự mình khắc phục được các khó khăn. Đó còn là việc đảng viên tuyên truyền sâu rộng đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước,

hướng dẫn cách làm ăn chân chính, có hiệu quả và việc tổ chức cuộc sống có văn hóa cho nhân dân; giúp quần chúng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân, kể cả sự phê bình, góp ý về các yếu kém của tổ chức đảng và đảng viên.

g) Kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Cũng như các đảng cộng sản và công nhân thế giới, trong Cương lĩnh đầu tiên của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ghi rõ: "Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập,* phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới"[1]. Nếu đấu tranh cho độc lập dân tộc đã từng được đặt ra như là một mục tiêu trực tiếp và thường xuyên, thì việc động viên, giáo dục tinh thần quốc tế, nhất là ý thức xây dựng mặt trận đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới và các dân tộc bị áp bức là một vấn đề cơ bản, chiến lược của Đảng. Đòi hỏi đó, một mặt, phản ánh bản chất và trách nhiệm của Đảng; mặt khác, nó là tiền đề thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng mà lịch sử đã trao cho Đảng.

Đảng là hiện thân của sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng nhân loại khỏi mọi sự áp bức. Lý tưởng của Đảng là sự thể hiện một cách tự giác hoài bão, ước mơ của giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản - với đảng tiên phong của mình - đã và đang đi vào lịch sử với lý tưởng quốc tế trong sáng, không bị ràng buộc bởi một thiên kiến hẹp hòi dân tộc nào. Chính sự thống nhất về lợi ích giai cấp vô sản tất cả các nước đã bảo đảm cho Đảng có được lý tưởng quốc tế và là tiền đề để Đảng thực hiện lý tưởng đó.

Mặc dù có sự đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, nhưng lịch sử đã cho thấy một hiện thực sống động là chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi khuôn khổ một nước; một kiểu mới của mối quan hệ quốc tế giữa các dân tộc xã hội chủ nghĩa đã từng tồn tại, dựa chắc trên cái cơ sở chủ nghĩa xã hội hiện thực, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đã nảy sinh biết bao hiện thực đẹp đẽ của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Đảng ta ý thức rõ về vị trí cực kỳ quan trọng của vấn đề đoàn kết quốc tế và đấu tranh cho tình đoàn kết quốc tế. Với trọng trách của những người cộng sản, Đảng ta cũng đã sử dụng và phát huy yếu tố quốc tế như một

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1998, tr. 4-5.

nguồn lực nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trước giai cấp và dân tộc.

Cần nói rằng, Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, đã từng là một nhà hoạt động trong phong trào cách mạng thế giới, một nhà quốc tế chủ nghĩa. Ở Người, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; cách mạng Việt Nam gắn liền với cách mạng thế giới. Tất cả là một thể thống nhất. Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta - đoàn kết những người cộng sản, đoàn kết giai cấp vô sản, đoàn kết các dân tộc bị áp bức.

Bước vào giai đoạn mới, vấn đề đoàn kết quốc tế của cách mạng Việt Nam mang nội dung mới. Đó là, cùng với việc có trách nhiệm cao cả đối với phong trào của giai cấp công nhân toàn thế giới, chúng ta ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế.

Vấn đề đoàn kết quốc tế đặt ra trong bối cảnh mới - đương nhiên - cũng mang theo những ý nghĩa mới.

Cuộc sống xác nhận rằng, không thể quan niệm đoàn kết quốc tế như một hành vi thân thiện giản đơn, một sự tranh thủ kết bạn, ngang bằng mọi mối quan hệ nảy sinh từ thiện chí đơn thuần. Trái lại, đoàn kết quốc tế là vấn đề có tính nguyên tắc. Nó xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Đoàn kết trên nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa dân tộc tư sản, tiểu tư sản. Nó cũng rất xa lạ với chủ nghĩa hư vô dân tộc.

Hơn lúc nào hết, với phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa, "là bạn của tất cả các nước", không gây thù oán với một ai, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, vấn đề đoàn kết với phong trào công nhân quốc tế, với các nước xã hội chủ nghĩa và với tất cả các nước khác - dù khác nhau về chế độ xã hội - chính trị - của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới được đặt ra với quy mô rộng lớn và tính chất cách mạng sâu sắc; vừa tranh thủ được sự giúp đỡ quốc tế nhiều mặt, vừa có điều kiện phát huy tác dụng ảnh hưởng của mình trong sự hợp tác anh em với các nước xã hội chủ nghĩa, trong sự ủng hộ và giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới, trong cuộc đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ.

Thực hiện đoàn kết quốc tế là sự thể hiện cụ thể chủ nghĩa quốc tế trong hành động. Bằng cả hoạt động phong phú, đa dạng của Nhà nước và các tổ chức quần chúng, Đảng có đủ khả năng và điều kiện để biến tư tưởng đoàn kết thành những hoạt động đoàn kết cụ thể và hiệu lực. Ở Việt Nam, những nguyên tắc về đoàn kết quốc tế đã trở thành luật pháp, là đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng.

Trung thành với đường lối quốc tế của Đảng, mỗi người cộng sản Việt Nam phải làm hết sức mình thực hiện tốt đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, kiên quyết đấu tranh nhằm loại trừ mọi khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa, trái với bản chất quốc tế của Đảng, dù đó là những biểu hiện tự giác hay không tự giác.

Không thể nói tới chủ nghĩa yêu nước chân chính, nếu tách rời tư tưởng yêu chủ nghĩa xã hội cũng như không thể nói tới tinh thần đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân, khi tự giam hãm mình trong chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, tự cấm vận mình trong cái "lồng" của tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. Người cộng sản, hơn ai hết, *phải bằng sự nhạy cảm chính trị tinh tế và bằng hành động thực tế chống lại những biểu hiện đó,* nhằm thiết thực bảo vệ lý tưởng và quan điểm của Đảng trên phương diện quan trọng này. Làm trái đi, nói như Lênin, đó là "một hành động tự sát" đối với mình, một hành động đi ngược lại quan điểm, đường lối của Đảng.

h) Có sức khoẻ tốt.

Là một Đảng cầm quyền xây dựng đất nước thành nước xã hội chủ nghĩa, Đảng ta không chỉ là một Đảng tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm thời đại chúng ta, mà còn là một Đảng hành động. Vì vậy, mỗi đảng viên không chỉ có khả năng đáp ứng về thể chất, tinh thần, mà phải có sức khỏe đáp ứng yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ của một người chiến sĩ tiền phong.

Đủ điều kiện về sức khỏe, không ngừng rèn luyện và bảo vệ sức khỏe để hoàn thành mọi nhiệm vụ là một tiêu chuẩn quan trọng của người cộng sản hiện nay.

Trong Đảng có một số lượng khá đông đảo các đảng viên tuổi cao (số đảng viên từ 62 tuổi trở lên hiện chiếm 14,4% tổng số đảng viên) và sẽ còn đông hơn. Các đồng chí này đều đã kinh qua hai cuộc kháng chiến, có nhiều công lao với Đảng và dân tộc, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, là vốn rất quý của Đảng, nhưng nay tuổi đã cao, sức khỏe giảm nhiều, mặc dù tính đảng, tinh thần cách mạng rất cao, nhưng "lực bất tòng tâm", không thể gánh vác được

công việc, không có điều kiện để cập nhật thông tin. Đối với các đồng chí đó, các tổ chức đảng cần xem xét cụ thể từng trường hợp: người còn sức khỏe thì giao công việc; người nào sức yếu hơn thì có thể miễn công tác và sinh hoạt; người nào quá yếu, đau ốm kéo dài, thực sự không còn minh mẫn và không hoạt động được nữa thì vận động để đồng chí đó tình nguyện thôi sinh hoạt đảng, tổ chức đảng có hình thức ghi nhận tuổi đảng và quan tâm tới hoàn cảnh sống của từng đồng chí.

Các tiêu chuẩn đảng viên nêu trên có quan hệ chặt chẽ với nhau và đều không thể xem nhẹ, châm chước một tiêu chuẩn nào. Đạt tới các tiêu chuẩn đó là yêu cầu bắt buộc đối với người xin vào Đảng; phấn đấu giữ vững và nâng cao các tiêu chuẩn đó là trách nhiệm của mọi đảng viên, dù người đó ở cương vị công tác nào, sống và làm việc trong lĩnh vực nào.

Mỗi tiêu chuẩn lại được thể hiện ra ở các tiêu thức cụ thể phù hợp với điều kiện công tác, quá trình rèn luyện của từng loại đảng viên, nhất là các tiêu thức mang tính định lượng. Trên cơ sở các tiêu chuẩn chung, từng tổ chức, các cấp ủy đảng có thể xây dựng hệ thống các tiêu thức cụ thể, chi tiết hơn như là các điều kiện, các tiêu chí đánh giá việc đảm bảo tiêu chuẩn của đảng viên. Quy định số 55/QĐ-TW ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị khóa VIII, Quy định số 55/QĐ-TW ngày 3-1-2002 của Bộ Chính trị khóa IX về những điều đảng viên không được làm và Hướng dẫn đánh giá chất lượng đảng viên số 10-HD/TCTW ngày 30-10-2002 của Ban Tổ chức Trung ương là một trong những cách cụ thể hóa tiêu chuẩn đảng viên đã được Điều lệ Đảng quy định.

IV.

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ MỚI

1. Phương hướng chung.

a) Mỗi đảng viên phải tự phấn đấu, rèn luyện để xứng đáng với danh hiệu người cộng sản trong hoàn cảnh mới.

Khái niệm "đảng viên" bao hàm hai mặt: cá nhân một con người mang danh hiệu đảng viên và một thành viên của Đảng (của một tổ chức đảng cụ thể và của toàn Đảng nói chung). Người đảng viên chỉ xứng đáng với danh hiệu cao quý của mình khi làm tròn trách nhiệm trên cả hai tư cách đó, nhờ vào cả sự phấn đấu của bản thân lẫn sự giúp đỡ, tạo điều kiện của tổ chức đảng.

Mặt khác, trong Đảng có nhiều loại đảng viên: đảng viên trẻ và đảng viên già; đảng viên mới và đảng viên lâu năm; đảng viên đương chức và đảng viên đã nghỉ hưu; đảng viên có chức vụ trong Đảng, trong cơ quan nhà nước, trong doàn thể chính trị - xã hội, trong các cơ quan sự nghiệp, trong các tổ chức kinh tế nhà nước.... và đảng viên không đảm nhận chức vụ cụ thể gì; đảng viên ở thành phố, thị xã và đảng viên ở nông thôn, miền núi; đảng viên dân tộc Kinh và đảng viên thuộc dân tộc ít người; đảng viên xuất thân từ gia đình theo tôn giáo và đảng viên không theo tôn giáo; đảng viên trong các lực lượng vũ trang và đảng viên ở các ngành khác; đảng viên ở trong nước và đảng viên công tác, học tập ở nước ngoài; đảng viên có trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật cao và đảng viên hạn chế về văn hóa; v.v... Mỗi người có môi trường, điều kiện cho sự phấn đấu riêng, thuận lợi trên một số mặt; nhưng lại gặp khó khăn trên các mặt khác. Dù sao, để xứng đáng với tư cách người cộng sản chân chính, quyết định nhất vẫn là *sự tự phấn đấu, rèn luyện của từng đảng viên.*

Được kết nạp vào Đảng rồi trở thành đảng viên chính thức là khởi đầu một quá trình phấn đấu, rèn luyện để giữ vững và nêu cao vai trò người

đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" là ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức... làm mực thước cho người ta bắt chước"[1]. Đó là trước quần chúng quảng đại. Đối với Đảng, "chúng ta vào Đảng là để hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, làm trọn nhiệm vụ của người đảng viên"[2].

Tổ chức có trách nhiệm đối với mỗi cá nhân, nhưng nếu từng cá nhân đảng viên không tự giác phấn đấu thì sẽ không thể tiến bộ, thậm chí bị thoái hóa, biến chất dần, tập thể không thể cứu vãn nổi.

Phương châm, yêu cầu của sự phấn đấu là *giữ vững, tự khẳng định tư cách người cộng sản của mình và không ngừng vượt lên chính mình.* Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: "Tất cả đảng viên, cán bộ và chi bộ cần phải thường xuyên ôn lại, tự liên hệ và giữ cho đúng những tiêu chuẩn của người đảng viên"[3], coi đó là cách tốt nhất để xứng đáng với danh hiệu người cộng sản. Vì tiêu chuẩn đảng viên không ngừng nâng cao, nên "giữ cho đúng", thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng là nhiệm vụ bắt buộc, cũng là chuẩn mực để từng đảng viên phấn đấu.

Vậy, từng cá nhân đảng viên phải phấn đấu, rèn luyện những gì? Nội dung phấn đấu, rèn luyện của đảng viên rất rộng, toàn diện và tùy thuộc vào cương vị, hoàn cảnh của từng người. Tuy nhiên, khái quát chung lại, mọi đảng viên đều phải:

- Tích cực học tập, nâng cao trình độ kiến thức về mọi mặt, nhất là về lý luận chính trị, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, về văn hóa, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ. Không bao giờ cho phép mình tự thỏa mãn với trình độ hiểu biết hiện có. Phải học cả trong sách vở, học trong thực tiễn, học tập đồng chí, đồng nghiệp và học hỏi quần chúng. Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, học cốt thực chất chứ không chạy theo bằng cấp. Đặc biệt là phải thật sự khiêm tốn, cầu thị, không giấu dốt, tiếp thu những ý kiến khác với suy nghĩ lâu nay của mình. Có vướng mắc gì về tư tưởng phải trình bày kịp thời và thực lòng với chi bộ, chi ủy để được tháo gỡ, qua trao đổi trong sinh hoạt của tổ chức đảng mà sáng tỏ thêm, điều chỉnh những nhận thức còn giản đơn hoặc lệch lạc, giải toả những nghi vấn do thiếu thông tin hoặc do phương pháp phân tích các vấn đề chưa đúng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 552.

2. Sđd, tập 12, tr. 91.

3. Hồ Chí Minh: *Về tư cách người đảng viên cộng sản,* Nxb Sự thật, H. 1983, tr. 64.

- Luôn phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, đóng góp ý kiến có giá trị tham gia vào sự lãnh đạo chung của tổ chức và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Điều cần đặc biệt nhấn mạnh là, cùng với việc thực hiện có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao các nhiệm vụ, chức trách được phân công, người đảng viên còn phải thể hiện hơn các quần chúng khác ở chỗ có quan điểm chính trị đúng, thông qua công việc mà giáo dục, tổ chức, nâng nhận thức của quần chúng lên. Đối với các công việc mới và khó, đảng viên phải hăng hái xung phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, không thụ động chờ phân công, tránh né, đùn đẩy cho người khác.

Tự giác, gương mẫu giữ gìn phẩm chất cộng sản, đạo đức của người cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, khiêm tốn, giản dị, trong sáng trong quan hệ đồng chí, đồng nghiệp, trong tình bạn, quan hệ xóm giềng. Kiên quyết không nhận hối lộ, tham nhũng và dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực trong Đảng và trong xã hội. Trung thực với Đảng, với tập thể và bè bạn. Giáo dục, tổ chức gia đình có cuộc sống lành mạnh, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, hòa thuận, không mắc các tệ nạn xã hội, là gương sáng cho các gia đình chung quanh.

- Giữ nghiêm kỷ luật Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng và chăm lo củng cố sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng.

- Liên hệ mật thiết với quần chúng; tôn trọng tất cả mọi người; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của quần chúng; "chia bùi, sẻ ngọt" với quần chúng; chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng; tự giác nhận khuyết điểm trước quần chúng nếu có và quyết tâm sửa chữa; v.v...

b) Làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa biến chất nâng cao chất lượng đảng viên.

Tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên như cơ thể sống, có quá trình hình thành, phát triển và có đào thải. Vì vậy, cần quan tâm đúng mức cả ba khâu: đưa vào đội ngũ, rèn luyện đội ngũ và đưa ra khỏi đội ngũ. Ba khâu này có mối quan hệ hữu cơ với nhau, nhưng quan trọng nhất, quyết định nhất là ở hai khâu đầu: kết nạp đảng viên mới và rèn luyện đội ngũ đảng viên trong tổ chức.

Nếu đảng viên được chọn lọc kỹ ngay từ khi mới kết nạp thì tức là đã có cơ sở để họ tiếp tục phấn đấu xứng đáng tư cách đảng viên. Nhưng, từ khi được kết nạp, người đảng viên phải luôn ý thức rằng, mình đang và mãi mãi trên bước đường phấn đấu, rèn luyện âm thầm, gian khổ và không có hạn định cuối cùng. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: mỗi đảng viên hàng ngày đều

phải xem xét lại tư cách của mình như ngày nào cũng phải rửa mặt vậy. Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn cũng nhắc nhở: mỗi ngày, từng đảng viên phải tự kết nạp lại mình vào Đảng. Tổ chức đảng nghiêm khắc với những đảng viên sai phạm, kể cả những người bị đưa ra khỏi Đảng, cũng có tác dụng tích cực với người đang phấn đấu vào Đảng và các đảng viên khác. Gắn việc làm trong sạch đội ngũ đảng viên với phát triển đảng viên mới, thường xuyên trẻ hóa và đổi mới cơ cấu đảng viên trong tổ chức đảng là hai mặt của công tác xây dựng Đảng. Các tổ chức đảng phải luôn vừa phát triển về số lượng, vừa làm trong sạch đội ngũ. Nếu chỉ chú trọng vào gạt bỏ đảng viên yếu kém ra ngoài để làm trong sạch đội ngũ, lơi lỏng việc kết nạp đảng viên mới sẽ gây hẫng hụt đội ngũ đảng viên sau này. Nếu chỉ coi trọng phát triển Đảng, kết nạp đảng viên mới mà không kịp thời xử lý các đảng viên thoái hóa, biến chất cũng dẫn tới tình hình chất lượng sa sút. Các cấp ủy phải gắn chặt công tác phát triển đảng viên mới với thường xuyên tiến hành rà soát, làm trong sạch đội ngũ, nâng cao chất lượng đảng viên. Việc đảm bảo định kỳ kiểm tra, phân loại đảng viên kết hợp với định kỳ bồi dưỡng nguồn và xem xét kết nạp đảng viên mới sẽ làm cho tổ chức đảng luôn có sự đổi mới.

Có đổi mới như vậy mới có điều kiện thay đổi cơ cấu đảng viên, làm cho đội ngũ đảng viên cân đối với cơ cấu công việc và lao động trong đơn vị, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- *Đảm bảo chất lượng đảng viên mới.*

Với mỗi cơ thể sống, việc bồi bổ, gia tăng cho sự phát triển là đòi hỏi tự nhiên, là quy luật vận động tất yếu, trước hết là để bù đắp số lượng giảm đi, nhưng quan trọng hơn là để tạo thêm các nhân tố mới cho việc nâng cao chất lượng. Nói thế không có nghĩa là chỉ vì quy luật bù đắp mà làm với bất cứ giá nào, làm qua loa, hời hợt, chạy theo thành tích hoặc vì một động cơ nào khác. Lâu nay chúng ta vẫn đánh giá: trong đội ngũ đảng viên có một bộ phận không nhỏ thoái hóa, biến chất. Nói thoái hóa, biến chất là nói những đảng viên đã có chất mà để mất chất, biến chất, giảm chất. Nhưng, những người không đủ phẩm chất ngay từ đầu thì lấy chất đâu mà giữ, mà nói đến giảm chất, bản chất, mất chất. Có người vào Đảng với những động cơ cá nhân không trong sáng. Có người, có tổ chức giới thiệu quần chúng vào Đảng, kết nạp đảng viên vì những động cơ không đúng. Không chỉ cần xem xét động cơ người vào Đảng, mà phải xem xét cả động cơ người giới thiệu vào Đảng và động cơ kết nạp đảng viên mới của một tổ chức đảng. Vì vậy, công tác phát triển đảng viên mới giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung.

Công tác phát triển Đảng phải nhằm tăng thêm sinh lực cho Đảng, trẻ hóa đội ngũ, đảm bảo sự kế thừa và phát triển của Đảng. Trước đây, sự nghiệp đấu tranh giành và giữ chính quyền chủ yếu đòi hỏi ở đội ngũ cán bộ, đảng viên tinh thần hy sinh quên mình vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Phẩm chất chính trị, bản lĩnh cách mạng là lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Công tác phát triển Đảng, bồi dưỡng đảng viên được thông qua trường học thực tiễn, phong trào cách mạng của quần chúng. Ngày ấy lý tưởng cách mạng, tương lai của đất nước nổi lên bao trùm, là mục đích, động lực phấn đấu của mỗi con người, là điểm tựa của lòng tin, là nơi hội tụ các tầng lớp nhân dân, các nguồn sức mạnh. Cái chung được đặt lên hàng đầu, cái riêng, cá nhân được đặt ở hàng sau, thứ yếu. Thang bậc đạo đức, giá trị của con người được đo bằng lòng trung thành, đức hy sinh vì cách mạng, vì Tổ quốc, vì nhân dân. Cả xã hội tôn vinh những tập thể, tổ chức, cá nhân được đứng vào những thang bậc ấy.

Ngày nay, đất nước chuyển sang thời kỳ mới: Đảng ta từ lãnh đạo chiến tranh, giải phóng dân tộc, giữ nước sang lãnh đạo toàn xã hội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên cả nước, là Đảng cầm quyền; từ cơ chế lãnh đạo kinh tế - xã hội trong chiến tranh, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường; nền kinh tế từ đơn sở hữu sang kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần; từ một nền kinh tế khép kín sang nền kinh tế mở cả trong nước và ngoài nước, xu hướng hội nhập, giao lưu quốc tế hóa đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội là quy luật tất yếu. Khoa học - công nghệ trên thế giới phát triển nhanh chóng. Kẻ thù của dân tộc ta, đã chuyển sang chiến lược mới "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ, răn đe chiến tranh, chống phá ta trên nhiều phương diện. Trong khi đó, chủ nghĩa xã hội hiện thực bị tổn thất nặng nề, chủ nghĩa Mác - Lênin bị tiến công từ nhiều phía. Tất cả những đặc điểm trên tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến Đảng ta, đến từng đảng viên. Tổ chức đảng, mỗi đảng viên phải nhận thức đầy đủ hoàn cảnh mới, điều kiện mới, để thấy rõ phương hướng, nhiệm vụ đặt ra cho tổ chức đảng và đảng viên cả trong xây dựng và phát triển Đảng.

Những năm qua tình hình quốc tế có những biến động lớn, đất nước có những khó khăn, không chỉ trong Đảng có một bộ phận nhỏ hoang mang, dao động, cá biệt có người phản bội, mà trong quần chúng, thanh niên cũng không ít người lo lắng, bi quan. Điều đó được phản ánh qua số lượng người vào Đảng. Nhìn lại những năm 1987-1991, số lượng đảng viên mới kết nạp hàng năm liên tục bị giảm, từ 10 vạn năm 1987, đến năm 1991 chỉ còn 3,6 vạn. Sau Đại hội VII, công tác phát triển đảng viên mới được phục hồi và tăng dần. Từ Đại hội VII đến Đại hội VIII, các đảng bộ trong cả nước kết nạp

được gần 26,8 vạn đảng viên mới. Nhiệm kỳ khóa VIII, toàn Đảng kết nạp được 528.496 đảng viên mới. Số lượng đảng viên kết nạp trong những năm này nhìn chung bảo đảm chất lượng, tăng thêm lực lượng trẻ, có kiến thức và năng lực mới. Xem xét, phân tích kỹ hơn, số đảng viên mới này có những nét mới: động cơ vào Đảng đúng hơn, được thử thách hơn qua biến động trong và ngoài nước, lòng tin được nhận thức mới nhân lên, lý tưởng cách mạng được củng cố và tăng thêm quyết tâm. Cùng với tỷ lệ gia tăng thành phần công nhân, nông dân, lực lượng vũ trang, số trí thức xã hội chủ nghĩa vào Đảng ngày càng nhiều. Độ tuổi bình quân đảng viên đã có thay đổi nhờ trong số đảng viên mới kết nạp đã có trên 50% là thanh niên. Đảng viên mới được kết nạp khá đồng đều cả các vùng, miền và các tầng lớp nhân dân.

Đạt được kết quả trên, trước hết, do đường lối đúng đắn của Đảng đã tạo ra những thành tựu quan trọng của đổi mới, nhiều tổ chức đảng và đảng viên đã thực hiện tốt hơn vai trò lãnh đạo của mình, quan tâm nhiều hơn công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác phát triển Đảng nói riêng. Nhiều cấp ủy đảng đã có nhận thức đúng hơn về công tác phát triển Đảng, tìm tòi các biện pháp, cải tiến các quy trình, thủ tục, tiến hành sơ kết, tổng kết kinh nghiệm, mở nhiều lớp bồi dưỡng đối tượng, sử dụng các biện pháp tổng hợp, chủ động tạo nguồn phát triển đảng viên mới, chú trọng chất lượng, quan tâm cơ cấu, chú trọng bồi dưỡng những người ưu tú trong các cơ sở sản xuất kinh doanh, trong các cơ quan nghiên cứu khoa học, nhà trường, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, xóa dần các "địa bàn trắng" đảng viên và chi bộ đảng.

Bằng những đổi mới, những cố gắng bước đầu trong công tác phát triển Đảng của tổ chức đảng và đảng viên, sự hưởng ứng tích cực của quần chúng, trước hết là các tổ chức chính trị - xã hội, mà công tác phát triển Đảng đã có bước tiến khá dài, không những bảo đảm số lượng ổn định của Đảng, mà còn có chiều hướng tăng dần về chất lượng. Những chuyển biến đó càng khẳng định số đông quần chúng, nhất là lớp trẻ, vẫn thiết tha tin yêu Đảng, muốn được đứng trong hàng ngũ tiên phong. Kinh nghiệm của công tác phát triển Đảng cho thấy, ở đâu làm tốt công tác tư tưởng và nhận thức, công tác tổ chức và tuyên truyền, vận động tốt thì ở đó số người phấn đấu vào Đảng tăng mạnh.

Thành tựu là to lớn, nhưng công tác phát triển Đảng cũng còn khá nhiều nhược điểm, vừa chậm về tốc độ, vừa có hiện tượng chạy theo số lượng, phong trào. Vẫn còn gần 40% tổ chức cơ sở đảng chưa làm tốt công tác phát triển Đảng. Tỷ lệ đảng viên mới giữa các vùng còn có sự chênh lệch. Nhìn chung, tỷ lệ đảng viên trong độ tuổi thanh niên còn thấp. Trong các trường

đại học, cao đẳng, đảng viên trong sinh viên, giáo viên chưa nhiều. Ở nhiều xã, vùng tôn giáo, dân tộc, miền núi còn rất ít đảng viên, số thôn ấp, bản chưa có đảng viên vẫn nhiều. Hạn chế trên là do công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng chưa được thường xuyên quan tâm, chỉ mạnh lúc phong trào lên. Số thanh niên, quần chúng chạy theo làm ăn kinh tế, kiếm sống, làm giàu nhanh, không tha thiết phấn đấu cho lý tưởng còn khá nhiều. Nhiều tổ chức đảng chưa thấy hết tính thiết thân, cấp bách của việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên. Từ nhận thức chưa đúng, nhiều tổ chức đảng né tránh, thả nổi, "được chăng hay chớ" trong công tác phát triển Đảng. Tổ chức cơ sở đoàn thanh niên nhiều nơi yếu kém, thậm chí chỉ còn tồn tại trên hình thức, trên khung cán bộ, do đó công tác tập hợp thanh niên, định hướng, giáo dục thanh niên phấn đấu vào Đảng dường như không có ai lo. Một số tổ chức đảng ít quan tâm lãnh đạo công tác đoàn, lúng túng trong việc hướng dẫn đoàn làm công tác tuyên truyền, giáo dục, lựa chọn đoàn viên ưu tú bồi dưỡng để phát triển Đảng. Thậm chí, có nơi còn hẹp hòi trong nhận xét, đánh giá thanh niên, thiếu lòng tin vào lớp trẻ.

Để đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, bảo đảm chất lượng cao ngay từ đầu phải rất công phu, cụ thể, với nhiệt tình, trách nhiệm rất cao của tổ chức đảng, của các đoàn thể và sự đóng góp của quần chúng nhân dân. Qua công tác phát triển Đảng có thể đánh giá một phần thực chất công tác xây dựng Đảng của một tổ chức đảng, đánh giá phẩm chất, năng lực mọi mặt của đội ngũ đảng viên. Để làm tốt công tác phát triển Đảng, cần làm tốt những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, phát động phong trào bồi dưỡng, lựa chọn người ưu tú.

"Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng". Muốn có phong trào cách mạng của quần chúng phải phát động, phải có sự lãnh đạo của Đảng, của tổ chức đảng và các đảng viên. Phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị, đồng thời cũng là môi trường rèn luyện quần chúng, cung cấp nguồn cho Đảng phát triển về cả số lượng và chất lượng. Quan tâm đến phong trào quần chúng không phải chỉ vì quần chúng, mà còn vì sự phát triển của Đảng.

Không thể có nghịch lý: nơi không có phong trào quần chúng, hoặc phong trào quần chúng tự phát, vô tổ chức, tiêu cực mà ở đó tổ chức đảng, đảng viên lại tốt, là "trong sạch, vững mạnh". Phải có phong trào quần chúng đông đảo tham gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị, tổ chức đảng và đảng viên mới phát hiện ra những quần chúng nổi trội, thật sự ưu tú trong quần chúng. Muốn có phong trào quần chúng phải bám sát nhiệm vụ chính trị, sát thực tiễn, sát dân và có nghệ thuật phát động. Trên thực tế, có không ít nơi

cờ giăng, biểu ngữ lớn, nhưng "phát" mà không "động", bởi phong trào nặng hình thức, không thiết thực với đời sống và tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, việc phát động vì ý muốn chủ quan của tổ chức đảng, chứ không phải vì nhân dân. Phát động phong trào, nuôi dưỡng phong trào, tổng kết rút kinh nghiệm để tiếp tục phong trào mới, biểu dương thành tích, phê phán lệch lạc là một quá trình năng động trong lãnh đạo phong trào của Đảng. Từ phong trào quần chúng, tổ chức đảng, đảng viên "chọn mặt gửi vàng" những quần chúng ưu tú, tuyên truyền cho quần chúng con đường đi đến với tổ chức đảng, định hướng động cơ vào Đảng đúng đắn cho quần chúng ngay từ khâu chọn người, tuyên truyền, giáo dục quần chúng vào Đảng.

Thứ hai, chú trọng bồi dưỡng người cảm tình, đối tượng, với sự thử thách đủ mức.

Trên cơ sở xem xét, theo dõi quần chúng nổi trội trong phong trào, chi bộ đảng phát hiện người ưu tú. Cũng có thể từ phong trào, quần chúng bình chọn, giới thiệu với Đảng người ưu tú của mình. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Phụ nữ và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế giới thiệu người ưu tú với Đảng. Phải phát huy vai trò đảng viên ngay từ khi phong trào quần chúng thừa nhận người ưu tú của mình.

Tổ chức đảng, đảng viên phải thật sự chủ động bồi dưỡng, phát triển Đảng từ những người cảm tình, đối tượng. Thật sự gần gũi, sâu sát, tìm hiểu nguyện vọng, tâm tư từng quần chúng ưu tú, giới thiệu với quần chúng ưu tú về Đảng, đặc biệt là lý tưởng, đường lối và Điều lệ của Đảng, xây dựng cho quần chúng động cơ phấn đấu đúng đắn. Phải phát hiện ngay những động cơ không lành mạnh, cơ hội để hướng dẫn, uốn nắn, định hướng đúng. Công việc này đòi hỏi người đảng viên phải tỉnh táo, phân tích đối chứng toàn diện, khách quan với quan điểm động, hướng về chiều hướng phát triển. Phải vì Đảng, vì dân mà trung thực, công tâm, chuẩn bị người cho Đảng để không phát hiện nhầm, biết sai mà vẫn làm ngơ, hoặc bỏ sót quần chúng ưu tú, hoặc hết sức tránh "yêu nên tốt, ghét nên xấu". Cũng cần tránh cầu toàn trong phát hiện quần chúng, bởi con đường rèn luyện của đảng viên còn dài, còn nhiều thời cơ cho thử thách.

Sau khi xem xét, phát hiện quần chúng ưu tú, đảng viên báo cáo với tổ chức về nguyện vọng vào Đảng của quần chúng. Chi bộ thảo luận, đánh giá và phân công đảng viên giúp đỡ một cách tận tình và có kế hoạch thật cụ thể. Phải biểu dương, khen thưởng những đảng viên dày công trong công tác phát triển đảng viên mới và những đảng viên giới thiệu, phát triển được nhiều đảng viên mới, nhất là đảng viên mới phát huy được vai trò, tác dụng tích cực đối với phong trào, đối với thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tổ chức

đảng tập hợp quần chúng ưu tú mở lớp, hoặc gửi theo các lớp học tìm hiểu về Đảng, bồi dưỡng cảm tình, đối tượng Đảng. Phải đặc biệt chú ý các biện pháp tự nghiên cứu, trao đổi những kiến thức về Đảng.

Tổ chức đảng và đảng viên phải là người cung cấp cho quần chúng ưu tú những hiểu biết cơ bản về Đảng, giúp đỡ tận tình quần chúng ưu tú phấn đấu, rèn luyện và thử thách theo các tiêu chuẩn đảng viên. Không chỉ ở nhận thức mà các tiêu chuẩn ấy phải được thể hiện cụ thể bằng công việc và nếp suy nghĩ, nếp sống hàng ngày. Phải qua công việc được giao để thử thách, xem xét sự giác ngộ, lời nói và việc làm. Động viên đúng lúc và chỉ ra những hạn chế, những biểu hiện chưa đúng của người ưu tú là cách giúp đỡ thiết thực. Sử dụng các tổ chức quần chúng, bạn bè thân tình giúp đỡ quần chúng ưu tú đang phấn đấu. Làm điều đó không phải chỉ nhằm thẩm định kết quả cho quần chúng ưu tú, mà còn vì phong trào quần chúng.

Thứ ba, xét duyệt đúng tiêu chuẩn, đúng nguyên tắc, đúng trình tự, đúng thủ tục.

Người vào Đảng phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn, đúng nguyên tắc và thủ tục như Điều lệ Đảng đã quy định và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Việc này tưởng như đương nhiên của tổ chức đảng và trách nhiệm đảng viên, nhưng trên thực tế, công tác phát triển Đảng vừa qua không hoàn toàn được như thế. Có cơ sở đảng làm công tác phát triển đảng viên mới chiếu lệ, chạy theo số lượng, chạy theo thành tích. Cảm giác thấy quần chúng "được được" là phát triển, có khi bỏ qua cả tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục.

Người vào Đảng phải hoàn toàn tự nguyện, nghĩa là phải trên cơ sở giác ngộ về lý tưởng của Đảng, hiểu rõ và nguyện tích cực phấn đấu thực hiện đúng Cương lĩnh, đường lối chính trị và Điều lệ Đảng mà tự mình viết đơn xin vào Đảng, hoàn toàn không bị ai gò ép hoặc vì một áp lực nào khác. Phải để người xin vào Đảng suy nghĩ chín chắn, thật thà tự tay viết đơn trình bày nhận thức (có thể theo mẫu), nhưng không gợi ý theo công thức viết giống nhau, sao chép của nhau, làm mất tác dụng của việc khêu gợi nhận thức. Cũng tránh trường hợp người giới thiệu hướng dẫn, đọc nhận thức của mình cho người viết đơn sao lại "cho kêu". Việc làm đó tưởng chừng như để đơn giản hóa, nhưng thật ra là tự hạ thấp tổ chức đảng và coi thường người xin vào Đảng.

Tổ chức đảng và đảng viên phát hiện quần chúng ưu tú để đưa họ vào tổ chức đảng, làm cho Đảng tăng thêm số lượng và chất lượng, nhưng phải trên cơ sở tự nguyện của quần chúng. Có nhiều quần chúng rất tốt, tiêu biểu, nhưng họ chưa nhận thức được sự cần thiết hoặc chưa tha thiết đứng trong

hàng ngũ Đảng thì cũng không nên cố nài ép, tạo mặc cảm "tổ chức đảng cần mình". Người giới thiệu và tổ chức xem xét kết nạp đảng viên mới phải đặc biệt quan tâm đến việc khai báo lý lịch của người xin vào Đảng. Khai báo lý lịch cần rõ ràng, đầy đủ, trung thực, nhất là các tiêu chuẩn chính trị. Không định kiến, không "thành phần chủ nghĩa", nhưng tổ chức đảng không thể qua loa, coi thường việc trung thực với Đảng của người xin vào Đảng. Phải xem xét một cách toàn diện các tiêu chuẩn đảng viên khi vào Đảng theo Điều lệ. Không "chiếu cố", "linh động" tiêu chuẩn đối với người xin vào Đảng. Khách quan, đúng đắn trong xem xét động cơ cả người xin vào Đảng lẫn người giới thiệu. Trước khi chuẩn y, ngoài việc xem xét thủ tục, nguyên tắc, hồ sơ, cấp ủy cấp trên cần có sự thẩm tra kỹ lưỡng trước khi ra quyết định, không coi đây chỉ là công việc đơn thuần "đảng vụ". Tốt nhất là thực hiện kiểm tra bằng nhiều cách đối với đối tượng được kết nạp. Trong tình hình hiện nay, cảnh giác với việc kết nạp đảng viên mới vì dòng họ, địa phương, bè cánh để "thêm phiếu" cho mình.

Quần chúng ưu tú xuất hiện từ phong trào quần chúng, vì vậy quá trình giúp quần chúng ưu tú hoàn thiện đưa vào Đảng cũng phải dựa vào quần chúng, nhất là các đoàn thể chính trị - xã hội. Phải xem việc tổ chức đảng lấy ý kiến quần chúng là việc làm mang tính thật sự cầu thị, có sự kiểm tra, giám sát của quần chúng, thêm sự bảo đảm chất lượng của người vào Đảng, chứ không phải chỉ là làm chiếu lệ. Phải nhận thức rằng, lấy ý kiến đóng góp của quần chúng cho người chuẩn bị kết nạp vào Đảng là tổ chức đảng thật sự tin cậy quần chúng, qua đó góp phần giáo dục, rèn luyện quần chúng, động viên quần chúng tham gia xây dựng Đảng một cách thiết thực.

Để làm tốt công tác phát triển Đảng, việc tạo nguồn dồi dào để lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp những người ưu tú có đủ tiêu chuẩn trong thanh niên, công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang... vào Đảng là cực kỳ quan trọng. Trong công tác phát triển Đảng, cần chú ý những cơ sở trọng yếu, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Phát triển Đảng theo hướng coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, bảo đảm chặt chẽ về nguyên tắc, song cũng tránh định kiến, hẹp hòi, máy móc.

- Đưa ra khỏi Đảng chính xác những người không còn đủ tư cách đảng viên.

Đưa ra khỏi Đảng đúng người, đúng lúc, đúng lỗi cũng là biện pháp cực kỳ quan trọng trong các biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên.

Là một cơ thể sống, tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên chỉ có thể phát triển lành mạnh, cường tráng khi nó được tăng cường nguồn sinh lực mới và loại

trừ cặn bã, những tế bào đã chết, bệnh hoạn. Phải thường xuyên rà soát đội ngũ, kịp thời phát hiện những triệu chứng "nung bệnh", "ủ bệnh" để tìm cách cứu chữa, khi không chữa được, đã biểu hiện thật sự thoái hóa, biến chất thì kiên quyết cắt bỏ. Đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn tác dụng là để bảo đảm chất lượng đội ngũ, bảo đảm sự trong sạch và sức chiến đấu của tổ chức. Phải phát hiện ngay khi đảng viên ở trạng thái "trung bình chủ nghĩa" không cần khen, miễn sao không bị chê, cơ hội, có biểu hiện tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương, mất đoàn kết. Sáng suốt, tỉnh táo với những sự lừa dối, báo cáo sai, xu nịnh để luồn sâu, leo cao, gạt bỏ người trung thực, người tốt, có trình độ... Bằng mọi biện pháp tinh tường để phát hiện, lôi ra ánh sáng những hành vi cơ hội về chính trị và về tổ chức, tham nhũng, lợi dụng chức quyền, mất dân chủ, sợ công khai, sợ tố cáo, ăn chơi xa xỉ, dùng "tiền chùa" mua chuộc cấp trên, kéo bè cánh, sống sa đọa, trác táng, tự hạ thấp mình dưới cả mức người dân bình thường.

Quan trọng hơn là xem xét, phát hiện sớm bộ phận cán bộ, đảng viên không tán thành hoặc không thống nhất với quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; từ không thống nhất dẫn đến tuỳ tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật, nói và làm không đi đôi với nhau. Từ nhận thức hời hợt, không am hiểu lý luận, không sát thực tiễn, lại ăn phải bả "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch cộng với tư tưởng thực dụng, cơ hội, bất mãn cá nhân, dần đi vào quỹ đạo của tư tưởng thù địch chống lại Đảng, chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân, phản bội Tổ quốc. Qua nắm tình hình diễn biến tư tưởng mà phát hiện số cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, mơ hồ, dao động, hoài nghi chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về vai trò và sự lãnh đạo của Đảng.

Kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực, xử lý chính xác với các phần tử thoái hóa, biến chất không chỉ nhằm làm trong sạch đội ngũ mà chính quá trình đó sẽ nâng cao sức chiến đấu của từng đảng viên và cả đội ngũ.

Điều quyết định của các biện pháp phê bình, đấu tranh, xử lý đối với các sai phạm, đối với bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất là ở chỗ: *phải chính xác, đúng đối tượng*. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, các lợi ích vật chất, lợi ích chính trị đan xen, chủ nghĩa cơ hội về chính trị phát triển, phải đặc biệt chú ý đến việc thi hành kỷ luật, đưa người ra khỏi Đảng. Làm không chính xác rất dễ dẫn đến mắc mưu những kẻ cơ hội lợi dụng việc này để loại trừ

những người trung kiên, tích cực, đưa những kẻ cơ hội, đáng lẽ phải loại trừ, thay vào vị trí của người tốt. Dân tộc ta sống nặng về tình cảm gia đình, họ hàng, làng xóm, dư luận xã hội. Thi hành kỷ luật, xử lý con người, đưa ra khỏi Đảng (vị thế mà ngày nay số đông vẫn cho là thang bậc phẩm chất đạo đức thiêng liêng và phần nào có ích) phải thật chính xác, lấy phương châm "trị bệnh cứu người", lấy "xây" làm nền tảng để "chống". Nếu không đúng, không chính xác thì việc thi hành kỷ luật mất tác dụng, ảnh hưởng uy tín tổ chức, gây những xáo trộn không đáng có.

Kỷ luật Đảng phải thể hiện được sự nghiêm minh của Đảng. Vì thế, không thể tùy tiện, giản đơn, càng không thể là mưu đồ bè cánh, cục bộ địa phương, tranh giành địa vị và quyền lợi. Cùng với việc tăng cường sức chiến đấu của tổ chức đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, phát huy dân chủ trong tổ chức và trong nhân dân, cấp ủy và mỗi đảng viên phải có trách nhiệm cao nhất với đồng chí mình, nắm vững nguyên tắc, quy trình, phải nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất, đạo đức của cán bộ kiểm tra, nghiệp vụ của bộ máy kiểm tra Đảng, nâng cao nghiệp vụ và trách nhiệm của các cấp ủy đảng. Phải phối hợp giữa tổ chức đảng với cơ quan chính quyền và các đoàn thể nhân dân để kiểm tra, thanh tra, bảo vệ Đảng.

Để xem xét và thi hành kỷ luật đúng người, đúng việc, người và cấp có thẩm quyền xem xét kỷ luật phải thật trong sáng, công tâm, minh bạch, công khai, có nghiệp vụ. Kỷ luật đảng viên phải được tập thể xem xét khách quan, từng thành viên phải độc lập suy nghĩ, có trách nhiệm cao với đồng chí, không được a dua, kỷ luật đồng chí để vừa lòng người này, người nọ, để loại trừ, tranh ghế, giành chỗ cho mình, cho phe cánh. Trước khi kỷ luật đảng viên, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phúc tra, đối thoại trực tiếp với người bị kỷ luật để làm cho họ "tâm phục, khẩu phục". Kỷ luật Đảng là biện pháp giáo dục con người, xây dựng con người, nên trước khi tổ chức xem xét kỷ luật, người bị xem xét phải tự xem xét, phải "tự thi hành kỷ luật mình": Xem xét kỷ luật phải được tiến hành thận trọng, đúng việc, đúng người, đúng lúc, dứt điểm, không để chạy chọt, mua chuộc, đút lót hòng "chạy tội". Điều không kém phần quan trọng và đúng đạo lý là kỷ luật không đúng phải được minh oan, phục hồi công tác, cương vị, công khai khôi phục danh dự bị mất khi thi hành kỷ luật không đúng. Người đứng tên ký quyết định kỷ luật và tập thể biểu quyết kỷ luật phải chịu các hình thức "kỷ luật ngược" tương tự và có trách nhiệm bồi thường danh dự cho người bị oan. Làm tất cả những điều đó là để nâng cao chất lượng của kỷ luật Đảng, giữ tiếng thơm cho tổ chức đảng.

Có biện pháp giúp đỡ những đồng chí hạn chế về kiến thức, năng lực hoạt động do hoàn cảnh khó khăn mà mắc khuyết điểm. Những trường hợp không khắc phục được khó khăn hoặc không còn khả năng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ, thì bản thân tự xem xét hoặc chi bộ động viên các đồng chí đó tự nguyện rút ra khỏi Đảng. Những người lạc hậu về chính trị, không còn tha thiết với Đảng, không còn tác dụng với quần chúng thì vận động họ tự nguyện ra khỏi Đảng.

Giáo dục, xử lý và định thời hạn phấn đấu cho những đảng viên vi phạm sinh hoạt đảng, không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nếu vẫn không chuyển biến thì đưa ra khỏi Đảng.

Để nhận biết chính xác những kẻ thoái hóa, biến chất và cơ hội, làm tốt việc giáo dục đảng viên có sai phạm ở mức chưa bị khai trừ, Đảng phải biết dựa vào quần chúng, vì quần chúng hàng ngày tiếp xúc, gần gũi với đảng viên trong cuộc sống đời thường cũng như trong công tác. Quần chúng là "tai, mắt" của Đảng, nên phải thường xuyên tổ chức cho họ đóng góp ý kiến xây dựng Đảng và nhận xét, đánh giá giúp đỡ đảng viên.

- *Nâng cao chất lượng toàn diện các đảng viên hiện tại.*

Công tác phát triển Đảng rất quan trọng, nhưng công việc quan trọng và cơ bản nhất vẫn là nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên hiện nay. Công việc này phải được làm đồng bộ, đạt hiệu quả cao mới tạo ra bước trưởng thành mới trong năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, sự trong sạch và vững mạnh của từng đảng viên.

Một là, nâng cao năng lực trí tuệ, năng lực lãnh đạo của đảng viên.

Năng lực trí tuệ của đội ngũ đảng viên thể hiện trước hết ở trình độ tri thức, ở tầm nhìn, ở thế giới quan của họ. Học thuyết Mác - Lênin về Đảng đã chỉ rõ: Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân, thể hiện ý thức tự giác của phong trào công nhân; Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ của giai cấp công nhân, *phải luôn tự giác nhận thức được quy luật vận động, phát triển của xã hội, có thế giới quan duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.* Trình độ lý luận cao giúp Đảng đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, mỗi đảng viên hiểu rõ lý tưởng cộng sản, ý nghĩa chính trị của từng công việc cụ thể, để họ kiên định mục tiêu cách mạng và tự giác trong mỗi hành động cụ thể của bản thân.

Nâng cao trình độ lý luận của Đảng chính là để Đảng luôn xứng đáng là đội tiền phong của giai cấp công nhân và của cả dân tộc, ngang tầm với thời đại, thực hiện vai trò lãnh đạo xã hội một cách tự giác, có hiệu quả cao.

Lênin đòi hỏi: trong điều kiện có chính quyền, Đảng phải là "trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại chúng ta"[1].

Trong điều kiện thế giới hiện nay, nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng còn có nghĩa là kiên trì đấu tranh bảo vệ và phát triển lý luận Mác - Lênin, chống lại mọi ý đồ phủ nhận, xuyên tạc những giá trị khoa học và cách mạng của lý luận mác-xít. Đối với Đảng ta - một đảng ra đời trong một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản, tiến lên chủ nghĩa xã hội, việc nâng cao trình độ lý luận của Đảng còn có nghĩa là biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển nó cho phù hợp với hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể của cách mạng Việt Nam, kết hợp lý luận đó với tinh hoa tư tưởng và truyền thống văn hóa Việt Nam, mà tiêu biểu cho sự kết hợp đó là tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn hiện nay, nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng ta trước hết là nâng cao trình độ lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng, cơ sở khoa học, kim chỉ nam cho mọi quyết sách chiến lược, xây dựng mọi phong trào hành động cách mạng trong mọi thời kỳ, trên mọi lĩnh vực hoạt động.

Nâng cao năng lực trí tuệ của Đảng trong thời đại khoa học - công nghệ, tin học cũng đòi hỏi đội ngũ đảng viên phải là những con người tiêu biểu của thời đại, biết kế thừa mọi truyền thống văn hóa tốt đẹp của quê hương, có tầm nhìn rộng lớn cả nước và toàn thế giới, biết làm giàu trí tuệ của mình bằng toàn bộ kho tàng tri thức của nhân loại, biết vận dụng trí tuệ đó để cải tạo, xây dựng cuộc sống xã hội hiện đại. Đội ngũ đảng viên của nước ta phải là những người đủ kiến thức để lãnh đạo, tổ chức thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đội ngũ ấy không chỉ phải giỏi về lý luận, khoa học xã hội - nhân văn, mà còn nắm vững khoa học - công nghệ hiện đại, giỏi tay nghề để đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; không chỉ lãnh đạo về mặt chính trị - tư tưởng, mà còn lãnh đạo được cả về chuyên môn trong quá trình đổi mới, mở cửa.

Trong điều kiện hiện nay, hơn bao giờ hết, đảng viên phải hiểu được, hiểu sâu và kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng, của cách mạng đã ghi trong Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã nêu:

+ Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của Đảng và nhân dân ta, là con đường duy nhất đúng đắn của cách mạng nước ta mà Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 34, Nxb Tiến bộ, M. 1976, tr. 122.

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

+ Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng ta là tuyệt đối và toàn diện.

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, trên cơ sở khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

+ Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt Đảng.

+ Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Để mọi đảng viên trong Đảng thống nhất về tư tưởng chính trị, phải tăng cường giáo dục về đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước đi đôi với tổng kết thực tiễn, nghiên cứu các mô hình để phát triển sáng tạo đường lối, quan điểm, lý luận của Đảng. Phải đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, kết luận những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra, làm căn cứ khoa học để hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, trước hết trên lĩnh vực kinh tế và một số lĩnh vực quan trọng khác, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng. Từng bước làm rõ hơn nữa những vấn đề lý luận cơ bản về mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở nước ta, v.v...

Năng lực trí tuệ luôn luôn gắn liền với năng lực tổ chức của đảng viên. Đảng không những là tổ chức của những người giác ngộ nhất, tự giác nhất của giai cấp công nhân, mà còn là người đưa yếu tố tự giác vào toàn bộ phong trào công nhân, người định hướng chính trị, giáo dục, động viên, tổ chức cho quần chúng hành động cách mạng. Khi có chính quyền, Đảng là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị và cả xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội phải tuân thủ cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ". Trong cơ chế này, Đảng phải có năng lực lãnh đạo nhân dân và cùng với nhân dân quản lý đất nước, quản lý xã hội. Dĩ nhiên, Đảng phải thực hiện đúng chức năng của mình, chứ không làm thay, "lấn sân" Nhà nước trong việc chỉ đạo, điều hành cụ thể. Muốn làm đúng chức năng lãnh đạo trong cơ chế vận hành của hệ thống chính trị đất nước, Đảng ta phải không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ, năng lực tổ chức trong lĩnh vực thực tiễn. Các cán bộ, đảng viên có trình độ lý luận, trình độ chuyên môn và khả năng tổ chức thực tiễn mới có thể đề

xuất những phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có căn cứ khoa học để định hướng đúng đắn cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững của đất nước. Mọi kết quả của việc thực hiện chức năng ấy đều tùy thuộc vào năng lực trí tuệ và khả năng tổ chức, quản lý của các tổ chức đảng và đảng viên.

Mỗi đảng viên thực hiện chức năng lãnh đạo với những nhiệm vụ và vai trò khác nhau trong sự nghiệp cách mạng chung của Đảng. Ở mỗi cương vị, trên những lĩnh vực công tác khác nhau, yêu cầu về năng lực trí tuệ, năng lực tổ chức, quản lý cũng khác nhau. Mỗi đảng viên, mỗi cấp ủy viên sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở đảng nhất định còn có thể đồng thời là các viên chức trong bộ máy nhà nước, là người trực tiếp sản xuất hoặc quản lý trong các đơn vị kinh tế, các hộ gia đình, cán bộ khoa học trong các viện, học viện, nhà trường, là chiến sĩ, sĩ quan trong các lực lượng vũ trang... Mỗi vị trí công tác, mỗi lĩnh vực chuyên môn đều đòi hỏi người đảng viên, ngoài trình độ lý luận chính trị, nắm vững đường lối của Đảng, còn *phải có năng lực khoa học, trình độ chuyên môn* để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cụ thể của mình. Như vậy, năng lực trí tuệ của đảng viên không chỉ gồm trình độ lý luận, khả năng tham gia hoạch định chủ trương, chính sách đúng đắn, tổ chức chỉ đạo thực tiễn của toàn Đảng, mà còn bao gồm cả khả năng chuyên môn, trình độ văn hóa, tay nghề của mỗi đảng viên. Trong công cuộc kiến thiết đất nước, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hôm nay, nhân dân không chấp nhận những đảng viên, người lãnh đạo thiếu tri thức khoa học, quản lý, văn hóa tối thiểu. Chức năng lãnh đạo của Đảng càng không cho phép đội ngũ cán bộ, đảng viên kém về trí tuệ và chuyên môn trong lĩnh vực công tác của mình. Nếu đảng viên ở cương vị lãnh đạo mà yếu về chuyên môn, không biết quản lý thì không chỉ làm tổn hại đến lợi ích của đơn vị, sự phát triển của đất nước, mà còn làm mất uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng.

Nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn của đảng viên trong thời đại hiện nay còn yêu cầu các cán bộ lãnh đạo, quản lý làm chủ các phương tiện thông tin hiện đại, biết thu nhận và xử lý những thông tin cần thiết phục vụ cho công tác của mình. Thông tin ngày nay đã trở thành nguồn lực của sự phát triển. Đảng viên phải biết khai thác nguồn lực ấy để thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý của mình. Đảng phải xây dựng được hệ thống thông tin nhiều chiều, nhiều cấp, theo nhiều kênh, sử dụng những phương tiện thông tin hiện đại để mọi đường lối, chiến lược, quyết định chỉ đạo của Đảng nhanh chóng đi vào thực tiễn, đưa đến cho mọi đảng viên, và mọi tình hình, nhu cầu của thực tiễn đều được kịp thời phản ánh qua các kênh thông tin phản hồi.

Lãnh đạo công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Đảng ta phải biết vận dụng sáng tạo, biết phát triển những nguyên lý lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện thực tế và qua kinh nghiệm thực tiễn của Việt Nam. Vì vậy, biết tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, biết khái quát, phát triển lý luận từ thực tiễn cách mạng Việt Nam cũng là một yêu cầu nâng cao năng lực trí tuệ của đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Mọi tri thức lý luận, năng lực tư duy đều phải hướng vào giải quyết những vấn đề đang đặt ra từ phong trào thực tiễn.

Song, tổng kết kinh nghiệm, vận dụng kinh nghiệm phải trên cơ sở phương pháp luận khoa học, trên những nguyên lý lý luận chung nhất mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch ra. Không áp dụng lý luận một cách máy móc, giáo điều; đồng thời, cũng không sa vào chủ nghĩa kinh nghiệm, tuyệt đối hóa kinh nghiệm một cách mù quáng. Giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa là những căn bệnh có thể dẫn tới tổn thất to lớn cho cách mạng, cho sự phát triển đất nước.

Để nâng cao năng lực trí tuệ, năng lực quản lý, Đảng phải chăm lo giáo dục, đào tạo đảng viên và mỗi đảng viên phải luôn luôn học tập để nâng cao trình độ, coi học tập là nhiệm vụ thường xuyên, suốt đời. *"Học, học nữa, học mãi"* là khẩu hiệu chung của những người cộng sản, càng rất đúng cho mỗi đảng viên chúng ta ngày nay. Đảng đòi hỏi mỗi đảng viên không những phải học tập trong nhà trường, trong công tác thực tiễn, mà còn phải thường xuyên tự học để nâng cao trình độ tri thức của bản thân. Khoa học và công nghệ ngày nay phát triển như vũ bão, lượng thông tin truyền tải trên các phương tiện vô cùng phong phú. Nếu chỉ dừng lại một ngày không đọc, không nghe, không học hỏi, lập tức tri thức mỗi người sẽ lạc hậu, mất tính cập nhật và làm việc sẽ kém hiệu quả.

Hai là, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên.

Phẩm chất chính trị của đảng viên thể hiện chủ yếu ở lý tưởng chiến đấu của họ. Mỗi đảng viên là một chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân, "gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng"[1]. Đó chính là chỗ khác nhau giữa đảng viên với quần chúng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 251.

Những người cộng sản tuyệt nhiên không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của toàn thể giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Lợi ích ấy chính là giải phóng toàn thể nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức bóc lột, xây dựng xã hội ấm no, tự do, bình đẳng, trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người". Đối với những người cộng sản Việt Nam, mục tiêu và lý tưởng đó là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc, công bằng, dân chủ và văn minh cho nhân dân. Kiên trì thực hiện mục tiêu đó là yêu cầu cơ bản hàng đầu của việc giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta, là phẩm chất chính trị số một của mỗi người cộng sản Việt Nam.

Nâng cao giác ngộ lý tưởng giai cấp của họ, làm cho mỗi người biết gắn lợi ích cá nhân với lợi ích của dân tộc và của giai cấp, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta đã lựa chọn, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân để giải quyết những vấn đề đang đặt ra trên con đường xây dựng đất nước.

Đảng viên phải trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, đồng thời và trước hết phải trung thành với lợi ích dân tộc. Sự trung thành với lý tưởng cộng sản của người đảng viên Việt Nam cũng bao hàm cả lòng trung thành với Tổ quốc, với dân tộc. Phẩm chất chính trị của người cộng sản Việt Nam gắn liền với truyền thống nổi bật của dân tộc là yêu nước, tự lực tự cường. Giữ gìn và nâng cao phẩm chất chính trị của Đảng ta trước hết phải nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Ở đây, phẩm chất chính trị của người cộng sản hòa làm một với truyền thống đạo đức đẹp đẽ và bền vững nhất của người Việt Nam đã được hun đúc, phát triển và kế thừa từ thế hệ này đến thế hệ khác suốt chiều dài lịch sử. Truyền thống đó ngày nay được Đảng ta phát triển cao hơn và gắn nó với chủ nghĩa xã hội - tương lai tươi sáng của dân tộc và cả loài người.

Nâng cao phẩm chất đạo đức người cộng sản cũng tức là nâng cao những phẩm chất cách mạng của giai cấp công nhân, của đội tiền phong có tổ chức cao nhất của giai cấp. Người cộng sản phải là chiến sĩ tiên phong trên mọi lĩnh vực của cách mạng. Những người cộng sản phải luôn luôn là bộ phận đi đầu, kiên quyết nhất trong đội quân cách mạng của giai cấp công nhân, là bộ phận luôn thúc đẩy phong trào tiến lên. Tính tiên phong gương mẫu là một đòi hỏi quan trọng trong phẩm chất đạo đức của người cộng sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải

có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[1]. Người cộng sản nguyện đi tiên phong trong mọi phong trào, trong mọi hoàn cảnh để thực hiện mọi nhiệm vụ mà Đảng và dân tộc giao phó.

Bản chất giai cấp công nhân của Đảng đòi hỏi tăng cường khối đoàn kết thống nhất của Đảng, ý thức tổ chức, kỷ luật của từng đảng viên. Giữ gìn và tăng cường sự thống nhất trong hoạt động của Đảng chính là làm cho Đảng luôn có sức mạnh tập thể, có sức chiến đấu cao, bảo vệ Đảng vững chắc trước mọi sự tấn công và chia rẽ của kẻ thù. Tinh thần đoàn kết trong Đảng là khối đoàn kết thống nhất của những người cùng chung lý tưởng, luôn luôn được bảo vệ và nâng cao bằng vũ khí tự phê bình và phê bình. Tính chất giai cấp công nhân của Đảng đòi hỏi tinh thần đoàn kết thống nhất của toàn thể giai cấp vô sản và nhân dân lao động các dân tộc bị áp bức bóc lột trên toàn thế giới. Đạo đức truyền thống Việt Nam đã được nâng lên tầm cao của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Người cộng sản là người đi tiên phong lãnh đạo. Vì vậy, nội dung rèn luyện của họ phải là rèn luyện toàn diện, mọi lúc, mọi nơi, mọi môi trường, theo phương châm "ngọc càng mài càng sáng". Không ít thực tế chỉ rõ: có người tiêu biểu ở thời kỳ này, môi trường này sang thời kỳ khác, môi trường khác lại tụt hậu, thoái hóa, biến chất; trung kiên, vững vàng, trong sáng ở môi trường này, sang môi trường khác lại tự làm hoen ố thanh danh người cộng sản.

Trong rèn luyện toàn diện, mọi lúc, mọi nơi của người cộng sản, việc rèn luyện lý tưởng, lập trường giai cấp, bản lĩnh cách mạng, đạo đức, lối sống có tầm quan trọng hàng đầu.

Con người ai cũng có hoài bão, ước mơ, kế hoạch, bước đi cho cuộc đời mình. Phấn đấu để thực hiện hoài bão, ước mơ theo con đường đúng đắn, chân chính, hợp đạo lý làm người sẽ được mọi người hoan nghênh. Khác với quần chúng bình thường, người cộng sản cũng có hoài bão, ước mơ, kế hoạch cho cá nhân mình, nhưng phải có lý tưởng cách mạng. Lý tưởng cách mạng là kế hoạch, là hoài bão, là ước mơ bao trùm của những người cộng sản, những người cách mạng. Lý tưởng cách mạng nung nấu trong mỗi con người, trong quyết tâm thực hiện của từng người, nhưng lý tưởng, mục đích đó trước hết phải là cho mọi người, cho giai cấp, cho dân tộc. Thành quả cách mạng đạt được và sự hưởng thụ thành quả cách mạng là mọi người, là cộng đồng, trong đó có bản thân người cộng sản. Lý tưởng cách mạng lúc nào cũng

---

1. Sđd, tr. 252-253.

là nội dung thường trú trong con người, nhưng phấn đấu để đạt được phải là tập thể những con người, những giai cấp; không thể tự cho mình là người cộng sản mà không biết sự nghiệp cách mạng cần gì, phấn đấu thực hiện điều gì, nội dung cuộc cách mạng cần đạt tới ra sao.

Hiện nay, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên nhất là đảng viên có chức, có quyền đã và đang suy thoái về đạo đức, lối sống, làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng, làm sa sút lòng tin của nhân dân, tổn thương mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, hạ thấp sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng. Chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, thực dụng dẫn nhiều cán bộ, đảng viên đến chỗ lo vun vén quyền lợi cho cá nhân, gia đình, họ tộc, địa phương, đơn vị mình, cho cuối đời mình... hơn là chăm lo việc tập thể, việc cơ quan, việc Đảng, việc dân, việc nước; chỉ lo đời sống vật chất, coi nhẹ giữ gìn tư cách đảng viên; chỉ lo trước mắt, không quan tâm đến vấn đề cơ bản, lâu dài. Đặc biệt, tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng, xa hoa, hưởng lạc, bòn rút của công, hối lộ, "ăn chặn", chia chác trong một số cán bộ có chức, có quyền diễn ra ngày càng nghiêm trọng, thậm chí thành đường dây, có móc nối trên dưới, trong ngoài, gây bất bình trong xã hội. Tình trạng kèn cựa, bè cánh, tìm cách vô hiệu hóa, cô lập nhau trong một số cán bộ có chức, có quyền, nhất là giữa người đứng đầu một số tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể, đã gây ra mất đoàn kết nội bộ, làm suy yếu tổ chức, mất tín nhiệm với tập thể, nhân dân. Đây là nguy cơ gây mất ổn định ở nơi này, nơi khác mà kẻ thù và các phần tử xấu có thể lợi dụng. Để khắc phục tình trạng suy thoái về đạo đức, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã chỉ rõ: "Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, quản lý, kiểm tra cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống"; về phần mình, mọi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần tự rèn luyện, tu dưỡng về đạo đức, tinh thần tích cực, đức hy sinh, nghĩa cả, sự tận tụy, say mê nghề nghiệp, xả thân vì việc chung. Phải có tình đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ mọi người, thương yêu đồng chí, song vì tập thể, biết tự phê bình, bao dung, vị tha, đoàn kết, đấu tranh bảo vệ lẽ phải và dũng cảm phê bình, chống chủ nghĩa cá nhân, chống các biểu hiện tiêu cực, không để mình và đồng chí mình rơi vào "vũng bùn tội lỗi", làm mất đi phẩm chất của người cộng sản.

Là người lãnh đạo, lối sống của người cộng sản có vị trí đặc biệt quan trọng. Hiện nay, bên cạnh số đông đảng viên quan tâm giữ gìn đạo đức, lối sống lành mạnh, gắn bó với tập thể, với nhân dân, đã xuất hiện một bộ phận cán bộ, đảng viên có lối sống xa dân, sa đọa, biến chất, thậm chí có lối sống xa lạ, đi ngược lại truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Lối sống thực dụng, chỉ biết đồng tiền, chỉ biết lợi ích vật

chất, cá nhân vị kỷ, bản vị cục bộ không chỉ thể hiện trong một số đảng viên trẻ, mà còn thể hiện khá phổ biến trong cán bộ, đảng viên nói chung, nhất là cán bộ thuộc bộ máy công quyền và các tổ chức kinh tế.

Lối sống cơ hội diễn ra dưới nhiều hình thức: tình trạng "móc ngoặc", "chạy chọt" trong bổ nhiệm cán bộ, thi cử, điều tra, thanh tra, xét xử, phân phối ngân sách, dự án đầu tư giao thầu, cấp cô-ta, thuế xuất nhập khẩu, xét duyệt đề tài, cấp viện trợ... đã có ở không ít nơi, không ít người. Kể cả việc bầu cử, lấy phiếu tín nhiệm tập thể cũng không phải bao giờ cũng có được tính vô tư, sự công bằng thật sự. Khi Đảng cầm quyền, tất cả những hành vi chạy chọt đều vì mục đích vun vén lợi ích vật chất; vị thế chính trị cũng nhằm lợi ích vật chất. Một số cán bộ, đảng viên bị hút vào quỹ đạo "chạy": chạy chức, chạy quyền, chạy tiền, chạy chỗ, chạy tội. Điều đáng hổ thẹn là, không ít người mượn danh cơ quan, đơn vị lấy tiền của tập thể, của Nhà nước làm quà biếu, thể hiện "sự quan tâm", "tình nghĩa", rốt cuộc cũng vì lợi ích cá nhân. Đã xuất hiện nơi này, nơi khác lối sống "chạy chọt", "lo lót" cho cá nhân, cho phe cánh, rộn ràng nhất trong các dịp bầu cử, sắp xếp lại nhân sự, dần dần trở thành một phương thức hoạt động tinh vi, liên kết với nhau chặt chẽ đến mức rất khó phát hiện.

Một số cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người có chức quyền quan liêu, sống xa dân, không sát cơ sở, né tránh vùng xa, khó khăn "ít mầu, kém miếng", thích phô trương, khoe khoang hình thức, mượn tiếng cơ quan, tập thể để đề cao cá nhân. Dối trên, lừa dưới, bưng bít khuyết điểm, "nâng cấp ưu điểm", thậm chí khoe khoang sự quen biết, gần gũi người này, thân thiết người kia, xuyên tạc nhận định ý kiến của cấp trên, dùng "bình phong" người quen này nọ để đe nẹt người khác, để che giấu khuyết điểm, tránh sự đấu tranh của tập thể đã có ở không ít nơi.

Rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, gương mẫu trong cuộc sống đời thường, ở mọi nơi, mọi lúc là khó khăn, là sự chiến thắng bản thân. Người cộng sản hơn quần chúng bình thường là biết hy sinh lúc cần thiết. Chúng ta không tán thành những quan niệm cực đoan. Trong thời kỳ cách mạng trước đây, người cộng sản luôn đặt sự gương mẫu, tiên phong lên trên hết. Đó là phẩm chất cao cả, cần thiết ở thời kỳ ấy. Từ đó cũng có nhận thức sai lầm cho người cộng sản lúc nào cũng phải hy sinh, nhường nhịn cho người khác. Điều đó hoàn toàn không đúng, không công bằng và không hợp lẽ phải. Nhưng, cho rằng thời này mọi người đều bình đẳng, là "đời thường", nên không cần phải hy sinh, không "dại" gì sống theo lý tưởng suông cũng là điều sai trái. Đức hy sinh, tính tiên phong luôn là đòi hỏi thường trực ở người đảng viên. Trong đời sống bình thường, nếu

gương mẫu, tiên phong thì người đó đã vượt lên tầm trung bình. Khi cuộc sống cần, nhân dân và sự nghiệp cách mạng đòi hỏi, phải biết hy sinh điều mình được quyền hưởng một cách vô tư. Để hoàn thành nhiệm vụ, để bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ, khi cần thiết không đắn đo cả sự hy sinh tính mạng. Ở đó không thể có sự mặc cả: tôi hành động như thế này sẽ được lợi cái gì; tôi thiệt thòi thì ai bù đắp?

Để nâng cao đạo đức cách mạng, phải "quét sạch chủ nghĩa cá nhân" như Bác Hồ đã dạy. Song, chủ nghĩa cá nhân trong kinh tế thị trường nhiều thành phần khó phát hiện và tẩy trừ hơn nhiều so với thời kỳ còn cơ chế bao cấp. Muốn quét sạch chủ nghĩa cá nhân hiện nay phải dựa vào sức mạnh của tổ chức đảng, thực hiện gương mẫu từ trên xuống dưới và đặc biệt quan trọng là phải dựa vào quần chúng, động viên và tổ chức quần chúng theo dõi, giám sát, xây dựng đảng viên.

Rèn luyện phẩm chất, tu dưỡng bản thân mình là bí quyết hàng đầu tạo nên chất liệu "nổi trội" của người cộng sản. Tổ chức đảng phải đòi hỏi mọi đảng viên tự giác rèn luyện từ nhận thức, hiểu biết đến rèn luyện, tu dưỡng mọi mặt trong công tác, học tập, chiến đấu, trong sinh hoạt thường ngày, tức là quá trình tự cải tạo mình, quá trình hoàn chỉnh nhân cách con người. Điều này phải trở thành thói quen, trở thành nền nếp như hơi thở của con người trong cuộc sống mỗi đảng viên.

Ba là, nâng cao năng lực tổ chức, vận động quần chúng của đảng viên.

Người đảng viên phải biết tuyên truyền, giác ngộ lý tưởng cách mạng cho quần chúng, xây dựng ý thức tự giác cách mạng cho họ. Để nâng cao trình độ chính trị, đảng viên phải coi trọng nhiệm vụ tuyên truyền tư tưởng cách mạng, lý luận cách mạng, đường lối, phương pháp cách mạng cho quần chúng, để nâng dần trình độ ý thức chính trị của họ lên. Mặt khác, bằng sự nêu gương, bằng những sự việc chính trị cụ thể hàng ngày, đảng viên tiến hành cổ động chính trị, nâng cao tình cảm, nhiệt tình cách mạng của quần chúng. Công tác tuyên truyền và cổ động của Đảng sẽ xây dựng ở quần chúng cách mạng niềm tin chính trị để họ tự giác hành động theo niềm tin ấy.

Muốn tổ chức, vận động quần chúng, đảng viên phải biết làm công tác tư tưởng. Đây là công việc quan trọng hàng đầu, thường xuyên của mỗi đảng viên, bất kỳ ở cương vị và môi trường hoạt động nào. Do đó, Đảng phải chú trọng đào tạo, bồi dưỡng năng lực làm công tác tư tưởng cho đội ngũ đảng viên. Công tác tư tưởng, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công

tác tư tưởng của Đảng phải được coi là công việc hàng ngày của mỗi tổ chức đảng, của toàn thể đảng viên.

Để có thể thuyết phục, vận động, tổ chức quần chúng, giải đáp các khúc mắc về tư tưởng, hòa giải các mâu thuẫn nội bộ của quần chúng, đảng viên không những phải là chiến sĩ đi tiên phong trong phong trào quần chúng, mà còn phải có quan hệ mật thiết với quần chúng. Đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của quần chúng, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng, chăm lo hàng ngày tới lợi ích chính đáng của quần chúng. Hơn ai hết, người đảng viên cần hiểu rằng: dân là gốc của nước, của cách mạng; chăm lo cho dân chính là mục đích của cách mạng, đồng thời dựa vào dân cũng là phương thức cơ bản của hoạt động cách mạng. Không tôn trọng và phát huy được quyền làm chủ của quần chúng thì không những không có phong trào cách mạng, mà vai trò lãnh đạo của Đảng cũng chẳng còn ý nghĩa. Bài học thực tế ở một số địa phương vừa qua đã chứng minh rất rõ điều đó. Ở nơi nào quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm, tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân chưa được ngăn chặn và đẩy lùi thì ở nơi đó vai trò lãnh đạo của Đảng, uy tín đội ngũ đảng viên suy giảm, thậm chí sự ổn định chính trị bị đe dọa. Đảng ta không thể chấp nhận tình trạng ở ngay tại cơ sở mà bộ máy của Đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên lại xa cách, quan liêu, thậm chí dùng quyền lực ức hiếp nhân dân. Không thể chấp nhận tình trạng cơ sở tự đặt ra những quy định riêng, gây phiền hà, tạo kẽ hở cho kẻ xấu nhũng nhiễu dân. Để khắc phục tình trạng đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã ra chỉ thị "Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở", Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX) đã ra nghị quyết "Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn". Mỗi tổ chức đảng, mỗi đảng viên cần quán triệt và thực hiện tốt các nghị quyết này, coi đó là một phương hướng quan trọng, một nhiệm vụ cấp bách của việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay, nâng cao năng lực tổ chức vận động quần chúng của mỗi người.

c) Gắn nâng cao chất lượng đảng viên với xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở cơ sở, ở từng cấp.

Phẩm chất đạo đức, trình độ nhận thức, kiến thức của người đảng viên quyết định ở bản thân mỗi người, nhưng vai trò của tổ chức, của môi trường hoạt động cũng cực kỳ quan trọng.

Trước hết, *tổ chức đảng* phải mạnh, tạo môi trường tốt tạo ra các điều kiện, chuẩn mực, thước đo khách quan cho đảng viên phấn đấu, rèn luyện.

Bảo đảm sự đúng đắn của nghị quyết; lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng; phát triển kinh tế - xã hội đúng định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng tổ chức đảng và nhà nước trong sạch, vững mạnh là điều đảm bảo không thể thiếu đối với sự hình thành, phát triển tư cách người cộng sản.

Tổ chức đảng phải thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng, xây dựng và duy trì tốt hệ thống quy chế tổ chức và sinh hoạt đảng, chú trọng công tác giáo dục, quản lý đảng viên. Phải đánh giá, phân loại đảng viên trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, thực hiện nhiệm vụ được giao, chấp hành chính sách và pháp luật, quan hệ với quần chúng. Đánh giá, phân loại đảng viên phải kết hợp việc tự đánh giá với đánh giá của tập thể, của cấp trên, của quần chúng. Xây dựng chế độ, nền nếp học tập, sinh hoạt đảng, chế độ công khai tài sản, thu nhập của đảng viên, đặc biệt là các đảng viên có chức quyền, ở vị trí dễ tham nhũng, biến của công thành của riêng, biến tài sản công thành công cụ phục vụ lợi ích của cá nhân mình. Quản lý được các nguồn thu nhập của đảng viên là vấn đề then chốt để ngăn chặn tham nhũng, tha hóa của đảng viên, hướng đảng viên vào phấn đấu vì dân, vì nước.

Tổ chức đảng phải xây dựng và thực hiện tốt nền nếp kiểm tra, quản lý đảng viên. Quản lý ở đây không phải là sự trói buộc, kiềm chế đối với đảng viên. Quản lý của Đảng trước hết là trách nhiệm của tổ chức đối với các thành viên của mình để bảo vệ cho từng đảng viên, nhắc nhở, giữ cho đảng viên không lệch lạc, quá đà, không sa ngã. Công tác quản lý đảng viên phải luôn đổi mới, đúng nguyên tắc, phạm vi, làm sao để mỗi đảng viên tự giác quản lý mình trước hết, tổ chức đảng nắm chắc các diễn biến của đội ngũ đảng viên mình và có biện pháp giúp đỡ từng người nhận rõ ưu điểm, thế mạnh để phát huy, phát hiện ra khuyết điểm, sai lầm để sửa chữa.

Tổ chức đảng thật sự trong sạch, vững mạnh là tiền đề, là cơ sở để mỗi đảng viên trưởng thành. Muốn thế, tổ chức đảng phải xây dựng nội dung, chế độ sinh hoạt đảng phù hợp yêu cầu chung và tình hình cụ thể của đơn vị. Phải đổi mới nội dung sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ. Sinh hoạt cấp ủy trước hết là điều kiện để nâng cao hiệu quả lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy. Sinh hoạt chi bộ phải thường xuyên, thiết thực và hiệu quả. Nội dung, cách thức sinh hoạt chi bộ phải đổi mới, tránh công thức nặng nề, để sinh hoạt chi bộ thật sự là nơi tập hợp sức mạnh, tập hợp trí tuệ, tập hợp uy tín, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo cho đảng viên và tổ chức đảng ở cơ sở. Sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đảng bộ phải phát huy được dân chủ, thực hiện tốt quy chế dân chủ, tự phê bình và phê bình, giải quyết những băn khoăn, vướng mắc của từng đảng viên, giúp đỡ lẫn nhau một cách thiết thực.

Công tác chi bộ phải được thể hiện qua việc nâng cao năng lực vận động và tổ chức, tập hợp quần chúng tham gia các phong trào cách mạng, "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

Là Đảng cầm quyền, mọi đường lối, chủ trương của Đảng được thực hiện chủ yếu bằng Nhà nước và qua các đoàn thể quần chúng. Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong thời kỳ mới không thể tách rời việc đảm bảo sự trong sạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của các cơ quan nhà nước và vai trò hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội.

Các tổ chức đảng, các cơ quan chức năng của Nhà nước phải tập trung chỉ đạo tiến hành cuộc đấu tranh chống tham nhũng và tiêu cực có hiệu quả. Cán bộ, đảng viên phải học tập, nắm vững và tổ chức thực hiện tốt *Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm; Luật khiếu nại, tố cáo của công dân; Quy chế dân chủ ở cơ sở* như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII của Đảng đã nhấn mạnh.

Các cấp ủy đảng phải coi trọng công tác tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến, nêu gương "người tốt, việc tốt", lên án cái xấu, cái ác, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu và các tệ nạn xã hội. Cán bộ, đảng viên trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế... phải gương mẫu tự rèn luyện, giữ gìn bản thân và gia đình, nêu gương trong quần chúng. Cùng với việc xây dựng gia đình văn hóa mới, sống hòa thuận, hạnh phúc, bình đẳng, đảng viên còn phải tích cực góp phần xây dựng thôn xóm, cụm dân cư sống và làm việc theo pháp luật, đoàn kết, thương yêu, đùm bọc nhau, tạo nên môi trường tốt để giữ gìn phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Tổ chức đảng phải lãnh đạo xây dựng các đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Đó cũng là môi trường thử thách, rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên. Đảng viên thể hiện vai trò của mình không chỉ trong tổ chức đảng, mà còn ở các tổ chức chính quyền, đoàn thể - nơi phát huy tác dụng lãnh đạo, gắn bó Đảng với dân; nơi xem xét, sàng lọc cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tình trạng Đảng bao biện, làm thay Nhà nước, vai trò thụ động của Mặt trận và các đoàn thể, sinh hoạt thiếu dân chủ trong hệ thống chính trị làm giảm hiệu quả hoạt động của phong trào quần chúng. Phải có phương thức lấy ý kiến quần chúng đánh giá, nhận xét tổ chức đảng, đảng viên một cách thiết thực, đúng đắn, chính xác. Dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, tránh tình trạng dân chủ hình thức, mị dân, dân chủ không giới hạn. Khẳng định nguyên tắc: lấy hiệu quả công tác,

lấy việc chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị làm tiêu chuẩn cơ bản hàng đầu đánh giá chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức đảng cơ sở, chất lượng của cơ quan chính quyền và đoàn thể nhân dân ở cơ sở.

d) Tất cả đảng viên đều phải được giao nhiệm vụ cụ thể.

Tổ chức đảng phải phân công, giao nhiệm vụ cho từng đảng viên. Phân công đảng viên đúng việc, đúng lúc, đúng môi trường là cách để thử thách, bồi dưỡng hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đảng viên. Qua công việc, qua môi trường hoạt động, người đảng viên mới bộc lộ nhận thức, lập trường, thái độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức. Tạo điều kiện đưa đảng viên tham gia các công tác thực tiễn, đồng thời xác định rõ nhiệm vụ của đảng viên là phải gắn với thực tiễn, qua thực tiễn để rèn luyện mình. Đảng viên cần tham gia các hoạt động chính quyền, đoàn thể, lấy các hoạt động đó làm nơi liên hệ với quần chúng, để thực hành công tác vận động, gây ảnh hưởng trong quần chúng. Phân công đảng viên tham gia các công tác chính trị - xã hội còn tạo điều kiện tiếp cận thông tin chính thức để đảng viên tham gia công tác tư tưởng, tuyên truyền và cổ động. Đảng viên trong độ tuổi lao động phải tham gia lao động (lao động chân tay, lao động quản lý, lao động khoa học - kỹ thuật, lao động lãnh đạo, điều hành, vận động quần chúng). Đối với đảng viên về hưu, hết sức lao động phải giữ vững khí tiết cộng sản, đạo đức đảng viên, phát huy vai trò tích cực trong việc giáo dục, uốn nắn, điều chỉnh nhận thức, hành vi của con cháu trong gia đình, dòng họ, cộng đồng...

Giao việc, phân công nhiệm vụ đảng viên còn để rèn luyện tính tổ chức kỷ luật, rèn luyện bản chất giai cấp công nhân cho đảng viên, tạo điều kiện để quần chúng giám sát, giúp đỡ tổ chức đảng và từng đảng viên.

Trong thực tế hiện nay có mấy trường hợp mà các tổ chức cơ sở đảng gặp lúng túng khi phân công nhiệm vụ cho đảng viên:

Một là, đối với các đảng viên là cán bộ lãnh đạo trung cao cấp sinh hoạt tại chi bộ cơ sở. Các đồng chí này thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và bận nhiều công việc, đảm đương các trọng trách, nên thường có ít thời gian để có thể gánh vác các công việc cụ thể của chi bộ. Đối với các đồng chí đó, một mặt, chi bộ và tổ chức cơ sở đảng không nắm được nhiệm vụ, công việc cụ thể và mức độ hoàn thành của từng đồng chí; mặt khác, chi bộ thường ngại phân công các công việc của chi bộ, thậm chí luôn "xin ý kiến chỉ đạo", đồng chí tham gia sinh hoạt chi bộ là "quý hóa" rồi! Đúng là không nên máy móc, nhưng các chi bộ, đảng bộ cơ sở không quản lý gì đối với đảng viên là cán bộ cấp cao cũng là hữu khuynh. Đảng viên giữ cương vị cao càng phải tự

giác báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao và giữ gìn đạo đức cách mạng của mình và chủ động đề nghị chi bộ phân công nhiệm vụ. Trong trường hợp chi bộ không giao việc thì các đảng viên này vẫn có trách nhiệm tham gia ý kiến đóng góp cho các đảng viên khác về thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Hai là, nhiều chi bộ ở nông thôn có đông đảng viên, nhưng số các chức danh công tác đảng, chính quyền, hợp tác xã, đoàn thể không nhiều. Có nơi dựa vào tình hình đó để nói rằng không có việc để phân công cho tất cả mọi đảng viên. Thật ra, nói như vậy không đúng. Đảng viên không nhất thiết cứ phải giữ một cương vị, đảm nhiệm một chức danh chính thức nào trong bộ máy của Đảng, chính quyền, đoàn thể. Còn rất nhiều công việc không chính thức, nhưng nếu có đảng viên đảm nhiệm, phụ trách thì rất tốt, như: trưởng và phó một dãy nhà, một nhóm hộ dân; tổ an ninh thôn xóm; tổ khuyến nông, tổ khuyến học; tổ hòa giải; phụ trách mấy gia đình chậm tiến; nhận giáo dục mấy thanh thiếu niên hư; v.v... Chi ủy, chi bộ có thể nghĩ ra rất nhiều việc để phân công đảng viên, tùy theo điều kiện, khả năng của từng người.

Ba là, đối với đảng viên nghỉ hưu, mất sức, thương bệnh binh được phân công công việc, nhưng họ không hoàn thành thì sao? Về chế độ lao động, những người này được quyền nghỉ ngơi. Nhưng về sinh hoạt đảng, không có sự phân biệt đảng viên đương chức và đảng viên hưu. Vấn đề là tổ chức đảng phải căn cứ vào hoàn cảnh, tình trạng sức khỏe của từng đảng viên để phân công nhiệm vụ, vì được phân công công việc là quyền của đảng viên. Đảng viên hưu nào vì lý do cá nhân không thể đảm đương được nhiệm vụ nặng nề, khó khăn hoặc hoàn toàn không thể tham gia công tác xã hội được thì phải báo cáo tổ chức đảng, được tổ chức đảng cho giảm, hoãn hoặc miễn hẳn công tác. Còn khi đã nhận nhiệm vụ thì bắt buộc phải hoàn thành, nếu không hoàn thành thì phải xem xét như mọi đảng viên trẻ tuổi khác.

Bốn là, đối với đảng viên công tác ở các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội, sự nghiệp... được giới thiệu về tham gia sinh hoạt đảng, giữ mối liên hệ thường xuyên với chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi cư trú. Đảng quy định bắt buộc các đảng viên thuộc loại này phải tham gia sinh hoạt đảng ở các tổ chức đảng cơ sở nơi mình công tác, đồng thời thực hiện Quy định số 76/QĐ-TW ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị khóa VIII, Điều 2 Điều lệ Đảng quy định: Đảng viên có nhiệm vụ "tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở"; nhiều cấp ủy đảng giới thiệu đảng viên đang công tác ở các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, đơn vị kinh tế nhà nước và lực lượng vũ trang về tham gia sinh hoạt đảng, thường xuyên giữ mối liên hệ với

tổ chức đảng, đoàn thể nhân dân, tổ dân phố và đảng viên ở nơi cư trú; việc này đem lại hiệu quả tốt, được đảng viên hưởng ứng và quần chúng hoan nghênh. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn công tác quản lý đảng viên, cần nâng cao chất lượng công tác này; các tổ chức đảng cơ sở theo địa bàn cần tổ chức cho đảng viên đang công tác ở các cơ quan hiện đang sống ở khu dân cư, có đóng góp thiết thực và chịu sự giám sát của cả tổ chức đảng, đoàn thể, chính quyền nơi cư trú.

đ) Mở rộng dân chủ, thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng nghiêm túc, đúng nguyên tắc và phương pháp.

Đảng viên chỉ có thể phát huy được vai trò của mình trong tổ chức đảng thật sự dân chủ, tự do tư tưởng, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Sự thống nhất ý chí và hành động, sức mạnh của kỷ luật và kỷ cương của Đảng chỉ có ý nghĩa khi nó được dựa trên cơ sở dân chủ thật sự, sau khi đã được bàn bạc kỹ lưỡng trong chi bộ đảng, với sự tham gia của mọi đảng viên, bao gồm cả đảng viên không giữ chức vụ đảng. Sinh hoạt dân chủ trong Đảng còn là trường học để bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên, qua đó mỗi người học tập thêm ở đồng chí mình, biết việc gì nên làm, việc gì nên tránh. Công khai, dân chủ cũng là điều kiện quan trọng để tránh mọi sự nghi ngờ lẫn nhau, những sự khuất tất có thể dẫn đến những khuyết điểm.

Để mở rộng dân chủ, người đứng đầu và cấp ủy đảng phải chủ động công khai hóa các vấn đề đặt ra trước tổ chức đảng - cả thuận lợi và khó khăn, cả ưu điểm và khuyết điểm, cả sự chỉ đạo của cấp trên và ý kiến của quần chúng; động viên mọi đảng viên tích cực suy nghĩ, nêu cao tinh thần trách nhiệm thảo luận, đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn vào công việc chung của Đảng, tranh luận đến cùng đối với các vấn đề phức tạp và các ý kiến còn khác nhau; kết luận vấn đề một cách khách quan, không áp đặt, theo đúng nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số và quy định của Đảng về bảo lưu ý kiến.

Đảng ta luôn khẳng định tự phê bình và phê bình là nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt và xây dựng Đảng, là vũ khí sắc bén để bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên. Tuy nhiên, không ít cán bộ, đảng viên quan niệm: tự phê bình là tự mình nói cái xấu, khuyết điểm của mình; phê bình là vạch cái sai của người khác, là đấu tranh không khoan nhượng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* và nhiều bài nói, bài viết khác, Bác Hồ đã giải thích: "Tự phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của mình"; "phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của đồng chí mình"; "tự phê bình và phê bình phải đi đôi với nhau". Nói cách khác, tự phê bình là bản thân tự nhận thức, tự nhìn thấy ưu điểm của mình để phát huy, thật thà nhận lỗi và đề ra biện pháp

sửa chữa khuyết điểm để tiến bộ. Tự mình soi mình chưa đủ, phải nhờ đồng chí góp ý, giúp chỉ ra cả ưu điểm, vạch rõ khuyết điểm của mình. Phê bình là giúp đồng chí thấy các điểm mạnh để phát huy, thấy các điểm yếu để sửa chữa và thấy trách nhiệm của mình hỗ trợ đồng chí sửa chữa. Tự phê bình và phê bình phải đi đôi với nhau, vì đó là một thể thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau vừa phát huy cái tốt vừa loại trừ cái xấu, xây dựng đồng chí, xây dựng tổ chức.

Thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII Đảng ta đã và đang tiến hành việc tự phê bình và phê bình. Tuy nhiên, để cuộc vận động đạt chất lượng và hiệu quả cao, cần nắm vững mục tiêu, yêu cầu, phương châm, phương pháp tự phê bình và phê bình.

Điều cốt lõi là xây dựng động cơ trong sáng, phương pháp đúng đắn trong tự phê bình và phê bình. Phải có động cơ đúng, vượt lên trên quan hệ cá nhân bình thường để vì tổ chức vững mạnh, vì sự trưởng thành của cả đội ngũ mà tiến hành thường xuyên, có chất lượng việc tự phê bình và phê bình. Không thể có được hiệu quả tự phê bình và phê bình bằng việc lấy chủ nghĩa cá nhân chống chủ nghĩa cá nhân. Tự phê bình và phê bình trong Đảng còn là sự thiêng liêng, cao cả giữa những người đồng chí, những người cùng đội ngũ. Phải có tình thương yêu đồng chí, tự hào, vui mừng trước mặt tốt của đồng chí mình; chia sẻ, xót xa trước sai lầm của đồng chí; lấy thành tích, sự tiến bộ của đồng chí mình làm bài học, làm tấm gương để mình rèn luyện.

Mục đích của tự phê bình và phê bình là để cùng tiến bộ, phát triển, để thống nhất ý chí và hành động, đoàn kết, gắn bó trong tổ chức. Trong đấu tranh phê bình phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên; trung thực, thẳng thắn, đúng đắn, không khoan nhượng, nhưng phải biết chờ đợi nhau. Chờ đợi để người phê bình và người được phê bình có thời gian điều chỉnh, có thực tiễn chứng minh, để lẽ phải có sức thuyết phục, khuyết điểm, sai lầm sáng rõ, có hướng sửa chữa. Tự phê bình và phê bình trong Đảng là sinh hoạt nội bộ của những người đồng chí cầu tiến bộ, chính vì vậy tự phê bình và phê bình là một nội dung thực hiện dân chủ đầy đủ trong Đảng. Trong tổ chức, mọi người được quyền nói hết ý kiến, nhưng chỉ phát biểu trong tổ chức, không phát ngôn ra ngoài theo ý riêng, càng không chấp nhận "giữ tiếng trong họp, trả miếng ngoài hè". Hiện tượng các vụ việc tiêu cực của cán bộ, đảng viên hầu hết do quần chúng và các cơ quan ngôn luận phát giác, đưa ra ánh sáng thực chất là đảng viên đều biết, chỉ có đảng viên trong nội bộ mới biết, nhưng do không dám đấu tranh hoặc sợ bị trù dập nên đảng viên cung cấp thông tin cho quần chúng, mượn tiếng các cơ quan thông tin để tố cáo. Đây

là biểu hiện rất không lành mạnh, nếu không muốn nói là đáng báo động đối với một Đảng cách mạng chân chính, cần được khẩn trương khắc phục.

Điều lệ Đảng ghi rõ: "Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng". Bảo lưu ý kiến là bảo lưu sự khác nhau về nhận thức, đánh giá chủ trương, chính sách, biện pháp. Bảo lưu là để chờ có nhận thức mới, có thực tiễn mới chứng minh để điều chỉnh, nắn lại, chứ tuyệt nhiên không chấp nhận sự bảo lưu ý kiến trái lý tưởng, Cương lĩnh, Điều lệ Đảng mà khi đứng dưới cờ Đảng mỗi đảng viên đã thề tuyệt đối trung thành, chấp nhận và thực hiện. Không thể chấp nhận mượn cớ bảo lưu ý kiến để phát tán quan điểm trái với nghị quyết của tập thể, truyền bá, lôi kéo người khác đồng tình với những tư tưởng sai trái của mình, chia rẽ nội bộ, tiếp tay cho kẻ thù. Ngay từ khi Đảng chưa có chính quyền, vào năm 1939, trong cuốn *Tự chỉ trích,* Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã chỉ rõ: Mỗi đảng viên đều có nghĩa vụ và có quyền được phê bình những khuyết điểm của Đảng. Nhưng tự phê bình và phê bình trong Đảng phải có nguyên tắc, phải nhằm mục đích tăng cường sự thống nhất trong Đảng, củng cố và nâng cao uy tín của Đảng, giáo dục quần chúng và giáo dục đảng viên, đưa phong trào tiến lên. Không thể tự phê bình và phê bình theo lối đặt cá nhân mình lên trên Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại Đảng, gieo mối hoài nghi trong quần chúng, gây bè phái, chia rẽ hàng ngũ Đảng.

Đảng ta mạnh trên cơ sở đội ngũ đảng viên vững vàng, trong sạch. Không có chuyện tổ chức mạnh chỉ nhờ vào một số người. Quan tâm đến mọi người, có trách nhiệm với mọi người là một đặc trưng của người cộng sản.

Phải tạo một môi trường lành mạnh trong Đảng cho công tác tự phê bình và phê bình. Trên tình đồng chí, đoàn kết, yêu thương mà giúp đỡ nhau tiến bộ. Không bao che khuyết điểm, không cục bộ, bè cánh, nhưng không "đao to, búa lớn", truy chụp, định kiến, trù úm, trả thù. Tôn trọng nhau, lắng nghe nhau là nền tảng để phát động tự phê bình và phê bình đạt hiệu quả. Tự phê bình và phê bình cộng sản không có người thua và kẻ bại, mà là sự hiểu biết nhau hơn, cảm thông và quý trọng nhau hơn, giúp đỡ và học hỏi nhau nhiều hơn, làm sao để đồng chí mình thoải mái nhìn nhận ra khuyết điểm, phấn khởi, tự hào với ưu điểm. Phát hiện điển hình, nhân tiên tiến, người tốt, việc tốt phải bắt đầu từ trong Đảng.

Việc làm gương thực hiện tự phê bình và phê bình của cấp trên, của các đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý, thủ trưởng các cấp có giá trị thuyết phục,

thúc đẩy rất lớn tự phê bình và phê bình trong Đảng. Tấm gương của cán bộ cấp trên, tổ chức cấp trên không chỉ ở sự nghiêm túc, hiệu quả tự phê bình và phê bình, mà còn bảo vệ những người đúng, trung thực trong đấu tranh, không bao che, "ô dù" và kiên quyết xử lý nghiêm minh kẻ cơ hội, vi phạm, lộng hành. Đối với những vụ việc phức tạp ở cơ sở - nhất là các vụ tham nhũng, thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, cấp trên và các cơ quan chức năng phải điều tra, làm rõ và có kết luận công khai làm cơ sở để tiến hành tự phê bình và phê bình sát đúng.

2. Những biện pháp chủ yếu.

a) Bảo đảm cho đường lối của Đảng luôn đúng đắn. Đây là điều kiện cơ bản, quyết định.

Bảo đảm đường lối chính trị đúng đắn, giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng là vấn đề đặc biệt quan trọng. Đối với Đảng Cộng sản, đường lối chính trị là ngọn cờ chiến đấu của Đảng, còn bản chất giai cấp công nhân - mà Đảng là đội tiên phong của giai cấp - có vai trò như máu nuôi sống cơ thể Đảng. Đường lối chính trị sai, bản chất giai cấp công nhân bị phai nhạt thì nhất định Đảng sẽ chuyển hóa thành một đảng khác, các tổ chức đảng và đảng viên cũng mất phương hướng. Do vậy, việc giữ bản chất giai cấp công nhân và đảm bảo đường lối chính trị đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trên lập trường giai cấp đúng đắn, nhất quán, phù hợp với thực tiễn là cơ sở xuất phát để xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ đảng viên trong mọi thời kỳ.

Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta đã qua nhiều chặng đường phát triển của cách mạng nước ta. Thực tiễn mấy chục năm qua cho thấy, vấn đề cốt lõi của mỗi kỳ đại hội và hội nghị Trung ương của Đảng vẫn là làm thế nào bảo đảm sự đúng đắn của đường lối chính trị, bảo đảm giữ vững lập trường giai cấp công nhân trong xác định các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, chiến lược và sách lược cách mạng trong mỗi thời kỳ. Tình hình càng phức tạp, có tính bước ngoặt lịch sử thì vấn đề giai cấp, vấn đề quan điểm chính trị lại được đem ra bàn luận. Trước tình hình hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng, sụp đổ một mảng lớn, trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới có sự tranh luận về lập trường giai cấp và đường lối chính trị, Đảng ta nhấn mạnh phải nâng cao lập trường giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở lý luận, nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng của mình, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chính đường lối chính trị đúng đắn, lập

trường giai cấp công nhân vững vàng của Đảng ta đã tập hợp được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động tích cực tham gia vào công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, lao động sáng tạo, vừa giữ vững ổn định về chính trị, vừa tranh thủ phát triển kinh tế, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước phát triển.

Hơn 15 năm đổi mới thắng lợi là khóa đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên rất tốt, cung cấp cho đất nước một lực lượng cán bộ, đảng viên vừa có phẩm chất và năng lực, vừa có ý chí, có nghị lực vượt khó khăn để tiến lên. Một bộ phận cán bộ, đảng viên lúc đầu cũng hoang mang, dao động, thậm chí có người đòi thay đổi lập trường giai cấp, đòi điều chỉnh đường lối chính trị, thì nay đã có thể nhìn nhận lại chính mình, tự trang bị thêm cho mình cái nhìn sâu sắc hơn vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Chính sự đảm bảo đúng đắn về đường lối chính trị, sự kiên định lập trường giai cấp công nhân là chỗ dựa vững chắc cho lòng tin và ý chí sắt đá của người cộng sản. Đường lối đổi mới của Đảng từ Đại hội VI đến Đại hội IX là nhất quán, từng bước được bổ sung và hoàn chỉnh hơn. Việc nghiên cứu và vận dụng đường lối đó của Đảng trong thực tế đã làm phong phú kinh nghiệm công tác, năng lực tư duy sáng tạo của đảng viên. Mỗi người có mức độ trưởng thành khác nhau, nhưng nhìn chung đều cảm thấy tự tin hơn trong nhìn nhận tình hình đất nước và đời sống quốc tế, trong nắm bắt tình hình và xử lý các công việc được giao.

Kiên trì bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là thước đo cơ bản đánh giá đường lối chính trị và lập trường giai cấp của Đảng. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận, là vũ khí tư tưởng, là hệ thống phương pháp luận giúp Đảng ta xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, trong mọi tình huống không đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội khoa học, do đó không đi chệch ra ngoài lập trường giai cấp công nhân. Trong suốt thời kỳ đổi mới, trong các văn kiện của Đảng cũng như trên diễn đàn tư tưởng - lý luận, Đảng ta đã, một mặt, khẳng định vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; mặt khác, đã tiến hành cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận một cách kiên quyết để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện mới. Chính là thông qua việc đấu tranh này, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta nhận thức sâu sắc hơn những quan điểm cách mạng và hệ thống lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức sâu hơn về tính chất quyết liệt và phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp, cuộc đấu tranh ý thức hệ trong thời đại hiện nay; nhận rõ bản chất và âm mưu, thủ đoạn của các thế lực đế quốc phản động và bọn chống phá cách mạng.

Nhìn tổng thể toàn bộ quá trình đổi mới ở nước ta, từ việc hoạch định đường lối, chính sách cho đến sự chỉ đạo thực hiện đường lối trên thực tế, rõ ràng là Đảng ta thực sự có bước trưởng thành về mọi mặt, hầu hết đảng viên cũng được nâng lên về trình độ, phẩm chất và trí tuệ. Toàn Đảng đang chứng tỏ năng lực lãnh đạo vững vàng đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới.

Bước vào thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo cho đất nước tiến bước nhanh và vững chắc lên chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI, vượt qua những bất trắc và thách thức của thời đại, việc bảo đảm cho Đảng luôn có đường lối, chủ trương và quyết sách đúng đắn là không dễ, nhưng nó có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với việc giữ vững và phát huy vai trò của đội ngũ đảng viên. Đảng có sức mạnh là nhờ có tổ chức chặt chẽ; tổ chức lại phải dựa trên sự thống nhất mục tiêu, lý tưởng, sự đúng đắn của đường lối. Đường lối sai thì đảng viên sẽ mất phương hướng, không còn lý do để bảo vệ Đảng, không còn cơ sở để đoàn kết đội ngũ, để tổ chức thành lực lượng. Chỉ nhìn việc kẻ thù chú trọng chống phá học thuyết Mác - Lênin, đả kích đường lối của Đảng hòng chia rẽ Đảng cũng đủ biết sự kiên định hệ tư tưởng và tính đúng đắn của đường lối chính trị có ý nghĩa như thế nào đối với các tổ chức và đảng viên trong toàn Đảng.

Đường lối chung của Đảng, chủ trương của các cấp ủy và tổ chức đảng được đề ra một cách khoa học, phù hợp với thực tế, hợp lòng dân là tiền đề quan trọng bậc nhất để xây dựng đội ngũ đảng viên cả về nhận thức chính trị, lập trường giai cấp, bản lĩnh cách mạng và về phẩm chất đạo đức, phong cách công tác. Nhưng, để có đường lối đúng lại phải dựa vào chính trí tuệ, nhiệt tình cách mạng, tinh thần trách nhiệm của cả đội ngũ đảng viên; phải luôn *mở rộng dân chủ trong Đảng*. Tất cả đảng viên đều có điều kiện và có trách nhiệm tham gia ý kiến đóng góp, thảo luận một cách thẳng thắn vào quá trình xây dựng các nghị quyết, quyết định của Đảng từ tổ chức đảng cơ sở đến cấp trung ương, đó là cách tốt để buộc đảng viên phải học tập, nâng cao trình độ lý luận, hiểu biết thực tiễn, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng; khi nghị quyết đã được thông qua, thì đảng viên không bỡ ngỡ mà đã nắm được tinh thần từ trước, đã hiểu được các khía cạnh liên quan đến nghị quyết.

Đối với tổ chức cấp ủy đảng các cấp dưới, để có nghị quyết, chủ trương đúng, phải quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Trung ương Đảng, các chính sách và pháp luật của Nhà nước, đồng thời phải rất coi trọng việc tổng kết thực tiễn. Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) chỉ rõ: "Coi tổng

kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành". Đương nhiên, để tổng kết thực tiễn có chất lượng phải có lý luận và có phương pháp khoa học.

b) Đánh giá, phân loại, xây dựng kế hoạch giáo dục đảng viên.

- Vấn đề đánh giá, phân loại đảng viên.

Việc đánh giá, phân loại đảng viên phải được các chi bộ, đảng bộ tiến hành hàng năm hoặc 6 tháng một lần, gắn liền với sinh hoạt tự phê bình và phê bình tại các tổ chức cơ sở đảng. Công việc này được tiến hành theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, công khai, thể hiện nếp sinh hoạt lành mạnh, một phương thức xây dựng Đảng trên cơ sở tự phê bình và phê bình trong nội bộ tổ chức đảng.

Tuy nhiên, trong thực tế, bên cạnh những cơ sở đảng làm tốt cũng còn nhiều cơ sở đảng làm một cách qua loa, hình thức, kết quả bình xét hàng năm thì đa số đảng viên được xếp loại I, nhưng chất lượng chung của tổ chức đảng lại yếu; không ít đảng viên nhiều năm liền được xếp loại ưu tú, nhưng sau đó lại bị phát hiện là có sai phạm nghiêm trọng... Bên cạnh các cơ sở đảng sử dụng hình thức này rất hiệu quả trong việc rèn luyện đảng viên và xây dựng đoàn kết nội bộ, cũng có cơ sở đảng sử dụng hình thức này một cách nặng nề, dẫn tới mất đoàn kết, gây bè kéo cánh, làm yếu tổ chức cơ sở đảng.

Trong điều kiện mới, thực hiện chủ trương điều động, luân chuyển cán bộ, việc đánh giá cán bộ, đảng viên lại càng đặt ra với tinh thần nghiêm túc, khách quan, phản ánh đúng tình hình chất lượng cán bộ, đảng viên. Có như vậy cơ quan tổ chức điều động cán bộ và nơi cán bộ chuyển tới sẽ có căn cứ để bố trí sử dụng cán bộ được đúng và trúng, phát huy tốt năng lực cán bộ.

Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII), việc đánh giá cán bộ kết thúc nhiệm kỳ, hoặc khi thuyên chuyển công tác khác phải được thực hiện theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, kết luận theo đa số. Trách nhiệm trong việc đánh giá, phân loại đảng viên thuộc về cấp ủy của tổ chức đảng cơ sở và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Bản thân đảng viên phải tự đánh giá mình và trình bày ý kiến hoặc bảo lưu ý kiến của mình (nếu khác với ý kiến chung) để trình lên trên, nhưng phải chấp nhận ý kiến kết luận chung.

Đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với những đặc điểm: đa dạng ngành nghề, phức tạp về tính chất công việc; chuyên môn hóa sâu hơn; giao lưu, hợp tác rộng hơn và với cả những đối tác khác nhau về ý thức hệ, về mục đích chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội. Đảng viên phải làm việc, công tác trong nhiều lĩnh vực như vậy. Thực tiễn đó đòi hỏi Đảng phải bổ sung và hoàn thiện hệ thống các căn cứ, tiêu chí đánh giá, phân loại đảng viên cho phù hợp tình hình mới. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng yêu cầu: "Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên"[1]. Theo đó, phải khắc phục cách đánh giá đảng viên một cách chung chung, vừa hình thức, vừa không sát với sự phấn đấu, rèn luyện của đảng viên và do đó không động viên được đảng viên phấn đấu vươn lên, không có kế hoạch bồi dưỡng những mặt thiếu, mặt yếu cho từng đảng viên, không có kế hoạch sát hợp trong xây dựng và nâng cao chất lượng đảng viên.

Đánh giá, phân loại đảng viên trong tình hình mới không những phải căn cứ vào đặc thù của lĩnh vực mà đảng viên công tác (kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng...), mà còn phải chú ý tới đặc điểm từng vùng (thành thị, nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa...). Nổi lên trong tất cả các tiêu chí đánh giá, phân loại đảng viên là những gì thể hiện ở họ đức tính tiên phong gương mẫu, vai trò xung kích, tinh thần đấu tranh không khoan nhượng để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối và kỷ luật của Đảng, bảo vệ quyền lợi cho những người lao động chân chính, dám hy sinh cả lợi ích riêng tư của mình khi tổ chức đảng và nhân dân yêu cầu. Những người đảng viên nắm những cương vị trọng trách trong các công tác của Đảng, Nhà nước, quân đội, ngoại giao cần phải có những phẩm chất "giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục", như lời Bác Hồ đã dạy.

Cần thực hiện nghiêm túc Hướng dẫn số 10-HD/TCTW ngày 30-10-2002 của Ban Tổ chức Trung ương về đánh giá chất lượng đảng viên; trong khi đảm bảo các yêu cầu chung, phải tùy đặc điểm của lĩnh vực, địa bàn công tác mà vận dụng cho sát hợp với từng cơ sở đảng. Cần có một số tiêu chí riêng cho những đảng viên làm những nhiệm vụ đặc biệt.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2001, tr. 143.

- Vấn đề xây dựng kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng đảng viên.

Vấn đề này thường được đặt ra, nhưng trong một số lĩnh vực chưa chú trọng đúng mức, có thời kỳ công tác này ở nhiều nơi rất trì trệ, không có chương trình, kế hoạch cụ thể chưa chủ động, vẫn mang tính chắp vá.

Trên cơ sở phân loại đảng viên, từng cấp ủy đảng phải có kế hoạch bồi dưỡng đảng viên cho từng nhiệm kỳ công tác. Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ đảng viên phải lấy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, lấy các quy định trong Điều lệ Đảng về nhiệm vụ của đảng viên làm căn cứ. Từ nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ và công tác đảng viên mà xây dựng kế hoạch bồi dưỡng từng loại đảng viên.

Nội dung giáo dục, bồi dưỡng đảng viên phải toàn diện cả về đạo đức và năng lực; trong năng lực phải bao gồm cả nhận thức lý luận chính trị, kiến thức văn hóa, khoa học - kỹ thuật, hiểu biết chính sách, luật pháp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, các kiến thức về Đảng và kỹ năng công tác đảng.

Trong xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đảng viên cần chú ý sự điều chỉnh cơ cấu đảng viên theo hướng phát triển của lực lượng lao động xã hội. Hiện nay, nước ta vẫn là một nước nông nghiệp, lao động trong nông nghiệp nông thôn chiếm gần 80%. Nhưng, đến năm 2020, theo định hướng phát triển đất nước, nước ta sẽ phấn đấu cơ bản thành một nước công nghiệp. Như vậy, tỷ lệ lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp khác sẽ chiếm tỷ lệ 60 - 70%; lực lượng lao động trí thức tăng lên gấp 4 - 5 lần so với hiện nay. Tình hình đó đòi hỏi công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ đảng viên phải đón trước được quá trình điều chỉnh cơ cấu lao động, tăng cường công tác này trong các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, nhất là các ngành nghề mới, nhưng tương lai sẽ phát triển mạnh.

Các cơ quan nghiên cứu về xây dựng Đảng cần xúc tiến sớm việc tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học về công tác đảng viên trong các loại hình sản xuất và dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức quần chúng khác nhau để có các chương trình, nội dung giáo dục, bồi dưỡng thích hợp cho những đảng viên ở đó.

c) Xây dựng hệ thống quy chế tổ chức, sinh hoạt đảng và quản lý đảng viên.

Việc xây dựng hệ thống quy chế về tổ chức, sinh hoạt đảng, về quản lý đảng viên, về chế độ khen thưởng, kỷ luật đảng viên sau khi đã có Điều lệ

Đảng, có ý nghĩa đặc biệt cần thiết. Hiện nay, trong nền kinh tế nhiều thành phần, việc áp dụng những quy chế cũ có những điểm cứng nhắc và cũng có những mặt lỏng lẻo. Đối với các cơ sở đảng trong các thành phần kinh tế, cần có kế hoạch khảo sát, đánh giá và đề xuất những quy chế quản lý đảng viên thích hợp. Tinh thần cơ bản của việc xây dựng hệ thống quy chế sinh hoạt đảng là nhằm nâng cao sức mạnh của tổ chức đảng, tăng cường năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng, phát huy vai trò tiên phong của đảng viên. Đảng mạnh ở tính tổ chức và thật sự là một hệ thống tổ chức khoa học, chặt chẽ, có hiệu lực. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức và đảng viên của mình. Mọi tổ chức đảng và đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Đảng có chế độ sinh hoạt định kỳ, nội dung rõ ràng, không lẫn lộn với sinh hoạt chính quyền.

Việc quản lý đảng viên là người theo đạo, đảng viên đi làm ăn sinh sống ở xa, đảng viên ở các doanh nghiệp chưa có tổ chức cơ sở đảng đang là những thực tế đòi hỏi rằng ta phải bổ sung vào quy chế sinh hoạt và quản lý đảng viên.

Việc quản lý đảng viên là người theo đạo cần thực hiện đúng nguyên tắc, nhưng không vi phạm quyền tự do tín ngưỡng của họ. Tuy nhiên, đảng viên này cần phải báo cáo với tổ chức, đồng thời tích cực tuyên truyền trong đồng bào theo đạo đường lối của Đảng, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, chính sách đại đoàn kết các dân tộc và tôn giáo, phê phán việc lợi dụng tôn giáo để thực hiện ý đồ chính trị xấu hoặc phản động. Thông qua chế độ báo cáo tự phê bình và phê bình để quản lý đảng viên đó.

Với đảng viên làm ăn ở xa, trong thời hạn dài thì phải vận dụng chế độ báo cáo bằng văn bản, lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đảng nơi đến làm ăn, có sự cam kết với tổ chức cơ sở đảng về việc giữ vững phẩm chất, đạo đức của người đảng viên trong việc làm ăn của mình và đóng đảng phí đầy đủ. Có thể có hình thức giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời, tạm miễn, hoãn phân công công tác và sinh hoạt đảng cho các đảng viên này.

Với đảng viên ở các doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng thì phải ghép sinh hoạt với tổ chức đảng nơi cư trú hoặc một chi bộ thuận tiện cho sinh hoạt.

Gắn sinh hoạt đảng với hoạt động của đơn vị sản xuất, với phong trào quần chúng tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý đảng viên là hình thức sinh hoạt đã phát huy tác dụng rất tốt. Gắn sinh hoạt đảng với hoạt

động sản xuất, học tập, công tác là tạo cho sinh hoạt đảng có nội dung thiết thực, buộc đảng viên gắn việc rèn luyện và phấn đấu của bản thân với việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, với các phong trào, các hoạt động xã hội khác. Đây cũng là điều kiện để quần chúng học tập ở đảng viên, noi gương đảng viên và phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Gắn sinh hoạt đảng với sinh hoạt của quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý cho đảng viên là hình thức sinh hoạt hiệu quả để rèn luyện đảng viên một cách toàn diện, để đảng viên có dịp tiếp xúc đối thoại với quần chúng, vận động quần chúng và chịu sự giám sát của quần chúng, thực hiện tốt nhiệm vụ vận động quần chúng.

Hiện nay, gắn sinh hoạt đảng với hoạt động sản xuất, với phong trào quần chúng tham gia xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp tư bản tư nhân là việc khó khăn, thậm chí ở các doanh nghiệp thuộc Nhà nước quản lý khi đã giao khoán hoặc cổ phần hóa cũng dẫn tới tình trạng lúng túng trong tổ chức sinh hoạt đảng. Tình hình đó đòi hỏi phải đổi mới nội dung, tìm tòi hình thức sinh hoạt sao cho phù hợp. Cần sớm tổng kết thực tiễn để rút ra kinh nghiệm vận dụng trong tất cả các doanh nghiệp liên kết, liên doanh, tư bản tư nhân, cổ phần hóa... Trong mọi trường hợp, nhất thiết không được để tổ chức đảng bị vô hiệu hóa hoặc bị lợi dụng trở thành vật che chắn cho những việc làm với mục đích xấu. Muốn vậy, hệ thống tổ chức đảng cấp trên cần cử cán bộ có trình độ và kinh nghiệm theo dõi, giúp đỡ các cơ sở đảng ở những đơn vị này.

d) Tăng cường công tác kiểm tra đảng, bảo đảm sự trong sạch của đội ngũ đảng viên, bảo vệ nội bộ Đảng, nâng cao uy tín của Đảng.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhiều thành phần, mở cửa, hội nhập quốc tế..., công tác kiểm tra đảng có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng. Trong điều kiện mới, phải phát huy mạnh mẽ sự sáng tạo, tính chủ động trong cương vị công tác mà đảng viên được giao, tăng cường tính tự chịu trách nhiệm của họ đối với hiệu quả: công việc, đánh giá đúng chất lượng, hiệu quả việc làm của đảng viên, thông qua kiểm tra để tìm ra ưu điểm, khuyết điểm và có biện pháp xử lý, điều chỉnh kịp thời. Hoạt động kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng giúp cho việc thực hiện tránh sai sót, điều chỉnh chủ trương, chính sách cho phù hợp hơn.

Những biện pháp cần chú trọng để đổi mới công tác kiểm tra trong tình hình hiện nay là:

- Tăng cường năng lực, hiệu lực bộ máy kiểm tra đảng.

Các cấp ủy đảng cần tự mình kiểm tra hoặc sử dụng các ban để tổ chức kiểm tra một cách thường xuyên. Bộ máy kiểm tra phải được kiện toàn, đặc biệt phải bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho cán bộ kiểm tra. Tránh tình trạng điều động, bố trí cán bộ làm công tác kiểm tra chỉ nặng về phẩm chất đạo đức. Bộ máy kiểm tra phải được kiện toàn ở tất cả các cấp. Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra một cách chu đáo, bao gồm cả lý luận chính trị, quan điểm của Đảng, nghiệp vụ kiểm tra và các kiến thức về kinh tế, luật pháp, hành chính. Đội ngũ đó phải bao gồm những cán bộ, đảng viên thật sự công tâm, trong sạch và có khả năng tiến hành kiểm tra từ việc chấp hành đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đến kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

- Phối hợp giữa tổ chức đảng với cơ quan chính quyền và các tổ chức xã hội khác để kiểm tra đảng viên, bảo vệ Đảng.

Để tăng hiệu lực bộ máy kiểm tra đảng, cần kết hợp chặt chẽ với hoạt động của thanh tra nhà nước, thanh tra nhân dân, kiểm tra của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức đảng trong khối nội chính để có kết luận đúng đắn, thống nhất đối với các vụ việc xảy ra. Hiện nay, bộ máy thanh tra nhà nước, thanh tra nhân dân nhìn chung còn yếu. Có ngành, có địa phương bộ máy thanh tra hầu như không có hiệu lực. Cần luân chuyển cán bộ thanh tra giữa các vùng, các ngành với nhau để giải tỏa cho cán bộ thanh tra những vướng mắc do khách quan và chủ quan trong xử lý công việc. Tăng thêm quyền hạn cho các ban thanh tra. Tạo cơ chế xem xét, kết luận và xử lý nhanh hơn để hỗ trợ cơ quan thanh tra thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Kiểm tra đảng phải thực sự đóng vai trò định hướng đối với thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân vì sự trong sạch, vững mạnh của Đảng.

Sự phối, kết hợp trong công tác kiểm tra bao gồm:

+ Sự phối hợp ngang: giữa các tổ chức đảng cùng cấp, do cấp ủy chỉ đạo và trực tiếp điều hành. Ví dụ: giữa Ủy ban kiểm tra Trung ương với các Ban cán sự Đảng của Thanh tra Nhà nước, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, Đảng đoàn Tổng liên đoàn lao động...

+ Sự phối hợp dọc: giữa Ủy ban kiểm tra và cấp ủy cấp trên với Ủy ban kiểm tra và cấp ủy cấp dưới.

+ Sự kết hợp trong thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra.

Ví dụ: kết hợp kiểm tra tổ chức đảng với kiểm tra đảng viên, với giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đảng viên công tác trong một cơ quan nhất định, quan hệ với quần chúng trong những tổ chức nhất định như công đoàn, phụ nữ, hội, tổ dân phố... Mọi hoạt động của đảng viên đều có thể được quần chúng theo dõi, chú ý và - ở một mức độ nào đó - họ xem xét, kiểm tra hoạt động của đảng viên. Chính vì vậy, khi tiến hành kiểm tra đảng, cần phối hợp với các tổ chức đảng trong các cơ quan chính quyền và các tổ chức xã hội để nắm đầy đủ thông tin, ý kiến nhận xét, nhất là đối với các vụ việc liên quan đến quản lý đất đai, nhà cửa, tài chính, quan hệ xã hội... của đảng viên. Đặc biệt, phải chú trọng ý kiến của tập thể, đại biểu cho các cấp chính quyền và tổ chức xã hội có liên quan. Cố gắng thu thập thông tin nhiều chiều, đầy đủ. Đồng thời, khi phân tích phải cân nhắc; xem xét độ tin cậy, tính chính xác của thông tin được cung cấp, phân biệt đâu là dư luận, phỏng đoán, đâu là sự thật.

Việc phối hợp giữa tổ chức đảng với các tổ chức khác để tiến hành thanh tra, kiểm tra và bảo vệ nội bộ đảng cũng tùy từng vụ việc mà lựa chọn phương pháp, hình thức phối hợp. Phương châm chỉ đạo là mở rộng dân chủ và hết sức thận trọng, có cách làm phù hợp để giữ gìn uy tín, danh dự cho đảng viên, bảo đảm tính chặt chẽ, nghiêm túc của kỷ luật Đảng.

- Gắn khen thưởng, kỷ luật đảng viên trong tổ chức đảng với khen thưởng, kỷ luật cán bộ trong cơ quan hành chính, sự nghiệp, trong các đoàn thể khác.

Gắn khen thưởng, kỷ luật đảng viên trong tổ chức đảng với khen thưởng kỷ luật cán bộ về mặt hành chính thường được tiến hành trong dịp kết thúc một năm công tác, hoặc một nhiệm kỳ đại hội. Riêng các trường hợp xử lý kỷ luật đảng viên gắn với xử lý kỷ luật hành chính đối với cán bộ thường tiến hành vào thời điểm và kết quả xử lý vụ việc mà cán bộ, đảng viên đó vi phạm. Cần có sự phối hợp giữa tổ chức đảng với tổ chức chính quyền để xem xét mức độ khen thưởng, kỷ luật thỏa đáng. Mức độ khen thưởng, kỷ luật ở tổ chức đảng và ở tổ chức chính quyền, đoàn thể không nhất thiết như nhau, nhưng thường có liên quan với nhau. Vì thế, nên lấy việc khen thưởng, kỷ luật của tổ chức đảng làm một điều kiện xét khen thưởng, kỷ luật của tổ chức chính quyền, của các đoàn thể có liên quan và ngược lại.

- Trong kiểm tra đảng viên, phải đặc biệt chú ý phát hiện, ngăn chặn các biểu hiện tư tưởng cơ hội trong Đảng.

Quy luật khách quan của sự vận động và phát triển của Đảng là phải thường xuyên phát hiện và vạch rõ những biểu hiện có tính cơ hội về mặt tư tưởng, quan điểm và hành vi trong nội bộ Đảng, kiên quyết đấu tranh chống các khuynh hướng cơ hội về cả lý luận, quan điểm, tổ chức và lối sống, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Trên thực tế, cần đặc biệt cảnh giác, vạch rõ những biểu hiện và biến tướng của tư tưởng cơ hội sau:

+ Tư tưởng cơ hội biểu hiện ở cách sống "gió chiều nào che chiều ấy", lập trường "trung gian", không tỏ rõ thái độ trong các cuộc đấu tranh tư tưởng, đấu tranh lý luận - chính trị nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, bảo vệ thành tựu của chủ nghĩa xã hội, phê phán các học thuyết tư sản phản động, phê phán các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù tư tưởng.

+ Trong đơn vị thì xuê xoa, không khen, không chê để lấy lòng. Trước gương và việc làm tốt của đảng viên khác, của đồng nghiệp không có tinh thần ủng hộ, mà lại dè bỉu. Trước các hiện tượng tiêu cực và cá nhân có hành vi xấu, tiêu cực cũng không tỏ ý phê phán, không góp ý xây dựng...

+ Trong công việc thiếu trung thực, báo cáo không đúng cả thành tích và khuyết điểm, thuận lợi và khó khăn; nói một đằng làm một nẻo, nói hay làm dở, hoặc không làm; lừa gạt đồng chí, đồng nghiệp; nịnh bợ cấp trên để leo cao. Đó là những con người thường khéo léo trong ngoại giao ban đầu, sẵn sàng xu nịnh để được việc, nhưng cũng sẵn sàng gạt bỏ người đã giúp đỡ mình, gạt người tốt ra hoặc vô hiệu hóa đảng viên tốt, người có trình độ cao.

+ Những tư tưởng cơ hội gắn với tư tưởng cục bộ địa phương, kéo bè kéo cánh, gây mất đoàn kết để "đục nước béo cò", tạo cơ hội gạt bỏ những phe cánh khác, gây cản trở cho việc xử lý các hành vi tham nhũng, chuyên quyền.

+ Sợ phát huy dân chủ, công khai, nhưng cũng rất nhiều thủ đoạn lợi dụng dân chủ, công khai để lôi kéo số đông ít hiểu biết phục vụ mưu đồ cá nhân là tiếm quyền, lũng đoạn tổ chức đảng.

+ Trong điều kiện xã hội phát triển đa dạng, tư tưởng cơ hội trong Đảng còn có thể là lợi dụng những sơ hở, non yếu của tổ chức cơ sở đảng và lợi dụng cơ chế quản lý còn lỏng lẻo của Nhà nước để trục lợi, làm rối tình hình.

Mỗi đảng viên và các cấp ủy đảng phải thường xuyên vạch rõ biểu hiện của tư tưởng cơ hội, tổ chức để chi bộ, đảng bộ và các tổ chức quần chúng đấu tranh có hiệu quả chống các biểu hiện trên.

- Xử lý kỷ luật Đảng đúng lúc, đúng mức, thể hiện tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng và tính giáo dục, cải tạo, giúp đỡ để đảng viên có điều kiện sửa chữa khuyết điểm.

Việc xử lý kỷ luật đối với tổ chức và cá nhân đảng viên vi phạm là thể hiện tính nghiêm minh của một Đảng cách mạng, là biện pháp bắt buộc để làm trong sạch và bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất đội ngũ Đảng, giữ uy tín và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội. Tuy nhiên, xử lý kỷ luật Đảng là việc làm mang tính giáo dục, có liên quan tới uy tín của Đảng, uy tín của đảng viên, nên phải thận trọng, nghiêm minh, đúng lúc và dựa trên sự tự giác.

Kỷ luật đảng viên phải được tập thể xem xét một cách khách quan, phân tích các nguyên nhân, các yếu tố dẫn đảng viên đến khuyết điểm để xử lý cho đúng, tránh oan ức, không qua loa, đại khái, giảm nhẹ khuyết điểm để đảng viên được dịp càng lấn tới vi phạm khuyết điểm trầm trọng hơn. Phải tham khảo ý kiến các cơ quan và tập thể quần chúng có liên quan, am hiểu về hành vi và nguyên nhân phạm khuyết điểm của đảng viên.

Mức kỷ luật phải được các cấp có thẩm quyền xem xét, sau khi đã điều tra, thẩm tra, xác minh kỹ lưỡng; trao đổi trực tiếp với người bị kỷ luật và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đảng viên để đảng viên bị kỷ luật nhận rõ mức độ vi phạm của mình và chấp nhận mức kỷ luật. Vấn đề là kỷ luật phải có tác dụng giáo dục, điều chỉnh suy nghĩ và hành động của đảng viên, làm tăng chất lượng đội ngũ của Đảng.

Kỷ luật đảng viên phải làm thận trọng, nhưng phải dứt điểm, tránh dây dưa, làm kéo dài thời gian chờ đợi của đảng viên và thời gian kỷ luật của các cơ quan hành chính có liên quan. Ngăn chặn và kỷ luật cả người chạy chọt, đút lót để thay đổi mức kỷ luật, gây hoài nghi cho quần chúng.

Kỷ luật không đúng phải minh oan, điều chỉnh và phục hồi uy tín, danh dự, phục hồi vị trí công tác cho đảng viên.

đ) Đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác bồi dưỡng kiến thức cho đảng viên.

Đào tạo, bồi dưỡng đảng viên là công tác được Đảng và Bác Hồ chăm lo từ khi Đảng ra đời. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định: Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng.

Khi đất nước chuyển giai đoạn thì công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên càng đặt ra cấp bách và thực hiện ở quy mô rộng và sâu hơn. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta thường xuyên mở các khóa đào tạo, bồi dưỡng đảng viên mới, đảm bảo tính kế thừa, chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ, đảng viên.

Bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đại hội VIII của Đảng đặt vấn đề học tập của cán bộ, đảng viên lên vị trí đặc biệt quan trọng. Nghị quyết Đại hội ghi rõ: "Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ. Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, những hiểu biết mới, cũng là biểu hiện của sự thoái hóa"[1]. Có thể thấy rằng, Đảng ta ý thức rất rõ tầm quan trọng của học tập để nâng cao năng lực trí tuệ, năng lực nhạy bén nắm bắt cái mới và hoạt động thực tiễn cho đảng viên. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ cũng xác định rõ: "Học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, đảng viên. Thực hiện chế độ học tập bắt buộc nhằm nâng cao trình độ mọi mặt, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn đội ngũ cán bộ"[2].

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong hệ thống các trường chính trị từ Trung ương tới cơ sở. Chú trọng xây dựng và chỉ đạo thực hiện theo các chương trình đào tạo, thiết thực và hiệu quả hơn. Có kế hoạch tập trung biên soạn giáo trình giảng dạy, tài liệu tham khảo cho người học ở các bậc học theo các chương trình đã được sửa đổi thống nhất trong toàn quốc. Trên cơ sở hiện đại hóa cơ sở vật chất, từng bước tăng quy mô số lượng, số lượt cán bộ, đảng viên được học tập qua hệ thống trường chính trị một cách chính quy, hiện đại. Phấn đấu để cán bộ, đảng viên học qua hệ thống trường chính trị được nâng lên một bước về trình độ lý luận chính trị, mở rộng tầm nhìn trong thế giới hiện đại với sự vận hành quản lý và sản xuất bằng công nghệ mới, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 140-141.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ III (khóa VIII)*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1998, tr. 89.

Các cấp ủy đảng, ban cán sự, đảng đoàn của các bộ, ngành, đoàn thể có trách nhiệm và kế hoạch tổ chức, quản lý và kiểm tra chế độ học tập của đảng viên. Nhà nước tạo điều kiện và đưa vào kế hoạch cấp kinh phí và điều kiện thuận lợi khác để đảm bảo thực hiện tốt công tác giáo dục lý luận chính trị, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên. Trong tuyển chọn, bố trí, đề bạt cán bộ phải bảo đảm các quy định về trình độ lý luận chính trị đối với mỗi chức danh nhất định.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX): "Cần đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lý luận, coi trọng chất lượng và tính hiệu quả. Tổ chức học tập một cách nghiêm túc, có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ nghĩa yêu nước và truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng. Phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học, dành nhiều thời gian cho việc tự học, tự đọc các tác phẩm lý luận và văn kiện của Đảng"[1].

Xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị cho các cấp học, các loại trường, đảm bảo trình độ giảng dạy và nghiên cứu tốt là nhiệm vụ cấp bách. Gắn hoạt động giảng dạy, học tập lý luận chính trị với nghiên cứu và triển khai các vấn đề lý luận trên thực tế. Chú trọng rèn luyện năng lực hoạt động thực tiễn của đảng viên, như nghiệp vụ công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng, công tác tổ chức các phong trào thi đua, lao động sản xuất và học tập, vấn đề quản lý kinh tế trong các loại hình doanh nghiệp, tổ chức đời sống văn hóa, xử lý các vấn đề xã hội trong đời sống tập thể, cộng đồng...

Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị cần được quy hoạch đào tạo riêng cho cả hệ thống trường chính trị của Đảng và hệ thống các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Giảng viên lý luận chính trị thực chất là những nhà sư phạm về chuyên ngành lý luận chính trị. Lý luận chính trị vốn là những kiến thức rất trừu tượng, đòi hỏi năng lực tư duy khái quát để tiếp nhận, nhưng khi vận dụng lại đòi hỏi sáng tạo và rất cụ thể. Giảng dạy lý luận chính trị không chỉ cần có nội dung tốt, mà cần có nghiệp vụ sư phạm thích hợp với người học. Hiện nay, việc giảng dạy lý luận chính trị, nhất là trong trường đại học và cao đẳng, còn bị gò ép, thiếu sức truyền cảm, do đó hiệu quả học tập thấp. Tình hình thực tế đòi hỏi phải có kế hoạch đào tạo riêng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 135-136.

loại giáo viên này. Nghiên cứu sâu hơn nữa vấn đề tính sư phạm trong học tập, giảng dạy về lý luận chính trị.

Đổi mới và tăng cường hoạt động giáo dục tư tưởng - chính trị trong toàn dân. Những nội dung giáo dục cần sắp xếp, soạn thảo sao cho thiết thực, nhẹ nhàng, phù hợp với trình độ phổ cập của nhân dân. Cần thông qua các hình thức sinh hoạt văn hóa - tinh thần, qua các con đường nhà trường, các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin nội bộ, qua sách báo, văn học - nghệ thuật, qua sinh hoạt các tổ chức đảng, đoàn thanh niên, phụ nữ, các hiệp hội quần chúng để lồng nội dung giáo dục chính trị - tư tưởng, nâng cao tình cảm cách mạng, lòng tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, vào sự lãnh đạo của Đảng. Cần nâng cao năng lực hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng của hệ thống tuyên giáo từ Trung ương đến cấp cơ sở. Xem xét về mặt tổ chức, có biên chế cán bộ chuyên trách cho công tác tư tưởng - văn hóa ở cơ sở xã, phường. Mặt khác, cần đẩy mạnh sinh hoạt các tổ chức đoàn thể, các hình thức câu lạc bộ, xây dựng và củng cố hệ thống thư viện, phòng đọc sách báo ở cơ sở. Gắn hoạt động của các đội thông tin tuyên truyền trung tâm huyện, quận với hoạt động phong trào quần chúng ở cơ sở phường, xã, phát huy vai trò nòng cốt của chi bộ, đảng bộ cơ sở đối với phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới của địa phương, đơn vị.

e) Thực hiện tốt công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên trong thực tiễn; qua thực tiễn mà mỗi đảng viên tự hoàn thiện thêm nhân cách người cộng sản.

Các cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta đều trưởng thành từ thực tiễn, lăn lộn với phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Một nhân cách lớn như Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có cuộc đời hoạt động thực tiễn hết sức phong phú, đa dạng, đầy gian nan. Chính thực tiễn đặt ra những vấn đề đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải suy nghĩ, học hỏi, nghiền ngẫm để nắm bắt đúng bản chất và giải quyết trúng mâu thuẫn của sự vật. Những kiến thức được trang bị trong nhà trường thông qua hoạt động thực tiễn mà thấm vào máu thịt, vào tư duy và hành động của đảng viên, nảy sinh những yêu cầu bổ sung thêm nhận thức, đặt ra vấn đề cho công tác nghiên cứu lý luận tìm tòi, khám phá. Đảng viên nào gắn việc học với hành, lý luận với thực tiễn một cách nhuần nhuyễn, lại được rèn luyện, thử thách ý chí, quyết tâm, năng lực sáng tạo và tính quyết đoán trong giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra sẽ trưởng thành nhanh, có một nhân cách cộng sản bền vững.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) nhấn mạnh: "Không đánh giá, sử dụng cán bộ một cách cảm tính, chủ quan. Mọi phẩm giá và bằng cấp, danh hiệu và chức vụ, tài năng và cống hiến đều phải được kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn"[1].

Đề cao việc học tập và rèn luyện trong thực tiễn, nhất là thực tiễn của phong trào cách mạng sôi động, chính là Đảng ta đã vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đảng viên: Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Thực tiễn là trường học lớn mà không qua đó khó mà trưởng thành, khó mà hoàn thiện những phẩm chất của người cán bộ, đảng viên cộng sản. Do vậy, cần có kế hoạch rèn luyện, thử thách đảng viên trong thực tiễn.

Tạo điều kiện đưa đảng viên tham gia các công tác thực tiễn. Xác định nhiệm vụ của đảng viên là phải gắn với thực tiễn, hướng vào thực tiễn để phục vụ, thông qua đó mà rèn luyện mình. Hiện nay, hầu hết đảng viên đều qua rèn luyện, trưởng thành trong thực tiễn. Vì vậy, chất lượng đảng viên tương đối tốt. Nhiều đảng viên mới, nhất là số kết nạp trong học sinh, sinh viên còn thiếu rèn luyện trong thực tiễn. Vì vậy, các cấp ủy, các cán bộ lãnh đạo cần có kế hoạch rèn luyện thực tế đối với số đảng viên này. Cần khắc phục tư tưởng, ngại đi vào thực tế, muốn an nhàn ở một số đảng viên. Gắn với thực tế cần trở thành một tiêu chuẩn và nhiệm vụ của đảng viên.

Đảng viên cần tham gia các hoạt động đoàn thể, lấy hoạt động đoàn thể làm nơi liên hệ với quần chúng, thực hành công tác vận động quần chúng, tập hợp họ vào thành khối đoàn kết thực hiện nhiệm vụ được giao. Những đảng viên đang còn tuổi đoàn cần tham gia sinh hoạt đoàn thanh niên để gây ảnh hưởng đối với thanh niên, vận động họ thực hiện mục tiêu của Đảng và phấn đấu vào Đảng. Đảng viên cũng cần tham gia các tổ chức quần chúng khác như công đoàn, phụ nữ, các hội có liên quan. Cần phê phán những đảng viên yên phận với danh hiệu đảng viên, không gần gũi quần chúng, không gây ảnh hưởng hoặc không tìm cách vận động họ tham gia các công việc xã hội.

Trong đời sống hàng ngày, đảng viên cần ghi nhớ phải sống và thể hiện là tấm gương sáng về lối sống, phẩm chất đạo đức của một người đảng viên. Cách sống và làm việc của đảng viên tốt có tác dụng thấm dần, ảnh hưởng

---

1. *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII)*, Sđd, tr. 77.

dần dần tới quần chúng. Vì vậy, thực hành lối sống của người đảng viên cần đặt ra thường xuyên, tự giác và mang tính mẫu mực.

Thường xuyên tuyên truyền gương đảng viên tốt, những bài học thành công của họ. Trong điều kiện cơ chế thị trường, lối sống có nguy cơ xuống cấp, chúng ta càng phải tăng cường tuyên truyền nêu gương, cổ vũ các điển hình đảng viên tích cực. Cần tuyên truyền một cách thường xuyên hơn nữa những tấm gương đảng viên giữ vững phẩm chất cộng sản ở mọi lúc, mọi nơi.

Xây dựng cơ chế chặt chẽ hơn về công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ đảng viên, nhằm hạn chế sai phạm, khuyết điểm, giúp họ khắc phục khuyết điểm. Thông qua đó, đảng viên khác có thể rút kinh nghiệm bổ ích cho mình. Kiên quyết đấu tranh chống lại âm mưu phá hoại tổ chức đảng, chống các thủ đoạn bóp méo, bôi nhọ hình ảnh người đảng viên cộng sản.

Phần thứ năm

ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X TRÍ TUỆ, ĐOÀN KẾT, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I.

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG, PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, SỚM ĐƯA NƯỚC TA RA KHỎI TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện Đại hội X của Đảng do Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày ngày 18 tháng 4 năm 2006)[1]

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời gian tới. Chủ đề của Đại hội là: "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển".

Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội các văn kiện: Báo cáo chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng; Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung

---

1. Báo Nhân dân, số 18515, ngày 19 tháng 4 năm 2006.

ương 6 (lần 2) khoá VIII trong nhiệm kỳ Đại hội IX và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX.

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhà trí thức đã đóng góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc. Sau khi dự thảo Báo cáo chính trị được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đầy tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển, Đại hội X đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhân sự đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống. Các văn kiện trình Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự đóng góp xây dựng quý báu ấy của đồng chí, đồng bào!

Thưa các đồng chí,

Sau đây, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

1. Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và nhìn lại 20 năm đổi mới.

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi cơ bản do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và *đã đạt những thành tựu rất quan trọng*:

Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm (2001-2005) là 7,5% và phát triển tương đối toàn diện. Văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập

pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, sự điều hành năng động của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá. Nhân dịp này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt biểu dương các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tầng lớp nhân dân đã lao động quên mình, góp phần đem lại những thành tựu rất quan trọng đó.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta còn nhiều *khuyết điểm và yếu kém:*

Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ chế, chính sách về văn hoá - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu.

Có những khuyết điểm đó là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ yếu là những nguyên nhân chủ quan như: Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới; một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chậm làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành. Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt, nhất là trong ba lĩnh vực: xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém về phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Những thành tựu trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX đã góp phần quan trọng vào thành tựu chung của 20 năm đổi mới.

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, *công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.*

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để *đi lên chủ nghĩa xã hội*, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Ban Chấp hành Trung ương rất vui mừng báo cáo với Đại hội, trong quá trình thảo luận và đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội lần này, trong Đảng và trong nhân dân, đã có sự nhất trí cao với đánh giá tổng quát: Những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX là *rất quan trọng*; những thành tựu của 20 năm đổi mới là *to lớn và có ý nghĩa lịch sử*.

Từ thực tiễn đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích luỹ thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra *một số bài học lớn* sau đây: *Một là*, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Hai là*, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là*, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. *Bốn là*, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Năm là*, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Thực tiễn chứng minh hùng hồn rằng, đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo thực hiện là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn của đất nước và giai đoạn hiện nay. Tại Đại hội này, Đảng ta khẳng định "tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới", một chủ trương được toàn dân ủng hộ và dư luận quốc tế đánh giá cao.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo có ý nghĩa to lớn của "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" (năm 1991) đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh*, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước 5 năm 2006-2010.

Thưa các đồng chí,

Trong những năm sắp tới, *trên thế giới,* hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển

nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Khoa học và công nghệ sẽ có những bước đột phá mới. Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp về lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Đồng thời, nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phải phối hợp giải quyết như khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; tình trạng môi trường tự nhiên bị hủy hoại, khí hậu diễn biến ngày càng xấu...

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001-2005) và 20 năm đổi mới (1986-2006) tạo thêm nhiều thuận lợi cho đất nước ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh hơn, chất lượng cao hơn. Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Những biểu hiện xa rời mục tiêu lý tưởng của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Thưa các đồng chí,

Từ sự phân tích các mặt nêu trên, chúng ta khẳng định rằng: những năm tới tuy khó khăn còn nhiều nhưng *đất nước ta có nhiều cơ hội để tiến lên.* Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc ta lúc này là phải *tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn.*

Năm năm 2006-2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân

tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trong chủ đề của Đại hội cũng như trong mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006-2010, "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển" là mục tiêu trực tiếp của Đại hội X. Như chúng ta đều biết, Đại hội IX đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 nhằm "đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Nay chúng ta nêu lên chữ *sớm* là thể hiện quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu chiến lược ấy trước năm 2010. Đây là điều mong ước thiết tha và là đòi hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nêu "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển" là thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay, đồng thời cổ vũ nhân dân ta vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc và quyết tâm cao để đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển không chỉ ở mức thu nhập thấp mà còn ở những lĩnh vực khác như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa tinh thần, chỉ số phát triển con người...

Việc thực hiện thắng lợi mục tiêu này, sẽ đánh dấu một bước phát triển mới trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với quyết tâm cao, chúng ta đề ra những chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong 5 năm 2006-2010, trong đó, quan trọng nhất là: đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp 2,1 lần so với năm 2000; mức tăng GDP bình quân đạt 7,5 - 8%/năm, phấn đấu đạt trên 8%/năm. Cơ cấu ngành trong GDP: khu vực nông nghiệp khoảng 15 - 16%; công nghiệp và xây dựng 43 - 44%; dịch vụ 40 - 41%. Tạo việc làm cho 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5%. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10 - 11%...

3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Thưa các đồng chí,

Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Trong 5 năm tới, chúng ta chủ trương tiếp

tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Để *hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,* điều cần thiết trước hết là nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Đó là: thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; hoàn thiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về nội dung, cần tiến hành đồng thời cả ba mặt:

- Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước. *Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển. Bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp...*

- Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh. *Cùng với việc phát triển mạnh* thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường sức lao động, *cần phát triển vững chắc* thị trường tài chính, *bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, cơ cấu hoàn chỉnh; phát triển* thị trường bất động sản, *bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực; phát triển* thị trường khoa học và công nghệ *trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển quốc phòng và an ninh) trở thành hàng hóa.*

- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh. *Các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.*

Chúng ta chủ trương xây dựng và thực hiện *Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp, xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam có sức cạnh tranh cao, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế và công ty lớn dựa trên hình thức cổ phần. Theo đó, cần tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa; đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể; phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân, đồng thời thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài.*

Về *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức*, chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển mạnh các ngành kinh tế và các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức.

Chúng ta chủ trương *đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân.* Phải phát triển toàn diện nông nghiệp, chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng các làng, xã, thôn, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh; hình thành các khu dân cư đô thị hóa với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí; chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ.

Trong việc *phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ*, chúng ta khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp bổ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế. Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế và các công ty xuyên quốc gia. Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng, xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh; đưa tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP.

Chúng ta chủ trương *phát triển kinh tế vùng* thông qua các chính sách phù hợp tạo điều kiện cho các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng; *phát triển kinh tế biển* theo một chiến lược toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta thành một quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.

Phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta phải phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới. Cố gắng đi ngay vào công nghệ hiện đại đối với một số lĩnh vực then chốt và từng bước mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế. Chú trọng đúng mức việc phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và ứng dụng công nghệ dùng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

4. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ.

Thưa các đồng chí,

Từ thực tiễn xây dựng đất nước mấy chục năm qua, chúng ta nhận thức ngày càng sâu sắc rằng, xã hội, văn hóa là những lĩnh vực thể hiện rõ nhất bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong những năm tới, cần đưa việc giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển văn hóa lên nhanh hơn nữa, tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế.

Về *xã hội*, chúng ta chủ trương kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, cống hiến với hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Chúng ta khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, đồng thời thực hiện có hiệu quả các chính sách xoá đói, giảm nghèo, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm dịch vụ công cộng thiết yếu, tạo điều kiện cho mọi người dân, kể cả người nghèo được đáp ứng nhu cầu về giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ, văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, tạo việc làm... Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ. Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, các chính sách ưu đãi xã hội.

Về *văn hóa*, chúng ta chủ trương tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra chất lượng mới của cuộc sống; xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Ba lĩnh vực cần tập trung thực hiện bằng được là: xây dựng môi trường, lối sống và đời sống văn hoá của mọi người dân ở cơ sở, phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân; khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm, công trình có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hoá, chú trọng các công trình văn hoá lớn, tiêu biểu.

Theo phương hướng ấy, cần tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử và di sản văn hoá; tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển; bảo đảm tự do dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hoá, văn học nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ, chăm sóc các tài năng văn hoá, nghệ thuật; đổi mới nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước về văn hoá...

Về *giáo dục và đào tạo*, chúng ta phấn đấu để lĩnh vực này cùng với khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu thông qua việc đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam. Những biện pháp cụ thể là: đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung, phương pháp dạy và học theo hướng "chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá". Phát huy trí sáng tạo, khả năng vận dụng, thực hành của người học. Đề cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội. Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học. Phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và hệ thống hướng nghiệp, dạy nghề. Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học; gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện miễn giảm việc đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Về *khoa học và công nghệ*, chúng ta phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội hướng vào việc tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. *Phát triển khoa học tự nhiên* theo hướng tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. *Phát triển công nghệ*, đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp với công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Chúng ta chủ trương *đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ* theo hướng Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư, huy động các thành phần kinh tế tham gia và đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Có chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa

học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước, ngoài nước và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

5. Tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Về *quốc phòng và an ninh,* cần thực hiện mọi biện pháp cần thiết, có hiệu quả để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hoá - tư tưởng và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Chúng ta chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân; đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố; tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, là lực lượng nòng cốt của sức mạnh quốc phòng - an ninh; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, luôn được nhân dân tin cậy, yêu mến.

Về *quan hệ đối ngoại*, chúng ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta chủ trương đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, đồng thời phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền; mở rộng công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả".

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Cụ thể là: chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác; chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và vượt qua những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

6. Phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc cần lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mọi

mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc; đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, giữ gìn sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội vì tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Các chính sách và pháp luật của Nhà nước phải nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư) đồng thời giữ vững kỷ cương xã hội và đạo lý dân tộc.

Chúng ta cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo; chú trọng chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, các doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, đồng bào định cư ở nước ngoài, v.v...

Đảng ta luôn coi *vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc* là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm *quyền tự do tín ngưỡng*, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước.

Thưa các đồng chí,

Thực hiện đại đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, vì thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là một nội dung trọng yếu trong chủ đề của Đại hội này, là quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa

các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân.

Nhà nước ban hành và bổ sung pháp luật để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật sát hợp với cuộc sống. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Về phần mình, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội quần chúng cần đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng hoạt động, khắc phục cho được tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.*

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước là đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều phải phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chúng ta chủ trương xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân, đặt mình dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Theo phương hướng đó, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, của Chính phủ, của các cơ quan tư pháp, đẩy mạnh cải cách hành chính

và cải cách tư pháp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp.

Tăng cường phòng ngừa và chống tham nhũng, lãng phí là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta, nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe doạ sự sống còn của chế độ ta.

Năm năm qua, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá IX trên lĩnh vực đấu tranh phòng và chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí... tuy đã đạt được một số kết quả, có tác dụng cảnh báo, răn đe, ngăn ngừa, kiềm chế nhất định nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được các tệ nạn đó.

Sắp tới, phải thi hành một cách kiên quyết và đồng bộ hệ thống các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, bao gồm: bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý kinh tế - tài chính, về thanh tra, kiểm tra; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy gọn nhẹ; bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức. Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bổ sung, sửa đổi Luật khiếu nại và tố cáo. Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai người tham nhũng bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; xử lý nghiêm những người bao che cho tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền; phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, lãng phí.

7. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Thưa các đồng chí,

Năm năm qua, trong quá trình lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, chú trọng cơ sở và địa

bàn trọng yếu, nhờ đó đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy vậy, nhìn chung, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cơ quan, tổ chức đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, giáo điều, bảo thủ, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức còn diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt, thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực lãnh đạo và chỉ đạo để giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn nhiều bất cập và thiếu tính thuyết phục, tính chiến đấu. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Công tác tổ chức và cán bộ còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Trong những năm tới, chúng ta phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Trước hết, *phải nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng,* kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn hoạt động của Đảng. Nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác tư tưởng trong Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp.

Hai là, *kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên,* làm cho mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ được sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, mỗi đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Phải kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng, thể chế hoá về mặt nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; gắn việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng.

Đảng ta chủ trương: đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương. Những quy định ấy cần sớm được ban hành và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả

năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách, phẩm chất đảng viên và bản chất của Đảng, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người thoái hoá, biến chất.

Ba là, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra. Mọi cán bộ, đảng viên có quyền bàn bạc, tham gia quyết định công việc của Đảng, đồng thời có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng. Lãnh đạo các cấp phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; hoàn thiện quy chế kiểm tra, giám sát trong Đảng; kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Bốn là, đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ. Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy khối ở Trung ương và cấp ủy các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan và người đứng đầu không rõ. Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, chất lượng tốt, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Có cơ chế, chính sách bảo đảm phát hiện, đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài, dù là đảng viên hay người ngoài Đảng. Cụ thể hoá, thể chế hoá nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

Năm là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hoá, cụ thể hoá thành Hiến pháp, pháp luật; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tiếp thu kết quả tổng kết 20 năm đổi mới, các công trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng để xem xét, bổ sung, sửa đổi một số điểm cần thiết, chín muồi.

Trong các vấn đề đề nghị bổ sung, sửa đổi lần này, có 3 vấn đề lớn là:

- Bổ sung cách diễn đạt về Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, *đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam;* đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc".

- Bổ sung điều khoản "Bầu Ủy viên Trung ương dự khuyết" nhằm cả hai mục đích là bồi dưỡng, đào tạo, tạo nguồn cán bộ cho Trung ương và thay thế Ủy viên Trung ương chính thức khi khuyết.

- Giao thêm chức năng giám sát cho cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, coi kiểm tra, giám sát trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy, gắn công tác kiểm tra với công tác giám sát, có giám sát mới phát hiện được các vấn đề mới, khắc phục được thiếu sót, khuyết điểm ngay từ lúc mới manh nha.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đất nước ta ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta xứng đáng được hưởng cuộc sống ngày càng ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

II.
DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ VÀ ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X[1]

ỦY VIÊN CHÍNH THỨC

1. Hoàng Tuấn Anh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch
2. Lê Hồng Anh, Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Công an
3. Lê Thị Thu Ba, Thứ trưởng Bộ Tư pháp
4. Lê Thị Bân, Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh
5. Huỳnh Văn Be, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre
6. Trịnh Long Biên, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên
7. Nguyễn Thái Bình, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh
8. Trương Hòa Bình, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
9. Võ Thanh Bình, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau
10. Đào Xuân Cần, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang
11. Nguyễn Văn Chi, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá IX
12. Nguyễn Văn Chiền, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước
13. Võ Minh Chiến, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Sóc Trăng
14. Vũ Tiến Chiến, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Bắc
15. Phạm Thị Hải Chuyền, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá IX

1. Báo Nhân dân, số 18522, ngày 26 tháng 4 năm 2006.

16. Trần Thị Kim Cúc, Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang
17. Nguyễn Thành Cung, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 7
18. Hoàng Xuân Cừ, Trưởng ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia
19. Đinh Văn Cương, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam
20. Hà Hùng Cường, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình
21. Nguyễn Quốc Cường, Trưởng ban Tài chính Quản trị Trung ương
22. Nguyễn Thị Doan, Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá IX, Phó Bí thư Đảng ủy khối I cơ quan Trung ương
23. Ngô Văn Dụ, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
24. Đào Ngọc Dung, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
25. Bùi Tiến Dũng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình
26. Hồ Nghĩa Dũng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
27. Lê Văn Dũng, Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
28. Nguyễn Tấn Dũng, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ
29. Trịnh Đình Dũng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
30. Mai Thế Dương, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn
31. Huỳnh Đảm, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
32. Trần Đình Đàn, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh
33. Chu Văn Đạt, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định
34. Phan Tấn Đạt, Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu
35. Nguyễn Văn Đẳng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng
36. Huỳnh Minh Đoàn, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp

37. Nguyễn Văn Được, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
38. Nguyễn Văn Giầu, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận
39. Vũ Hoàng Hà, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định
40. Hoàng Trung Hải, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
41. Lê Thanh Hải, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
42. Trần Lưu Hải, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình
43. Nguyễn Đức Hạt, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương
44. Trần Văn Hằng, Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương, Bí thư Ban Cán sự đảng ngoài nước
45. Hà Văn Hiền, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tây
46. Vũ Văn Hiền, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam
47. Nguyễn Văn Hiến, Phó Đô đốc, Tư lệnh Quân chủng Hải quân
48. Vũ Văn Hiến, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam
49. Phùng Quốc Hiển, Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái
50. Nguyễn Văn Hiện, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao
51. Đặng Văn Hiếu, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
52. Nguyễn Huy Hiệu, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
53. Nguyễn Thị Thanh Hòa, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
54. Phương Minh Hòa, Thiếu tướng, Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân
55. Vũ Ngọc Hoàng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam
56. Vũ Huy Hoàng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn
57. Lê Doãn Hợp, Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương
58. Bùi Văn Huấn, Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
59. Vương Đình Huệ, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước

60. Đinh Văn Hùng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

61. Nguyễn Sinh Hùng, Bộ trưởng Bộ Tài chính

62. Phạm Xuân Hùng, Trung tướng, Phó Giám đốc thường trực Học viện Quốc phòng

63. Võ Đức Huy, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Kinh tế Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương

64. Đinh Thế Huynh, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam

65. Nguyễn Tấn Hưng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

66. Nguyễn Văn Hưởng, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an

67. Nguyễn Tuấn Khanh, Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Nội chính Trung ương

68. Trương Quang Khánh, Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật

69. Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng Chính phủ

70. Hà Thị Khiết, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

71. Nguyễn Đức Kiên, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

72. Phan Trung Kiên, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

73. Vũ Trọng Kim, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Dân vận Trung ương

74. Ngô Xuân Lịch, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 3

75. Đào Tấn Lộc, Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên

76. Nguyễn Văn Lợi, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá

77. Uông Chu Lưu, Bộ trưởng Bộ Tư pháp

78. Trương Thị Mai, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa - Giáo dục - Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội

79. Hồ Xuân Mãn, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế

80. Vi Văn Mạn, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 1

81. Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khoá IX

82. Đặng Vũ Minh, Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

83. Nguyễn Tuấn Minh, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

84. Đỗ Hoài Nam, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam

85. Mai Văn Năm, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên

86. Nguyễn Thị Kim Ngân, Thứ trưởng Bộ Thương mại

87. Phạm Quang Nghị, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

88. Lê Hữu Nghĩa, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương

89. Nguyễn Khắc Nghiên, Trung tướng, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam

90. Phạm Khôi Nguyên, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

91. Huỳnh Thị Nhân, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

92. Nguyễn Thiện Nhân, Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

93. Hoàng Minh Nhất, Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang

94. Hà Sơn Nhin, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai

95. Vũ Văn Ninh, Thứ trưởng Bộ Tài chính

96. Nguyễn Thị Nương, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, Phó Chủ tịch kiêm nhiệm Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

97. Nguyễn Đình Phách, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên

98. Cao Đức Phát, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

99. Mai Quang Phấn, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 4

100. Hoàng Văn Phong, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

101. Tòng Thị Phóng, Trưởng ban Dân vận Trung ương

102. Phùng Hữu Phú, Phó Bí thư thường trực Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

103. Lê Hữu Phúc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị

104. Nguyễn Xuân Phúc, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

105. Võ Hồng Phúc, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

106. Giàng Seo Phử, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương

107. Ksor Phước, Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

108. Nguyễn Minh Quang, Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu

109. Nguyễn Phong Quang, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

110. Trần Đại Quang, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an

111. Hoàng Bình Quân, Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang

112. Lê Hoàng Quân, Phó Bí thư thường trực Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh

113. Nguyễn Việt Quân, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 9

114. Nguyễn Hồng Quân, Bộ trưởng Bộ Xây dựng

115. Nguyễn Tấn Quyên, Bí thư Thành ủy thành phố Cần Thơ

116. Bùi Thanh Quyến, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

117. Nguyễn Văn Quynh, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh

118. Tô Huy Rứa, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

119. Trương Tấn Sang, Trưởng ban Kinh tế Trung ương

120. Trương Văn Sáu, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long

121. Nguyễn Bắc Son, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên

122. Nguyễn Văn Son, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Đối ngoại Trung ương

123. Huỳnh Ngọc Sơn, Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 5

124. Sơn Song Sơn, Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Dân tộc

125 Thào Xuân Sùng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La

126. Tạ Ngọc Tấn, Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền, thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

127. Nguyễn Bá Thanh, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

128. Phùng Quang Thanh, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam

129. Trần Đình Thành, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

130. Nguyễn Thế Thảo, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh

131. Đinh La Thăng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam

132. Đào Trọng Thi, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội

133. Phạm Văn Thọ, Trưởng ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối I cơ quan Trung ương

134. Nguyễn Văn Thuận, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng

135. Niê Thuật, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Lắc

136. Lê Đức Thuý, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

137. Lê Thế Tiệm, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an

138. Trương Văn Tiếp, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Long An

139. Nguyễn Khánh Toàn, Thượng tướng, Thứ trưởng thường trực Bộ Công an

140. Huỳnh Phong Tranh, Phó Trưởng ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ

141. Nguyễn Minh Triết, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh

142. Nguyễn Quốc Triệu, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

143. Nguyễn Phú Trọng, Bí thư Thành ủy thành phố Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương

144. Trương Vĩnh Trọng, Trưởng ban Nội chính Trung ương

145. Mai Thế Trung, Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương

146. Nguyễn Thế Trung, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An

147. Trần Văn Truyền, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá IX

148. Trần Văn Tuấn, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương

149. Trương Quốc Tuấn, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang

150. Đặng Ngọc Tùng, Phó Chủ tịch thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

151. Phạm Minh Tuyên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương

152. Nguyễn Văn Tự, Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hoà

153. Huỳnh Văn Tý, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận

154. Đỗ Bá Tỵ, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân khu 2

155. Y Vêng, Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum

156. Hồ Đức Việt, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường của Quốc hội

157. Nguyễn Hoàng Việt, Bí thư Tỉnh ủy An Giang

158. Bùi Quang Vinh, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai

159. Ngô Đức Vượng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ

160. Trần Quốc Vượng, Phó Chánh Văn phòng thường trực Văn phòng Trung ương Đảng

ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT

1. Phan Thanh Bình, Thành ủy viên, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

2. Đỗ Văn Chiến, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

3. Mai Văn Chính, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Thủ Thừa, tỉnh Long An

4. Phạm Biên Cương, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tịnh Biên, tỉnh An Giang

5. Phan Xuân Dũng, Viện trưởng Viện Ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ
6. Võ Văn Dũng, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
7. Vũ Đức Đam, Thứ trưởng Bộ Bưu chính - Viễn thông
8. Bùi Thị Minh Hoài, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy Hà Nam
9. Điểu Kré, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắc Nông
10. Hầu A Lềnh, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
11. Nguyễn Hồng Lĩnh, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
12. Trần Thanh Mẫn, Thường vụ Thành ủy, Bí thư Quận ủy Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
13. Phạm Bình Minh, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức quốc tế - Bộ Ngoại giao
14. Võ Văn Phuông, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
15. Nguyễn Xuân Quang, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
16. Nguyễn Thanh Sơn, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
17. Đặng Thị Ngọc Thịnh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em
18. Võ Văn Thưởng, Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
19. Nguyễn Thị Kim Tiến, Viện trưởng Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh
20. Trần Cẩm Tú, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
21. Triệu Tài Vinh, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

BỘ CHÍNH TRỊ VÀ BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM KHOÁ X

BỘ CHÍNH TRỊ

1. Nông Đức Mạnh
2. Lê Hồng Anh
3. Nguyễn Tấn Dũng
4. Nguyễn Minh Triết
5. Trương Tấn Sang
6. Nguyễn Phú Trọng
7. Phạm Gia Khiêm
8. Phùng Quang Thanh
9. Trương Vĩnh Trọng
10. Lê Thanh Hải
11. Nguyễn Sinh Hùng
12. Nguyễn Văn Chi
13. Hồ Đức Việt
14. Phạm Quang Nghị

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X: NÔNG ĐỨC MẠNH

BAN BÍ THƯ

1. Nông Đức Mạnh
2. Trương Tấn Sang
3. Trương Vĩnh Trọng
4. Nguyễn Văn Chi
5. Phạm Quang Nghị
6. Lê Văn Dũng
7. Tòng Thị Phóng
8. Tô Huy Rứa

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

1. Nguyễn Văn Chi
2. Nguyễn Thị Doan
3. Trần Văn Truyền
4. Phạm Thị Hải Chuyền
5. Trần Hòa
6. Phạm Chí Hòa
7. Phạm Thị Hòe
8. Lê Hồng Liêm
9. Lê Văn Giảng
10. Nguyễn Văn Đảm
11. Sa Như Hòa
12. Nguyễn Minh Quang
13. Bùi Văn Thể
14. Tô Quang Thu

Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng khoá X: NGUYỄN VĂN CHI

III.
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM[1]

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 18 tháng 4 năm 2006 đến ngày 25 tháng 4 năm 2006 tại thủ đô Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010 và Báo cáo về công tác xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2. Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

3. Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X và các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng chương trình và kế hoạch hành động cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy truyền thống vẻ vang của toàn Đảng, toàn dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng,

---

1. Báo Nhân dân, số 18522, ngày 26 tháng 4 năm 2006.

phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2006

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS Trần Đình Huỳnh (chủ biên), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996.

2. PGS Trần Đình Huỳnh (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 1993.

3. PGS Lê Văn Lý (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002.

4. TS Nguyễn Quốc Bảo, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng,* Nxb Lao động, H. 2001.

5. Giáo trình, *Tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 2003.

6. TS Nguyễn Đình Lộc, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 1998.

7. PGS, TS Tô Huy Dứa - PGS, TS Trần Khắc Việt (đồng chủ biên), *Làm người cộng sản trong giai đoạn hiện nay,* Nxb Chính trị quốc gia, H. 2003.

8. TS Nguyễn Quang Phát (chủ biên), *Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - 60 năm thực hiện Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb Quân đội nhân dân, H. 2005.

9. C.Mác - Ph.Ăngghen, *Tuyển tập,* tập 1, Nxb Sự thật, H. 1962, tr. 17-68.

10. C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập,* tập 4, 17, 19, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995.

11. V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập 2, 4, 8, 17, 34, 39, 41, 43, 45, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1974.

12. Lênin: *Về vai trò làm chủ trong quản lý kinh tế,* Nxb Sự thật, Hà Nội.

13. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội từ 1998-2001.

14. Hồ Chí Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội,* Nxb Sự thật, H. 1960.

15. Hồ Chí Minh: *Về tư cách người đảng viên cộng sản,* Nxb Sự thật, H. 1983.

16. *Văn kiện Đảng* (từ 10-8-1935), Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, H. 1964.

17. *Nghị quyết hội nghị Trung ương 3 khoá VIII.*

18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X,* Nxb Chính trị quốc gia.

19. Đề tài KX.02.06, *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong điều kiện đã có chính quyền.*

20. Đề tài KHXH.05, *Tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện nền kinh tế thị trường nhiều thành phần với cơ cấu thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 7

Phần thứ nhất

HỌC THUYẾT CỦA MÁC - LÊNIN VỀ ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG 9

A. Tuyên ngôn Đảng Cộng sản 11

B. Quan điểm của Mác - Ăngghen về đảng cách mạng của giai cấp công nhân 50

C. Học thuyết về xây dựng Đảng kiểu mới của V.I.Lênin 60

Phần thứ hai

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG 83

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền 85

II. Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển học thuyết Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng 96

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền 147

IV. Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, đề phòng nguy cơ thoái hóa, biến chất 206

V. Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền trong sạch, vững mạnh 228

Phần thứ ba

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 265

I. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội 267

II. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới 368

Phần thứ tư

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ MỚI 421

I. Quan điểm của Mác - Lênin, Hồ Chí Minh và của Đảng ta về tiêu chuẩn người đảng viên cộng sản 423

II. Tình hình chất lượng đảng viên trong thời kỳ mới 450

III. Những nội dung cơ bản nâng cao chất lượng đảng viên trong thời kỳ mới 464

IV. Phương hướng và biện pháp chủ yếu nâng cao chất lượng đảng viên trong thời kỳ mới 498

Phần thứ năm

ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X: TRÍ TUỆ, ĐOÀN KẾT, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 545

I. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển 547

II. Danh sách Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng khóa X 567

III. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam 577

Tài liệu tham khảo 579

ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

(ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X)

Chịu trách nhiệm xuất bản
PHẠM QUANG ĐỊNH
Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM BÁ TOÀN
Biên tập
ĐẬU XUÂN LUẬN
Vẽ bìa: MAI THƠ Trình bày: LAN ANH
Sửa bản in: HÀ THẢO - THU THỦY - TRÀ MY - LAN ANH

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
23 Lý Nam Đế, Hà Nội, ĐT: 8455766 - 7470780; Fax: (04)7471106
Chi nhánh tại phía Nam
Số 8 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đa Kao,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; ĐT (069) 667452. (08) 9111563

ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

(ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X)

Bắt đầu in:	4 - 2006
In xong:	5 - 2006
Nộp lưu chiểu:	5 - 2006
Khổ sách:	19 x 27
Số trang:	584
Số lượng:	1.000
Số xuất bản:	285 - 2006/CXB/1 - 87/QĐND
Sắp chữ tại:	Nxb Quân đội nhân dân
In, đóng sách tại:	Công ty In Khoa học kỹ thuật
Số in:	120



ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

(ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X)

Giá: 295.000đ